

STEPHEN  
KING

TÊN SÁT NHÂN  
MERCED

ĐỒ TUẦN ANH dịch





*“Về khả năng thộp lấy cổ họng độc giả và không để cho họ có bất cứ lựa chọn nào khác ngoài miệt mài đọc tiếp, King không có đối thủ.”*

• **Guardian**

# GIỚI THIỆU

**M**ột buổi sáng sớm u ám tháng Tư, một chiếc Mercedes điên cuồng cày qua đám đông hàng trăm người thất nghiệp đang bồn chồn xếp hàng chờ đợi tại một hội chợ việc làm. Tám người chết, mười lăm người bị thương. Tên sát nhân máu lạnh biến mất tăm như thể đã bốc hơi khỏi mặt đất.

Cho đến một ngày, Hodges – thanh tra chính của vụ án – bất ngờ nhận được một bức thư khiêu khích từ thủ phạm của vụ thảm sát – tên Sát nhân Mercedes, và ông nhanh chóng nhận ra mình đã bị lôi kéo vào một cuộc chơi mèo vờn chuột với khoản đặt cược là tính mạng của hàng nghìn người dân vô tội.

Nhân vật Mr. Mercedes đại diện cho một tội ác chính đáng; nó không thể không nghe thấy tiếng vang trong những câu chuyện về những người đàn ông trẻ người Mỹ gặp khó khăn khác, những người đã nổ súng trong trường học đông đúc hoặc các rạp chiếu phim. King đã bóc tách từng lớp tâm lý của một kẻ giết người được hình thành như thế nào. Trích dẫn trong tiểu thuyết của King: *“Sự thật là bóng tối, và đó cũng chính là điều duy nhất mà những mọi vấn đề xoay vần. Cái ác như những lớp dao cứa vào da của nhân loại và để lại một vết sẹo. Quá khứ dần được hình thành và hiện tại chỉ đơn thuần là những mô sẹo.”*

Giải thưởng trinh thám của Mỹ Edgars được đặt tên cho nhà văn Edgar Allan Poe với những hoạt động được hơn 60 năm, với các giải thưởng tiểu thuyết hay nhất giành được trong quá khứ bởi Patricia Highsmith, John le Carré và Raymond Chandler.

# CHƯƠNG I

## CHIẾC MERCEDES XÁM

*Ngày 9-10 tháng Tư, 2009*

Augie Odenkirk có một chiếc Datsun đời 1997 vẫn hoạt động tốt dù đã chạy nhiều, nhưng xăng dầu thì đắt đỏ, nhất là với một người thất nghiệp, trong khi City Center thì ở tít mạn bên kia thành phố, vì vậy gã quyết định bắt chuyển xe buýt cuối cùng đêm đó. Gã xuống xe lúc mười một giờ hai mươi với chiếc ba lô trên lưng và cái túi ngủ cuộn tròn dưới một bên nách. Gã chắc mẫm đến ba giờ sáng sẽ được sương mê trong cái túi ngủ nhồi lông. Đêm vừa ấm ướt vừa rét buốt.

“Chúc may mắn nhé, anh bạn,” tay tài xế nói khi gã xuống xe. “Nhất định anh phải được gì đó vì là người đầu tiên có mặt.”

Chỉ có điều đâu phải thế. Khi Augie lên đến đỉnh của lối đi rộng và dốc đứng dẫn vào hội trường lớn, gã thấy một lối ít nhất cũng hơn hai chục người đã chờ sẵn ngoài cửa, vài người đứng, còn hầu hết là ngồi. Những cây cọc với dải băng KHÔNG BƯỚC QUA màu vàng đã được dựng lên, tạo thành một lối đi ngoằn ngoèo quặt ngược gấp đôi lại, như một mê cung. Augie đã quen với những thứ này ở các rạp chiếu phim và cái ngân hàng mà hiện gã đã rút quá cả số dư, và hiểu mục đích của chúng: để nhồi được càng nhiều người vào một không gian bé tí càng tốt.

Khi gã bước tới cuối hàng người đi xin việc chẳng mấy chốc nữa sẽ dài như một hàng vũ công conga<sup>[1]</sup>, Augie vừa ngạc nhiên vừa ái ngại khi thấy người phụ nữ cuối hàng mang theo một đứa bé đang ngủ trong chiếc địu Papoose. Hai má đứa trẻ đỏ ửng vì lạnh; mỗi nhịp thở ra lại kèm với tiếng khò khè nhẹ nhẹ.

Người phụ nữ nghe thấy tiếng bước chân hơi hối hả của Augie, và quay lại. Cô còn trẻ và cũng khá xinh xắn, dấu răng dưới mắt có quầng

thâm. Dưới chân cô là một chiếc túi xách nhỏ chần chỉ. Augie đoán đó là mớ đồ chăm trẻ em.

“Xin chào,” cô nói. “Chào mừng đến với Câu lạc bộ Chim Dậy Sớm.”

“Hy vọng chúng ta sẽ bắt được con sâu.” Gã tần ngần, rồi thềm nhủ có quái gì đâu cơ chứ, và chìa tay ra. “August Odenkirk. Augie. Tôi mới bị cho giảm biên chế. Đây là lối diễn đạt của thế kỷ hai mươi một để nói tôi bị tống cổ.”

Cô bắt tay gã. Cô có cái bắt tay rất chặt, mạnh mẽ và không chút rụt rè. “Tôi là Janice Cray, và niềm vui bé bỏng này của tôi là Patti. Tôi cũng mới bị cho giảm biên chế. Trước tôi làm quản gia cho một gia đình tử tế ở Sugar Heights. Ông ấy, ừm, là chủ một đại lý xe hơi.”

Augie nhăn mặt.

Janice gật đầu. “Tôi biết. Ông ấy nói rất tiếc phải cho tôi nghỉ, nhưng họ phải thắt lưng buộc bụng.”

“Chuyện đó xảy ra nhiều mà,” Augie vừa nói vừa thềm nghĩ, *Cô không tìm được ai giữ trẻ à? Không một người nào sao?*

“Tôi phải mang con bé theo.” Gã đoán Janice Cray chẳng cần đến khả năng đọc suy nghĩ người khác để biết gã đang nghĩ gì trong đầu. “Chẳng có ai nữa cả. Thực sự là không có ai. Cô bé cuối phố không thể nào trông suốt đêm cho dù tôi có đủ khả năng chi trả cho cô ấy đi nữa, mà tôi thì không trả nổi. Nếu không kiếm được việc, tôi không biết mẹ con tôi sẽ ra sao nữa.”

“Bố mẹ cô không trông con bé được à?” Augie hỏi.

“Họ sống ở Vermont. Tôi mà là người khôn ngoan thì đã đưa Patti về đó rồi. Quá tiện. Có điều là họ cũng có những vấn đề của mình. Bố tôi bảo nhà của họ cũng đang chết ngộp. Không phải theo nghĩa đen, họ không chìm dưới sông hay đại loại vậy, mà là vấn đề tài chính.”

Augie gật đầu. Chuyện đó xảy ra cũng nhiều mà.

Mấy chiếc xe đang đi ngược lên con dốc từ phố Marlborough, chỗ Augie vừa xuống xe buýt. Chúng rẽ trái, vào khoảng trống rộng mênh mông của bãi đỗ xe chắc chắn chỉ đến rạng sáng mai là kín chỗ... vẫn còn vài tiếng đồng hồ nữa Hội chợ Việc làm hằng năm lần đầu tiên của thành phố mới mở cửa. Chẳng chiếc xe nào trông còn mới. Những người lái đồ

xe, và từ trong hầu hết những chiếc xe đó ba hoặc bốn người kiếm việc bước ra, hướng về cửa hội trường. Augie không còn ở cuối hàng. Nó đã gần chạm đến chỗ ngoặt đầu tiên.

“Nếu tôi kiếm được việc, tôi có thể thuê một người giữ trẻ,” cô nói. “Nhưng đêm nay thì tôi và Patti phải xoay xở tạm vậy.”

Đứa bé bật ra một tiếng ho khan đặc mà Augie không để tâm, ngo ngậy trong cái điệu rôi lại nằm yên. Ít nhất thì đứa bé cũng được bao bọc kín; thậm chí tay còn đeo đôi găng hở ngón bé xíu.

Trẻ con mới gọi là khổ, Augie khó chịu tự nhủ. Gã nghĩ đến đợt hạn hán Dust Bowl, rồi đợt Đại suy thoái. Hừm, vụ này là đủ “đại” với gã rồi. Hai năm trước, mọi chuyện còn đang ổn.

Cũng không hẳn là gã sống phong lưu gì cho lắm, nhưng dù gì vẫn còn giạt gấu vá vai được, hầu như cuối tháng nào cũng đều còn lại chút đỉnh. Giờ thì mọi chuyện tệ như cứt. Người ta đã làm gì đó với tiền bạc. Gã chẳng hiểu là thế nào; trước kia gã là chân loong toong thuộc phòng vận chuyển của hãng Great Lakes Transport, và thứ mà gã biết là những tờ vận đơn và cách dùng máy tính để chia chuyển hàng hóa bằng tàu thủy, tàu hỏa và hàng không.

“Người ta nhìn thấy tôi mang theo một đứa trẻ rồi nghĩ là tôi vô trách nhiệm,” Janice Cray phân trần. “Tôi biết chứ, tôi nhận ra trên nét mặt họ ngay, tôi cũng thấy trên mặt anh nữa. Nhưng tôi còn làm gì được. Kể cả khi con bé cuối phố có thể ở trông cả đêm, thì cũng phải mất tám mươi tư đô la. Tám mươi tư! Tôi đã để dành riêng khoản tiền thuê nhà tháng sau, còn sau đó, tôi cháy túi.” Cô mỉm cười, và trong ánh sáng bóng đèn cao áp của bãi đỗ xe, Augie nhận ra những giọt nước mắt đọng lại trên mi cô. “Tôi lại khóc lóc rồi.”

“Không cần phải xin lỗi đâu, nếu đó là điều cô định làm.”

Hàng người đã qua cả góc quặt đầu tiên, và vòng cả trở lại chỗ Augie đang đứng. Và cô gái nói đúng. Gã thấy nhiều người nhìn chăm chăm vào đứa bé đang ngủ trong cái điệu.

“Ồ thì đúng thế mà, không sao. Tôi là một bà mẹ đơn thân chưa chồng không nghề nghiệp. Tôi muốn xin lỗi tất cả mọi người, vì tất cả mọi

chuyện.” Cô quay lại và nhìn tấm bảng rôn treo phía trên dãy cửa. BẢO ĐẢM 1000 VIỆC LÀM! Nó viết thế và phía dưới là: *Chúng tôi đứng bên người dân của thành phố chúng ta!* - THỊ TRƯỞNG RALPH KINSLER.

“Nhiều lúc tôi muốn xin lỗi về vụ Columbine<sup>[2]</sup>, rồi vụ 11 tháng Chín, rồi vụ Barry Bong dùng steroid.” Cô bật cười pha chút man dại. “Nhiều lúc tôi còn muốn xin lỗi về cả chuyện nổ tàu con thoi, mà hồi vụ đó xảy ra tôi còn đang tập đi.”

“Đừng lo,” Augie bảo cô. “Cô sẽ ổn thôi.” Đó là một trong những câu chúng ta vẫn nói.

“Tôi ước giá kể trời không ẩm ướt thế này, vậy thôi. Tôi bọc cho con bé thật kỹ phòng khi trời rét đậm, nhưng ẩm ướt thế này thì...” Cô lắc đầu. “Dù thế nào thì mẹ con mình cũng sẽ vượt qua, phải không Patti?” Cô mỉm cười tuyệt vọng với Augie. “Tốt nhất đừng có mưa.”

Trời không mưa, nhưng không khí mỗi lúc một ẩm ướt cho đến khi họ nhìn thấy những giọt nhỏ li ti treo lơ lửng trong quầng sáng hắt ra từ đèn cao áp. Đến một lúc Augie nhận ra Janice Cray đang ngủ đứng. Cô đứng lệch hông, vai rũ xuống, tóc phủ lòa xòa trước mặt còn cằm thì gần chạm vào xương ức. Gã nhìn đồng hồ và nhận ra đã ba giờ kém mười lăm.

Mười phút sau, Patti Cray tỉnh giấc và bắt đầu khóc. Mẹ con bé (bà mẹ nhí của con bé, Augie thầm nghĩ) giật nảy mình, bật ra một âm thanh như ngựa khịt mũi, ngẩng đầu lên và cố nhấc đứa bé ra khỏi chiếc địu. Ban đầu đứa trẻ không ra được; chân con bé bị kẹt. Augie nhảy vào, giữ hai bên chiếc địu. Khi Patti đã ra được, giờ đang khóc ré lên, gã nhìn thấy những giọt nước lấp loáng khắp trên cái áo khoác nhỏ xíu màu hồng và chiếc mũ đi kèm.

“Nó đói rồi,” Janice nói. “Tôi có thể cho nó bú, nhưng nó còn tè dầm nữa. Tôi sờ thấy qua cả lần tã. Chúa ơi, tôi không thể nào thay cho nó trong cái... nhìn xem trời sương mù chưa kìa!”

Augie tự hỏi con quỷ hài hước nào đã bố trí cho gã xếp hàng ngay sau cô ta. Gã cũng băn khoăn không hiểu người phụ nữ này sẽ xoay xử thế quái nào trong phần đời còn lại - suốt cả đời, chứ không chỉ trong khoảng mười

tám năm tới khi cô ta phải chăm lo cho đứa trẻ! Ra ngoài trong một đêm như thế này, chẳng có gì khác ngoài một túi bím tã. Khốn khổ khốn nạn đến thế là cùng!

Gã đã đặt túi ngủ của mình bên cạnh túi bím của Patti. Giờ thì gã ngồi xồm xuống, kéo dây buộc, trải túi ra, rồi mở khóa. “Chui vào trong này. Giữ ấm đi và giữ ấm cho nó. Rồi thì cô cần gì tôi sẽ chuyển cho.”

Cô vừa ngăn người nhìn gã, vừa bế đứa trẻ đang giẫy giụa khóc lóc. “Anh có gia đình chưa, Augie?”

“Ly dị rồi.”

“Con cái thì sao?”

Gã lắc đầu.

“Sao anh tốt với mẹ con tôi thế?”

“Vì chúng ta đang ở đây,” gã nói, và nhún vai.

Cô nhìn gã thêm một hồi nữa, đấu tranh tư tưởng, rồi trao đứa trẻ cho gã.

Augie giơ con bé ra trước mặt, thích thú trước khuôn mặt đỏ tía, giận dữ, bong bong nước trên cái mũi nhỏ xíu hếch ngược lên, hai chân quấy đạp trong cái quần đồng tã bằng vải flannel. Janice lồm cồm chui vào trong cái túi ngủ, rồi đưa tay ra. “Đưa giúp tôi con bé nào.”

Augie làm theo, và người phụ nữ luồn sâu hơn vào trong cái túi. Bên cạnh họ, nơi cái hàng người đã tự nhún đôi lên lần đầu tiên, hai thanh niên đang tròn mắt nhìn.

“Lo chuyện mình đi, mấy cha,” Augie nói, và họ nhìn đi chỗ khác.

“Anh đưa hộ tôi một cái tã được không?” Janice nói. “Tôi phải thay cho con bé rồi mới cho nó ăn.”

Gã quỳ một đầu gối xuống vỉa hè ướt nhoét và mở khóa cái túi chần chỉ. Gã thoáng ngạc nhiên khi tìm thấy những cái tã vải thay vì bên Pamper, rồi chột hiếu. Tã vải có thể dùng đi dùng lại. Có lẽ người phụ nữ này cũng không đến mức hoàn toàn là đồ bỏ đi.

“Tôi thấy có một chai Baby Magic nữa. Cô có cần dùng không?”

Từ bên trong chiếc túi ngủ, lúc này chỉ còn một chòm tóc màu nâu nhạt của cô gái thò ra: “Vâng, làm ơn.”



Gã đưa chiếc tã và lọ kem thoa vào trong. Cái túi ngủ bắt đầu xoắn vặn và lủng nhùng. Thoạt đầu tiếng khóc càng dữ hơn. Từ một trong những đoạn gấp khúc tíu phía dưới, lọt thỏm trong làn sương mỗi lúc một dày đặc, ai đó nói, “Cô không cho nó ngậm mồm vào được à?” Một giọng khác đế vào, “Ai đấy phải gọi Bảo trợ xã hội mới được.”

Augie chờ đợi, chăm chú nhìn cái túi ngủ. Cuối cùng nó cũng ngừng lục sục và một bàn tay thò ra, cầm một chiếc tã. “Anh cho nó vào trong túi được không? Có một cái túi nylon để đựng đồ bẩn.” Cô nhìn gã như một con chuột chũi từ trong hang nhìn ra. “Đừng lo, không phải đồ ị ra đâu, chỉ là tè thôi.”

Augie cầm cái tã, cho nó vào trong hai nylon (có chữ COSTCO in ở bên), rồi kéo khóa đóng cái túi bím tã lại. Tiếng khóc từ bên trong cái túi ngủ (cơ man này là túi, gã thầm nghĩ) tiếp tục cỡ khoảng một phút, rồi đột ngột im bật khi Patti bắt đầu bú trong bãi đỗ xe của City Center. Từ phía trên dãy cửa phải sáu tiếng nữa mới mở, cái băng rôn kêu soạt đúng một tiếng nã ruột. **BẢO ĐẢM 1000 VIỆC LÀM!**

Chắc chắn rồi, Augie nghĩ. Với cả, bạn không thể bị AIDS nếu bạn nạp nhiều vitamin C.

Hai mươi phút trôi qua. Thêm những chiếc xe đi lên dốc từ phố Marlborough. Thêm người đứng vào hàng. Augie nhắm tính hẳn phải có đến bốn trăm người đang đứng chờ sẵn. Với tốc độ này, chắc phải có đến hai nghìn người khi cửa mở lúc chín giờ, mà đấy mới chỉ là ước tính khiêm tốn nhất.

*Nếu có người bảo mình làm thợ chiên đồ ở MCDONALD’S, liệu mình có làm không?*

Có lẽ.

*Vậy còn làm người chào khách siêu thị Walmart thì sao?*

Úi giờ lại chẳng vồ lấy ngay ấy chứ. Cười toét miệng và *Hôm nay ông bà thế nào?* Augie nghĩ gã có thể chộp lấy một công việc chào khách ngay tức thì.

*Mình là người giỏi giao tiếp cơ mà, gã nghĩ bụng. Và bật cười.*

Từ chiếc túi: “Có gì buồn cười à?”

“Không có gì,” gã nói. “Đỡ đứa bé đi.”

“Tôi đang làm đây.” Thấp thoáng nụ cười trong giọng cô.

Đến ba rưỡi gã quỳ xuống, lật nắp che cái túi ngủ, và nhìn vào trong. Janice Cray đang nằm cuộn tròn, ngủ ngon lành, với đứa bé bên bầu sữa. Cảnh đó làm gã nhớ đến truyện *Chùm nho nổi giận*. Tên của cô gái trong truyện đó là gì nhỉ? Cô gái mà về sau cho người đàn ông bú ấy? Tên một loài hoa, gã nghĩ bụng.

Lily? Không. Pansy? Tuyệt đối không rồi. Gã tính có khi chụm tay lại quanh miệng, rồi cao giọng hỏi đám đông, AI Ở ĐÂY ĐÃ ĐỌC CHÙM NHO NỔI GIẬN RỒI ẤY NHỈ?

Đúng khi gã đang đứng lên trở lại (và mỉm cười vì cái tình cảnh oái oăm này), thì cái tên vụt đến với gã. Rose. Đó chính là tên cô gái trong *Chùm nho nổi giận*. Nhưng không chỉ là Rose; Rose xứ Sharon<sup>[3]</sup>. Cái tên nghe đã gọi chất Kinh Thánh rồi, nhưng gã cũng không chắc chắn cho lắm; gã chưa bao giờ thích đọc Kinh Thánh.

Gã nhìn xuống chiếc túi ngủ, chỗ gã đã định bụng chui vào trong những giờ chờ trời sáng, và nghĩ đến lúc Janice Cray nói cô muốn xin lỗi về vụ Columbine, và vụ 11 tháng Chín, cả vụ Barry Bonds. Có khi cô ta còn muốn ôm đồm cả vụ Trái đất nóng lên ấy chứ. Có thể khi chuyện này kết thúc và họ đã có công việc ổn định - hoặc là không; nhiều khả năng là không chứ chẳng chơi - gã sẽ mời cô ta ăn sáng. Không hẹn hò gì, không phải như vậy, chỉ là mấy quả trứng bác và thịt lợn muối. Sau đó họ sẽ không bao giờ gặp lại nhau nữa.

Thêm người đến. Họ xếp đến tận cuối những đoạn cua vòng với dải băng vênh vác KHÔNG BƯỚC QUA. Khi đã hết cả chỗ đó, dòng người bắt đầu kéo dài vào trong bãi đỗ xe. Điều khiến Augie ngạc nhiên - và làm gã thấy bứt rứt - là họ mới lặng lẽ làm sao. Cứ như thể tất cả họ đều biết vụ lần này rồi cũng đổ bể, và chẳng qua là họ chỉ chờ nhận được thông báo chính thức mà thôi.

Tấm băng rôn sột soạt thêm một tiếng nảo ruột nữa. Sương mù tiếp tục đặc quánh lại.

Gần năm giờ sáng, Augie rũ ra khỏi cơn gà gật, giậm hai bàn chân cho tỉnh, và nhận ra một quầng sáng xám xịt khó chịu đã len lỏi vào trong không khí. Nó khác một trời một vực so với cảnh ban mai tươi hồng của thơ ca và những bộ phim màu Technicolor ngày xưa; đây là khung cảnh phản bình minh, ẩm ướt và nhợt nhạt như má của một xác chết đã qua ngày.

Gã có thể thấy hội trường của City Center chậm rãi hiện ra với toàn bộ dáng vẻ kiến trúc hoành tráng thảm hại của thập niên bảy mươi. Gã cũng nhận ra cả hơn hai chục đoạn cua vòng những người đang nhẩn nại chờ đợi và rồi cái đuôi của hàng người biến mất vào trong sương mù. Lúc này chẳng còn mấy ai trò chuyện, và khi một người lao công mặc đồ bảo hộ xám đi qua sảnh ở phía bên trong những cánh cửa, tiếng hồ hởi châm biếm mới khẽ lộ lên.

“Phát hiện sự sáng trên hành tinh khác rồi!” tiếng thốt lên từ một trong những gã trai trẻ lúc trước đã chăm chăm nhìn Janice Cray - đó là Keith Frias, chẳng mấy chốc nữa thôi cánh tay trái của gã sẽ bị xé rời khỏi cơ thể.

Tiếng cười khẽ cất lên sau câu nói này, và mọi người bắt đầu tán chuyện.

Đêm đã qua. Ánh sáng len lỏi cũng không lấy gì làm hứng khởi cho lắm, nhưng ít nhiều thì cũng còn khá khấm hơn những giờ rạng sáng dài đằng đằng vừa qua.

Augie lại quỳ xuống bên cạnh chiếc túi ngủ và nghiêng một bên tai. Những tiếng ngáy đều đều nhẹ nhàng khiến gã mỉm cười. Có lẽ những lo lắng của gã về cô ta chỉ là thừa. Gã nghĩ bụng, có những người đi qua cuộc đời bằng cách sống sót thậm chí còn là sống rất ổn - nhờ vào lòng tốt của những người xa lạ. Người phụ nữ trẻ đang ngáy trong cái túi ngủ của gã cùng đứa bé của cô ta có lẽ cũng là một người như vậy.

Gã chợt nhận ra là gã và Janice Cray có thể cùng tự giới thiệu là một cặp tại các bàn đăng ký xin việc khác nhau. Nếu họ làm thế, sự hiện diện của đứa bé có thể không bị coi là dấu hiệu của sự vô trách nhiệm mà có khi còn là sự quyết tâm đồng lòng.

Gã cũng không chắc, cơ bản thì bản chất con người luôn là điều bí hiểm đối với gã, nhưng gã nghĩ cũng có thể. Gã quyết định sẽ thử đề cập ý

tưởng này với Janice khi cô ta tỉnh dậy. Xem cô ta nghĩ thế nào. Họ không thể nhận vợ là đã kết hôn được; cô ta không đeo nhẫn cưới còn gã thì đã tháo nhẫn của mình ra vĩnh viễn ba năm trước rồi, nhưng họ vẫn có thể nhận bừa là... bây giờ người ta gọi là thế nào nhỉ? Bạ tình.

Những chiếc xe hơi tiếp tục đi lên con dốc đứng từ phố Marlborough từng đợt đều đặn như kim đồng hồ. Chẳng mấy chốc nữa sẽ có cả người đi bộ nữa, mới tinh khôi từ chuyến xe buýt đầu tiên buổi sáng. Augie biết chắc là những chuyến xe buýt bắt đầu chạy lúc sáu giờ. Vì sương mù dày đặc, những chiếc xe đang đến chỉ là những vệt đèn pha cùng các bóng hình mờ mờ lấp lánh sau kính chắn gió. Một vài lái xe nhận ra đám đông khổng lồ đã chờ sẵn và quay đầu lại, chán hẳn, nhưng hầu hết vẫn đi tiếp, nhắm tới mấy chỗ đỗ xe ít ỏi còn sót lại, ánh đèn hậu hiu hắt.

Và rồi Augie để ý thấy một bóng xe không quay đầu cũng không đi hóp về phía cuối của bãi đỗ. Hai bên những chiếc đèn pha sáng khác thường của nó là những chiếc đèn sương mù màu vàng.

Đèn trước HD, Augie thầm nghĩ. Đó là một chiếc Mercedes-Benz. Một chiếc Benz làm gì ở hội chợ việc làm được nhỉ?

Gã đoán đó có thể là Thị trưởng Kinsler, đến đây để phát biểu trước Câu lạc bộ Chim Dậy Sớm. Để chúc mừng sự lì lợm của họ, rồi tinh thần chiến đấu đến cùng kiểu Mỹ về vang bao đời qua. Nếu quả vậy, Augie nghĩ, thì việc đến đây trên chiếc Mercedes của ông ta - kể cả có là xe cũ đi nữa - cũng thật là không biết điều chút nào.

Một thằng cha lớn tuổi trong hàng ngay trước Augie (Wayne Welland, lúc này đang trải qua những khoảnh khắc cuối cùng của sự tồn tại trên thế gian) nói, “Kia là một chiếc Benz phải không? Nhìn như một chiếc Benz vậy.”

Augie đang định mở miệng bảo đương nhiên rồi, làm sao có thể nhầm đèn pha HD của một chiếc Mercedes được, thì đúng lúc ấy, tài xế của chiếc xe ngay phía sau hình bóng mờ ảo nhấn còi - mờ hôi dài, cái kính. Ánh đèn HD vụt bùng chói hơn bao giờ hết, cắt những quầng sáng trắng lóa qua làn sương lơ lửng, và chiếc xe chồm về trước như thể tiếng còi cái kính đã kích động nó.



“Này!” Wayne Welland giật mình kêu lên. Đó là lời cuối cùng của ông ta.

Chiếc xe tăng tốc lao thẳng vào đám đông những người tìm việc nhồi nhét chặt cứng nhất, lại còn bị quây trong những đoạn băng KHÔNG BƯỚC QUA. Một vài người cố bỏ chạy, nhưng chỉ những người ở cuối đám đông mới thoát ra được.

Những người ở gần cửa chính - những chú Chim Dậy Sớm thực thụ - không có cơ hội nào. Họ văng vào những chiếc cọc và xô đổ chúng, họ bị mắc kẹt trong các dải băng, họ xô đè lên nhau.

Đám đông quăng qua quật lại trong một loạt những cơn sóng cuồng loạn. Những người lớn tuổi và nhỏ con hơn ngã xuống và bị giẫm đè lên.

Augie bị xô mạnh về phía trái, đứng lên được, và lại bị đẩy về trước. Một cái cùi chỏ giáng trúng gò má gã ngay dưới mắt phải làm tầm nhìn phía đó ngập tràn ánh sáng chói lòa như ngày 4 tháng Bảy<sup>[4]</sup>. Từ con mắt còn lại gã nhận ra chiếc Mercedes không chỉ hiện ra từ màn sương mù mà như thể còn được tạo nên từ đó. Một chiếc sedan lớn màu xám, có lẽ là một chiếc SL500, loại có mười hai xi lanh, và ngay lúc này cả mười hai đều đang gầm rú.

Augie bị hất ngã quỵ xuống bên chiếc túi ngủ, bị đập giẫm túi bụi khi gã cố vật lộn đứng lên: vào tay, vào vai, vào cổ. Mọi người gào thét. Gã nghe thấy một phụ nữ thét lên, “Cẩn thận, cẩn thận hã không dừng lại đâu!”

Gã nhìn thấy Janice Cray thò đầu ra khỏi túi ngủ, mắt hấp háy ngỡ ngác. Một lần nữa gã lại hình dung ra cảnh một con chuột chũi rụt rè từ trong hang nhòm ra. Một con chuột chũi với cái mái tóc rũ rượi khi thức giấc.

Gã chống tay vào đầu gối chồm người về phía trước và nằm đè lên chiếc túi cùng người phụ nữ và đứa bé bên trong, như thế bằng cách đó gã có thể che chắn được cho họ khỏi sản phẩm cơ khí nặng hai tấn của Đức. Gã nghe thấy tiếng mọi người gào thét, tiếng của họ hầu như lọt thỏm trong

tiếng gầm rú của động cơ chiếc sedan khổng lồ đang lao tới. Ai đó giáng cho gã một cú khủng khiếp vào gáy, nhưng gã hầu như chẳng cảm thấy gì.

Còn thời gian để nghĩ: *Mình đã đành mời Jose xứ Sharon ăn sáng.*

Còn thời gian để nghĩ: *Biết đâu hẳn sẽ quặt ngang.*

Đó dường như là cơ hội tốt nhất của họ, có lẽ là cơ hội duy nhất của họ. Gã dợm ngẩng đầu lên nhìn xem liệu điều đó có xảy ra không, và một chiếc lốp xe to đùng đen ngòm choán hết tầm nhìn của gã. Gã cảm thấy bàn tay người phụ nữ ghì chặt cánh tay mình. Gã còn đủ thời gian để hy vọng đứa bé vẫn đang ngủ. Rồi thời gian đã hết.

## CHƯƠNG II

# THANH TRA VỀ HƯU

### 1



**H**odges bước ra khỏi bếp với lon bia trên tay, ngồi xuống chiếc ghế bành LA-Z-BOY, và đặt lon bia xuống cái bàn nhỏ bên tay trái, cạnh khẩu súng. Đó là một khẩu ổ xoay 38 Smith & Wesson M&P, M&P nghĩa là Quân đội và Cảnh sát. Ông lơ đãng vuốt ve khẩu súng, kiểu như người ta vẫn vuốt ve một con chó già, rồi cầm cái điều khiển lên và chuyển sang kênh 7.

Ông hơi bị muộn, đã thấy khán giả trong trường quay đang vỗ tay rào rào rồi.

Ông nghĩ đến một trào lưu, ngăn ngừa và tệt hại, đã xâm chiếm thành phố hồi cuối thập niên tám mươi. Hoặc có lẽ từ ông thực sự muốn dùng là lây lan, vì nó chẳng khác gì một cơn sốt thoáng qua. Cả ba tờ báo của thành phố đều viết những bài xã luận về nó trong cả một mùa hè. Giờ thì hai tờ trong số đó đã biến mất còn tờ thứ ba thì đang sống dật dẹo.

Người dẫn chương trình sải bước lên sân khấu trong bộ vest may bó sát, vẫy tay chào khán giả. Hodges xem chương trình này hầu như mọi ngày trong tuần kể từ khi ông nghỉ hưu khỏi lực lượng cảnh sát, và ông nghĩ thẳng cha này quá lòn loẹt để làm công việc này, kiểu như đi lặn với

bình dưỡng khí trong ống cống mà lại không mặc bộ đồ lặn. Ông nghĩ tay dẫn chương trình thuộc loại người thỉnh thoảng lại tự tử để rồi sau đó tất cả bạn bè người thân của anh ta đều nói họ hoàn toàn chẳng bao giờ thấy có dấu hiệu nào không ổn cả; họ kể về chuyện trông anh ta vui vẻ như thế nào vào lần cuối cùng họ gặp anh ta.

Vừa nghĩ, Hodges vừa lơ đãng vuốt ve khẩu súng lần nữa. Đó là khẩu súng kiểu Victory. Cũ nhưng mà tốt. Khẩu súng của ông, hồi ông còn làm việc, là một khẩu Glock 40. Ông đã mua nó - nhân viên cảnh sát ở cái thành phố này có nghĩa vụ tự đi mua lấy súng công vụ của mình - và giờ thì nó đang nằm trong cái két ở phòng ngủ. An toàn trong két an toàn. Ông đã tháo đạn và nhét nó vào đó từ sau lễ nghỉ hưu và không ngó ngang gì tới suốt từ bấy đến giờ. Không đếm xỉa. Nhưng ông thích khẩu 38. Ông gắn bó với nó, nhưng còn một điều hơn cả thế.

Súng ổ xoay không bao giờ kẹt đạn.

Vị khách mời đầu tiên đây rồi, một phụ nữ trẻ mặc váy ngắn màu xanh da trời. Khuôn mặt không có gì nổi bật nhưng cô ta lại có một thân hình bốc lửa. Đâu đó bên trong chiếc váy, Hodges biết, thế nào cũng sẽ có cái kiểu hình xăm mà bây giờ người ta gọi là dấu gái đú<sup>[5]</sup>. Có thể là hai ba hình. Cánh khán giả đàn ông huyết sáo và giậm chân ầm ầm. Cánh khán giả nữ thì vỗ tay dè dặt hơn. Vài người nhướng mắt lên. Đây là cái kiểu phụ nữ mà chị em không thích bắt gặp chồng mình đang say sưa ngắm.

Người phụ nữ nổi cơn tam bành ngay từ đầu. Cô ta kể với người dẫn chương trình rằng bạn trai của cô ta có con với một phụ nữ khác và lúc nào anh ta cũng đi thăm hai mẹ con họ. Cô ta vẫn yêu gã, nhưng cô ta ghét cái con...

Hai từ tiếp theo bị chèn bằng tiếng bíp bíp, nhưng Hodges có thể đọc môi ra từ *đĩ rạc*. Khán giả ò lên cổ vũ. Hodges nhấp một ngụm bia. Ông biết điều gì sẽ diễn ra tiếp theo. Chương trình này có tất cả đặc tính dễ đoán trước của một bộ phim truyền hình dài tập rẻ tiền chiều thứ Sáu.

Tay dẫn chương trình để cho cô ta kể lễ thêm một chút rồi giới thiệu...



NGƯỜI PHỤ NỮ KIA! Cô ta cũng có thân hình bốc lửa và cả mớ tóc vàng. Có một hình xăm kiểu dấu gái đú ở một bên mắt cá. Cô ta tiến về phía người phụ nữ kia và nói, “Tôi hiểu cảm giác của chị, nhưng tôi cũng yêu anh ấy.”

Cô ta còn nhiều điều nữa định nói trong đầu, nhưng cô ta mới chỉ kịp nói đến vậy thì Thân hình Bốc lửa số Một ra tay hành động. Ai đó sau cánh gà rung chuông, như thể là mở màn một trận thi đấu tranh giải. Hodges cũng thấy đúng thế thật, vì tất cả khách mời của chương trình chắc hẳn phải được bồi dưỡng; chứ không sao họ lại chịu làm thế này? Hai người phụ nữ đâm đả cào cấu trong vài giây, và rồi hai gã bị thọt với dòng chữ AN NINH in trên áo thun, vốn theo dõi từ sau sân khấu, tách họ ra.

Họ chửi nhau một lúc, một màn trao đổi quan điểm rất cân sức và trọn vẹn (phần lớn là bị đê tiếng đi), trong khi tay dẫn chương trình đứng nhìn với vẻ thích thú, và lần này thì lại là Thân hình Bốc lửa số Hai khơi mào trận đấu khi vung một cú tát mạnh làm đầu của Thân hình Bốc lửa số Một lật cả ra đằng sau. Tiếng chuông lại rung lên. Hai cô ả ngã ra sân khấu, váy áo xõa xượi, cào cấu rồi hết đâm lại tát. Khán giả hóa rồ cả lên.

Những gã an ninh bị thọt tách họ ra rồi tay dẫn chương trình đứng vào giữa hai người, nói bằng cái giọng bên trên thì vỗ về xoa dịu, bên dưới thì lại khích bác kích động. Hai ả tuyên bố tình yêu sâu nặng của mình, nhổ thẳng tuyên bố ấy vào mặt nhau. Tay dẫn chương trình nói họ sẽ trở lại ngay và rồi đã thấy một em nữ diễn viên hạng C quảng cáo thuốc giảm cân.

Hodges nhấp thêm một ngụm bia và biết ngay rằng ông thậm chí còn không thể uống hết lấy nửa lon. Kể cũng nực cười, vì hồi còn làm cảnh sát, ông khác quái gì một gã bợn nhậu. Khi chuyện bia rượu phá vỡ cuộc hôn nhân của mình, ông đồ rằng mình là thằng nghiện thật. Ông dồn hết nghị lực và chế ngự nó, tự hứa với mình rằng ông sẽ tha hồ muốn uống bao nhiêu thì uống khi đã đủ bốn mươi năm - một con số khá ấn tượng, trong khi năm mươi phần trăm cảnh sát thành phố nghỉ hưu sau hai mươi lăm năm và bảy mươi phần trăm là sau ba mươi năm. Chỉ có điều là giờ đây khi đã đủ bốn mươi năm thì ông lại không còn thấy ham hố gì chất cồn nữa. Đã vài lần ông cố ép cho mình say, chỉ để thấy rằng ông vẫn còn uống được,

mà đúng là còn thật, nhưng hóa ra say cũng chẳng hơn gì tỉnh. Thực ra còn tệ hơn chút.

Chương trình trở lại. Gã dẫn chương trình nói rằng gã còn một vị khách mời khác, và Hodges biết đó sẽ là ai. Cả khán giả cũng vậy. Họ sủa ăng ăng háo hức. Hodges cầm khẩu súng của cha mình lên, nhìn vào ông súng, rồi lại đặt nó xuống quyển danh bạ Direct ti vi.

Gã đàn ông khiến cho Thân hình Bốc lửa số Một và Thân hình Bốc lửa số Hai phải giành giật khổ sở xuất hiện trên sân khấu rất đúng kiểu. Bạn biết thừa trông hăn sẽ như thế nào trước cả khi hăn vênh vang bước ra và vâng, chính là hăn: một tay nhân viên trạm xăng hoặc một gã xếp thùng giấy ở kho hàng Target hoặc có thể là thằng cha o bế chiếc xe của bạn (một cách tệ hại) ở cửa hiệu Mr. Speedy. Hăn gầy gò và nhợt nhạt, với mái tóc đen phủ lòa xòa trước trán. Hăn mặc quần kaki và đeo một chiếc cà vạt điên rồ màu xanh vàng có nút thắt trên cuống họng ngay bên dưới cục yết hầu lộ liễu. Phần mũi nhọn hoắt của đôi giày da lộn thò ra dưới ống quần. Bạn đã biết mấy ả đàn bà có hình xăm gái đú và giờ thì bạn cũng biết là thằng cha này có hàng khủng như ngựa và phụng con giống còn mạnh hơn cả đầu xe lửa và nhanh hơn cả một viên đạn đang bay; một em gái trinh ngồi vào bệ xí bệt sau lúc gã này tự sướng cũng dính bầu ngay. Khéo còn sinh đôi. Trên mặt hăn là nụ cười nhăn nhở đơ đơ của một gã vô tư lự đang trong tâm trạng phóng túng. Công việc trong mơ tàn tạt cả đời. Trong giây lát chuông sẽ rung lên và mấy ả đàn bà lại lao bổ vào nhau. Và rồi, sau khi đã nghe đủ những trò vênh váo của hăn, họ sẽ nhìn nhau, khẽ gật đầu, rồi cùng tấn công hăn. Lần này cánh nhân viên an ninh sẽ chờ lâu hơn một chút, vì trận đánh cuối cùng này là thứ mà khán giả, cả ở trường quay và ở nhà, thực sự muốn xem: lũ gà mái tấn công gã gà trống.

Cái trào lưu ngăn ngủi và tệ hại ấy hồi cuối thập niên tám mươi - sự lây lan - được gọi là “chơi trâu”<sup>[6]</sup>. Thằng cha thiên tài cồng rãnh nào đó nảy ra ý tưởng và khi nó trở thành trò làm ăn có lời, ba bốn con buôn khác nhảy vào trau chuốt tô vẽ thêm. Công việc phải làm là trả cho mấy thằng vô gia cư giẻ rách dăm ba chục đồng để chúng tấn nhau tại địa điểm và thời

gian ấn định. Địa điểm mà Hodges nhớ nhất là khu dịch vụ phía sau dãy phòng<sup>[Z]</sup> nhộp nhúa của một câu lạc bộ thoát y có tên là Băm Ba Lam, mãi tận bên East Side. Sau khi trận đấu đã được ấn định, người ta quảng cáo (thời đó là bằng cách truyền miệng, khi mà việc sử dụng Internet rộng rãi vẫn còn tận đâu đâu), và thu tiền khán giả hai mươi đồng một đầu người. Có phải đến cỡ hơn hai trăm người trong trận đấu mà Hodges và Pete Huntley đã phá, hầu hết đều cá cược ăn thua đủ với nhau như những thằng vô lại điên cuồng. Có cả phụ nữ, vài người còn diện nguyên cả váy dạ hội và diện đầy đồ trang sức, chăm chú theo dõi hai gã vô gia cư nhũn não lao vào nhau, đấm đá rồi hết gục xuống lại đứng lên hò hét lắm nhảm. Đám đồng cười nói cổ vũ thúc giục các võ sĩ đấu tiếp.

Chương trình này cũng giống vậy, chỉ khác là có các công ty bán bảo hiểm và thuốc giảm cân đứng ra cầm độ, vì vậy Hodges đoán các thí sinh (chính xác là như thế, mặc dù tay dẫn chương trình gọi họ là “các khách mời”) ra về với chưa đến ba mươi đồng và một chai Night Train. Và chẳng có tay cớm nào phá đám cả, vì tất cả đều hợp pháp không khác gì xổ số.

Khi chương trình kết thúc, vị nữ quan tòa không-bắt-tù-bình sẽ xuất hiện, khoác lên người cái mẽ đạo mạo nóng nảy đã thành thương hiệu ấy, làm ra vẻ cố kìm cơn giận dữ mà lắng nghe những kẻ khiếu nại rác rưởi trình bày. Tiếp đó là thằng cha chuyên gia tâm lý gia đình béo ú chuyên làm các vị khách mời phải khóc lóc (hắn gọi đây là “đập tan bức tường phủ nhận”), và mời họ biến nếu có ai trong số họ dám nghi ngờ phương pháp của hắn. Hodges nghĩ bụng thằng cha chuyên gia tâm lý gia đình béo ú này chắc đã học các phương pháp đó từ mấy cuốn băng video huấn luyện của KGB cũng nên.

Chiều nào trong tuần Hodges cũng tọng mớ hổ lớn sặc sỡ này khi ngồi trong chiếc ghế bành LA-Z-BOY cùng khẩu súng của cha - khẩu súng cha ông đã mang khi còn là cảnh sát khu vực đặt trên bàn bên cạnh. Bao giờ ông cũng cầm nó lên vài lần và nhìn vào nòng súng. Nhòm vào cái khoảng tối hình tròn ấy. Đã một đôi lần ông nhét nó vào trong môi, chỉ để xem cảm giác thế nào khi có một khẩu súng đã nạp đạn nằm trên lưỡi và chĩa thẳng

vào vom miệng. Tập dần cho quen, ông tự nhủ. Giá kể mà uống say được thì mình có thể trì hoãn chuyện này lại, ông thầm nghĩ. Mình có thể hoãn lại ít nhất là một năm. Còn nếu đã hoãn lại được hai năm biết đâu cảm giác thôi thúc này sẽ qua hẳn. Biết đâu mình lại chí thú vào làm vườn, hay là ngắm chim, có khi cả vẽ vờì chưa biết chừng. Tim Quigley cũng học vẽ đấy thôi, dưới Floria. Ở một khu cộng đồng hưu trí toàn những tay còm già.

Như người ta kể thì Quigley đã thực sự yêu thích món đó, và thậm chí còn bán được một số tác phẩm của mình ở Liên hoan Nghệ thuật Venice. Ấy là nói trước khi ông ta bị đột quỵ. Sau cú đột quỵ ông ta nằm bẹp giường tám chín tháng liền, liệt hoàn toàn dọc bên phải người. Không còn vẽ vờì gì nữa đối với Tim Quigley. Rồi ông ta đi. Kính cụt.

Chuông giao chiến đang rung lên, và đương nhiên thôi, cả hai ả đàn bà đều đang lao bổ vào thẳng cha léo khéo với cái cà vạt điên rồ, những móng tay sơn loang loáng, tóc gió bời bời.

Hodges lại với tay lấy khẩu súng, nhưng ông chỉ mới vừa chạm tay vào nó thì đã nghe thấy tiếng lạch cạch ở khe cửa trước và tiếng rơi đánh tẹt một cái cửa bịch thư chạm vào sàn hành lang.

Vào cái thời buổi của email và Facebook này thì làm gì có gì quan trọng chui qua khe bỏ thư nữa, biết vậy nhưng ông vẫn đứng lên. Ông sẽ liếc qua và để lại khẩu M&P 38 của bố mình thêm một ngày nữa.





**K**hi Hodges quay lại ghế với chồng thư nhỏ, gã dẫn chương trình lẫn nhau đang chào tạm biệt và hứa hẹn với khán giả ti vi Land của gã rằng ngày mai sẽ có những người lùn. Về mặt thể chất hay tâm thần thì gã không nói cụ thể.

Cạnh chiếc ghế LA-Z-BOY có hai cái thùng rác nhỏ bằng nhựa, một cái đựng vỏ lon và chai để trả lại, một cái đựng rác.

Chui vào thùng rác là một tờ rơi của Walmart hứa hẹn GIẢM GIÁ; một lời mời mua bảo hiểm mai táng gửi tới NGƯỜI HÀNG XÓM YÊU QUÝ CỦA CHÚNG TÔI; một thông báo rằng tất cả số đĩa DVD sẽ giảm giá năm mươi phần trăm trong vòng đúng một tuần tại Discount Electronix; một tờ rơi cỡ chiếc bưu thiếp kêu gọi “lá phiếu quan trọng của bạn” từ một tay đang chạy đua vào ghế trống trong hội đồng thành phố. Có cả một bức ảnh của tay ứng cử viên, và với Hodges thì ông ta trông giống bác sĩ Oberlin, tay nha sĩ mà ông sợ chết khiếp hồi còn bé. Còn có cả một tập tờ rơi của siêu thị Albertsons. Cái này thì Hodges bỏ qua một bên (tạm che lên khẩu súng của cha ông đã) vì nó đầy những coupon giảm giá.

Thứ cuối cùng có vẻ là một bức thư thật sự - một bức thư khá dày, cảm giác thế - trong một phong bì cỡ văn phòng. Nó đề người nhận là Thanh tra K. William Hodges (đã nghỉ hưu) tại số 6 đường Harper. Không có địa chỉ người gửi.

Ở góc trái phía trên, nơi vẫn thường có địa chỉ người gửi, là hình mặt cười thứ hai ông gặp trong mớ thư ngày hôm đó. Chỉ khác đây không phải

kiểu mặt cười Walmart Hạ Giá đang nháy mắt mà là biểu tượng cảm xúc dành cho email, mang kính đen và cười nhả răng.

Hình ảnh đó gợi lên một ký ức, có điều không phải ký ức tốt đẹp gì.

Không, ông trầm nghĩ. Không.

Nhưng ông vẫn xé gói thư nhanh và mạnh đến nỗi phong bì rách toang và bốn trang giấy đánh máy tòi ra - không phải là đánh máy thực sự, kiểu đánh bằng máy chữ, mà là một loại phong chữ máy tính nhìn giống vậy.

*Thanh tra Hodges thân mến, dòng mở đầu viết.*

Ông với tay ra mà không nhìn, hất tập tờ rơi Albertsons xuống sàn nhà, lờ ngón tay qua khẩu súng ngắn mà không hề để ý đến nó, rồi nắm lấy chiếc điều khiển ti vi. Ông bấm nút nguồn, cắt ngang giữa chừng câu khiến trách của con mẹ quan tòa không-bắt-tù-binh, rồi hướng sự tập trung vào bức thư.



*Thanh tra Hodges thân mến, Tôi hy vọng ông không phật ý vì tôi gọi ông theo chức danh, dù ông đã nghỉ hưu sáu tháng nay. Tôi cảm thấy là nếu những thẩm phán bất tài, những chính trị gia thối nát và những chỉ huy quân sự ngu xuẩn vẫn được giữ chức danh sau khi nghỉ hưu, thì điều tương tự cũng phải được áp dụng với một trong những sĩ quan cảnh sát lừng lẫy nhất trong lịch sử thành phố.*

*Vậy xin cứ để là Thanh tra Hodges!*

*Thưa đức ngài (một danh xưng nữa mà ngài xứng đáng, vì ngài là một hiệp sĩ chân chính của dòng Phù hiệu và Súng), tôi viết thư này với nhiều lý do, nhưng nhất định phải bắt đầu với việc xin chúc mừng ngài vì những năm tháng phục vụ 27 năm trên cương vị Thanh tra và 40 năm tất cả. Tôi có xem một chương trình Lễ nghỉ hưu trên ti vi (Kênh phổ thông 2, một nguồn bị nhiều người bỏ qua), và vô tình biết là có buổi tiệc tại quán Raintree Inn gần sân bay vào tối hôm sau.*

*Tôi dám đánh cược rằng đó mới là Lễ Nghỉ hưu thực sự!*

*Tất nhiên tôi chưa bao giờ tham dự một buổi “chiến” như vậy, nhưng tôi xem rất nhiều chương trình cảnh sát trên ti vi, và mặc dù tôi dám chắc rằng nhiều chương trình trong đó giới thiệu một bức tranh rất ảo tưởng về công việc chính của cảnh sát, thì quả cũng có vài chương trình chiếu những bữa tiệc nghỉ hưu (NYPD Blu, Homicide, The Wire, vân vân và vân vân), và tôi mạn phép nghĩ rằng đó mới là những bức chân dung CHÍNH XÁC về các Hiệp Sĩ dòng Phù hiệu và Súng nói lời “giã biệt” một trong những chiến hữu của mình. Tôi nghĩ có thể đúng là vậy, vì tôi cũng đã đọc*

“những cảnh tiệc nghỉ hưu” trong ít nhất hai cuốn sách của Joseph Wambaugh, và chúng cũng tương tự. Chắc ông ta phải biết rõ bởi vì ông ta, giống như ngài, “cũng là một thanh tra về hưu”.

Tôi hình dung cảnh những quả bóng bay lơ lửng trên trần, nhậu nhệch tượng bưng, chuyện trò tục tĩu rôm rả, rồi bao nhiêu là hồi tưởng về Ngày xưa và những vụ án cũ. Có lẽ là có rất nhiều tiếng nhạc ồn ã vui vẻ, và có khi còn có cả một hai em vũ nữ thoát y “ngoáy phao câu” ấy chứ. Rồi thế nào chẳng có những bài phát biểu vui nhộn và chân thực hơn nhiều những gì được nói tại “buổi lễ đồng bộ”.

Tôi miêu tả thế nào?

Không tồi, Hodges thăm nghĩ. Không tồi chút nào.

Theo như tôi tìm hiểu, trong thời gian làm thanh tra của mình, ngài thật đã phá được hàng trăm vụ án, nhiều vụ trong số đó được cánh báo chí (mà Ted William gọi là những Hiệp sĩ Bàn Phím) gọi là “nổi tiếng”. Ngài đã bắt được nhiều băng nhóm giết người, cướp của, cả bọn đốt nhà và yêu râu xanh. Trong một bài báo (được bố trí đăng trùng với Lễ Nghỉ hưu của ngài), tay cộng sự lâu năm của ngài (Thanh tra Bậc 1 Peter Huntley) miêu tả ngài là “một sự kết hợp giữa phương pháp và trí thông minh bản năng.” Thật là một lời khen tử tế!





**H**odges ngồi nguyên tại chỗ trong hai phút, bốn phút, sáu, tám. Hoàn toàn yên lặng. Ông cầm bức thư trên tay, ngắm bản sao bức tranh của Andrew Wyeth trên tường. Cuối cùng ông đặt những trang giấy xuống mặt bàn bên cạnh ghế và cầm chiếc phong bì lên. Ông không ngạc nhiên khi thấy dấu bưu điện ở ngay đây trong thành phố. Kẻ viết thư muốn ông biết hắn ở gần đây. Đó là một phần của trò khiêu khích. Như kẻ viết thư nói, đó là...

Một phần của cuộc vui!

Những hóa chất mới và các quy trình rà soát bằng máy tính có thể phát hiện ra những dấu vân tay tuyệt hảo từ giấy tờ, nhưng Hodges biết nếu ông giao bức thư này cho bộ phận Khoa học Hình sự, họ sẽ chẳng tìm được dấu vân tay nào ngoài vân tay của ông. Tên này điên, nhưng khả năng tự đánh giá bản thân của hắn - một tên hung thủ xảo quyết - là hoàn toàn chính xác. Chỉ có điều hắn viết là perk, chứ không phải là perp, và hắn viết những hai lần. Ngoài ra...

Chờ một chút, chờ một chút.

Ý mà là sao, *Khi ngày giao nộp nó?*

Hodges đứng lên, đi ra cửa sổ với bức thư cầm trên tay, và nhìn ra đường Harper. Cô con gái nhà Harrison vù tới trên chiếc moped. Con bé thực sự còn quá trẻ để sở hữu một chiếc xe như vậy, cho dù luật pháp có cho phép thế nào đi nữa, nhưng ít ra nó cũng còn mang mũ bảo hiểm. Chiếc xe bán kem Mr.

Tastey leng keng chạy qua; trong thời tiết ẩm áp thì nó bao mạn East Side từ lúc tan trường đến chập tối. Một chiếc xe nhỏ màu đen chậm chậm lăn đến. Mái tóc đang ngả xám của người phụ nữ phía sau tay lái búi cao trong những chiếc lô cuốn. Mà có phải là phụ nữ không nhỉ? Đó có thể là một gã đực rựa mặc váy và mang tóc giả cũng nên. Chẳng phải những chiếc lô cuốn là sự tô điểm cuối cùng hoàn hảo hay sao?

Đó là điều hẳn muốn bạn nghĩ.

Nhưng không. Không hẳn.

Không phải điều. Mà là cách tên Sát nhân Mercedes tự phong (trừ một điều là hẳn nói đúng, thực sự đúng là cánh báo chí và truyền hình đã phong cho hẳn danh hiệu đó) muốn ông nghĩ.

Chính là tên bán kem!

Không, là gã đàn ông ăn mặc như đàn bà trong chiếc *zù nhỏ* chứ!

Không phải, chính là tên đang lái chiếc xe tải chở gas, hay tay ghi đồng hồ gas?

Mày đã chiêm ngòi sự hoang tưởng này bằng cách nào?

Hững hờ để lộ rằng mày biết nhiều hơn chứ không phải chỉ là địa chỉ của tay cựu thanh tra. Mày biết hẳn đã ly dị và ít nhất mày cũng ám chỉ rằng hẳn có một đứa con hoặc mấy đứa ở đâu đó.

Giờ thì ông lia mắt qua bãi cỏ, nhận ra nó cần được cắt tỉa.

Nếu Jerome không mau chóng qua đây, Hodges nghĩ bụng, mình sẽ phải gọi cho nó.

Con hay nhiều con? Đừng tự lừa dối<sup>[8]</sup> làm gì. Hẳn biết vợ cũ của mình là Corinne và vợ chồng mình có một đứa con trưởng thành, một đứa con gái tên là Alison. Hẳn biết Alison ba mươi tuổi và đang sống ở San Francisco. Có lẽ hẳn còn biết con bé cao khoảng 1m67 và chơi tennis. Tất cả những thông tin đó đều sẵn có trên mạng. Thời buổi này, cái gì cũng thế.

Bước tiếp theo ông nên giao nộp lại bức thư này cho Pete và cộng sự mới của Pete, Isabelle Jaynes. Họ tiếp nhận vụ Mercedes, cùng vài vụ án khác còn treo lại, khi Hodges “rút phích”. Một số vụ án cũng giống như

những chiếc máy tính để không; chúng chìm vào chế độ ngủ. Bức thư này sẽ khiến vụ Mercedes phải choàng tỉnh giấc.

Ông lần lại hành trình của bức thư trong tâm trí. Từ khe bỏ thư đến sàn hành lang. Từ sàn hành lang đến chiếc ghế LA-Z-BOY. Từ ghế LA-Z-BOY đến chỗ cửa sổ này, nơi giờ đây ông có thể quan sát chiếc xe thư đang quay về con đường nó đã đến - Andy Fenster đã xong công việc trong ngày. Từ đây vào trong bếp, nơi bức thư sẽ được cho vào trong một chiếc túi Glad hoàn toàn vô tích sự, loại có miệng kéo khóa, vì những thói quen cũ là những thói quen khó bỏ. Tiếp theo là tới Pete và Isabelle. Từ Pete chuyển qua phòng Khoa học Hình sự để làm một cuộc nong nạo triệt để, trong đó sự vô tích sự của cái túi Glad sẽ được chứng minh rõ ràng qua việc: không dấu vân tay, không tóc lông gì hết, không có bất kỳ mẫu ADN nào, giấy thì sẵn có cả đồng tại bất kỳ cửa hàng Staples and Office Depot nào trong thành phố, và - cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng - kiểu in laser thông thường. Có thể họ sẽ lần ra loại máy tính nào được dùng để viết lá thư (điều này thì ông không dám chắc; ông không biết mấy về máy tính, và mỗi khi có trục trặc với máy của mình thì ông lại quay sang nhờ Jerome, cậu ta sống cạnh bên rất tiện), và nếu vậy, đó cũng chỉ là một chiếc Mac hay một chiếc PC. Vang dội quá thể.

Từ bộ phận Khoa học Hình sự bức thư sẽ quay trở lại với Pete và Isabelle, mà họ thì kiểu gì cũng sẽ triệu tập một kiểu hội thảo toàn cấm ngớ ngẩn mà các bạn vẫn thấy trên các chương trình điều tra tội phạm của BBC kiểu như Luther và Prime Suspect (tên biến thái viết cho ông chắc là thích xem). Hội thảo này sẽ đầy đủ lệ bộ với bảng trắng và những hình chụp phóng to của bức thư, thậm chí còn có bút chiếu laser ấy chứ. Hodges cũng có xem mấy chương trình điều tra tội phạm kiểu Anh này, và quan điểm của ông là cánh Scotland Yard không hiểu sao đã bỏ qua câu thành ngữ lâu năm rằng lắm thầy thì thối ma.

Những khóm bồ công anh đang mọc bung trên bãi cỏ. Nhất định là đến lúc gọi Jerome rồi. Không kể chuyện bãi cỏ thì Hodges cũng nhớ những khuôn mặt của cậu ta. Thăng bé rất được.

Còn lý do khác nữa. Ngay cả khi tên biến thái có nói thật về việc hắn không cảm thấy bị thôi thúc phải gây ra một vụ thảm sát khác (ít khả năng, nhưng không phải là không thể) hắn vẫn cực kỳ quan tâm đến chuyện chết chóc. Ý tứ của bức thư không thể nào rõ ràng hơn. Tự kết liễu đi. Ông đang vốn nghĩ đến chuyện đó rồi, hãy tiến hành bước tiếp theo đi. Đó cũng đồng thời là bước cuối cùng.

Lẽ nào hắn đã nhìn thấy mình với khẩu súng của ông già nhỉ?

Nhìn thấy mình nhét nó vào miệng?

Hodges phải thừa nhận khả năng ấy; ông thậm chí còn chưa bao giờ nghĩ đến việc kéo rèm lại. Cảm thấy an toàn một cách ngu ngốc trong phòng ngủ của mình trong khi mà bất kỳ ai cũng có thể có một cặp ống nhòm. Hoặc có thể Jerome đã nhìn thấy Jerome tạt vào hỏi thăm công việc: thứ mà cậu ta vẫn thích gọi là *vọc đàn bà*.

Chỉ có điều Jerome mà nhìn thấy ông đùa nghịch với khẩu ổ quay cũ đó thì chắc hắn đã sợ chết khiếp. Kiểu gì cậu ta cũng phải nói gì đó.

Lẽ nào tên Mercedes thực sự thủ dâm khi hắn nghĩ về cảnh dâm đố rập những con người ấy?

Trong những năm tháng làm cảnh sát, Hodges đã chứng kiến những điều mà ông sẽ không bao giờ đi kể với bất kỳ ai chưa tận mắt nhìn thấy. Những ký ức độc địa ấy khiến ông tin rằng kẻ viết thư cho ông có lẽ đã nói thật về chuyện thủ dâm, cũng như tất nhiên hắn đang nói thật về việc không hề bị lương tâm cắn rứt. Hodges đã đọc được rằng có những cái giếng ở Iceland sâu đến nỗi bạn có thể thả một hòn đá xuống đó mà không bao giờ nghe thấy tiếng tòm vọng lên. Cái trò “chọi trâu” cũng mới chỉ sâu được một nửa đường những cái giếng như vậy.

Ông trở lại chiếc LA-Z-BOY, mở ngăn kéo bàn và lấy điện thoại di động ra. Ông thay thế nó bằng khẩu 38 và đóng ngăn kéo lại. Ông bấm số nhanh gọi cho sở cảnh sát, nhưng khi người trực tổng đài hỏi cô ta có thể kết nối cuộc gọi của ông như thế nào thì Hodges nói, “Ôi, trời. Tôi bấm nhầm số. Xin lỗi đã làm phiền cô.”

“Không sao, thưa ông,” cô ta nói, giọng thấp thoáng nụ cười.

Không gọi, chưa phải lúc. Không hành động gì hết. Ông cần suy nghĩ về chuyện này.

Ông thực sự, thực sự cần phải suy nghĩ về chuyện này.

Hodges ngồi đăm đăm nhìn vào ti vi, lần đầu tiên trong suốt mấy tháng qua đang không ở trong trạng thái vào một buổi chiều trong tuần.





Tối hôm đó ông lái xe xuống Newmarket Plaza và dùng bữa tại nhà hàng Thái ở đó. Đích thân bà Buramuk ra phục vụ ông. “Lâu lắm rồi không nhìn thấy ông, Thanh tra Hodges.” Nói nhịu ra thành Thánh cha Hutches.

“Tự nấu ăn từ hồi nghỉ hưu đến giờ.”

“Ông để tôi nấu cho. Ngon hơn nhiều.”

Khi nếm món canh Tom Yum của bà Buramuk, ông mới nhận ra mình đã phát ngán mấy thứ hamburger chiên chín dở cùng món mì ống kèm nước xiết Newman’s Oan đến mức nào. Còn món Sang Kaya Fug Tong lại khiến ông nhận ra mình đã quá oải với thứ bánh dứa Pepperidge Farm. Nếu không bao giờ ăn một miếng bánh dứa nào nữa, ông nghĩ bụng, mình cứ tha hồ sống lâu mà chết cũng nhẹ nhàng. Ông uống kèm hai lon bia Singha, và đó là thứ bia ngon nhất ông từng uống kể từ bữa tiệc về hưu ở Raintree Inn, vốn diễn ra gần như giống hệt những gì gã Mercedes nói, có cả một em vũ nữ thoát y “ngoáy phao câu”.

Cùng mọi thứ khác.

Chẳng lẽ gã Mercedes đã rình rập ở phía sau phòng tiệc?

Như con chuột túi possum trong phim hoạt hình<sup>[9]</sup> vẫn nói, “Có thể lắm, Muskie, có thể lắm.”

Quay về nhà, ông ngồi vào chiếc ghế LA-Z-BOY và cầm bức thư lên. Ông biết bước tiếp theo phải là gì - đấy là nếu ông không chịu mang nợ lại nó cho Pete Huntley - nhưng ông vẫn còn đủ khôn ngoan để không thử làm bước đó sau hai chai bia. Vì vậy ông cất bức thư vào ngăn kéo bên trên khẩu 38 (ông chẳng thèm nhọc công với cái túi Glad làm gì) và lấy thêm

lon bia nữa. Lon bia trong tủ lạnh chỉ là Ivory Special, thương hiệu nội, nhưng ngon không kém bia Singha chút nào.

Uống xong, Hodges bật máy tính lên, mở trình duyệt Firefox, và gõ vào Dưới Chiếc Ô Xanh của Debbie. Dòng miêu tả bên dưới cũng chẳng nói lên gì nhiều: một trang mạng xã hội nơi những người thú vị trao đổi những quan điểm thú vị. Ông tính tìm kiếm xa hơn, rồi lại tắt máy tính đi. Chuyện đó cũng không.

Không phải đêm nay.

Dạo này ông vẫn đi ngủ muộn, bởi vì như thế nghĩa là bớt đi những giờ phút dành cho việc trở mình và trằn trọc, nghĩ lại những vụ án cũ và những sai lầm cũ, nhưng đêm nay ông lên giường sớm và biết ngay mình sẽ ngủ gần như ngay lập tức.

Thật là một cảm giác tuyệt vời.

Ý nghĩ cuối cùng của ông trước khi chìm vào giấc ngủ là cách kết thúc bức thư viết bằng ngòi bút tẩm thuốc độc của gã Mercedes. Gã Mercedes muốn ông tự sát. Hodges băn khoăn hẳn sẽ nghĩ gì nếu hẳn biết thành ra mình đã cho vị cựu Hiệp sĩ dòng Phù hiệu và Súng này một lý do để sống. Ít ra cũng một thời gian nữa.

Và rồi giấc ngủ xâm chiếm ông. Ông đánh một lèo sáu tiếng đồng hồ trọn vẹn và thư thái trước khi bàn quang đánh thức ông dậy. Ông mò mẫm vào nhà tắm, trút cho rỗng người, và quay trở lại giường, ngủ thêm ba tiếng nữa. Khi ông tỉnh giấc, ánh nắng đang chiếu xiên vào cửa sổ và lũ chim đang hót riu ran. Ông vào trong bếp, làm cho mình một bữa sáng thịnh soạn. Đang lúc đổ hai quả trứng chiên kỹ vào trong một cái đĩa đã ú hụ thịt lợn muối xông khói và bánh mì nướng, ông chợt giật mình, dừng phắt lại.

Ai đó đang hát.

Chính là ông.



Sau khi đĩa ăn của bữa sáng đã ở trong bồn, ông vào phòng làm việc để bóc tách bức thư ra. Đây là công việc ông đã làm ít nhất là cả hai chục lần trước kia, nhưng không bao giờ làm một mình; khi còn là thanh tra ông luôn có Pete Huntley giúp một tay, và trước Pete là hai cộng sự khác. Hầu hết những bức thư là thông điệp dọa dẫm từ các ông chồng cũ (và một hai cô vợ cũ).

Không nhiều thách thức trong những bức thư đó. Vài yêu sách cưỡng đoạt tài sản. Mấy thư tổng tiền - thực sự cũng chỉ là một dạng cưỡng đoạt tài sản khác. Có bức là của một tên tổng tiền đòi một khoản tiền chuộc còm cõi và nghèo trí tưởng tượng. Và ba - bốn, tính cả bức thư từ gã Mercedes - là của những tên giết người tự thú tội. Hai trong số này rõ ràng là ảo tưởng. Một bức có thể hoặc có thể phải không là của tên giết người hàng loạt họ vẫn gọi là Turnpike Joe.

Còn bức này thì sao? Đúng hay sai? Sự thật hay ảo tưởng?

Hodges mở ngăn kéo bàn, lấy ra một tập giấy nhớ màu vàng, xé bỏ tờ danh sách mua thực phẩm đã trên cùng cả tuần nay. Sau đó ông rút một trong những cây bút UNI-BALL từ chiếc cốc đặt cạnh máy tính. Đầu tiên ông cân nhắc chi tiết về cái bao cao su. Giả sử lúc đó hung thủ thực sự có đeo một cái, thì hẳn cũng mang nó đi rồi... nhưng dĩ nhiên là phải thế, còn gì nữa? Bao cao su có thể lưu giữ dấu vân tay cũng như tinh dịch.

Hodges cân nhắc những chi tiết khác: dây an toàn bật đóng chốt khi hung thủ cày xe vào đám đông, cách chiếc xe nảy lên khi nó cán qua những

thân người. Những chi tiết vốn chẳng bao giờ được đăng trên bất kỳ tờ báo nào, nhưng cũng có thể là những chi tiết mà hẳn tự bịa ra. Hẳn còn nói...

Hodges xem lướt lại bức thư, đây rồi: Mà trí tưởng tượng của tôi thì phong phú lắm.

Nhưng có hai chi tiết hẳn không thể nào tự bịa ra được. Hai chi tiết đã được giữ kín khỏi cánh truyền thông.

Trên tập giấy nhớ của mình, dưới dòng LIỆU CÓ THẬT KHÔNG? Hodges viết: BAO TÓC LƯỚI. THUỐC TÂY.

Tên Sát nhân Mercedes đã mang đi cả cái bao lưới cũng giống như hẳn đã mang đi cả cái bao cao su (có khi vẫn còn treo lủng lẳng trên của nợ của hẳn, ấy là giả sử như nó đã ở đó từ trước), nhưng Gibson bộ phận Khoa học Hình sự đã khẳng định là có một cái bao tóc lưới, vì tên Sát nhân Mercedes đã vứt lại chiếc mặt nạ hề và chẳng có lấy một sợi tóc nào dính trên lớp cao su. Về cái mùi bết bời của thứ thuốc tẩy xóa vết ADN thì không việc gì phải nghi ngờ. Chắc chắn là hẳn đã dùng rất phóng tay.

Nhưng không chỉ riêng những chi tiết đó; mà là tất cả mọi thứ. Về diêm nhiên đó. Không có chút gì ngập ngừng ở đây cả.

Ông lưỡng lự, rồi viết: CHÍNH LÀ GÃ ĐÓ.

Lưỡng lự tiếp. Gạch bỏ từ GÃ và viết TÊN KHỐN.



Đã lâu rồi kể từ dạo ông còn suy nghĩ như một cảnh sát, và còn lâu hơn thế, từ hồi ông không làm kiểu công việc này - một nhánh đặc biệt của khoa học hình sự mà không cần đến máy ảnh kính hiển vi, hoặc các hóa chất đặc biệt - nhưng một khi đã bắt tay vào làm, ông tăng tốc rất nhanh. Ông bắt đầu với một loạt tiêu đề.

Những ĐOẠN VĂN MỘT CÂU.

Những CỤM TỪ VIẾT HOA.

Những CỤM TỪ TRONG DẤU NGOẶC KÉP.

Những CỤM TỪ BAY BƯỚM.

Những TỪ NGỮ KHÁC THƯỜNG.

DẤU CHẤM CẢM.

Đến đây ông ngừng lại, gõ gõ cây bút lên môi dưới và đọc lại bức thư từ Thanh tra Hodges thân mến đến Hy vọng bức thư này đã làm ngài vui lên! Rồi ông bổ sung thêm hai hàng tiêu đề nữa lên tờ giấy vốn mỗi lúc một thêm chật chội.

DỪNG ẮN DỰ LIÊN QUAN ĐẾN BÓNG CHÀY, CÓ THỂ LÀ NGƯỜI HÂM MỘ.

THÀNH THẠO MÁY TÍNH (DƯỚI 50?).

Ông không chắc chắn về hai dòng cuối. Những ắn dụ thể thao đã trở nên phổ biến, nhất là trong giới bình luận chính trị, và ngày nay thiếu gì những cụ già tám mươi trên Facebook và Twitter. Bản thân Hodges có thể mới chỉ khai thác đến mười hai phần trăm tiềm năng chiếc máy Mac của ông (đó là như lời Jerome khẳng định), nhưng điều đó không làm ông trở

thành một phần của đa số. Nhưng dù sao cũng phải bắt đầu từ đâu đó, và lại bức thư toát lên một vẻ trẻ trung.

Trước giờ ông vẫn luôn xuất sắc trong kiểu công việc này, và trực giác chiếm rất nhiều chứ không chỉ có mười hai phần trăm trong đó.

Ông đã liệt kê ra hơn chục ví dụ dưới mục NHỮNG TỪ NGỮ KHÁC THƯỜNG, và lúc này vừa khoanh tròn hai từ: đồng đạo và Xuất tinh Ngẫu phát. Bên cạnh chúng ông thêm một cái tên: Wambaugh. Tên Sát nhân Mercedes là thằng khốn kiếp, nhưng là một thằng khốn kiếp thông minh, một sách. Hẳn có vốn từ vựng phong phú và hẳn không mắc lỗi chính tả. Hodges hình dung cảnh Jerome Robinson nói, “Dùng tính năng kiểm tra chính tả đi, bố già. Ý cháu là, cụ già?”

Đúng, đúng, thời buổi này bất kỳ ai biết dùng chương trình xử lý văn bản đều có thể đánh vần như một nhà vô địch, nhưng gã Mercedes đã viết Wambaugh, không phải là Wombough, hoặc thậm chí là Wombow, mà đây mới là cách đọc chuẩn. Chỉ riêng việc hẳn vẫn nhớ cho vào cái âm *gh* đọc âm ấy cũng cho thấy một trí thông minh khá cao. Bức tâm thư của gã Mercedes có lẽ cũng chẳng phải văn chương đánh giá gì, nhưng kiểu viết của hẳn vẫn hơn nhiều lời thoại trong những bộ phim truyền hình kiểu như NCIS và Bones.

Học ở nhà, học trường công hay tự học nhỉ? Có quan trọng không? Có thể không, nhưng biết đâu lại có.

Hodges không nghĩ là tự học, không. Giọng vẫn nghe quá... sao nhỉ?

“Thoáng đạt,” ông thốt lên với căn phòng trống, nhưng còn hơn cả thế. “Hương ngoại. Tên này viết hương ra bên ngoài. Hẳn có đi học cùng những người khác. Và viết cho người khác đọc.”

Một suy luận lỏng lẻo, nhưng nó được củng cố bởi những nét chấm phá nhất định - những Những CỤM TỪ BAY BUỐM đó. Phải bắt đầu với việc xin chúc mừng ngài, ông viết.

Quả thật là hàng trăm vụ án, ông viết. Và - hai lần liền - Tôi có ở trong tâm trí ngài. Hodges giành được nhiều điểm A môn tiếng Anh hồi trung học, điểm B ở đại học, và ông còn nhớ cái kiểu viết đó được gọi là gì: tu từ điệp ngữ. Chẳng lẽ gã Mercedes này tưởng tượng ra bức thư của hẳn được



đăng lên báo, lan truyền trên Internet, được trích dẫn (với một sự tôn trọng miễn cưỡng nhất định) trên chương trình Bản tin sáu giờ kênh 4?

“Chắc vậy rồi,” Hodges nói. “Ngày xưa ngày xưa mày cũng đã từng đọc bài của mình trên lớp. Mày cũng khoái trò đó. Thích được là trung tâm chú ý. Đúng không? Khi tao tìm ra mày - nếu tao tìm ra mày - tao cũng sẽ tìm ra là mày học giỏi môn tiếng Anh giống như tao.” Có khi còn giỏi hơn. Hodges không thể nhớ nổi ông đã bao giờ dùng phép điệp ngữ chưa, trừ phi là dùng do vô tình.

Chỉ là, có bốn trường trung học công trong thành phố và Chúa mới biết là có bao nhiêu trường tư. Đây là chưa kể những trường dự bị đại học, cao đẳng, Đại học Thành phố, và Đại học Tổng hợp Công giáo St. Jude. Cơ man nào những đồng cỏ khô cho một cái kim tẩm độc ẩn náu. Ấy là nếu như hẳn có đi học ở đây chứ không phải là ở Miami hay Phoenix.

Thêm nữa, hẳn là một con chó ranh ma. Bức thư đầy rẫy những dấu vết giả - những cụm từ viết hoa như *Giày Chỉ* và *Bày tỏ*, *Lo lắng*, những cụm từ trong dấu ngoặc kép, cách dùng vô tội vạ những dấu chấm cảm, những đoạn văn một câu chắc nịch. Nếu bị yêu cầu viết thử một đoạn, gã Mercedes sẽ chẳng việc gì mà cho vào đó những kiểu cách đặc trưng này. Hodges biết điều đó cũng rõ như ông biết cái tên riêng đen đũi của mình: Kermit, giống như trong *kermitfrog19*.

Nhưng.

Thằng khốn kiếp này cũng không hẳn là khôn ngoan như hẳn tưởng. Gần như chắc chắn rằng bức thư chứa đựng hai dấu vết thật, một hơi nhòe và một rõ như ban ngày.

Dấu vân tay nhòe là cách hẳn nhất quyết chỉ dùng các con số thay vì viết số bằng chữ: 27, chứ không phải hai mươi bảy; 40 thay cho bốn mươi. Thanh tra Bạc 1 thay cho Thanh tra Bạc Một. Có một vài ngoại lệ (hắn đã viết một điều tiếc nuối thay cho 1 điều tiếc nuối), nhưng Hodges cho rằng chính những ngoại lệ này lại càng chứng tỏ nguyên tắc chung kia. Những con số có thể chỉ là một lớp ngụy trang nữa, ông biết điều đó, nhưng vẫn nhiều khả năng gã Mercedes thực sự không để ý chi tiết đó.

Giá kể mình lôi được hẳn vào IR4<sup>[10]</sup> và bắt hẳn viết Bốn mươi tên trộm ăn cắp tám mươi chiếc nhẫn cưới... thì sao nhỉ?

Chỉ có điều K. William Hodges sẽ chẳng bao giờ ở trong phòng thẩm vấn nào nữa, gồm cả IR4, vốn là nơi ông ưa thích - căn phòng may mắn của ông, ông vẫn luôn nghĩ về nó. Ấy là nói trừ phi ông bị túm vì dây dưa với thứ của nợ này, và nếu vậy thì chẳng hóa ra ông lại ở nhâm bên của cái bàn sắt.

Vậy thì được rồi. Pete sẽ tổng hung thủ vào một IR. Pete hoặc Isabelle hoặc cả hai bọn họ. Họ sẽ bắt hẳn viết Bốn mươi tên trộm ăn cắp tám mươi chiếc nhẫn cưới. Rồi sao nữa?

Rồi họ sẽ yêu cầu hẳn viết câu Cảnh sát bắt được hung thủ trốn trong hẻm.

Chỉ có điều họ sẽ muốn đọc tẹo từ hung thủ đi. Bởi vì, dù có khả năng viết lách như vậy, tên Sát nhân Mercedes vẫn nghĩ rằng cái từ dùng để chỉ một kẻ phạm tội là “perk”. Có lẽ hẳn nghĩ từ để chỉ một đặc quyền riêng là “perp”, như trong câu *Di chuyển bằng ghế hạng nhất là một trong những đặc quyền của các CEO*.

Hodges cũng chẳng ngạc nhiên vì điều đó. Cho đến tận khi vào đại học, ngay chính ông cũng còn nghĩ rằng cầu thủ ném bóng trong một trận bóng chày, cái thứ mà bạn dùng để trót nước ra, và cái vật lồng khung bạn treo trên tường để trang trí cho căn hộ của mình đều viết giống nhau. Ông đã nhìn thấy từ bức hình trong tất cả các loại sách, nhưng không hiểu sao đầu óc của ông vẫn nhất quyết không chịu ghi nhận nó. Mẹ ông cũng nói dựng thẳng cái bình đó lên đi, Kerm, nó bị kênh kìa, bố ông thì thỉnh thoảng lại cho ông tiền đi xem phim hoạt hình<sup>[11]</sup>, và đơn giản là nó cứ thế đọng lại trong đầu ông.

Tao sẽ nhận ra mà ngay khi tao tìm ra mà, cưng ạ, Hodges thầm nghĩ.

Ông viết từ đó ra và khoanh tròn nó hết lần này đến lần khác quây kín nó lại.

Mày chính là thằng khốn kiếp gọi perp là perk.



Ông dạo bộ quanh khu nhà cho thư thái đầu óc, cất tiếng chào những người mà ông đã không chào từ lâu lắm rồi. Vài tuần, trong một số trường hợp. Bà Melbourne đang làm việc trong vườn nhà, và khi nhìn thấy ông, bà mời ông vào nhà ăn một miếng bánh cà phê.

“Tôi thấy lo cho ông quá”, bà nói khi họ đã ngồi yên vị trong bếp. Bà có cái nhìn sáng rực, hau háu của một con quạ đang dán mắt vào xác một con sóc chuột vừa bị xe cán dẹp lép.

“Làm quen với cuộc sống về hưu khó thật.” Ông nhấp một ngụm cà phê. Cà phê dở tệ, nhưng nóng giãy.

“Một số người không bao giờ có thể quen nổi được,” bà nói, thăm dò ông bằng đôi mắt sáng rực ấy. Chắc bà ta sẽ không tệ chút nào trong IR4, Hodges nghĩ bụng. “Nhất là những người từng làm mấy nghề áp lực cao.”

“Lúc đầu tôi cũng thấy hơi chệch choạc, nhưng giờ thì tốt hơn rồi.”

“Tôi rất vui khi nghe điều đó. Cái cậu nhọ dễ thương ấy vẫn làm việc cho ông đấy à?”

“Jerome ấy à? Vâng.” Hodges mỉm cười, tự hỏi không hiểu Jerome sẽ phản ứng thế nào nếu cậu ta biết có người trong khu phố gọi mình là cậu nhọ dễ thương ấy. Có lẽ cậu ta sẽ nhe răng ra cười nhả nhổ và tuyên bố, *Đương nhiên dôi!* Jerome và những vọc đàn bà của cậu ta. Đã nhắm đến Harvard. Princeton để dự phòng.

“Cậu ta bê trễ quá,” bà nói. “Thảm cỏ nhà ông nhìn nhôm nhoam lắm rồi. Cà phê nữa không?”

Hodges mỉm cười khước từ. Nóng giãy đến đâu cũng không cứu nổi thứ cà phê tệ hại này.



Lại về nhà. Chân tê mỏi, đầu ngập tràn không khí trong lành, miệng cảm giác như tờ báo lớt lờng chim, nhưng óc bùng bùng vì caffeine.

Ông truy cập vào trang báo của thành phố và tìm kiếm vài bài báo về vụ thảm sát ở City Center. Thứ ông muốn tìm không có trong bài đầu tiên, được đăng với dòng tít giật gân ngày 11 tháng Tư năm 2009, hoặc bài dài hơn trong số báo Chủ nhật, ngày 12 tháng Tư. Nó xuất hiện trong tờ báo ngày thứ Hai: một bức ảnh chụp vô lăng của chiếc xe chết chóc bị bỏ lại. Dòng chú thích đầy cảm phần: HÃN NGHĨ ĐÂY LÀ TRÒ VUI. Ở giữa vòng vô lăng, dán đè lên biểu tượng Mercedes, là một hình mặt cười màu vàng. Loại mang kính đen và cười nhe răng.

Cảnh sát đã rất tức giận khi thấy bức ảnh đó, vì các thanh tra phụ trách vụ án - Hodges và Huntley - đã yêu cầu giới truyền thông không đăng hình biểu tượng mặt cười. Tay tổng biên tập, Hodges còn nhớ, đã nhũn nhận xin lỗi. Do truyền đạt sai ý, hấn nói. Sẽ không lặp lại nữa. Hứa đấy. Danh dự của Hướng đạo sinh.

“Sai cái cục cứt ấy,” ông nhớ Pete đã nổi đóa. “Chúng có được bức ảnh đó thì khác gì có mấy liều steroid bơm kích cho số lượng ấn bản èo uột, thế là chúng dùng bég luôn thôi.”

Hodges phóng to bức ảnh trong bài báo cho đến khi khuôn mặt vàng nhảu nhó lấp đầy màn hình máy tính. Dấu ấn của quỷ, ông thầm nghĩ, phong cách thế kỷ hai mốt.

Lần này số điện thoại mà ông bấm quay số nhanh không phải bộ phận lễ tân sở cảnh sát mà là số di động của Pete. Tay cộng sự cũ của ông bắt

máy sau hồi chuông thứ hai. “Ôi chà, ông bạn già. Cuộc sống về hưu đối xử với anh sao rồi?” Nghe giọng anh ta có vẻ vui thực sự, và điều đó khiến Hodges mỉm cười. Nó cũng khiến ông cảm thấy áy náy, nhưng ý nghĩ rút lui chưa lúc nào hiện lên trong tâm trí ông.

“Tôi ổn,” ông nói, “nhưng tôi nhớ bộ mặt béo phì cao huyết áp của cậu.”

“Đương nhiên rồi. Và chúng ta đã chiến thắng ở Iraq.”

“Thề có Chúa, Pete. Hay là chúng ta ăn trưa và ôn chuyện tí nhỉ? Cậu chọn chỗ đi còn tôi mời.”

“Nghe được đấy, nhưng hôm nay tôi ăn rồi. Hay là ngày mai?”

“Lịch của tôi kín lắm, Obama sắp đến xin lời khuyên của tôi về ngân sách, nhưng tôi nghĩ tôi có thể sắp xếp lại vài thứ. Ưu tiên cho cậu chứ.”

“Anh đi mà tự sướng đi, Kermit.”

“Để cậu làm có phải tốt hơn không?”

Trò đùa cợt là một giai điệu cũ với những ca từ đơn giản.

“Hay là quán DEMASIO’S nhỉ? Trước anh vẫn thích chỗ đó mà.”

“DEMASIO’S ổn đấy. Trưa nhé?”

“Được đấy.”

“Và cậu chắc là cậu có thời gian cho một mục điểm già như tôi đấy chứ?”

“Billy, anh thậm chí không cần phải hỏi mà. Muốn tôi đưa Isabelle đến cùng chứ?”

Ông không muốn, nhưng vẫn nói, “Nếu cậu muốn.”

Chút thần giao cách cảm ngày xưa chắc hẳn vẫn đang còn tác dụng, vì sau một thoáng ngập ngừng Pete nói, “Có lẽ lần này chúng ta chỉ làm một bữa tiệc toàn cánh đàn ông thôi nhỉ.”

“Sao cũng được,” Hodges nói, thở phào nhẹ nhõm. “Mong gặp cậu.”

“Tôi cũng thế. Rất vui được nghe giọng anh, Billy.”

Hodges ngắt máy và nhìn khuôn mặt cười phở rãng thêm một lúc. Nó phủ kín màn hình máy tính của ông.





Đêm đó ông ngồi trong chiếc ghế LA-Z-BOY, xem bản tin thời sự mười một giờ. Trong bộ pajama trắng, trông ông như một con ma thừa cân. Da đầu ông bóng loáng lên qua mái tóc đang mỏng dần. Tin chính là vụ tràn dầu giàn khoan Deepwater Horizon ở vịnh Mexico, dầu vẫn đang phun trào ở đó. Phát thanh viên nói loài cá ngừ vây xanh đang bị đe dọa, và ngành thủy sản bang Louisiana có thể bị phá hủy trong cả một thế hệ. Ở Iceland, một ngọn núi lửa nghi ngút khói (với cái tên mà phát thanh viên đọc chệch ra nghe như là Eejafill-kull) vẫn đang làm rối tung việc đi lại bằng đường hàng không qua Đại Tây Dương. Ở California, cảnh sát tuyên bố có thể là cuối cùng họ đã đạt được đột phá trong vụ án tên giết người hàng loạt Ghim Sleeper. Không thấy tên, nhưng nghi phạm (perk, Hodges thầm nghĩ) được miêu tả là “một người Mỹ gốc Phi bảnh bao và nói năng rành rọt”. Hodges nghĩ bụng, giá kể bây giờ có người tóm được Turnpike Joe. Đây là chưa kể Osama bin Laden.

Đến bản tin thời tiết. Nhiệt độ ấm áp và bầu trời chan hòa ánh nắng, cô nàng dự báo thời tiết hứa hẹn. Đến lúc khui đồ bơi ra rồi.

“Anh muốn ngắm em trong một bộ đồ bơi, cưng ạ,” Hodges nói và lấy điều khiển tắt ti vi.

Ông lấy khẩu 38 của bố mình ra khỏi ngăn kéo, vừa đi vào phòng ngủ vừa tháo đạn khỏi khẩu súng, rồi cất nó vào trong két cùng với khẩu Glock của mình. Ông đã dành rất nhiều thời gian trong suốt hai ba tháng vừa qua ám ảnh về khẩu Victory 38, nhưng đêm nay nó hầu như không hiện hữu trong tâm trí ông khi ông cất nó đi. Ông còn đang nghĩ về Turnpike Joe, mà

cũng chẳng phải; bây giờ Joe là vấn đề của người khác. Cũng giống như Ghim Sleeper, gã người Mỹ gốc Phi nói năng rành rọt ấy.

Có khi nào gã Mercedes cũng là người Mỹ gốc Phi chẳng? Về lý thuyết thì hoàn toàn có thể - không ai nhìn thấy gì ngoài cái mặt nạ hề trùm qua đầu, một cái áo dài tay, và những găng tay màu vàng trên vô lăng - nhưng Hodges thì nghĩ là không. Chúa biết là có cơ man nào người da đen có khả năng giết người trong cái thành phố này, nhưng cần cân nhắc yếu tố vũ khí gây án. Khu phố mà mẹ của bà Trelawney sống tập trung chủ yếu là giới giàu có và cũng chủ yếu là người da trắng. Một người da đen lảng vảng quanh một chiếc Mercedes SL500 đang đậu kiểu gì cũng bị để ý.

Ừm. Có lẽ. Con người ta nhiều khi cũng vô tâm đến bất ngờ. Nhưng kinh nghiệm đã mách cho Hodges tin rằng người giàu thường có thiên hướng để ý quan sát hơn một chút so với đại đa số người dân Mỹ bình thường, nhất là khi liên quan đến những món đồ chơi đắt tiền của họ. Ông không muốn nói là họ đến mức hoang tưởng, nhưng...

Mà họ chẳng thể còn đểch gì nữa. Người giàu có thể hào phóng, thậm chí cả những người có quan điểm chính trị kinh khủng nhất cũng có thể là người hào phóng, nhưng hầu hết chỉ tin vào sự hào phóng theo kiểu của họ, và sâu thẳm trong lòng (thực ra cũng chẳng sâu lắm) họ luôn sợ có kẻ sẽ ăn trộm quà và chén mất bánh sinh nhật của mình.

Vậy còn ăn mặc chần chừ và nói năng rành rọt thì sao?

Đúng, Hodges quả quyết. Không có bằng chứng cụ thể, nhưng bức thư cho thấy hẳn là người như vậy. Gã Mercedes có thể diện comple và làm việc trong một văn phòng, hoặc hẳn có thể mặc quần jean áo Carhartt và cân lốp xe trong một garage, nhưng hẳn không phải kẻ luộm thuộm. Có thể hẳn không hay nói nhiều - những sinh vật kiểu này rất thận trọng trong mọi khía cạnh cuộc sống của chúng, và điều đó bao gồm cả thói ba hoa lộ liễu - nhưng một khi đã nói, nhiều khả năng hẳn sẽ nói rõ ràng và súc tích. Nếu bạn bị lạc đường và cần chỉ dẫn, hẳn sẽ cho bạn những chỉ dẫn tốt.

Vừa đánh răng, Hodges vừa nghĩ: DEMASIO'S. Pete muốn ăn trưa ở DEMASIO'S.

Với Pete thế là ổn cho Pete, anh ta vẫn mang phù hiệu và súng, và lúc nói chuyện trên điện thoại thì tưởng chừng là với Hodges như thế cũng ổn, bởi vì khi đó Hodges đã suy nghĩ như một cảnh sát thay vì một người nghỉ hưu thừa đến cả chục cân. Chắc là cũng ổn thôi - dù sao cũng giữa ban ngày ban mặt - nhưng DEMASIO'S nằm ở rìa khu Lowtown, vốn không phải là một khu nghỉ dưỡng gì cho cam. Cách nhà hàng một khối phố về phía Tây, qua những cầu vượt dẫn ra đường cao tốc, thành phố biến thành một miền đất hoang gồm những bãi đất bỏ không và những khu nhà không có người ở. Ma túy được bán công khai trên các góc phố, có cả một ngành kinh doanh vũ khí trái phép béo bở, còn phóng hỏa là môn thể thao trong khu phố. Ấy là nếu bạn có thể gọi Lowtown là một khu phố. Bản thân nhà hàng - một quán ăn Italy tuyệt cú mèo - thì lại rất an toàn. Tay chủ nhà hàng có quan hệ rộng, và điều đó khiến nó giống như chỗ Đậu xe Miễn phí trong trò cờ tỷ phú.

Hodges súc miệng, quay trở lại phòng ngủ, và - trong lúc vẫn còn nghĩ đến DEMASIO'S - bắn khoả nhìn cái tủ nơi chiếc két được giấu sau mớ treo quần áo và áo choàng mà ông không còn mặc đến (người ông giờ đã phì quá to đối với tất cả chỉ trừ hai chiếc trong số đó).

Lấy khẩu Glock? Có lẽ là khẩu Victory chẳng? Khẩu Victory nhỏ hơn.

Cả hai đều không. Giấy phép mang súng của ông vẫn còn hiệu lực, nhưng ông sẽ không nai nịt đi ăn trưa với cộng sự cũ của mình. Nó sẽ khiến ông thấy bồn chồn, mà ông thì vốn đã bồn chồn sẵn về vụ đào bới đang định làm. Thay vào đó ông bước tới tủ ngăn kéo, nhắc lên một đồng đồ lót, và nhìn xuống dưới. Happy Slapper vẫn còn đó, vẫn luôn ở đó kể từ bữa tiệc về hưu của ông.

Cái Slapper là được rồi. Chỉ là chút bảo đảm trong một khu vực lắm nguy hiểm của thành phố.

Hài lòng, ông về giường và tắt đèn. Ông luồn tay vào cái lỗ túi để chịu bí hiểm dưới gối và nghĩ đến Tumpike Joe. Đến lúc này Joe vẫn đang gặp may, nhưng sớm muộn gì hắn cũng sẽ bị tóm. Không chỉ vì hắn tập trung ra tay tại những khu vực nghỉ chân trên đường cao tốc mà vì hắn không dừng được việc giết người. Ông nghĩ đến điều gã Mercedes đã viết, *Điều đó*

*không đúng trong trường hợp của tôi, vì tôi hoàn toàn không có thói thúc nào ra tay lần nữa.*

Liệu hẳn đang nói thật hay nói dối, giống như khi hẳn nói dối bằng những CỤM TỪ VIẾT HOA và NHIỀU DẤU CHẤM CẢM cùng Những ĐOẠN VĂN MỘT CÂU?

Hodges nghĩ hẳn đang nói dối - có lẽ là với ngay chính bản thân hẳn cũng như với K. William Hodges, thanh tra về hưu - nhưng ngay lúc này, khi Hodges nằm đây với giấc ngủ đang đến, ông cũng chẳng quan tâm. Điều quan trọng là tên này tưởng hẳn đang được an toàn. Chắc hẳn hẳn đang cực kỳ đặc chí về điều đó. Dường như hẳn không hề nhận ra điểm chí mạng mà hẳn đã để lộ khi viết thư cho chính người, đến tận khi nghỉ hưu, là thanh tra phụ trách vụ án City Center.

Mày cần được nói chuyện về điều đó, phải không? Chính xác rồi, cưng, đừng có nói dối ông chú Billy già của mày chứ. Và trừ phi cái trang Chiếc Ô Xanh của Debbie đó cũng là một trò đánh lạc hướng khác, giống như tất cả những dấu ngoặc kép kia, thì phải nói là mày đã mở một đường ống dẫn vào cuộc đời mày. Mày muốn nói chuyện. Mày cần được nói chuyện. Và nếu như mày có thể khiêu khích cho tao làm điều gì đó, thì hẳn như thế sẽ đúng là quả cherry trên chóp ly kem phải không?

Trong bóng tối, Hodges nói, “Tao đang sẵn lòng lắng nghe đây. Tao có nhiều thời gian lắm. Dù sao thì tao cũng về hưu rồi.” Ông mỉm cười và chìm vào giấc ngủ.



Sáng hôm sau, Freddi Linklatter đang ngồi trên mép của cầu bốc hàng và hút một điếu Marlboro. Chiếc áo khoác đồng phục Discount Electronix của cô ta được gấp ngay ngắn bên cạnh, cái mũ lưỡi trai DE đặt lên trên. Cô ta đang nói về gã cuồng tín nào đó đã làm cô ta cáu điên. Người ta lúc nào cũng làm cô ta cáu điên, và cô ta kể với Brady tất cả điều đó vào giờ giải lao. Cô ta trút cho hẵn hết chương này sang hồi khác, vì Brady là một người biết lắng nghe.

“Thế là hẵn bảo tôi, hẵn bảo chứ. Tất cả những kẻ đồng tính sẽ phải xuống địa ngục, và tiểu luận này lý giải tất cả về điều đó. Vậy là tôi phải cầm thôi, đúng không? Có một bức ảnh ngay ngoài bìa chụp hai gã đồng tính mỏng lép - mặc vest thời trang, tôi thề có Chúa - đang nắm tay nhau và nhìn vào một cái hang lửa cháy ngàn ngục. Lại còn con quỷ nữa chứ! Với một cái đinh ba! Tôi không nói dối cậu đâu. Dù vậy tôi vẫn cố thảo luận chuyện đó với hẵn. Tôi có cảm giác rằng hẵn muốn có một cuộc nói chuyện. Vì vậy tôi mới bảo, tôi nói, Anh phải ngẩng mặt ra khỏi Sách LABITTICUS hay thứ gì cũng được đủ lâu để đọc một vài nghiên cứu khoa học chứ. Ý tôi muốn nói là, đồng tính là bẩm sinh, anh có nghe không hả? Hẵn mới bảo, Điều đó hoàn toàn không đúng. Đồng tính là hành vi đua đòi và có thể từ bỏ được. Đương nhiên là tôi không thể tin được rồi, đúng không? Tôi chỉ muốn bảo, Anh định đùa tôi chắc. Nhưng tôi không nói thế. Điều tôi nói là, Nhìn tôi này, anh bạn, nhìn cho thật kỹ vào. Đừng có ngại, cứ nhìn từ trên xuống dưới đi. Anh thấy gì nào? Và trước khi hẵn kịp phọt thêm chút rác rưởi nào, thì tôi đã bảo, Anh thấy một thẳng đàn ông, đó mới

là điều anh thấy. Chỉ có điều Chúa đã lơ đễnh thành thử trước khi kịp gán một con giống vào người tôi thì ông ta đã lại chuyển qua hàng khác. Thế là hẳn mới bảo...”

Brady theo kịp cô ta - câu được câu mất - cho đến khi Freddi nói đến phần Sách LABITTICUS (ý cô ta nói là Leviticus, nhưng Brady chẳng đủ bận tâm đến mức đi cải chính cô làm gì), và sau đó hẳn hầu như bỏ mặc cô ta, chỉ nghe vừa đủ để thỉnh thoảng lại ném vào một tiếng ừ hừ. Hẳn thực sự không thấy khó chịu chút nào với màn độc thoại. Nghe lại còn du dương, giống như nhạc của nhóm rock LCD Soundsystem mà thỉnh thoảng hẳn vẫn nghe trên ipod khi đi ngủ. Freddi Linklatter quá cao đối với một cô gái, với chiều cao 1m8 hoặc 1m89, cô ta lừng lững đổ bóng lên Brady và điều cô ta nói quả là chính xác: cô ta mà trông giống một cô gái thì cũng chẳng khác nào BRADY HARTSFIELD trông giống Vin Diesel. Cô ta toàn diện kiểu jean dáng 501 ống đứng, giày ủng đi motor, và một chiếc áo phông màu trắng trơn phẳng lì không hề thấy tí bóng dáng nào của ngực nghiêng. Mái tóc màu vàng sậm được húi cua gần sát đầu. Cô ta không đeo khuyên tai hay đồ trang điểm gì. Có khi cô ta còn cho rằng Mai Factor<sup>[12]</sup> là lời tuyên bố về điều mà một gã trai nào đó đã làm với một cô ả ở đằng sau kho cỏ khô của ông già.

Hẳn buông những câu và ừ hừ cùng đúng rồi, nhưng suốt thời gian ấy hẳn chỉ băn khoăn tên cớm già đã làm gì với bức thư của mình, và liệu tên cớm già có thử liên lạc qua Chiếc Ô Xanh hay không. Hẳn biết rằng gửi bức thư đi là một sự mạo hiểm, nhưng cũng không lớn cho lắm. Hẳn đã vẽ ra một văn phong khác hoàn toàn phong cách thật của mình. Khả năng tên cớm già mò ra được thứ gì đó hữu ích từ bức thư là gần như bằng không.

Chiếc ô Xanh của Debbie là sự mạo hiểm lớn hơn một chút, nhưng nếu tên cớm già nghĩ lão có thể lần ra hẳn theo cách đó, lão sẽ bị bất ngờ to. Máy chủ của Debbie được đặt ở Đông Âu, và ở Đông Âu thì tính riêng tư của máy tính cũng giống như sự sạch sẽ ở mỹ: chỉ đứng sau lòng kính Chúa<sup>[13]</sup>.



“Thế là hẳn bảo, Tôi thề đúng là như thế mà, hẳn còn bảo, Rất nhiều phụ nữ Thiên Chúa giáo trẻ trong nhà thờ của chúng tôi có thể chỉ cho cô thấy cách sửa mình, và nếu để tóc mọc dài ra, trông cô sẽ rất xinh. Cậu có tin được không? Thế tôi bảo hẳn, Chỉ cần bôi trát một tí thôi là trông anh cũng xinh kém đếch gì.

Cứ diện lên người cái áo khoác da, và cái vòng cổ chó là có khi anh vớ được một mối hẹn ngon lành ở Corral đấy. Bắn vài nước sướng lần đầu tiên trong tiếng nhạc của Tower of Power. Câu đấy khiến hẳn tức điên và hẳn mới bảo, Nếu cô định chuyển sang xúc phạm cá nhân trong chuyện này...”

Dù thế nào, nếu tên cớm già muốn lần theo dấu vết máy tính, lão sẽ phải giao nộp bức thư cho lũ cảnh sát bộ phận kỹ thuật hình sự, và Brady không nghĩ lão sẽ làm như thế. Ít nhất cũng không phải ngay lúc này. Chắc hẳn lão phải rất buồn chán khi cứ ngồi đó chẳng có gì ngoài chiếc ti vi làm bạn. Và còn khẩu côn xoay nữa, tất nhiên rồi, khẩu súng mà lão để bên cạnh mình cùng lon bia và mấy quyển tạp chí. Không thể nào quên được khẩu côn xoay. Brady chưa bao giờ trông thấy lão thực sự nhét khẩu súng vào trong miệng, nhưng đã vài lần hẳn nhìn thấy lão cầm nó. Những người hạnh phúc ngồi ngồi chẳng bao giờ lại ôm súng trong lòng như thế cả.

“Thế là tôi bảo hẳn, tôi nói chứ, Đừng có nổi đóa lên vậy. Cứ có người phản bác lại những ý tưởng quý báu của mình là bao giờ các anh cũng nổi đóa lên. Cậu có để ý thấy điều đó ở dân Thiên Chúa không?”

Hẳn không để ý nhưng cũng ừ bừa.

“Chỉ có điều thẳng cha này lại lắng nghe. Hẳn thực sự chịu lắng nghe. Và cuối cùng bọn tôi đến Hossen’s Bakery uống cà phê. Ở đó, tôi biết chuyện này thật khó tin, chúng tôi quả thực đã gần như là đối thoại. Tôi chẳng đặt quá nhiều hy vọng lắm vào loài người, nhưng thỉnh thoảng cũng có lúc này lúc khác...”

Brady rất chắc chắn rằng bức thư sẽ khiến tên cớm già phấn chấn lên, ít nhất là ban đầu. Lão đâu có nhận được ngần ấy lời vinh danh công trạng nếu là kẻ ngu đần, và lão sẽ nhìn thấy ngay gợi ý được che đậy về việc lão nên tự sát theo cách mà bà Trelawney đã làm. Che đậy? Che không kín lắm. Ý đồ đó đã lộ lộ ngay từ đầu rồi. Brady tin rằng lão cớm già sẽ lờng

lộn lên, ít nhất là trong một thời gian. Nhưng một khi lão chẳng đi được đến đâu, nó sẽ càng khiến cho cú ngã còn đau đớn hơn. Và rồi, một khi lão cóm già bập phải mỗi câu Chiếc Ô Xanh, Brady có thể thực sự bắt tay vào việc.

Lão cóm già đang nghĩ, *Nếu tao có thể khiến mày nói chuyện, tao sẽ dụ được mày.*

Chỉ có điều Brady dám cược rằng lão cóm già chưa bao giờ từng đọc Nietzsche; Brady cược rằng lão giống một người thích John Grisham hơn. Ấy là nếu lão có đọc sách. *Khi người trừng mắt nhìn sâu vào vực thăm, Nietzsche đã viết, vực thăm cũng trừng mắt nhìn người.*

Tao là vực thăm đây, lão già. Chính tao.

Tất nhiên lão cóm già là thách thức lớn hơn mụ Olivia Trelawney dằn vặt đáng thương kia... nhưng việc đánh gục bà ta là một cú chích bóng giầy vào hệ thần kinh mà Brady không thể dừng được khao khát được thử lại lần nữa. Ở một vài góc độ thì việc dồn ép Livvy<sup>[14]</sup> Ngọt ngào đến mức loạn óc còn ép phê hơn cả việc phạt một đường cắt đâm máu qua đám vô lại tìm việc ở City Center. Vì nó đòi hỏi phải có đầu óc. Nó đòi hỏi phải có sự đầu tư công sức. Nó đòi hỏi phải lên kế hoạch. Và đôi chút tiếp tay của bọn cảnh sát cũng chẳng hại gì. Liệu chúng có đoán được rằng chính những suy đoán lầm lạc của chúng cũng có lỗi một phần trong việc Livvy Ngọt ngào tự tử? Có lẽ Huntley thì không, một khả năng như vậy sẽ chẳng bao giờ hiện lên trong cái đầu trì độn của hắn. À, nhưng còn Hodges. Có thể lão nghi ngờ. Một vài con chuột nhắt gặm nhấm mấy sợi thần kinh nằm tít sâu trong bộ óc cảnh sát lọc lõi của lão Brady hy vọng là vậy. Còn nếu không, có thể hắn sẽ tìm được cơ hội nói cho lão biết. Trên trang Chiếc Ô Xanh.

Dù vậy, chủ yếu vẫn là hắn. Brady Hartsfield. Công lao của ai thì người ấy hưởng. Vụ City Center là bằng búa tạ. Còn đối với Olivia Trelawney, hắn đã dùng một con dao phẫu thuật.

“Cậu có nghe tôi nói không đấy?” Freddi nói.

Hắn cười. “Chắc đoạn rồi tôi có hơi lơ đãng một chút.”

Đừng bao giờ nói dối khi bạn có thể nói thật. Sự thật không phải lúc nào cũng là con đường an toàn nhất, nhưng hầu hết là như vậy. Hẳn mơ màng tự hỏi không biết cô ta sẽ nói gì nếu hẳn nói với cô ta, Freddi, tôi chính là tên Sát nhân Mercedes. Hoặc nếu hẳn nói, Freddi, có bốn cân rưỡi thuốc nổ dẻo tự chế trong tủ dưới tầng hầm nhà tôi.

Cô ta đang nhìn hẳn như thể cũng đọc được những ý nghĩ đó và Brady chột thấy chột dạ. Rồi cô ta nói, “Là do làm hai công việc một lúc đấy, anh bạn ạ. Nó sẽ làm cậu đổ mất thôi.”

“Ừ, nhưng tôi muốn quay trở lại trường đại học, và chẳng có ai trả tiền cho chuyện đó ngoại trừ chính tôi cả. Mà lại còn mẹ tôi nữa.”

“Bọm vang.”

Hẳn cười. “Thực ra mẹ tôi giống dân bọm vodka hơn.”

“Mời tôi đến nhà đi,” Freddi nói một cách nghiêm nghị. “Tôi sẽ lôi phéng bà ấy đến một buổi họp mặt AA<sup>[15]</sup> là xong.”

“Chẳng ăn thua đâu. Cậu biết Dorothy Parker đã nói gì, đúng không? Bạn có thể dẫn một ả điếm đến với văn hóa, nhưng bạn không thể bắt ả suy nghĩ.”

Freddi ngẫm nghĩ trong giây lát, rồi ngửa đầu ra sau và cất lên một tràng cười khàn đục vị Marlboro. “Tôi chẳng biết Dorothy Parker là ai, nhưng tôi sẽ lưu câu ấy lại.” Cô ta lấy lại vẻ nghiêm nghị. “Nghiêm túc nhé, sao cậu không hỏi Frobisher xin làm thêm mấy giờ. Công việc kia của cậu chẳng bõ bèn gì.”

“Tôi sẽ cho cô biết tại sao cậu ấy không xin Frobisher cho làm thêm giờ,” Frobisher vừa nói, vừa bước từ bên trong ra sân chất hàng. Anthony Frobisher còn trẻ và đeo kính nhìn như một sách. Ở khoản này thì trông gã cũng giống hầu hết nhân viên của Discount Electronix. Brady cũng còn trẻ, nhưng dễ nhìn hơn Tones Frobisher. Dù không thể gọi hẳn là đẹp trai được. Thế cũng tốt. Brady rất sẵn lòng được xem như không có gì nổi bật.

“Khai sáng bọn này xem nào,” Freddi nói và dụi tắt điếu thuốc lá. Qua phía bên kia của khu vực bốc hàng, phía sau cửa hàng bán lẻ chiếm giữ dải phía Nam của trung tâm mua sắm Birch Hill, là nơi đỗ xe của các nhân viên

(chủ yếu là những chiếc xe cũ cà tàng) và ba chiếc VW Beetles sơn màu xanh lục sáng. Những chiếc xe luôn được lau rửa sạch bóng, và ánh mặt trời cuối xuân lấp lánh trên cửa kính của chúng. Ở hai bên thân xe, sơn màu xanh da trời, là CỐ VẤN ĐỀ VỚI MÁY TÍNH? HÃY GỌI CHO CYBER PATROL CỦA DISCOUNT ELECTRONIX!

“Circuit City đã toi còn Best Buy thì đang ngắc ngoải,” Frobisher nói bằng giọng của giáo viên trung học đang giảng bài. “Discount Electronix cũng đang ngắc ngoải, cùng với nhiều công ty khác đang phải thở bằng máy do hậu quả của cách mạng máy tính: các tờ báo, nhà xuất bản sách, cửa hàng băng đĩa, và Công ty Dịch vụ Bưu chính Hoa Kỳ. Đấy mới chỉ là vài ví dụ thôi.”

“Cửa hàng băng đĩa?” Freddi vừa hỏi, vừa chiêm một điều thuốc khác. “Cửa hàng băng đĩa là cái gì?”

“Hỏi hơi bị xóc óc đấy,” Frobisher nói. “Tôi có một người bạn cứ khăng khăng là dân les không có khiếu hài hước, nhưng...”

“Anh mà có bạn cơ à?” Freddi hỏi. “Ái chà chà. Ai biết đâu?”

“... nhưng rõ ràng cô đã chứng tỏ là anh ta sai. Các người không làm thêm giờ vì công ty đang sống sót chỉ nhờ vào máy tính mà thôi. Hầu hết là đồ rẻ tiền sản xuất tại Trung Quốc và Philippines. Đa đa số khách hàng của chúng ta không còn muốn những thứ rác rưởi khác mà chúng ta bán.” Brady nghĩ chỉ có Tones Frobisher mới nói đại đa số. “Điều này một phần là vì cuộc cách mạng công nghệ, nhưng cũng là do...”

Frobisher tức tối lườm họ một lúc, rồi nói, “Ít nhất thì các người cũng còn chịu nghe. Brady, cậu tan ca lúc hai giờ đúng không?”

“Vâng. Việc kia của tôi bắt đầu lúc ba giờ.”

Frobisher nhăn cái phần mũi quá khổ giữa mặt gã để thể hiện mình nghĩ gì về công việc kia của Brady. “Có phải tôi vừa nghe cậu nói gì về việc quay lại trường học à?”

Brady không trả lời câu hỏi đó, vì bất kỳ điều gì hắn nói cũng có thể sai lầm. Anthony “Tones” Frobisher không được phép biết là Brady ghét gã. Căm thù gã bỏ mẹ. Brady ghét tất cả mọi người, kể cả bà mẹ say xỉn

của hẳn, nhưng cũng giống như lời bài hát nhạc đồng quê cũ ấy: lúc này thì không ai cần biết làm gì.

“Cậu hai mươi tám rồi, Brady. Đủ lớn để cậu không còn phải chơi cái trò mua bảo hiểm tập thể<sup>[16]</sup> rẻ mạt ấy mới có tiền mua bảo hiểm xe - điều đó thì cũng tốt thôi - nhưng hơi quá già để bắt đầu sự nghiệp học làm kỹ sư điện. Hoặc kể cả lập trình máy tính nữa.”

“Đừng thối thế chứ,” Freddi nói. “Đừng có thối như cứt thế, Tones.”

“Nếu nói thật mà biến người thành cứt, tôi sẽ làm cứt.”

“Ừ”, Freddi nói. “Anh sẽ đi vào lịch sử. Tones Cứt Thối Nói Thật. Bọn trẻ ở trường sẽ học về anh.”

“Tôi không thấy phiền vì một chút sự thật đâu,” Brady nói.

“Tốt. Cậu có thể không thấy phiền suốt thời gian cậu nhập danh mục và dán nhãn đĩa DVD luôn. Bắt đầu ngay bây giờ.”

Brady vui vẻ gật đầu, đứng lên và phủ bụi sau hông quần. Chương trình khuyến mại năm mươi phần trăm của Discount Electronix sẽ bắt đầu lần sau đó; ban giám đốc ở New Jersey đã quyết định rằng DE phải rút ra khỏi ngành kinh doanh đĩa DVD vào tháng Một năm 2011. Dòng sản phẩm béo bở một thời nay đã bị bóp nghẹt bởi Netflix và Redbox. Chẳng mấy chốc sẽ chẳng còn gì trong cửa hàng ngoài máy tính gia đình (sản xuất tại Trung Quốc và Philippines) và ti vi màn hình phẳng, thứ mà trong thời buổi suy thoái nặng này ít người có khả năng mua.

“Còn cô,” Frobisher nói, quay sang Freddi, “có một cuộc gọi chăm sóc khách hàng.” Gã chìa cho cô ta một tờ giấy giao việc màu hồng. “Một bà già bị treo máy. Dù sao thì đó cũng là những gì bà ấy nói.”

“Rõ, mon captian<sup>[17]</sup>. Tôi sống để phục vụ mà.” Cô ta đứng bật dậy, giơ tay chào và cầm lấy tờ phân công gã đang chìa ra.

“Nhét cái áo vào trong quần. Đội mũ lên cho khách đỡ ghê cái kiểu đầu quái gở ấy. Đừng lái xe nhanh quá. Thêm một vé phạt nữa là cuộc sống mà cô vẫn quen ở Cyber Patro, sẽ chấm dứt. Còn nữa, nhật sạch mấy cái đầu lọc thuốc lá chết tiệt kia trước khi cô đi đấy.”

Gã ta biến vào trong trước khi cô ta kịp bật lại.

“Dán nhãn DVD cho cậu, và một bà già với một chiếc CPU chắc nhét đầy vụn bánh quy Graham cho tôi,” Freddi vừa nói, vừa nhảy xuống và đội mũ lên. Cô ta vấy tờ giấy ra như kiểu dân xã hội đen rồi băng ngang ra chỗ mấy chiếc VW mà thậm chí không thèm liếc mấy cái đầu lọc thuốc lá. Cô ta dừng lại đủ lâu để ngoảnh lại nhìn Brady, tay chống trên cặp hông con trai đẹp lép của mình. “Đây không phải là cuộc sống tôi đã hình dung cho mình hồi học lớp năm.”

“Tôi cũng thế,” Brady khẽ nói.

Hắn nhìn cô ta tếch đi thực hiện sứ mệnh giải cứu một bà già có lẽ đang phát điên vì không thể tải xuống được công thức làm món bánh giả nhân táo yêu thích của mình. Lần này Brady tự hỏi Freddi sẽ nói gì nếu hắn cho cô ta biết cuộc sống của hắn là như thế nào khi hắn còn bé. Đó là khi hắn giết em trai của mình. Và mẹ hắn đã che đậy chuyện đó.

Tại sao bà ta lại không làm thế chứ?

Xét cho cùng, đó hầu như là ý tưởng của bà ta.



**T**rong khi Brady đang dán nhãn GIẢM GIÁ 50% lên những bộ phim cũ của Quentin Tarantino còn Freddi đang giúp bà già Vera Wilkins bên mạn West Side (hóa ra bàn phím của bà ta mới là nơi chứa đầy mẩu vụn bánh), Bill Hodges rẽ khỏi Lowbriar, con phố bốn làn xe tách đôi thành phố và là nguồn gốc cho tên gọi của khu Lowtown, từ đó vào trong bãi đỗ xe bên cạnh nhà hàng Italy của DEMASIO. Ông chẳng cần phải là Sherlock Holmes mới biết rằng Pete đã đến đây trước. Hodges đậu xe cạnh một chiếc sedan Chevrolet màu xám trộn với những lớp xe viền đen như chỉ chực hét lên cảnh sát thành phố đây và bước ra khỏi chiếc Toyota cũ của ông, một chiếc xe cũng chỉ chực hét lên dân về vườn đây. Ông sờ nấp ca pô chiếc Chevrolet. Ầm. Pete cũng không đến sóng hơn ông bao nhiêu.

Ông dừng lại trong giây lát, tận hưởng buổi sáng gần trưa với ánh mặt trời rực rỡ và những vệt bóng sắc nét, ngắm nhìn cây cầu vượt phía dưới một khối phố. Các băng đảng ở đó nhiều đến ngập mông, và mặc dù bây giờ chỗ đó trống trơn (buổi trưa là giờ ăn sáng của những người dân bị ruồng bỏ của khu Lowtown), ông biết nếu đi bộ dưới cây cầu đó, ông sẽ ngửi thấy mùi chua loét của rượu vang và whiskey rẻ tiền. Chân ông sẽ miết lạo xạo trên những mảnh chai vỡ. Ở dưới rãnh nước còn nhiều chai lọ hơn. Loại chai nhỏ màu nâu.

Không còn là vấn đề của ông nữa. Vả lại, bóng tối bên dưới cây cầu vượt đang trống không, còn Pete thì đang đợi ông Hodges bước vào và lấy làm hài lòng khi Elaine ở cửa đón khách mỉm cười và chào ông bằng tên, mặc dù đã mấy tháng rồi ông không lại đây. Có khi cả năm rồi. Tất nhiên



Pete đang ở một trong những bàn ngăn riêng, đang giơ tay về phía ông, và có thể là Pete đã làm mới lại trí nhớ của bà ta, giống như cánh luật sư nói.

Ông giơ tay đáp lại, và đến khi ông đến ô bàn ngăn, Pete đã đứng sẵn bên cạnh, hai cánh tay giơ lên để ôm chặt ông. Họ vỗ vỗ lên lưng nhau đúng số lần cần thiết và Pete bảo ông rằng trông ông rất ổn.

“Bạn biết ba Giai đoạn của Đời Người chứ?” Hodges hỏi.

Pete vừa lắc đầu, vừa ngoác miệng cười.

“Thanh niên, trung niên, và trông anh phong độ quá thế.”

Pete cười phá lên và hỏi Hodges có biết cô nàng tóc vàng hoe đã nói gì khi cô ta mở hộp ngũ cốc Cheerios. Hodges nói rằng ông không biết. Pete làm bộ với đôi mắt mở to ngỡ ngàng và nói, “Ôi! Xem những hạt giống bánh rán nhỏ xíu kháu khỉnh chưa này?”

Hodges cũng bật ra tràng cười phá lên theo nghĩa vụ (mặc dù ông không nghĩ câu chuyện này là ví dụ dí dỏm lắm về dân Tóc Vàng hoe), và sau những màn nghi thức lúc này đã xong xuôi, họ ngồi xuống. Một nam bồi bàn bước lại - không có bồi bàn nữ ở DEMASIO'S, chỉ có những người đàn ông đứng tuổi đeo tạp dề sạch tinh buộc cao trên bộ ngực gà khăng khiu của họ - và Pete gọi một bình vaj bia. Bud Lite, không phải Ivory Special. Khi bia đến, Pete nâng cốc lên.

“Uống mừng anh nào, Billy, và cuộc sống sau công việc.”

“Cảm ơn.”

Họ chạm cốc và uống. Pete hỏi thăm về Allie còn Hodges hỏi thăm về con trai và con gái của Pete. Vợ của họ, cả hai đều có chữ cũ đi kèm, cũng được nhắc đến (như thế để chứng tỏ cho người kia - với chính mỗi người - rằng mình không hề e sợ nhắc đến họ) và rồi bị trục xuất khỏi cuộc nói chuyện. Họ gọi đồ ăn. Đến khi đồ ăn được mang ra, họ đã xong phần hai đĩa cháu ngoại của Hodges và đã phân tích cơ hội của đội Cleveland Indians, vốn thế nào lại là đội nhà nghề gần nhất. Pete ăn món ravioli, còn Hodges là spaghetti với tỏi và dầu, lần nào đến đây ông cũng gọi món này.

Được giữa chừng quá trình nạp năng lượng, Pete lấy một mẫu giấy được gấp lại từ túi áo ngực ra và đặt nó, với vẻ trịnh trọng, cạnh đĩa của mình.

“Cái gì vậy?” Hodges hỏi.

“Bằng chứng rằng kỹ năng thám tử của tôi vẫn sắc bén như mọi khi. Tôi không gặp anh sau cái màn biểu diễn kinh dị ở Raintree Inn - nhân tiện nói luôn là tôi say ngất ngư đến ba ngày mới hết - và tôi nói chuyện với anh, mấy nhì, được hai lần? Ba lần? Và rồi, keng, anh mời tôi đi ăn trưa. Tôi có ngạc nhiên không? Không. Tôi có đánh hơi thấy động cơ mờ ám nào không? Có. Vậy nên chúng ta hãy xem tôi có đúng không nào.”

Hodges nhún vai. “Tôi giống như con mèo tò mò. Cậu biết người ta nói gì rồi đấy - sự hài lòng đưa nó quay trở lại.”

Pete Huntley đang cười phớt lờ, và khi Hodges với tay lấy mẫu giấy gấp, Pete giơ tay che nó lại. “Không-không-không-không. Anh phải nói ra mới được. Đừng có ngại ngần, Kermit.”

Hodges thở dài và bấm đếm bốn nội dung trên những ngón tay. Khi ông đã xong, Pete đẩy mẫu giấy qua bàn. Hodges mở nó ra và đọc:

1. *Davis*
2. *Yêu ma xanh trong công viên*
3. *Cướp hiệu cầm đồ*
4. *Tên Sát nhân Mercedes*

Hodges giả vờ ra vẻ ngỡ ngàng. “Cậu bắt được thóp tôi rồi, cảnh sát trưởng. Đừng hé răng điều gì nếu cậu không muốn.”

Pete tỏ vẻ nghiêm nghị. “Chúa ơi, nếu anh không quan tâm đến những vụ án vẫn còn dang dở khi anh rửa tay gác kiếm thì tôi mới là người thất vọng. Bấy lâu nay tôi vẫn... hơi lo cho anh.”

“Tôi không muốn chõ mũi vào hay gì cả.” Hodges cũng phải lấy làm choáng vì câu nói dối to đùng đó buột ra trơn tru ngọt như mía lùi.

“Mũi anh đang mọc dài ra kìa, Pinocchio.”

“Không, nghiêm túc đấy. Tất cả những gì tôi muốn là cập nhật tình hình thôi.”

“Rất hân hạnh được đáp ứng. Bắt đầu với Donald Davis nhé. Anh biết kịch bản rồi đấy. Hẳn làm rồi tung bất kỳ công ty nào mà hẳn nhúng tay vào, gần đây nhất là Davis Classic Cars. Thằng cha này ngập sâu trong nợ

nần đến nỗi lẽ ra hẳn phải đổi tên là Thuyền trưởng Nemo mới đúng. Ngoài ra còn hai ba em mèo mỡ nữa.”

“Lúc tôi về nghỉ thì là ba,” Hodges nói, và quay lại giải quyết món pasta của mình. Ông ở đây không phải vì Donald Davis, hay tên yêu râu xanh trong công viên, hay kẻ đã hoành hành tại các tiệm cầm đồ và cửa hàng bán đồ uống suốt bốn năm qua; chúng chỉ là vật nguy trang. Nhưng ông cũng không khỏi thấy tò mò.

“Cô vợ mệt mỏi vì vụ nợ nần và mấy em bồ. Đang chuẩn bị giấy tờ ly dị thì cô ta biến mất. Câu chuyện xưa như trái đất. Hẳn trình báo là vợ mất tích và tuyên bố phá sản ngay ngày hôm đó. Trả lời phỏng vấn trên ti vi rồi vãi ra cả một xô nước mắt cá sấu. Chúng tôi biết hẳn giết cô ta, nhưng không tìm thấy thi thể...” ta nhún vai. “Anh đã tham dự những cuộc gặp với Diana Đầu Đất rồi đấy.” Anh ta đang nói tới bà công tố viên quận của thành phố.

“Vẫn không thuyết phục được bà ta truy tố hẳn à?”

“Không có xác, bác truy tố. Cảnh sát ở Modesto biết Scott Peterson là thủ phạm mười mười mà vẫn không thể truy tố hẳn, mãi đến khi họ tìm được thi thể của vợ con hẳn. Anh biết mà.”

Hodges biết. Ông và Pete đã nói về vụ Scott và Laci Peterson rất nhiều trong quá trình họ điều tra vụ mất tích của Sheila Davis.

“Nhưng biết sao không? Tìm thấy máu ở căn nhà nghỉ mùa hè của họ bên hồ.” Pete ngừng một lát cho thêm phần kịch tính, rồi ném nốt phần tin nóng còn lại. “Chính là cô ta.”

Hodges chồm người về trước, tạm thời quên phắt đồng hồ ăn. “Từ khi nào?”

“Tháng trước.”

“Vậy mà cậu chẳng nói gì với tôi?”

“Thì tôi đang nói đây. Vì bây giờ anh mới hỏi. Đang cho tìm kiếm ở đó. Cảnh sát hạt Victor phụ trách.”

“Có ai nhìn thấy hẳn trong khu vực ấy trước khi Shella mất tích không?”

“Ồ có chứ. Hai đứa bé. Davis khẳng khẳng là hắn đang đi lùng tìm nấm. Kiểu Euell Gibbons<sup>[18]</sup> chết tiệt, ông biết chứ? Một khi người ta tìm được cái xác - hoặc nếu họ tìm được cái xác - ông bạn Dounie Davis có thể dừng việc chờ cho đủ bảy năm qua đi để có thể nộp kiến nghị tòa tuyên bố vợ mình đã chết rồi lĩnh tiền bảo hiểm.” Pete cười ngoác miệng. “Nghĩ mà xem, hắn sẽ tiết kiệm được khối thời gian.”

“Yêu râu xanh trong công viên thì sao?”

“Thực sự chỉ là vấn đề thời gian thôi. Chúng tôi biết hắn là người da trắng, chúng tôi biết hắn thuộc độ tuổi thanh thiếu niên hoặc ngoài hai mươi, và chúng tôi còn biết hắn luôn thèm khát loại máy bay bà già hấp dẫn ấy.”

“Các cậu cho người đóng giả ra như, đúng không? Vì hắn thích thời tiết ấm áp.”

“Chúng tôi đang làm thế, và chúng tôi sẽ tóm hắn.”

“Sẽ rất tuyệt nếu các cậu tóm hắn trước khi hắn làm hại một quý bà ngoài năm mươi nào nữa đang trên đường đi làm về.”

“Chúng tôi đang gắng hết sức.” Pete hơi phật ý, và khi người bồi bàn của họ có vẻ như sắp hỏi mọi việc có ổn không, Pete xua ông ta đi chỗ khác.

“Tôi biết,” Hodges nói. Vỗ về xoa dịu. “Tên cướp hiệu cầm đồ thì sao?”

Pete lại cười ngoác miệng. “Young Aaron Jefferson.”

“Hả?”

“Đó là tên thật của hắn, mặc dù hồi chơi bóng cho đội City High, hắn tự xưng là YA. Anh biết đấy, kiểu như YA Tittle<sup>[19]</sup>. Mặc dù bạn gái của hắn - cũng là mẹ đứa con ba tuổi của hắn - khai với chúng tôi rằng hắn gọi ông ấy là YA Titties<sup>[20]</sup>. Khi tôi hỏi cô ta là hắn đùa hay nghiêm túc, cô ta bảo là cô ta hoàn toàn không biết.”

“Đây là một câu chuyện khác mà Hodges biết, cũ rích đến nỗi tưởng như nó bước ra từ Kinh Thánh... và có lẽ còn một phiên bản của nó đâu đó bên trong. “Để tôi đoán xem nào. Hắn thực hiện được hơn chục vụ...”

“Đến giờ là mười bốn rồi. Vung vẩy khẩu cửa nòng ấy như Omar trong The Wire.”

“... và luôn trốn thoát cùng khẩu súng ấy vì hắn có vận may của quý. Và rồi hắn phản bội bà mẹ trẻ con. Cô ta lên cơn tam bành và tố cáo hắn.”

Pete đan ngón tay thành hình khẩu súng trở vào người cộng sự cũ. “Trúng phóc. Và lần tới khi Young Aaron bước vào một hiệu cầm đồ hoặc một cửa hàng đổi tiền với khẩu súng cửa nòng của hắn, chúng tôi sẽ biết trước, và thế là thiên thần gãy cánh nhé.”

“Sao phải chờ?”

“Vẫn là mục công tố viên quận,” Pete nói. “Anh mang cho Diana Đầu đất một miếng bít tết, và mục ta bảo, Nấu cho tôi, nếu không đúng là tái vừa, tôi sẽ trả lại.”

“Nhưng các cậu tóm được hắn rồi cơ mà.”

“Tôi cá với anh một bộ lớp viền trắng là YA Titties sẽ nằm nhà tù hạt trước ngày tháng Bảy và đến Giáng sinh là chuyển lên bang. Davis và gã yêu râu xanh thì có thể lâu hơn, nhưng chúng tôi sẽ tóm chúng. Anh muốn ăn tráng miệng không?”

“Không. Có.” Quay sang người bồi bàn, ông nói, “Ông vẫn còn loại bánh rượu rum ấy chứ? Loại sô cô la đen ấy?”

Người bồi bàn tỏ ra tự ái. “Vâng, thưa ông. Trước giờ vẫn thế.”

“Tôi sẽ lấy một miếng đó. Và cà phê nữa. Pete?”

“Tôi sẽ giải quyết nốt chỗ bia còn lại.” Nói xong, anh ta trút hết ra khỏi bình. “Anh chắc về cái bánh chứ, Billy? Trông như anh đã tăng thêm vài cân kể từ lần gần đây nhất tôi gặp anh.”

Đó là sự thật Hodges ăn ngẫu nhiên khi về hưu, nhưng chỉ một hai ngày vừa rồi ông mới có cảm giác ngon miệng. “Tôi đang nghĩ đến Weight Watchers<sup>[21]</sup> .”

Pete gật đầu. “Vậy sao? Tôi thì lại đang nghĩ đến việc đi tu.”

“Quý tha ma bắt anh đi. Tên Sát nhân Mercedes thì sao?”

“Chúng tôi vẫn đang bủa vây khu vực quanh nhà bà Trelawney - thực ra ngay lúc này Isabelle đang có mặt ở đó - nhưng tôi sẽ sốc lắm nếu cô ấy

hay ai tìm thấy đầu mối đáng kể nào. Những cánh cửa mà Izzy đang gõ đã được gõ lên cả chục lần rồi. Hung thủ ăn trộm chiếc xe sang của Trelawney, lái xe ra từ trong màn sương mù, gây tội ác, rồi lại biến vào trong màn sương, vút xe lại, và... chẳng có gì hết. Quý ông YA Titties chẳng đáng kể gì, chính gã Mercedes này mới thực sự gọi là may mắn như quý. Chỉ cần hấn gây tội ác chậm hơn một tiếng thôi là đã có cảnh sát ở đó rồi. Để kiểm soát đám đông.”

“Tôi biết.”

“Anh có nghĩ là hấn biết trước không, Billy?”

Hodges lật qua lật lại bàn tay để thể hiện rằng điều đó thật khó nói. Có thể, nếu ông và tên Sát nhân Mercedes bắt đầu một cuộc trò chuyện trên cái trang Chiếc Ô Xanh kia, ông sẽ hỏi.

“Tên khốn giết người đó lẽ ra đã có thể mất kiểm soát khi hấn bắt đầu đâm mọi người và tông xe vào chỗ nào đấy, nhưng điều đó không xảy ra. Công nghệ Đức, tốt nhất thế giới, đó là những gì Isabelle nói. Lẽ ra có thể ai đó đã nhảy lên nắp ca pô và che khuất tầm nhìn của hấn, nhưng chẳng ai làm thế cả. Một trong những cây cọc chằng dải băng CẤM VƯỢT QUA lẽ ra đã có thể bật lên dưới gầm xe và mắc cứng vào đó, nhưng cả điều đó cũng đã không xảy ra. Và lẽ ra cũng phải có ai đó nhìn thấy hấn khi hấn đậu xe đằng sau nhà kho đó và xuống xe khi đã tháo mặt nạ, nhưng chẳng có ai hết.”

“Lúc đó là năm giờ hai mươi lăm phút sáng,” Hodges chỉ ra vấn đề, “và kể cả là giữa trưa thì khu vực đó cũng hầu như bị bỏ hoang.”

“Chỉ vì cuộc suy thoái,” Pete Huntley rầu rĩ nói. “Thế đấy, thế đấy. Có lẽ phải đến nửa số người làm việc ở những nhà kho đó trước kia cũng đã ở City Center, đợi cái hội chợ việc làm khốn kiếp ấy bắt đầu. Xơi một chút trở trêu đi, tốt cho máu của anh đấy.”

“Vậy là các cậu chưa có gì.”

“Bóng chim tắm cá.”

Bánh của Hodges được đưa ra. Ngon đã ngon mà ăn còn ngon hơn.

Khi người bồi bàn đi khỏi, Pete nhào người qua bàn. “Cơn ác mộng của tôi là hấn sẽ lại ra tay lần nữa. Tôi sợ một đợt sương mù nữa sẽ tràn vào

từ hồ và hẳn sẽ lại ra tay lần nữa.”

Hắn bảo rằng sẽ không làm nữa, Hodges vừa nghĩ vừa tọng một nĩa tương thánh ngon lành đó vào miệng. Hắn bảo hẳn hoàn toàn không có thôi thúc nào. Hắn bảo một lần là quá đủ.

“Trò đó hoặc trò khác,” Hodges nói.

“Tôi cãi nhau một trận ra trò với con gái tôi hồi tháng Ba,” Pete nói. “Cãi nhau như mổ bò. Tôi không gặp con bé một lần hồi tháng Tư. Thế là nó bỏ hết những dịp gặp cuối tuần.”

“Vậy sao?”

“Vậy đây. Con bé muốn đi xem một cuộc thi của đội cổ vũ. Bring the Funk, tôi nghĩ đó là tên cuộc thi thì phải. Hầu như là tất cả các trường trong bang đều tham gia. Anh có nhớ là Candy lúc nào cũng phát rồ lên vì bọn con gái trong đội cổ vũ không?”

“Ừ,” Hodges nói. Ông chẳng nhớ.

“Nó có một chiếc váy xếp ly bé xíu hồi mời bốn hay sáu tuổi gì đó, chúng tôi không sao dứt được nó ra khỏi cái váy. Hai bà phụ huynh nói họ sẽ đưa bọn con gái đi. Còn tôi thì bảo Candy là không. Anh biết tại sao chứ?” Đương nhiên là ông biết.

“Vì cuộc thi diễn ra ở City Center, đó là lý do. Trong tâm trí của mình, tôi có thể hình dung ra cảnh một nghìn đứa con gái mới lớn đua đòi cùng mẹ chúng lượn lờ bên ngoài, chờ cửa mở, vào lúc trời nhập nhoạng tối thay vì bình minh, nhưng anh biết đó cũng là lúc sương mù ở hồ tràn vào nữa. Tôi có thể tưởng tượng cảnh thẳng khốn kiếp ấy lao vào họ trong một chiếc Mercedes ăn cắp khác - hoặc lần này có khi còn là một chiếc Hummer chết tiệt nữa - và lũ trẻ cùng các bà mẹ chỉ biết đứng đó, ngó sững như con hươu gặp đèn pha. Vì thế tôi bảo không. Lẽ ra anh phải được nghe con bé hét vào mặt tôi lúc ấy, Billy ạ, nhưng tôi vẫn bảo không được. Con bé không chịu nói chuyện với tôi cả tháng liền, và sau đó nó vẫn không chịu nói chuyện với tôi trừ phi Maureen đưa nó đến. Tôi đã bảo Mo là tuyệt đối không được, thách cô dám, và cô ta nói, đó là lý do tại sao tôi bỏ anh, Pete, vì tôi phát ốm với việc phải nghe anh nói đừng hòng với lại thách cô dám rồi. Và



tất nhiên là đã không có chuyện gì xảy ra.” Anh ta uống nốt chỗ bia còn thừa, và lại nhòai người qua.

“Tôi hy vọng là có nhiều người ở cùng tôi khi chúng tôi tóm được hắn. Nếu tôi mà tóm được hắn một mình, chắc riêng tội làm tôi bất hòa với con gái cũng đủ khiến tôi giết hắn rồi.”

“Vậy còn hy vọng có nhiều người làm gì?”

Pete ngẫm nghĩ, rồi bối rối mỉm cười. “Anh nói cũng có lý.”

“Cậu có bao giờ băn khoăn về bà Trelawney không?” Hodges buông câu hỏi một cách băng quơ, nhưng ông đã nghe về Olivia Trelawney rất nhiều từ khi bức thư nặc danh thả qua khe cửa. Thậm chí từ trước đó. Vài lần trong quãng thời gian xám xịt sau khi nghỉ hưu của mình, ông còn mơ thấy bà ta. Khuôn mặt dài đó - khuôn mặt của một con ngựa rầu rĩ. Bộ mặt như muốn nói chẳng ai hiểu cả và cả thế giới này chống lại tôi. Ngần ấy tiền và không sao đếm nổi những điều may mắn trong đời bà ta, đầu tiên phải kể đến việc không phải trông vào đồng lương. Đã không biết bao nhiêu năm trôi qua kể từ dạo bà T phải cân đối lại tài khoản của mình hoặc theo dõi máy trả lời tự động để canh chừng những cuộc gọi từ bọn thu hồi nợ, vậy mà bà ta chỉ đếm được những điều tiêu cực, kể lẽ vụn vặt một danh sách dài những lần cắt tóc hỏng và cánh phục vụ thô lỗ. Bà Olivia Trelawney với những chiếc váy cổ thuyền chẳng ra kiểu dáng gì của bà ta, khăng khăng rằng đã là thuyền thì chỉ có ngoặt về mạn phải hoặc về mạn trái. Đôi mắt ầng ậc nước dường như lúc nào cũng chỉ chực trào lệ. Chẳng có ai ưa bà ta, và trong đó bao gồm cả Thanh ra Bạc Một Kermit William Hodges. Chẳng ai ngạc nhiên khi bà ta tự tử, trong đó cũng bao gồm cả chính tay Thanh tra Hodges này. Cái chết của tám con người - chưa kể thương tật của rất nhiều người khác - là một gánh nặng rất lớn đè lên lương tâm.

“Băn khoăn gì về bà ta cơ?” Pete hỏi.

“Rằng rốt cuộc bà ấy có nói thật không. Về chiếc chìa khóa.”

Pete nhướng mày. “Thì bà ta tưởng là mình đang nói thật. Anh cũng biết điều đó rõ như tôi. Bà ta tự ru bản thân mình triệt để đến nỗi khéo bà ta còn qua được bài kiểm tra bằng máy phát hiện nói dối ấy chứ.”

Đúng là như vậy, và cả hai người họ đều chẳng lấy làm ngạc nhiên về Olivia Trelawney. Chúa biết là họ đã từng gặp những người khác giống bà ta. Những tên tội phạm chuyên nghiệp luôn chốt dạ ngay cả khi chúng không hề gây ra một hoặc nhiều tội ác mà chúng bị lôi vào để thẩm vấn, bởi vì chúng biết thừa rằng mình có tội nào đó. Những công dân tử tế lại không thể nào tin nổi đó là sự thật, và khi họ bị gọi lên thẩm vấn trước khi truy tố, Hodges biết, rất hiếm khi là có liên quan đến súng đạn gì. Không, thông thường là dính đến xe cộ. Tôi cứ tưởng mình đã cán qua một con chó, họ khẳng định như vậy, và bất kể họ có nhìn thấy gì qua gương chiếu hậu sau cú xóc nảy kếp khùng khiếp ấy, họ vẫn quả quyết tin là vậy.

Chỉ là một con chó.

“Tôi vẫn thấy băn khoăn,” Hodges nói. Thầm hy vọng là mình đang tỏ ra nghĩ ngợi thay vì giục giã.

“Thôi nào, Bill. Anh cũng thấy những gì tôi thấy mà, và bất kỳ lúc nào anh cần một cuộc tái khởi động, anh có thể ghé qua đồn và xem những bức ảnh.”

“Tôi biết mà.”

Những hợp âm đầu tiên của bản “Nighton Bald Mountain” vang lên từ túi chiếc áo khoác hiệu Men’s Warehouse của Pete. Anh ta móc điện thoại ra, nhìn nó, và nói, “Tôi phải nghe điện thoại đã.”

Hodges phác một cử chỉ xin-cứ-tự-nhiên.

“A lô?” Pete nghe máy. Mắt anh ta mở to, rồi anh ta đứng bật dậy nhanh đến nỗi chiếc ghế suýt đổ nhào. “Gì cơ?”

Những thực khách khác ngừng ăn và nhìn quanh. Hodges chăm chú nhìn.

“Đúng rồi... đúng rồi! Tôi sẽ tới đó ngay. Sao cơ? Đúng rồi, đúng rồi, được rồi. Đừng chờ, cứ đi đi.”

Anh ta đóng gập điện thoại và ngồi xuống. Anh ta đột nhiên sáng bừng lên rạng rỡ, và trong khoảnh khắc đó Hodges ghen tị với anh ta khủng khiếp.

“Tôi phải đi ăn với anh thường xuyên hơn mới được, Bill. Anh đúng là bùa may mắn của tôi, trước giờ vẫn thế. Chúng ta nói về điều gì là y như

rằng điều đó xảy ra.”

“Chuyện gì cơ”, ông chắc mẫm, Chính là gã Mercedes. Ý nghĩ tiếp sau đó thì vừa lố bịch vừa thảm hại: Lẽ ra hẳn phải là của mình.

“Izzy vừa gọi. Cô ấy mới nhận cuộc gọi của một viên đại tá cảnh sát bang ở hạt Victory. Một nhân viên kiểm lâm đã phát hiện ra mấy cái xương trong một mỏ đá khoảng một tiếng trước. Cái hố chỉ cách chỗ nghỉ hè bên hồ của Donnie Davis chưa đầy hai dặm, và anh biết sao không? Mấy cái xương có vẻ như còn dính cả những gì còn lại của một chiếc váy.”

Anh ta giơ tay qua bàn. Hodges đập tay ăn mừng vào đó.

Pete cất điện thoại trở lại trong cái túi nhàu nhĩ và rút ví ra. Hodges lắc đầu, thậm chí còn không thèm đánh lừa bản thân về cảm giác của ông lúc này: nhẹ nhõm. Nhẹ nhõm khủng khiếp. “Không, tôi mời. Cậu đi gặp Isabelle ở đó bây giờ à?”

“Đúng rồi.”

“Vậy lượn đi.”

“Được rồi. Cảm ơn vì bữa trưa.”

“Còn một điều này nữa, có nghe nói gì về Tumpike Joe không?”

“Đó là chuyện của bang,” Pete nói. “Và giờ là cả FBI nữa. Mời họ cứ tự nhiên. Theo như tôi biết thì họ vẫn chưa lần ra được gì. Vẫn chỉ đợi hẳn ra tay lần nữa và trông vào vận may.” Anh ta liếc nhìn đồng hồ.

“Đi đi, đi đi”

Pete dợm bước ra ngoài, dừng chân, quay trở lại bàn, và hôn chụt lên trán

Hodges. “Rất vui được gặp anh, cưng ạ.”

“Biến đi,” Hodges bảo anh ta. “Người ta lại bảo bọn mình yêu nhau đấy.”

Pete đi khỏi với một nụ cười nhăn nhó trên mặt, và Hodges nghĩ về cái tên đạo trước họ vẫn dùng để tự gọi mình: Những con chó săn của Thiên đường.

Ông tự hỏi không biết bây giờ mũi mình còn tinh được đến đâu.

Đó là thời điểm một tháng trước khi người đàn bà họ Trelawney nuốt những viên thuốc, có thể là còn ít hơn thế, và không một ai trong vụ tên Sát

nhân Mercedes may may đếm xia gì. Đối với họ - và cả ông - bà T. chỉ là một mục nhà giàu ích kỷ nhất định không chịu thừa nhận vai trò của mình trong những chuyện đã xảy ra.

Chiếc Mercedes SL bị đánh cắp khi đang đậu ở khu trung tâm, nhưng bà Trelawney, một bà góa mất ông chồng giàu sụ vì một cơn đau tim, lại sống ở Sugar Heights, một khu ngoại ô giàu có đúng như tên gọi của nó, khu này có rất nhiều lối đi quây kín cổng dẫn đến những tòa dinh thự mười bốn và hai mươi phòng. Hodges lớn lên ở Atlanta, và cứ mỗi khi lái xe qua Sugar Heights là ông lại nghĩ đến một khu phố hoa lệ của Atlanta được gọi là Buckhead.

Mẹ của bà T., Elizabeth Wharton, sống trong một căn hộ - một căn hộ rất đẹp, với những phòng to rộng như lời hứa của một ứng cử viên chính trị - tại một tòa chung cư cao cấp trên đại lộ Lake. Căn hộ có cả phòng cho một quản gia sống cùng, và một y tá riêng đến ba ngày mỗi tuần. Bà Wharton bị bệnh vẹo cột sống nặng, và thuốc Oxycontin của bà là thứ người con gái đã lấy trộm trong tủ thuốc của căn hộ khi quyết định từ giã cõi đời.

Tự tử càng chứng tỏ có tội. Ông nhớ câu nói đó của Trung úy Morrissey, nhưng bản thân Hodges thì vẫn luôn nghi ngờ, và dạo gần đây những nghi ngờ đó càng trở nên mạnh hơn bao giờ hết. Giờ thì ông biết rằng mặc cảm tội lỗi không phải là lý do duy nhất khiến con người ta tự tử.

Đôi khi có thể chỉ là vì bạn thấy buồn chán với chương trình ti vi buổi chiều.



Hai cảnh sát tuần tra đi motor tìm thấy chiếc Mercedes một tiếng sau vụ giết người. Nó ở sau một trong những nhà kho nằm rải rác bên bờ hồ.

Khoảnh sân lát rộng mênh mông chất đầy container gỉ sét xếp la liệt như những tượng đá trên đảo Phục sinh. Chiếc Mercedes màu xám được đỗ một cách cầu thả chéo giữa hai chồng container. Khi Hodges và Huntley tới nơi, thì đã có năm chiếc xe cảnh sát đỗ trong sân, hai chiếc đỗ đầu đầu vào nhau đằng sau thanh cản của chiếc xe, như thể cảnh sát sợ chiếc sedan khổng lồ màu xám sẽ tự khởi động, giống như chiếc Plymouth già cỗi trong phim kinh dị, và phóng vụt đi mất vậy.

Màn sương mù đã dày lên thành một cơn mưa mỏng. Nóc xe tuần tra rọi sáng những giọt nước đọng theo từng nhịp đèn xanh nhấp nháy.

Hodges và Huntley lại gần mấy tay cảnh sát tuần tra đi motor. Pete Huntley nói chuyện với hai người đã phát hiện ra chiếc xe trong khi Hodges đi một vòng xung quanh. Phần mũi chiếc SL500 chỉ hơi móp - công nghệ Đức lừng danh - nhưng nắp ca pô và kính chắn gió bê bết máu. Một ống tay áo sơ mi, lúc này đã cứng đờ vì máu, mắc vào lưới tản nhiệt. Cái này về sau truy ra là của August Odenkirk, một trong các nạn nhân.

Còn có một thứ gì đó nữa. Thứ gì đó lấp lánh ngay cả trong ánh sáng nhợt nhạt buổi sáng hôm ấy. Hodges quỳ xuống một bên đầu gối để nhìn cho rõ hơn. Ông còn đang ở tư thế đó thì Huntley tham gia.

“Cái quái gì vậy nhỉ?” Pete hỏi.

“Tôi nghĩ là một cái nhẫn cưới,” Hodges nói.

Đúng thế thật. Cái nhẫn vàng trơn thuộc về Francine Reis, ba mươi chín tuổi, ở đường Squirre, Ridge, về sau được trả lại cho gia đình cô. Người ta phải mai táng cô với chiếc nhẫn lồng trên ngón thứ ba bàn tay phải, vì ba ngón tay đầu tiên của bàn tay trái đã bị tiện đứt. Bộ phận pháp y phỏng đoán nguyên nhân là do cô đã giơ tay lên để che người theo bản năng khi chiếc Mercedes đâm bổ vào mình. Hai ngón tay được tìm thấy tại hiện trường ngay trước buổi trưa ngày 10 tháng Tư ấy. Ngón tay trở không bao giờ được tìm thấy. Hodges nghĩ chắc một con chim hải âu - một trong những giống chim lớn lượn lờ bên bờ hồ - có lẽ đã chộp được nó và tha đi mất. Ông thích ý nghĩ đó hơn là khả năng thay thế khủng khiếp kia: rằng một người sống sót mà không hề hấn gì tại City Center đã nhặt nó về làm kỷ niệm.

Hodges đứng lên và ra hiệu cho một cảnh sát tuần tra bước lại. “Chúng ta phải căng một tấm bạt lên cái này trước khi cơn mưa rửa trôi mất...”

“Đang trên đường tới rồi,” viên cảnh sát nói, và hất một ngón tay cái về phía Pete. “Đó là điều đầu tiên anh ấy bảo chúng tôi.”

“Ái chà, cậu được phết nhỉ,” Hodges nhại giọng cũng-không-tôi-lắm của Church Lady<sup>[22]</sup>, nhưng nụ cười đáp lại của người cộng sự thì u ám hệt như ngày hôm đó. Pete đang sẫm soi phần mũi lừng lững bê bết máu me của chiếc Mercedes, và chiếc nhẫn mắc lại trong phần mạ crôm.

Một cảnh sát khác bước đến, tay cầm sổ ghi chép, mở sẵn một trang đã nhăn nhúm vì hơi ẩm. Thẻ tên của anh ta ghi F. SHAMMINGTON. “Chiếc xe được đăng ký dưới tên bà Olivia Ann Trelawney, ở số 729 đường Lilac. Đó là khu Sugar Heights.”

“Nơi hầu hết những chiếc Mercedes xịn nằm ngủ yên sau một ngày dài làm việc,” Hodges nói. “Kiểm tra bà ta có nhà không, cảnh sát Shammington. Nếu không thấy thì xem có thể tìm bà ta ở đâu. Anh làm việc đó được chứ?”

“Rõ, thưa sếp, chắc chắn rồi.”

“Chỉ là quy trình thông thường thôi, được chứ? Một vụ trộm xe.”

“Sếp cứ yên tâm.”

Hodges quay sang Pete. “Phía trước buồng lái. Có phát hiện gì không?”

“Túi khí không bung: Hẳn đã vô hiệu hóa chúng. Cho thấy sự toan tính từ trước.”

“Còn cho thấy là hẳn biết phải làm như thế nào nữa. Anh nghĩ sao về cái mặt nạ?”

Pete nheo mắt nhìn qua những giọt mưa trên cửa xe phía người lái, không chạm vào mặt kính. Nằm trên mặt ghế bọc da là một chiếc mặt nạ cao su, loại trùm qua đầu. Những chỏm tóc màu cam kiểu thẳng hề Bozo thò ra hai bên thái dương như những chiếc sừng. Cái mũi là một cục cao su màu đỏ. Không có cái đầu nào để làm nó căng ra, cái miệng cười môi đỏ trở thành một cái cười khẩy.

“Nhìn ghê bỏ mẹ. Anh đã bao giờ xem bộ phim truyền hình về tên hề dưới cống chưa?”

Hodges lắc đầu. Sau này - chỉ vài tuần trước khi về hưu - ông mua một bản DVD của phim, và Pete nói đúng. Cái mặt nạ rất giống mặt của tên hề Pennlywise trong phim.

Hai người lại đi một vòng quanh xe, lần này họ dồn sự chú ý vào chỗ máu trên lốp xe và tấm ốp cửa. Rất nhiều vết máu này sẽ bị rửa trôi trước khi tấm mái che và cánh chuyên viên kỹ thuật đến nơi; vẫn còn bốn mươi phút nữa mới đến bảy giờ sáng.

“Các anh.” Hodges gọi, và khi họ đã tập trung lại: “Ai có điện thoại chụp ảnh được không?”

Tất cả đều có. Hodges hướng dẫn họ đứng thành một vòng tròn quanh thứ mà ngay lúc đó ông đã nghĩ trong đầu là chiếc xe chết chóc - một tù, chiếc xe chết chóc, chỉ thế thôi - và họ bắt đầu chụp ảnh.

Cảnh sát Shammington lúc này đang đứng cách đó một quãng, nói chuyện trên điện thoại. Pete ra hiệu cho anh ta lại gần. “Anh có biết cái bà Trelawney này bao nhiêu tuổi không?”

Shammington kiểm tra trong sổ. “Ngày tháng năm sinh trong bằng lái xe của bà ta ghi là ngày 3 tháng Hai năm 1957. Thế có nghĩa là bà ta...



ừm...”

“Năm mươi hai,” Hodges nói. Ông và Pete Huntley đã làm việc cùng nhau hơn chục năm, và đến lúc này thì rất nhiều đều không cần thiết phải nói ra thành lời. Olivia Trelawney nằm trong nhóm giới tính và độ tuổi phù hợp với nạn nhân của tên yêu râu xanh trong công viên, nhưng hoàn toàn không phù hợp cho vai trò một tên giết người hàng loạt. Họ biết có nhiều trường hợp do mất kiểm soát khi lái xe và do tai nạn mà người ta đâm vào đám đông - mới dăm năm trước, ngay thành phố này, một người đàn ông khoảng tám mươi tuổi, gấp ghé độ lú lẫn rồi, đã lao thẳng chiếc Buick Electra vào một quán cà phê vỉa hè, làm chết một và làm bị thương cả nửa tá người khác - nhưng Olivia Trelawney cũng không hợp với nhóm đối tượng đó. Quá trẻ.

Với lại, còn cái mặt nạ.

*Nhưng...*

*Nhưng.*



Hóa đơn được đưa đến trên một chiếc khay bạc. Hodges đặt thẻ tín dụng của mình lên và nhấm nháp cà phê trong khi chờ nó quay lại. Ông cảm thấy no bụng một cách khoan khoái, và vào thời điểm giữa trưa thế này, trong tình trạng đó thường thì ông sẵn sàng đánh một giấc hai tiếng đồng hồ. Trưa nay thì không. Trưa nay ông thấy tỉnh táo hơn bao giờ hết.

Cái *nhưng* đó đã sờ sờ đến mức cả hai người họ đều không phải nói ra thành lời làm gì - không nói với cánh cảnh sát tuần tra (càng lúc càng đến nhiều hơn, dù cái mái che chết tiệt mãi vẫn không thấy đâu cho đến tận bảy giờ mười lăm) và không nói với nhau. Những cánh cửa của chiếc SL500 vẫn chốt chặt và ổ khóa khởi động trống trơn. Hai viên thanh tra không thể nhận ra dấu hiệu cạy phá nào, và trong ngày hôm ấy, tay thợ chính của đại lý Mercedes thành phố đã xác nhận điều đó.

“Cạy mở cửa sổ xe có khó không?” Hodges đã hỏi người thợ. “Cạy khóa kiểu đó ấy?”

“Hầu như là không thể,” người thợ nói. “Những chiếc Merc này được xây lên. Nếu có người làm được điều đó thì phải có dấu vết.” Anh ta đã xoay ngược chiếc mũ lưỡi trai. “Điều đã xảy ra rất đơn giản và rõ ràng, các ông thanh tra ạ. Bà ấy đã để chìa khóa trong ổ và phớt lờ tiếng tín hiệu nhắc nhở khi ra khỏi xe. Tâm trí bà ấy có lẽ đang để vào chuyện khác. Tên trộm nhìn thấy chìa khóa và lấy chiếc xe. Tôi tin là chắc chắn hẳn đã có chìa khóa. Nếu không thì làm sao hẳn khóa được xe khi bỏ nó lại?”

“Anh liên tục gọi là bà ấy,” Pete nói. Họ chưa hề đả động gì đến tên chủ xe.

“Trời ơi, thôi nào.” Tay thợ khẽ mỉm cười. “Đây là chiếc Mercedes của bà Trelawney. Olivia Trelawney. Bà ấy mua nó ở đại lý của chúng tôi và cứ bốn tháng chúng tôi lại bảo dưỡng nó, đều đặn như đồng hồ. Chúng tôi bảo dưỡng có vài chiếc mười hai xi lanh thôi, và tôi biết tất cả số đó.” Và rồi, anh ta nói toẹt luôn sự thật xấu xí trần trụi đó: cục cưng này là một cỗ tăng.”

Tên giết người lái chiếc Benz vào giữa hai thùng container, tắt động cơ, tháo bỏ mặt nạ, nhúng đẫm nó bằng thuốc tẩy, và ra khỏi xe (găng tay và mũ lưới trùm tóc có lẽ nhét trong áo khoác). Và rồi một cú quý-tha-ma-bắt-mày-đi cuối cùng khi hấn bước vào màn sương: hấn khóa xe bằng chìa khóa thông minh của Olivia Ann Trelawney.

Cái nhưng của anh đấy.



**B**à ta đã nhắc bọn mình giữ yên lặng vì mẹ bà ta đang ngủ, Hodges còn nhớ. Sau đó bà ta mời bọn mình cà phê và bánh.

Trong nhà hàng DEMASIO'S, ông nhâm nhi chỗ cà phê cuối cùng trong khi đợi thẻ tín dụng được đưa trả lại. Ông nghĩ đến gian phòng khách trong cái căn hộ chung cư cao cấp to đùng ấy, với góc nhìn ra hồ đẹp mê ly.

Cùng với cà phê và bánh, bà ta còn mở to mắt trao cho họ cái nhìn tất-nhiên-là-không ấy, cái ánh mắt vốn là phẩm chất đặc quyền chỉ có ở những công dân tử tế chưa bao giờ gặp rắc rối với cảnh sát. Có ai mà không hình dung ra điều đó. Thậm chí bà ta còn nói ra thành lời, khi Pete hỏi liệu có khi nào bà ta đã bỏ chìa khóa khởi động trong xe khi bà ta đậu nó trên đại lộ Lake chỉ cách tòa nhà của mẹ mình có vài số nhà.

“Tất nhiên là không rồi.” Những từ đó bật ra qua một nụ cười khẽ mím lại như thể muốn nói rằng tôi thấy ý tưởng của anh thật ngớ ngẩn và hơi quá xúc phạm.

Cuối cùng người phục vụ cũng quay lại. Ông ta đặt chiếc khay nhỏ bằng bạc xuống, và Hodges luồn một tờ mười và một tờ năm đô vào tay ông ta trước khi ông ta kịp đứng thẳng lên.

Ở DEMASIO'S, phục vụ bàn chia đều tiền tip, một cung cách mà Hodges cực kỳ phản đối. Nếu điều đó khiến ông bị coi là cố hủ thì cũng chẳng sao.

“Xin cảm ơn ông, và buon pomeriggio<sup>[23]</sup> .”

“Ông cũng vậy,” Hodges nói. Ông cất hóa đơn và thẻ tín dụng Amex đi, nhưng chưa vội đứng lên ngay. Có mấy mẫu bánh vụn còn lại trên đĩa

món tráng miệng, và ông lấy nĩa cào chúng lại, hết như vẫn làm với những chiếc bánh của mẹ hồi còn nhỏ. Với ông thì những mẩu vụn bánh ấy, được mút chậm chậm lên lưỡi từ khoảng giữa những cái răng của chiếc nĩa, dường như bao giờ cũng là phần ngọt ngào nhất của miếng bánh.



**B**uổi thẩm vấn đầu tiên quan trọng ấy diễn ra chỉ vài giờ sau khi vụ án xảy ra. Cà phê và bánh trong lúc những thi thể nát bầy của người chết vẫn còn đang được xác minh danh tính. Ở đâu đó những người thân đang khóc lóc và giằng xé quần áo.

Bà Trelawney bước vào gian sảnh trước của căn hộ, chiếc túi xách của bà ta được đặt trên một chiếc bàn nhỏ chơ vơ ở đó.

Bà ta mang chiếc túi lại, lục lọi, bắt đầu nhú mày, rồi vẫn lục lọi bắt đầu tỏ ra hơi lo lắng. Rồi mỉm cười. “Nó đây,” bà ta nói, và chìa nó ra.

Các viên thanh tra nhìn chiếc chìa khóa thông minh, Hodges nghĩ trông nó thật bình thường với tư cách là món đồ đi kèm chiếc xe đắt tiền đến thế. Về cơ bản nó là một mẫu nhựa màu đen với cái cục to ở một đầu. Đầu này có logo của hãng Mercedes in trên một mặt. Trên mặt còn lại là ba nút bấm. Một nút có hình ổ khóa với phần chết đã đóng xuống. Trên chiếc nút bên cạnh, phần chết của ổ khóa được nhấc lên. Chiếc nút thứ ba đề chữ PANIC. Đại loại là nếu một tên du côn tấn công bạn đúng lúc bạn đang mở khóa xe, bạn có thể bấm nút đó và chiếc xe sẽ hú lên gọi giúp đỡ.

“Tôi có thể thấy tại sao bà gặp chút rắc rối khi tìm nó trong xắc tay của mình,” Pete nhận xét bằng cái giọng chỉ-là-nói-vu-vơ-cho-hết-thời-gian-trong-ngày tuyệt đỉnh của anh ta. “Hầu hết mọi người đều gắn chìa khóa vào một cái móc. Vợ tôi gắn chìa khóa vào một bông cúc nhựa to đùng.” Anh ta mỉm cười dịu dàng như thể Maureen vẫn còn là vợ mình, và cứ như thể là cô nàng tín đồ thời trang khoe hàng hoàn hảo ấy chịu để bị bắt quả tang đang hì hụi lôi một bông cúc nhựa ra khỏi xắc tay.

“Thật là tiện cho cô ấy quá!” bà Trelawney nói. “Khi nào thì tôi có thể mang xe về được?”

“Điều đó không phụ thuộc vào chúng tôi, thưa bà,” Hodges nói.

Bà ta thở dài và dựng thẳng phần cổ thuyền của chiếc váy. Đó là lần đầu tiên trong số hàng chục lần họ thấy bà ta làm cử chỉ đó. “Tôi sẽ phải bán nó đi, tất nhiên rồi. Sau chuyện này, tôi sẽ không bao giờ lái nó được nữa. Thật đáng sợ. Cứ nghĩ xe của tôi...”, Lúc này, khi đã có chiếc xác trên tay, bà ta lại khua khoắng và lôi ra một tập khăn giấy Kleenex. Bà ta lấy chúng chấm chấm lên mắt. “Thật đáng sợ quá.”

“Tôi đề nghị bà trình bày lại cho chúng tôi một lượt nữa.”

Bà ta nhướn cặp mắt, viền đỏ hoe và vằn máu. “Có thực sự cần thiết phải thế không? Tôi kiệt sức rồi. Tôi đã thức cả đêm với mẹ tôi. Mãi đến bốn giờ sáng bà ấy mới thiếp đi được. Bà ấy bị đau ghê lắm. Tôi muốn chợp mắt một lúc trước khi bà Greene đến. Bà ấy là y tá.”

Hodges nghĩ bụng, Xe của bà vừa mới được dùng làm hung khí giết chết tám người, và chỉ là tám trong trường hợp tất cả những người khác sống sót, vậy mà bà còn muốn chợp mắt cơ đấy. Sau này, ông không dám chắc liệu đó có phải là thời điểm ông bắt đầu không ưa bà Trelawney hay không, nhưng có lẽ là vậy. Khi một số người gặp đau khổ, bạn muốn ôm lấy họ và nói được rồi-được rồi trong lúc bạn vỗ về lưng họ. Với những người khác, bạn lại chỉ muốn táng cho họ một cái tát vỡ nát mặt và bảo họ đàn ông đàn ang lên. Hoặc, trong trường hợp của bà T., là đàn bà con gái lên.

“Chúng tôi sẽ làm nhanh hết sức,” Pete hứa hẹn. Anh ta không nói cho bà T. biết rằng đây mới chỉ là khởi đầu của rất nhiều cuộc thẩm vấn. Đến lúc họ xong việc thì bà ta sẽ nghe thấy chính mình đang cho lời khai ngay cả trong giấc ngủ.

“Ôi, vậy thì tốt rồi. Tôi đến chỗ mẹ tôi lúc hơn bảy giờ tối thứ Năm...”

Bà ta ghé thăm ít nhất bốn lần mỗi tuần, bà ta cho biết, bà ta ngủ lại vào các ngày thứ Năm. Lần nào bà ta cũng dừng ở B’hai, một nhà hàng đồ chay rất tuyệt nằm trong Birch Hill Mall, và mua đồ ăn tối của họ, rồi hâm



nóng lại trong lò. (Mặc dù bây giờ mẹ tôi ăn ít lắm, tất nhiên rồi. Vì bị đau.) Bà Trelawney cho họ biết là bao giờ bà ta cũng cần các chuyến đi tối thứ Năm của mình để đến nơi sau bảy giờ, vì đó là thời điểm bắt đầu cho đỗ xe cả đêm, và hầu hết các khoảng trống bên đường còn bỏ không. “Tôi không đỗ song song đâu. Tôi chịu không làm nổi.”

“Thế còn cái garage ở cuối phố thì sao?” Hodges hỏi.

Bà ta nhìn Hodges như thể ông bị điên. “Đỗ xe qua đêm ở đó tốn mười sáu đô la. Đỗ xe ngoài đường thì miễn phí.”

Pete vẫn đang cầm chìa khóa, mặc dù anh ta chưa nói với bà Trelawney là họ sẽ mang nó đi. Bà dừng lại ở Birch Hill và đặt đồ ăn mang về cho bà và mẹ mình tại... Anh ta kiểm tra sổ ghi chép. “B’hai.”

“Không, tôi đặt trước. Từ nhà tôi đường Lilac. Bao giờ họ cũng vui khi nghe tôi gọi điện. Tôi là một khách hàng lâu năm quan trọng. Tối hôm qua thì là món kookoo sabzi cho mẹ - đó là món trứng ốp thảo mộc với rau chân vịt và rau mùi tây - và món gheymeh cho tôi. Gheymeh là món hầm rất ngon với đậu, khoai tây và nấm. Rất dễ chịu cho dạ dày.” Bà ta dựng thẳng cổ váy. Tôi bị trào ngược dạ dày rất nặng từ hồi còn thanh niên. “Phải học cách sống chung với lũ thôi.”

“Tôi đoán đồ ăn bà đặt...” Hodges bắt đầu.

“Và món sholeh zard trắng miệng,” bà ta bổ sung. “Đó là món chè gạo với quế. Và nhụy hoa nghệ tây.” Bà ta nhoẻn cười ngượng ngập theo kiểu lạ lùng của mình. Giống như cái thói dựng thẳng cổ thuyền của váy, kiểu cười ấy cũng là một đặc trưng kiểu cách Trelawney mà họ sẽ rất quen thuộc. “Chính nhụy hoa nghệ tây là thứ khiến nó trở nên đặc biệt. Ngay cả mẹ tôi bao giờ cũng ăn sholeh zard.”

“Nghe ngon quá,” Hodges nói. “Và đồ ăn bà đặt, chúng được cho vào hộp và để sẵn khi ba đến đó?”

“Vâng.”

“Một hộp?”

“Ồ không, ba.”

“Trong một chiếc túi?”

“Không, chỉ có những chiếc hộp thôi.”

“Thế thì chắc phải linh kinh lắm nhỉ, lôi tất cả những thứ đó ra khỏi xe,” Pete nói. “Ba hộp đồ ăn, rồi lại túi xách...”

“Còn chìa khóa nữa,” Hodges nói. “Đừng quên cái đó chứ, Pete.”

“Ấy mà bà còn muốn mang nó lên nhà càng sớm càng tốt,” Pete nói. “Thức ăn mà nguội thì còn ngon lành gì.”

“Tôi hiểu các ông định dẫn dắt chuyện này đến đâu,” bà Trelawney nói, “và tôi đảm bảo với các ông...” Một thoáng ngập ngừng. “... với các quý ông đây rằng các ông đi nhằm hướng rồi. Tôi đã cho chìa khóa vào xác tay ngay sau khi tôi tắt động cơ, đó là việc đầu tiên mà tôi luôn làm. Còn về mấy cái hộp, chúng được buộc vào nhau thành một chồng...” Bà ta đưa hai bàn tay lên cách nhau gần nửa mét để diễn tả. “... vì vậy mang chúng rất dễ dàng. Tôi khoác cái xác dưới cánh tay. Nhìn nhé. Bà ta gập cánh tay lại, mắc cái xác lên đó, rồi bước quanh căn phòng khách rộng thênh thang, tay vẫn giữ một chồng hộp vô hình của B’hai. “Thấy không?”

“Vâng, thưa bà,” Hodges nói. Ông nghĩ mình còn thấy một điều khác nữa.

“Về chuyện vội vàng - thì không. Không cần thiết, vì đồ ăn tối đẳng nào cũng phải hâm nóng lại.” Bà ta ngừng lại. “Tất nhiên là món sholeh zard thì không. Không cần hâm nóng món chè gạo.” Bà ta khẽ bật cười. Không phải cười khúc khích, Hodges nghĩ bụng, mà một tiếng cười gượng. Trong hoàn cảnh là chồng bà ta đã mất, ông tự nhủ, thậm chí còn có thể gọi đó là một tiếng cười góa gượng. Nỗi ác cảm trong ông lại bồi thêm một lớp - một lớp mỏng đến mức cơ hồ vô hình, nhưng cũng không hẳn. Không, không được đến thế.

“Vậy tôi xin phép tóm lược lại những hành động của bà từ sau khi bà đến chỗ đại lộ Lake này,” Hodges nói. “Bà đến nơi lúc bảy giờ hơn.”

“Vâng. Bảy giờ năm phút, có thể là hơn một chút.”

“Ừm. Bà đậu xe... chỗ nào nhỉ? Cách đó ba bốn số nhà?”

“Cùng lắm là bốn. Tất cả những gì tôi cần là hai khoảng trống, để tôi có thể tấp xe vào mà không cần lùi. Tôi ghét lùi xe. Lần nào tôi cũng sai hướng.”

“Vâng, thưa bà, vợ tôi cũng gặp vấn đề giống hệt như thế.” Bà tắt máy. Bà rút chìa khóa ra khỏi ổ và cho nó vào xắc tay.

Bà khoác xắc dưới cánh tay và cầm những cái hộp đồ ăn lên...

“Chồng hộp. Được buộc vào với nhau bằng dây dai và chắc.”

“Một chồng hộp, đúng rồi. Và sau đó?”

Bà ta nhìn Hodges như thể ông là kẻ ngu ngốc nhất trong tất cả những thằng ngu ngốc trên cái thế gian nói chung là ngu ngốc này. “Sau đó thì tôi vào tòa nhà nơi mẹ tôi đang sống. Bà Harris - người trông nhà, ông biết đấy - bấm cửa cho tôi vào. Vào các thứ Năm thì bà ấy ra về sau khi tôi đến. Tôi đi thang máy lên tầng mười chín. Chính là cái chỗ mà các ông đang tra hỏi tôi thay vì cho tôi biết khi nào tôi có thể nhận lại cái xe của tôi. Cái xe bị ăn cắp của tôi.”

Hodges thầm ghi nhớ trong đầu là phải hỏi bà giúp việc xem bà này có để ý thấy chiếc Mercedes của bà T. lúc ra về hay không.

Pete hỏi, “Đến thời điểm nào thì bà lại lấy chìa khóa ra khỏi xắc một lần nữa, thưa bà Trelawney?”

“Lại lấy? Tại sao tôi phải...”

Anh ta giơ chiếc chìa khóa lên - bằng chứng A. “Để khóa xe trước khi bà vào tòa nhà. Bà có khóa xe chứ, đúng không?”

Một thoáng lúng túng vụt hiện lên trong mắt bà ta. Họ đều nhìn thấy. Và rồi nó biến mất. Tất nhiên là có Hodges đeo chặt lấy ánh mắt của bà ta. Ánh mắt đó lảng đi, về phía khung cảnh mặt hồ bên ngoài khung cửa sổ lớn, và ông lại tóm được nó. “Hãy nghĩ thật kỹ, bà Trelawney. Nhiều người đã chết, và đây là chuyện quan trọng. Bà có nhớ chắc chắn việc phải tung hứng những hộp đồ ăn này để có thể lấy chìa khóa ra khỏi xắc và bấm nút KHÓA không? Và nhìn thấy đèn pha trước nháy lên xác nhận. Quy trình là thế, bà biết đấy.”

“Tất nhiên là tôi biết.” Bà ta cắn môi dưới, rồi nhận ra mình đang làm điều đó, bèn dừng phắt lại.

“Bà có nhớ cụ thể chi tiết đó không?”

Trong một thoáng mọi biểu cảm biến mất khỏi gương mặt bà ta. Rồi nụ cười kẻ cả ấy lại bùng lên với tất cả vẻ oai vệ khó chịu. “Chờ đã. Giờ thì

tôi nhớ rồi. Tôi cho chìa khóa vào trong xác sau khi tôi lấy những chiếc hộp và bước ra. Và sau khi tôi bấm nút khóa xe.”

“Bà chắc chắn,” Pete nói.

“Vâng.”

Bà ta chắc chắn thật, và sẽ mãi quả quyết như vậy. Họ đều biết điều đó. Kiểu mà một công dân tử tế đâm xe và bỏ chạy sẽ nói, khi cuối cùng hẳn cũng bị lần ra, rằng tất nhiên hẳn chỉ đâm một con chó.

Pete gập cuốn sổ ghi chép lại và đứng lên. Hodges cũng làm như vậy. Bà Trelawney tỏ vẻ vô cùng hăm hờ khi hộ tống họ ra cửa.

“Thêm một câu hỏi nữa,” Hodges nói khi họ ra đến cửa. Bà ta nhướng cặp lông mày được tỉa tót kỹ càng. “Vâng?”

“Chìa khóa dự phòng của bà đâu? Chúng tôi phải lấy cả cái đó nữa.”

Lần này thì không có ánh mắt ngờ ngác, đôi mắt không hề đảo qua lại, không chút lưỡng lự. Bà ta nói, “Tôi không có chìa khóa dự phòng, và không cần phải có. Tôi rất cẩn thận với đồ của mình, thưa ngài thanh tra. Tôi đã sở hữu Bà đầm Xám của mình - đó là cách tôi gọi nó - năm năm, và chiếc chìa khóa duy nhất tôi dùng từ đó đến giờ là cái đang ở trong túi cộng sự của ông.”



Cái bàn nơi ông và Pete ăn trưa đã được dọn sạch chỉ còn chừa lại cốc nước uống dở của ông, nhưng Hodges vẫn ngồi nguyên đó, nhìn đăm đăm qua cửa sổ ra bãi đỗ xe và cái cầu vượt đánh dấu ranh giới không chính thức của khu Lowtown, khu vực mà những cư dân Sugar Heights như bà Olivia Trelawney quá cố chẳng bao giờ lai vãng tới. Tại sao họ phải tới chứ? Để mua ma túy à? Hodges dám chắc có con nghiện ở khu Heights, nhiều là khác, nhưng một khi bạn đã sống ở đó thì dân buôn đến bán tận nhà.

Bà T. đã nói dối. Bà ta buộc phải nói dối. Phải như thế hoặc phải đối mặt với sự thật rằng một khoảnh khắc đáng trí đã dẫn đến hậu quả kinh hoàng.

Mặc dù vậy, cứ cho là - chỉ là giả sử thôi - bà ta đã nói thật thì sao.

Được rồi, cho là thế đi. Nhưng nếu như mình đã sai về việc bà ta ra khỏi chiếc Mercedes mà không khóa và để nguyên chìa trong ổ, thì mình đã sai như thế nào? Và điều gì đã xảy ra? Ông ngồi yên nhìn ra ngoài cửa sổ, hồi tưởng lại, không để ý thấy một vài người phục vụ đã bắt đầu nhìn mình với vẻ lo lắng - lão già về hưu béo ị ngồi ủ rũ trên ghế như một con robot với những cục pin đã chết.



Chiếc xe chết chóc được đưa về Bãi Giam Xe của Cảnh sát trên một chiếc xe tải, vẫn khóa nguyên. Hodges và Huntley nhận được thông tin cập nhật này khi họ quay lại xe. Tay thợ chính của Ross Mercedes vừa mới đến nơi, và rất quả quyết rằng anh ta có thể mở khóa cái cửa chết tiệt đó. Không sớm thì muộn.

“Bảo anh ta khỏi mất công làm gì,” Hodges nói. “Chúng tôi có chìa khóa của bà ấy rồi.”

Có một thoáng im lặng ở đầu bên kia, sau đó Trung úy Morrissey nói, “Vậy à? Anh không định nói là bà ta...”

“Không, không, không có chuyện ấy đâu. Tay thợ sửa xe có đứng cạnh đó không, Trung úy?”

“Anh ta đang ở trong bãi, xem xét hỏng hóc của chiếc xe. Thấy bảo là suýt nữa thì khóc.”

“Có lẽ anh ta muốn để dành một hai giọt cho những người chết,” Pete nói. Anh ta đang lái xe. Cần gạt nước lia qua lia lại. Mưa mỗi lúc một nặng hạt. “Nói vậy thôi.”

“Bảo anh ta liên lạc với đại lý và kiểm tra một thứ,” Hodges nói. “Sau đó bảo anh ta gọi vào máy di động cho tôi.”

Giao thông kẹt cứng khi vào trung tâm, một phần vì trời mưa, một phần vì phố Marlborough bị phong tỏa ở đoạn City Center. Họ mới đi được bốn khối phố thì điện thoại của Hodges đổ chuông. Đó là Howard MCGRORY, tay thợ sửa xe.

“Anh có bảo người đại lý kiểm tra thông tin mà tôi tò mò không vậy?”  
Hodges hỏi anh ta.

“Không cần,” MCGRORY nói. “Tôi làm ở Ross từ năm 1987. Chắc phải chứng kiến cả ngàn cái Merc ra khỏi cửa từ hồi đấy đến giờ, và tôi có thể nói với ông rằng tất cả chúng đều đi ra với hai chìa khóa.”

“Cảm ơn,” Hodges nói. “Chúng tôi sẽ sớm đến đó. Có thêm vài câu hỏi cho anh đấy.”

“Tôi vẫn ở đây thôi. Chuyện này thật khủng khiếp. Khủng khiếp.”  
Hodges tắt máy và truyền đạt lại những gì MCGRORY vừa nói.

“Anh có ngạc nhiên không?” Pete hỏi. Phía trước là một *Cái biển đường vòng* màu cam hướng dẫn họ đi vòng quanh City Center... trừ phi họ muốn bật đèn hụ lên, mà không ai muốn cả. Điều họ cần lúc này là nói chuyện.

“Không,” Hodges nói. “Đó là quy trình chuẩn mực. Giống như dân Anh vẫn nói, một kế vị và một dự bị. Họ đưa cho anh hai cái chìa khi anh mua xe mới...”

“... và nhắc anh cất một cái vào nơi an toàn, như vậy anh có cái mà sờ đến khi làm mất cái anh mang theo người. Một số người, đến lúc cần cái chìa dự phòng sau một hoặc hai năm, họ đã quên bếng mất đã để nó ở đâu. Những người phụ nữ mang xách tay lớn - như cái vali mà cái bà Trelawney kia mang - thường tổng cả hai chìa khóa vào đó và quên mất cái chìa dự phòng. Nếu bà ta nói thật về việc không gắn nó vào móc đeo chìa khóa, thì có khi trước giờ bà ta vẫn dùng hoán đổi hai chìa.”

“Đúng vậy,” Hodges nói. “Bà ta đến nhà mẹ mình, bà ta mãi bận tâm nghĩ về việc dành một đêm nữa xoay sở với cơn đau của bà mẹ, bà ta vật lộn với những cái hộp và cái xách...”

“Và bỏ chìa khóa trong ổ. Bà ta không muốn thừa nhận điều đó - với chúng ta cũng như với chính bản thân mình - nhưng đó là điều bà ta đã làm.”

“Mặc dù đã có âm thanh cảnh báo...” Hodges nói về bản khoản.

“Có thể một chiếc xe tải lớn ồn ào chạy qua đúng lúc bà ta ra khỏi xe và bà ta không nghe thấy tín hiệu cảnh báo. Hoặc một chiếc xe cảnh sát,



đang hú còi. Hoặc có thể bà ta đang đắm chìm trong những ý nghĩ của mình nên không để ý.”

Giải thích như vậy nghe hợp lý vào lúc đó và thậm chí sau này còn hợp lý hơn khi MCGRORYCHO họ biết rằng chiếc xe chết chóc đã không hề bị cạy mở hoặc bị đấu nối để khởi động. Điều khiến Hodges nghĩ ngợi - thực sự, đó là điều duy nhất làm ông nghĩ ngợi - là việc ông muốn cách giải thích đó hợp lý đến nhường nào. Chẳng ai trong họ ưa bà Trelawney, cái bà mặc áo cổ thuyền có cặp lông mày tía tốt hoàn hảo và điệu cười gượng gạo the thé. Cái bà Trelawney chưa hề hỏi han tin tức gì của những người chết và bị thương, dù chỉ một chi tiết nhỏ. Bà ta không phải là thủ phạm - chẳng đời nào lại là bà ta - nhưng cũng hay đấy nếu gắn bà ta với một phần trách nhiệm. Cho bà ta điều gì đó mà suy nghĩ đến ngoài những bữa tối chay tịnh của nhà hàng B'hai.

“Đừng phức tạp hóa vấn đề lên thế,” cộng sự của ông lặp lại. Giao thông tắc nghẽn đã được giải tỏa và anh ta nhấn sâu chân ga. “Bà ta được đưa cho hai cái chìa khóa. Bà ta khẳng khẳng mình chỉ có một chìa. Và bây giờ thì đúng là như thế thật. Tên khốn giết người kia đã ném cái chìa bà ta bỏ lại trong ổ khóa khi xuống một cái cống nước thuận tiện nào đó lúc hăm trốn đi. Cái bà ta đưa cho chúng ta chính là chìa dự phòng.”

Câu trả lời nhất định phải là như vậy. Nghe tiếng vó câu có ai nghĩ đến ngựa vằn bao giờ.



**A**i đó đang khe khẽ lay ông, kiểu người ta vẫn lay một người đang ngủ mê mịch. Và, Hodges nhận ra, ông suýt nữa đã ngủ thiếp đi. Hoặc bị ký ức thôi miên.

Đó là Elaine, bà chủ nhà hàng IMASIO'S, và bà ta đang nhìn ông với vẻ lo lắng. “Thanh tra Hodge? Ông có sao không?”

“Ồn. Nhưng giờ chỉ là ông Hodges thôi, Elaine. Tôi về hưu rồi.”

Ông nhận ra vẻ lo lắng trong mắt Elaine, và còn điều gì đó nữa. Điều gì đó tệ hơn. Ông là người khách duy nhất còn lại trong nhà hàng. Ông quan sát những người phục vụ túm tụm quanh ngưỡng cửa lối vào nhà bếp, và đột nhiên nhìn thấy bản thân mình giống hệt hình tượng mà họ và Elaine chắc hẳn đã thấy ở ông từ nãy, một lão già ngồi lì mãi ở đây sau khi người bạn ăn cùng (và tất cả những người khác) đã đi. Một lão già béo ị mút nốt những mẩu bánh cuối cùng qua kẽ nĩa như một đứa trẻ con mút kẹo và rồi cứ thế đăm đăm nhìn ra ngoài cửa sổ.

Họ đang băn khoăn liệu có phải mình đang trong hành trình vào Vương quốc Lú lẫn trên chuyến Tàu Tốc hành Alzheimer hay không, ông nghĩ bụng.

Ông mỉm cười với Elaine - kiểu cười sỗ một của ông, tươi tỉnh và quyến rũ. “Pete và tôi nói chuyện về mấy vụ án cũ. Tôi vừa mãi nghĩ đến một vụ. Giống như là tái dựng lại nó vậy. Xin lỗi. Tôi đi bây giờ đây.”

Nhưng khi đứng lên ông loạng choạng và xô vào bàn, hất đổ ly nước còn một nửa. Elaine nắm lấy vai ông để giữ ông đứng vững, vẻ mặt lo lắng hơn bao giờ hết.

“Thanh tra... Ông Hodges, ông có lái xe được không vậy?”

“Chắc chắn rồi,” ông nói, hơi quá quả quyết. Gai và kim đang chạy thi từ mắt cá lên tận bẹn ông và rồi lại quay xuống mắt cá. “Uống có hai cốc bia thôi mà. Còn lại là Pete uống. Chân tôi ngủ quên mất, thế thôi.”

“Ôi. Giờ ông thấy đỡ hơn chưa?”

“Ồn rồi,” ông nói, và quả thật là chân ông đã khá hơn. Ồn Chúa. Ông nhớ đã đọc ở đâu đó rằng đàn ông có tuổi, nhất là người có tuổi mà lại béo phì, không nên ngồi quá lâu. Một cục máu có thể tụ lại sau đầu gối. Khi ta đứng lên, cục máu được phóng thích làm cú bứt phá chết chóc vọt thẳng lên tim, và thế là thiên thần ơi, thiên thần ơi, mình rơi nhé.

Bà ta bước cùng ông ra đến cửa. Hodges chợt nghĩ đến người y tá riêng trông chừng mẹ bà T. Tên bà ta là gì nhỉ? Harris? Không, Harris là người giúp việc. Người y tá là Greene.

Khi bà Wharton muốn đi ra phòng khách, hoặc đi thăm hồ, bà Greene có hộ tống bà ta giống như Elaine đang hộ tống ông lúc này không nhỉ? Hẳn là thế rồi.

“Elaine, tôi ổn mà,” ông nói. “Thật đấy. Đầu óc tỉnh táo. Cơ thể cân bằng.” Ông giơ hai tay lên để chứng minh.

“Được rồi,” bà ta nói. “Hãy ghé lại thăm chúng tôi nhé, và lần sau đừng có chờ lâu quá.”

“Tôi hứa mà.”

Ông vừa nhìn đồng hồ vừa đẩy cửa bước ra hòa vào trong ánh mặt trời rực rỡ.

Hơn hai giờ. Ông bỏ lỡ chương trình ti vi buổi chiều, mà không hề mảy may tiếc nuối. Mụ thẩm phán và tay chuyên gia tâm lý Đức Quốc xã có thể biến đi mà tự sướng. Hoặc sướng với nhau.



Ông chậm rãi bước vào bãi đỗ xe, những chiếc xe còn lại, trừ xe ông có vẻ như đều thuộc sở hữu của nhân viên nhà hàng. Ông lấy chìa khóa ra và đập đập chúng trên lòng bàn tay. Không giống như bà T., chìa khóa chiếc Toyota của ông được gắn vào một cái vòng. Phải, có cả một móc đeo chìa nữa - một hình chữ nhật bằng nhựa có ảnh con gái ông bên dưới. Allie lúc mười bảy tuổi, tươi cười trong bộ đồng phục đội lacrosse City High của con bé.

Đối với vấn đề cái chìa khóa xe Mercedes, bà Trelawney không bao giờ lay chuyển. Trong suốt tất cả các cuộc thẩm vấn, bà ta tiếp tục khẳng định rằng bao lâu nay bà ta vẫn chỉ có một chìa đó. Thậm chí cả sau khi Pete Huntley cho bà ta xem hóa đơn nhận xe, với dòng CHÌA KHÓA CHÍNH 2 trong danh sách những thứ đi cùng chiếc xe khi bà ta mua nó năm 2004, bà ta vẫn cứ khẳng định. Bà ta bảo tờ hóa đơn đã viết sai. Hodges còn nhớ nguyên thái độ quả quyết sắt đá trong giọng bà ta.

Pete nói rằng cuối cùng bà ta cũng chịu nhún. Chẳng cần thư tuyệt mệnh làm gì; bản thân việc tự tử đã là lời thú tội rồi.

Cuối cùng thì bức tường chối bỏ của bà ta cũng sụp đổ. Giống như cái gã đâm người và bỏ chạy cuối cùng cũng phải trút nó ra khỏi lồng ngực mình. Vâng, được rồi, đó là một đứa trẻ, không phải chó. Đó là một đứa trẻ và khi ấy tôi đang nhìn vào điện thoại di động để xem ai gọi lỡ và tôi đã giết thẳng bé.

Hodges còn nhớ những cuộc thẩm vấn bà T. tiếp sau đã tạo ra một kiểu hiệu ứng khuếch đại kỳ quặc như thế nào. Bà ta càng chối, họ càng ác

cảm. Không chỉ Hodges và Huntley mà là cả đội. Và họ càng ác cảm thì bà ta càng chối quyết liệt hơn. Vì bà ta biết họ thấy như thế nào. Quả thế thật. Bà ta chỉ biết đến mình, nhưng không ngu...

Hodges dừng lại. Một tay đặt trên tay nắm cửa xe bị nắng hun nóng, tay kia che ngang mắt. Ông đang nhìn vào những chỗ bóng râm bên dưới gần cầu vượt cao tốc. Giờ là giữa buổi chiều rồi, và các công dân bị ruồng bỏ của Lowtown đã bắt đầu thức dậy khỏi hầm mộ của mình. Bốn người trong số ấy đang ở trong khu vực sắp bóng đó. Ba thăn<sup>[24]</sup> lớn và một thăn nhỏ. Những thăn lớn có vẻ như đang xô đẩy thăn nhỏ dúm dụi. Thăn nhỏ mang một cái ba lô, và trong khi Hodges đứng nhìn, một thăn lớn lột nó ra khỏi lưng thăn bé. Hành động đó làm bật lên một tràng cười khoái trá.

Hodges lững thững đi men vỉa hè lổn nhổn dẫn đến chỗ cầu vượt. Ông không nghĩ đến nó và ông cũng không vội vã.

Ông nhét hai tay vào túi áo khoác thể thao. Xe con và xe tải lướt qua trên đoạn cao tốc nối dài, hắt bóng hình dáng của chúng lên mặt phố phía dưới thành những vệt loang loáng. Ông nghe thấy một thằng du côn hỏi thằng bé là nó có bao nhiêu tiền.

“Không có đồng nào hết,” thằng bé nói. “Để tôi yên.”

“Lộn túi ra cho bọn tao xem,” Du côn Hai nói.

Thay vào đó thằng bé cố bỏ chạy. Du côn Ba ghì hai cánh tay của hắn quanh bộ ngực mảnh khảnh của thằng bé từ phía sau. Du côn Một chộp vào túi thằng bé và nắn bóp. “Chà, chà. Tao nghe thấy tiếng tiền sột soạt,” hắn nói, và mặt thằng bé méo xệch lại để cố không bật khóc.

“Anh tao mà biết bọn mày là ai, anh ấy sẽ cho bọn mày ăn kẹo đồng,” nó nói.

“Sợ quá nhỉ,” Du côn Một nói. “Làm tao suýt vãi cả đ...”

Rồi hắn nhìn thấy Hodges, đang lững thững bước vào bóng râm cùng bọn chúng, cái bụng bự của ông dẫn đường phía trước. Hai tay ông nhét sâu trong túi áo khoác cũ bèo nhèo với kiểu vải đệm họa tiết răng sói, ông không sao đành lòng vứt bỏ chiếc áo có những miếng lót đệm dưới khuỷu tay này, dù ông biết là nó đã cũ thê thảm lắm rồi.

“Lão muốn gì?” Du côn Ba hỏi. Hãn vẫn đang ôm ghì thẳng bé từ phía sau.

Hodges đã định lấy giọng lè nhè kiểu John Wayne<sup>[25]</sup> nhưng rồi lại quyết định thôi. Wayne duy nhất mà mấy thẳng vô lại này biết là L’il<sup>[26]</sup>. “Tao muốn bọn mày để thẳng bé yên,” ông nói. “Biển khỏi đây. Ngay lập tức.”

Du côn Một buông tay khỏi túi áo thẳng nhỏ. Hãn mặc áo khoác có mũ trùm đầu và đội cái mũ lưỡi trai không thể thiếu của đội Yankees. Hãn chống tay lên cái hông lẻo khoẻo của mình và nghiêng đầu qua một bên, vè mặt khoái trá. “Cuốn xéo đi, lão béo.”

Hodges không phí thời gian. Tổng cộng có những ba thẳng cơ mà.

Ông rút cái Happy Slapper ra khỏi túi áo khoác bên phải, thích thú với sức nặng quen thuộc rất vừa vặn của nó. Slapper là một chiếc tất dẹt họa tiết quả trám. Phần bàn chân được nhét đầy những viên bi. Nó được buộc thắt nút ở phần mắt cá để bảo đảm những viên bi thép nằm yên ở dưới. Ông liệng nó vào cạnh cổ của Du côn Một thành một vòng cung ngang, gọn ghẽ, cẩn thận tránh cục yết hầu, đánh vào đó thường rất dễ chết, và thế là ta gặp rắc rối to với luật pháp.

Có tiếng chát vang lên khô khốc. Du côn Một đổ sang một bên, vè mặt khoái trá của hãn biến thành ngạc nhiên đau đớn.

Hãn lão đảo ra khỏi vỉa hè và ngã gục xuống lòng đường. Hãn nằm vật ra, lăn lộn khó thở, tay ôm cổ, trợn mắt nhìn lên mặt đáy của cái cầu vượt.

Du côn Ba chồm tới. “Khốn kiếp...” hãn mở miệng chửi, và rồi Hodges co chân (bao nhiêu gai với kim biến mất sạch, ờn Chúa) và đá bộp một phát vào háng hãn. Hãn nghe tiếng đũng quần của mình rách toạc và chỉ kịp nghĩ, Ôi thẳng béo chó chết.

Du côn Ba buột ra một tiếng tru đau đớn. Ở dưới này, với cơ man nào là xe con và xe tải chạy trên đầu, âm thanh đó nghe lọt thỏm đến lạ lùng. Hãn gặp người co quắp lại.

Tay trái của Hodges vẫn còn nhét trong áo. Ông duỗi ngón tay trở cho nó căng ra trong túi và chĩa thẳng vào Du côn Hai. “Ê, thẳng mặt giặc,

không cần phải đợi anh thằng nhỏ đến làm gì. Chính tao sẽ cho mày ăn một viên kẹo đồng. Tao ghét trò ba đánh một.”

“Không, thưa ông, không,” Du côn Hai cao, to lực lưỡng, có lẽ khoảng mười lăm tuổi, nhưng cơn khiếp đảm thu hấn nhỏ lại chỉ còn mười hai không hơn. “Xin ông, bọn tui chỉ đùa thôi.”

“Vậy thì biến đi, công tử,” Hodges nói. “Biến ngay.”

Du côn Hai bỏ chạy.

Du côn Một, trong lúc đó, đã gượng dậy. “Mày sẽ phải hối hận về chuyện này, thằng béo...”

Hodges dẫn một bước về phía hấn, hươ cái Slapper lên. Du côn Một nhìn thấy nó, rú lên một tiếng thảm thiết, lấy tay che cổ.

“Cả mày cũng biến nốt đi,” Hodges nói, “bằng không thằng béo này sẽ giã nát mặt mày ra. Để khi mẹ mày đến phòng cấp cứu, bà ấy cũng đi ngang qua mày luôn.” Trong khoảnh khắc đó giữa cơn hăng máu và huyết áp có lẽ đã vọt quá hai trăm, ông hoàn toàn không có ý định nói đùa.

Du côn Một gượng dậy. Hodges ra vẻ sắp lao vào hấn, và Du côn Một lùi bắn lại nhìn rất thảm hại.

“Đưa cả thằng bạn mày đi nữa và chườm ít đá vào bi cho nó,” Hodges nói. “Sẽ sưng tướng lên cho mà xem.”

Du côn Một quàng tay quanh người Du côn Ba, và chúng thất thểu lê về cây cầu vượt phía Lowtown. Khi Du côn Một tự thấy đã an toàn, hấn quay lại nói, “Tao còn gặp lại mày, thằng béo.”

“Hãy cầu Chúa cho mày không gặp tao, thằng ngu,” Hodges nói.

Ông nhặt cái ba lô lên và chìa nó cho thằng bé đang nhìn ông với ánh mắt ngờ vực. Chắc nó khoảng mười tuổi. Hodges cất cái slapper vào trong túi. “Tại sao cháu lại không ở trường, anh bạn nhỏ?”

“Mẹ cháu ốm. Cháu đi mua thuốc cho mẹ.”

Lời nói dối trắng trợn đến nỗi Hodges cũng phải bật cười.

“Không có đâu,” ông nói. “Cháu trốn học thì có.”

Thằng nhóc không nói gì. Ông này là cớm rồi, chứ không ai lại can thiệp kiểu ấy. Cũng chẳng có ai lại đi nhét một cái tất nhồi bi trong túi bao giờ. Cứ lạng thình cho lành.

“Cháu trốn học ở chỗ nào khác an toàn hơn nhé,” Hodges nói. “Có một sân chơi ở đại lộ Tám. Thử đến đấy xem.”

“Bọn họ bán ‘đá’ ở sân chơi ấy rồi,” thằng bé nói.

“Bác biết,” Hodges nói, dịu dàng hết sức, “nhưng cháu đâu phải mua gì.” Ông cũng có thể nói thêm rằng, “Cháu cũng đâu cần phải bán gì, nhưng như thế thật ngây thơ. Dưới khu Lowtown này, hầu hết bọn ranh con đều bán thuốc. Có thể bắt một đứa trẻ mười tuổi vì có ma túy trong người, nhưng cũng chẳng để làm gì.

Ông quay lại bãi đỗ xe, ở bên phía an toàn của cây cầu vượt. Khi ông liếc nhìn lại, thằng bé vẫn đứng nguyên tại chỗ và nhìn theo ông. Cái ba lô lủng lảng một bên tay.

“Anh bạn nhỏ,” Hodges nói.

Thằng bé vẫn lặng thinh nhìn ông, không nói gì.

Hodges giơ tay lên và trở vào nó. “Bác vừa làm một việc tốt cho cháu. Trước khi mặt trời lặn, bác muốn cháu chuyển tiếp nó nhé.”

Đến lúc này thì trông thằng bé thực sự ngơ ngác, như thể Hodges vừa buột miệng nói bằng thứ tiếng khác, nhưng không sao. Đôi khi nó sẽ thẩm thấu vào trong, nhất là với những người trẻ.

Người ta sẽ ngạc nhiên cho mà xem, Hodges thầm nghĩ.

Họ sẽ thực sự ngạc nhiên.





**B**rady Hartsfield thay bộ đồng phục khác của hẳn - bộ màu trắng - và kiểm tra chiếc xe, nhanh chóng lướt qua tờ kiểm kê hàng theo cách mà ông Loeb vẫn ưng. Mọi thứ đều đầu vào đấy.

Hẳn thò đầu vào văn phòng để chào Shirley Orton. Shirley là một ả lợn béo múp, quá yêu thích sản phẩm của công ty, nhưng hẳn muốn lấy lòng cô ả. Brady muốn lấy lòng của tất cả mọi người. Như thế an toàn hơn bao nhiêu. Cô ả thì lại phải lòng hẳn, thế càng tốt.

“Shirley, chào người đẹp!” hẳn thốt lên, và cô ả đỏ bừng mặt đến hết tận viền chân sóc trên cái trán chi chít mụn của mình. Lợn con ơi, ụt ịt ụt ịt, Brady nghĩ bụng. Béo như em thì chắc lấp hết cả mề mỗi khi ngồi xuống ấy nhỉ.

“Chào anh, Brady. Lại khu West Side à?”

“Cả tuần nay rồi, cưng. Em ổn chứ?”

“Ổn mà.” Càng đỏ lửng hơn bao giờ hết.

“Tốt. Anh chỉ muốn ghé qua chào em.”

Và rồi hẳn lên đường, chấp hành từng đoạn hạn chế tốc độ, mặc dù phải mất mẹ cả bốn mươi phút mới đến được khu lãnh địa của hẳn nếu lái xe chậm như vậy. Nhưng buộc phải thế thôi. Bị bắt vì chạy quá tốc độ bằng xe của công ty đúng sau thời điểm tan trường là đi tong. Không cơ nào cứu được.

Nhưng khi hẳn tới khu West Side - đây mới là điều tuyệt vời - hẳn ở đúng trong khu vực của Hodges, mà lại có đầy đủ lý do chính đáng để ở đó. Nơi nguy hiểm nhất là nơi an toàn nhất, đúng như lời câu châm ngôn cổ,

mà vận vào trường hợp của Brady thì đó quả thật là một câu nói khôn ngoan.

Hắn rẽ khỏi phố Spruce và chạy từ từ dọc đường Harper, đi qua nhà lão thanh tra về hưu.Ồ trông kia, hắn thầm nghĩ.

Thằng mọi còn đang ở đằng trước nhà, lột trần đến tận thắt lưng (để tất cả những mợ ở-nhà-nội-trợ có thể ngắm trọn vẹn cơ bụng sáu múi bóng loáng mồ hôi của nó, còn nghi ngờ gì nữa) và đẩy một chiếc máy cắt cỏ LAWN-BOY.

Đến lúc mà phải chăm sóc chỗ đó rồi, Brady thầm nghĩ.

Trông nó đúng thật là nhếch nhác. Mà thực ra lão thanh tra về hưu chắc cũng chẳng đếm xỉa gì. Lão già còn mãi xem ti vi, ăn bánh POP-TART, và chơi với khẩu súng lão vẫn để trên chiếc bàn cạnh ghế ngồi.

Thằng mọi con che thấy tiếng hắn đang đến gần bất chấp cả tiếng gầm rú của cái máy cắt cỏ và quay người lại nhìn.

Tao biết tên mày, thằng mọi, Brady nghĩ. Jerome Robinson. Tao biết hầu hết mọi thứ về lão thanh tra về hưu. Tao không biết lão có khoái mày không, nhưng nếu lão có thích thì tao cũng không ngạc nhiên. Đó có thể là lý do lão giữ mày bên cạnh.

Từ sau vô lăng chiếc xe tải nhỏ Mr. Tastey của hắn, được phủ kín bằng những miếng decal trẻ con vui mắt và leng keng tiếng chuông vui tai được ghi âm sẵn, Brady vẫy tay chào.

Thằng mọi con vẫy chào lại và mỉm cười. Đương nhiên rồi.

Ai mà không thích người bán kem.

## CHƯƠNG III

### DƯỚI CHIẾC Ô XANH CỦA DEBBIE

#### 1



**B**rady Hartsfield lướt lờ qua những đường phố rối rắm của khu West Side đến tận bảy rưỡi, khi buổi chạng vạng bắt đầu rút hết màu xanh khỏi bầu trời cuối xuân. Loạt khách đầu tiên của hắn, khoảng từ ba giờ đến sáu giờ chiều, gồm toàn lũ trẻ tan học về còn mang nguyên cặp sách và khua loạn những tờ đô la nhàu nhĩ. Hầu hết bọn chúng thậm chí còn không nhìn hắn. Chúng còn mê mải ba hoa chích chòe cùng đám bạn hoặc nói vào cái điện thoại di động mà chúng không còn như một thứ phụ kiện mà là một thứ thiết yếu sống còn chẳng khác gì thức ăn và không khí. Vài đứa nói cảm ơn, nhưng phần lớn chẳng thèm bận tâm. Brady không phật lòng. Hắn không muốn bị nhòm ngó và cũng không muốn được người ta nhớ đến. Đối với lũ ranh con này, hắn chỉ là thằng bán kem mặc bộ đồng phục màu trắng, và hắn thích như vậy.

Từ sáu đến bảy giờ là quãng thời gian chết, đó là lúc lũ ôn con đi ăn tối. Có thể một vài đứa - những đứa nói cảm ơn - thậm chí còn nói chuyện với bố mẹ. Hầu hết những đứa khác có lẽ lại tiếp tục chọt phím điện thoại trong khi bố mẹ lải nhải hành hạ nhau về công việc của họ hoặc xem tin tức

buổi tối để tìm hiểu tất thảy về thế giới rộng lớn ngoài kia, nơi mà các ông nọ bà kia kỳ thực cũng đang làm toàn trò khi.

Trong nửa tiếng cuối trong ca làm của hă, việc làm ăn khởi sắc trở lại. Lần này cả các ông bố bà mẹ cùng lũ trẻ vây lại chiếc xe Mr. Tasty kêu leng keng, mua những phần kem mà họ sẽ ăn trong khi cặp mông (hầu hết là béo núc ních) bết chặt vào ghế sau vườn. Thấy thương hại thay cho những người này.

Bọn họ là lũ ngu thiển cận, ngu xuẩn chẳng khác gì lũ kiến bò lổm ngổm quanh cái gò của chúng. Một tên giết người hàng loạt đang bán kem cho họ mà họ chẳng hề hay biết. Nhiều lúc Brady vẫn băn khoăn tự hỏi không biết đầu độc cả một xe chất đầy kem đủ vị thì khó đến mức nào: vani, sô cô la, Berry Good, loại Hương vị của ngày, rồi Tasty Frosteys, Brownie Delites, thậm chí cả FREEZE-STIX và Whistle Pops. Hă còn đi xa đến mức nghiên cứu vấn đề này trên Internet. Hă đã thực hiện cái mà Anthony “Tones” Frobisher, sếp của hă ở Discount Electronix, có lẽ sẽ gọi là “nghiên cứu khả thi”, và kết luận rằng, dù có khả thi nhưng làm vậy thì thật ngu xuẩn. Cũng chẳng phải hă e sợ rủi ro gì; hă đã thực hiện trót lọt vụ Thảm sát Mercedes khi xác suất hă bị tóm cao hơn cả xác suất hă trốn thoát. Nhưng giờ hă không muốn bị tóm. Hă có việc phải làm. Công việc của hă dịp cuối xuân đầu hè này là lão côm về vườn béo ị, K. William Hodges.

Có thể hă sẽ lượn lờ quanh tuyến West Side của mình với một xe chất đầy kem tâm độc sau khi lão côm già chán chơi cùng khẩu súng lão vẫn để bên chiếc ghế trong phòng khách và thực sự dùng đến nó. Nhưng từ giờ đến lúc ấy thì chưa.

Lão côm béo về vườn đeo đẳng Brady Hartsfield. Đeo đẳng hă thậm tệ. Hodges về hưu trong vinh quang, người ta thậm chí còn tổ chức tiệc cho lão, và sao lại như thế được khi lão đã không tóm cổ được tên tội phạm khét tiếng nhất mà thành phố này từng chứng kiến?



**T**rúng cuối cùng của ngày, hấn lượn qua ngôi nhà trên đường Teaberry nơi Jerome Robinson, thằng nhóc giúp việc của Hodges, sống cùng bố mẹ và em gái. Jerome Robinson cũng đeo đẳng Brady. Robinson đẹp trai, nó làm việc cho lão cớm về vườn, và cuối tuần này nó cũng đi chơi với những đứa con gái khác nhau. Tất cả đều xinh đẹp. Một số thậm chí còn là gái da trắng. Như thế là không được. Thế là trái với tự nhiên. “Này!” Robinson gọi to. “Anh bán kem ơ! Chờ chút!”

Gã trai chạy băng qua thảm cỏ với con chó, một con chó săn Ireland to đùng, bám theo sát gót. Đuổi theo sau là con em gái, khoảng chín tuổi. “Mua cho em kem sô cô la, Jerry?” con bé kêu lên. “Đi mà!” Nó lại còn có một cái tên của trẻ con da trắng nữa. Jerome.

Jerry. Thật là hỗn xược. Sao nó không tên là Traymore cho xong? Hoặc Devon? Hay Leroy? Tại sao tên nó không là Kunta Kinte khốn kiếp đi?

Đôi chân không tất của Jerome nhét trong đôi giày lười, mắt cá chân thẳng này còn nguyên màu xanh vì vừa cắt cỏ ở nhà lão cớm về hưu. Nó có nụ cười rạng rỡ trên cái mặt đẹp trai không cãi vào đâu được, và khi nó phờ phờ ra trong những buổi hẹn hò cuối tuần, Brady cườc rằng lũ con gái kia chắc phải trút bỏ quần áo mà giơ tay ra. Lại đây nào, Jerry.

Bản thân Brady chưa bao giờ biết con gái là gì.

“Bán buôn thế nào, ông anh?” Jerome hỏi.

Brady, lúc này đã rời khỏi vô lăng và ra đứng ở cửa sổ phục vụ, cười nhả nhổ. “Ồn lắm. Hết giờ làm đến nơi rồi, và điều đó luôn làm tôi thấy

ôn.”

“Anh còn kem sô cô la không? Nàng tiên cá nhỏ đây muốn ăn.”

Brady giơ hai ngón tay cái lên với thằng bé, vẫn cười nhả nhỏ. Gần như giống hệt kiểu cười nhả nhỏ bên dưới lớp mặt nạ hề khi hấn xé toang đám đông tên việc bắt tài vô dụng ở City Center với cần ga đạp lút mặt sàn xe. “Đã ghi nhận thông điệp vụ sô cô la, bạn tôi ạ.”

Con em gái đến nơi, mắt long lanh, bím tóc nảy tung tung.

“Anh đừng có mà gọi em là nàng tiên cá nhỏ, Jerry, em ghét!”

Con bé khoảng chín tuổi gì đó, và cũng có một cái tên da trắng đến lỗ bịch: Barbara. Brady nghĩ rằng cái ý tưởng một đứa bé da đen tên là Barbara nghe siêu thực đến nỗi thậm chí chẳng còn thấy hỗn xược. Thành viên duy nhất trong gia đình có tên của dân da đen là con chó, đang đứng trên hai chân sau còn hai chân trước bấu chặt vào thành xe và cái đuôi ngoáy tít.

“Xuống, Odell!” Jerome nói, và con chó ngồi xuống, thở hển hển với vẻ rất phờn.

“Còn cậu thì sao?” Brady hỏi Jerome. “Cậu ăn gì không?”

“Làm ơn cho một kem vani mềm.”

Vậy là mày muốn giống màu vani cơ đấy, Brady nghĩ bụng, và lấy kem cho chúng.

Hấn thích để mắt đến Jerome, hấn thích tìm hiểu về Jerome, vì dạo này Jerome có vẻ là người duy nhất bên cạnh lão thanh tra về vườn, và trong hai tháng qua Brady đã quan sát họ ở cạnh nhau đủ để nhận ra rằng Hodges đối xử với thằng bé như với một người bạn đồng thời là một người giúp việc bán thời gian. Brady chưa từng có bạn, bạn bè thật nguy hiểm, nhưng hấn biết bạn bè là gì: là thứ tô điểm cho cái tôi. Những chiếc lưới an toàn cảm xúc. Khi anh cảm thấy tồi tệ, anh sẽ trông cậy vào ai? Bạn bè, đương nhiên rồi, và bạn bè anh sẽ nói những thứ đại loại như không sao và vui lên nào rồi chúng tôi ở bên cậu mà và ra ngoài làm một ly đi. Jerome mới có mười bảy, chưa đủ tuổi để ra ngoài uống một ly với Hodges (trừ phi là soda), nhưng nó luôn có thể nói vui lên nào và chầu ở bên bác. Vậy nên nó cần phải được theo dõi.

Bà Trelawney không có bạn bè gì. Cũng chẳng có chồng nót. Chỉ có bà mẹ già đau yếu. Điều đó khiến mẹ ta trở thành con mồi dễ xơi, nhất là sau khi lũ cớm bắt đầu hành mẹ ta lên xuống. Còn sao chứ, chúng đã làm nửa phần công việc của Brady thay cho hẳn. Phần còn lại hẳn tự mình làm lấy, hầu như ngay trước mũi con mẹ khòm già ấy.

“Của cậu đây,” Brady vừa nói vừa chìa cho Jerome phần kem mà hẳn ước giá kể tấm đầy thạch tín. Hoặc có thể là thuốc diệt chuột. Tọng cho chúng đầy thứ đó và thế là bọn chúng sẽ học máu ra đặng mắt đặng tai đặng miệng. Đây là chưa kể cả lỗ hậu môn nữa. Hẳn tưởng tượng cảnh tất cả lũ trẻ khu West Side đánh rơi hết cặp sách cùng điện thoại di động quý giá của chúng trong khi máu trào ra ồ ạt từ mọi lỗ khiếu. Đó hẳn sẽ là một bộ phim thảm họa cực kỳ!

Jerome đưa cho hẳn một tờ mười đô, và cùng với tiền thừa, Brady đưa thêm một chiếc bánh quy cho chó. “Cho Odell,” hẳn nói.

“Cảm ơn chú ạ!” Barbara reo lên và liếm cây kem ốc quế sô cô la. “Ngon quá!”

“Chúc ngon miệng, bé cưng.”

Hẳn lái chiếc xe Mr. Tastey, và hẳn cũng thường xuyên lái một chiếc VW Cyber Patrol khi ra ngoài làm dịch vụ, nhưng công việc thực sự của hẳn mùa hè này là Thanh tra K. William Hodges (đã nghỉ hưu). Và bảo đảm là Thanh tra Hodges (đã nghỉ hưu) dùng khẩu súng đó.

Brady quay xe trở về Nhà máy kem Loeb’s để giao xe và thay quần áo bình thường. Hẳn giữ đúng tốc độ cho phép trong cả chặng đường.

Cẩn tắc vô ưu.



Sau khi rời khỏi DeMasio's - với một chuyến tụt tạt xử lý mấy thùng đầu gấu bắt nạt một đứa bé bên dưới đoạn cầu vượt nổi đường cao tốc - Hodges cứ thế lái xe, nhấn nha đưa chiếc Toyota của ông qua những con đường của thành phố mà chẳng có điểm đến nào trong tâm trí. Hoặc ông tưởng như vậy cho đến khi nhận ra mình đang ở trên đường Lilac trong khu ngoại ô Sugar Heights sang chảnh ven hồ. Đến đây, ông tắt vào và đỗ xe, đối diện bên kia đường là một lối vào có cổng bảo vệ gắn biển số 729 trên một trong những cột đá tảng.

Ngôi nhà bà Olivia Trelawney quá cố tọa lạc ở đầu lối đi rải nhựa đường rộng xấp xỉ với con phố mà nó nối vào. Trên cánh cổng là một tấm biển BÁN NHÀ mời mọc những khách hàng đủ tiêu chuẩn gọi cho công ty BẤT ĐỘNG SẢN VÀ NHÀ ĐẸP MICHAEL ZAFRON. Hodges nghĩ bụng kiểu gì tấm biển cũng còn nằm đây một thời gian nữa, xét đến tình trạng thị trường nhà cửa trong năm 2010 Công nguyên này. Nhưng vẫn có người cắt cỏ thường xuyên, và căn cứ vào kích thước bãi cỏ thì người đó hẳn phải dùng một cái máy xén lớn hơn chiếc LAWN-BOY của Hodges rất nhiều.

Ai trả tiền cho việc chăm chút này nhỉ? Hẳn là đại lý bất động sản của bà T. Hồi còn sống chắc bà ta chẳng thiếu gì tiền.

Ông nhớ hình như giá ước chừng của khu này phải tầm bảy triệu đô. Lần đầu tiên từ khi về hưu, sau khi ông bàn giao lại vụ án dang dở về vụ Thảm sát ở City Center cho Pete Huntley và Isabelle Jaynes, Hodges mới bản khoản tự hỏi không biết mẹ bà T. còn sống không. Ông nhớ đến căn



bệnh vẹo cột sống gần như đã bẻ gập người bà cụ khốn khổ ấy làm đôi, khiến bà cụ đau đớn khủng khiếp... nhưng vẹo cột sống thì cũng không đến nỗi chết người. Với lại, chẳng phải Olivia Trelawney có một người em gái sống đâu đó ở miền Tây sao?

Ông cố lục lọi tên người em gái nhưng không sao nhớ nổi.

Ông chỉ nhớ là Pete vẫn quen gọi bà Trelawney là bà Twitchy<sup>[27]</sup>, vì cứ chốc chốc là bà ta lại chỉnh trang quần áo, và vuốt ve mái tóc đã buộc chặt đến nỗi không cần phải chải chuốt gì, rồi lại mân mê cái dây đeo bằng vàng của chiếc đồng hồ Patek Philippe, xoay nó hết vòng này sang vòng khác trên cái cổ tay xương xẩu của mình. Hodges không ưa bà ta; Pete thì gần như đến mức căm ghét bà ta. Điều đó khiến việc đổ cho bà ta một phần lỗi trong vụ thảm án City Center trở nên thật hả dạ. Rốt cuộc thì chính bà ta đã tạo điều kiện cho hắn; làm sao có thể nghi ngờ gì về điều đó? Bà ta đã được giao hai chiếc chìa khóa khi nhận chiếc Mercedes, nhưng chỉ có thể đưa ra được một.

Và rồi, ngày trước thêm lễ Tạ ơn, vụ tự tử xảy ra.

Hodges nhớ như in những gì Pete đã nói khi họ nhận được tin. “Nếu bà ta gặp những người chết ấy ở thế giới bên kia - nhất là cô Cray và con gái cô ấy - bà ta sẽ phải trả lời một số câu hỏi quan trọng.” Đối với Pete thì đó là lời khẳng định cuối cùng: đâu đó trong thâm tâm, bà T. đã biết ngay từ đầu rằng mình bỏ quên chìa khóa trong chiếc xe được bà ta gọi là Bà đầm Xám.

Hodges cũng đã tin điều đó. Câu hỏi bây giờ là, ông có còn tin không? Hay bức thư viết bằng ngòi bút tẩm độc từ kẻ tự nhận mình là Sát nhân Mercedes mà ông nhận được hôm qua đã làm ông đổi ý?

Có thể là không, nhưng bức thư đã gợi lên những câu hỏi.

Giả sử gã Mercedes cũng đã viết một bức thư tương tự cho bà Trelawney thì sao? Bà Trelawney đẩy những cỗ tạt nhút nhát ẩn ngay dưới lớp vỏ cao ngạo mong manh? Đó chẳng phải là điều hoàn toàn có thể sao? Chắc hẳn tên Sát nhân Mercedes cũng biết thừa về nỗi oán hận và khinh bỉ

mà dư luận trút lên bà ta sau vụ thảm sát; tất cả những gì hẳn phải làm là đọc mục Thư độc giả của tờ báo địa phương.

Liệu có thể nào...

Nhưng đến đây dòng suy nghĩ của ông vụt đứt ngang, vì một chiếc xe vừa tấp lại phía sau ông, sát đến nỗi suýt chút nữa chạm vào thanh cản sau chiếc Toyota. Không có đèn nháy gắn trên nóc, đó là một chiếc Crown Victoria đời cũ, màu xanh nhạt. Bước ra từ sau tay lái là một người đàn ông lực lưỡng, tóc cắt cưa, chiếc áo khoác rõ ràng là đang che phủ một khẩu súng nhét trong bao đeo dưới vai. Nếu đây là một thanh tra của sở cảnh sát thành phố, Hodges biết, đó sẽ là một khẩu Glock .40, giống khẩu đang nằm trong két của ông ở nhà. Nhưng anh ta không phải cảnh sát. Hodges vẫn còn nhớ tất cả bọn họ.

Ông hạ kính cửa xe xuống.

“Xin chào ông,” Đầu Cua nói. “Tôi xin phép được hỏi ông đang làm gì ở đây? Vì thấy ông đỗ xe được một lúc rồi.”

Hodges liếc nhìn đồng hồ và nhận ra đúng là như vậy. Đã gần bốn rưỡi chiều. Với tình trạng giao thông khu trung tâm trong giờ cao điểm, may ra ông về nhà kịp thời gian xem Scott Pelley trên chương trình CBS Evening News. Trước ông vẫn xem kênh NBC cho đến khi quyết định rằng Brian Williams là một gã đầu đất vui tính quá chuộng mấy cái video trên YOUTUBE. Không phải kiểu biên tập viên thời sự mà ông muốn xem khi mà dường như cả thế giới này đang sụp đổ...

“Thưa ông? Tôi thành thật hy vọng một câu trả lời đây.”

Đầu Cua cúi xuống. Vạt áo khoác anh ta hé ra. Không phải. Khẩu Glock mà là khẩu Ruger. Một kiểu súng cho dân cao bồi, theo quan điểm của Hodges.

“Còn tôi,” Hodges nói, “cũng thành thật hy vọng anh có thẩm quyền hỏi điều đó.”

Lông mày của người tra vấn ông nhíu lại. “Ông nói gì cơ. Tôi đoán anh là nhân viên an ninh tư nhân,” Hodges nhẫn nại nói, “nhưng tôi muốn xem giấy tờ. Sau đó, anh biết không? Tôi muốn xem giấy phép mang súng theo người cho khẩu đại bác mà anh có bên dưới áo khoác. Và tốt nhất là

nó nên ở trong ví của anh thay vì trong ngăn để găng tay trên xe, nếu không anh đã vi phạm khoản mười chín trong quy định của thành phố về mang vũ khí, ngăn gọn là như thế này: ‘Nếu bạn mang súng theo người, bạn cũng phải cầm cả giấy phép mang súng.’ Vậy hãy xem giấy tờ của anh nào.”

Cái nhíu mày của Đầu Cua càng sâu hơn. “Ông là cảnh sát à?”

“Nghỉ hưu rồi,” Hodges nói, nhưng không có nghĩa là tôi đã quên mất quyền lợi của tôi cũng như trách nhiệm của anh.

“Làm ơn cho tôi xem giấy tờ tùy thân và giấy phép mang súng của anh. Anh không phải đưa chúng cho tôi...”

“Ông nói đúng, đừng hòng mà tôi đưa.”

“Nhưng tôi muốn nhìn thấy chúng. Sau đó chúng ta có thể bàn về sự có mặt của tôi ở đường Lilac này.”

Đầu Cua ngẫm nghĩ, nhưng chỉ trong vài giây. Sau đó anh ta lôi ví và mở nó ra. Trong cái thành phố này - cũng như hầu hết mọi nơi, Hodges thầm nghĩ - cánh nhân viên an ninh đối xử với cảnh sát nghỉ hưu như thể họ đang đương chức, vì cảnh sát về hưu còn rất nhiều bạn bè đang đương chức, và những người đó có thể gây khó dễ cho cuộc sống của anh nếu họ có lý do làm vậy. Hóa ra tên anh ta là Radney Peeples, và cái thẻ nhân viên cho thấy anh ta là người của Vigilant Guard Service. Anh ta cũng giơ cho Hodges thấy một giấy phép mang súng theo người, có hiệu lực đến tận tháng 6 năm 2012.

“Radney, chứ không phải là Rodney,” Hodges nói. “Giống Radney Foster, ca sĩ nhạc đồng quê.”

Mặt của Foster giãn ra thành một nụ cười. “Chính xác.”

“Anh Peeples, tôi Bill Hodges, tôi kết thúc sự nghiệp trên cương vị Thanh tra Bạc Một, và vụ trọng án cuối cùng của tôi là tên Sát nhân Mercedes. Tôi nghĩ như thế là đủ để anh hiểu khá rõ tôi đang làm gì ở đây rồi chứ.”

“Bà Trelawney,” Foster nói, và lùi lại đây tôn trọng khi Hodges mở cửa xe, bước ra, vươn vai. “Hành trình thăm lại Con đường Kỷ niệm à, Thanh tra?”

“Giờ tôi chỉ là dân thường thôi,” Hodges chìa tay ra.

Peeples bắt tay ông. “Còn lại thì anh nói đúng. Tôi rời khỏi lực lượng cảnh sát gần như cùng thời điểm bà Trelawney rời khỏi cõi đời này.”

“Chuyện đó thật đáng buồn,” Peeples nói. “Ông có biết là bọn trẻ con ném trứng vào nhà bà ấy không? Mà không chỉ dịp Halloween thôi đâu. Ba bốn lần liền. Chúng tôi tóm được mấy đứa, những đứa khác...” Anh ta lắc đầu. “Còn cả giấy toilet nữa chứ.”

“Ừ, chúng thích trò đó mà,” Hodges nói. “Rồi một đêm có người bôi cả lên cột cổng bên trái. Tôi lấy làm mừng là chúng tôi kịp giải quyết nó trước khi bà ấy nhìn thấy.”

“Ông biết nó viết gì không?”

Hodges lắc đầu.

Peeples hạ giọng. “CON ĐÃ GIẾT NGƯỜI, bằng chữ in hoa sờ sờ ra đây. Thật bất công. Bà ấy đã sơ suất, tất cả chỉ có thế. Ai mà chưa từng có lần này lần khác?”

“Chắc chắn là phải có tôi rồi,” Hodges nói.

“Đúng thế. Kinh Thánh chẳng nói, Ai trong các người sạch tội hãy ném hòn đá đầu tiên còn gì.”

Làm gì có ai, Hodges nghĩ bụng, và hỏi (với vẻ tò mò thành thật), “Anh có quý bà ấy không?”

Hai mắt của Peeples nhướng lên trên rồi đảo sang trái, một hành động vô thức mà Hodges đã chứng kiến trong không biết bao nhiêu phòng thẩm vấn suốt bao năm tháng qua. Nó có nghĩa là Peeples sẽ lảng tránh câu hỏi hoặc nói dối trắng trợn.

Hóa ra là một câu trả lời lảng tránh.

“Ừm,” anh ta nói, “bà ấy rất tử tế với chúng tôi mỗi dịp Giáng sinh. Đôi khi bà ấy nhớ nhầm tên, nhưng bà ấy biết chúng tôi là ai, và mỗi người chúng tôi nhận được bốn mươi đô la cùng một chai whiskey. Whiskey ngon. Ông nghĩ chúng tôi nhận được những thứ đó từ chồng bà ta ấy à?” Anh ta khịt mũi.

“Mười đô nhét trong một cái thiệp Hallmark là những gì chúng tôi nhận được khi cái lão bunn xin ấy vẫn còn cầm cương.”

“Chính xác thì Vigilant làm việc cho ai?”

“Nó được gọi là Hiệp hội Sugar Heights. Ông biết đấy, một kiểu tổ chức tự quản của khu phố. Họ đấu tranh về những quy định phân chia sở hữu chung riêng khi họ không ưa chúng và bảo đảm là mọi người trong khu đều tuân thủ theo một... ừm, tiêu chí nhất định, chắc ông cũng hiểu. Có vô số quy định. Ví dụ như đến Giáng sinh thì ông được treo đèn trắng nhưng không được treo đèn màu. Và phải là loại không nhấp nháy.”

Hodges tròn mắt. Peeples thì cười nhảu nhở. Họ đã chuyển từ những kẻ thù địch tiềm tàng thành đồng nghiệp - ít ra cũng gần như vậy - và vì sao chứ? Bởi vì Hodges đã vô tình nhận ra cái tên hơi khác thường của tay kia. Người ta có thể gọi đó là ăn may, nhưng sẽ luôn có gì đó giúp bạn đứng cùng phe với người bạn muốn hỏi han, điều gì đó, mà phần nào thành công trong nghề cảnh sát của Hodges là nhờ việc nhận ra điều đó, ít ra cũng là trong hầu hết các trường hợp. Đó là năng khiếu mà Pete Huntley không bao giờ có, và Hodges hài lòng nhận thấy cái xác phàm của ông vẫn còn hoạt động đâu ra đấy.

“Tôi nghĩ bà ấy có một người em gái,” ông nói. “Ý tôi là bà Trelawney. Mặc dù tôi chưa bao giờ gặp cô ta, và không tài nào nhớ được tên.”

“Janelle Patterson,” Peeples bật ra ngay lập tức.

“Tôi đoán là anh đã gặp cô ấy.”

“Vâng, quả vậy. Cô ấy là người tốt. Cũng có nét giống bà Trelawney, nhưng trẻ và đẹp hơn.” Hai bàn tay anh ta miêu tả một hình đồng hồ cát trong không khí. “Đầy đặn hơn. Vậy ông có biết đã có tiến triển gì trong vụ chiếc Mercedes không, ông Hodges?”

Đây là câu hỏi mà bình thường ra Hodges sẽ không trả lời nhưng nếu anh muốn nhận được thông tin thì anh cũng phải cho đi thông tin. Và những gì ông có cũng an toàn, xét cho cùng nó chẳng phải là thông tin gì. Ông lấy luôn cách diễn đạt mà Pete Huntley đã dùng trong bữa trưa vài giờ trước. “Bóng chim tắm cá.”

Peeples gật gù như thể ngần ấy cũng không nhiều hơn những gì anh ta đã lường trước. “Tội ác bột phát. Không liên quan gì tới nạn nhân

nào, không động cơ, chỉ là một vụ giết người cho sướng tay. Cơ hội tốt nhất để tóm thủ phạm là hãy tìm cách ra tay lần nữa, ông có nghĩ vậy không.”

Gã Mercedes nói là hẳn sẽ không ra tay nữa, Hodges nghĩ bụng, nhưng đây là thông tin mà ông tuyệt đối không muốn để lộ vậy nên ông đồng tình. Sự đồng cảm bao giờ cũng tốt.

“Bà T. để lại một gia tài lớn,” Hodges nói, “và tôi không chỉ nói đến ngôi nhà. Tôi hẳn khoản không biết người em gái có hưởng thừa kế không nhỉ.”

“Ồ có chứ,” Peeples nói. Anh ta ngấp ngừng, rồi nói một câu mà chính Hodges cũng sẽ nói với một người khác trong tương lai không quá xa. “Tôi có thể tin tưởng sự kín đáo của ông chứ?”

“Có.” Khi được hỏi một câu như vậy, trả lời đơn giản là tốt nhất. Không màu mè.

“Cái cô Patterson ấy sống ở Los Angeles khi chị cô ấy... ông biết đấy. Những viên thuốc.”

Hodges gật đầu.

“Đã lấy chồng, nhưng không có con. Cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Khi biết mình được thừa kế bộn tiền và một dinh cơ ở Sugar Heights, cô ấy bèn thẳng tay ly dị gã chồng và chuyển về miền Đông.” Peeples hất một ngón tay cái về phía cổng, lối đi rộng rãi, và căn nhà lớn. “Cô ấy sống ở đó vài tháng trong khi bản di chúc được thực hiện. Khá thân với bà Wilcox, ở số 640. Bà Wilcox thích buôn chuyện, và coi tôi như một người bạn. Điều đó có thể hàm ý bất kỳ điều gì, từ bạn cà phê đến màn đan dứ mỗi chiều. Cô Patterson đảm nhiệm việc đi thăm nom bà mẹ, bà ấy sống ở chung cư trong trung tâm. Ông biết bà mẹ chứ?”

“Elizabeth Wharton,” Hodges nói. “Không biết bà ấy còn sống không nữa.”

“Tôi dám chắc là còn.”

“Vì bà ấy bị vẹo cột sống rất khủng khiếp.” Hodges còng lưng đi vài bước để diễn tả. Nếu muốn nhận thì ta phải cho đi.

“Vậy cơ à? Tệ nhỉ. Dù sao đi nữa, Helen - bà Wilcox - bảo là cô Patterson đến thăm đều đặn như đồng hồ, hết như bà Trelawney hồi trước.

Đấy là cho đến một tháng trước. Sau đó thì hẳn là mọi chuyện đã tệ hơn, vì tôi tin là giờ bà cụ đang sống trong một nhà dưỡng lão ở hạt Warsaw. Cô Patterson thì dọn vào căn hộ chung cư. Đó là chỗ cô ấy ở hiện nay. Dù vậy, thỉnh thoảng tôi vẫn trông thấy cô ấy. Gần đây nhất là một tuần trước, khi tay môi giới bất động sản giới thiệu ngôi nhà.”

Hodges quyết định rằng ông đã moi được tất cả những gì ông có thể trông đợi từ Radney Peeples. “Cảm ơn vì những thông tin cập nhật. Tôi lên đường đây. Xin lỗi vì chúng ta có khởi đầu không được suôn sẻ cho lắm.”

“Không vấn đề,” Peeples nói, và đập khê hai cái lên bàn tay chìa ra của Hodges. “Ông hành xử rất nghề. Chỉ nhớ cho là tôi không nói gì nhé. Janelle Patterson có thể đang sống ở khu trung tâm thật, nhưng cô ấy vẫn là một thành viên của Hiệp hội, và bởi vậy cô ấy là một thân chủ.”

“Anh không nói một lời nào,” Hodges nói và quay trở vào trong xe. Ông hy vọng là chồng của Helen Wilcox không bắt được quả tang vợ mình và anh chàng giẻ cùi tốt mã này đang dan díu, nếu quả thực có chuyện đó; vụ việc này nhiều khả năng sẽ là dấu chấm hết cho mối lương duyên giữa Vigilant Guard Service với các cư dân của Sugar Heights. Bản thân Peeples sẽ bị cho đi đứt vì vi phạm hợp đồng. Hoàn toàn không có gì phải nghi ngờ về điều đó.

Có lẽ cô ta mới chỉ uốn éo bước ra chỗ xe của anh ta với những chiếc bánh quy mới nướng, Hodges thầm nghĩ trong lúc lái xe đi. Chắc do mình xem quá nhiều cái thứ liệu pháp cặp đôi Quốc xã trên ti vi buổi chiều rồi.

Ông chẳng quan tâm gì đến cuộc sống yêu đương của Radney Peeples. Điều đáng quan tâm đối với Hodges khi ông trở về ngôi nhà khiêm nhường hơn rất nhiều của mình ở khu West Side là Janelle Patterson đã thừa kế ngôi nhà của chị gái cô ta, Janelle Patterson đang sống ngay trong thành phố (ít nhất là trong thời gian trước mắt), và Janelle Patterson chắc hẳn đã làm gì đó với những đồ thuộc sở hữu của Olivia Trelawney quá cố. Những thứ đó bao gồm cả giấy tờ cá nhân của bà ta, và trong đồng giấy tờ cá nhân của bà ta có thể có một bức thư - có khi không chỉ một - từ cái thằng bệnh hoạn vừa đây cả đến Hodges. Nếu có bức thư như vậy, ông muốn nhìn thấy nó.

Tất nhiên đây là việc của cảnh sát và K. William Hodges thì không còn là cảnh sát nữa. Theo đuổi vụ này nghĩa là ông đang trượt dài khỏi ranh giới của những gì được xem là hợp pháp và ông hiểu rõ điều đó - trước tiên, ông đang che giấu chứng cứ - nhưng ông hoàn toàn chưa có ý định dừng lại lúc này. Thái độ hỗn xược trong bức thư của tên quái thai đã khiến ông nổi giận. Nhưng, ông phải thừa nhận, nó khiến ông nổi giận theo chiều hướng tích cực. Nó mang đến cho ông cảm giác có mục đích, và sau mấy tháng như vừa rồi thì đó có vẻ là một điều hay hóm ra trò.

Chỉ cần đạt được chút tiến triển ít ỏi nào thôi là mình sẽ bàn giao lại toàn bộ cho Pete ngay.

Ông không nhìn vào gương chiếu hậu khi ý nghĩ đó nảy ra trong tâm trí, chứ nếu có thì hẳn vẫn đã thấy mắt mình thoáng nhướng lên trên rồi đảo sang trái.





Hodges đỗ chiếc Toyota của mình vào phần mái che có chức năng như garage bên trái ngôi nhà, và dừng lại chiêm ngưỡng bãi cỏ mới cắt trước khi bước đến cửa. Tại đó ông thấy một mảnh giấy thò ra khỏi khe bỏ thư. Ý nghĩ đầu tiên của ông là gã Mercedes, nhưng làm vậy hẳn cũng là quá liều lĩnh ngay cả với một kẻ như hắn.

Hóa ra là của Jerome. Nét chữ ngay ngắn của cậu ta tương phản với giọng văn nhí nhố của bức thư.

*Thưa ngài<sup>[28]</sup>. Hodges,*

*Tui đã cắt bãi cỏ của ngài và cắt cây máy cắt cỏ vào trong nhà se. Tôi hy vọng ngài không đâm phải nó, thưa ngài! Nếu ngài còn chút công việc nào cho thần bé da đen rớt nát này, cứ bấm địa thoại gọi tui. Tui vui lòng được nói chuyện với ngài nếu tui không đang giở giang với một chong những em út của mình. Như ngài cũng biết bọn chúng cần được chăm bẵm rất nhiều và thỉnh thoảng lại phải dạy dỗ đôi chút nữa, vì chúng dễ lên mặt tinh vi lắm, nhất là mấy em da dẻ sáng sủa<sup>[29]</sup>. tí! Tui luôn ở đây phục vụ ngài, thưa ngài!*

*Jerome*

Hodges lắc đầu mệt mỏi nhưng không khỏi mỉm cười.

Cậu giúp việc của ông nhận toàn điểm A cho môn toán cao cấp, cậu ta biết thay máng nước bị sập, cậu ta khắc phục email của Hodges mỗi khi nó lộn tung lên (vốn xảy ra như cơm bữa, chủ yếu là do ông làm bung bét cả), cậu ta hiểu biết cơ bản về sửa ống nước, cậu ta nói tiếng Pháp rất khá, và nếu bạn hỏi Jerome đang đọc sách gì, chắc chắn cậu ta sẽ hành hạ bạn cả

nửa tiếng với cái chủ nghĩa biểu tượng chết tiệt của D. H. Lawrence. Cậu ta không muốn là người da trắng, nhưng là một gã trai da đen giỏi giang trong một gia đình trung-lưu-lớp-trên, cậu ta phải đương đầu với cái thứ được cậu ta gọi là “những thách thức về bản sắc”. Cậu ta nói điều này với vẻ đùa bỡn, nhưng Hodges không tin là thằng bé nói đùa. Không hẳn.

Ông bố giảng viên đại học của Jerome và bà mẹ kiểm toán viên có chứng chỉ CPA - mà theo Hodges thì cả hai đều thiếu-năng-hài-hước - chắc chắn sẽ chết khiếp với bức thư này. Có khi họ còn thấy con trai mình cần được tư vấn tâm lý cũng nên.

Nhưng họ sẽ không biết gì hết từ phía Hodges.

“Jerome, Jerome, Jerome,” ông thốt lên và lách mình vào trong Jerome và trò vọc đàn bà của cậu ta. Anh chàng Jerome vẫn không quyết định được, ít nhất cũng chưa, là muốn vào trường đại học Ivy League<sup>[30]</sup> nào; còn việc những gã to đầu ấy chấp nhận cậu ta là chuyện khỏi phải bàn. Cậu ta là người duy nhất trong cả khu được Hodges xem như một người bạn, và thực sự cũng là người duy nhất ông cần. Hodges tin rằng tình bạn chỉ là thứ được thổi phồng, và nếu chỉ xét riêng điểm này thì ông cũng giống Brady Hartsfield.

Ông về vừa kịp để xem hầu hết bản tin buổi tối, nhưng quyết định không xem. Ông chỉ có thể tiêu hóa được ngần ấy tin về tràn dầu vùng Vịnh và phong trào chính trị Tiệc Trà. Thay vào đó ông bật máy tính lên, khởi động trình duyệt Firefox, và nhập dòng “Dưới Chiếc Ô Xanh của Debbie” vào ô tìm kiếm.

Chỉ có sáu kết quả, một mẻ lưới quá nhỏ bé trong biển Internet mênh mông đầy cá, và chỉ đúng một kết quả khớp chính xác cả cụm từ. Hodges nhấp chuột vào đó và một bức ảnh hiện lên.

Dưới một bầu trời phủ kín những đám mây đầy hăm dọa là một triển đồi miền quê. Cơn mưa sống động - ông đoán là một dạng ảnh động lặp đi lặp lại - đang trút xuống thành những dòng bàng bạc. Song hai con người ngồi dưới một chiếc ô lớn màu xanh, một chàng trai và một cô gái, vẫn an toàn và khô ráo. Họ không hôn nhau, nhưng đầu họ kề sát bên nhau.

Có vẻ như họ đang mãi mê tâm sự.

Phía dưới bức ảnh là một đoạn tóm tắt lý do ra đời của Chiếc Ô Xanh.

Không giống các trang như Facebook và LinkedIn, Dưới Chiếc Ô Xanh của Debbie là một trang trò chuyện nơi những người bạn cũ có thể gặp gỡ và những người bạn mới có thể tìm hiểu về nhau trong MÔI TRƯỜNG ẮN DANH HOÀN TOÀN ĐƯỢC ĐẢM BẢO. Không có ảnh, không có nội dung khiêu dâm, không có những dòng Tweet 40 ký tự, chỉ có TRÒ CHUYỆN HIỆU QUẢ THEO PHONG CÁCH CŨ.

Bên dưới đoạn này là một nút nhấn đề **BẮT ĐẦU NGAY BÂY GIỜ!**

Hodges dịch con trỏ chuột lên đó, rồi lại lưỡng lự.

Khoảng sáu tháng trước, Jerome phải xóa địa chỉ email của ông và tạo cho ông một cái mới vì tất cả mọi người trong danh bạ của Hodges đều nhận được một tin nhắn thông báo ông đang bị kẹt ở New York, có người đã lấy trộm ví cùng tất cả thẻ tín dụng của ông và ông cần tiền để về nhà. Những người nhận được thư hãy làm ơn gửi năm mươi đô la - nhiều hơn nếu ông ta hoặc bà ta có đủ khả năng - tới một địa chỉ Mail Boxes Etc. Ở Tribeca. “Tôi sẽ hoàn trả lại cho bạn ngay sau khi tôi giải quyết xong mớ bung bét này,” bức thư khẳng định.

Hodges bẽ mặt vô cùng vì lời đề nghị xin xỏ ấy đã đến cả tay vợ cũ, rồi anh trai ông ở Toledo, và cả hơn bốn chục cảnh sát mà ông đã làm việc cùng bao năm qua. Cả con gái ông nữa.

Ông cứ tưởng điện thoại của mình - cả di động và cố định - sẽ đổ chuông như điên trong khoảng bốn mươi tám tiếng sau đó, nhưng hóa ra rất ít người gọi điện, và chỉ có Alison là tỏ ra thực sự lo lắng. Điều đó không làm ông ngạc nhiên. Allie, bản tính vốn bi quan cả nghĩ, vẫn luôn chắc chắn cha mình sớm muộn cũng trở nên lẩm cẩm ngay từ khi ông mới bước sang tuổi năm mươi lăm.

Hodges đã phải cầu viện đến Jerome, và Jerome giải thích ông đã trở thành nạn nhân của trò ăn cắp thông tin cá nhân trên mạng.

“Hầu hết những kẻ ăn cắp địa chỉ chỉ muốn bán Viagra hoặc đồ mỹ ký, nhưng cháu cũng từng gặp trò này rồi. Nó xảy ra với giáo viên môn nghiên cứu môi trường của cháu, cuối cùng ông ấy phải đứng ra trả lại cho mọi

người đến cả nghìn đô. Tất nhiên đấy là thời xưa thôi, trước khi người ta kịp khôn lên...”

“Cái thời xưa ấy chính xác là khi nào vậy, Jerome?”

Jerome nhún vai. “Hai, ba năm trước. Ngoài kia là cả một thế giới mới rồi, bác Hodges. Bác phải lấy làm mừng là tên lừa đảo ấy chưa tấn công bác bằng một con virus ăn sạch các tệp dữ liệu và ứng dụng.”

“Bác cũng chẳng có gì nhiều mà mất,” Hodges đáp. “Chủ yếu là bác lướt mạng thôi. Mặc dù chắc bác sẽ tiếc trò xếp bài. Nó chạy bài ‘Happy Days Are Here Again’ mỗi khi bác thắng.”

Jerome đã trao cho ông cái nhìn chấu-quá-lich-sự-mới-không-gọi-bác-là-đồ-đần đã thành thương hiệu của cậu ta.

“Thế còn các bản khai hoàn thuế của bác thì sao? Cháu đã giúp bác hoàn thuế trực tuyến năm ngoái mà. Bác có muốn có người biết bác đã thanh toán gì cho Chú Sugar<sup>[31]</sup> không? Ý cháu là ngoài cháu ra?” Hodges thừa nhận là ông không muốn.

Bằng cái giọng lên lớp rất lạ tai (không hiểu sao cũng rất du dương) mà cánh thanh niên thông minh hình như luôn dùng đến mỗi khi cất công giáo dục lớp già cả gà mờ, Jerome nói, “Máy tính của bác đâu phải chỉ là một cái ti vi đời mới. Hãy bỏ suy nghĩ đó ra khỏi đầu bác đi. Mỗi lần bác bật nó lên tức là bác đang mở một cửa sổ soi vào cuộc đời mình. Đây là nếu như có kẻ muốn nhòm ngó.”

Tất cả những chuyện đó lướt qua trong đầu Hodges trong lúc ông nhìn vào cái ô màu xanh và cơn mưa trút xuống không ngừng. Cả những thứ khác cũng lướt qua nữa, những thứ từ tư duy cảnh sát của ông, vốn ngủ yên nhưng giờ đã choàng tỉnh hẳn.

Có lẽ gã Mercedes muốn nói chuyện. Mặt khác, có lẽ điều hẳn thực sự muốn là nhìn xuyên qua cánh cửa mà Jerome đã đề cập đến.

Thay vì nhấp chuột vào nút **BẮT ĐẦU NGAY BÂY GIỜ!** Hodges thoát khỏi trang web, cầm điện thoại lên, và bấm một trong vài số điện thoại trong danh sách quay số nhanh. Mẹ của Jerome nghe máy, rồi sau một

vài câu hỏi thăm ngấn gợn và vui vẻ, bà chuyển máy cho quý ngài Vẹo Đàn bà trẻ tuổi.

Lấy cái giọng “dân đen”<sup>[32]</sup> khủng khiếp nhất mà ông có thể bắt chước được, Hodges nói, “Ê, chiến hữu, mày vẫn chần dặt mấy con đười đói đều chứ hả? Vẫn kiếm ăn đều chứ? Mày có làm việc không đấy?”

“À, vâng, chào bác Hodges ạ. Dạ vâng, mọi chuyện tốt ạ.”

“Mày không thít tao lói chuyện với mày kiểu này qua địn thoại à, bồ tèo?”

“Dạ...”

Jerome luống cuống thực sự, và Hodges lấy làm thương hại anh chàng.

“Bãi cỏ trông rất đỉnh.”

“Ôi. Tốt quá ạ. Cảm ơn bác. Cháu có thể giúp gì cho bác nữa không ạ.”

“Có lẽ có đấy. Bác đang tự hỏi không biết cháu có thể ghé qua đây sau giờ học ngày mai không. Là vấn đề về máy tính.”

“Chắc chắn ạ. Lần này là rắc rối gì đây?”

“Bác không muốn nói chuyện này qua điện thoại,” Hodges nói, “nhưng có lẽ cháu sẽ thấy nó thú vị đấy. Bốn giờ được không?”

“Được ạ.”

“Tốt lắm. Làm ơn để cái anh chàng Tyrone Feelgood Deelite nhà cho bác nhé.”

“Được rồi, thưa bác Hodges, cháu sẽ làm thế.”

“Khi nào cháu mới chịu tự nhiên hơn và gọi bác là Bill nhỉ? Bác Hodges làm ta cảm thấy giống như thầy giáo<sup>[33]</sup> lịch sử Hoa Kỳ của cháu vậy.”

“Có lẽ là khi cháu học xong trung học đã,” Jerome nói, hoàn toàn nghiêm túc.

“Bác chỉ nói vậy để cháu biết là cháu có thể đổi cách xưng hô bất kỳ lúc nào cháu muốn.”

Jerome bật cười. Thằng bé có điệu cười thật sáng khoái, giòn tan. Tiếng cười đó luôn làm Hodges thấy phần chấn hấn lên.

Ông ngồi ở bàn để máy tính trong căn phòng làm việc bé tí hìn của mình, gõ gõ đánh nhịp ngón tay, nghĩ ngợi. Ông chợt nhận ra mình hầu như chẳng mấy khi dùng đến căn phòng này vào buổi tối. Trong trường hợp ông choàng tỉnh lúc hai giờ sáng và không thể ngủ lại, thì có. Ông sẽ vào đây và chơi xếp bài solitaire khoảng một tiếng trước khi quay về giường.

Nhưng thường thì ông nằm trong chiếc LA-Z-BOY khoảng từ bảy giờ tối đến nửa đêm, xem những phim cũ trên AMC hoặc TCM và nhồi cho béo múp mặt bằng đồ béo và đường.

Ông lại chụp lấy điện thoại, quay số dịch vụ Hỗ trợ Tổng đài và hỏi máy trả lời tự động đầu dây bên kia là nó có số của Janelle Patterson không. Ông cũng chẳng hy vọng gì; giờ cô ta đã là Người Phụ nữ Bảy triệu Đô la, và lại mới ly dị chồng quá ư thuận tiện, cô em gái của bà Trelawney có thể đang dùng một số điện thoại không niêm yết.

Nhưng máy trả lời tự động lại ho ngay ra được. Hodges bất ngờ đến nỗi ông phải quờ tay chụp một cây bút chì và bấm phím 2 để nghe lại. Ông gõ gõ ngón tay thêm một lúc, suy nghĩ xem ông muốn tiếp cận cô ta như thế nào. Có thể rồi cũng sẽ chẳng đi đến đâu, nhưng đó sẽ là bước đi tiếp theo nếu như ông vẫn còn là cảnh sát. Vì ông không còn là cảnh sát nữa, nên sẽ phải tính toán thấu đáo hơn một chút.

Ông thích thú nhận ra mình đang hăm hở chào đón thử thách này đến nhường nào.



**B**rady gọi điện trước đến quán Sammy's Pizza trên đường về nhà và ghé qua lấy một chiếc pepperoni nhỏ và một cái bánh nấm. Nếu cho rằng mẹ hắn sẽ ăn một hai miếng thì hắn đã lấy một chiếc lớn hơn, nhưng hắn biết thừa là không.

Có thể bà ấy sẽ ăn nếu đó là pepperoni và vodka Popov, hắn tự nhủ. Nếu họ bán loại đó, mình sẽ phải bỏ qua cỡ trung bình và gọi luôn một cái cỡ lớn.

Có những dãy nhà liền kề ở khu North Side của thành phố. Chúng được xây dựng giữa hai cuộc chiến tranh Triều Tiên và Việt Nam, điều đó có nghĩa là tất cả đều giống hệt nhau và đều bắt đầu trở thành những mớ đồ nát. Hầu hết đều có những món đồ chơi bằng nhựa trên các bãi cỏ nhếch nhác xác xơ, mặc dù lúc này trời đã tối hẳn. Nhà gia đình Hartsfield nằm ở số 49 phố Elm<sup>[34]</sup>, cả phố chẳng có cây đu nào và có lẽ cũng chưa bao giờ có. Chẳng qua tất cả đường phố ở khu vực được gọi, rất hợp tình hợp lý, là Northfield của thành phố - đều được đặt tên theo các loài cây.

Brady đỗ xe sau chiếc Honda gỉ nát của mẹ, nó cần một bộ xả mới, thay đầu nối điện và bugi mới. Đây là chưa kể giấy đăng kiểm mới.

Kệ bà ta lo chuyện đó, Brady thâm nghĩ, nhưng bà ta sẽ không làm. Mà là hắn. Hắn sẽ lại phải lo liệu. Cũng như hắn vẫn giải quyết tất cả mọi chuyện.

Cũng giống như mình lo liệu cho Frankie, hắn nghĩ. Hồi đó cái tầng hầm vẫn còn là tầng hầm chứ chưa là trung tâm điều khiển của hắn.

Brady và Deborah Ann Hartsfield không nói chuyện về Frankie.

Cửa khóa. Ít nhất thì hẳn cũng dạy được cho mẹ mình ngăn ấy, mặc dù có Chúa chứng giám là chuyện đó chẳng dễ dàng gì.

Bà ta thuộc loại người nghĩ rằng chỉ cần nói được rồi bà có thể giải quyết được mọi vấn đề trên đời. Nhắc bà ta Cất cái hộp half-and-half<sup>[35]</sup> của mẹ vào tủ lạnh sau khi dùng xong, bà ta bảo được rồi. Và rồi chiều về hẳn vẫn thấy nó nằm nguyên trên bệ bếp, bắt đầu chua loét. *Nói bà ta Làm ơn giặt đồ để con có bộ đồng phục sạch mai còn mặc đi bán kem*, bà ta bảo được rồi. Nhưng khi thò đầu vào trong phòng giặt, mọi thứ vẫn còn nguyên trong giỏ.

Tiếng ti vi lao xao chào đón hẳn. Thứ gì đó về một thách thức đối với hệ miễn dịch, vậy là chương trình Kẻ sống sót. Hẳn đã cố nói với bà ta rằng tất cả đều là giả, một trò dàn dựng. Bà ta bảo ừ, được rồi, bà ta biết, nhưng bà ta vẫn chẳng bao giờ bỏ lỡ nó cả.

“Con về nhà rồi, mẹ.”

“Chào mừng!” Chỉ hơi méo giọng một chút, thế là tốt so với giờ này buổi tối rồi. Mình mà là gan của bà ta, Brady nghĩ bụng, thế nào cũng có đêm mình nhảy ra khỏi miệng trong lúc bà ta đang ngáy và trốn mất tăm.

Tuy vậy hẳn vẫn cảm nhận được khoảnh khắc mong đợi ấy khi hẳn bước vào phòng khách, khoảnh khắc mà hẳn cảm ghét. Bà ta đang ngồi trên ghế sofa trong bộ áo choàng lụa trắng mà hẳn mua cho hội Giáng sinh, và hẳn còn thấy màu trắng hơn thế ở chỗ vạt áo phanh ra tít phía trên đùi bà ta. Đồ nhỏ của bà ta. Hẳn nhất quyết không chịu nghĩ đến từ quần lót khi nghĩ về mẹ mình, như thế là quá khêu gợi, nhưng nó vẫn lẩn khuất trong tâm trí hẳn, cũng thế cả thôi: một con rắn ẩn trong bụi cây sơn độc. Ngoài ra hẳn còn thấy cả núm ngực tròn nhỏ của bà ta hẳn lên. Thật là tội lỗi khi những thứ ấy lại làm hẳn thấy ham muốn - bà ta đã suýt soát năm mươi, bà ta đã bắt đầu chảy xệ ra xung quanh vòng hai, bà ta còn là mẹ hẳn, lạ Chúa - nhưng...

Nhưng.

“Con mua pizza đấy,” hẳn nói, vừa giơ cái hộp lên vừa nghĩ, Mẹ ăn rồi.



“Mẹ ăn rồi,” bà ta nói. Có lẽ là thế thật. Mấy lá rau xà lách và một hộp sữa chua bé xíu. Đó là cách bà ta giữ gìn những gì còn lại cho vóc dáng của mình.

“Loại mẹ vẫn thích đấy,” hăn vừa nói vừa nghĩ, Con ăn đi, cưng.

“Con ăn đi, cưng,” bà ta nói. Bà ta nâng ly lên và nhấp một ngụm rất điệu dàng. Lát nữa mới đến màn nốc ồng ộc, sau khi hăn lên giường và bà ta tưởng hăn đã ngủ rồi. “Lấy lon Coke mà uống rồi ra đây ngồi với mẹ.” Bà ta vỗ xuống ghế. Vạt áo choàng của bà ta lại phanh ra thêm một chút. Áo choàng trắng, quần lót trắng.

Quần nhỏ, hăn tự nhắc mình. Đồ nhỏ, chỉ vậy thôi, bà ấy là mẹ mày, bà ấy là Mẹ, và khi nói đến mẹ mày thì đó chỉ là đồ nhỏ.

Bà ta mỉm cười khi nhận ra hăn đang nhìn. Bà ta không chỉnh lại áo choàng. “Năm nay những người sống sót đang ở Fiji.” Bà ta cau mày. “Mẹ nghĩ là Fiji thì phải. Đại loại là một trong những hòn đảo đó. Lại đây xem với mẹ.”

“Thôi, con nghĩ là con sẽ xuống dưới nhà và làm việc một chút.”

“Dự án gì vậy, cưng?”

“Một loại bộ định tuyến mới.” Bà ta chẳng thể nào phân biệt nổi bộ định tuyến với bàn xoa<sup>[36]</sup>, nên nói thế là an toàn rồi.

“Ngày nào đó con sẽ có một phát minh làm mẹ con mình giàu to,” bà ta nói. “Mẹ biết con sẽ làm được mà. Khi đó thì vĩnh biệt cửa hàng đồ điện tử nhé. Và vĩnh biệt cả cái xe bán kem đó nữa.” Bà ta nhìn hăn với đôi mắt to mới chỉ hơi lấp loáng nước vì vodka. Hăn không biết thường mỗi ngày bà ta tọng vào người bao nhiêu, còn đếm chai rỗng thì không ăn thua vì bà ta nhét chúng vào đâu đó, nhưng hăn biết từ lượng của bà ta rất ghê gớm.

“Cảm ơn mẹ,” hăn nói. Hăn thấy phồng mũi dù không muốn. Cảm thấy cả điều khác nữa. Rất mạnh mẽ dù rất không muốn.

“Đến đây hôn mẹ một cái nào, cục cưng.” Hăn lại gằn ghế, thận trọng không nhìn xuống phía trước chiếc áo choàng mở phanh và cổ phớt lờ cảm giác đang cựa quậy ngay bên dưới thắt lưng. Bà ta nghiêng mặt sang một bên, nhưng khi hăn cúi xuống để hôn lên má thì bà ta ngoảnh lại và ép cái

miệng ẩm ướt đang hé mở của mình vào miệng hắn. Hắn cảm nhận được mùi rượu và ngửi thấy mùi nước hoa bà ta luôn xúc vào sau tai. Bà ta còn xúc cả vào những chỗ khác nữa.

Bà ta đặt một lòng bàn tay lên sau gáy hắn và vò tóc hắn bằng những đầu ngón tay, tạo ra một luồng run rẩy chạy dọc suốt đến tận xương cụt. Bà ta đưa lưỡi chạm vào môi trên của hắn, chỉ là một cái liếm nhẹ, vụt lướt qua rồi thụt mất, sau đó rụt người lại và trao cho hắn ánh mắt mở tròn long lanh.

“Cực cưng của mẹ,” bà ta thở hỗn hển, như nhân vật nữ chính trong mấy bộ phim tâm lý ướt át - thể loại phim mà nhân vật nam vung kiếm còn nhân vật nữ thì mặc váy khoét sâu để cặp nhũ độn lên thành những quả cầu bóng lộn.

Hắn vội vã dứt ra. Bà ta mỉm cười với hắn, rồi lại quay ra nhìn màn hình ti vi, những người trẻ tuổi đẹp đẽ mặc đồ tắm đang chạy dọc theo một bãi biển. Hắn mở hộp pizza bằng hai bàn tay run run, lấy ra một miếng, rồi thả vào trong bát salad của bà ta.

“Mẹ ăn miếng đó đi,” hắn nói. “Cho đã rượu. Được tí nào hay tí ấy.”

“Đừng có khó khăn với mẹ thế,” bà ta nói, nhưng không có vẻ gì là cay nghiệt và tuyệt nhiên không tự ái. Bà ta khép vạt áo choàng với vẻ hoàn toàn lơ đãng, tiếp tục đắm chìm trong thế giới của những kẻ sống sót, hăm hở khám phá xem ai sẽ được bình chọn để thoát khỏi hòn đảo trong tuần này. “Và đừng quên cái xe của mẹ nhé, Brady. Nó cần giấy đăng kiểm mới.”

“Nó cần nhiều hơn thế nữa cơ,” hắn nói và đi vào bếp.

Hắn lấy một lon Coke trong tủ lạnh, rồi mở cửa dẫn xuống tầng hầm. Hắn đứng đó giây lát trong bóng tối, rồi nói một từ duy nhất: “Điều khiển.” Bên dưới, những bóng đèn huỳnh quang (tự tay hắn lắp chúng, cũng như hắn đã tự tay sửa sang lại căn tầng hầm), vụt sáng.

Đến chân cầu thang, hắn nghĩ đến Frankie. Hầu như lần nào hắn cũng làm vậy khi đứng ở chỗ Frankie chết. Khoảng thời gian duy nhất hắn không nghĩ đến Frankie là lúc hắn chuẩn bị cho lần ra tay ở City Center. Trong

những tuần đó tất cả mọi thứ khác đều ra khỏi tâm trí hắn, và cảm giác đó thật nhẹ nhõm.

Brady, Frankie nói. Từ cuối cùng nó nói trên hành tinh Trái đất. Không tính những tiếng ăng ặc và hỗn hển.

Hắn đặt pizza và lon nước lên bàn làm việc ở giữa phòng, rồi vào phòng vệ sinh bé bằng tú quần áo và tụt quần xuống.

Hắn sẽ không thể nào ăn nổi, không thể nào bắt tay vào dự án mới của mình (chắc chắn không phải là một bộ định tuyến), hắn sẽ không tài nào suy nghĩ nổi, chừng nào hắn còn chưa giải quyết xong một vấn đề cấp thiết.

Trong bức thư cho lão cớm béo về vườn, hắn tuyên bố rằng khi lao xe vào những người kiểm việc ở City Center, hắn thấy núng đến nỗi phải đeo bao cao su. Hắn còn khẳng định rằng hắn tự sướng mỗi khi hồi tưởng lại sự kiện đó. Nếu đó là sự thật, nó sẽ mang đến một ý nghĩa hoàn toàn khác cho thuật ngữ thủ dâm, nhưng sự thật không phải thế. Hắn nói dối rất nhiều trong bức thư đó, mỗi lời dối trá đều được tính toán để kích động Hodges thêm một chút, và cơn cuồng sex nguy tạo của hắn vẫn chưa là gì trong số những lời dối trá ấy.

Hắn thực sự không có nhiều hứng thú với phụ nữ, và cánh phụ nữ cũng cảm nhận được điều đó. Đó có lẽ là lý do tại sao hắn lại thân với Freddi Linklatter như thế, cô nàng đồng nghiệp lập dị đồng tính ở Discount Electronix. Theo tất cả những gì Brady biết, có khi cô ta còn tưởng hắn là dân đồng tính. Nhưng hắn không đồng tính. Nói chung thì hắn là cả một điều bí hiểm đối với chính bản thân hắn - một dạng frông hấp lưu<sup>[37]</sup> - nhưng có một điều mà hắn chắc chắn: hắn không phải là người vô tính, hoặc không hoàn toàn. Hắn và mẹ chia sẻ một điều bí mật rối rắm, một điều không được phép nghĩ đến trừ phi là cực kỳ cấp thiết. Một khi nó đã trở nên cấp thiết, thì nó phải được giải quyết và cất trở lại vào chỗ cũ.

Mẹ, con nhìn thấy quần lót của mẹ, hắn thầm nghĩ, và bắt tay vào giải quyết công việc của mình nhanh hết sức có thể. Có gel bôi trơn trong tú thuốc, nhưng hắn không dùng. Hắn muốn nó bóng rất lên.



Quay trở ra chỗ làm việc dưới tầng hầm rộng thênh thang của mình, Brady nói một từ khác. Lần này là hỗn độn.

Ở góc tít phía trong của phòng điều khiển là cái kệ dài cách mặt sàn khoảng một mét. Rải dọc trên đó là bảy chiếc máy tính xách tay với màn hình tối đen được mở ra sẵn. Còn có cả một chiếc ghế gắn bánh xe, để hẳn có thể di chuyển nhanh chóng từ máy này sang máy khác. Khi Brady nói cái từ thần chú đó, cả bảy máy tính đều bật lên. Con số 20 xuất hiện trên mỗi màn hình, rồi 19, xuống 18. Nếu hẳn cứ để cho màn đếm ngược này về đến 0, một chương trình tự hủy sẽ được kích hoạt, xóa sạch sẽ toàn bộ ổ cứng và viết đè lên đó những dữ liệu rác.

“Bóng tối,” hẳn nói, và những con số đếm ngược cỡ lớn biến mất, thay vào đó là những hình nền cắt từ cảnh của The Wild Bunch, bộ phim yêu thích của hẳn.

Hẳn đã thử apocalypse và Armageddon<sup>[38]</sup> mà theo quan điểm của hẳn là những từ khởi động hay hơn nhiều, nghe đầy chất Khải huyền, nhưng chương trình nhận diện ngôn ngữ gặp trục trặc với những từ này, và hẳn không hề muốn phải thay toàn bộ dữ liệu chỉ vì một lỗi ngớ ngẩn. Những từ hai âm tiết an toàn hơn. Mà cũng chẳng có gì nhiều nhận trên sáu trong tổng số bảy chiếc máy tính. Số Ba là thứ duy nhất mà lão cớm béo về vườn sẽ gọi là “thông tin buộc tội”, nhưng hẳn thích nhìn màn phô trương sức mạnh hầm hố đó, tất cả đều bật sáng như lúc này. Nó khiến cho căn tầng hầm có cảm giác giống như một trung tâm chỉ huy thực sự.

Brady coi mình vừa là đáng sáng tạo vừa là đáng hủy diệt, nhưng cũng tự biết trước giờ hẳn vẫn chưa sáng tạo được thứ gì thực sự khiến thế giới này phải bùng cháy lên, và hẳn bị hành hạ bởi viễn cảnh hẳn sẽ chẳng bao giờ làm được. Và rằng cùng lắm thì hẳn cũng chỉ có đầu óc sáng tạo hạng hai mà thôi.

Ví dụ như cái Rolla chẳng hạn. Cái đó đã đến với hẳn trong một khoảnh khắc ngẫu hứng vào một đêm hẳn hì hút bụi phòng khách (cũng giống như sử dụng máy giặt, những việc nhà thế này không xứng tầm mẹ hẳn làm). Hẳn đã phác thảo ra một thiết bị trông giống như cái ghế kê chân gắn bánh xe, động cơ và vòi hút ngấn ngấn ở mặt dưới. Chỉ cần thêm một chương trình máy tính đơn giản, Brady tính rằng thiết bị đó có thể di chuyển quanh phòng, vừa đi vừa hút bụi. Nếu gặp phải vật cản - ví dụ như một cái ghế hoặc tường - nó sẽ tự xoay lại và đi tiếp theo hướng mới.

Hẳn đã thực sự bắt tay chế tạo một thiết bị mẫu trước khi trông thấy một phiên bản chiếc Rolla của hẳn đang hùng hục xoay từ bên trong cửa sổ trưng bày của một cửa hàng đồ điện gia dụng cao cấp ở trung tâm thành phố. Thậm chí cả cái tên cũng gần giống; nó được gọi là Roomba. Ai đó đã nhanh tay hơn hẳn, và cái tên đó có lẽ đang kiếm cả tiền triệu. Thật bất công, nhưng có gì là công bằng đâu? Cuộc đời chẳng qua là một lễ hội chết tiệt với những giải thưởng rác rưởi.

Hẳn đã mắc trộm cáp cho những chiếc ti vi trong nhà, nghĩa là Brady và mẹ hẳn không chỉ được xem truyền hình cáp thông thường mà là tất cả những kênh chất lượng cao (gồm cả một vài kênh bổ sung của nước ngoài như Al Jazeera) hoàn toàn miễn phí, mà Tim Warner, Comcast, hoặc cả XFINITY đều chẳng làm quái gì được hết. Hẳn đã hack cả đầu máy DVD để nó không chỉ đọc được những cái đĩa của Mỹ mà còn cả những cái đĩa từ mọi nơi trên thế giới. Rất dễ dàng - chỉ ba bốn bước chóng vánh với cái điều khiển từ xa, cộng thêm một mã xác nhận sáu chữ số. Lý thuyết thì tuyệt vời đấy, nhưng có dùng đến không? Ở số 49 phố Elm thì không rồi. Bà mẹ sẽ chẳng xem bất kỳ thứ gì không được bón cho bà ta tận mồm từ bốn kênh lớn, bản thân Brady thì hầu như lúc nào cũng đang, làm một trong

hai công việc của hắn hoặc không thì ở dưới phòng điều hành này, nơi hắn làm công việc thực sự của mình.

Mặc trộm truyền hình cáp rất tuyệt, nhưng như thế cũng là phi pháp. Theo những gì hắn biết, hack đầu DVD cũng là phi pháp. Đây là chưa kể hắn còn hack cả Redbox và Netflix nữa.

Tất cả những ý tưởng tuyệt nhất của hắn đều là phi pháp. Tiêu biểu như Thiết bị Một và Thiết bị Hai. Thiết bị Một đã nằm trên ghế lái phụ chiếc Mercedes của bà Trelawney khi hắn rời khỏi City Center buổi sáng mù sương tháng Tư vừa rồi, máu me nhỏ ròn ròn từ lưới tản nhiệt và loang khắp mặt kính. Ý tưởng ấy đến với hắn trong giai đoạn tối tăm ba năm trước, sau khi hắn đã quyết định giết cả một đồng người - hồi đó hắn vẫn nghĩ đến điều này như đòn khùng.

Bố của mình - nhưng trước khi hắn kịp quyết định thực hiện việc đó bằng cách nào, khi nào và ở đâu. Đạo đó hắn đầy những ý tưởng, vật vãi, không ngủ nghĩ gì mấy. Trong những ngày ấy lúc nào hắn cũng cảm giác như thể vừa mới nuốt nguyên cả một phích cà phê đen pha amphetamine.

Thiết bị Một là một cái điều khiển ti vi đã được độ lại có gắn microchip làm bộ não và một bộ pin để tăng phạm vi hoạt động... mặc dù phạm vi vẫn còn rất ngắn. Nếu chĩa nó vào cột đèn giao thông cách khoảng hai ba chục bước, ta có thể chuyển đèn đỏ sang đèn vàng chỉ bằng một lần bấm, bấm hai lần chuyển từ đỏ sang vàng nháy, và bấm ba lần chuyển từ đỏ sang xanh.

Brady rất hài lòng với nó và đã sử dụng vài lần (bao giờ cũng là khi ngồi trong chiếc Subaru cũ đang đỗ của hắn; cái xe kem thì quá gây chú ý) tại những nút giao thông đông đúc. Sau vài lần trượt thì cuối cùng hắn cũng gây ra được một vụ tai nạn thực sự. Chỉ là va quệt sơ sơ, nhưng quả là sướng khi chứng kiến cảnh hai gã đàn ông cãi nhau xem ai là người có lỗi. Đã có lúc tưởng chừng như họ sắp giở năm đấm ra đến nơi.

Thiết bị Hai ra đời ngay sau đó, nhưng chính Thiết bị Một mới là thứ giúp Brady quyết định mục tiêu, vì nó gia tăng rất nhiều cơ hội thoát thân thành công của hắn. Khoảng cách giữa City Center và khu nhà kho bỏ hoang được hắn chọn làm điểm vứt bỏ chiếc Mercedes của bà Trelawney là

đúng 1,9 dặm. Có tám đèn giao thông dọc tuyến đường dự định của hắn, và với thiết bị cực đỉnh này, hắn sẽ không phải lo về cái nào cả. Nhưng buổi sáng hôm ấy - lạ Chúa, chẳng lẽ Người không biết sao? - tất cả đèn giao thông đều màu xanh. Brady hiểu giờ giấc quá sớm sửa cũng có liên quan, nhưng dù sao vẫn thật là điên tiết.

Giá kể mình không có nó, hắn nghĩ trong lúc bước tới chỗ cái tủ góc trong tầng hầm, thì kiểu gì ít nhất cũng gặp bốn cái đèn đỏ rồi. Đời mình nó là như thế đấy.

Thiết bị Hai hóa ra là món duy nhất trong đồng dụng cụ của hắn kiếm ra tiền. Không nhiều, nhưng ai mà chẳng biết, tiền đâu phải tất cả. Và lại, nếu không có Thiết bị Hai thì làm gì có chiếc Mercedes nào. Và nếu không có chiếc Mercedes, cũng chẳng có Thảm sát City Center. Thiết bị Hai yêu cầu.

Một cái ổ khóa Yale to tướng treo lủng lẳng trên móc cánh tủ. Brady mở nó ra bằng một chiếc chìa trên chùm của hắn. Nhưng bóng điện bên trong - thêm những bóng huỳnh quang mới - đã bật sẵn. Chiếc tủ vốn đã nhỏ lại càng nhỏ thêm vì những giá ghép bằng gỗ tấm. Trên một giá là chín hộp giày.

Trong mỗi hộp là gần nửa cân thuốc nổ dẻo tự chế. Brady đã thử một chút cái của này tại một mỏ đá hoang ở chốn đồng không mông quạnh, và nó hoạt động đâu ra đấy.

Giá mà mình ở Afghanistan, hắn nghĩ bụng, đầu quấn khăn và khoác một cái áo choàng đầy chất chơi ấy, ắt hắn là mình sẽ có cả một sự nghiệp nổ tung xe chở lính ra trò.

Trên một giá khác, trong một hộp giày khác, là năm chiếc điện thoại di động. Chúng đều là loại dùng xong vứt bỏ mà dân buôn ma túy Lowtown gọi là điện thoại đốt bỏ. Những chiếc điện thoại có thể mua được ở mọi hàng thuốc và hàng tạp hóa này là dự án đêm nay của Brady. Chúng phải được hiệu chỉnh tại sao cho chỉ gọi một số là cả năm cái đều đổ chuông, tạo ra một tia lửa điện vừa đủ để kích nổ chỗ đất sét đựng trong các hộp giày cùng một lúc. Thật ra hắn chưa quyết định sẽ dùng đến chỗ thuốc nổ dẻo, nhưng một phần trong hắn thì muốn làm thế. Thực sự muốn. Hắn đã nói với



lão cớm về vườn là hẳn không có thói thúc lặt lặt kiệt tác của mình, nhưng đó cũng là một lời nói dối khác. Nó phụ thuộc nhiều vào bản thân lão cớm béo về vườn. Nếu lão làm những gì Brady muốn - cũng như bà Trelawney đã làm những gì Brady muốn - hẳn chắc rằng cơn thói thúc đó sẽ biến mất, ít nhất cũng là trong một thời gian.

Nếu không thì... ừm...

Hắn cầm lấy hộp điện thoại, dợm bước khỏi cái tủ, rồi dừng chân và ngoảnh nhìn lại. Trên một trong những giá còn lại là cái áo phao sát nách đi rừng của hãng L.L.Bean. Nếu Brady quả thật định vào rừng, một chiếc cỡ M là vừa khít - người hẳn vốn mảnh dẻ - nhưng đây là một chiếc cỡ XXL. Trên ngực là một cái decal mặt cười, kiểu đeo kính râm và nhe răng ra. Chiếc áo phao chứa bốn cục thuốc nổ dẻo loại gần nửa cân, hai cục trong túi bên ngoài, hai cục nhét ở túi xẻ phía trong.

Phần thân áo phồng lên, vì nhét đầy những viên bi (loại trong cái Happy Slapper của Hodges). Brady đã rạch lớp lót ra nhồi chúng vào. Hẳn còn nghĩ cả đến việc nhờ mẹ khâu chỗ rạch lại, và ý nghĩ đó khiến hắn bật cười sặc sụa trong khi dán chúng vào băng băng dính.

Chiếc áo tự sát của riêng mình, hẳn thầm nghĩ một cách âu yếm.

Hắn sẽ không dùng đến nó... có lẽ sẽ không dùng... nhưng ý nghĩ này cũng có sức hấp dẫn nhất định. Nó sẽ đánh dấu chấm hết cho tất cả. Không còn Discount Electronix, không còn những cuộc gọi dịch vụ Cyber Patrol đi cạy bơ lạc hoặc vụn bánh quy ra khỏi CPU của một khách hàng đàn độn già cả nào đó, không còn xe kem. Cũng không còn những con rắn cuộn tròn trong tâm trí hắn. Hoặc dưới khóa thắt lưng.

Hắn tưởng tượng cảnh làm điều đó ở một buổi diễn nhạc rock; hẳn biết Springsteen sắp biểu diễn tại Lakefront Arena tháng Sáu này. Hay là buổi diễu hành ngày 4 tháng Bảy dọc phố Lake, tuyến phố chính của thành phố? Hoặc có thể là ngày khai mạc của Lễ hội Nghệ thuật Via hè Mùa hạ và Hội chợ Đường phố, diễn ra hằng năm vào ngày thứ Bảy đầu tiên của tháng Tám. Như thế sẽ rất tuyệt, trừ một điểm là nhìn hẳn sẽ rất nực cười, ai lại đi mặc áo phao chần vào chiều tháng Tám nóng nực bao giờ.



Đúng thế, nhưng những thứ kiểu thế luôn có thể xử lý ổn thỏa bằng đầu óc sáng tạo, hăn vừa nghĩ vừa rải những chiếc điện thoại rẻ tiền ra bàn làm việc và bắt đầu tháo các thẻ SIM.

Ngoài ra, chiếc áo tự sát chỉ là thứ thôi thì cứ tạm gọi là kịch bản ngày tận thế. Có thể hăn sẽ chẳng bao giờ dùng đến nó. Nhưng dù sao thì cũng tốt hơn nếu nó sẵn sàng ở đây.

Trước khi đi lên nhà, hăn ngồi xuống trước máy Số Ba, lên mạng, và kiểm tra trang Chiếc Ô Xanh. Không có gì của lão cớm béo về vườn.

Chưa.



**K**hi Hodges sử dụng hệ thống intercom bên ngoài tòa chung cư ở đại lộ Lake của bà Wharton lúc mười giờ sáng hôm sau, thì mới là lần thứ hai hay ba gì đó ông mặc vest từ khi về hưu. Cảm giác thật dễ chịu khi lại diện lên người một bộ vest, mặc dù nó đã chật ở eo và bên dưới cánh tay. Một người diện vest có cảm giác của một người còn đang đi làm.

Một giọng phụ nữ vang lên trong loa, “Ai đấy?”

“Tôi là Bill Hodges, thưa bà. Chúng ta đã nói chuyện tối qua.”

“Đúng rồi, ông đến đúng giờ quá. Lên phòng 19-C nhé, Thanh tra Hodges.”

Ông đã định bảo cô rằng ông không còn là một thanh tra, nhưng cánh cửa đã ề ề mở ra nên ông cũng chẳng nhọc công nữa. Và lại ông cũng đã nói với cô rằng ông đã nghỉ hưu khi họ nói chuyện điện thoại.

Janelle Patterson đứng chờ ông ở cửa, giống như chị cô vào ngày xảy ra vụ Thảm sát City Center, khi Hodges và Pete Huntley tới thăm vấn bà ta lần đầu tiên. Nét nhang nhác giữa hai người phụ nữ vừa đủ để tạo cho Hodges một cảm giác ngờ ngợ mạnh mẽ. Nhưng trong lúc bước dọc theo đoạn hành lang ngăn từ thang máy tới ngưỡng cửa căn hộ (cố sức dưới bình thường thay vì lết ì ạch), ông nhận ra rằng những điểm khác biệt vượt xa nét giống nhau. Patterson cũng sở hữu đôi mắt xanh nhạt và cặp gò má cao ấy, nhưng trong khi miệng Olivia Trelawney luôn khép lại và mím chặt, cặp môi thường bật màu trắng bệch vì căng thẳng và bứt rứt, thì miệng của Janelle Patterson lại dường như, ngay cả trong trạng thái bình thường, lúc nào cũng sẵn sàng mím cười. Hoặc để trao một nụ hôn.

Môi cô lấp lánh một màu trơn bóng ẩm ướt; nhìn chúng ngon lành tưởng như ăn được. Và không có chiếc áo cổ thuyền nào cho quý cô này. Cô mặc áo cổ lọ ấm áp nâng niu cặp ngực tròn căng hoàn hảo. Chúng không hề to, cặp ngực ấy, nhưng như người cha già thân yêu của Hodges vẫn thường nói, hơn một bàn tay đầy là vớt đi. Phải chăng ông đang ngắm nhìn thành quả của các món đồ độ khéo léo hay một vụ nâng cấp hậu ly hôn? Hodges thấy vụ nâng cấp có vẻ khả thi hơn. Nhờ bà chị, Janelle Patterson đủ khả năng chi trả tất cả những trò tót tát cơ thể mà cô muốn.

Cô chìa tay và trao cho ông một cái bắt tay mạnh mẽ.

“Cảm ơn ông đã đến.” Như thế cuộc gặp này là thể theo đề nghị của cô vậy. “Mừng là cô có thể tiếp tôi,” ông nói, và theo cô vào trong.

Đập vào mặt ông vẫn là khung cảnh đẹp đến ngọt thờ của hồ nước. Ông còn nhớ nguyên, dù họ chỉ có một cuộc thăm vấn duy nhất với bà T. ở đây, những cuộc còn lại đều ở ngôi nhà lớn trong khu Sugar Heights hoặc tại sở. Bà ta đã rơi vào trạng thái cuồng loạn trong một cuộc thăm vấn như thế ở sở, ông còn nhớ rõ. Mọi người đều đổ lỗi cho tôi, bà ta nói. Vụ tự tử đã xảy ra sau đó không lâu, chỉ chừng vài tuần.

“Ông có muốn dùng cà phê không, Thanh tra? Của Jamaica. Ngon lắm, tôi nghĩ thế.”

Hodges đã tạo cho mình thói quen không uống cà phê vào giữa buổi sáng, vì làm thế thường khiến ông bị trào ngược acid dữ dội dù đã uống thuốc Zantac. Nhưng ông vẫn đồng ý.

Ông ngồi trên một chiếc ghế ngả kê bên cửa sổ phòng khách rộng thênh thang trong lúc chờ cô quay lại từ gian bếp.

Ngày hôm đó ấm áp và trong trẻo; trên mặt hồ, thuyền buồm đang lướt đi vun vút và vòng lượn như những người chơi trượt băng. Khi cô quay lại, ông đứng lên đỡ lấy chiếc khay bạc trên tay cô, nhưng Janelle mỉm cười, lắc đầu, rồi đặt nó xuống chiếc bàn cà phê thấp bằng một cái khụy gối rất duyên dáng. Gần như một điệu cúi chào.

Hodges đã tính toán từng góc gác vòng vèo mà câu chuyện của họ có thể đưa đẩy tới, nhưng hóa ra ông lại lo xa hão. Như kiểu, sau khi rập

tâm lên kế hoạch quyến rũ thật tinh vi, đối tượng ông thèm khát đã đứng chờ sẵn ở cửa trong bộ đồ ngủ khêu gợi và đôi guốc chiêm-đoạt-em-đi.

“Tôi muốn tìm ra kẻ đã đẩy chị tôi đến chỗ tự tử,” cô vừa nói vừa rút cà phê vào hai chiếc cốc sứ to tương, “nhưng tôi không biết phải tiến hành như thế nào. Cuộc gọi của ông như là thông điệp của Chúa vậy. Sau cuộc nói chuyện của chúng ta, tôi đã nghĩ ông chính là người thích hợp cho công việc này.” Hodges ngỡ ngàng không nói nên lời.

Cô đưa cho ông một cốc. “Nếu muốn dùng với kem, ông sẽ phải tự rót thôi. Riêng về đồ uống kèm thì tôi không chịu trách nhiệm đâu.”

“Đen được rồi.”

Janelle mỉm cười. Răng cô hoặc là hoàn hảo sẵn hoặc đã được bọc lại hoàn hảo. “Đúng người cùng gu với tôi rồi.”

Ông nhấp môi, chủ yếu là để kéo dài thời gian, nhưng cà phê ngon thật. Ông hăng giọng và nói, “Như tôi đã trao đổi khi chúng ta nói chuyện tối qua, cô Patterson, tôi không còn là cảnh sát nữa. Từ ngày hai mươi tháng Mười một năm ngoái, tôi chỉ là dân thường thôi. Chúng ta cần làm rõ chuyện đó ngay từ đầu.”

Cô chăm chú nhìn ông qua viền cốc. Hodges băn khoăn không hiểu lớp son bóng ẩm ướt trên môi cô có in lại dấu không, hay công nghệ son bây giờ đã khiến những chuyện như vậy lạc hậu rồi. Thật là một nỗi băn khoăn rõ rại, nhưng cô là một phụ nữ đẹp. Hơn nữa, thời gian này ông cũng chẳng mấy khi ra ngoài.

“Theo nhìn nhận của tôi,” Janelle Patterson nói, “chỉ có hai từ quan trọng trong những gì ông vừa nói. Một là dân thường và từ kia là thanh tra<sup>[39]</sup>. Tôi muốn biết ai đã o ép chị ấy, ai đã giày vò chị ấy cho đến khi chị ấy phải tự tử, và không người nào ở sở cảnh sát quan tâm cả. Họ chỉ chăm chăm muốn bắt kẻ đã dùng xe của chị ấy để giết những người kia, nhưng còn chị tôi thì - tôi xin phép nói tục được không - họ đếch thèm đếm xỉa gì.”

Có thể Hodges đã nghĩ hừ, nhưng ông vẫn còn nguyên lòng trung thành đối với lực lượng. “Điều đó không hẳn là đúng đâu.”

“Tôi hiểu tại sao ông lại nói vậy, Thanh tra...”

“Làm ơn gọi là ông thôi. Chỉ là ông Hodges. Hoặc Bill, nếu cô muốn.”

“Vậy Bill nhé. Và đúng là thế đấy. Có mối liên hệ giữa vụ giết người kia và vụ tự tử của chị tôi, vì kẻ đã sử dụng chiếc xe chính là kẻ đã viết bức thư đó. Và còn những thứ khác nữa. Những thứ về cái trang Chiếc Ô Xanh.” Bình tĩnh, Hodges tự tìm mình lại. Đừng làm hỏng chuyện.

“Chúng ta đang nói về bức thư nào vậy, cô Patterson?”

“Janey. Nếu ông là Bill, thì tôi là Janey. Ông chờ đây nhé. Tôi sẽ cho ông xem.”

Cô đứng lên và ra khỏi phòng. Tim Hodges đập mạnh - mạnh hơn cả khi ông xử lý mấy thằng du côn dưới chân cầu vượt - nhưng ông vẫn kịp trân trọng thực tế rằng ngắm nhìn Janey Patterson lúc cô đi khỏi cũng tuyệt chẳng kém gì lúc ngắm cô từ phía trước.

Bình tĩnh nào, chàng trai, ông lại tự nhắc mình, và nhấp thêm cà phê. Mà có phải là Philip Marlowe<sup>[40]</sup> đâu cơ chứ. Cốc của ông đã hết một nửa, và không thấy acid ợ lên. Không thấy gì. Cà phê nhiệm màu, ông nghĩ bụng.

Cô quay lại với hai tờ giấy cầm ở đằng góc cùng vẻ mặt ghê tởm. “Tôi thấy nó khi lướt qua đám giấy tờ trong bàn làm việc của Ollie. Luật sư của chị ấy, ông Schron, cũng ở đó với tôi - chị ấy thuê ông ta thực hiện di chúc, nên ông ấy phải có mặt - nhưng lúc đó ông ta ở trong bếp, đi lấy cốc nước. Ông ta không thấy bức thư này. Tôi đã giấu nó đi.” Cô nói một cách điềm nhiên, không có vẻ gì là ngượng ngùng hay thách thức.

“Tôi biết nó là gì ngay lập tức. Vì thứ kia. Hung thủ đã để lại một cái trên vô lăng xe chị ấy. Tôi đoán ông có thể gọi đó là danh thiếp của hắn.”

Cô gõ gõ vào hình mặt cười đeo kính râm ở đoạn dưới trang giấy thứ nhất. Hodges cũng đã nhận ra. Ông cũng nhận ra phong chữ của bức thư, qua chương trình xử lý văn bản của mình, ông đã tự lần ra đó là phong American Typewriter.

“Cô tìm thấy nó lúc nào?”

Cô nhớ lại tính toán quãng thời gian. “Tôi đến lo đám tang, vào tầm cuối tháng Mười một. Tôi phát hiện ra mình là người thừa kế duy nhất khi bản di chúc được công bố. Đó hẳn là tuần đầu tiên của tháng Mười hai. Tôi hỏi ông Schron là liệu chúng tôi có thể trì hoãn việc kiểm kê tài sản và đồ đạc của Ollie đến tháng Một được không, vì tôi có một số công việc phải giải quyết ở L.A. Ông ta đồng ý.” Cô nhìn Hodges, một cái nhìn điềm tĩnh từ đôi mắt xanh với ánh lửa lấp lánh trong đó.

“Việc mà tôi phải giải quyết ấy là ly dị gã chồng tôi, vốn là - tôi có thể lại nói tục được không? - một kẻ khốn kiếp lẳng nhăng nghiện ma túy.”

Hodges không hề muốn đi sâu vào khía cạnh này. “Cô quay lại Sugar Heights trong tháng Một?”

“Vâng.”

“Và tìm thấy bức thư vào thời điểm đó?”

“Vâng.”

“Cảnh sát đã thấy nó chưa?” Ông biết câu trả lời. Tháng Một đã qua được bốn tháng rồi, nhưng việc hỏi thì cứ phải hỏi.

“Chưa.”

“Tại sao lại chưa?”

“Tôi đã nói với ông rồi đấy! Vì tôi không tin họ!” Ánh lửa lấp lánh trong mắt Janey Patterson cháy bùng lên khi cô òa khóc.



Cô xin ông thứ lỗi. Hodges bảo cô cứ tự nhiên. Cô biến mất, hẳn là để trấn tĩnh và trang điểm lại. Hodges cầm bức thư lên và vừa đọc vừa nhấm nháp từng ngậm nhỏ cà phê. Cà phê thực sự ngon. Giá kể mà có một hai chiếc bánh ăn kèm...

*Bà Olivia Trelawney thân mến,*

*Tôi vọng bà sẽ đọc bức thư này một mạch từ đầu đến cuối trước khi ném bỏ hoặc đốt nó đi. Tôi biết mình không đáng để bà bận tâm, nhưng dù sao tôi vẫn nài xin bà điều đó. Bà biết đấy, tôi chính là kẻ đã trộm chiếc Mercedes của bà và đâm nó vào những người kia. Lúc này tôi đang bùng cháy giống như bà có thể sẽ đốt cháy bức thư của tôi, chỉ có điều là với nỗi nhục nhã cùng hối hận và đau khổ.*

*Xin bà, xin bà, xin bà hãy cho tôi một cơ hội giải thích! Tôi sẽ không bao giờ được bà tha thứ và tôi cũng không trông đợi điều đó, nhưng giá như tôi có thể làm cho bà hiểu, thì cũng đã đủ lắm rồi. Bà sẽ cho tôi cơ hội đó chứ? Xin bà? Đối với công chúng thì tôi là một con quái vật, đối với truyền hình tôi chỉ là một câu chuyện đẫm máu khác để bán quảng cáo, còn với cảnh sát tôi chỉ là một thằng perk khác mà họ muốn tóm và tống vào tù, nhưng tôi cũng là một con người, giống như bà. Đây là câu chuyện của tôi.*

*Tôi lớn lên trong một gia đình bạo hành cả về thể chất lẫn tình dục. Cha dượng tôi là kẻ đầu tiên, và bà biết chuyện gì đã xảy ra sau khi mẹ tôi phát hiện ra không? Bà ta tham gia cuộc vui! Đến đây bà đã ngừng đọc chưa? Tôi không trách gì bà, câu chuyện thật kinh khủng, nhưng tôi hi vọng bà không làm thế, vì tôi phải trút bỏ chuyện này ra khỏi ngực mình.*

*Có thể tôi sẽ không còn ở “trong thế giới của người sống” bao lâu nữa, bà biết đấy, nhưng tôi không thể chấm dứt cuộc đời mình mà không có người biết TẠI SAO tôi lại làm những gì tôi đã làm. Không phải là bản thân tôi thấu hiểu hoàn toàn mọi chuyện, nhưng có lẽ bà, một “người ngoài cuộc”, sẽ hiểu.*

Hodges đặt bức thư xuống bàn cà phê và nói, “Khốn nạn thật.”

Janey Patterson gật đầu. “Phản ứng của tôi lúc ấy cũng thế.”

“Hắn mời mọc bà ấy liên lạc với hắn...”

Janey trao cho ông ánh mắt ngỡ ngàng. “Mời mọc chị ấy? Phải nói là dồn ép chị ấy chứ. ‘Làm đi không là tôi sẽ tự kết liễu đời mình.’”

“Vậy theo cô thì bà ấy đã chấp nhận liên lạc với hắn. Cô có thấy bằng chứng liên lạc nào của bọn họ không? Có bản in nào khác cùng bức thư này không?”

Cô lắc đầu. Ollie có kể với mẹ tôi rằng chị ấy đang chat với một kẻ mà chị ấy tả là ‘đầu óc không bình thường’ và đang cố thuyết phục hắn tìm kiếm sự giúp đỡ vì hắn đã gây ra một chuyện kinh khủng. Mẹ tôi đã rất sợ. Bà cứ tưởng Ollie nói chuyện trực tiếp với kẻ đầu óc không bình thường kia, kiểu như trong công viên hay quán cà phê hoặc đại loại thế. Ông phải nhớ là bà ấy gần chín mươi tuổi rồi. Mẹ tôi cũng biết về máy tính, nhưng bà rất lờ mờ về ứng dụng thực tế của chúng.

Ollie đã giải thích về các chat-room - hoặc đã cố gắng giải thích nhưng tôi không chắc là mẹ thực sự hiểu. “Bà chị nhớ là Ollie có nói chị ấy đã nói chuyện với kẻ đầu óc rất không bình thường kia dưới một cái ô màu xanh.

“Mẹ cô có liên hệ hắn với chiếc Mercedes bị đánh cắp và vụ giết người ở City Center không?”

“Bà chưa từng nói điều gì khiến tôi tin là thế. Trí nhớ ngắn hạn của bà kém lắm rồi. Nếu ai hỏi bà về sự kiện quân Nhật ném bom Trân Châu Cảng, bà có thể nhớ chính xác thời điểm bà nghe tin đó trên đài, và có khi cả tên người phát thanh viên nữa. Còn hỏi sáng bà ăn gì, hoặc thậm chí bà đang ở đâu...”

Janey nhún vai. “Lúc thì bà nói được, lúc thì không.”



“Vậy chính xác thì bà ấy đang ở đâu?”

“Một nơi có tên bà Sunny Acres, cách đây khoảng ba mươi dặm.” Cô cười, một âm thanh buồn bã và chẳng có chút vui vẻ nào trong đó. Mỗi lần nghe thấy cái tên đó, là tôi lại nghĩ đến mấy bộ phim tâm lý sướt mướt ngày xưa vẫn chiếu trên kênh Turner Classic Movies, nhân vật nữ chính được tuyên bố là bị điên và bị tống vào một nhà thương điên lạnh lẽo kinh khủng ấy.

Cô ngoảnh nhìn ra phía mặt hồ. Lúc này khuôn mặt cô chuyển sang một biểu cảm mà Hodges thấy khá thú vị: vừa hơi đăm chiêu vừa hơi căng thẳng. Càng nhìn, ông lại càng thấy thích dung nhan ấy. Những nét viền thanh mảnh quanh đôi mắt cho thấy cô là một phụ nữ thích cười.

“Tôi biết mình sẽ đóng vai nào trong những bộ phim ấy,” cô nói, vẫn chăm chú nhìn ra những chiếc thuyền đang chơi đùa trên mặt nước. “Người em gái thân hiểm thù kế trách nhiệm chăm sóc một đấng sinh thành già cả cùng cả đồng tiền. Đưa em gái tàn nhẫn âm tiền nhưng lại tống đấng sinh thành già cả tới một điền trang hẻo lánh, và đẩy những người già ăn tối bằng Alpo<sup>[41]</sup> và bị bỏ mặc nằm ngập trong vũng nước giải của mình cả đêm. Nhưng Sunny thì không. Nó thực sự là một nơi rất tốt. Cũng không rẻ chút nào. Hơn nữa, chính mẹ tôi đòi tới đó.”

“Thật vậy?”

“Thật vậy” cô nhại lại ông bằng một cái nhún mũi nhẹ.

“Ông có nhớ tên y tá của mẹ tôi không? Bà Greene ấy. Althea Greene.”

Hodges chợt nhận ra mình đang thọc tay vào túi áo khoác tìm kiếm cuốn sổ ghi chép vụ án vốn đã không còn ở đó nữa.

Nhưng sau một thoáng nghĩ, ông cũng nhớ ra người y tá mà không cần đến nó. Một phụ nữ cao ráo và nghiêm nghị trong bộ đồ trắng dường như đang lướt nhẹ thay vì bước đi. Mái tóc xám được uốn gọn sóng kiểu Marcel khiến bà trông hơi giống Elsa Lanchester trong phim The Bride of Frankenstein. Ông và Pete đã hỏi bà có để ý thấy chiếc Mercedes của bà Trelawney đỗ ở lề đường khi ra về tối thứ Năm đó không. Bà Greene đã trả

lời rằng bà hầu như chắc chắn là có, đối với đội của Hodges và Huntley thì câu trả lời như thế có nghĩa là bà chẳng chắc chắn chút nào.

“Vâng, tôi có nhớ bà ấy.”

“Bà ấy tuyên bố nghỉ hưu gần như ngay khi tôi chuyển về từ Los Angeles. Bà ấy nói bà ấy đã sáu mươi tư tuổi và không còn đủ khả năng chăm sóc tử tế cho một bệnh nhân mắc bệnh nặng như thế, và nhất định không chịu lay chuyển ngay cả khi tôi đề nghị thuê thêm y tá phụ giúp - hai người, nếu bà ấy muốn. Tôi thì nghĩ bà ấy bị sốc vì tai tiếng sau vụ Thảm sát City Center, nhưng giá chuyện chỉ dừng ở đó thì có lẽ bà ấy cũng đã ở lại.”

“Vụ tử tử của chị cô là giọt nước tràn ly?”

“Tôi khá chắc chắn là như vậy. Tôi không nói Althea và Ollie là bạn bè con cháu cận đôi hay đại loại thế, nhưng họ hợp nhau, và họ luôn có cùng quan điểm trong việc chăm sóc mẹ. Bây giờ thì Sunny là nơi tốt nhất cho bà, và mẹ tôi ở đó cũng thanh thản hơn. Ít nhất là trong những ngày bà tương đối khỏe. Cả tôi cũng vậy. Vì một lý do là họ xử lý cơn đau của bà tốt hơn.”

“Nếu như tôi muốn đến nói chuyện với bà ấy...”

“Có thể bà nhớ được một vài thứ, hoặc không.” Cô ngoảnh gương mặt đang hướng ra hồ lại và nhìn thẳng vào ông. “Ông sẽ nhận việc này chứ? Tôi đã tham khảo giá thuê thám tử tư trên mạng, và tôi sẵn sàng trả cao hơn nhiều. Năm nghìn đô la một tuần, cộng thêm chi phí. Tối thiểu là tám tuần.”

Bốn mươi nghìn cho tám tuần làm việc, Hodges ngỡ ngàng. Có khi rồi cuộc ông chính là Philip Marlowe chứ chẳng chơi. Ông tưởng tượng mình ở trong một văn phòng hai buồng nhếch nhác trở ra sảnh tầng ba của một tòa nhà văn phòng rẻ tiền. Thuê một em lễ tân Bốc lửa tên kiểu Lola hoặc Velma. Tất nhiên phải là một em tóc vàng ăn nói khêu gợi. Ông sẽ diện một quả áo choàng và mũ phớt màu nâu những hôm mưa, mũ kéo sụp xuống một bên chân mày.

Lố bịch. Và không hấp dẫn ông. Điều hấp dẫn ở đây là không phải nằm ườn trong chiếc ghế LA-Z-BOY xem mục thẩm phán và tọng đồ ăn vặt

đến phì mặt. Ông cũng thích được diện bộ vest. Nhưng còn lý do khác quan trọng hơn thế. Ông đã rời sở cảnh sát giữa lúc bao việc còn dở dang. Pete đã lần ra tên cướp có vũ trang ở các hiệu cầm đồ, và nhiều khả năng anh ta cùng Isabelle Jaynes sẽ sớm tóm được Donald Davis, kẻ khốn nạn đã giết vợ lại còn lên ti vi khoe ra nụ cười bánh bao của hắn. Tốt cho Pete và Izzy, nhưng cả Davis lẫn tay súng ở hiệu cầm đồ đều chưa phải Canh bạc Lớn.

Hơn nữa, ông thầm nghe lẽ ra gã Mercedes không nên động đến mình. Và cả bà T. nữa. Lẽ ra hắn cũng đừng có động đến cả bà ta.

“Bill?” Janey búng ngón tay đánh tách như một nhà thổi miên trên sân khấu đưa đối tượng ra khỏi trạng thái vô thức.

“Ông nghe tôi nói không, Bill?”

Ông hướng sự chú ý trở lại với cô, một phụ nữ ngoài bốn mươi không ngại ngần ngồi giữa ánh nắng rực rỡ. “Nếu tôi nói có, thì cô phải thuê tôi theo dạng chuyên gia tư vấn an ninh.”

Cô tỏ vẻ thích thú. “Giống như những người làm cho Vigilant Guard Service ở dưới khu Heights ấy à?”

“Không, không giống họ. Tiêu biểu như việc họ có hợp đồng bảo lãnh, tôi thì không.” Tôi chẳng bao giờ cần cả, ông thầm nghĩ. “Tôi sẽ chỉ là an ninh tư nhân thôi, kiểu như người làm việc trong câu lạc bộ đêm ở trung tâm. Tôi e là cô không cho vào mục kê khai giảm trừ thuế thu nhập được đâu.”

Vẻ thích thú giãn ra thành một nụ cười, và cô lặp lại trò nhăn mũi. Một hành động thật quyến rũ, theo quan điểm của Hodges. “Đừng bận tâm. Nói không lại sợ ông chưa biết, tôi có mà bơi trong tiền.”

“Tôi không muốn có gì giấu giếm cả, Janey. Tôi không có giấy phép thám tử tư, điều đó cũng chẳng ngăn được tôi đưa ra những câu hỏi, nhưng tôi xoay sở được đến đâu khi không có phù hiệu hay giấy phép thám tử tư thì còn phải xem đã. Làm việc thế này kiểu như yêu cầu một người mù đi lặn quanh thành phố mà không có chó dẫn đường vậy.”

“Chắc phải có mạng lưới quan hệ cũ ở sở cảnh sát chứ?”

“Có chứ, nhưng nếu tôi cố sử dụng mạng dưới đó, có nghĩa là tôi đã đặt cả những quan hệ cũ và bản thân mình vào một tình thế tồi tệ.” Ông

chưa thể chia sẻ với cô là ông đã phạm phải điều này khi moi thông tin từ Pete vì hai người mới quen biết chưa được bao lâu.

Ông cầm lấy bức thư Janey đã đưa cho xem.

“Một vấn đề là, tôi sẽ phạm tội che giấu bằng chứng nếu đồng ý giấu kín thứ này chỉ hai chúng ta biết.” Cô cũng không cần phải biết ông đã che giấu một bức thư tương tự rồi. “Ít nhất về lý thuyết là thế. Và che giấu bằng chứng cũng là một tội hình sự.”

Cô tỏ vẻ thất vọng. “Ôi lạy Chúa, tôi chưa bao giờ nghĩ đến điều đó.”

“Mặt khác, tôi nghi ngờ khả năng bộ phận kỹ thuật hình sự có thể làm được gì nhiều nhận với nó. Một bức thư được thả vào thùng thư trên phố Marborough hoặc đại lộ Lowbriar có thể xem như hành động nặc danh nhất trên đời này rồi. Ngày xưa - tôi còn nhớ rõ lắm - ta có thể đối chiếu chữ đánh trên bức thư với cái máy đã đánh ra nó. Đây là nếu ta tìm được cái máy chữ. Nó cũng giá trị như là vân tay ấy.”

“Nhưng bức thư này đâu phải được đánh máy.”

“Không. Máy in laser. Có nghĩa là không có những chữ A chơ lơ hoặc những chữ T còng queo. Vậy nên tôi cũng chẳng che giấu điều gì ghê gớm lắm.” Nói gì thì nói, tội che giấu cũng vẫn là tội che giấu.

“Tôi sẽ chấp nhận công việc này, Janey, nhưng năm nghìn đô một tuần thì thật là lỗ bịch. Tôi sẽ nhận một tờ séc hai nghìn, nếu như cô muốn viết. Và gửi cô hóa đơn chi phí.”

“Như thế thì đâu đáng bao nhiêu.”

“Nếu tôi lần ra được gì đó, chúng ta có thể bàn về một khoản thưởng.” Nhưng ông không định sẽ nhận, ngay cả khi tóm cổ được gã Mercedes. Đời nào ông làm thế vì trước khi đến đây ông đã quyết tâm điều tra ra tên khốn kiếp đó rồi, và tưởng còn phải nói khó để cô giúp ông.

“Được rồi. Nhất trí. Và cảm ơn ông.”

“Không có gì. Giờ thì hãy nói tôi nghe về quan hệ của cô với Olivia. Tất cả những gì tôi biết là mối quan hệ đó chỉ thân thiết để cô gọi bà ấy là Ollie, mà tôi thì cần nhiều hơn thế.”

“Cũng mất thời gian lắm đấy. Ông có muốn dùng thêm cốc cà phê nữa không? Và một chiếc bánh quy ăn kèm nhé? Tôi có bánh quy chanh đấy.”

Hodges nói có với cả hai.



“Ollie.”

Janey thốt lên, rồi ngồi yên lặng đủ lâu để Hodges nhấp một chút cà phê trong cốc mới và ăn một chiếc bánh. Sau đó, cô lại ngoảnh ra phía cửa sổ và những chiếc thuyền buồm, bắt tréo chân, và nói mà không nhìn ông.

“Có bao giờ ông yêu ai đó mà không hề thích họ không?”

Hodges nghĩ đến Corinne, và mười tám tháng giông bão trước khi vỡ hoàn toàn. “Có.”

“VẬY ông sẽ hiểu. Ollie là chị tôi, hơn tôi tám tuổi. Tôi yêu chị ấy, nhưng khi chị ấy rời nhà đi học đại học, tôi là cô bé hạnh phúc nhất nước Mỹ. Và rồi khi chị ấy bỏ học ba tháng sau đó và quay trở về nhà như trốn chạy, tôi có cảm giác như thể một cô bé mệt mỏi lại phải vác lên mình bao tải gạch sau khi mới được phép bỏ xuống một lúc. Chị ấy không hà khắc gì với tôi, không bao giờ quát mắng, bắt nạt hay trêu chọc gì tôi khi tôi đi học về, tay trong tay với Marky Sullivan học cùng trường cấp hai, nhưng khi chị ấy ở nhà thì lúc nào chúng tôi cũng trong Trạng thái Vàng. Ông hiểu ý tôi không?”

Hodges cũng không hoàn toàn chắc chắn, nhưng vẫn gật đầu.

“ĐỒ ăn làm chị ấy bị kích ứng dạ dày. Chị ấy bị nổi mề đay mỗi khi căng thẳng bất kỳ chuyện gì - phỏng vấn xin việc là kinh khủng nhất, mặc dù cuối cùng chị ấy cũng kiếm được một việc làm thư ký. Chị ấy thạo việc mà lại còn rất xinh nữa. Ông biết chứ?”

Hodges chỉ ậm ừ cho xong. “Nếu bắt buộc phải trả lời thật lòng, có lẽ ông đã nói, Tôi tin chứ vì tôi nhìn thấy điều đó ở cô. Có lần chị ấy đồng ý

đưa tôi đi xem ca nhạc. Đó là buổi diễn của U2, tôi phát cuồng lên vì họ. Ollie cũng thích ban nhạc đó nhưng đúng đêm diễn thì chị ấy bắt đầu nôn ói. Tình hình tệ đến nỗi cuối cùng bố mẹ tôi phải đưa chị ấy đi cấp cứu còn tôi thì ngồi nhà xem ti vi thay vì nhảy nhót và gào thét với anh Bono. Ollie thề là chị ấy bị ngộ độc thức ăn, nhưng tất cả chúng tôi đều ăn bữa đó, và không ai làm sao cả. Đó chẳng qua là vì căng thẳng. Hoàn toàn là căng thẳng. Còn ông nói về bệnh tương chứ gì? Với chị tôi, mọi cơn đau đầu đều là một khối u não và cái mụn nào cũng là ung thư da. Một lần chị ấy bị đau mắt đỏ và mất cả tuần khăng khăng là mình sắp mù. Những kỳ kinh của chị ấy mới thật là khủng khiếp. Lần nào chị ấy cũng nằm bẹp trên giường cho đến khi hết.”

“Vậy mà bà ấy vẫn giữ được công việc sao?”

Câu trả lời của Janey khô khốc như Thung lũng Chết. “Kỳ kinh của Ollie bao giờ cũng kéo dài đúng bốn mươi tám tiếng và luôn đến vào dịp cuối tuần. Đúng là kỳ lạ.”

“Ồ ồ.” Hodges không nghĩ ra được gì để nói.

Janey dùng đầu ngón tay xoay bức thư vài vòng trên bàn cà phê, rồi ngược đôi mắt xanh nhạt ấy lên nhìn Hodges.

“Trong này hẳn có dùng một cụm từ - một đoạn nói về những những cố tật do căng thẳng. Ông có để ý không?”

“Có.” Hodges để ý thấy rất nhiều thứ trong bức thư này, chủ yếu là xét nhiều góc độ thì nó chính là phim âm bản của bức thư gửi cho ông.

“Chị tôi cũng mắc những tật đó. Có thể ông đã nhận ra một số rồi.”

Hodges giật cà vạt của mình sang bên này, rồi kéo sang bên kia.

Janey nhòe miệng cười. “Đúng rồi, đó là một. Còn nhiều hành động khác. Sờ công tắc điện để chắc chắn là đã tắt rồi. Rút ổ cắm lò nướng bánh sau bữa sáng. Lần nào chị ấy cũng nói cụm từ bánh mì bơ trước khi ra khỏi nhà đi đâu đó, vì có vẻ như nếu nói câu ấy thì ta sẽ nhớ ra được mọi điều mà ta đã quên mất. Tôi nhớ một hôm chị ấy phải lái xe đưa tôi đến trường vì tôi lỡ xe buýt. Bố mẹ thì đi làm rồi. Chúng tôi đi được nửa đường thì chị ấy quả quyết là lò nướng vẫn còn bật. Chúng tôi phải quay xe về kiểm tra. Nói thế nào cũng không xong. Tất nhiên là tắt rồi chứ. Đến tiết thứ hai tôi

mới đến được lớp, và đó là lần đầu tiên cũng là lần duy nhất tôi bị phạt ở lại trường sau giờ học. Tôi cáu điên lên. Tôi thường điên lên với chị ấy, nhưng tôi yêu chị ấy. Cả bố mẹ tôi đều vậy. Như kiểu là tình cảm tự nhiên rồi. Nhưng trời đất ơi, chị ấy đúng là một bao tải gạch.”

“Căng thẳng đến nỗi không dám ra ngoài, nhưng bà ấy không chỉ lấy chồng, mà còn lấy chồng giàu kếch xù.”

“Thực ra chị ấy kết hôn với một nhân viên hói sớm cùng công ty đầu tư chỗ chị ấy làm. Kent Trelawney. Một con mọt sách - tôi dùng từ này một cách trêu mếu, anh Kent cực kỳ ổn - với tình yêu dành cho trò chơi điện tử. Anh ấy bắt đầu đầu tư vào một số công ty sản xuất những trò chơi này, và những khoản đầu tư ấy kiếm bộn. Mẹ tôi thì bảo anh ấy bàn tay vàng còn bố tôi nói anh ấy chẳng qua là đù ăn may, nhưng thực ra đều chẳng phải. Anh ấy am hiểu lĩnh vực đó, vậy thôi, và cái gì anh ấy không am hiểu thì anh ấy quyết tâm học hỏi. Hồi họ kết hôn dạo cuối thập niên bảy mươi, họ mới chỉ hơi giàu thôi. Sau đó thì Kent phát hiện ra Microsoft.”

Cô ngửa đầu ra sau và bật ra một tràng cười sặc sụa, làm ông giật mình.

“Xin lỗi,” cô nói. “Chỉ là tôi đang nghĩ đến cái cảnh trở trêu đậm chất Mỹ ấy. Hồi ấy tôi thì xinh đẹp, tính tình xởi lởi và dễ gần. Tôi mà tham gia thi sắc đẹp - mà tôi vẫn gọi là khoe thẹn cho đám đàn ông, nếu ông muốn biết, mà chắc là không nhỉ - hẳn tôi đã giành giải Hoa hậu Thân thiện dễ ợt. Rất nhiều bạn gái, rất nhiều bạn trai, rất nhiều điện thoại, và rất nhiều hẹn hò. Hồi cuối cấp ở trường trung học Công giáo, tôi phụ trách định hướng cho các em học sinh mới, và tôi đã làm rất giỏi, cho dù là tự tôi nhận xét về mình. Tôi đã khích lệ rất nhiều đứa. Chị tôi cũng xinh chẳng kém, nhưng chị ấy lại bị căng thẳng thần kinh. Chị ấy bị rối loạn làm ảnh hưởng bức. Nếu mà có đi thi hoa hậu thì chắc chị ấy sẽ nôn hết ra khắp cả bộ đồ tắm rồi ấy chứ.”

Janey bật cười tiếp. Một giọt nước mắt nữa lăn xuống má trong lúc cô cười. Cô lấy mu bàn tay lau nó đi.

“Trở trêu là thế. Hoa hậu Thân thiện thì bập ngay vào thẳng đỡ người nghiện ngập còn Hoa hậu Thần kinh thì lại gặp người tốt, người chồng



kiếm ra tiền mà lại không lãng nhãng. Ông hiểu không?”

“Vâng,” Hodges nói. “Tôi hiểu.”

“Olivia Wharton và Kent Trelawney. Một cuộc tìm hiểu với cơ hội thành công tương đương đưa trẻ sinh non sáu tháng. Kent mời chị ấy đi chơi hết lần này đến lần khác còn chị ấy thì liên tục nói không. Cuối cùng chị ấy cũng đồng ý đi ăn tối với anh ấy - theo chị ấy nói là để anh ấy thôi không làm phiền nữa - và khi họ đến nhà hàng thì chị ấy cứng đờ người. Không thể nào ra khỏi xe được. Run bần bật như một chiếc lá. Những người khác hẳn đã bỏ cuộc ngay lúc ấy, nhưng Kent thì không. Anh ấy đưa chị đến MCDONALD’S và gọi suất Value Meal ở cửa lái xe qua. Họ ăn trong bãi đỗ xe. Tôi nghĩ chắc họ toàn ăn kiểu ấy. Chị tôi cũng đi xem phim với anh ấy, nhưng bao giờ cũng phải ngồi cạnh lối đi. Chị ấy bảo ngồi phía trong khiến chị ấy bị ngộp thở.”

“Một quý cô với rất nhiều yêu sách.”

“Bố mẹ tôi mất bao nhiêu năm cố gắng thuyết phục chị ấy đi gặp bác sĩ tâm thần. Họ thất bại còn Kent lại thành công. Bác sĩ kê đơn thuốc cho chị ấy, và chị ấy đỡ dần. Chị ấy lên một cơn căng thẳng thần kinh kịch phát đã thành thương hiệu đúng vào ngày cưới - tôi là người giữ tấm mạng váy cưới trong lúc chị ấy nôn trong nhà vệ sinh của nhà thờ - nhưng rồi chị ấy cũng qua được.” Janey mỉm cười với vẻ tự lự và nói thêm, “Chị ấy là một cô dâu xinh đẹp.”

Hodges ngồi lặng yên, ngỡ ngàng với một thoáng hình bóng cũ của Olivia Trelawney trước khi trở thành Quý bà Áo Cổ Thuyền.

“Sau khi chị ấy lấy chồng, chúng tôi xa cách dần. Như các chị em gái thường thế. Chúng tôi gặp nhau năm bảy lần một năm cho đến khi bố chúng tôi qua đời, sau đó thì thưa thớt hơn.”

“Lễ Tạ ơn, Giáng sinh, và ngày 4 tháng Bảy?”

“Cơ bản thế. Tôi có thể thấy là một số vấn đề ngày trước của chị ấy tái phát, và sau khi anh Kent mất - do một cơn đau tim - thì tất cả đều quay lại như cũ. Chị ấy sụt cân cả tấn. Chị ấy quay về với những bộ quần áo kinh khủng mà chị ấy mặc hồi trung học và dạo còn làm việc ở văn phòng. Tôi

đã thấy chúng khi về nhà thăm chị ấy và mẹ, hay khi chúng tôi nói chuyện trên Skype.”

Ông gật đầu ra vẻ hiểu. “Tôi có một người bạn cứ nài nỉ bắt tôi dùng thử cái đó suốt.”

Cô mỉm cười nhìn ông. “Ông thuộc trường phái cổ điển phải không? Ý tôi là thực sự cổ ấy.” Nụ cười của cô tan đi. “Lần cuối cùng tôi gặp Ollie là tháng Năm năm ngoái, không lâu sau chuyện ở City Center.” Janey ngần ngừ, rồi gọi nó bằng cái tên thích hợp. “Vụ thảm sát. Tình trạng của chị ấy thật kinh khủng. Chị ấy nói cảnh sát đang đeo bám chị ấy. Có đúng không?”

“Không, nhưng bà ấy nghĩ là có. Quả thật chúng tôi có hỏi bà ấy nhiều lần, bởi vì bà ấy cứ khẳng khẳng là đã rút chìa khóa và khóa chiếc Mercedes. Đó là một vấn đề cho chúng tôi, vì chiếc xe không bị cạy phá và cũng không bị đấu dây khởi động. Nên cuối cùng chúng tôi kết luận...” Hodges ngừng lại, trong đầu nghĩ đến tay bác sĩ tâm lý gia đình béo ú xuất hiện lúc bốn giờ chiều các ngày trong tuần. Thằng cha chuyên gia về phá vỡ bức tường phủ nhận.

“Cuối cùng các ông kết luận gì cơ?”

“Rằng bà ấy không đủ can đảm đối diện với sự thật. Nghe có giống người chị gái mà cô đã cùng lớn lên không?”

“Có.” Janey trở vào bức thư. “Ông có cho rằng cuối cùng chị ấy cũng nói sự thật với tên này không? Trên trang Chiếc Ô Xanh của Debbie? Ông có nghĩ đó là lý do chị ấy uống thuốc của mẹ không?”

“Không có cách nào để biết chắc cả.” Nhưng trong thâm tâm Hodges nghĩ nhiều khả năng là thế.

“Chị ấy bỏ dùng thuốc chống trầm cảm.” Janey lại nhìn ra mặt hồ. “Chị ấy phủ nhận điều đó khi tôi hỏi, nhưng tôi biết. Chị ấy chưa bao giờ thích chúng cả, bảo là chúng làm chị ấy thấy lơ mơ đầu óc. Chị ấy dùng thuốc vì Kent, và sau khi Kent mất thì chị ấy dùng thuốc vì mẹ, nhưng sau vụ City Center...”

Cô lắc đầu hít một hơi sâu. “Tôi kể với ông về tình trạng tâm thần của chị ấy như thế là đủ chưa, Bill? Vì vẫn còn nhiều điều nữa nếu ông muốn

nghe.”

“Tôi nghĩ là mình hình dung được rồi.”

Cô lắc đầu với vẻ băn khoăn ngơ ngẩn. “Cứ như thể tên hung thủ biết rõ chị ấy vậy.”

Hodges không nói ra điều dường như đã hiển nhiên đối với ông, cơ bản là vì ông đã có bức thư của riêng mình để so sánh: hẳn biết. Bằng cách nào đó hẳn biết.

“Cô nói bà ấy bị rối loạn làm ảnh hưởng bức. Đến mức bà ấy đã quay xe và về nhà kiểm tra lò nướng còn bật hay không.”

“Vâng.”

“Cô thấy có khả năng nào mà người phụ nữ như thế lại quên chìa trong ổ không?”

Janey không trả lời hồi lâu. Sau đó cô nói, “Thực ra là không.”

Hodges cũng không nghĩ thế. Tất nhiên là chuyện gì cũng có lần đầu tiên, nhưng... ông và Pete có bao giờ bàn đến khía cạnh đó của vấn đề không nhỉ? Ông không chắc lắm, nhưng nghĩ có lẽ họ đã có. Chỉ phải cái là họ không hề biết mức độ nghiêm trọng trong các vấn đề tâm thần của bà T., phải thế không?

Ông hỏi, “Cô đã thử lên trang Ô Xanh đó chưa? Dùng tài khoản mà hẳn tạo cho bà ấy?”

Cô tròn mắt nhìn ông, ngờ ngàng. “Điều đó thậm chí còn chưa bao giờ xuất hiện trong suy nghĩ của tôi, mà nếu có thì chắc hẳn tôi cũng quá sợ hãi với những gì tôi có thể tìm thấy ở đó. Tôi cho rằng đó là lý do tại sao ông là thám tử còn tôi là khách hàng. Ông sẽ thử chứ?”

“Tôi không biết sẽ thử gì nữa. Tôi cần suy nghĩ về chuyện này, và tôi cần tham khảo một người biết nhiều về máy tính hơn tôi.”

“Nhớ đảm bảo là ông để ý đến tiền thù lao cho anh ta,” nàng nói.

Hodges nói là ông sẽ để ý, trong đầu nghĩ ít nhất thì Jerome Robinson cũng sẽ nhận được đôi điều hay ho từ chuyện này, dù mọi sự có diễn biến thế nào đi nữa. Và sao lại không chứ? Tám người chết ở City Center và thêm ba người nữa tàn tật cả đời, nhưng Jerome thì vẫn vào đại học cơ mà.

Hodges nhớ đến một câu thành ngữ cổ: Việc ai người ấy làm, đèn nhà ai nhà nấy rạng.

“Tiếp theo đây là gì?”

Hodges cầm bức thư và đứng lên. “Tiếp theo, tôi mang cái này ra cửa hàng UCOPY gần nhất. Sau đó tôi trả cô bản gốc.”

“Đâu cần phải làm thế. Tôi sẽ quét nó vào máy tính và in cho ông một bản. Đưa đây.”

“Thật à? Cô làm được không?”

Mắt cô vẫn còn đỏ hoe vì khóc, dù vậy ánh mắt liếc nhìn ông vẫn lóe lên vẻ đùa cợt. “Cũng may là ông có một chuyên gia máy tính mà nhờ vả,” cô nói. “Tôi quay lại ngay. Trong lúc ấy, ăn thêm một chiếc bánh nữa đi.”

Hodges làm luôn ba chiếc.



**K**hi cô quay lại cùng bản sao bức thư dành cho ông, ông nhét nó vào túi trong áo khoác. “Nên để bản gốc vào trong một cái két, nếu ở đây có.”

“Có một chiếc trong ngôi nhà ở Sugar Heights - cái đó được không?”

Có lẽ cũng được, nhưng Hodges không mấy mặn mà với ý tưởng đó. Quá nhiều khách mua tiềm năng ra ra vào vào. Điều đó có lẽ thật ngu xuẩn, mà quả thế thật.

“Cô có tủ két ký gửi nào không?”

“Không, nhưng tôi có thể thuê. Tôi dùng dịch vụ của Bank of America, chỉ cách đây hai khối phố.”

“Tôi thích thế hơn,” Hodges nói trong lúc đi ra cửa.

“Cảm ơn ông vì nhận làm việc này,” cô nói, và chìa cả hai bàn tay của mình ra. Như thế ông vừa mời cô nhảy. “Ông không biết tôi thấy nhẹ cả người thế nào đâu.”

Ông nắm lấy hai bàn tay, bóp nhẹ, rồi buông ra, mặc dù ông sẽ vui nếu được giữ chúng lâu hơn.

“Còn hai việc khác nữa. Thứ nhất, mẹ cô. Bao lâu thì cô đi thăm bà ấy một lần?”

“Khoảng hai ngày một lần gì đó. Thành thạo tôi mang đồ ăn của nhà hàng Iran mà mẹ và chị Ollie đều thích cho bà - nhân viên nhà bếp của Sunny Acres rất vui lòng hâm nóng lại - và thành thạo tôi mang cho bà một hai cái đĩa DVD. Mẹ tôi thích những bộ phim ngày xưa, phim mà có Fred Astaire và Ginger Rogers ấy. Lần nào tôi cũng mang cho bà thứ gì đó, và lần nào bà cũng vui vẻ khi nhìn thấy tôi. Những hôm đẹp ngày thì bà có

nhận ra tôi. Còn những hôm khác, thì bà hay gọi tôi là Olivia. Hoặc là Charlotte. Đó là dì tôi. Tôi còn một ông cậu nữa.”

“Nếu lần sau mà bà ấy tỉnh táo, cô cần gọi cho tôi để tôi đến gặp bà ấy.”

“Được rồi. Tôi sẽ đi cùng ông. Còn việc nữa là gì?”

“Ông luật sư mà cô nhắc đến. Schron. Cô có thấy ông ta giỏi nghề không?”

“Con dao bén nhất trong ngăn kéo, đó bà ấn tượng của tôi.”

“Nếu tôi tìm ra được gì, thậm chí còn lần ra tên của hung thủ, chúng ta sẽ cần một người như thế. Chúng ta sẽ đi gặp ông ấy, chúng ta sẽ giao nộp lại những bức thư...”

“Những bức thư? Tôi chỉ thấy có bức này.”

Hodges trầm nghĩ, ái chà, khi thật, rồi chữa lại. “Ý tôi là bức thư và bản sao.”

“À, vâng.”

“Nếu tôi tìm ra hung thủ, bắt giữ và kết tội hẳn là việc của cảnh sát. Việc của Schron là bảo đảm rằng chúng ta không bị bắt vì đi chệch ra ngoài khuôn khổ và tự mình tiến hành điều tra.”

“Như thế là luật hình sự, đúng không? Tôi không chắc là ông ta làm về lĩnh vực đó.”

“Có lẽ là không, nhưng nếu giỏi thì ông ta sẽ biết một ai đó. Người nào giỏi ngang như ông ta. Chúng ta nhất trí về chuyện này không nhỉ? Chúng ta cần phải thế. Tôi sẵn sàng thăm dò loanh quanh, nhưng nếu chuyện này chuyển sang thành công việc của cảnh sát thì chúng ta phải để cảnh sát giải quyết.”

“Tôi hoàn toàn nhất trí mà,” Janey nói. Rồi cô đứng kiểng trên những đầu ngón chân, để tay mình lên vai chiếc áo khoác quá chật của ông, rồi đặt một nụ hôn lên má ông. “Tôi nghĩ ông là một người tốt, Bill. Và là người thích hợp cho công việc này.”

Hodges cảm nhận được nụ hôn đó suốt cả thời gian đi thang máy xuống. Một điểm nhỏ xíu ấm áp thật dễ chịu. Ông lấy làm mừng rằng mình đã kỳ công cạo râu kỹ lưỡng trước khi ra khỏi nhà.



Cơn mưa màu bạc trút xuống không ngừng, nhưng cặp đôi trẻ tuổi - tình nhân? bè bạn? - vẫn an toàn và khô ráo dưới chiếc ô màu xanh thuộc về một ai đó, có vẻ là một nhân vật tưởng tượng, tên là Debbie. Lần này Hodges để ý thấy người con trai có vẻ đang nói gì đó, còn đôi mắt cô gái thì hơi mở to, như thể ngỡ ngàng. Có lẽ anh ta vừa mới cầu hôn cô chẳng?

Jerome chọc vỡ ý nghĩ lãng mạn ấy như chọc một quả bóng bay. “Trông như một trang khiêu dâm hay sao ấy?”

“Một thanh niên sắp vào Ivy League như cháu thì biết gì về các trang web khiêu dâm hả?”

Họ đang ngồi cạnh nhau trong phòng làm việc của Hodges, chăm chú nhìn ông chủ của Ô Xanh. Odell, con chó săn nòi Ireland của Jerome nằm ngửa phía sau họ, hai chân sau giạng ra, lưỡi thè lè vắt qua một bên mõm, chăm chú nhìn lên trần nhà với vẻ đăm chiêu khoái trí. Jerome mang theo một sợi dây dắt chó, nhưng chỉ vì là luật lệ trong thành phố quy định thế. Odell đủ khôn để tránh xa đường phố và vô hại với người đi đường hết mức có thể đối với một con chó.

“Cháu biết những gì bác biết và những gì tất cả những người có máy tính đều biết,” Jerome nói. Trong chiếc quần kaki và áo sơ mi cài cúc kiểu Ivy League, mái tóc giống như một chiếc mũ ôm sát đầu bằng những lọn xoắn nhỏ, Hodges thấy cậu giống như một Barack Obama trẻ tuổi, chỉ có điều là cao hơn. Jerome cao tầm 1m95. Và tỏa quanh người cậu là thoang thoảng mùi hương hoài niệm dịu dàng của nước hoa sau cạo râu Old Spice. “Trang web khiêu dâm còn nhiều hơn cả ruồi bâu trên xác thối. Một khi

lướt mạng thì kiểu gì bác cũng dính phải chúng. Và những trang có tên gọi vô hại nhất lại thường là những trang nặng đô nhất.”

“Nặng kiểu gì?”

“Loại có những hình ảnh có thể khiến người xem bị bắt.”

“Ý cháu là ảnh khiêu dâm trẻ em?”

“Hoặc ảnh khiêu dâm kiểu tra tấn. Chín mươi chín phần trăm những thứ roi-da-và-xích-sắt là đồ giả tạo. Một phần trăm còn lại...” Jerome nhún vai.

“Và làm sao cháu lại biết những thứ đó vậy?”

Jerome trao cho ông một cái nhìn - trực diện, thẳng thắn và không giấu giếm.

Không hề lên mặt, đúng với bản chất của cậu, và cũng là điều Hodges thích nhất ở thằng bé. Bố mẹ cậu ta cũng vậy. Thậm chí cả cô em gái.

“Bác Hodges, tất cả mọi người đều biết. Đây là nói những người dưới ba mươi tuổi.”

“Thời trước, người ta cũng thường nói đừng tin ai hơn ba mươi tuổi.”

Jerome mỉm cười. “Cháu tin họ, nhưng một khi liên quan đến máy tính, đa số họ đều mù tịt. Họ đập máy bồm bộp, cứ tưởng làm thế máy sẽ chạy lại. Họ mở những file đính kèm thư điện tử không được bảo vệ. Họ vào những trang như thế này, và ngay lập tức máy tính của họ biến thành HAL 9000 và bắt đầu tải xuống những hình ảnh của mấy em gái bán hoa tuổi teen cùng những video khủng bố quay cảnh chặt đầu người.”

Câu hỏi HAL 9000 là ai đã suýt bật ra trên đầu lưỡi Hodges - ông định ninh đó là tên một băng đảng nào đó - nhưng chi tiết về những video khủng bố làm ông quên khuấy mất. “Cái đó có thật à?”

“Thực tế là có rồi mà. Và sau đó...” Jerome tạo một nắm đấm và gõ khớp đến ngón tay lên đỉnh đầu. “Cốc-cốc-cốc, Bộ An ninh Nội địa đây.” Cậu buông nắm đấm ra để chỉ một ngón tay vào cặp đôi bên dưới chiếc ô màu xanh. “Mặt khác, đây cũng có thể chỉ là những gì mà nó đã tuyên bố, một trang trò chuyện mà những người nhút nhát có thể trở thành bạn bè qua mạng. Bác biết đấy, kết nối những trái tim cô đơn. Ngoài kia có vô số người đang đi tìm kiếm tình yêu đấy, ông bác ạ. Để xem nào.”



Jerome vươn tay ra cầm chuột nhưng Hodges chộp lấy cổ tay cậu. Jerome nhìn ông với ánh mắt dò hỏi.

“Đừng xem trên máy tính của bác,” Hodges nói. “Xem trên máy cháu ấy.”

“Bác bảo trước thì cháu đã cầm laptop...”

“Để tối nay làm cũng được mà. Và nếu chẳng may cháu dính phải con virus nào ăn sạch cả máy tính thì bác sẽ đền tiền cho cháu mua cái mới.”

Jerome bắn cho ông ánh mắt đờ đờ tự đắc. “Bác Hodges ơi, cháu có chương trình phát hiện và diệt virus tốt nhất mà tiền có thể mua được, và cả chương trình tốt thứ nhì để dự phòng nữa. Con bọn nào định xâm nhập vào máy của cháu sẽ bị xơi tái ngay lập tức.”

“Có thể nó không vào đó để ăn dữ liệu,” Hodges nói. Ông đang nghĩ đến câu nói của em gái bà T., *cứ như thể tên hung thủ biết rõ chị ấy vậy*. “Có thể nó vào đó chỉ để theo dõi thôi.”

Jerome không có vẻ gì là lo lắng; cậu còn tỏ ra háo hức. “Thế nào mà bác lại dính tới cái trang này vậy, bác Hodges? Bác đang định tái xuất giang hồ à? Hay là bác lại đang điều tra vụ án?”

Hodges chưa lúc nào thấy nhớ Pete Huntley ghê gớm như lúc này đây: một bạn chơi tennis để tâm qua tâm lại, với những giả thuyết và lập luận thay vì những quả bóng nỉ xanh. Ông không hề nghi ngờ rằng Jerome có thể làm được điều đó, cậu có đầu óc thông minh và năng khiếu đã được thể hiện trong việc đưa ra những bước nhảy vọt về suy đoán chính xác... nhưng cậu còn một năm nữa mới đủ tuổi đi bầu cử, bốn năm nữa mới đủ tuổi được phép mua đồ uống có cồn, và chuyện này có thể sẽ nguy hiểm không chừng.

“Cứ ngó qua trang này cho bác thôi đã,” Hodges nói.

“Nhưng trước khi cháu tiến hành, hãy lùng sục qua trên mạng đã. Xem cháu tình hiểu được gì về nó. Điều bác muốn biết nhất là...”

“Liệu nó có một lịch sử tồn tại thật không,” Jerome chen ngang, một lần nữa thể hiện khả năng suy luận đáng khâm phục đó. “Cái người ta vẫn gọi là lý lịch. Bác muốn chắc chắn rằng đó không phải là bù nhìn được dựng lên chỉ để đánh lừa mình.”

“Cháu biết không,” Hodges nói, “cháu nên thôi làm việc vặt cho bác và tìm việc một công ty bác sĩ máy tính ấy. Có khi cháu sẽ kiếm bộn tiền hơn nhiều. Nói thế mới nhớ, cháu phải báo giá cho bác về công việc này đây nhé.” Jerome tự ái, nhưng không phải vì lời đề nghị trả thù lao.

“Mấy công ty đó chỉ dành cho đám lập dị thiếu khả năng giao tiếp xã hội thôi.” Cậu vớ tay ra phía sau gãi bộ lông đỏ thẫm của Odell. Odell vẫy đuôi hưởng ứng, dù có lẽ nó thích một cái bánh kẹp thịt bò hơn. Thực ra có cả đám chuyên lái lòng vòng qua đây trên những chiếc VW Beetle. “Về khoản lập dị thì không ai qua được bọn họ đâu. Discount Electronix... bác biết không?”

“Có chứ,” Hodges nói, trong đầu nghĩ đến tờ rơi quảng cáo mà ông nhận được cùng bức thư tẩm độc của mình.

“Chắc họ thích ý tưởng đó lắm, vì cùng lĩnh vực hoạt động mà, có điều họ gọi nó là Cyber Patrol, và những chiếc VW của họ sơn màu xanh lá thay cho màu đen. Ngoài ra còn cực nhiều người hoạt động độc lập nữa chứ. Cứ xem trên mạng mà xem, bác có thể tìm thấy cả hai trăm người ngay trong thành phố. Cháu nghĩ là cháu vẫn trung thành với công việc thôi, thưa ngài Hodges.”

Jerome thoát ra khỏi Dưới Chiếc Ô Xanh của Debbie và trở về trình bảo vệ màn hình của Hodges, vốn là một bức ảnh của Allie hồi con bé lên năm tuổi và vẫn còn nghĩ bố mình là Chúa trời.

“Nhưng vì bác lo lắng nên cháu sẽ thận trọng. Cháu có chiếc iMac cũ cất trong tủ, cái máy đó không có gì ngoài trò Atari Arcade và trò cũ mốc meo khác. Cháu sẽ dùng máy đó để kiểm tra trang này.”

“Ý hay đấy.”

“Còn việc gì khác cháu có thể làm cho bác hôm nay không?”

Hodges đã định bảo không, nhưng chiếc Mercedes bị cắp của bà T. vẫn ám ảnh ông. Có điều rất bất thường ở đó. Lúc trước ông đã thấy thế và bây giờ càng cảm nhận điều đó mạnh mẽ hơn - mạnh đến độ suýt nhìn thấy được. Nhưng chỉ suýt thôi thì sẽ chẳng bao giờ thắng được con búp bê nào ở hội chợ hạt cả. Sự bất thường. Đó là một quả bóng mà ông muốn vục đi, và có ai đó vục lại cho ông.

“Cháu có thể nghe một câu chuyện vậy,” ông nói. Trong đầu ông đã bắt đầu bịa sẵn một câu chuyện tưởng tượng đề cập đến những điểm mấu chốt nhất. Biết đâu con mắt mới mẻ tinh tường của Jerome sẽ nhận ra điều gì đó mà ông đã bỏ sót.

Khó, nhưng không phải là không thể. “Cháu có sẵn lòng làm việc đó không?”

“Chắc chắn rồi.”

“Vậy thì cọt Odell vào đây. Chúng ta sẽ đi dạo xuống Big Licks. Bác thấy thèm một cái kem ốc quế vị dâu quá.”

“Có thể chúng ta sẽ gặp xe kem Mr. Tastey trước khi chúng ta tới đó,” Jerome nói. “Tay đó đã ở khu mình cả tuần nay, và anh ta có mấy món ngon tuyệt cú mèo.”

“Thế thì càng tốt,” Hodges nói và đứng lên. “Đi thôi nào.”



Hai người thả bộ xuống con dốc tới trung tâm thương mại nhỏ ngã tư giữa đường Harper với phố Hanover, con Odell thong dong chạy ở giữa cùng sợi dây dắt buông chùng. Họ có thể ngắm nhìn những tòa nhà của khu trung tâm cách đó hai dặm, City Center và Tổ hợp Văn hóa Nghệ thuật vùng Trung Tây (MAC) lừng lững giữa đám nhà chọc trời. MAC không phải là một trong những tác phẩm tinh tế nhất của kiến trúc sư I. M. Peil theo quan điểm của Hodges. Nhưng kỳ thực, cũng chẳng có ai hỏi đến quan điểm của ông về vấn đề này.

“Vậy câu chuyện là gì đây, bác bìm bìm?” Jerome hỏi.

“Ừm,” Hodges nói, “giả sử là có một ông nọ có bà bạn lâu năm sống ở trung tâm thành phố. Bản thân ông ta thì sống ở Parsonville.” Đó là một khu đô thị ngay phía trên Sugar Heights, không long lanh bằng nhưng cũng không hề nhếch nhác.

“Mấy đứa bạn cháu gọi Parsonville là Whiteyville,” Jerome nói. “Cháu nghe thấy bố cháu nói thế một lần, và mẹ cháu bảo ông ấy là thôi ngay cái giọng phân biệt chủng tộc ấy đi.”

“Ừ hứ.” Bạn của Jerome, những người da màu, có lẽ cũng gọi Sugar Heights là Whiteyville, điều đó khiến Hodges tự nhủ vậy là mình bịa chuẩn phết đấy chứ.

Odell đã dừng lại kiểm tra những bông hoa của bà Melbourne. Jerome vội kéo nó đi trước khi nó để lại vết đánh dấu kiểu chó ở đó.

“Tóm lại là,” Hodges nói tiếp, “bà bạn lâu năm kia có một căn hộ chung cư khu vực công viên Branson - đại lộ Wieland, phố Branson, đại lộ

Lake, cái khu đó ấy.”

“Cũng đẹp.”

“Ừ. Ông ta gặp bà ấy ba bốn lần mỗi tuần. Một đến hai tối mỗi tuần ông ta lại đưa bà ta đi ăn tối hoặc xem phim rồi ở lại qua đêm. Mỗi lần như vậy, ông ta lại đỗ xe của mình - một chiếc xe đẹp, một chiếc Beemer - trên đường phố, vì đó là khu vực tiện lợi, canh gác cẩn mật, nhiều đèn cao áp. Hơn nữa, lại được đỗ xe miễn phí từ bảy giờ tối đến tám giờ sáng.”

“Cháu mà có một chiếc Beemer, cháu sẽ cho nó vào một cái garage dưới hầm và chẳng bao giờ bận tâm đến chỗ đỗ xe miễn phí,” Jerome nói, và lại giật dây dắt. “Thôi ngay nào, Odell, chó ngoan không bao giờ ăn bẩn dưới rãnh cả.”

Odell ngoảnh đầu nhìn lại và nhướn một mắt như thể muốn nói, Cậu không biết bọn chó ngoan làm những gì đâu.

“Ừm, đám nhà giàu có những ý tưởng rất buồn cười về kinh tế,” Hodges nói, nghĩ đến lời giải thích của bà T. về hành động tương tự.

“Bác nói chỉ có đúng.” Họ đã gần đến trung tâm thương mại. Trên đường xuống dốc, họ nghe thấy giai điệu leng keng của chiếc xe kem, đã rất gần rồi, nhưng lại xa dần vì tay bán kem của hãng Mr. Tastey hướng về mấy khu phát triển nhà ở nằm về phía Bắc đường Harper.

“Vậy là một tối thứ Năm ông kia đến thăm bà bạn của mình như thường lệ. Ông ta đậu xe như thường lệ - dọc đoạn đường đấy thì đây khoảng trống một khi đã hết ngày làm việc và khóa xe như thường lệ. Ông ta và người bạn gái đi bộ đến ta một nhà hàng gần đó, thưởng thức một bữa ngon lành, rồi đi bộ về. Chiếc xe của ông ta còn nguyên đó, ông ta thấy nó trước khi họ vào nhà. Ông ta ở lại qua đêm với người tình, và khi ông ta rời tòa nhà vào sáng hôm sau...”

“Chiếc Beemer của ông ta đã vỗ cánh bay xa.” Lúc này họ đang đứng bên ngoài hàng kem. Có một giá đỗ xe đạp gần đó.

Jerome buộc dây dắt Odell vào đấy. Con chó nằm xuống và gác mõm lên một chân.

“Không,” Hodges nói, “nó vẫn ở đó chứ.” Ông đang nghĩ: Đây thực là một chi tiết biến tấu tuyệt cú mèo so với điều đã thực sự xảy ra. Bản thân

ông cũng suýt tưởng là thế thật. “Nhưng nó lại quay đầu ngược lại, vì nó được đỗ ở phía bên kia đường.”

Jerome mở tròn mắt.

“Ừ, bác biết. Kỳ lạ phải không? Vậy nên ông kia băng qua đường tới chỗ chiếc xe. Xe nhìn thì không sao, vẫn khóa chặt như khi ông ta rời khỏi nó, chỉ là nằm vị trí mới. Vì vậy, điều đầu tiên ông ta làm là kiểm tra chìa khóa, và đúng vậy, nó vẫn nằm trong túi. Vậy thì chuyện quái gì đã xảy ra, Jerome?”

“Cháu không biết, bác Hodges. Nghe cứ như một câu chuyện Sherlock Holmes ấy nhỉ? Một rắc rối tốn đến ba tẩu thuốc chứ chẳng chơi.” Có một nụ cười nửa miệng trên mặt Jerome mà Hodges không thực sự hiểu rõ và cũng không chắc chắn là ông thích. Đó là kiểu cười biết tỏng rồi nhé.

Hodges lôi ví ra khỏi túi quần Levi's của mình (mặc vest đúng là oách, nhưng thật là thoải mái vô cùng khi được trở lại với quần Jean và áo nỉ chui đầu của đội Indians). Ông lấy ra một tờ năm đô và đưa nó cho Jerome. “Đi mua cho bác cháu mình mấy chiếc kem. Bác sẽ trông Odell.”

“Bác không cần phải làm thế đâu, nó ổn mà.”

“Bác chắc là nó sẽ ổn, nhưng việc xếp hàng sẽ cho cháu có thời gian cân nhắc vấn đề nhỏ của bác. Hãy cứ nghĩ cháu là Sherlock, biết đâu như thế lại ăn thua đấy.”

“Được rùi.” Tyrone Feelgood Delight ở đâu nhảy ra. “Chỉ có điều bác mới là Sherlock. *Cháu nà bát sĩ Watson!*”



Có một công viên nhỏ ở phía bên kia phố Hanover. Họ băng qua đường lúc đèn giao thông chuyển sang chế độ ĐI BỘ, chiếm lấy một ghế băng, và ngắm nhìn một đám nam sinh choai choai tóc tai bù xù chơi trò liều mạng và liều chân căng trong khu vực chơi trượt ván đồ xi măng hôm xuống. Odell phân chia thời gian của nó giữa việc nhìn lũ trai trẻ và những chiếc kem ốc quế.

“Cháu đã bao giờ thử trò kia chưa?” Hodges vừa hỏi vừa hất đầu về phía đám liều mạng.

“Không, thưa bác.” Jerome trợn tròn mắt nhìn ông. “Cháu nà dân nhọ mà. Cháu dành thời gian rỗi của mình cho việc ném rổ và chai trên đường tập ở trường trung học chứ. Dân nhọ bọn cháu nhanh vô địch luôn, cả thế giới đều biết thế.”

“Bác tưởng mình đã bảo cháu để Tyrone ở nhà cơ mà.” Hodges lấy ngón tay quệt một chút kem ra khỏi ốc quế và chìa ngón tay nhỏ giọt cho Odell, con chó liếm rất hăng hái.

“Đôi khi thần nhóc đó cứ tự dừng đâu ra?” Jerome tuyên bố. Và rồi bụp một cái, Tyrone lại biến mất. “Chẳng có ông nào và cũng chẳng có bà nhân tình hay chiếc Beemer nào hết. Bác đang nói về tên Sát nhân Mercedes.”

Quá đủ cho màn phóng tác. “Cứ cho là thế đi.”

“Bác đang tự điều tra vụ đó à, bác Hodges?”

Hodges ngắm nghĩ một hồi, rất kỹ lưỡng, rồi lặp lại. “Cứ cho là thế đi.”

“Trang Ô Xanh của Debbie có liên quan gì đến chuyện đó không?”

“Cứ cho là có.”

Một thằng nhóc ngã khỏi ván trượt và đứng lên với những vết trầy xước trên cả hai đầu gối. Một thằng bạn của nó xích lại, chế nhạo. Thằng Trầy xước quệt một bàn tay qua một bên đầu gối rớm máu, vẩy một vệt máu đỏ lôm lôm tẩm vào Thằng Chế nhạo rồi bỏ chạy, miệng hét “AIDS! AIDS!” Thằng Chế nhạo lướt ván đuổi theo, chỉ có điều lúc này nó là Thằng Cười.

“Bọn mọi rợ,” Jerome lẩm bầm. Cậu cúi xuống gãi gãi sau tai của Odell, rồi ngồi thẳng lên. “Nếu bác muốn nói về chuyện đó.”

Ngượng nghịu, Hodges nói, “Bác không nghĩ là ở thời điểm này...”

“Cháu hiểu,” Jerome nói. “Nhưng cháu đã nghĩ về vấn đề của bác lúc đang xếp hàng, và cháu có một câu hỏi.”

“Gì vậy?”

“Cái ông chủ xe Beemer tưởng tượng của bác ấy, chìa khóa dự phòng của ông ta đâu?”

Hodges ngồi lặng thinh, thầm nghĩ thằng nhóc này thật nhanh trí. Rồi ông thấy một dòng kem màu hồng đang từ từ lăn xuống một bên chiếc vỏ ốc quế và liếm nó đi.

“Cứ giả sử là ông ta khẳng định ông ta chưa bao giờ có chìa dự phòng.”

“Cũng giống như người phụ nữ sở hữu chiếc Mercedes kia.”

“Ừ. Chính xác là thế.”

“Bác còn nhớ cháu kể với bác là mẹ cháu đã giận vì bố cháu gọi Parsonville là Whiteyville không?”

“Bác muốn biết chuyện một lần bố cháu giận mẹ cháu không? Lần duy nhất cháu từng nghe thấy ông nói, Đúng là đồ đàn bà.”

“Nếu nó liên quan đến vấn đề nhỏ của bác thì kể đi.”

“Mẹ cháu có một chiếc Chevy Malibu. Màu đỏ táo chín. Bác thấy nó ở lối đi rồi đấy.”

“Chắc chắn rồi.”



“Bố cháu mua chiếc xe mới tinh cách đây ba năm và tặng mẹ cháu nhân dịp sinh nhật, làm bà sướng âm ỉ mãi không thôi.”

Ừ nhỉ, Hodges nghĩ bụng, hiển nhiên là Tyrone Feelgood đã lặn mất tăm rồi.

“Mẹ cháu lái chiếc xe được một năm. Không có vấn đề gì. Sau đó đến lúc đăng kiểm lại. Bố cháu bảo sẽ làm hộ mẹ cháu trên đường ông đi làm về. Bố cháu ra ngoài lấy giấy tờ, rồi quay trở vào từ lối đổ xe, trên tay cầm một chiếc chìa khóa. Ông không nổi điên, nhưng ông rất cáu. Ông bảo mẹ cháu rằng nếu cứ vứt chìa khóa dự phòng ở trong xe, thế nào cũng có người tìm thấy và lái xe đi mất. Mẹ cháu hỏi chiếc chìa khóa ở đâu ra. Bố cháu bảo ở trong một túi nylon vuốt mép cùng với giấy tờ đăng ký xe, thẻ bảo hiểm, và hướng dẫn sử dụng xe, mẹ cháu chưa bao giờ mở những thứ ấy ra. Vẫn còn nguyên cả dải băng giấy quấn xung quanh với dòng chữ Cảm ơn khách hàng đã mua xe tại Lake Chevrolet.”

Một giọt khác đang từ từ lặn xuống chiếc kem của Hodges.

Lần này ông không nhận ra ngay cả khi nó chạm đến tay ông và đọng lại đó. “Ở trong...”

“Hộc để găng tay, đúng rồi. Bố cháu bảo như thế là cầu thả, còn mẹ cháu bảo...” Jerome nhồm người về trước, cặp mắt nâu của cậu dán chặt vào đôi mắt màu xám của Hodges. “Bà bảo bà thậm chí còn không biết là nó nằm đó. Thế là bố cháu bảo đúng thật là đồ đàn bà. Câu nói đó khiến mẹ cháu không vui chút nào cả.”

“Cá là không rồi.” Trong não Hodges, tất cả các bánh răng đang rùng rùng chuyển động.

“Bố cháu bảo, Em yêu à, tất cả những gì em phải làm là quên khóa xe một lần thôi. Một thằng nghiện nào đó đi ngang qua, nhìn thấy chốt khóa còn bật lên, và quyết định lên vào xem có gì đáng ăn cắp không. Hẳn kiểm tra hộc để găng tay để tìm tiền thì lại thấy chiếc chìa khóa trong túi nylon, và thế là hẳn liền lái vọt đi để tìm xem có ai muốn bỏ tiền mặt mua một chiếc Malibu ít sử dụng không.”

“Sau đó mẹ cháu bảo sao?”

Jerome nhe răng cười. “Trước tiên, bà đảo ngược tình thế. Không ai giỏi hơn mẹ cháu trong việc này. Bà bảo, Anh mua xe và anh mang nó về nhà. Lẽ ra anh phải nói với em chứ. Cháu đang ăn sáng đúng lúc họ có cuộc đối thoại nho nhỏ ấy và đã định buột miệng nói, Giá mẹ mà sờ đến quyển hướng dẫn sử dụng, mẹ ạ, có thể chỉ là để xem những cái đèn nhỏ xíu xinh xẻo trên bảng điều khiển kia nghĩa là thế nào, nhưng rồi cháu đã ngậm miệng. Bố mẹ cháu không mấy khi cãi vã, nhưng một khi họ đã thế thì khôn ngoan nhất là lẩn đi cho nhanh. Thậm chí Barbster còn biết điều đó, và con bé mới có chín tuổi.”

Hodges chợt nhận ra rằng hồi ông và Corinne còn là vợ chồng, Alison cũng biết điều đó.

“Điều thứ hai mẹ cháu nói là bà không bao giờ quên khóa xe. Theo như cháu biết, thì quả đúng thật. Dù sao đi nữa thì hiện giờ chiếc chìa khóa đó đang treo trên một cái móc trong bếp nhà cháu. An toàn, yên ổn, và sẵn sàng lên đường nếu chiếc chìa khóa chính có bị mất.”

Hodges ngồi nhìn chăm chăm vào đám trẻ chơi trượt ván nhưng không hề thấy chúng. Ông đang nghĩ mẹ Jerome có lý khi nói rằng ông chồng lẽ ra phải đưa chìa khóa dự phòng cho bà hoặc ít ra cũng phải nói cho bà biết trước về nó. Không thể nào cứ mặc nhiên cho là mọi người sẽ thực hiện một cuộc kiểm kê và tự tìm thấy mọi thứ. Nhưng trường hợp của Olivia Trelawney thì khác. Bà ta tự mua xe cho mình, và lẽ ra phải biết chứ.

Chỉ có điều, tay bán hàng có lẽ đã làm bà ta phát ngộp với những thông tin về chiếc xe đắt tiền vừa mua; họ có cả một quy trình để làm việc đó. Khi nào thay dầu, cách sử dụng kiểm tra hành trình, cách sử dụng thiết bị định vị GPS, đừng quên để chìa khóa dự phòng một nơi an toàn, đây là cách cắm sạc điện thoại, đây là số để gọi hỗ trợ trên đường nếu bà cần, bật hết cần công tắc đèn trước sang bên trái để kích hoạt chức năng đèn lúc trời nhập nhoạng.

Hodges còn nhớ lúc mua chiếc xe mới đầu tiên của mình và để mặc cho màn phụ đạo sau bán hàng của gã đó cuốn trôi mình - ừ hử, ừm, đúng rồi, tôi hiểu - trong lòng chỉ muốn nhanh nhanh chóng chóng được phóng cục cưng mới tậu ra ngoài đường, tận hưởng cảm giác lướt đi êm ru và hít

ngửi mùi xe mới mua không gì sánh nổi ấy, mà theo lời người mua là mùi tiền được tiêu đúng chỗ. Nhưng bà T. bị rối loạn làm ảnh hưởng bức. Ông có thể tin là bà đã bỏ qua chiếc chìa khóa dự phòng và để nó trong hộc đựng găng tay, nhưng nếu bà ta đã mang theo chìa khóa chính cái đêm thứ Năm đó, hẳn là bà ta cũng đã khóa cửa xe rồi chứ? Bà ta nói đã khóa rồi, và kiên định với điều đó đến cùng, và thực sự thì, thử nghĩ về điều đó...

“Bác Hodges?”

“Với loại chìa khóa thông minh kiểu mới, đó là một quy trình ba bước đơn giản đúng không?” ông nói. “Bước một, tắt động cơ. Bước hai, rút chìa khóa ra khỏi ổ. Nếu tâm trí ta còn đang mãi để vào chuyện khác và quên mất bước hai thì đã có tiếng tí tí nhắc nhở. Bước ba, đóng cửa và bấm cái nút có hình ổ khóa. Tại sao ta lại có thể quên điều đó được, khi mà chiếc chìa khóa ngay trong tay? Chống Mất cắp cho Người đàn.”

“Đúng *roài*, bác H., nhưng kiểu gì thì một số người ngốc vẫn quên.”

Hodges còn mãi theo dòng suy nghĩ nên không chấn chỉnh. “Bà ấy không đàn. Căng thẳng và bứt rứt nhưng không ngu ngốc. Nếu bà ấy đã rút chìa khóa, thì bác gần như buộc phải tin là bà ấy đã khóa xe. Và chiếc xe thì không bị phá khóa để đột nhập. Vậy kể cả là bà ấy đã để chìa khóa dự phòng trong hộc đựng găng tay đi nữa, thì hung thủ đã lấy được nó bằng cách nào?”

“Vậy đây là bí ẩn trong một chiếc xe khóa kín thay vì một căn phòng khóa kín. Đây là vấn đề tổn bún-tầu-thuốc!”

Hodges không đáp lại. Ông đang lật qua lật lại vấn đề.

Khả năng chiếc chìa khóa dự phòng có thể nằm trong hộc đựng găng tay lúc này dường như là hiển nhiên, nhưng ông hoặc Pete đã bao giờ nghĩ đến khả năng này chưa nhỉ? Ông khá chắc chắn là chưa. Vì họ suy nghĩ kiểu đàn ông? Hoặc bởi vì họ bức mình với sự cầu thả của bà T. và muốn đổ lỗi cho bà ta? Và bà ta đúng là người có lỗi còn gì nữa?

Chẳng lỗi liếc gì nếu quả thật bà ấy đã khóa xe, ông thầm nghĩ.

“Bác Hodges, cái trang Ô Xanh đó liên quan gì đến tên Sát nhân Mercedes?”

Hodges vùng thoát ra khỏi dòng suy nghĩ của chính mình. Ông đã đắm chìm rất sâu, và đó thật là một hành trình dai dẳng. “Bác không muốn đề cập đến vấn đề đó ngay lúc này, Jerome.”

“Nhưng biết đâu cháu giúp được!”

Ông đã bao giờ chứng kiến Jerome phấn khích như thế này chưa nhỉ? Có lẽ là một lần, khi đội hùng biện mà cậu phụ trách trong năm đầu trung học chiến thắng giải vô địch toàn thành phố.

“Hãy tìm hiểu về trang web đó là cháu đã giúp nhiều rồi,” Hodge nói.

“Bác không muốn nói cho cháu vì cháu chỉ là một thằng nhóc. Đúng thế phải không?”

Đó là một phần lý do, nhưng Hodges không hề có ý định nói ra. Và lại kỳ thực thì còn một lý do khác nữa. “Mọi chuyện còn phức tạp hơn thế. Bác không làm cảnh sát nữa, và việc điều tra vụ City Center chạm ngay đến lằn ranh của những gì được coi là hợp pháp. Nếu bác tìm ra bất kỳ điều gì mà không nói với cộng sự cũ, người hiện thời đang phụ trách điều tra vụ án tên sát nhân Mercedes, tức là bác đã vượt quá lằn ranh ấy. Cháu còn cả một tương lai xán lạn phía trước, trong đó có cả trường đại học nào mà cháu quyết định ưu ái đến bằng sự có mặt của mình. Bác sẽ phải nói với bố mẹ cháu như thế nào nếu cháu bị lôi vào một cuộc điều tra liên quan đến những việc làm của bác, có thể như một đồng phạm thì sao?”

Jerome ngồi lặng yên, nghĩ ngợi về điều đó. Rồi cậu cho con Odell phần đuôi của chiếc kem ốc quế, nó hí hửng nhận lấy. “Cháu hiểu rồi.”

“Thật không?”

“Vâng.”

Jerome đứng lên và Hodges cũng làm vậy. “Vẫn là bạn bè chứ?”

“Chắc chắn rồi. Nhưng nếu bác nghĩ là cháu giúp được, hãy hứa với cháu là bác sẽ yêu cầu nhé. Bác biết người ta vẫn nói gì rồi đấy, hai cái đầu thì tốt hơn là một cái.”

“Thỏa thuận thế nhé.”

Họ bắt đầu lên dốc quay về. Ban đầu con Odell còn đi giữa hai người như lúc nãy, sau đó thì bắt đầu kéo dây đi trước vì Hodges đi chậm lại. Ông đang hụt hết cả hơi. “Bác phải giảm cân mới được,” ông bảo Jerome.

“Cháu biết không? Hôm trước bác làm rách đũng một cái quần còn tốt nguyên.”

“Bác giảm lấy năm cân là được rồi.” Jerome nói đầy ngoại giao.

“Nhân đôi chỗ đó lên thì may ra mới gọi là tạm ổn được.”

“Bác có muốn dừng lại nghỉ chút không?”

“Không.” Giọng Hodges nghe thật trẻ con ngay cả với chính ông. Mặc dù vậy, ông hoàn toàn nghiêm túc về chuyện cân nặng; ngay khi ông về đến nhà, mọi thứ đồ ăn vặt trong tủ bếp và tủ lạnh sẽ vào thùng rác. Rồi ông nghĩ bụng, cho vào thùng rác nhà bếp cho chắc. Quá dễ yếu lòng rồi lại đi bới thùng rác thường như chơi.

“Jerome, tốt nhất là chỉ mình cháu biết về cuộc điều tra nhỏ của bác thôi nhé. Bác có thể tin tưởng sự kín đáo của cháu không?”

Jerome trả lời không một chút do dự. “Tuyệt đối rồi. Cháu hứa sẽ giữ kín.”

“Tốt.”

Phía trước một khối phố, chiếc xe Mr. Tasty leng keng băng qua đường Harper và quành xuống đường Vinson.

Jerome vẫy tay. Hodges không thấy người bán kem có vẫy lại hay không.

“Đến giờ bác cháu mình mới thấy anh ta.” Jerome ngoảnh lại, trao cho ông một nụ cười nhăn nhó.

“Những người bán kem giống hệt như cảnh sát vậy.”

“Hả?”

“Không bao giờ có mặt mỗi khi ta cần.”



**B**rady cho xe chạy chậm chậm, tuân thủ giới hạn tốc độ (ở đường Vinson này là hai mươi dặm một giờ), hầu như không nghe thấy tiếng leng keng và tiếng nhạc của bài “Buffalo Gals” từ những chiếc loa trên đầu hẫ. Hẫ mặc một chiếc áo len bên dưới lớp áo khoác Mr. Tastey màu trắng, vì khối hàng phía sau rất lạnh.

Giống đầu óc mình, hẫ nghĩ. Chỉ có kem mới lạnh bằng thế. Mình cũng có óc phân tích nữa. Nó là một cỗ máy. Một chiếc Mac với khả năng thực hiện cả ti tỉ phép tính.

Hẫ hướng bộ óc của mình vào những gì vừa nhìn thấy, lão cớm béo về vườn đang đi bộ lên dốc đường Harper cùng Jerome Robinson và con chó săn Ireland với cái tên nhỏ. Jerome vẫy tay với hẫ và Brady vẫy chào lại ngay lập tức, vì đó là cách để ta hòa đồng. Giống như lắng nghe những màn kể lể con cà con kê của Freddi Linklatter về việc là một người phụ nữ đồng tính trong thế giới của dân dị tính khắc nghiệt đến nhường nào.

Kermit William “Giá mình trẻ lại” Hodges và Jerome “Giá mình là dân da trắng” Robinson. Cặp đôi Kỳ quặc này đang nói chuyện gì vậy nhỉ? Đó là điều mà Brady Hartsfield muốn biết.

Có thể hẫ sẽ lần ra nếu lão cớm mắc câu và bắt đầu một cuộc trò chuyện trên Chiếc Ô Xanh của Debbie. Hiển nhiên là trò đó đã hiệu nghiệm với con mụ nhà giàu khốn kiếp; một khi mụ đã bắt đầu nói chuyện, chẳng gì có thể dừng mụ lại.

Lão thanh tra về vườn và thẳng nhỏ gia nhân của lão.

Còn Odell nữa. Đừng quên con Odell. Jerome và con em gái nó yêu con chó. Chúng sẽ đau đớn vô cùng nếu có điều gì xảy ra với nó. Có lẽ sẽ chẳng có gì, nhưng có thể khi về nhà tối nay hẳn sẽ lên mạng tìm hiểu thêm một chút về các loại chất độc.

Những ý nghĩ như vậy lúc nào cũng thay nhau lướt qua tâm trí Brady; chúng là lũ dơi trong tháp chuông của hẳn. Sáng nay tại DE, trong lúc hẳn đang kiểm kê một lô DVD rẻ tiền khác (lý do tại sao vẫn có thêm hàng mới về đúng vào thời điểm bọn họ đang phải bán tổng bán tháo hàng tồn quả là một điều bí ẩn không bao giờ được giải đáp), hẳn chợt nảy ra ý nghĩ là hẳn có thể dùng đến cái áo vest tự sát của mình để làm sát tổng thống, ngài Barack “Giá mình là người da trắng” Obama. Ra đi giữa một vầng hào quang chói lọi. Barack vẫn thường đến thăm bang này, vì nó quan trọng với chiến lược tái đắc cử của ông ta.

Và khi đến bang thì kiểu gì ông ta cũng tới thành phố này. Tổ chức một cuộc mít tinh. Diễn thuyết về hy vọng. Diễn thuyết về sự thay đổi. Rah-rah-rah, blahblah-blah. Brady đang tính toán làm thế nào qua được máy phát hiện kim loại và những cuộc kiểm tra ngẫu nhiên thì Tones Frobisher nhào tới và bảo hẳn là có khách gọi. Đến lúc hẳn đang trên đường trong một chiếc VW Cyber Patro, màu xanh, thì hẳn đã lại nghĩ về chuyện khác.

Chính xác là về Brad Pitt. Thần tượng điện ảnh chó chết.

Tuy nhiên, đôi khi những ý tưởng của hẳn cũng đọng lại.

Một thằng nhóc béo phịch chạy đuổi theo dọc hè phố, vẫy vẫy tiền. Brady tập lại.

“Cháu muốn sô cô la!” thằng nhóc nói. “Và cháu muốn rắc đường màu sprinkle lên!”

Có ngay đây, thằng béo chết giẫm, Brady nghĩ, và nở nụ cười tươi tỉnh, quyến rũ nhất của hẳn. Cứ tọng cho đầy bao nhiêu cholesterol cũng được, tao cho mày đến bốn mươi, ai biết được, có khi mày sẽ sống sót sau cơn đột quy đầu tiên cũng nên. Tuy nhiên điều đó cũng không dùng được mày đâu, không. Không đời nào khi mà thế gian này còn ê hề là bia bọt rồi bánh Whooper và kem sô cô la.

“Có ngay đây, anh bạn nhỏ. Một chiếc kem sô cô la rắc đường sprinkle ngay lập tức. Trường học thế nào? Có được điểm A nào không?”





Tối hôm đó ti vi không hề được bật lên ở số nhà 63 đường Harper, thậm chí để xem chương trình Evening News cũng không. Cả máy tính cũng không nốt. Thay vào đó, Hodges lôi ra tập giấy ghi chép đáng tin cậy của mình. Janelle Patterson gọi ông là người theo trường phái cổ điển. Quả là thế thật, và ông cũng không việc gì phải xin lỗi về điều đó. Đây là cách mà từ trước đến giờ ông vẫn làm, cách ông thấy thoải mái nhất.

Ngồi trong không gian yên ắng không ti vi thật dễ chịu, ông đọc lại bức thư gã Mercedes gửi cho mình. Rồi ông đọc bức thư bà T. nhận được. Ông đọc qua đọc lại đến cả tiếng đồng hồ hoặc hơn, rà từng dòng thư một. Vì bức thư của bà T. là một bản sao, nên ông tha hồ viết nguệch ngoạc vào bên lề và khoanh tròn những từ nhất định.

Ông kết thúc giai đoạn này của quy trình bằng cách đọc to hai bức thư thành tiếng. Ông thay đổi các giọng khác nhau, vì gã Mercedes đã khoác lên hai nhân cách khác nhau. Bức thư Hodges nhận được đầy vẻ láo xược và ngạo mạn. Ha ha, lão già lụ khụ ngu xuẩn, nó nói. Lão chẳng mục đích sống nữa và lão biết điều đó mà, vậy sao lão không đi chết cho xong hả? Giọng điệu bức thư của Olivia Trelawney thì lại run rẩy và buồn bã, đầy sầu não và những câu chuyện về tuổi thơ tàn tệ, nhưng trong đó cũng chính lại là ý tưởng tự tử, có điều là lần này nó ẩn mình trong lớp vỏ đồng cảm: Tôi hiểu, tôi hoàn toàn hiểu điều đó, vì tôi cũng thấy giống hệt.

Cuối cùng ông cất các bức thư vào một cặp tài liệu với dòng TÊN SÁT NHÂN MERCEDES viết trên nhãn. Trong cặp chẳng còn gì khác, nghĩa là nó cực kỳ mỏng, nhưng nếu tay nghề của ông vẫn còn chút nào đó,

nó sẽ dày lên hết trang này đến trang khác những dòng ghi chép của chính ông.

Ông ngồi liền mười lăm phút, hai bàn tay đan lại trên cái bụng quá khổ giống như Đức Phật đang thiền định. Rồi ông kéo tập ghi chép về phía mình và bắt đầu viết.

Mình cho rằng mình đã đúng về hầu hết những trò đánh lạc hướng bằng kiểu viết khoa trương bay bướm. Trong bức thư của bà T., hẳn chẳng hề sử dụng dấu chấm cảm, những cụm từ viết hoa, hoặc không dùng nhiều những đoạn văn một câu (những câu ở cuối thư nhằm mục đích tạo hiệu quả mạnh mẽ). Mình đã sai về những dấu ngoặc kép, hẳn thích dùng dấu này. Ngoài ra còn thích gạch chân từng chỗ. Rốt cuộc chưa chắc hẳn đã còn trẻ, có khi từ đầu đến giờ mình đã nhầm về điểm này...

Nhưng ông nghĩ về Jerome, những gì cậu đã quên về máy tính và Internet còn nhiều hơn cả những gì bản thân Hodges có thể học được. Và về Janey Patterson, cô còn biết sao chụp bức thư của chị gái mình bằng máy scan, lại còn biết sử dụng Skype nữa. Janey Patterson, cô có lẽ phải trẻ hơn ông đến cả hai mươi tuổi.

Ông lại cầm bút lên.

... nhưng mình không nghĩ là mình nhầm. Có thể hẳn không còn ở tuổi thanh thiếu niên (mặc dù cũng không thể loại trừ hoàn toàn) nhưng cứ cho là hẳn trong độ tuổi từ 20 lên 35. Hẳn rất khôn ngoan. Vốn từ tốt, cách sắp đặt câu chữ tốt.

Ông xem lại những bức thư thêm lượt nữa và ghi chép ra một số câu được sắp đặt cầu kỳ: một con chuột nhắt nhút nhát khi còn bé, mút dâu trong túi ngủ, hầu hết con người ta chỉ là một lũ cừu mà lũ cừu thì không ăn thịt.

Chẳng có gì làm người ta quên được Philip Roth, nhưng Hodges cho rằng những câu văn như vậy cũng chứng tỏ chút năng khiếu nhất định. Ông tìm thêm một câu nữa và chép nó ra bên dưới những câu khác: Họ đã làm gì cho bà ngoài việc săn đuổi và gây ra cho bà những đêm không ngủ?

Ông gõ gõ đầu bút lên câu này, làm bắn ra một chùm những chấm li ti xanh thẫm. Ông nghĩ hầu hết những người khác sẽ viết đưa (đến) cho bà

những đêm không ngủ hoặc mang đến cho bà những đêm không ngủ, nhưng như thế là chưa đủ hay đối với gã Mercedes, vì hẳn là một thợ làm vườn chuyên đi gieo những hạt mầm nghi ngờ và hoang tưởng. Chúng quyết tâm tóm được bà, bà T. ạ, và chúng làm vậy cũng có lý còn gì nữa? Bởi vì bà đã bỏ chìa khóa lại. Cảnh sát nói thế; tôi nói thế, và tôi còn đã ở đó nữa cơ. Làm sao cả hai phía chúng tôi lại có thể đều sai được?



“Máy chủ của Ô Xanh đặt ở Olovo, một thị trấn nhỏ ở Bosnia mà cho đến khoảng năm 2005 gì đó vẫn chủ yếu được biết đến nhờ các trận đấu bò. Những máy chủ được mã hóa. Chúng ta đang nói đến chất lượng kiểu NASA, được chứ? Việc truy tìm là không thể, trừ phi Cơ quan An ninh Quốc gia (NSA) hoặc Kang Sheng - NSA phiên bản Trung Quốc - có mấy cái phần mềm tuyệt mật mà không ai biết cả.”

Và cho dù là có đi nữa, Hodges nghĩ bụng, họ cũng chẳng đời nào mang nó ra sử dụng trong một vụ án như tên Sát nhân Mercedes.

“Còn đây là một chức năng khác, đặc biệt tiện lợi trong thời đại của những vụ bê bối nhả tin sex. Bác H., đã bao giờ bác tìm thấy thứ gì đó trên mạng - kiểu như một bức tranh hoặc một bài báo - mà bác muốn in, nhưng không in được không?”

“Có, một vài lần. Ta ấn nút in, và chương trình Print Preview không hiển thị gì ngoài một trang trống trơn. Rất bực bội.”

“Giống hệt như trên Chiếc Ô Xanh của Debbie.” Jerome không tỏ vẻ gì là bực bội; nghe giọng cậu đầy vẻ khâm phục.

“Cháu có tí đưa đây qua lại với cô bạn mới Berni - bác biết đấy, thì chuyện thời tiết ở đó thế nào, những thứ ưa thích của bạn là gì, đại loại như thế - và khi cháu cố in đoạn hội thoại của bọn cháu ra, cháu nhận được hình một đôi môi với ngón tay chặn ngang và một tin nhắn viết Suyt.” Jerome đánh vần cả từ đó, chỉ để bảo đảm là Hodges hiểu được. “Bác có thể ghi chép lại cuộc hội thoại...”

Đương nhiên, Hodges nghĩ bụng, mắt nhìn âu yếm những dòng ghi chú nguệch ngoạc trên quyển sổ của mình.

“... nhưng bác sẽ phải dùng đến cách chụp màn hình hoặc cách khác, nói chung là lách cách đến lộn ruột. Bác hiểu ý cháu về mức độ riêng tư rồi chứ? Những gã này rất nghiêm túc về điều đó.”

Hodges thừa hiểu. Ông lật lại trang đầu tiên của cuốn sổ ghi chép và khoanh một trong những dòng ghi chép sớm nhất của ông: THÀNH THẠO MÁY TÍNH (DƯỚI 50 TUỔI?).

“Khi bác nhấp chuột vào, bác sẽ có những lựa chọn thông thường - NHẬP TÊN TÀI KHOẢN hoặc ĐĂNG KÝ NGAY BÂY GIỜ. Vì cháu không có tài khoản, nên cháu đã bấm vào ĐĂNG KÝ NGAY BÂY GIỜ và tạo một cái. Nếu bác muốn nói chuyện với cháu ở Chiếc Ô Xanh, thì cháu là tyrone40. Sau đó, có một bảng thông tin cho bác điền vào - tuổi tác, giới tính, sở thích, đại loại thế - và sau đó bác phải nhập số thẻ tín dụng của mình. Mất ba mươi đô mỗi tháng. Cháu đã làm vì cháu có niềm tin vào quyền năng hoàn thuế của bác.”

“Niềm tin của con sẽ được ban thưởng, con trai.”

“Máy tính xử lý trong khoảng chín mươi giây gì đó - cái ô xanh xoay tít và màn hình hiện lên dòng chữ ĐANG PHÂN LOẠI. Sau đó bác nhận được một danh sách những người có sở thích tương đồng. Bác chỉ việc chọn bừa lấy vài người và chẳng mấy chốc là bác tha hồ chém gió phần phật.”

“Người ta có thể dùng trang này để trao đổi nội dung khiêu dâm không? Bác biết là phần giải thích nói là không được, nhưng...”

“Bác có thể sử dụng nó để trao đổi sex tưởng tượng, nhưng hình ảnh thì không. Mặc dù cháu hình dung được là những tên biến thái - bọn lạm dụng trẻ em, những kẻ bệnh hoạn bạo dâm, đại loại thế - có thể sử dụng Chiếc Ô Xanh để dẫn dắt lũ bạn bè cùng tâm địa tới các trang có đầy rẫy những hình ảnh trái phép.”

Hodges đã định hỏi bọn bệnh hoạn bạo dâm là thế nào, nhưng rồi tự quyết định rằng ông chẳng muốn biết làm gì. “Nếu vậy thì chủ yếu là chất chít vô hại thôi à?”

“Ừm...”

“Ừm cái gì?”

“Cháu có thể hình dung cách mà những kẻ đầu óc bệnh hoạn có thể sử dụng nó để trao đổi những thông tin nguy hại. Như là chế tạo bom chằng hạn.”

“Cứ cho là bác đã có một tài khoản. Sau đó thì sao?”

“Bác có rồi à?” Sự phẫn khích đã trở lại trong giọng Jerome. “Cứ cho là bác có rồi.”

“Điều đó còn tùy thuộc vào việc bác tự tạo ra tài khoản đó hay là bác nhận được nó từ một ai đó muốn chat với bác. Ví dụ như người đó gửi nó cho bác qua điện thoại hoặc email.”

Hodges cười. Jerome, một thằng nhóc thực sự thuộc về thời đại này, chưa bao giờ cân nhắc khả năng thông tin đó có thể được chuyển đến bằng một phương tiện của thế kỷ mười chín như một bức thư.

“Cứ cho là bác nhận được nó từ người khác,” Jerome tiếp tục. “Chằng hạn như từ kẻ đã ăn cắp chiếc xe của bà kia. Chằng hạn như hẳn muốn nói chuyện với bác về những gì hẳn đã làm.”

Cậu chàng chờ đợi. Hodges không nói gì, nhưng vô cùng khâm phục.

Sau vài giây im lặng, Jerome nói, “Cũng chằng trách gì được nếu có người muốn thử. Trở lại vấn đề chính, bác tiếp tục và nhập tên tài khoản.”

“Khi nào thì bác phải trả ba mươi đô?”

“Bác không phải trả.”

“Sao lại không?”

“Vì có người đã trả khoản đó cho bác rồi.” Giọng Jerome lúc này trở nên nghiêm trọng. Nghiêm trọng phát sợ. “Có lẽ không cần nhắc bác phải thận trọng, nhưng dù sao thì cháu vẫn phải nói. Bởi vì nếu bác đã có một tài khoản, thì nghĩa là kẻ kia đang chờ bác đấy.”



**B**rady dừng lại trên đường về nhà để mua đồ ăn tối cho hai mẹ con (tối nay là đồ ăn của Little Chef), nhưng mẹ hắn say bí tỉ trên ghế sofa. Tivi đang chiếu một chương trình truyền hình thực tế nào đó, một chương trình tụ tập cả đám gái trẻ xinh xắn bu quanh một gã trai lơ lực lưỡng trông như kiểu chỉ số IQ của gã chỉ ngang một cái đèn sà. Brady thấy là mẹ hắn đã ăn rồi - đại loại thế. Trên bàn cà phê là một chai Smirnoff còn một nửa và hai lon trà NUTRASLIM. Bữa trà chiều ở địa ngục, hắn trầm nghĩ, nhưng ít nhất bà ta cũng còn mặc quần áo: quần jean và áo nỉ chui đầu City College.

Cho chắc ăn, hắn lột vỏ bọc bánh sandwich của bà ta và đưa qua đưa lại dưới mũi mẹ mình, nhưng bà ta chỉ khịt mũi và ngoảnh đầu đi. Hắn quyết định ăn luôn chiếc đó và cất chiếc còn lại vào tủ lạnh riêng. Khi hắn từ garage quay trở ra, gã trai lơ lực lưỡng đang hỏi một trong những em đồ chơi tình dục tiềm năng của gã (một em tóc vàng, tất nhiên) là cô ta có thích nấu đồ ăn sáng không. Câu trả lời thẹn thò của em tóc vàng: “Sáng ra anh có thích thứ gì đó nóng không?”

Tay cầm chiếc đĩa với cái bánh sandwich của mình, hắn ngó qua chỗ bà mẹ.

Hắn biết, rất có thể một tối nào đó hắn về nhà và thấy bà ta đã chết. Hắn thậm chí còn có thể giúp bà ta, chỉ cần cầm một trong những cái gối tựa kia và đè nó lên mặt bà ta. Chẳng phải lần đầu tiên án mạng xảy ra trong cái nhà này. Nếu làm thế, cuộc đời hắn sẽ sáng sủa hơn hay khốn nạn

hơn? Điều hẳn sợ hãi - không diễn đạt thành lời trong ý thức của hẳn mà bơi lòng vòng phía dưới - là sẽ chẳng có gì thay đổi.

Hẳn xuống dưới hầm, ra lệnh bằng giọng nói cho đèn và máy tính. Hẳn ngồi trước máy Số Ba và truy cập vào của Chiếc Ô Xanh, chắc chắn rằng đến lúc này lão cớm béo kiểu gì cũng cần câu rồi.

Không có gì hết.

Hẳn nện nắm đấm vào lòng bàn tay, cảm thấy hai bên thái dương đập lùng nhùng, đó là dấu hiệu chắc chắn của một cơn đau đầu, một cơn đau nửa đầu vẫn thường làm hẳn thức hết cả nửa đêm. Aspirin không ăn thua gì với những cơn đau đầu này. Hẳn gọi chúng là Lũ Phù thủy Nhỏ, chỉ có điều thỉnh thoảng Lũ Phù thủy Nhỏ lại to vật vờ. Hẳn biết có những viên thuốc có tác dụng làm dịu những cơn đau đầu như vậy - hẳn đã tìm hiểu chúng trên mạng - nhưng không thể mua được chúng nếu không có đơn thuốc, mà Brady thì sợ bác sĩ phát khiếp. Nhờ chẳng may tay nào đó phát hiện ra hẳn có một khối u não thì sao? Một khối u nguyên bào thần kinh đệm, mà trên Wikipedia nói là loại nguy hiểm nhất. Nhờ đâu đó là lý do hẳn giết những người ở hội chợ việc làm?

Đừng có ngu xuẩn thế, bị một khối u thần kinh đó thì mày không chết mấy tháng rồi.

Được rồi, nhưng nhờ đâu bác sĩ nói những cơn đau nửa đầu của hẳn là dấu hiệu bệnh tâm thần thì sao? Tâm thần phân liệt hoang tưởng, đại loại như thế? Brady chấp nhận rằng hẳn bị tâm thần, tất nhiên là thế, làm gì có ai đầu óc bình thường lại lao xe vào cả đám đông người hoặc ấp ú ý định ám sát tổng thống Hợp chủng quốc Hoa Kỳ trong một vụ tấn công liều chết. Người đầu óc bình thường không bao giờ lại giết em trai của mình. Người đầu óc bình thường không bao giờ dừng lại bên ngoài cửa phòng mẹ mình, bắn khoản liệu bà ta có mặc gì không?

Những kẻ bất thường lại không thích người khác biết là mình bất thường.

Hẳn tắt máy tính và thơ thẩn đi quanh căn phòng điều hành của mình. Hẳn cầm Thiết bị Hai lên, rồi lại đặt nó xuống. Hẳn đã nhận ra ngay cả thứ đó cũng không phải phát minh gì độc nhất vô nhị; bọn trộm xe vẫn sử dụng



các thứ kiểu này từ bao năm nay rồi. Hãn chưa dám dùng đến nó kể từ lần cuối cùng trên chiếc Mercedes của bà Trelawney, nhưng có lẽ đã đến lúc đưa Thiết bị Hai yêu dấu ra khỏi cảnh quy ẩn giang hồ - thật bất ngờ khi biết người ta để những gì trong xe của họ.

Sử dụng Thiết bị Hai cũng hơi nguy hiểm, nhưng không đến nỗi quá. Sẽ không sao nếu hãn thận trọng, mà Brady thì có thể thận trọng vô cùng.

Quý tha ma bắt lão cóm về vườn ấy đi, sao lão lại chưa cắn câu nhỉ?

Brady xoa hai thái dương.



**H**odges chưa cần câu bởi vì ông hiểu rủi ro: đặt cọc có giới hạn. Nếu ông viết một tin nhắn sai, ông sẽ không bao giờ nghe thấy gì từ gã Mercedes nữa. Mặt khác, nếu ông làm điều mà ông biết chắc gã Mercedes chờ đợi - những cố gắng dè dặt và vụng về nhằm vạch trần hãn là ai - thì tên khốn kiếp xảo quyệt ấy sẽ vờn ông như mèo vờn chuột.

Câu hỏi cần phải trả lời trước khi ông bắt đầu thật đơn giản: ai sẽ là con cá trong mối quan hệ này, và ai sẽ là người đi câu?

Ông phải viết gì đó, vì Ô Xanh là tất cả những gì ông có.

Ông chẳng thể gọi cho mỗi cũ nào của mình trong ngành cảnh sát. Những bức thư mà gã Mercedes gửi cho Olivia Trelawney và bản thân Hodges chẳng có giá trị gì nếu không có nghi phạm. Hơn nữa, một bức thư cũng chỉ là một bức thư, trong khi một cuộc chat trên máy tính lại là...

“Một cuộc trò chuyện,” ông nói.

Chỉ có điều, ông cần một mồi nhử. Một mồi nhử ngon lành nhất có thể hình dung được. Ông có thể giả vờ là đang muốn tự tử, cũng chẳng khó khăn gì, vì mới đây thôi thì sự thật đúng là thế. Ông tin chắc rằng những suy tưởng về sự hấp dẫn của cái chết sẽ giữ gã Mercedes mở miệng một thời gian, nhưng được bao lâu trước khi hãn nhận ra mình đang bị chơi?

Đây không phải là một thẳng nghiệm phê thuốc ảo tưởng rằng cảnh sát sẽ cho hãn một triệu đô và một chiếc 747 sẽ đưa hãn đến El Salvador. Gã Mercedes là một kẻ rất thông minh không may lại bị điên.

Hodges kéo tập ghi chép vào lòng và lật một trang mới. Ở giữa trang giấy ông viết mấy từ bằng chữ in hoa: **MÌNH PHẢI LÊN DÂY CÓT HÃN.**

Ông khoanh vòng vào đó, đặt tập ghi chép vào hồ sơ vụ án mà ông đã bắt đầu, và đóng cặp tài liệu đang dày dần lên.

Ông ngồi nán thêm một lúc, nhìn bức ảnh con gái trên chương trình bảo vệ màn hình, nay đã không còn là cô bé năm tuổi và cũng không còn nghĩ ông là Chúa.

“Chúc ngủ ngon nhé, Allie.”

Ông tắt máy tính và đi ngủ. Ông không trông đợi là sẽ ngủ được, ấy vậy mà lại được.



Theo như chiếc đồng hồ đặt cạnh giường, ông choàng tỉnh lúc hai giờ mười chín phút sáng với câu trả lời sáng bừng trong tâm trí như một tấm biển đèn neon của quán bar. Việc này rủi ro nhưng đúng đắn, cái kiểu việc ta làm không một chút lưỡng lự hoặc không làm gì hết. Ông đi vào phòng làm việc, một con ma to béo trắng bệch mặc quần đùi. Ông bật máy tính. Ông vào trang Chiếc Ô Xanh của Debbie và nhấp chuột vào **BẮT ĐẦU NGAY BÂY GIỜ!**

Một hình ảnh mới hiện lên. Lần này cặp đôi trẻ trung đang ở trên một thứ trông như là chiếc thảm thần kỳ nổi bồng bênh trên đại dương mênh mông. Cơn mưa bàng bạc đang trút xuống, nhưng họ vẫn an toàn và khô ráo bên dưới chiếc ô màu xanh. Có hai nút bấm phía dưới tấm thảm, **ĐĂNG KÝ NGAY BÂY GIỜ** bên trái và **NHẬP MẬT KHẨU** bên phải. Hodges nhấp chuột vào **NHẬP MẬT KHẨU**, và trong khung ô hiện ra ông gõ *kermitfrog19*. Ông ấn phím xong và một màn hình khác hiện ra. Trên đó là một tin nhắn như sau:

*Merckill muốn nói chuyện với bạn?*

*Bạn có muốn nói chuyện với merckill không?*

C - K

Ông đặt con trỏ vào C và nhấp chuột. Một ô trống để ông gõ tin nhắn hiện lên. Hodges gõ nhanh, không chút ngập ngừng.



Cách đó ba dặm, ở số 49 phố Elm trong khu Northfield, Brady Hartsfield không ngủ được. Đầu hắn đập lùng bùng. Hắn nghĩ: Frankie. Thằng em mình, lẽ ra nó phải chết ngay khi nghẹn miếng táo ấy. Cuộc đời chắc chắn đơn giản hơn rất nhiều nếu mọi chuyện xa ra theo hướng đó.

Hắn nghĩ đến mẹ mình, thỉnh thoảng bà ta vẫn quên thay đồ ngủ và cứ để nguyên như thế. Hơn tất cả, hắn nghĩ đến lão cớm béo về vườn.

Cuối cùng hắn bật dậy và ra khỏi phòng ngủ, ngập ngừng một lúc bên ngoài cửa phòng mẹ hắn, nghe tiếng bà ta ngáy.

Âm thanh kém khêu gợi nhất trong vũ trụ, hắn tự nhủ, vậy mà hắn vẫn phải dừng lại. Sau đó hắn xuống cầu thang, mở cửa tầng hầm. Hắn dừng trong bóng tối và nói, “Điều khiển”.

Nhưng giọng hắn quá khàn đặc và bóng tối vẫn không suy suyển. Hắn hăng giọng và thử lại lần nữa. “Điều khiển!”

Điện bật lên. Hỗn độn khởi động các máy tính còn Bóng tối dừng chương trình đếm ngược trên bảy màn hình lại. Hắn ngồi xuống trước máy Số Ba của mình. Giữa ngổn ngang các biểu tượng là một chiếc ô nhỏ màu xanh. Hắn nhấp chuột vào đó, không nhận ra rằng mình đang nín thở cho đến khi hắn buột ra một hơi thở dài hỗn hển.

*Kermitfrog19 muốn nói chuyện với bạn.*

*Bạn có muốn nói chuyện với kermitfrog19 không?*

C - K

Brady ấn vào C và chòm người tới. Vẻ mặt hăm hở của hắn vẫn còn giữ nguyên một lúc cho đến khi vẻ ngỡ ngàng dần thay thế. Và rồi, trong

lúc hắn đọc đi đọc lại dòng tin nhắn ngắn, sự ngỡ ngàng trước tiên trở thành cơn giận dữ và sau đó là nỗi điên cuồng tràn trệ.

*Đời tao đã chứng kiến nhiều lời thú tội giả lắm rồi, nhưng lần này thì quả là vô địch.*

*Tao về hưu rồi nhưng không ngu đâu.*

*Bằng chứng không công bố chứng tỏ mày không phải là tên Sát nhân Mercedes.*

*Cút đi, thằng khốn.*

Brady cảm thấy một nỗi thôi thúc hầu như không chế ngự nổi, chỉ muốn tống năm đấm xuyên qua màn hình nhưng kìm lại được. Hắn ngồi trên ghế, toàn thân run bần bật. Mắt hắn trợn trừng không thể nào tin nổi. Một phút trôi qua. Hai. Ba. Chỉ lát thôi mình sẽ đứng lên, hắn nghĩ. Đứng lên và quay về giường.

Chỉ có điều làm thế thì ích lợi gì? Hắn sẽ chẳng thể nào ngủ được.

“Thằng béo khốn kiếp,” hắn lầm bầm, không nhận ra những giọt nước mắt nóng bỏng đã bắt đầu trào ra. “Thằng béo khốn kiếp ngu xuẩn vô dụng. Chính là tao! Chính là tao! Chính tao!”

*Bằng chứng không công bố chứng tỏ... Không thể nào thể được.*

Hắn dốc tâm trí vào sự cần thiết của việc làm cho lão cớm béo về vườn đau đớn, và với ý nghĩ đó, khả năng suy nghĩ cũng trở lại. Hắn nên làm việc đó bằng cách nào nhỉ? Hắn cân nhắc câu hỏi đó gần nửa tiếng đồng hồ, thử suy diễn rồi loại bỏ cả loạt kịch bản. Câu trả lời, khi nó hiện ra, thật đơn giản đến tinh tế. Bạn của lão cớm - người bạn duy nhất của lão, theo như Brady xác định được - là thằng mọi con với cái tên của người da trắng. Và thằng đó yêu cái gì? Cả gia đình nó yêu cái gì? Con chó Săn Ireland, tất nhiên. Odell.

Brady nhớ lại ảo tưởng trước đó về việc đầu độc cả mấy thùng kem loại ngon nhất của Mr. Tastey, và cười phá lên. Hắn lên mạng và bắt đầu tìm kiếm.

Nghiên cứu tiền khả thi của mình, hắn nghĩ, và mỉm cười.

Đến một lúc hắn chợt nhận ra cơn đau đầu của hắn đã biến mất.

# CHƯƠNG IV

## BẢ ĐỘC

### 1



**B**rady Hartsfield không cần mất nhiều thời gian để tìm ra cách đầu độc người bạn bốn chân của Jerome Robinson. Kể cũng tiện khi Brady cũng chính là Ralph Jones, một nhân vật tưởng tượng. Với nhân thân không chê vào đâu được - cộng thêm một thẻ Visa hạn mức thấp - để đặt mua đồ từ những trang như Amazon và eBay. Hầu hết mọi người không hề nhận ra việc nặn một vỏ bọc giả thân-thiện-với-internet mới dễ làm sao. Ta chỉ cần thanh toán đầy đủ là xong. Nếu không chẳng mấy chốc mọi việc có thể bị phanh phui ngay.

Với vỏ bọc Ralph Jones, hắn đặt mua một hộp thuốc diệt chuột GOPHERGO loại một cân và cung cấp địa chỉ nhận thư của Ralphie, dịch vụ chuyển phát Speedy Postal cách Discount Electronix không xa.

Hoạt chất trong GOPHER-GO là strychnine. Brady tra cứu các triệu chứng ngộ độc strychnine trên mạng và sung sướng nhận thấy là Odell sẽ được một phen khổ khổ khổ nạn. Khoảng hai mươi phút gì đó sau khi nuốt vào, bắt đầu có hiện tượng co giật cơ ở cổ và đầu. Chúng nhanh chóng lan ra khắp cơ thể. Miệng giãn ra thành một kiểu cười nhăn nhở (ít nhất thì ở người là vậy; về chó thì Brady không biết).

Có thể xuất hiện tình trạng nôn mửa, nhưng đến lúc này thì chất độc đã thấm thấu quá nhiều và đã quá muộn. Các cơn co quắp xuất hiện và trở nên tồi tệ hơn cho đến khi xương sống biến thành một vòm cong cứng ngắt cố định. Đôi khi xương sống còn gãy hẳn ra. Khi cái chết đến - như một sự giải thoát, Brady dám chắc - thì đó là kết quả của sự ngạt thở. Đơn giản là các dây thần kinh có vai trò điều khiển việc đưa không khí từ thế giới bên ngoài đến hai lá phổi đã ngừng hoạt động.

Brady không thể nào chờ nổi.

Ít nhất thì cũng không phải chờ lâu, hẳn vừa tự nhủ vừa tắt bảy chiếc máy tính và lên cầu thang. Tuần sau thôi là hàng sẽ chờ hẳn đến lấy. Cách tốt nhất để tọng nó vào trong con chó, hẳn nghĩ, sẽ là nhồi nó vào một chiếc bánh hamburger béo ngậy. Con chó nào chẳng thích hamburger, và Brady biết chính xác hẳn sẽ làm cách nào để mang đến món khoái khẩu cho Odell.

Barbara Robinson, con em gái của Jerome, có một đứa bạn tên là Hilda. Hai con bé thích đến Zoney's GOMART, một cửa hàng tiện lợi cách nhà Robinson hai khối phố. Chúng giải thích là vì chúng thích món kem đá bào Icee nhỏ ở đó, nhưng thật ra chúng thích đàn đúm cùng lũ bạn ở đấy. Chúng ngồi trên bức tường đá thấp phía sau bãi đỗ cho bốn chiếc xe của cửa hàng, dăm sáu đứa con gái buôn chuyện rồi cười nói chí chóc và đôi chác đồ ăn. Brady vẫn thường thấy chúng khi hẳn lái chiếc xe kem Mr. Tastey. Hẳn vẫy chào chúng và chúng vẫy lại.

Ai mà không thích người bán kem.

Bà Robinson cho phép Barbara tụ tập như vậy một hai lần mỗi tuần (cửa hàng Zoney không phải điểm tập kết của dân nghiện, có lẽ bà đã đích thân kiểm tra thông tin này), nhưng bà đặt điều kiện kèm theo sự cho phép ấy, và Brady đã dễ dàng đoán được Barbara không bao giờ được đi một mình; con bé luôn phải quay về nhà sau một tiếng; con bé và bạn mình luôn phải dẫn Odell đi cùng. Không được dắt chó vào bên trong GOMART, nên Barbara cột nó vào tay nắm cửa nhà vệ sinh bên ngoài trong lúc nó và Hilda vào bên trong để mua món kem vị nho.

Đó là lúc mà Brady - đi bằng xe riêng của hẳn, một chiếc Subaru không có gì đặc biệt - sẽ liệng cho Odell cái bánh chết chóc. Con chó khá



bự, có thể nó trụ được cả hai tư hàng. Brady hy vọng thế. Nỗi đau mất mát có một sức mạnh bắc cầu được diễn đạt rất hay ho bằng câu châm ngôn quýt làm cam chịu.

Odell càng đau đớn bao nhiêu thì con nhỏ con và thằng anh nó càng đau đớn bấy nhiêu. Jerome sẽ trút nỗi đau của nó lên lão cớm béo về vườn, còn gọi là Kermit William Hodges, và lão cớm sẽ hiểu rằng cái chết của con chó là lỗi của lão, trả giá vì đã gửi cho Brady cái tin nhắn khiêu khích và láo xược ấy. Khi Odell chết, lão sẽ biết...

Đang đi được nửa chừng lên tầng, lắng nghe tiếng ngáy của mẹ hăn, Brady dừng lại, mắt mở to ngộ ra vấn đề.

Lão cớm béo về vườn sẽ biết.

Và vấn đề chính là ở đó chứ còn gì nữa? Vì hành động để lại hậu quả. Đó là lý do Brady có thể mơ tưởng về việc đầu độc cả một lô kem hăn bán cho lũ nhóc, nhưng lại không đời nào thực sự làm một chuyện như vậy. Hăn sẽ không làm chừng nào còn muốn ăn mình thật kỹ, mà trong lúc này thì hăn muốn.

Đến thời điểm này, Hodges vẫn chưa tìm đến chiến hữu của lão trong sở cảnh sát cùng bức thư Brady đã gửi. Thoạt đầu Brady tin rằng đó là vì Hodges muốn giữ nó làm chuyện giữa hai người, có khi còn thử lần ra tên Sát nhân Mercedes và kiếm lấy chút hào quang sau khi đã nghỉ hưu, nhưng giờ thì hăn biết hóa ra là không phải vậy. Tại sao lão thanh tra nghỉ hưu lại muốn lùng ra hăn khi lão nghĩ Brady chẳng qua chỉ là một thằng khùng?

Brady không hiểu nổi tại sao Hodges có thể rút ra kết luận như vậy khi mà hăn, Brady, đã biết về vụ thuốc tẩy và cái bao tóc lưới, những chi tiết không đời nào được tiết lộ với báo chí, vậy mà hăn đã biết bằng cách nào đó. Nếu Brady đầu độc Odell, Hodges sẽ cầu đến đám chiến hữu cảnh sát. Đầu tiên là cộng sự cũ của lão, Huntley.

Tệ hơn, nó có thể mang đến một lý do mới để sống cho kẻ mà Brady đã hy vọng dụ cho tự tử, làm thất bại toàn bộ mục đích của bức thư được sáng tác đầy chất nghệ thuật. Như thế thì thật là bất công vô cùng. Xô cho con mụ Trelawney khỏi mép vức là cảm giác phê nhất đời hăn, còn phê hơn (vì những lý do mà hăn không hiểu, mà cũng chẳng bận tâm) cả giết chóc

tất cả lũ người kia bằng chiếc xe của mẹ, và hẳn lại muốn trải nghiệm nó lần nữa. Làm cho điều tra viên chính của vụ án tự kết liễu đời mình - đó mới là một chiến thắng tuyệt vời làm sao?

Brady đứng giữa cầu thang, suy nghĩ nung nấu.

Lão béo khốn kiếp có thể vẫn làm điều đó, hẳn tự nhủ.

Giết chết con chó thể là cú đẩy cuối cùng mà lão cần.

Chỉ có điều hẳn không thực sự tin vào điều đó, và đầu hẳn đập lùnh bùng cảnh báo.

Hắn đột nhiên cảm thấy một nỗi thôi thúc chỉ muốn lao trở lại tầng hầm, vào trang Ô Xanh, và đòi lão cho hẳn biết lão đang nói về thứ “bằng chứng không công bố” chết giấm nào để hẳn, Brady, có thể số toẹt nó đi. Nhưng làm thế sẽ là một sai lầm tồi tệ. Như thế thì thật vô vập quá đáng, thậm chí còn đến mức thảm hại.

Bằng chứng không công bố.

Cút đi, thằng khốn.

*Nhưng chính tao đã làm! Ta đã mạo hiểm tự do của mình, tao đã mạo hiểm mạng sống của mình, và chính tao đã làm! Mà không thể phủ nhận công sức của tao được! Thế là không công bằng! Đầu hẳn lại đập lùnh bùng.*

Mày là đồ khốn kiếp ngu xuẩn, hẳn thầm nghĩ. Mày sẽ phải trả giá, bằng cách này hay cách khác, nhưng đó là sau khi con chó kia đã chết. Có khi cả thằng mọi bạn mày cũng chết nốt. Có khi cả nhà thằng mọi ấy cũng chết. Và sau chúng, có thể là cả một đồng người nữa. Đủ để làm cho những gì xảy ra tại City Center trông như một cuộc picnic.

Hắn lên phòng và nằm xuống giường trong bộ đồ lót. Đầu hẳn lại đang đập uỳnh uỳnh, hai tay run cầm cập (như thể chính hẳn vừa mới tọng strychnine). Hẳn sẽ nằm đây trong đau đớn đến sáng, trừ phi...

Hắn đứng lên và quay xuống sảnh chính. Hẳn đứng bên ngoài cửa phòng mẹ mình gần bốn phút, rồi đầu hàng và vào trong. Hẳn trèo vào giường với bà ta và cơn đau đầu dịu đi hầu như ngay lập tức. Có lẽ là do hơi ấm. Có lẽ là do mùi của bà ta - dầu gội, sữa dưỡng thể, mùi rượu. Có lẽ là cả hai.

Bà ta quay người lại. Mắt bà ta mở ra trong bóng tối. “Ôi, cưng. Cưng lại có một đêm khó ngủ à?”

“Vâng.” Hãn cảm thấy hơi ấm của những giọt nước trong mắt mình.

“Phù thủy Nhỏ?”

“Lần này là Phù thủy Lớn.”

“Có muốn mẹ giúp không?” Mẹ hãn đã biết trước câu trả lời; nó đang đập rần rập ép vào bụng bà ta. “Con đã làm quá nhiều điều cho mẹ rồi,” bà ta dụi dàng nói. “Để mẹ làm điều này cho con.”

Hãn nhắm nghiền mắt lại. Mùi rượu trong hơi thở bà ta rất nồng nặc. Hãn cũng chẳng lấy làm khó chịu, mặc dù bình thường thì hãn căm ghét nó. “Được ạ.”

Bà ta chăm sóc hãn nhanh chóng và thành thạo. Cũng không mất nhiều thời gian. Chẳng bao giờ mất nhiều thời gian.

“Được rồi nhé,” bà ta nói. “Giờ thì ngủ đi nào, cưng.” Hãn ngủ, gần như ngay tức khắc.

Khi hãn thức giấc lúc tảng sáng bà ta lại đang ngáy, một lọn tóc dính bết vào bên khóe miệng bà ta. Hãn rời khỏi giường và về phòng mình. Đầu óc hãn thật thư thái. Bả chuột tẩm đầy strychnine đang trên đường tới. Khi nó đến nơi, hãn sẽ đánh bả con chó, và kệ xác hậu quả. Kệ mẹ nó hậu quả. Còn bọn mọi ở khu nhà giàu với những cái tên của người da trắng ấy à? Chúng không quan trọng. Sau đó là đến lão cớm béo về vườn, sau khi lão có cơ hội ném trái trọn vẹn cảm giác đau đớn của Jerome Robinson và nỗi mất mát của Barbara Robinson, và ai thèm bận tâm nếu đó là chuyện tự sát? Điều quan trọng là lão đi đời. Và sau đó...

“Thứ gì đó hoành tráng,” hãn vừa nói vừa mặc quần jean và áo thun trắng trơn. “Một văng hào quang rực rỡ.” Chính xác cái văng đó là gì thì hãn còn chưa biết, nhưng cũng không sao. Hãn có thời gian, và trước tiên hãn cần làm một việc. Hãn cần phải đánh sập cái gọi là “bằng chứng không công bố” của Hodges và bắt lão phải tin rằng hãn, Brady, thực sự là tên Sát nhân Mercedes, là con quái vật mà Hodges đã không tóm được. Hãn cần phải chà xát cho nó tẩy lên. Hãn cũng cần làm điều ấy vì nếu Hodges tin vào thứ “bằng chứng không công bố” giả tạo ấy, thì những tên cớm khác -

những tên cớm thật - chắc chắn cũng tin vào nó nốt. Điều đó là không thể chấp nhận. Hãn cần...

“Độ tin cậy!” Brady thốt lên với căn bếp trống. “Mình cần có độ tin cậy.”

Hãn bắt tay và chuẩn bị bữa sáng: thịt lợn muối xông khói và trứng. Mùi thơm có lẽ sẽ bay lên tận chỗ mẹ hãn ở trên nhà và quyến rũ bà ta. Còn không thì cũng chẳng sao. Hãn sẽ ăn cả phần của bà ta. Hãn đang đói ngấu.



Lần này thì hiệu nghiệm, mặc dù khi Deborah Ann xuất hiện, bà ta vẫn còn đang thắt đai áo choàng và chưa tỉnh hẳn. Mắt bà ta vẫn đỏ, hai má bợt bặt, tóc tai bù xù rũ rượi. Bà ta không còn phải chịu đựng cảm giác vật vờ sau con say, chính xác là bộ não và cơ thể của bà ta đã quá quen thuộc với rượu nên không còn bị nữa, nhưng bà ta dành hết các buổi sáng trong trạng thái tập trung uể oải, xem các chương trình game show và tọng kẹo ngậm Tums. Tầm khoảng hai giờ chiều, khi thế giới bắt đầu trở nên sáng rõ hơn đối với mình, bà ta bèn làm chầu rượu đầu tiên trong ngày.

Kể cả có nhớ chuyện đã xảy ra hồi đêm đi nữa, bà ta cũng không đã động gì đến nó. Nói gì thì nói, trước nay bà ta cũng chẳng bao giờ đã động. Cả hai mẹ con đều không.

Chúng ta cũng không đã động gì đến Frankie cả, Brady nghĩ bụng. Và nếu có thì chúng ta biết nói gì đây? Chẳng lẽ nói, Trời ơi, sao mà nó ngã thê thảm thế?

“Thơm quá,” bà ta nói. “Có phần cho mẹ không?”

“Bao nhiêu cũng có. Cà phê nhé?”

“Ừ. Nhiều đường vào.” Bà ta ngồi vào bàn và chăm chú nhìn chiếc ti vi trên quầy bếp. Ti vi không bật, nhưng bà ta vẫn chăm chú nhìn như thật. Theo như Brady cảm nhận, có lẽ bà ta nghĩ là nó đang bật.

“Con không mặc đồng phục kìa,” bà ta nói - ý nhắc đến chiếc áo cài cúc với dòng DISCOUNT ELECTRONIX trên túi áo. Hẳn có ba chiếc trong tủ. Hẳn tự tay là chúng. Giống như hút bụi sàn nhà và giặt đồ của hai mẹ con, là quần áo không phải sở trường của mẹ hẳn.

“Mười giờ con mới phải có mặt,” hần nói, và cứ như thể những lời đó là một câu thần chú, điện thoại của hần tỉnh giấc và bắt đầu rung bần bật trên mặt quầy bếp. Hần chớp lấy trước khi nó kịp rơi xuống sàn nhà.

“Đừng nghe máy, cưng ạ. Cứ giả vờ là mẹ con mình ra ngoài ăn sáng rồi.”

Nghe hấp dẫn thật, nhưng Brady không thể để mặc một chiếc điện thoại đang đổ chuông, giống như hần không thể từ bỏ được những ý đồ rối rắm và thay đổi xoành xoạch về việc thực hiện một hành động hủy diệt hoành tráng nào đó. Hần xem tên người gọi và không ngạc nhiên khi thấy chữ TONES hiện lên trên màn hình. Anthony “Tones” Frobisher, tay sếp sòng danh giá của Discount Electronix (chi nhánh Brich Hill Mall).

Hần bấm nút nghe máy và nói, “Hôm nay là ngày tôi đến muộn mà, Tones.”

“Tôi biết, nhưng tôi cần cậu đến chăm sóc một khách hàng. Tôi thực sự, thực sự rất cần.” Tones không thể bắt Brady đi chăm sóc khách hàng trong ngày đi làm muộn của hần, vậy nên mới có cái giọng thờ ơ này. “Hơn nữa đó lại là bà Rollins, và cậu biết là bà ấy hay boa lắm còn gì.”

Tất nhiên là bà ta hay boa, bà ta sống ở Sugar Heights cơ mà. Đội Cyber Patro, có rất nhiều khách hàng được chăm sóc tận nhà ở Sugar Heights, và một trong những khách hàng của họ - một trong những khách hàng của Brady - là bà Olivia Trelawney quá cố. Sau khi bắt đầu trò chuyện với bà ta qua trang Chiếc Ô Xanh của Debbie, hần đã vào nhà bà ta hai lần để sửa máy và cảm giác thật là sướng vô cùng. Chứng kiến bà ta sụt cân như thế nào. Chứng kiến hai bàn tay của bà ta bắt đầu run lẩy bẩy. Ngoài ra, việc truy cập được vào máy tính của bà ta đã mở ra tất cả các loại khả năng.

“Tôi không biết nữa, Tones...” Nhưng tất nhiên là hần sẽ đi và không chỉ bởi vì bà Rollins hay boa thêm. Sẽ vui lắm khi vừa chậm chậm lăn bánh qua số 729 đường Lilac vừa nghĩ bụng: anh là kẻ chịu trách nhiệm về những cánh cổng đóng im im kia. Tất cả những gì mình đã phải làm để tặng cho mẹ ta một cú đẩy cuối cùng là cài một chương trình nhỏ vào máy tính Mac của mẹ.

Máy tính quả là kỳ diệu.

“Nghe này, Brady, nếu cậu nhận vụ này, cả ngày hôm nay cậu không phải làm việc ở cửa hàng nữa, vậy được chưa nào? Chỉ cần mang chiếc Beetle về trả rồi tha hồ mà lượn lờ cho đến lúc nào phải khởi động cái xe bán kem ngu ngốc của cậu.”

“Thế còn Freddi? Tại sao anh không giao cho cô ấy?”

Lúc này hoàn toàn chỉ là đùa giỡn. Nếu Tones mà cử Freddi đi được, thì lúc này cô ta đã đang trên đường rồi.

“Gọi điện báo nghỉ ốm rồi. Bảo là cô ta đến tháng là nó hành cô ta muốn chết. Tất nhiên đó chỉ là cái cớ nhằm nhí chết tiệt. Tôi biết thừa, cô ta biết thừa, và cô ta biết là tôi biết, nhưng cô ta sẽ viện lẽ bị quấy rối tình dục nếu tôi vạch mặt cô ta. Cô ta cũng biết là tôi biết cả điều đó nữa.”

Mẹ hẳn thấy Brady mỉm cười, và mỉm cười đáp lại. Bà ta giơ tay lên, nắm lại, và vắn qua vắn lại. Vắn bi nó đi, cứng. Cái miệng cười của Brady ngoác ra thành một nụ cười nham nhở.

Có thể mẹ hẳn là một kẻ nát rượu, có thể bà ta chỉ nấu ăn được một hai lần mỗi tuần, có thể bà ta phiền hà đến phát rồ, nhưng nhiều lúc bà ta vẫn có thể đọc vị hẳn như đọc một cuốn sách.

“Được rồi,” Brady nói. “Tôi lái xe của tôi đi có được không?”

“Cậu biết là tôi không thể duyệt tiền xăng cho phương tiện cá nhân,” Tones nói.

“Ngoài ra, đó là chính sách của công ty,” Brady nói. “Đúng không?”

“À... Ừm.”

Schyn Ltd., công ty mẹ ở Đức của DE, tin rằng những chiếc VW làm dịch vụ Cyber Patro, là một hình thức quảng cáo hiệu quả. Freddi Linklatter thì nói rằng chỉ có người thần kinh mới muốn để một kẻ lái chiếc Beetle màu xanh lè sửa máy tính của mình, và về điểm này thì Brady đồng ý với cô ta. Mặc dù vậy, ngoài kia vẫn có vô số người thần kinh, vì dịch vụ của họ không bao giờ thiếu khách hàng.

Mặc dù rất ít người boa hậu hĩnh như Paula Rollins.

“Được rồi,” Brady nói, “nhưng anh nợ tôi lần này nhé.”

“Cảm ơn, anh bạn.”

Brady tắt điện thoại mà không thèm nhọc công nói, Anh đẽch phải bạn tôi, và cả hai chúng ta đều biết điều đó.





**P**aula Rollins là một cô ả tóc vàng thân hình Bốc lửa sống trong một tòa dinh thự mười sáu phòng phòng theo kiểu kiến trúc thời Tudor cách nhà bà T. quá cố ba khối nhà. Cô ta ở một mình với tất cả những căn phòng ấy. Brady không biết đích xác hoàn cảnh của cô ta thế nào, nhưng đoán lờ mờ rằng cô ta là vợ hai hoặc vợ ba của một thằng cha giàu sụ nào đó, và rằng cô ta kiếm được khá bộn cho mình trong vụ đổi chác đó. Có lẽ thằng cha kia quá mê mọt hai cái quả liệu thần hồn của cô ta nên không thèm đếm xỉa đến hợp đồng tiền hôn nhân. Brady không quan tâm, hẳn chỉ biết là cô ta có đủ tiền để boia hậu hĩnh và cô ta không bao giờ thử ve vãn hẳn. Thế là tốt. Hẳn chẳng quan tâm gì đến thân hình đầy đặn của Rollins.

Mặc dù vậy cô ta vẫn túm chặt lấy tay hẳn và chỉ chực lòi sấn hẳn vào qua cửa.

“Ôi... Brady! Tạ ơn Chúa!”

Nghe giọng cô ta như thể một người đàn bà được giải cứu khỏi một hòn đảo hoang mạc sau ba ngày không được ăn uống, nhưng hẳn nhận ra khoảnh khắc hơi ngập ngừng trước khi cô ta gọi tên hẳn và thấy mắt cô ta đảo xuống đọc nó trên áo hẳn, dù hẳn đã đến đây cả năm sáu lần rồi. (Cả Freddi cũng vậy luôn; Paula Rollins là một kẻ hành hạ máy tính hàng loạt.) Hẳn không hề tự ái vì cô ta không nhớ hẳn. Brady thích được người ta quên đi.

“Chỉ là... Tôi cũng không biết là bị sao nữa.”

Cứ như thế trước giờ ả đầu đất này vẫn biết vậy. Lần gần đây nhất hẳn ở đây, sáu tuần trước, là một lỗi hệ thống, và cô ta khẳng khẳng là virus

máy tính đã gặm sạch toàn bộ dữ liệu của mình. Brady nhẹ nhàng xua cô ta ra khỏi phòng và hứa hẹn (không tỏ vẻ gì là quá hy vọng) sẽ làm tất cả những gì có thể.

Sau đó hần ngồi xuống, khởi động lại máy tính, và lướt mạng một lúc trước khi gọi cô ta vào và bảo cô ta rằng hần đã giải quyết được vấn đề vừa kịp lúc. Chỉ chậm nửa tiếng nữa thôi, hần nói, file dữ liệu của cô ta sẽ thực sự đi tong.

Cô ta đã boa cho hần tám mươi đô. Hần và mẹ ra ngoài ăn tối hôm đó, và chia nhau một chai champagne không đến nổi tệ.

“Hãy cho tôi biết chuyện gì đã xảy ra,” Brady nói, nghiêm nghị như một bác sĩ phẫu thuật thần kinh.

“Tôi không hề làm gì cả,” cô ta rên rỉ. Lúc nào cô ta cũng rên rỉ. Rất nhiều khách hàng của hần cũng thế. Cũng không chỉ riêng đám khách hàng nữ. Không gì tước đi sĩ khí nam nhi của một nhà quản trị hàng đầu nhanh hơn cái khả năng là tất cả mọi thứ trên chiếc MACBOOK của ông ta vừa mới lên thiên đường dữ liệu.

Cô ta lôi hần qua phòng khách (dài như cả một toa nhà hàng của hãng Amtrak) và vào phòng làm việc của mình.

“Tôi tự mình lau dọn, tôi không bao giờ cho người giúp việc vào trong này - lau cửa sổ, hút bụi sàn nhà - và khi tôi ngồi xuống soạn email, cái máy tính chết tiệt còn không chịu bật lên.”

“Hừm. Kỳ lạ nhỉ.” Brady biết Rollins có một người giúp việc gốc Nam Mỹ chuyên làm việc nhà, nhưng có vẻ như người giúp việc không được phép vào phòng làm việc. Như thế lại tốt cho cô ta, vì Brady đã phát hiện ra vấn đề, và nếu người giúp việc phải chịu trách nhiệm thì có lẽ cô ta đã bị cho nghỉ việc rồi.

“Cậu có sửa được không, Brady?” Nhờ những giọt nước đang rơi trong đó, đôi mắt to màu xanh của Rollins càng to hơn bao giờ hết. Brady chợt hình dung đến nhân vật Betty Boop trong những bộ phim hoạt hình cũ mà người ta vẫn có thể tìm xem trên YOUTUBE, thậm chí *Tôm-tôm-phẹt-tôm!* và phải cố lắm mới tìm được cười.

“Chắc chắn tôi nhất định sẽ cố,” hần nói rất ga lăng.

“Tôi phải qua nhà Helen Wilcox bên kia đường,” cô ta nói, “nhưng chỉ vài phút là tôi quay lại thôi. Có cà phê vừa pha trong bếp, nếu cậu muốn.”

Nói xong, cô ta bỏ hẳn lại một mình trong ngôi nhà bự đất tiền của mình, với đếch biết bao nhiêu là món đồ trang sức quý giá rải rác khắp trên tầng. Nhưng cô ta không cần lo gì. Brady không bao giờ ăn cắp của một khách hàng được hẳn chăm sóc tại nhà. Hẳn có thể bắt quả tang. Mà cho dù không bị bắt quả tang thì ai sẽ là kẻ tình nghi đầu tiên? Chắc chắn. Hẳn không thoát khỏi tội cán đồ rập những kẻ đàn độn kiếm việc làm ở City Center chỉ để rồi lại bị tóm cổ vì ăn cắp một cặp khuyên tai kim cương mà hẳn không biết cách phi tang bằng cách nào.

Hẳn đợi đến khi cánh cửa sau đóng lại, rồi đi sang phòng khách để đổi theo Rollins hộ tổng cặp gò bông đảo đẳng cấp thế giới của mình bằng qua phố. Khi cô ta đã đi khuất, hẳn quay trở lại phòng làm việc, lồm cồm bò dưới bàn của cô ta, rồi cắm lại máy tính. Chắc cô ta đã rút ổ cắm ra để hút bụi, xong rồi lại quên cắm vào như cũ.

Màn hình mặt khẩu của cô ta hiện lên. Hừng hờ, chỉ để giết thời gian, hẳn gõ chữ PAULA, và màn hình chính của cô ta, chất đầy các file, xuất hiện. Chúa ơi, sao người ta lại điên thế nhỉ.

Hẳn lên trang Chiếc ô Xanh của Debbie để xem lão cớm béo về vườn có đăng gì mới không. Chưa có gì, nhưng trong khoảnh khắc bốc đồng ấy Brady quyết định gửi cho lão thám tử về hưu một tin nhắn cho xong. Tại sao lại không chứ?

Ở trường trung học, hẳn đã học được rằng suy nghĩ quá lâu la về viết lách không hiệu quả đối với hẳn. Quá nhiều ý tưởng khác nhau nhồi vào đầu hẳn rồi lại chen nhau truội đi.

Tốt hơn cả là cứ bập vào luôn. Đó là cách hẳn viết cho Olivia Trelawney - nóng hôi hổi, cương ạ - và cũng là cách hẳn đã viết cho Hodges, mặc dù hẳn cũng rà qua lại tin nhắn gửi cho lão cớm béo về vườn đôi lượt để bảo đảm rằng hẳn giữ được giọng văn nhất quán.

Lúc này hẳn viết với cùng giọng văn ấy, chỉ tự nhắc mình viết ngắn thôi.

*Tại sao tôi lại biết về cái bao tóc lưới và thuốc tẩy, Thanh tra? Những Thứ đó chính là bằng chứng không công bố vì chúng chưa bao giờ xuất hiện trên báo chí hay truyền hình. Ông nói rằng ông không ngu nhưng TÔI THÌ LẠI THẤY CHẮC CHẮN LÀ CÓ ĐẤY. Tôi nghĩ những chương trình ti vi mà ông xem đã làm đầu óc ông mụ mị rồi.*

*Bằng chứng không công bố NÀO?*

*TÔI THÁCH ÔNG TRẢ LỜI CÂU NÀY ĐẤY!*

Brady xem lại và sửa một chỗ: hai cái dấu gạch giữa của từ bao tóc lưới. Hẳn không thể nào tin là mình có khi nào đó sẽ trở thành đối tượng bị tình nghi, nhưng hẳn biết nếu chuyện đó xảy ra, họ sẽ yêu cầu hẳn nộp một bản viết mẫu. Hẳn gần như còn ước là hẳn được nộp một bản. Hẳn đeo một cái mặt nạ khi hẳn lao xe vào đám đông, và hẳn lại đeo một mặt nạ khác khi hẳn viết trên cương vị tên Sát nhân Mercedes.

Hẳn nhấn nút GỬI, rồi bật lịch sử truy cập Internet của cô ả Rollins. Hẳn ngừng lại trong giây lát, thích thú khi phát hiện mấy lần đăng nhập vào trang White Tie and Tails. Qua câu chuyện mà Freddi Linklatter kể, hẳn biết trang đó là gì: một dịch vụ trai bao. Paula Rollins có một cuộc sống bí mật, có vẻ thế.

Nhưng xét cho cùng thì ai mà chẳng có?

Đó không phải là việc của hẳn. Hẳn xóa dấu vết chuyển thăm của mình vào trang Dưới Chiếc ô Xanh của Debbie, rồi mở thùng đồ nghề dịch vụ và lôi ra một đồng của nợ linh tinh: đĩa cài chương trình, một chiếc modem (hỏng rồi, nhưng cô ả cũng chẳng thể nào biết được), đủ loại thẻ nhớ USB, và một bộ điều chỉnh điện áp vốn chẳng hề liên quan gì đến sửa máy tính nhưng nhìn có vẻ công nghệ. Hẳn cũng lôi ra một cuốn sách bìa mềm của Lee Child và đọc cho đến lúc nghe thấy khách hàng của mình đi vào cửa sau của dinh thự tầm hai mươi phút sau đó.

Khi cô ả Rollins thò đầu vào trong phòng làm việc, cuốn sách đã biến khỏi tầm nhìn và Brady thì đang thu dọn đồ nghề của nợ. Cô ta ân sủng hẳn bằng một nụ cười lo lắng. “Ăn thua gì không?”

“Thoạt đầu thì có vẻ nặng,” Brady nói, “nhưng rồi tôi đã lần ra được vấn đề của cô. Thiết bị chuyển mạch tụ điện tinh chỉnh bị hỏng khiến cho

mạch bị chập. Trong trường hợp như vậy máy tính được lập trình để không khởi động, vì nếu không cô có thể mất toàn bộ dữ liệu.” Hấn nhìn cô ta với vẻ nghiêm trọng. “Cái của chết tiệt này thậm chí còn bốc cháy nữa ấy chứ. Đã từng ghi nhận có trường hợp xảy ra rồi.”

“Ôi... lạy Chúa... tôi,” cô ta nói, ngắt quãng từng từ một rất lâm li rồi áp một bàn tay lên ngực. “Anh chắc chắn là nó không sao chứ?”

“Tốt như vàng mười luôn,” hấn nói. “Kiểm tra xem.”

Hấn khởi động máy tính và ngoảnh nhìn qua nơi khác rất lịch sự trong lúc cô ta nhập dòng mật khẩu đầu đất của mình.

Cô ta mở một vài file, rồi quay sang hấn, nhoẻn cười. “Brady, anh thật là một món quà Chúa ban.”

“Mẹ tôi cũng thường gọi tôi như thế cho đến khi tôi đủ tuổi mua bia.”

Cô ta cười như thể đó là điều hài hước nhất cô ta từng nghe thấy trong đời mình vậy. Brady cười theo cô ta, vì hấn chợt nảy ra một hình ảnh tưởng tượng: ghì hai đầu gối lên vai cô ta và phang cả một con dao chặt thịt lấy từ chính căn bếp của cô ta sâu vào trong cái miệng đang gào thét ấy.

Hấn gần như còn cảm thấy cả lưỡi dao chặt qua lớp sụn.



Hodges liên tục kiểm tra trang Ô Xanh, và ông đã đọc tin nhắn tiếp theo của tên Sát nhân Mercedes chỉ vài phút sau khi Brady nhấn nút GỬI.

Hodges cười sung sướng, nụ cười xả láng làm da ông mềm lại và khiến ông trông cũng khá đẹp trai. Mỗi quan hệ của họ đã được chính thức thiết lập: Hodges là người đi câu, gã Mercedes là con cá. Nhưng là một con cá xảo quyệt, ông nhắc nhở bản thân, con cá có khả năng quẫy một cú bất ngờ làm đứt dây câu. Hắn sẽ phải được ròng thật cẩn thận, dặt từ từ về gần con thuyền. Nếu Hodges làm được điều đó, nếu ông kiên nhẫn, sớm muộn gã Mercedes sẽ đồng ý chạm mặt. Hodges dám chắc điều đó.

Vì nếu hắn không kích được mình tự kết liễu cuộc đời, thì nghĩa là hắn chỉ còn lại một lựa chọn, và đó là giết người.

Điều khôn ngoan mà tên Sát nhân Mercedes có thể làm là cứ thế lặn một hơi; nếu hắn làm vậy, thì mọi chuyện sẽ đi vào ngõ cụt. Nhưng hắn sẽ không làm thế. Hắn đang lờng lộn, nhưng đó mới chỉ là một phần thôi, mà lại là phần nhỏ. Hodges tự hỏi liệu tên Sát nhân Mercedes này có biết là hắn điên đến mức nào không. Và hắn có biết là có một mẫu thông tin rõ mồn một ở đây.

*Tôi nghĩ những chương trình ti vi mà ông xem đã làm đầu óc ông mù mị rồi.*

Cho đến sáng nay, Hodges mới chỉ nghi ngờ rằng tên Sát nhân Mercedes đã theo dõi nhà ông, giờ thì ông biết chắc.

Thằng chó đẻ ấy đã lớn vờn ngoài phố, và không chỉ một lần.

Ông vớ lấy tập ghi chép và bắt đầu vạch ra những tin nhắn trả lời khả dĩ. Nó phải thật hấp dẫn, vì con cá của ông đã cảm thấy cái lưỡi câu. Cơn đau mà lưỡi câu gây ra làm nó lờn lộn mặc dù nó còn chưa biết là nó là cái gì. Nó cần phải lờn lộn hơn thế nhiều trước khi hiểu ra được, và như thế nghĩa là chấp nhận rủi ro. Hodges phải giật giật sợi dây để cái lưỡi câu cắm vào sâu hơn, bất chấp nguy cơ sợi dây có thể đứt. Gì nhỉ...?

Ông nhớ câu gì đó mà Pete Huntley đã nói trong bữa trưa, chỉ là một câu nhận xét vu vơ, và câu trả lời tìm đến ông.

Hodges viết trên tập giấy, rồi viết lại, và lại chỉnh sửa. Ông đọc lại nội dung tin nhắn thành phẩm và tự nhủ rằng nó sẽ có tác dụng. Nó vừa ngắn vừa cay độc. Có một điều mà ông đã quên, đồ khốn kiếp. Một điều mà kẻ thú tội giả danh không thể nào biết được. Hoặc nói cho đúng ra là kẻ thú tội thật... trừ phi gã Mercedes đã kiểm tra thứ vũ khí có bánh của hắn từ đầu đến cuối trước khi trèo vào trong, và Hodges dám cá rằng hắn đã không làm thế.

Nếu ông sai, dây câu đứt và con cá quẫy bơi đi mất. Nhưng như một câu người ta vẫn nói: không liệu sao giàu được.

Ông muốn gửi tin nhắn đi ngay lập tức, nhưng cũng biết đó là ý tưởng không khôn ngoan. Cứ để cho con cá bơi lòng vòng thêm chút nữa với cái lưỡi câu chết tiệt ấy trong miệng nó.

Câu hỏi đặt ra là phải làm gì trong thời gian chờ đợi. Chưa bao giờ ông thấy ti vi kém hấp dẫn đến thế.

Ông nảy ra một ý tưởng - sáng nay chúng kéo đến đông cả đàn - và lôi ngăn kéo tủ dưới cùng ra. Trong đó là một cái hộp chứa đầy những quyển sổ nhỏ lật trang mà ông vẫn mang theo mỗi khi ông và Pete tiến hành những cuộc thẩm vấn trên đường phố. Ông không bao giờ nghĩ mình lại cần đến một cuốn sổ như thế này, nhưng giờ ông lấy một cuốn và nhét nó vào túi sau quần kaki của mình.

Vừa khít.



Hodges đi được nửa đường Harper, rồi bắt đầu gõ cửa các nhà giống như ngày trước. Cày qua cày lại khắp hai bên phố, không bỏ sót nhà nào, đi lộn ngược từ dưới lên. Hôm đó là ngày thường, nhưng số người trả lời tiếng gõ cửa hoặc tiếng bấm chuông của ông thật đáng ngạc nhiên. Một số là bà nội trợ nhưng nhiều người là dân về hưu như ông, đủ may mắn để trả xong tiền nhà trước khi nền kinh tế thủng đáy, nhưng ngoài điều đó ra thì cũng chẳng sung sướng gì cho lắm. Có thể là không đến nỗi đập đối lần hồi ngày qua ngày hoặc tuần qua tuần, nhưng cũng phải căn ke chi phí ăn uống với chi phí của đủ thứ thuốc thang hằm bà lằng cho người già mỗi khi hết tháng.

Câu chuyện của ông rất đơn giản, vì đơn giản lúc nào cũng là tốt nhất. Ông nói rằng đã xảy ra các vụ đột nhập ở cách đó vài khối nhà có lẽ là tụi nhóc - và ông đang kiểm tra xem có ai trong khu vực gần nhà mình để ý thấy xe cộ nào khác thường không, và đã xuất hiện hơn một lần. Chúng có lẽ sẽ lượn lờ thậm chí còn chậm hơn cả giới hạn tốc độ hai mươi lăm dặm một giờ, ông nói. Ông không cần phải giải thích gì thêm cả; tất cả họ đều xem các chương trình cảnh sát và biết “chấp nối các đầu mối” nghĩa là thế nào.

Ông cho họ xem thẻ cảnh sát của mình, có cả chữ NGHỈ HƯU đóng bằng dấu đỏ ngang tên họ và những thông tin cơ bản bên dưới ảnh. Ông còn cẩn thận nói rõ rằng không, ông không được cảnh sát yêu cầu tiến hành việc rà soát này (điều cuối cùng trên đời này mà ông muốn là một trong



những người hàng xóm của mình lại gọi đến Tòa nhà Murrow ở trung tâm để kiểm tra về ông), mà đây chỉ là ý tưởng của riêng ông thôi.

Xét cho cùng thì ông cũng sống trong khu này và có lợi ích cá nhân về vấn đề an ninh của cả khu.

Bà Melbourne, bà góa phụ có những bông hoa làm Odell mê mẩn, mời ông vào dùng cà phê và bánh. Hodges nhận lời vì thấy bà có vẻ cô đơn. Đó là cuộc nói chuyện thực sự lần đầu tiên giữa ông với bà, và ông nhanh chóng nhận ra rằng nếu ưu ái thì có thể gọi bà là lập dị, còn không thì phải gọi thẳng là hâm hâm. Nhưng nói năng thì mạch lạc đâu ra đấy. Ông phải công nhận điều đó bà. Bà giải thích về những chiếc SUV màu đen mà bà đã quan sát (“Với cửa kính phản quang khiến ta không thể nào nhìn qua được, giống hệt như trong phim 24”), và nói với ông về những chiếc ăng ten đặc biệt của chúng. Ăng ten roi, bà gọi chúng thế, và vẫy vẫy bàn tay qua lại để diễn tả.

“Ừ hứ,” Hodges nói. “Để tôi ghi chép lại.” Ông lật một trang trong cuốn sổ ghi chép của mình và viết nguệch ngoạc *Mình phải ra khỏi đây mới được* trên trang giấy mới.

“Đó là một ý tưởng hay,” bà nói, mắt sáng bừng. “Tôi phải nói với ông là tôi đã vô cùng lấy làm tiếc khi vợ ông rời bỏ ông, Thanh tra Hodges. Bà ấy đã làm thế phải không?”

“Chúng tôi đã đồng ý bảo lưu bất đồng,” Hodges nói với giọng điệu vui vẻ, trong khi ông chẳng hề cảm thấy thế chút nào.

“Thật tốt khi được gặp trực tiếp ông thế này và biết là ông vẫn để ý đến mọi chuyện. Dùng thêm cái bánh nữa đi.”

Hodges liếc nhìn đồng hồ, đóng cuốn sổ ghi chép lại và đứng lên. “Tôi rất sẵn lòng, nhưng có lẽ tôi phải đi thì hơn. Có một cuộc hẹn vào buổi trưa.”

Bà Melbourne chăm soi thân hình đồ sộ của ông và nói, “Với bác sĩ à?”

“Chuyên gia nắn chỉnh xương khớp.”

Bà Melbourne cau mày, biến khuôn mặt của mình thành một cái vò quả óc chó có mắt. “Hãy nghĩ kỹ vào, Thanh tra Hodges. Mấy gã bẻ lưng

ấy nguy hiểm lắm. Có những người đã nằm xuống mấy cái bàn ấy và không bao giờ còn đi lại được nữa đâu.”

Bà góa tiễn ông ra cửa. Khi ông bước ra đến hiên ngoài thì bà nói, “Tôi sẽ kiểm tra cả gã bán kem ấy nữa. Cảm giác như mùa xuân năm nay lúc nào hẳn cũng ở đây. Ông có cho là hãng Loeb’s Ice Cream kiểm tra những người mà họ thuê lái mấy cái xe tải nhỏ ấy không? Tôi hy vọng là có, vì gã đó nhìn gian lắm. Biết đâu hẳn là một tên ấu dâm thì sao.”

“Tôi tin chắc các lái xe của họ đều phải có lý lịch, nhưng tôi sẽ xem xét chuyện này.”

“Đó cũng là một ý hay!” bà Melbourne thốt lên.

Hodges tự hỏi không biết ông sẽ làm gì nếu bà Melbourne thò ra một cái móc dài giống như trong các chương trình nhạc kịch ngày xưa và cố lôi giật ông trở vào trong. Một kỷ niệm thời thơ ấu dội về trong ông: mụ phù thủy trong Hansel và Gretel.

“Vớ lại - tôi vừa mới nghĩ đến điều này - dạo gần đây tôi thấy có mấy chiếc xe thùng. Trông chúng như là xe thùng chuyển phát nhanh - có cả tên công ty - nhưng ai mà chẳng bịa ra tên công ty được chứ, ông có nghĩ vậy không?”

“Điều đó luôn có thể xảy ra,” Hodges nói và bước xuống bậc thềm.

“Ông nên ghé qua cả số nhà mười bảy nữa.” Bà chỉ về phía đỉnh dốc. “Đi một mạch xuống gần đến phố Hanover. Có mấy người chuyển đến muộn, và bật nhạc ầm ĩ lắm.” Bà Melbourne nhào người về phía trước trên ngưỡng cửa, gần như cúi gập người. “Đó có thể là một tụ điểm nghiện ngập. Một ngôi nhà của bọn chích choác.”

Hodges cảm ơn về thông tin đó và ì ạch băng qua phố.

Những chiếc SUV và gã bán kem Mr. Tastey, ông nghĩ bụng.

Chưa kể những chiếc xe thùng chuyển phát nhanh chất đầy bọn khủng bố Al Qaeda.

Bên kia đường, ông tìm được một ông bố ở nhà nội trợ, tên là Alan Bowfinger. “Chỉ có đừng nhầm tôi với Goldfinger là được”, ông ta nói và mời Hodges ngồi xuống một chiếc ghế đặt trên thảm cỏ phía bên hông trái ngôi nhà, nơi có bóng mát.

Hodges sung sướng nhận lời ngay.

Bowfinger cho biết ông ta kiếm sống bằng nghề viết thiệp chúc mừng. “Tôi chuyên về loại thiệp hơi châm chọc một chút. Giống như bên ngoài thì viết, ‘Chúc mừng Sinh nhật! Ai là người xinh đẹp nhất thế gian?’ Và khi người ta mở nó ra, có một miếng giấy bạc với một khe rãnh chạy dọc xuống ở giữa.”

“Vây à? Thế thông điệp là gì?”

Bowfinger giơ hai bàn tay lên, như thể làm một cái khung. “‘Không phải bạn, nhưng dù sao chúng tôi cũng vẫn yêu bạn’.”

“Đều nhỉ,” Hodges nhận xét.

“Thì rõ, nhưng nó kết thúc với thông điệp thể hiện tình yêu. Đó là yếu tố khiến tấm thiệp bán chạy. Đầu tiên là cú chọc, sau đó là cái ôm. Còn về mục đích của ông hôm nay, ông Hodges... hay tôi gọi ông là ngài Thanh tra?”

“Bây giờ chỉ còn là ông thôi.”

“Tôi chưa nhận thấy có gì khác thường. Không thấy ai lượn lờ ngoài những người đi tìm địa chỉ và chiếc xe bán kem sau giờ tan trường.” Bowfinger nhướng mắt. “Chắc ông đã nghe đến phát chán ở chỗ bà Melbourne rồi nhỉ?”

“À...”

“Bà ấy là một thành viên của NICAP,” Bowfinger nói. “Viết tắt của Ủy ban Điều tra Quốc gia về các Hiện tượng Hàng không.”

“Các thứ về thời tiết ấy à? Về các cơn bão và các loại mây?”

“Chào bay.” Bowfinger giơ tay lên trời. “Bà ấy cho rằng chúng nhờ nhờ lẫn trong chúng ta.”

Hodges nói một câu mà bình thường sẽ chẳng bao giờ qua được kẽ môi ông nếu như ông vẫn còn công tác và đang tiến hành một cuộc điều tra chính thức. “Bà ấy nghĩ tay bán kem Mr. Tastey có thể là một kẻ ấu dâm.”

Bowfinger cười chảy cả nước mắt. “Ôi Chúa ơi,” ông ta nói. “Tay đó đã ở khu này cả năm sáu năm nay rồi, lái cái xe tải nhỏ và leng keng mấy cái chuông. Ông nghĩ hẳn đã chén bao nhiêu củ ấu trong ngần ấy thời gian rồi?”

“Không biết,” Hodges vừa nói vừa đứng lên. “Hàng tá, biết đâu được.” Ông chìa tay ra và Bowfinger bắt lấy. Thêm một điều khác mà Hodges đang khám phá về chuyện nghi hươ: hàng xóm của ông có những câu chuyện và tính cách.

Thậm chí một vài trong số đó còn thú vị phết.

Trong lúc ông đang cất cuốn sổ ghi chép đi, một vé hốt hoảng chọt hiện lên trên mặt Bowfinger.

“Chuyện gì thế?” Hodges hỏi, ngay lập tức lại tỉnh như sáo.

Bowfinger trở qua bên kia phố và nói, “Ông không ăn cái bánh nào của bà ấy đấy chứ?”

“Có sao?”

“Tôi sẽ ở gần toilet trong vài tiếng đồng hồ, nếu tôi là ông.”



**K**hi ông quay về nhà, các khớp xương nhức mỏi còn mắt cá chân thì đang hát ở nốt đô thăng cao vút, đèn trên máy trả lời tự động của ông đang nhấp nháy. Đó và lời nhắn của Pete Huntley, và giọng anh ta có vẻ phấn khích. “Gọi cho tôi nhé,” anh ta nói. “Thật không thể nào tin được. Siêu con mẹ nó thực.”

Bỗng nhiên Hodges tin chắc một cách không thể nào lý giải nổi rằng Pete và người cộng sự mới của anh ta Isabelle cuối cùng cũng đã tóm được tên Sát nhân Mercedes. Ông trào lên một cảm giác ghen tị đến đau nhói, và - thật điên rồ, nhưng và thật - tức giận. Ông bấm gọi cho Pete bằng phím quay số nhanh, tim đập thành thịch, nhưng cuộc gọi của ông đi thẳng vào hộp thư thoại.

“Đã nhận được lời nhắn của cậu,” Hodges nói. “Lúc nào được thì gọi lại nhé.”

Ông ngắt điện thoại rồi ngồi lặng lẽ, gõ gõ ngón tay trên mép bàn. Ông tự ru mình rằng việc ai tóm được thằng khốn kiếp chó đẻ ấy cũng đâu có gì quan trọng, nhưng không ăn thua. Đơn giản nhất và, điều đó có nghĩa rằng thư từ qua lại giữa ông và tên Perk ấy (kể cũng buồn cười khi cái từ đó ăn vào đầu ta) sẽ lộ ra, và chuyện đó sẽ đẩy ông vào nồi xúp nóng ra trò. Nhưng đó không phải điều gì quan trọng. Điều quan trọng và không có gã Mercedes, mọi chuyện sẽ trở lại như vốn dĩ vẫn thế: xem ti vi mỗi chiều và chơi đùa với khẩu súng của cha ông.

Ông lấy ra cuốn sổ màu vàng của mình và bắt đầu nguệch ngoạc các ghi chép về chuyến điều tra quanh khu phố. Sau một hai phút với ông việc

này, ông lẳng cuốn sổ trở lại trong cặp tài liệu và đóng sập nó lại. Nếu Pete và Izzy Jaynes đã chộp được thủ phạm thì những chiếc xe thùng và mấy cái SUV màu đen tội lỗi của bà Melbourne đẽch còn nghĩa lý gì hết.

Ông nghĩ đã định lên trang Chiếc Ô Xanh của Debbie và gửi cho merckill một tin nhắn: Họ tóm được mày rồi à?

Nực cười, nhưng hấp dẫn một cách kỳ lạ.

Điện thoại đổ chuông và ông chụp phắt nó lên, nhưng không phải Pete, mà là em gái bà Olivia Trelawney.

“Ồ,” ông nói. “Xin chào, cô Patterson. Cô thế nào?”

“Tôi khỏe,” cô nói, “và là Janey thôi, nhớ chứ? Tôi là Janey, Janey, được rồi. Nghe giọng ông có vẻ không hào hứng lắm khi tôi gọi thế này, Bill.”

Lẽ nào cô đang có tí đong đưa nhỉ? Như thế cũng tuyệt.

“Không, không, tôi rất vui vì cô gọi, nhưng tôi chẳng có gì để báo cáo cả.”

“Tôi cũng không mong đợi ông làm thế. Tôi gọi về chuyện mẹ tôi. Người y tá ở Sunny Acres biết rõ về tình trạng của mẹ tôi nhất làm ca ngày ở Tòa nhà McDonald, mẹ tôi có mấy căn phòng nhỏ đấy. Tôi đã nhờ bà ấy gọi trong trường hợp mẹ tôi tỉnh táo trở lại. Lâu lâu mẹ tôi cũng vậy mà.”

“Ừ, cô có nói với tôi rồi.”

“Ừm, bà y tá vừa gọi cách đây vài phút thông báo là mẹ tôi đã tỉnh, ít nhất là trong lúc này. Có thể bà ấy sẽ tỉnh táo trong một hai ngày, sau đó lại rơi vào trạng thái đờ đẫn. Ông vẫn muốn đi gặp mẹ tôi chứ?”

“Tôi nghĩ vậy,” Hodges nói với vẻ thận trọng, “nhưng phải chiều nay tôi mới đi được. Tôi đang chờ một cuộc điện thoại.”

“Có phải về kẻ đã trộm xe của chị ấy không?” Janey có vẻ háo hức. Như mình lẽ ra phải thế, Hodges tự nhủ.

“Đó là điều tôi cần tìm hiểu. Tôi gọi lại cho cô được chứ?”

“Chắc chắn rồi. Ông có số di động của tôi chưa?”

“Rồi,” nàng nói, nhại lại giọng ông một cách nhẹ nhàng.

Nó khiến ông mỉm cười, cho dù ông đang bút rứt. “Gọi cho tôi ngay khi nào có thể nhé.”

“Tôi sẽ gọi.”

Ông ngắt kết nối, và điện thoại lại đổ chuông trong khi ông vẫn cầm nó trên tay. Lần này là Pete, và anh ta đang phẫn khích hơn bao giờ hết.

“Billy! Tôi phải quay lại, chúng tôi đã có hãn trong phòng thẩm vấn - thực ra là IR4, còn nhớ anh vẫn gọi đó là căn phòng may mắn của anh chứ hả - nhưng kiểu gì tôi cũng phải gọi cho anh. Chúng ta tóm được hãn rồi, cộng sự, chúng ta mẹ nó chứ tóm được hãn rồi!”

“Tóm được ai?” Hodges hỏi, giữ giọng mình không lạc đi. Trái tim ông lúc này không đập loạn nữa, nhưng những nhịp đập vẫn đủ mạnh để có thể cảm nhận rõ trong hai thái dương ông: thịch và thịch và thịch.

“Davis chết tiệt!” Pete hét lên. “Còn ai nữa?”

Davis. Không phải tên Sát nhân Mercedes mà là Donnie Davis, kẻ giết vợ thích được chụp ảnh. Bill Hodges nhắm mắt, thấy nhẹ cả người. Đó là một cảm giác thật sai trái, nhưng dù sao thì ông vẫn cảm thấy thế.

Ông nói, “VẬY thì thể người kiểm lâm tìm thấy gần căn nhà gỗ của hãn chính là Sheila Davis? Cậu chắc chứ?”

“Chắc chắn.”

“Các cậu nâng bi ai mà có kết quả ADN nhanh thế được?”

Hồi Hodges còn công tác, họ gặp may nếu nhận được kết quả ADN trong vòng một tháng sau khi gửi mẫu đi, còn sáu tuần là trung bình.

“Chúng tôi không cần ADN! Cho phiên tòa thì chắc chắn rồi, nhưng...”

“Ý cậu là sao, các cậu không...”

“Lặng yên mà nghe đã nào, được không hả? Hãn đi từ ngoài phố vào đầu thú và thừa nhận tất cả. Không luật sư không mấy cái trò đàng hoàng công chính vớ vẩn. Hãn đã nghe quyền Miranda và nói hãn không cần luật sư, chỉ muốn trút nó đi cho khỏi đè nặng trên ngực hãn.”

“Lạy Chúa. Hãn lại trơn tuột như trong tất cả các lần thẩm vấn trước đây phải không? Cậu có chắc là hãn không giở trò không hả? Kiểu như một trò mèo gì đó?”

Ông nghĩ đó là điều gã Mercedes sẽ làm nếu họ tóm được hãn. Không chỉ là giở trò mà còn là trò mèo. Chẳng phải đó chính là lý do hãn cố tạo ra

những văn phong khác nhau trong những bức thư viết bằng ngòi bút tâm độc ấy hay sao?

“Billy, đâu chỉ có vợ hăn không đâu. Anh còn nhớ mấy cô nàng búp bê mà hăn cặp kè không hả? Những em tóc bông bành ngực bươm và tên thì kiểu như là Bobbi Sue ấy?”

“Nhớ chứ. Họ thì sao?”

“Khi chuyện này công bố ra, mấy em gái trẻ đó sẽ phải quỳ sụp xuống mà tạ ơn Chúa là họ vẫn còn sống.”

“Tôi không hiểu ý cậu.”

“Turnpike Joe, Billy! Năm phụ nữ bị cưỡng bức và giết hại ở các điểm dừng chân khác nhau trên đường cao tốc liên bang từ đây đến Pennsylvania, bắt đầu từ năm 1994 và kết thúc vào năm 2008! Donnie Davis nói hăn chính là hung thủ! Davis chính là Turnpike Joe! Hăn đang khai với chúng tôi về thời gian, địa điểm và miêu tả chi tiết. Tất cả đều trùng khớp. Chuyện này... đầu óc tôi như nổ tung!”

“Đầu tôi cũng thế,” Hodges nói, và ông hoàn toàn nghiêm túc. “Xin chúc mừng.”

“Cảm ơn, nhưng tôi có làm gì đâu ngoài việc có mặt sáng nay.” Pete cười khoái trá. “Tôi có cảm giác như vừa trúng số độc đắc Megabucks ấy.”

Hodges thì không thấy thế, nhưng ít nhất thì tấm vé số Megabucks của ông cũng chưa trượt. Ông vẫn còn nguyên một vụ án để giải quyết.

“Tôi phải quay vào đó đây, Billy, trước khi hăn đổi ý.”

“Được rồi, được rồi, nhưng Pete này? Trước khi cậu đi?”

“Gì cơ?”

“Kiếm cho hăn một luật sư do tòa bổ nhiệm.”

“À, Billy...”

“Tôi nghiêm túc đấy. Cứ thăm vấn hăn cho ra bã, nhưng trước khi cậu bắt đầu, hãy thông báo - theo thủ tục - rằng các cậu sẽ tìm cho hăn một luật sư bào chữa. Các cậu có thể vất khô hăn trước khi có ai đó xuất hiện ở Murrow, nhưng các cậu phải làm cho đúng vào. Cậu có nghe tôi nói không?”



“Có, được rồi. Đó là lời khuyên chí lý đấy. Tôi sẽ cho Izzy làm việc đó.”

“Tuyệt. Giờ thì quay vào trong đó đi. Đòi hãn chết gì vào.”

Pete thực sự đang gáy. Hodges từng đọc rằng có những người làm điều đó, nhưng, ông chưa bao giờ nghe thấy trong thực tế - trừ lũ gà trống ra - cho đến lúc này. “Turnpike Joe, Billy! Turnpike Joe chết tiệt! Anh có tin được không?”

Anh ta gác máy trước khi người cựu cộng sự của mình kịp trả lời. Hodges ngôi thừ ra tại chỗ cả năm phút, cho đến khi cơn run rẩy phần khích muôn màng đã dịu đi. Sau đó ông gọi cho Janey Patterson.

“Không phải là về kẻ chúng ta đang săn lùng à?”

“Xin lỗi, không. Một vụ khác.”

“Ôi. Tệ quá.”

“Phải. Cô vẫn đi với tôi đến nhà dưỡng lão chứ?”

“Chắc chắn rồi. Tôi chờ sẵn trên vỉa hè nhé.”

Trước khi rời nhà, ông kiểm tra trang Ô Xanh một lần cuối.

Trên đó không có gì, và ông không có ý định gửi tin nhắn được chế biến kỹ càng của mình đi trong ngày hôm nay. Tối nay là quá sớm. Cứ để con cá vật vã với cái lưỡi câu thêm chút nữa.

Ông rời khỏi nhà mà không hề linh cảm được rằng mình sẽ không trở về.



Sunny Acres đẹp long lanh. Elizabeth Wharton thì không.

Bà lão ngồi trong xe lăn, cùng người trong tư thế làm Hodges liên tưởng đến tác phẩm *Người suy tư* của Rodin. Ánh mặt trời xế chiều chiếu xuyên qua cửa sổ nhuộm tóc bà thành một đám mây bạc mỏng tang như vầng hào quang. Bên ngoài cửa sổ trên một thảm cỏ mềm mại được tĩa tốt hoàn hảo, mấy vị đang ở thời hoàng kim của tuổi cao niên đang chơi một ván bóng vờ khoan thai. Những ngày chơi bóng vờ của bà Wharton đã qua. Cũng giống như những ngày bà có thể đứng lên được.

Lần gần đây nhất Hodges gặp bà - với Pete Huntley cạnh ông và Olivia Trelawn ngồi bên cạnh bà - bà bị uốn cong. Bây giờ bà đã gãy.

Janey, rục rỡ trong quần ống côn màu trắng vào thủy thủ sọc xanh và trắng, quỳ xuống bên cạnh bà, vuốt ve một bàn tay co quắp tệ hại của bà Wharton.

“Hôm nay mẹ thế nào?” cô hỏi. “Trông mẹ khỏe hơn rồi.” Nếu đúng thế thật thì Hodges sợ chết khiếp.

Bà Wharton dăm dăm nhìn con gái với đôi mắt xanh đã mờ đục chẳng thể hiện điều gì, thậm chí cả vẻ ngơ ngác cũng không. Tên Hodges chùng xuống. Ông thích thú với chặng đường lái xe xuống đây cùng Janey, thích thú ngắm nhìn cô, thích thú tìm hiểu thêm về cô, và như thế là tốt. Điều đó có nghĩa là chuyến đi cũng không hoàn toàn unction công.

Và rồi một phép màu nhỏ xuất hiện. Đôi mắt mờ đục của bà lão bỗng trở nên sáng rõ; đôi môi nứt nẻ không tô son bỗng hé ra thành một nụ cười.

“Chào Janey.” Bà chỉ có thể hơi ngẩng đầu lên một chút, nhưng mắt bà đảo sang Hodges. Lúc này chúng trông lạnh tanh. “Craig.”

Nhờ câu chuyện của họ trên đường, Hodges biết đó là ai.

“Đây không phải là Craig đâu mẹ. Đây là một người bạn của con. Ông ấy tên là Bill Hodges. Mẹ đã gặp ông ấy rồi mà.”

“Không, mẹ không nghĩ...” Giọng bà lạc đi - gương mặt cau lại - rồi nói, “Anh là... một trong những viên thanh tra ấy?”

“Vâng, thưa bà.” Ông thậm chí còn không nghĩ đến việc nói với bà lão rằng ông đã nghỉ hưu. Tốt nhất là cứ giữ mọi việc trên một đường thẳng trong lúc vẫn còn một vài mạch nối đang hoạt động trong đầu bà.

Vẻ cau có trên mặt bà hẳn sâu hơn, tạo ra những dòng sông nếp nhăn chẳng chịt. “Các anh nghĩ Livvy bỏ chìa khóa của nó trong xe nên tên kia mới ăn cắp được. Con bé nói đi nói lại với các anh, nhưng các anh không bao giờ tin nó cả.”

Hodges bắt chước Janey, quỳ một đầu gối xuống cạnh chiếc xe lăn. “Bà Wharton. Bây giờ tôi cho là có thể chúng tôi đã lầm về chuyện đó.”

“Tất nhiên là các anh lầm rồi.” Bà hướng ánh mắt trở về với người con gái còn lại của mình, nhướn mắt lên nhìn cô từ phía dưới giá chân mày xương xẩu ấy. Đó là cách duy nhất để bà có thể nhìn. “Craig đâu rồi?”

“Con ly dị anh ta từ năm ngoái rồi mẹ ạ.”

Bà ngẫm nghĩ, rồi nói, “Tổng khứ thứ rác rưởi ấy đi cho rảnh nợ.”

“Con hoàn toàn đồng ý. Bill có thể hỏi mẹ một vài câu được không?”

“Mẹ không thấy có lý do gì để từ chối, nhưng mẹ muốn chút nước cam. Và thuốc giảm đau của mẹ.”

“Con sẽ xuống phòng y tá xem đến giờ chưa,” nàng nói.

“Bill, ông sẽ không sao chứ nếu tôi...?”

Ông gật đầu và búng hai ngón tay ra cử chỉ đi đi. Ngay khi cô vừa đi khỏi cửa, Hodges đứng lên, bỏ qua ghế dành cho khách và ngồi lên giường của Elizabeth Wharton, hai bàn tay đan vào nhau đặt giữa hai đầu gối. Ông có mang theo cuốn sổ, nhưng ông sợ là ghi chép sẽ làm bà sao nhãng. Hai người lặng lẽ thăm dò nhau. Hodges tò mò ngắm vầng hào quang bạc quanh mái đầu bà lão. Có những dấu hiệu cho thấy hộ lý đã chải tóc cho bà

sáng hôm ấy, nhưng từ đó đến giờ mái tóc đã tự nổi loạn theo cách riêng của nó. Hodges thấy vui vui. Căn bệnh vẹo cột sống đã làm cơ thể bà co quắp lại thành một thứ xấu xí, nhưng tóc bà vẫn thật đẹp. Đen rờn và tuyệt đẹp.

“Tôi nghĩ,” ông nói, “chúng tôi đã đối xử với con gái bà thật tồi tệ, thưa bà Wharton.”

Đúng là thế. Cho dù bà T. có là một tông phạm vô tình đi nữa, và Hodges vẫn chưa hoàn toàn loại bỏ khả năng rằng bà ta đã bỏ quên chìa khóa trong ổ, thì những gì ông và Pete đã làm cũng thật thảm hại. Thật dễ dàng - quá dễ dàng - để nghi ngờ hoặc không đếm xỉa đến người mà ta không có cảm tình.

“Chúng tôi bị mờ mắt bởi những thiên kiến nhất định, và tôi lấy làm tiếc về điều đó.”

“Anh đang nói về Janey à? Janey và Craig? Hấn đánh con bé, anh biết đấy. Con bé cố ngăn hấn dùng cái thứ ma túy mà hấn nghiện, thế là hấn đánh con bé. Con bé nói là chỉ có một lần, nhưng tôi tin là nhiều hơn thế.” Bà chậm chạp nâng một bàn tay và gõ gõ vào mũi mình bằng một ngón tay nhọn nhọn.

“Bà mẹ nào mà chẳng biết.”

“Không phải là chuyện về Janey. Tôi đang nói về Olivia.”

“Hấn khiến cho Livvy dừng dùng thuốc. Con bé nói là vì nó không muốn trở thành kẻ nghiện ngập như Craig, nhưng đâu có giống nhau chứ. Con bé cần những viên thuốc ấy.”

“Bà đang nói đến thuốc trầm cảm của bà ấy à?”

“Chúng giúp con bé có thể ra ngoài được.” Bà ngừng lại, nghĩ ngợi. “Còn cả những viên khác nữa, giữ cho con bé khỏi sờ vào đồ vật hết lần này lần khác. Nó có những ý nghĩ lạ lùng, Livvy của tôi, nhưng nó là người tốt, dù thế nào đi nữa. Trong thâm tâm, nó là một người rất tốt.” Bà Wharton bắt đầu khóc.

Có một hộp khăn giấy Kleenex trên tủ đầu giường. Hodges lấy một vài tờ và đưa chúng ra cho bà Wharton, nhưng khi thấy bà lão nắm tay lại khó khăn như thế nào, ông bèn lau nước mắt cho bà.

“Cảm ơn. Vậy tên anh là Hedges à?”

“Hodges, thưa bà.”

“Anh là người tử tế. Người kia thì rất cay nghiệt với Livvy. Nó nói anh ta cười nhạo nó. Lúc nào cũng cười nhạo. Con bé nói nó nhìn thấy điều đó trong mắt anh ta.”

Thật vậy sao? Nếu đúng thế thì ông hồ thẹn thay cho Pete.

Hồ thẹn cho cả chính mình vì đã không nhận ra.

“Ai đã gợi ý để bà ấy thôi không dùng thuốc nữa? Bà có nhớ không?”

Janey đã quay lại với nước cam và một chiếc cốc giấy nhỏ có lẽ là đựng thuốc giảm đau. Hodges liếc nhìn cô qua khóe mắt và dùng hai ngón tay lúc trước ra hiệu cho cô lại tạm lánh đi. Ông không muốn sự chú ý của bà Wharton bị phân tán, cũng không muốn bà uống viên thuốc nào làm xáo trộn ký ức vốn đã lộn xộn sẵn của bà.

Bà Wharton im lặng. Và rồi, đúng lúc Hodges đang sợ rằng bà sẽ không trả lời, bà nói, “Là người bạn qua thư của con bé.”

“Bà ấy gặp hẳn ở Dưới Chiếc Ô Xanh phải không? Chiếc Ô Xanh của Debbie?”

“Con bé chưa bao giờ gặp hẳn. Không gặp trực tiếp.”

“Ý tôi là...”

Chiếc Ô Xanh chỉ là một thứ tưởng tượng.” Từ dưới những vệt lông mày bạc trắng, đôi mắt bà đang gọi Hodges là một tên ngốc không hơn không kém. “Nó là một thứ trong máy tính của con bé. Frankie là bạn qua thư máy tính của con bé.”

Lần nào ông cũng cảm thấy kiểu như có một luồng điện giật ở giữa bụng mình mỗi khi những thông tin mới tinh xuất hiện. Frankie. Chắc chắn không phải tên thật của hẳn, nhưng những cái tên luôn có sức mạnh và tên giả cũng thường có ý nghĩa. Frankie.

“Hẳn đã bảo bà ấy dừng uống thuốc?”

“Đúng thế, hẳn nói thuốc làm hại con bé. Janey đâu rồi? Tôi muốn uống thuốc.”

“Cô ấy quay lại ngay bây giờ đây, tôi dám chắc thế.”

Bà Wharton cụp mắt vào một lúc. “Frankie nói hẳn cũng đã uống các thứ thuốc giống hệt như thế, và đó là lý do tại sao hẳn đã gây ra... điều hẳn đã làm. Hẳn nói hẳn thấy đỡ hơn sau khi dừng thuốc. Hẳn nói sau khi dừng uống thuốc, hẳn biết những gì hẳn làm là sai trái. Nhưng hẳn buồn vì không thể sửa chữa được lỗi lầm của mình. Đó là những gì hẳn nói. Và rằng cuộc sống như vậy không đáng sống chút nào. Tôi bảo Livvy là con bé phải dừng nói chuyện với hẳn. Tôi bảo hẳn là kẻ xấu. Rằng hẳn là con rắn độc. Thế là con bé bảo...” Những giọt nước mắt lại trào ra.

“Con bé bảo là nó phải cứu vớt hẳn.”

Lần này khi Janey bước vào ngưỡng cửa, Hodges gật đầu với cô Janey đặt hai viên thuốc màu xanh vào cái miệng đang há ra chờ đợi của mẹ mình, rồi cho bà uống một ngụm nước cam.

“Cảm ơn con, Livvy.”

Hodges nhìn thấy Janey nhăn mặt, rồi mỉm cười. “Có gì đâu mẹ.” Cô ngoảnh sang Hodges. “Tôi nghĩ là chúng ta nên đi thôi, Bill. Bà mệt lắm rồi.”

Ông có thể thấy điều đó, nhưng vẫn tần ngần không muốn đi. Đó là cảm giác ta vẫn thấy mỗi khi chưa hoàn thành cuộc thăm vấn. Khi mà vẫn còn ít nhất một quả táo nữa lủng lẳng trên cành. “Bà Wharton, Olivia có nói gì nữa về Frankie không? Bởi vì bà nói đúng. Hẳn là người xấu. Tôi muốn tìm ra hẳn để hẳn không hãm hại ai được nữa.”

“Livvy không đòi nào bỏ quên chìa khóa trong xe cả. *Không bao giờ.*” Elizabeth Wharton ngồi gập người trong quăng nắng của mình, một dấu ngoặc đơn hình người trong chiếc áo choàng xanh vải xù, và không nhận ra trên đầu mình có một vầng sáng bạc. Ngón tay lại giơ lên - hăm dọa. Bà nói, “Con chó chúng tôi nuôi dạo ấy không bao giờ nôn ra thảm nữa. Chỉ một lần ấy thôi.”

Janey nắm lấy tay Hodges và ra hiệu bằng miệng, *Đi thôi nào.*

Giang sơn dễ đổi, bản tính khó dời, và Hodges nói lại câu thần chú ngày xưa trong lúc Janey cúi xuống hôn lên má và sau đó là khoe miệng khô khốc của mẹ mình. “Cảm ơn bà đã dành thời gian, bà Wharton. Bà đã giúp tôi rất nhiều.”

Khi họ ra đến cửa, bà Wharton nói rành rọt. “Con bé chắc chắn không đời nào tự tử nếu không vì những bóng ma ấy.”

Hodges quay người lại. Bên cạnh ông, Janey Patterson trợn tròn mắt.

“Bóng ma nào cơ, bà Wharton?”

“Một là đứa bé,” bà nói. “Con bé tội nghiệp bị giết trong vụ thảm sát. Livvy nghe thấy tiếng đứa bé vào ban đêm, khóc mãi không thôi. Nó nói tên đứa bé là Patricia.”

“Trong nhà bà ấy à? Olivia nghe thấy tiếng khóc đó trong nhà bà ấy à?”

Elizabeth Wharton cố gạt đầu thật khế, chỉ là một thoáng cảm hơi nghiêng xuống. “Và thỉnh thoảng cả người mẹ nữa. Con bé nói người mẹ hay oán trách nó.”

Bà ngược lên nhìn họ từ thân hình còng gập trên xe lăn.

“Cô ta thường hét, ‘Sao lại để hãm giết con tôi?’ Đó là lý do Livvy tự tử.”



Đó là chiều thứ Sáu và đường phố ngoại ô náo nhiệt toàn lũ trẻ vừa tan trường. Không có nhiều trẻ con lăm trên đường Harper, nhưng cũng có vài đứa, và điều đó cho Brady một lý do hoàn hảo để chạy xe tà tà qua số 63 và nhòm vào cửa sổ. Có điều hẳn chẳng thấy gì, vì rèm cửa đã che kín. Và phần mái chìa ra bên trái ngôi nhà trống trơn, chỉ có mỗi cái máy xén cỏ. Thay vì ngồi trong nhà xem ti vi, nơi lão thuộc về, lão thanh tra về vườn đang đi lượn lờ trong chiếc Toyota cà tàng của lão.

Lượn lờ ở đâu nhỉ? Có lẽ cũng chẳng quan trọng, nhưng sự vắng mặt của Hodges khiến Brady thấy bứt rứt một cách mơ hồ.

Hai cô bé con tung tăng bước đến vệ đường, tay nắm chặt tiền. Chắc hẳn chúng đã được dạy, cả ở nhà và ở trường, không bao giờ được lại gần người lạ, nhất là đàn ông lạ, nhưng Mr. Tastey tốt bụng thì có xa lạ gì đâu chứ?

Hắn bán cho mỗi đứa một chiếc kem ốc quế, một vị sô cô la và một vị vang. Hắn đùa với chúng, hỏi chúng sao mà lại xinh xắn vậy. Chúng cười như nắc nẻ. Sự thật là một đứa xấu xí và đứa kia còn tệ hơn. Vừa phục vụ chúng và trả tiền thừa, hắn vừa nghĩ đến chiếc Corolla mất tích, bản khoản không hiểu sự thay đổi trong chu kỳ hoạt động mỗi buổi chiều của Hodges có liên quan gì đến hắn không. Một tin nhắn khác của Hodges trên Chiếc Ô Xanh có thể hé lộ điều gì đó, cho hắn một ý tưởng về những gì ấp ủ trong đầu lão cớm về vườn lúc này.

Dù không phải vậy, Brady vẫn muốn có câu trả lời từ lão.



“Mày không dám phớt lờ tao đâu,” hắn nói trong tiếng chuông leng keng ngân nga trên đầu.

Hắn băng qua phố Hanover, đỗ xe trong sân khu mua sắm, tắt động cơ (ơn Chúa là tiếng chuông ngân nga cũng tắt lịm), và lôi chiếc laptop dưới ghế ngồi ra. Hắn để nó trong một chiếc túi cách nhiệt vì chiếc xe thùng lúc nào cũng lạnh chết mẹ. Hắn bật máy tính và truy cập vào trang Chiếc ô Xanh của Debbie qua sóng Wifi của hàng cà phê bên cạnh.

Không có gì.

“Đồ khốn kiếp,” Brady lầm bầm. “Mày không dám phớt lờ tao đâu, đồ khốn kiếp.”

Trong lúc nhét chiếc laptop vào trong túi, hắn nhìn thấy hai thằng nhóc đang đứng ngoài hàng truyện tranh, nói chuyện rồi nhìn hắn và nhả nhở cười cợt. Với nhiều năm kinh nghiệm của mình, Brady đoán chúng là học sinh lớp sáu hay bảy gì đó với tổng IQ là một trăm hai mươi và một tương lai vời vợi sưu tập séc trợ cấp thất nghiệp. Hoặc một tương lai ngăn ngùi một đất nước sa mạc.

Chúng lại gần, thằng trông có vẻ dần hơn đi trước. Miệng mỉm cười, Brady thò đầu ra cửa sổ. “Giúp gì được các chàng trai đây?”

“Chúng cháu muốn biết chú có Jerry Garcia trong đó không,” thằng Đần nói.

“Không,” Brady nói, ngoác miệng hết cỡ ra mà mỉm cười.

“Nhưng nếu có thì chú sẽ thả ông ấy ra ngay.”

Nhìn chúng tỏ vẻ thất vọng đến là lố bịch, khiến Brady suýt cười phá lên. Thay vào đó, hắn chỉ tay xuống quần thằng Đần. “Chưa kéo khóa quần kìa,” hắn nói, và khi thằng Đần nhìn xuống, Brady búng một ngón tay vào chỗ thịt mềm mềm dưới cằm nó. Hơi mạnh so với ý định của hắn - thật ra là mạnh hơn rất nhiều - nhưng việc đéch gì.

“Ăn quả lừa nhé,” Brady hí hửng nói.

Thằng Đần cười để chứng tỏ là phải, nó đã bị cho ăn quả lừa, nhưng có một vết bầm đỏ ngay phía trên cục yết hầu và những giọt nước mắt ngỡ ngàng dâng bên trong mắt.

Thằng Đần và thằng Không Đến Nỗi Đần bỏ đi. Thằng Đần ngoảnh đầu nhìn lại qua vai nó. Mũi dưới của nó xỉ xuống và lúc này nhìn nó giống một đứa lớp ba chứ không phải một đứa sắp dậy thì đến tháng Chín là quậy phá tanh bành các hội trường ở trường cấp hai Beal.

“Đau quá,” nó bàng hoàng nói.

Brady phát điên với chính mình. Một cái búng tay mạnh đến nỗi làm thằng oắt con phải ứa nước mắt nghĩa là nó đang nói thật. Nó cũng có nghĩa là thằng Đần và thằng Không Đến Nỗi Đần sẽ nhớ hẳn. Brady có thể xin lỗi, thậm chí còn có thể mời chúng ăn kem miễn phí để bày tỏ sự chân thành, nhưng như thế thì chúng sẽ nhớ điều đó. Đó là việc nhỏ, nhưng những việc nhỏ sẽ tích lại và rồi có thể sẽ có chuyện to.

“Xin lỗi,” hẳn nói, hoàn toàn chân thành. “Chú chỉ định đùa thôi, con trai.”

Thằng Đần giơ ngón tay thối về phía hẳn, và thằng Không Đến Nỗi Đần cũng giơ ngón tay giữa lên thể hiện tinh thần đoàn kết. Chúng đi vào cửa hàng truyện tranh, nơi mà - nếu Brady hiểu những thằng nhóc loại này, mà hẳn thì hiểu rất rõ - chúng sẽ được mời hoặc là mua hoặc là cuốn xéo sau năm phút lượn lờ.

Chúng sẽ nhớ hẳn. Thằng Đần có khi còn kể với bố mẹ, và bố mẹ nó biết đâu sẽ khiếu nại với Loeb's. Khả năng này thì nhỏ thôi nhưng không phải là không có, và đó là lỗi của ai khi hẳn búng vào cái cổ hờ hênh của thằng Đần một cái đủ mạnh để thành vết bầm, thay vì chỉ là một cái búng yêu như hẳn dự định lúc đầu? Lão cớm về vườn đã làm Brady rối trí. Lão đang khiến hẳn làm lộn tung phèo mọi thứ, và Brady không hề thích như thế.

Hẳn khởi động xe kem. Những chiếc chuông lại leng keng một giai điệu phát ra từ cái loa trên nóc. Brady rẽ trái vào phố Hanover và tiếp tục lộ trình hằng ngày, bán kem ốc quế và kem que Happy Boy và Pola Bar, phát tán đường cả buổi chiều và tuân thủ tất cả các biển hạn chế tốc độ.



Mặc dù có rất nhiều chỗ đỗ xe trên đại lộ Lake sau bảy giờ tối - như bà Olivia Trelawney từng biết rõ - nhưng tầm năm giờ chiều, khi Hodges và Janey Patterson quay trở về từ Sunny Acres thì chỉ còn rất ít và cách xa nhau. Tuy vậy Hodges vẫn tìm được một chỗ cách đó ba bốn tòa nhà về cuối phố, và mặc dù khoảng trống rất hẹp (cái xe phía sau đỗ hơi dè lên một chút), ông vẫn đánh được chiếc Toyota vào nhanh chóng và dễ dàng.

“Tôi phục lăn đấy,” Janey nói. “Tôi thì không tài nào làm được. Tôi bị trượt bằng lái xe vì lỗi đỗ song song hai lần thi đầu tiên đấy.”

“Chắc tại cô gặp tay giám khảo răn quá.”

Cô mỉm cười. “Lần thứ ba tôi mặc váy ngắn, và thế là có tác dụng ngay.”

Trong đầu thầm nghĩ ông sẽ thích thú thế nào khi được ngắm cô mặc váy ngắn - càng ngắn càng tốt, Hodges nói, “Thực sự chẳng có bí quyết gì cao siêu cả. Chỉ cần cô lùi về phía vệ đường theo góc bốn mươi lăm độ, thì không thể nào lùi sai được. Trừ phi xe của cô quá to thôi. Một chiếc Toyota là hoàn hảo để lùi đỗ trong thành phố. Chứ không như một chiếc...” Ông ngừng lại.

“Không như một chiếc Mercedes,” cô nói nốt. “Lên nhà uống cà phê nhé, Bill. Để tôi nạp tiền vào máy đếm giờ luôn cho.”

“Để tôi nạp cho. Thực ra tôi sẽ nạp tối đa luôn. Chúng ta có nhiều thứ phải bàn bạc.”

“Ông phát hiện được gì chỗ mẹ tôi phải không? Đó là lý do ông lạng lè thế suốt cả đường về.”

“Đúng là có, và tôi sẽ cho cô biết, nhưng câu chuyện không phải bắt đầu như thế.” Lúc này ông đang nhìn thẳng vào mặt cô và đó là một khuôn mặt thật dễ nhìn biết mấy. Lạy Chúa, ông ước giá như mình trẻ lại mười lăm tuổi. Thậm chí là mười.

“Tôi cần phải thành thật với cô. Tôi nghĩ cô có cảm giác rằng tôi đến đây tìm việc, mà sự thật thì không phải như vậy.”

“Không,” cô nói. “Tôi nghĩ ông đến vì ông thấy day dứt về những gì đã xảy ra với chị tôi. Tôi chỉ việc lợi dụng ông thôi. Tôi cũng không hề lấy làm tiếc. Ông đã rất tốt với mẹ tôi. Nhẹ nhàng. Rất... rất dịu dàng.”

Cô ở gần, mắt cô màu xanh thẫm hơn trong ánh chiều và mở rất to. Môi cô hé mở như thể vẫn còn nhiều điều cần nói, nhưng ông không cho cô cơ hội. Ông hôn cô trước khi ông kịp nghĩ đó là một việc ngu ngốc đến chừng nào, liều lĩnh đến chừng nào, và ngỡ ngàng khi cô hôn đáp lại, thậm chí còn đặt bàn tay phải vào sau gáy ông để cơ thể họ tiếp xúc chặt hơn chút nữa. Tất cả diễn ra trong vòng không quá năm giây, nhưng dường như còn dài hơn thế rất nhiều đối với Hodges, ông chưa hề có một nụ hôn như thế này đã khá lâu rồi.

Cô dứt ra, lùa một bàn tay qua tóc ông, và nói, “Em đã muốn làm điều đó suốt cả chiều nay. Giờ thì lên nhà nào. Em sẽ pha cà phê còn anh sẽ soạn báo cáo của mình.”

Nhưng chẳng có bản báo cáo nào cho đến mãi rất lâu sau đó, và chẳng có cà phê gì cả.



Ông lại hôn cô trong thang máy. Lần này hai tay cô đan lại sau gáy ông, còn tay ông đi xuống qua phần đáy lưng cô tới cái quần trắng, mềm mại ôm khít hông cô. Ông cảm nhận rõ cái bụng quá bự của mình đang ép chặt vào phần bụng thon thả của cô và nghĩ bụng chắc hẳn cô phải chết khiếp vì nó, nhưng khi cửa thang máy mở ra, hai má Janey đỏ bừng, mắt cô sáng long lanh, và cô đang khoe hàm răng nhỏ nhắn trắng tinh trong một nụ cười. Cô cầm tay ông và kéo ông qua gian sảnh ngăn giữa thang máy và cửa căn hộ.

“Nhanh lên,” cô nói. “Nhanh lên nào, chúng ta sẽ làm chuyện này, nhanh lên nào, trước khi một trong hai chúng ta sợ quá mà đổi ý.”

Sẽ không phải là anh đâu, Hodges nghĩ. Mọi bộ phận trên người ông đều ấm sực.

Thoạt đầu cô không thể mở cửa vì bàn tay cầm chìa khóa đang run lấy bầy. Cô bật cười. Ông nắm ngón tay mình lại đè lên tay cô, và họ cùng nhau đẩy cái chìa khóa Schlage vào ổ.

Căn hộ mà ông lần đầu tiên gặp chị gái và mẹ của người phụ nữ này hơi nhập nhoạng, vì mặt trời đã ngả qua phía bên kia của tòa nhà. Mặt hồ đã tối thẫm lại thành một màu cô ban đêm đến nỗi gần như là tím biếc. Không có thuyền buồm, nhưng ông nhìn thấy một chiếc tàu chở hàng...

“Nhanh nào,” cô nhắc lạ “Nhanh nào, Bill, đừng buông em ra lúc này.”

Và rồi họ ở trong phòng ngủ. Ông không biết đó là phòng của Janey hay phòng Olivia vẫn dùng trong những lần bà ta ngủ lại các tối thứ Năm,

và ông không quan tâm. Cuộc sống vài tháng vừa qua - ti vi buổi chiều, bữa tối trong lò vi sóng, khẩu ố xoay Smith & Wesson của bố ông - bỗng trở nên mơ hồ như thể chúng thuộc về một nhân vật tưởng tượng trong một bộ phận nước ngoài tẻ ngắt.

Cô cố lột chiếc áo sọc thủy thủ qua đầu và nó bị mắc vào cái cặp tóc. Cô bật lên một tiếng cười bực bội, hậm hực. “Giúp em xử lý cái của chết tiệt này với, anh làm ơn...”

Ông lướt tay dọc hai bên phần thân mịn màng của cô - Janey khẽ giật nảy người khi ông chạm tay lần đầu tiên - và luồn vào dưới chiếc áo đã lộn trái. Ông kéo sợi vải ra và nâng lên. Đầu cô bật thoát ra. Cô bật cười giữa những hơi thở gấp gáp hỗn hển. Áo lót của cô là loại cotton trắng tinh. Ông ôm quàng lấy eo cô và hôn vào giữa hai bầu ngực trong lúc cô tháo thắt lưng cởi tuột cúc quần ông. Ông nghĩ bụng, mình mà biết chuyện thế này còn có thể xảy ra vào giai đoạn này trong đời, hẳn là mình đã trở lại phòng gym rồi.

“Tại sao...” ông mở lời.

“Ôi, im ngay.” Cô luồn một bàn tay xuống phía trước người ông, dùng lòng bàn tay đẩy tung khóa quần. Quần ông tụt xuống quanh đôi giày giữa tiếng tiền xu lách cách. “Để màn tâm sự lại sau đi.” Cô túm chặt lấy phần cứng ngắc của ông qua lớp quần lót và vịn nó như một cái cần số, khiến ông há hốc miệng. “Khởi đầu thế này là tốt đây. Đừng có ỉu xìu với em đây, Bill, thách anh đấy.”

Họ đổ rạp xuống giường, Hodges vẫn còn một chiếc quần đùi, Janey thì mặc quần lót vải cotton trắng giống như cái áo lót. Ông cố lật cô nằm ngửa ra, nhưng cô cưỡng lại.

“Anh sẽ không được lên trên đâu,” cô nói. “Anh mà lên cơn đau tim lúc mình đang yêu nhau, anh sẽ đè bẹp em mất.”

“Nếu anh mà lên cơn đau tim lúc ấy, anh sẽ là kẻ đáng thất vọng nhất từng lia bỏ thế gian này.”

“Năm yên. Cứ năm yên nào.”

Janey móc hai ngón tay cái vào bên trong quần đùi của ông. Trong lúc ấy ông khum tay đỡ lấy hai bầu ngực đang thả xuống của cô.

“Nhấc chân lên nào. Và cứ bện rộn tiếp đi. Dùng ngón tay cái một chút, em thích thế.”

Ông chấp hành cả hai mệnh lệnh ấy mà không có rắc rối gì; trước giờ ông vẫn là người có khả năng đa nhiệm.

Một lát sau cô cúi xuống nhìn ông, một lọn tóc của cô lòa xòa rủ che một bên mắt. Cô chìa môi dưới ra và thổi hất nó lên như cũ. Năm yên nào. Cứ để em xử lý cho. Và cố chịu nhé.

“Em không muốn là người quá quắt đâu, nhưng hai năm rồi em chưa làm chuyện này, và lần gần nhất thì tồi tệ vô cùng. Em muốn tận hưởng. Em xứng đáng được thế.”

Cảm giác ấm ấm ẩm ướt và chặt khít của cô trùm quanh ông trong một cái ôm ấm áp, và ông không sao tìm được phải ưỡn hông lên.

“Năm yên, em bảo rồi. Lần sau thì cho anh tha hồ, nhưng lần này là của em.” Thật khó khăn, nhưng ông làm như cô nói.

Tóc cô lại xòa tung che mắt, và lần này cô không thể nào dùng môi dưới để thổi nó lại vì cô còn đang bặm chặt môi khiến ông nghĩ sau đó thế nào cô cũng thấy đau. Cô xòe cả hai bàn tay và miết chúng thật mạnh qua đám lông đã ngả màu xám trên ngực ông, rồi chà xuống cái bụng căng phồng của ông.

“Anh cần... giảm cân một chút,” ông thở hỗn hển.

“Anh cần cân miệng lại,” cô nói, rồi chuyển động người chỉ một chút - và nhắm nghiền mắt lại. “Ôi Chúa ơi, sâu quá. Và thật tuyệt. Anh có thể nghĩ về chương trình ăn kiêng sau, được chứ?” Cô lại bắt đầu chuyển động, tạm ngưng lại một lần để điều chỉnh góc độ, rồi ổn định thành nhịp đều.

“Anh không biết liệu anh có thể... được bao lâu...”

“Anh phải cố.” Mắt cô vẫn nhắm nghiền. “Anh phải cố cho lâu vào, Thanh tra Hodges. Hãy đếm các số nguyên tố. Nghĩ đến những cuốn sách anh thích hồi anh còn bé. Hãy đánh vắn ngược từ xylophone. Cố chờ em nào. Em không cần lâu đâu.”

Ông trụ lại với cô vừa đủ lâu.



**T**ình thoảng mỗi khi cảm thấy ức chế, Brady Hartsfield lại lặp lại hành trình đi đến chiến thắng vĩ đại nhất của hănh. Nó làm hănh dụi lại. Tối thứ Sáu này hănh không về nhà sau khi trả xe kem và buông vài câu tán tỉnh bắt buộc với Shilley Orton văn phòng. Thay vào đó, hănh lái chiếc xe cà khố của mình vào trung tâm, không thích thú gì với phần đầu xe long sòng sọc và tiếng động cơ nổ pành pành inh ỏi. Chẳng mấy nữa hănh sẽ phải cân nhắc giữa chi phí cho một chiếc xe mới (một chiếc xe đã qua sử dụng còn mới và chi phí sửa chữa. Và chiếc Honda của mẹ hănh thậm chí còn cần sửa chữa bức thiết hơn cả chiếc Subaru của hănh. Nói thế không có nghĩa là dạo này bà ta thường xuyên lái chiếc Honda, mà thế là tốt, nếu như xét đến khoảng thời gian bà ta dành cho việc say xỉn.

Hành trình của hănh trên Con đường Ký ức bắt đầu từ đại lộ Lake, chỉ qua những ánh đèn rực rỡ của khu trung tâm một chút, đó là nơi bà Trelawney luôn đậu chiếc Mercedes của mình các tối thứ Năm, rồi men theo phố Marlborough tới City Center. Chỉ có điều tối nay hănh không đi qua khu căn hộ. Hănh phanh gấp đến nỗi xe phía sau suýt nữa thúc vào đuôi xe hănh.

Tay tài xế nhấn một hồi còi dài giận dữ, nhưng Brady không hề đếm xỉa. Nghe chẳng khác gì một tiếng còi tàu trong sương mù mạn bên kia hồ.

Tay tài xế đánh xe vòng qua hănh, hạ kính bên ghế lái phụ xuống và quát *Đồ khốn kiếp* đến khản cả giọng. Brady vẫn chẳng thèm để ý gì.

Chắc phải có đến hàng nghìn chiếc Toyota Corolla trong thành phố, và hàng trăm chiếc Toyota Corolla xanh, nhưng có bao nhiêu chiếc Toyota



Corolla xanh dán decal HÃY HỖ TRỢ CẢNH SÁT NƠI BẠN SỐNG? Brady dám đánh cá rằng chỉ có một, và lão cớm béo về vườn đang làm cái quái gì ở căn hộ cao cấp của cụ già vậy? Người đang sống ở đó là em gái bà Trelawney, sao lão lại đến gặp cô ta?

Câu trả lời dường như đã hiển nhiên. Thanh tra Hodges (đã nghỉ hưu) đang đi săn.

Brady không còn hứng thú gì với việc tận hưởng đại chiến tích của năm ngoái. Hắn làm một cú quay đầu 180 độ trái phép (và hoàn toàn trái với cung cách xưa nay), và hướng về khu North Side. Hắn lao về nhà với một ý nghĩ duy nhất đang nhấp nháy loang loáng như tấm biển hiệu bằng đèn neon trong đầu.

Đồ khốn kiếp. Đồ khốn kiếp. Đồ khốn kiếp.

Mọi chuyện đang không diễn ra như dự định. Mọi chuyện đang vượt ra khỏi tầm kiểm soát của hắn. Như thế là không ổn rồi.

Cần phải làm gì đó.



**K**hi những ngôi sao hiện ra ngoài hồ, HODGES VÀ JANEY PATTERSON ngồi trong góc bếp, ngón ngấu đồ ăn Trung Quốc mua về và uống trà ô long. Janey mặc áo choàng tắm vải bông xù màu trắng. Hodges mặc quần đùi và áo phông. Lúc ông vào nhà vệ sinh sau khi họ làm tình (cô nằm cuộn tròn người giữa giường, lơ mơ ngủ), ông đứng lên chiếc cân của cô và sung sướng nhận thấy mình đã nhẹ hơn được hai cân so với lần cân trước. Khởi đầu vậy được rồi.

“Tại sao lại là anh?” Hodges hỏi. “Đừng hiểu nhầm ý anh, anh thấy may mắn không thể tin nổi - thậm chí là như được Chúa ban phước - nhưng anh sáu mươi hai rồi mà lại còn béo nữa.”

Cô nhấm nháp trà. “Ừm, hãy nghĩ về chuyện này xem thế nào nhé? Trong những bộ phim thám tử hồi xưa mà Ollie và em vẫn xem trên ti vi khi tụi em còn bé, em sẽ là cô ả tham lam quỷ quyệt, có thể là một em bán thuốc lá hộp đêm đang tìm cách quyến rũ nhà thám tử tư xù xì và đa nghi bằng thân thể trắng nõn ngon lành của mình. Chỉ có điều em không phải người tham lam - em cũng chẳng cần phải tham làm gì, thực tế là em vừa thừa kế cả mấy triệu đô - và thân thể trắng nõn ngon lành của em cũng đã bắt đầu xập xệ ở mấy chỗ quan trọng. Như có lẽ anh đã nhận thấy.”

Ông không hề. Điều ông nhận thấy là cô chưa hề trả lời câu hỏi của mình. Vì vậy ông chờ đợi.

“Không thỏa đáng à?”

“Không.”

Janey nướnng mắt lên. “Giá mà em có thể nghĩ ra đượcc cách trả lời anh dịu dàng hơn là câu ‘Đàn ông ngu lắmm’ hoặc tinh tế hơn ‘Lúc đó em thềm đàn ông và muốn dọn dẹp mấy cái mạng nhện’. Em chẳng nghĩ ra đượcc nhiều hơn, nên cứ tạm vừa lòng với mấy câu đó vậy. Hơn nữa, em bị anh hớp hồn. Đã ba mươi năm từ hồi em còn là con bé non tơ chưa biết mùi đời và đã quá lâu rồi từ lần cuối cùng em làm tình. Em đã bốn mươi tư, và điều đó cho phép em giành lấy những gì em muốn. Không phải lúc nào em cũng giành đượcc, nhưng em đượcc phép thử.”

Ông tròn mắt nhìn cô, thật lòng ngỡ ngàng. Bốn mươi tư. Cô phá lên cười. “Anh biết không? Đó là lời khen dễ chịu nhất mà em nhận đượcc từ lâu, lâu lắm rồi. Và còn là lời khen chân thành nhất nữa. Chỉ cần tròn mắt thế thôi. Vậy nên em sẽ đẩy thêm một chút. Lúc trước anh nghĩ là em bao nhiêu tuổi?”

“Có thể là bốn mươi. Căn cứ vào vẻ bề ngoài. Như thế thì đúng thật anh là trâu già gặm cỏ non.”

“Ôi, vợ vắnn. Nếu anh mà là người có tiền chứ không phải em, tất cả mọi người hẳn sẽ coi chuyện chắnn gái trẻ là đương nhiên. Trong trường hợp đó, người ta sẽ xem đó là chuyện đương nhiên nếu anh ngủ với một em hai mươi lắmm tuổi.” Cô ngừng lại. “Mặcc dù thế sẽ là già chơi trống bỏi, theo quan điểmm mạo muội của em.”

“Nhưng...”

“Anh già thật, nhưng không già đến mức ấy, và anh cũng có nặng cân, nhưng không nặng đến mức ấy. Mặcc dù nếu tiếp tục cung cách này thì sớm muộn anh cũng thừa cân thật.” Cô trở chiếc nĩa của mình vào ông. “Đó là sự thành thật mà người phụ nữ chỉ có thể bày tỏ sau khi cô ấy lên giường với một người đàn ông và vẫn còn thích anh ta đủ để cùng ăn tối. Em đã nói hai năm nay em không làm chuyện ấy. Đó là sự thật, nhưng anh có biết lần cuối cùng em làm tình với một người đàn ông mà em thực sự thích là bao giờ không?”

Ông lắc đầu.

“Từ hồi học dự bị đại học. Mà cậu ấy thậm chí còn chưa phải đàn ông, cậu ấy chỉ là hậu vệ dự bị trong đội bóng bầu dục với một cái mụn trứng cá

to đùng ở chóp mũi. Nhưng cậu ấy rất ngọt ngào. Vụng về và quá chóng vánh, nhưng ngọt ngào. Sau đó cậu ấy còn khóc trên vai em nữa chứ.”

“Vậy chuyện này không chỉ là... anh không biết...”

“Một cú chích trả ơn? Một màn thương hại? Anh phải ghi nhận chút công sức của em chứ. Và em hứa thế này nhé.” Cô nhào người về phía trước, vạt áo choàng hé ra để lộ thung lũng thăm thẳm giữa hai bầu ngực. “Hãy giảm khoảng mười cân và em sẽ liều để anh ở trên.”

Ông không nhin được cười.

“Vừa rồi thật tuyệt, Bill. Em không hối hận chút nào, và sở thích của em là những anh chàng to xác. Chàng hậu vệ có mụn trứng cá trên mũi cũng nặng khoảng tạ hai. Chồng cũ của em thì lẻo khoẻo như cái que, và lẽ ra em phải biết từ lần đầu tiên gặp anh ta rằng sẽ chẳng nên cơm cháo gì cả. Chúng ta dừng ở đây được chưa?”

“Ừ.”

“Ừ,” cô nói, mỉm cười, và đứng dậy. “Vào phòng khách thôi nào. Đến lúc anh trình bày bản báo cáo của mình rồi đấy.”



Ông kể cho cô biết mọi thứ chỉ trừ những buổi chiều dài lê thê mà ông xem những chương trình ti vi tồi tệ và mân mê khẩu ố xoay của cha ông hỏi tại ngũ. Cô chăm chú nghe, không ngắt lời, mắt cô hầu như không rời khỏi gương mặt ông. Khi ông đã xong, cô lấy một chai vang trong tủ lạnh và rót cho mỗi người một ly. Đó là những chiếc ly lớn, và ông nhìn ly của mình với ánh mắt ngờ vực.

“Không biết anh có nên uống không, Janey. Anh còn lái xe mà.”

“Tôi nay thì không có lái gì hết. Anh ở lại đây. Trừ phi anh có chó hay mèo gì đó?”

Hodges lắc đầu.

“Thậm chí một con vẹt cũng không à? Trong các bộ phim thời xưa ấy, ít nhất anh cũng phải có lấy một con vẹt ở văn phòng để nó chuyên nói những câu tục tĩu với các thân chủ tiềm năng chứ.”

“Chắc chắn rồi. Và em sẽ là nhân viên lễ tân của anh. Lola thay vì Janey.”

“Hoặc không thì Velma.”

Ông cười. Có một bước sóng chung và họ đang cùng ở trên đỉnh sóng.

Cô nhào người về phía trước, một lần nữa lại tạo ra cảnh tượng khêu gợi ấy. “Hãy khái quát chân dung tên này cho em.”

“Đó chưa bao giờ là việc của anh. Bọn anh có những người chuyên về lĩnh vực đó. Một người trong biên chế lực lượng và hai cộng tác viên khoa tâm lý thuộc Đại học Tổng hợp Bang.”

“Thì anh cứ làm xem. Em Google anh rồi, anh biết không, và theo như em thấy thì có vẻ anh chính là người giỏi nhất mà sở cảnh sát có được. Bảng thành tích ngập đến ngang hông.”

“Anh gặp may một vài lần.”

Nói ra thì có vẻ như khiêm tốn giả tạo, nhưng vận may thực sự là một phần quan trọng của công việc này. Vận may, và việc luôn sẵn sàng. Woody Allen nói đúng: tám mươi phần trăm thành công đơn giản chỉ là có mặt ở đúng chỗ.

“Thì cứ thử xem nào, được chứ? Nếu anh làm tốt, có thể chúng ta sẽ lại ghé thăm phòng ngủ.” Cô chun mũi về phía ông. “Trừ phi anh đã quá già cho tặng hai.”

Với những gì ông thấy lúc này, có lẽ ông cũng chẳng đến nỗi quá già cho cả tặng ba. Đã có vô số điểm chay tịnh, khiến ông có một tài khoản để tha hồ mà rút. Hoặc ít ra thì ông cũng hy vọng là thế. Một phần trong ông - một phần lớn - vẫn không thể tin được rằng đây không phải là một giấc mơ chi tiết đến bàng hoàng.

Ông nhắm nháp rượu vang, đảo nó qua lại trong miệng, giúp ông có thêm thời gian để suy nghĩ. Vạt trên áo choàng của cô lại khép vào khiến ông tập trung hơn.

“Được rồi. Có lẽ hẳn còn trẻ, đó là điều đầu tiên. Anh đoán là khoảng từ hai mươi đến ba mươi lăm. Một phần là vì khả năng thành thạo máy tính của hẳn, mặc dù không hoàn toàn. Khi một kẻ nhiều tuổi hơn sát hại cả một đồng người, đối tượng chủ yếu hẳn nhằm vào là gia đình, đồng nghiệp, hoặc cả hai. Sau đó hẳn kết thúc bằng cách kê khẩu súng vào chính đầu mình. Em tìm kiếm, em sẽ tìm được lý do ngay. Một động cơ. Cô vợ đá hẳn ra ngoài, rồi hẳn lại nhận được lệnh cách ly. Sếp đuổi việc hẳn, rồi lại còn sỉ nhục hẳn bằng cách cử hai gã bảo vệ đứng kè kè bên trong lúc hẳn thu dọn phòng làm việc. Nợ nần quá hạn. Thẻ tín dụng quá định mức. Nhà ngập nước. Xe bị tịch biên.”

“Vậy còn những tên giết người hàng loạt thì sao? Chẳng phải tên hung thủ ở Kansas là một trung niên đầy thôi?”

“Dennis Rader, đúng thế. Và hắn ở tuổi trung niên khi người ta tóm được hắn, nhưng cũng chỉ khoảng ba mươi khi hắn bắt đầu. Hơn nữa, đó là những vụ giết người liên quan đến tình dục. Tên Sát nhân Mercedes không phải là kẻ giết người vì tình dục, và hắn cũng không phải một tên giết người hàng loạt theo nghĩa truyền thống. Hắn bắt đầu với một đám người, nhưng từ đó đến giờ thì hắn lại tập trung vào cá nhân - đầu tiên là chị gái em, giờ thì là anh. Và hắn cũng không hề đuổi theo ai với một khẩu súng hay một chiếc xe ăn cắp, đúng không?”

“Dù gì cũng là chưa thôi,” Janey nói.

“Hung thủ của chúng ta là một dạng lai ghép, nhưng hắn có các điểm tương đồng nhất định với những tên giết người trẻ tuổi. Hắn giống với Lee Malvo - một trong những tên bắn tỉa Beltway - hơn là Rader. Malvo và đồng bọn lên kế hoạch giết sáu người da trắng một ngày. Chỉ là ngẫu nhiên. Bất kỳ ai đen đủi lọt vào tầm ngắm của chúng là bị bắn hạ. Giới tính và tuổi tác không quan trọng. Cuối cùng chúng giết mười người, không phải là thang điểm thấp đối với hai kẻ giết người điên loạn. Động cơ được đưa ra là sắc tộc, và với John Allen Muhammad - hắn là đồng bọn của Malvo, già hơn rất nhiều, một dạng hình tượng người cha - thì điều đó có thể là đúng, hoặc đúng một phần. Anh nghĩ động cơ của Malvo phức tạp hơn rất nhiều, cả một mớ rối rắm mà bản thân hắn cũng không hiểu nổi. Hãy xem xét thật kỹ lưỡng và có lẽ em sẽ thấy sự hoang mang về tình dục và nền tảng giáo dục là những nhân tố chính. Anh nghĩ hung thủ của chúng ta cũng thế. Hắn còn trẻ. Hắn thông minh. Hắn giỏi hòa nhập, giỏi đến mức nhiều người xung quanh không nhận ra rằng hắn là một kẻ cô đơn. Khi hắn bị bắt, tất cả họ đều nói, ‘Tôi thật không thể nào tin nổi lại xảy ra cơ sự này, trước giờ anh ta vẫn tử tế lắm mà’.”

“Giống Dexter Morgan trong phim truyền hình ấy.”

Hodges biết bộ phim cô đang nói đến và lắc đầu một cách dứt khoát. Không chỉ vì bộ phim đó chẳng qua cũng là một trò nhảm nhí tưởng tượng.

“Dexter biết tại sao hắn lại làm những chuyện đó. Hung thủ của chúng ta thì không. Gần như chắc chắn là hắn chưa kết hôn. Hắn cũng không hẹn hò. Có thể hắn bị bắt lực. Nhiều khả năng là hắn vẫn còn sống ở nhà với gia

đình. Nếu vậy thì có lẽ là với bố hoặc mẹ. Nếu là bố thì quan hệ sẽ lạnh lùng và xa cách - như những con tàu đi qua nhau trong đêm. Nếu là mẹ thì có khả năng gã Mercedes sẽ là người chồng thay thế của bà ta.”

Ông nhận ra cô đang định lên tiếng nên đã giơ tay lên. “Điều đó không có nghĩa là họ có quan hệ tình dục.”

“Có thể là không, nhưng để em kể cho anh nghe điều này, Bill ạ. Không nhất thiết phải ngủ với một người đàn ông thì mới gọi là có quan hệ tình dục với anh ta. Đôi khi chỉ là ánh mắt, hoặc quần áo mà ta mặc khi biết có anh ta ở bên, hoặc những gì ta làm với đôi bàn tay - sờ soạng, đụng chạm, vuốt ve, ôm ấp. Chắc chắn phải có yếu tố tình dục ở đâu đó trong chuyện này. Ý em là, bức thư mà hấn gửi cho anh... chi tiết về việc đeo bao cao su khi hấn gậy án...” Cô rùng mình trong chiếc áo choàng trắng.

“Chín mươi phần trăm bức thư đó là thông tin gây nhiễu, nhưng chắc chắn rồi, tình dục có dính dáng đâu đó trong vụ này. Bao giờ cũng thế. Ngoài ra còn có sự tức giận, cuồng nộ, nổi cô đơn, cảm giác thua kém... nhưng sa đà quá vào những thứ như vậy chẳng giải quyết được gì. Đó không phải là xây dựng chân dung mà là phân tích. Điều đó đi quá xa khỏi lĩnh vực chuyên môn của anh ngay cả thời anh vẫn còn có lĩnh vực chuyên môn.”

“Được rồi.”

“Hấn vỡ vụn,” Hodges nói một cách vắn tắt. “Và độc địa. Giống như một quả táo nhìn bề ngoài thì không sao, nhưng khi bổ ra thì đen sì và đầy sâu.”

“Độc địa,” cô nói, gần như thở dài. Rồi, tiếp tục nói với chính mình hơn là với ông, “Tất nhiên hấn là vậy rồi. Hấn hút chặt lấy chị em như một con ma cà rồng.”

“Hấn có thể sở hữu một công việc mà ở đó hấn tiếp xúc với công chúng, vì bề ngoài hấn có sức quyến rũ đáng kể. Nếu đúng thế thì có lẽ công việc ấy khá bèo bọt. Hấn không bao giờ thăng tiến được vì hấn không thể kết hợp được trí thông minh trên trung bình của mình với sự tập trung dài hạn. Hành động của hấn cho thấy tên này là một sinh vật bốc đồng và manh động. Vụ giết người ở City Center là một ví dụ hoàn hảo. Anh nghĩ



hắn đã để mắt đến chiếc Mercedes của chị em, nhưng anh không cho rằng hắn biết trước mình sẽ thực sự làm gì với nó cho tới một vài ngày trước hội chợ việc làm. Có khi chỉ vài tiếng. Giá mà anh tìm ra được cách hắn đã lấy cắp chiếc xe như thế nào.”

Ông ngừng lại, trầm nghĩ, nhờ Jerome, ông đã hình dung tương đối rõ về một nửa vấn đề: nhiều khả năng chiếc chìa khóa dự phòng đã nằm trong hộc đựng đồ ngay từ đầu.

“Anh cho rằng những ý nghĩ giết người loang loáng xuất hiện trong đầu tên này cũng nhanh như những quân bài được tráo trong tay một người chia bài sành sỏi. Có lẽ hắn cũng đã nghĩ đến việc cho nổ tung máy bay, phóng hỏa, xả súng vào xe buýt đưa đón học sinh, đầu độc hệ thống cấp nước, có thể là làm sát thống đốc hoặc tổng thống.”

“Lạy Chúa, Bill.”

“Ngay lúc này hắn đang nhắm vào anh, và như vậy thì tốt. Nó sẽ khiến hắn dễ bị bắt hơn. Còn tốt vì một lý do khác nữa.”

“Là gì?”

“Anh muốn giữ cho hắn suy nghĩ nhỏ thôi. Giữ cho hắn nghĩ kiểu một chọi một. Hắn càng làm thế lâu bao nhiêu, thì càng kéo dài bấy nhiêu khoảng thời gian trước khi hắn lại quyết định thử thực hiện một trò kinh dị khác giống như vụ City Center, có khi còn ở quy mô hoành tráng hơn. Em biết điều gì khiến anh phải rùng mình không? Có lẽ hắn đã có sẵn một danh sách các mục tiêu tiềm năng rồi cũng nên.”

“Không phải hắn nói trong thư rằng hắn không có thôi thúc phải ra tay lần nữa sao?”

Ông cười. Cả khuôn mặt ông bừng sáng lên. “Ừ, hắn có nói. Và em có biết cách để phát hiện khi nào những kẻ thế này đang nói dối không? Môi bọn chúng mấp máy. Chỉ có điều trong trường hợp của gã Mercedes này thì hắn lại viết thư.”

“Hoặc giao tiếp với các mục tiêu trên trang Chiếc Ô Xanh. Giống như hắn làm với Ollie.”

“Ừ.”

“Nếu cho là hẳn đã thành công với chị ấy vì tâm lý chị ấy mong manh... thứ lỗi cho em, Bill, nhưng sao hẳn lại có lý do để tin là hẳn sẽ thành công với anh?”

Ông chăm chú nhìn ly rượu vang của mình và nhận ra nó đã cạn. Ông đã định tự rót cho mình một nửa ly khác, rồi chợt nghĩ việc đó có thể tác động thế nào đến cơ hội của mình cho một cuộc tái chiến thành công trong phòng ngủ, vậy nên đành vừa lòng với một chút dính đáy ly.

“Bill?”

“Có thể”, ông nói. “Từ hồi nghỉ hưu đến giờ, anh vẫn hay lơ đãng thế. Nhưng không đến mức rồi bời như chị em...” Ít nhất thì cũng không còn thế nữa. “... và đó không phải là điều quan trọng. Điều mấu chốt không phải ở trong những bức thư, hay những tin nhắn qua lại trên Chiếc Ô Xanh.”

“Vậy thì là gì?”

“Hẳn vẫn luôn theo dõi. Đó chính là điểm mấu chốt. Điều đó là điểm yếu của hẳn. Không may nó cũng khiến hẳn trở nên nguy hiểm vì hẳn biết những người liên quan đến anh. Anh không nghĩ hẳn biết anh đã nói chuyện với em...”

“Còn hơn cả nói chuyện nhiều ấy chứ,” cô vừa nói vừa hấp háy cặp chân mày theo kiểu danh hài Groucho.

“... nhưng hẳn biết Olivia có một người em gái, và chúng ta phải mặc định rằng hẳn biết em đang ở trong thành phố. Em cần phải bắt đầu cực kỳ thận trọng. Hãy bảo đảm là cửa luôn khóa khi em ở đây...”

“Lúc nào em cũng khóa mà.”

“... và đừng tin những gì em nghe thấy qua intercom dưới sảnh. Bất kỳ ai cũng có thể nói anh ta là người của công ty chuyển phát nhanh và cần có chữ ký. Hãy xác định bằng mắt tất cả những người đến đây trước khi mở cửa. Hãy quan sát xung quanh khi em ra ngoài.” Ông cúi người về trước, chỗ rượu vang vẫn còn nguyên. Ông không còn muốn nó nữa. “Điểm quan trọng đây, Janey. Khi em ra ngoài, hãy để mắt đến dòng xe cộ. Không chỉ khi lái xe mà cả khi em đi bộ. Em có biết thuật ngữ BOLO không?”

“Ngôn ngữ cảnh sát thay cho hãy luôn cảnh giác.”

“Chính xác. Khi em ra ngoài, em sẽ phải BOLO với bất kỳ phương tiện nào có dấu hiệu xuất hiện đi xuất hiện lại xung quanh mình.”

“Giống như những chiếc SUV đen của bà già ấy,” cô nói và mỉm cười. “Bà Tên-gì-ấy-nhì.”

Bà Melbourne. Ý nghĩ về bà Melbourne lại gợi lên chút liên tưởng ngờ ngợ mơ hồ nào đó sâu thẳm trong tâm trí Hodges, nhưng nó vụt biến mất trước khi ông kịp lần ra, chưa nói gì đến chuyện đào sâu vào.

Jerome cũng cần phải cảnh giác. Nếu tên Sát nhân Mercedes đang lượn lờ quanh nơi ở của Hodges, chắc hẳn đã thấy Jerome cắt cỏ, lấp lại rèm, dọn dẹp cống rãnh. Cả Jerome và Janey có lẽ đều an toàn, nhưng có lẽ thôi thì chưa yên tâm được. Tên Sát nhân Mercedes là một mẫu hung thủ giết người vô tội vạ, và Hodges đã bắt tay vào một hành trình khiêu khích đầy chủ đích.

Janey đọc được suy nghĩ của ông. “VẬY mà anh đang... anh gọi là gì ấy nhỉ? Lên đây cót hẳn.”

“Ừ. Và lát nữa thôi anh sẽ ăn cắp một chút thời gian trên máy tính của em và lên đây hẳn thêm chút nữa. Anh đã soạn sẵn ra một tin nhắn rồi, nhưng anh đang nghĩ đến việc bổ sung chút gì đó. Hôm nay cộng sự của anh đã giải quyết được một vụ lớn và có cách để anh tận dụng điều đó.”

“Là gì vậy?”

Chẳng có lý do gì mà không nói cho cô biết; tất cả sẽ xuất hiện trên các báo ngày mai, chậm nhất là Chủ nhật. “Turnpike Joe.”

“Tên giết phụ nữ ở các điểm dừng chân ấy à?” Và khi ông gật đầu: “Hẳn có khớp với chân dung anh dựng về tên Sát nhân Mercedes không?”

“Hoàn toàn không. Nhưng chẳng có lý do gì để cho hung thủ của chúng ta biết điều đó cả.”

“VẬY anh định làm gì?”

Hodges trình bày cho cô nghe.



Họ không phải chờ đến số báo sáng hôm sau; thông tin về Donald Davis, vốn đã bị tình nghi sẵn vì tội giết vợ, đã thú nhận các vụ giết người có liên quan đến Turnpike Joe đứng đầu bản tin mười một giờ tối. Hodges và Janey xem tin đó trên giường. Đối với Hodges, cuộc tái chiến thật là kiệt sức nhưng cũng mỹ mãn vô cùng. Ông vẫn đang thờ đốc, khắp người đầm đìa mồ hôi và cần phải đi tắm, nhưng đã lâu, lâu lắm rồi ông mới lại thấy hạnh phúc như thế này. Trọn vẹn như thế này.

Khi người dẫn chương trình chuyển sang một chú cún bị kẹt trong ống thoát nước, Janey lấy điều khiển tắt ti vi.

“Được rồi. Cách đó có thể hiệu quả. Nhưng lạ Chúa, liều lĩnh quá.”

Ông nhún vai. “Khi chẳng thể trông cậy vào nguồn lực nào của cảnh sát, anh thấy đó là cách tốt nhất.” Và như vậy ông càng thấy ổn hơn, vì đó là cách mà ông muốn tiến hành. Ông thoáng nghĩ đến thứ vũ khí thô sơ nhưng cực kỳ hiệu quả mà ông cất trong ngăn kéo tủ quần áo, chiếc tất họa tiết quả trám nhồi bi sắt. Ông hình dung xem mình sẽ mãi nguyện đến nhường nào khi được sử dụng cái Happy Slapper với thằng chó đê đã tông cả một trong những chiếc sedan nặng nhất thế giới vào đám đông người không có khả năng tự vệ. Điều đó có lẽ sẽ không xảy ra, nhưng vẫn có khả năng. Trên cái thế gian tuyệt vời (và tồi tệ) nhất trong mọi cõi này, hầu hết mọi chuyện đều thế cả.

“Anh nghĩ sao về điều mẹ em nói lúc cuối cùng? Chuyện Olivia nghe thấy ma ấy?”

“Anh cần nghĩ thêm một chút,” Hodges nói, nhưng ông đã nghĩ về vấn đề đó rồi, và nếu ông không nhầm, ông có thể có thêm một manh mối khác dẫn tới tên Sát nhân Mercedes.

Nếu được lựa chọn thì ông sẽ chẳng để Jerome Robinson dính dáng vào vụ này nữa, nhưng nếu muốn lần theo manh mối lúc chia tay của bà Wharton, có lẽ ông sẽ buộc phải làm thế. Ông biết cả nửa tá cảnh sát thành thạo máy tính như Jerome, nhưng chẳng thể gọi được lấy một người.

Những con ma, ông nghĩ. Những con ma trong máy tính.

Ông ngồi dậy và quăng chân xuống sàn nhà. “Nếu anh vẫn được mời ở lại, điều anh cần làm ngay lúc này là đi tắm.”

“Được chứ.” Janey sán lại và hít hà người bên cổ ông, tay cô hơi siết vào phần trên cánh tay ông khiến ông rùng mình sung sướng. “Và chắc chắn là anh cần.”

Khi đã tắm xong và quay lại trong chiếc quần đùi, ông bảo cô bật máy tính lên. Sau đó, ông vào trang Chiếc Ô Xanh của Debbie và để lại một tin nhắn cho merckill trong khi cô ngồi bên cạnh, nhìn chăm chú. Mười lăm phút sau, ông ngủ, Janey Patterson nằm nép sát vào ông... và chưa bao giờ ông ngủ ngon lành đến thế từ bé đến giờ.



**K**hi Brady về đến nhà sau mấy tiếng lòng vòng không mục đích thì đã muộn và có một tờ giấy trên cửa sau: *Con đi đâu vậy cưng? Có món lasagna mẹ tự làm ở trong lò nhé.* Hắn chỉ cần nhìn qua những con chữ xiên xẹo, nguệch ngoạc là biết khi viết chúng bà ta đã say lắm rồi. Hắn lật mảnh giấy rồi lách người vào trong.

Thường thì hắn sẽ kiểm tra bà ta trước tiên, nhưng hắn ngửi thấy mùi khói và hộc tốc lao vào bếp, một màn khói xanh đang lơ lửng trong không khí. Ổn Chúa là thiết bị báo cháy ở đây đã chết (hắn cứ định thay rồi lại quên khuấy mất, có quá nhiều thứ phải làm). Một phần cũng là nhờ cái quạt lò cực khỏe đã hút bớt kha khá khói để ngăn những thiết bị báo cháy còn lại kích hoạt, dù chẳng mấy chốc nữa chúng sẽ hoạt động nếu hắn không lùa hết khói khỏi chỗ này. Lò nướng đặt ở mức ba trăm năm mươi độ. Hắn tắt nó đi. Hắn mở cửa sổ phía trên bồn rửa, rồi cả cửa sau nữa. Có một chiếc quạt sàn trong tủ kho nơi mẹ con hắn cất đồ lau dọn. Hắn đặt nó hướng về phía chiếc lò nướng quá lửa, và bật mức cao nhất.

Xong xuôi đâu đấy hắn mới vào phòng khách và kiểm tra mẹ mình. Bà ta nằm say bí tỉ trên sofa, mặc chiếc áo choàng ở nhà mở phanh phía trên còn phía dưới phủ xuống hai đùi, bà ta ngáy to và đều đến mức nghe như một chiếc cửa máy đang chạy không. Hắn đảo mắt đi chỗ khác và quay trở vào bếp, miệng không ngừng lầm bầm rửa mẹ-kiếp-mẹ kiếp-mẹ-kiếp-mẹ-kiếp.

Hắn ngồi gục đầu bàn, hai bàn tay trùm lấy thái dương, những ngón tay lùa sâu vào trong tóc. Tại sao khi mọi chuyện bung bét, chúng lại cứ

phải bung bét một lèo như thế. Hấn chợt nhận ra mình đang nghĩ đến câu châm ngôn: “Họa vô đơn chí”.

Sau năm phút quạt thoáng, Brady đánh liều mở lò ra. Khi nhìn cái đồng thù lù đen sì nghi ngút khói bên trong, cảm giác đói ngấu mà có lẽ hấn đã cảm thấy khi mới về nhà vụt biến mất. Rửa ráy không thể nào làm sạch được cái chảo đó; một giờ kì cọ và cả hộp miếng rửa bát Brillo cũng không thể nào làm sạch cái chảo đó; tia laser công nghiệp chắc cũng không làm sạch nổi. Coi như vứt đi. Cũng may là hấn không về nhà và thấy sở cứu hỏa khốn kiếp đã có mặt và mẹ hấn thì đang mời mọc họ vodka collins.

Hấn đóng cửa lò - hấn không muốn nhìn cái thứ chất thải hạt nhân ấy - và quay vào nhìn mẹ hấn. Trong lúc cặp mắt đang đảo lên đảo xuống dọc cặp chân trần của bà ta, hấn vẫn thầm nghĩ, giá bà ta chết đi có phải tốt hơn không. Tốt hơn cho bà ta và cho mình nữa.

Hấn xuống hầm, dùng giọng nói ra lệnh bật điện và máy tính. Hấn vào máy Số Ba, chỉnh con trỏ chuột vào giữa biểu tượng Ô Xanh... và lưỡng lự. Không phải hấn sợ không có tin nhắn nào từ lão cớm béo về vườn mà là vì hấn sợ rằng sẽ có.

Nếu có thì đó sẽ không phải là thứ hấn muốn đọc. Cơ sự đã thành ra thế này rồi. Đầu óc hấn đã rối tung sẵn rồi, tại sao phải làm nó rối tung thêm nữa?

Trừ phi biết đâu lại có lời đáp cho câu hỏi lão đang làm gì ở tòa chung cư trên đại lộ Lake. Chẳng lẽ lão đang thăm vấn em gái Olivia Trelawney? Có lẽ. Sáu mươi hai tuổi rồi, chắc chắn không có chuyện lão đang chén cô ta được.

Brady nhấp chuột, và đương nhiên rồi:

*Kermitfrog19 muốn trò chuyện với bạn!*

*Bạn có muốn trò chuyện với kermitfrog19 không?*

C - K

Brady chỉnh con trỏ vào K và lấy đầu ngón tay trỏ mân mê xoay trên con chuột. Hấn tự thách mình nhấp chuột và chấm dứt chuyện này ngay ở đây và ngay bây giờ. Hiển nhiên là hấn sẽ không thể dụ được lão cớm béo

tự tử như đã làm với bà Trelawney, vậy có sao lại không buông? Chẳng phải đó là cách khôn ngoan sao?

Nhưng hẳn phải biết.

Quan trọng hơn, không thể để lão thanh tra nghi hừ thẳng trận này được.

Hắn chỉnh con trỏ sang nút C, nhấp chuột, và tin nhắn - lần này là một tin nhắn khá dài - hiện lên trên màn hình.

*Nếu không phải vẫn là cái thẳng bạn nhận vợ nhà mày thì tao đã chẳng thèm trả lời, cái loại như mày một xu có mà mua cả tá, nhưng như mày chỉ ra, tao nghỉ hưu rồi và thậm chí là nói chuyện với một thẳng điên cũng còn tốt hơn là với tiến sĩ Phil và những chương trình quảng cáo trá hình lúc đêm muộn. Chỉ một show OXICLEAN 30 phút nữa thôi là tao sẽ điên không kém gì mày, HAAAAHA. Hơn nữa tao phải cảm ơn mày vì đã giới thiệu tao đến trang này, chứ không tao cũng chẳng thể nào tìm ra được. Tao đã kết bạn được với ba người (không hề điên). Trong đó có một quý bà nói năng tục tĩu hay ra trò!!! Vì vậy OK, “bạn” của tao, để tao thông nã cho mày.*

*Thứ nhất, ai xem CSI cũng đều có thể luận ra rằng tên Sát nhân Mercedes đã mang bao tóc lưới và dùng thuốc tẩy trên mặt nạ hề. Ý tao là, HIẾU CHỮA?*

*Thứ hai, nếu mày thực sự là kẻ đã trộm chiếc Mercedes của bà Trelawney, thì lẽ ra mày đã phải đề cập đến chiếc chìa valet<sup>[42]</sup>. Đó là thứ mày không thể nào nghĩ ra được bằng cách xem CSI. Vì vậy, thôi thì đành lặp lại lần nữa vậy, HIẾU CHỮA?*

*Thứ ba (tao hy vọng mày đang ghi chép), hôm nay tao nhận được điện thoại của cộng sự cũ. Anh ta đã tóm được một kẻ xấu, một kẻ thú tội THẬT. Xem tin tức đi, bạn của tao, và hãy đoán xem tên này sắp thú nhận những gì nữa trong khoảng tuần sau gì đó. Chúc một đêm ngon giấc và nhân tiện đây, tại sao mày không đi quấy rầy ai đó khác với những điều huyền tưởng của mày hả?*



Brady nhớ mang máng một nhân vật hoạt hình - có lẽ là Foghorn Leghorn, con gà trống to bự nói giọng miền Nam - có cái tật nổi điên đến nổi đầu tiên là cái cổ rồi đến cái đầu nó biến thành một cái nhiệt kế với nhiệt độ cứ tăng vùn vụt từ NUỚNG đến RANG rồi đến BUNG. Brady gần như cảm thấy điều đó đang xảy ra với mình khi hắn đọc tin nhắn ngạo mạn, trịch thượng và sỉ nhục ấy.

Chìa khóa valet?

Chìa khóa valet?

“Mày đang nói đến chuyện gì vậy hả?” hắn nói, giọng hắn nửa như tiếng thì thầm nửa như tiếng gầm gừ. “Mày đang nói đến chuyện chết tiệt gì vậy hả?”

Hắn đứng bật dậy và hồi hả sai bước loanh quanh thành những vòng loạng choạng trên đôi chân chệch choạc như đi cà kheo, vò đầu bứt tóc mạnh đến ứa nước mắt. Mẹ hắn cũng bị quên luôn. Món lasagna cháy đen cũng bị quên luôn. Tất cả mọi thứ đều bị quên phắt chỉ trừ cái tin nhắn đáng căm ghét này.

Lão thậm chí còn khốn nạn đến mức chèn vào một hình mặt cười!

Một hình mặt cười!

Brady đá tung chiếc ghế, ngón chân đau điếng còn ghế thì lăn lông bốc văng qua phòng, đập vào tường. Rồi hắn quay người và chạy trở lại máy tính Số Ba, còng người tại trước chiếc máy tính như một con kèn kèn. Thôi thúc đầu tiên của hắn là trả lời ngay lập tức, gọi lão cóm khốn kiếp là một kẻ dối trá, một thằng ngu chớm mắc bệnh Alzheimer béo quá, một lão điếm đực ve vãn cả thằng mọi con trong sân của mình. Sau đó chút lý trí còn rơi rớt trong hắn - mong manh và run lẩy bẩy cũng tập hợp và trấn tĩnh lại. Hắn buông tóc ra và vào trang web của tờ báo thành phố. Hắn thậm chí còn chẳng cần nhấp chuột vào mục TIN NÓNG mới có thể nhận ra Hodges đang vênh váo nói đến chuyện gì; nó ở ngay trên trang nhất của số báo ngày mai.

Brady theo dõi mảng tin tội phạm địa phương rất thường xuyên, và biết rõ cả tên của Donald Davis cũng như những đường nét đẹp như tạc của hắn. Hắn biết lũ cóm đã sẵn lòng Davis vì tội giết vợ, và Brady hoàn toàn

chẳng nghi ngờ gì việc tên kia đã gây tội đó. Giờ thì thằng ngu đó đã thú tội, nhưng không chỉ là tội giết cô ta. Theo như bài báo, Davis cũng đã nhận tội hiếp-giết năm phụ nữ khác. Nói tóm lại, hẳn đang tự nhận mình chính là Turnpike Joe.

Thoạt đầu Brady còn chưa liên hệ được chuyện này với tin nhắn trích thượng của lão còm béo về vườn. Và rồi nó ập đến với hẳn trong cơn choáng váng khiến hẳn bưng tỉnh: nhân lúc đang trong tâm trạng muốn dốc sạch tội lỗi, Donnie Davis cũng có ý đồ thú nhận hẳn đã gây ra vụ Thảm sát City Center. Khéo hẳn còn làm thế rồi cũng nên.

Brady quay cuồng như một tu sĩ Hồi giáo dòng Mevlevi một, hai, rồi ba vòng. Đầu hẳn như nứt toác. Mạch hẳn nện thành thạch trong lồng ngực, trong cổ, trong thái dương. Hẳn thậm chí còn cảm thấy nó cả trong lợi và lưỡi.

Chẳng lẽ Davis đã nói gì đó về chìa khóa valet? Đó là lý do dẫn đến chuyện này?

“Chẳng có chìa khóa valet nào hết,” Brady nói... chỉ có điều làm sao hẳn có thể chắc chắn về điều đó đây? Nhờ nếu có thì sao nào? Và nếu có thì... nếu họ gán chuyện này cho Donald Davis và cướp mất chiến công hoành tráng của Brady Hartsfield... sau những hiểm nguy mà hẳn đã trải qua....

Hẳn không thể kiềm chế được nữa. Hẳn lại ngồi xuống trước máy Số Ba và viết tin nhắn cho kermittfrog19. Chỉ là một tin nhắn ngắn, nhưng tay hẳn run lẩy bẩy đến nỗi phải mất đến năm phút mới xong. Hẳn gửi nó đi ngay sau khi hoàn thành, không thèm cả đọc lại.

*MÀY TOÀN NÓI LẶNG NHẶNG ĐỒ KHỐN KIẾP. OK là chiếc chìa khóa không có trong ố nhưng nó không phải là CHÌA KHÓA VALET. Nó là chìa dự phòng trong hộc đựng đồ và việc tao đã mở khốe chiếc xe như thế nào LÀ ĐỂ DÀNH CHO MÀY TÌM RA ĐẤY. ĐỒ CHÓ CHẾT.*

*Donald Davis không phải là kẻ gây ra vụ án này. Tao nhắc lại, DONALD DAVIUS KHÔNG PHẢI LÀ KẺ GÂY RA VỤ ÁN NÀY. Nếu mày nói với mọi người rằng hẳn là thủ phạm thì tao sẽ giết mày mặt dù cũn khó có thể gọi là giết một khi mày đã tàn tạ như thế này rồi.*

*Ký tên,*

*Sát nhân Mercedes THỰC THỤ*

*TB: Mẹ mày là một con điếm dâm dăng và đồi trụy.*

Brady tắt máy tính và đi lên nhà, để mặc mẹ hắn nằm ngáy trên ghế thay vì giúp bà ta vào giường. Hắn uống ba viên aspirin, rồi thêm viên thứ tư, và nằm vào giường của mình, mắt mở trừng trừng còn người run bần bật, cho đến khi ánh bình minh đầu tiên hiện lên từ phía Đông. Cuối cùng hắn cũng thiếp đi được hai tiếng đồng hồ, một giấc ngủ chập chờn đầy mộng mị và vật vã.



Sáng thứ Bảy, Hodges đang làm món trứng bác thì Janey bước vào bếp trong chiếc áo choàng trắng, tóc cô ướt vì vừa tắm xong. Với mái tóc được chải ngược ra sau khỏi khuôn mặt, nhìn cô trẻ trung hơn bao giờ hết. Ông lại trầm nghĩ, *Bốn mươi tư?*

“Anh đã cố tìm thịt xông khói, nhưng không thấy. Tất nhiên, có thể là nó vẫn còn ở đó. Vợ cũ của anh khẳng định đại đa số đàn ông Mỹ bị mắc bệnh Mùa Tụ lạnh. Anh không biết là có đường dây tư vấn nào cho căn bệnh đó không.” Cô chỉ tay vào bụng ông.

“OK,” ông nói. Và rồi, vì cô có vẻ thích nghe, “Ừ.”

“Và nhân tiện, mức cholesterol của anh thế nào?”

Ông mỉm cười và nói, “Bánh mì nướng nhé? Ngũ cốc nguyên hạt nhé. Mà có lẽ em biết rồi, vì em mua cơ mà.”

“Một lát thôi. Không bơ, chỉ một chút muối thôi nhé. Hôm nay anh định làm gì?”

“Chưa biết.” Mặc dù ông đang nghĩ mình muốn kiểm tra lại với Radney Peeples ở Sugar Heights nếu anh ta đang trực và vẫn còn làm cho Vigilant. Và ông cần nói chuyện với Jerome về máy tính. Cứ gọi là chân trời mênh mông rộng mở.

“Anh kiểm tra trang Chiếc Ô Xanh chưa?”

“Anh muốn làm bữa sáng cho em trước đã. Và cho anh.” Thật vậy. Thực sự đúng là lúc thức giấc ông chỉ muốn cho cơ thể mình được ăn thay vì cố nhồi một cái lỗ hồng vào đầu. “Hơn nữa anh cũng không biết mặt khẩu của em.”

“Janey.”

“Muốn lời khuyên của anh chứ? Hãy đổi đi. Thực ra đó là lời khuyên của thằng nhóc làm việc cho anh.”

“Jerome, đúng không?”

“Chính là cậu ta đấy.”

Ông đã làm cả nửa tá tràng và họ ăn hết sạch, chia đôi đều chần chặn. Trong đầu ông đã nảy ra ý nghĩ hỏi cô có hối tiếc gì về đêm rồi không, nhưng lại quyết định rằng cách cô giải quyết bữa sáng cũng đã trả lời cho câu hỏi đó rồi.

Cho đĩa vào bồn rửa xong, họ đến chỗ máy tính và ngồi lặng yên trong gần bốn phút, đọc đi rồi đọc lại tin nhắn mới nhất của merckill.

“Trời đất quỷ thần ơi,” cuối cùng cô lên tiếng. “Anh muốn lên dây cót cho hãn, và theo em thì bây giờ hãn đang căng hết cỡ rồi. Anh có thấy những cái lỗi đấy không?” Cô chỉ ra các lỗi học đưng đồ và mở khóa. “Liệu đó có phải là một phần cách - anh gọi đó là gì nhỉ? - che giấu văn phong của hãn?”

“Anh không nghĩ thế.” Hodges đang nhìn vào từ cũn và mỉm cười. Ông không thể nhìn được cười. Con cá đang vật vã với chiếc lưỡi câu, và nó đã móc vào sâu. Đau đớn. Bỏng rát.

“Anh nghĩ đó là kiểu gõ văn bản khi ta ở trong trạng thái điên giện cùng cực. Điều hãn không thể nào ngờ được là hãn lại có vấn đề về độ tin cậy. Nó khiến hãn phát điên.”

“Hơn nữa,” cô nói.

“Sao cơ?”

“Điên hơn nữa. Gửi cho hãn một tin nhắn nữa đi Bill. Chọc hãn mạnh nữa vào. Cho đáng đời hãn.”

“Được rồi.” Ông ngẫm nghĩ, rồi gõ.



**K**hi ông thay quần áo xong, cô bước dọc hành lang cùng với ông và thường cho ông một nụ hôn lưu luyến ở thang máy.

“Anh vẫn không thể nào tin nổi là đã có đêm qua,” ông nói.

“Ôi, có mà. Và nếu anh làm ăn đâu ra đấy, có thể sẽ còn nữa.” Cô sẫm soi khuôn mặt ông với đôi mắt màu xanh ấy. “Nhưng không hứa hẹn hay cam kết lâu dài gì, được chứ? Cứ để nó tự nhiên thôi. Ngày nào biết ngày đó.”

“Ở tuổi mình bây giờ, anh để tất cả mọi chuyện theo cách đó,” Cửa thang máy mở ra. Ông bước vào.

“Giữ liên lạc nhé, chàng cao bồi.”

“Anh sẽ làm thế.” Cửa thang máy bắt đầu đóng vào. Ông lấy tay chặn chúng lại. “Và nhớ phải BOLO đấy, cô nàng cao bồi.”

Cô trịnh trọng gật đầu, nhưng ông vẫn nhận ra nét đùa cợt lấp lánh trong mắt cô. “Janey sẽ BOLO đến trọ mộng cho mà xem.”

“Nhớ cầm điện thoại di động bên mình, và có lẽ khôn ngoan nhất là cài số khẩn cấp 911 trên danh sách quay số nhanh.”

Ông bỏ tay xuống. Cô trao cho ông một nụ hôn gió. Cánh cửa đóng sập vào trước khi ông kịp hôn đáp lại.

Chiếc Toyota vẫn ở nơi ông bỏ nó lại, nhưng chắc hẳn đã hết hạn gửi xe tính giờ trước khi đến lúc được đỗ xe miễn phí, vì có một chiếc vé phạt cài lại bên dưới cần gạt kính. Ông mở hộc đựng đồ, nhét tờ vé phạt vào trong, và lấy điện thoại ra.

Ông giới đưa ra cho Janey lời khuyên mà bản thân ông không làm được - từ hồi rửa tay gác kiếm, lần nào ông cũng quên bém chiếc Nokia chết tiệt, vốn cũng đã cổ lỗ sĩ lắm rồi. Với lại, dạo này hầu như cũng chẳng có ma nào gọi cho ông, nhưng sáng nay ông có ba tin nhắn, tất cả là của Jerome. Tin nhắn số hai và số ba - một tin lúc chín giờ bốn mươi đêm qua, tin kia lúc mười giờ bốn mươi - đều là những lời gặng hỏi sốt ruột xem ông đang ở đâu và tại sao ông không gọi điện. Đó là giọng điệu bình thường của Jerome. Tin nhắn đầu tiên, gửi đến lúc sáu rưỡi tối hôm qua, bắt đầu bằng cái giọng hưng phấn của Tyrone Feelgood Delight.

*“Ngày Hodges, ngày đang ở đâu. Cháo cần lói chuyện với ngày ngay!”*, Rồi cậu ta lại trở lại làm Jerome. *“Cháu nghĩ là cháu biết hẳn đã làm thế nào rồi. Hẳn đã đánh cắp chiếc xe bằng cách nào. Gọi cho cháu nhé.”*

Hodges nhìn đồng hồ và quyết định rằng có lẽ Jerome vẫn chưa dậy, sáng thứ Bảy thì dậy sao được. Ông quyết định lái xe tới đó tiện đường ghé qua nhà mình lấy cuốn sổ ghi chép. Ông bật radio lên, đúng lúc Bob Seger đang hát bài “Old Tim Rock and Roll,” và ông ổng hát theo: lấy đồng đĩa cũ ấy ra khỏi giá nào.



Cái ngày xưa ngày xưa đơn giản ấy, trước khi có các phần mềm, iPad, Samsung Galaxy và mạng 4G nhanh bốc khói, dịp cuối tuần là quãng thời gian bận rộn nhất tại Discount Electronix.

Giờ thì lũ trẻ trước kia vẫn tới đây mua đĩa CD đang tải Vampire Weekend từ ITUNES, trong khi phụ huynh của chúng lướt eBay hoặc xem những chương trình ti vi mà họ đã bỏ lỡ trên Hulu.

Sáng thứ Bảy này, chi nhánh DE ở Birch Hill Mall là một vùng đất chết.

Tones đang ở phía đằng trước, cố gắng bán cho một bà già cái ti vi HD đã là đồ cổ. Freddi Linklatter ở ngoài sân sau, miệt mài rít Marlboro Red và có lẽ đang tập đưa bài phát biểu đấu tranh quyền đồng tính mới nhất của cô ta. Brady đang ngồi trước một chiếc máy tính ở hàng sau, một chiếc Vizio cổ lỗ sĩ mà hắn đã cài đặt để không lưu giữ lại dấu vết bàn phím, chứ đừng nói gì đến lịch sử truy cập. Hắn đang đăm đăm nhìn tin nhắn mới nhất của Hodges. Một con mắt, bên trái, của hắn đã giật giật liên tục.

*Thôi ngay cái trò xúc phạm đến mẹ tao, được chứ? Việc mà bị phanh phui giữa một đống những lời dối trá ngu xuẩn đâu phải lỗi của bà ấy. Vậy là mà đã lấy một chiếc chìa khóa ở học dựng đồ? Nói hay lắm, vì Olivia Trelawney còn giữ nguyên cả hai cái. Cái bị mất là chìa valet. Bà ấy để nó trong một chiếc hộp nam châm nhỏ bên dưới. Chắc chắn tên Sát nhân Mercedes THỰC THỤ đã lần ra nó.*

*Tao nghĩ viết cho mà y thế này là đủ lắm rồi, đồ điên. Chỉ số Hài hước của mà y hiện đang dao động ở mức 0, và tao có cơ sở để khẳng định rằng*



*Donald Davis sẽ thú nhận vụ giết người ở City Center. Thế thì còn chỗ nào cho mày?*

*Tao đoán vẫn là tiếp tục sống cuộc đời bèo bọt chán ngắt tầm thường của mày thôi.*

*Một điều nữa trước khi tao chết lại cái trò thư từ qua lại quyến rũ này. Mày dọa sẽ giết tao. Đó là tội hình sự đấy, nhưng biết gì không? Tao đếch quan tâm. Anh bạn ạ, mày cũng chỉ là một thằng chó chết vứt đi thôi.*

*Internet đầy những thể loại như mày. Có muốn đến nhà tao (tao biết là mày biết tao sống ở đâu) và trực tiếp thực hiện lời đe dọa đó không? Không à? Tao cũng đã nghĩ vậy. Để tao khép lại với hai từ thật đơn giản đến mức một thằng đầu đất như mày cũng có thể hiểu nổi chúng.*

*Đi đi.*

Cơn giận của Brady dữ dội đến nỗi hần thấy đông cứng ngay tại chỗ. Vậy mà hần còn đang cháy bừng bừng nữa. Hần nghĩ mình sẽ ở nguyên tư thế này, gù lưng trước cái máy Vizio đồng nát được rao khuyến mại một cách lỗ bịch với giá tám mươi bảy đô la tám mươi bảy xu, cho đến khi chết vì bỏng lạnh hoặc là nổ tanh bành khói lửa hoặc bằng cách nào đó đồng thời chết vì cả hai lý do trên.

Nhưng khi một cái bóng hiện lên tường, Brady nhận ra cuối cùng thì hần vẫn nhúc nhích được. Hần nhấp chuột thoát khỏi tin nhắn của lão cớm ngay trước khi Freddi sà tới để soi vào màn hình. “Cậu đang xem gì thế, Brades? Dù nó là cái gì thì cậu cũng đã động thủ nhanh kinh khủng để giấu nó đi đấy.”

“Phim tài liệu của National Geographic. Tên là Khi dân les tấn công.”

“Chỉ số hài hước của cậu,” cô ta nói, “chắc là chỉ kém số tình binh của cậu thôi, nhưng tôi thấy nghi lắm.”

Tones Frobisher nhập bọn. “Có một cuộc gọi dịch vụ tận nhà ở Edgemont,” anh ta nói. “Ai muốn nhận vụ này nào?”

Freddi nói, “Nếu được yêu cầu lựa chọn giữa một chuyến đi làm dịch vụ tận nhà ở Hillbilly Heaven hoặc bị nhét một con chồn hoang vào lỗ nhị, tôi chẳng thà chọn con chồn.”

“Tôi sẽ nhận vụ này,” Brady nói. Hãn quyết định rằng hãn có một việc cần giải quyết. Một công việc không thể trì hoãn.



**E**m gái Jerome đang chơi nhảy dây với hai đứa bạn trên lối dẫn vào nhà

Robinson khi Hodges tới nơi. Cả mấy đứa đều mặc áo phong vải bóng in hình một boyband nào đó. Ông băng ngang qua thảm cỏ, một tay cầm cặp hồ sơ. Barbara chạy đến đập tay rồi dấm tay đón chào ông, sau đó vội vàng trở lại cầm đầu dây của mình. Jerome, mặc quần soóc và áo phong City College đã xé bỏ hai ống tay áo, đang ngồi trên bậc hiên uống nước cam.

Odell ở bên cạnh cậu ta. Cậu nói với Hodges rằng bố mẹ mình đang đi mua sắm, và cậu phải trông em cho đến khi họ quay về.

“Thực sự là con bé chẳng cần có người trông nữa. Nó ma mãnh hơn bố mẹ cháu tưởng nhiều.”

Hodges ngồi xuống bên cạnh cậu. “Cháu không được chủ quan thế đâu. Về điều này thì hãy tin bác, Jerome à.”

“Chính xác thì thế nghĩa là sao ạ?”

“Trước tiên hãy cho bác biết cháu đã phát hiện được gì rồi nào?”

Thay vì trả lời, Jerome chỉ vào xe của Hodges đang đỗ ngoài lề đường để không làm ảnh hưởng đến trò chơi của mấy cô bé. “Cái xe kia đời bao nhiêu?”

“Hai nghìn lẻ tư. Không bắt mắt lắm, nhưng chạy chưa nhiều. Muốn mua nó à?”

“Tha cho cháu đi. Bác khóa xe chưa?”

“Rồi.” Dù đây là một khu dân cư yên bình và ông đang ngồi ngay đây nhìn nó. Sức mạnh của thói quen.

“Đưa cho cháu chìa khóa của bác.”

Hodges thọc tay vào túi áo và đưa cho cậu. Jerome kiểm tra cái chìa khóa bấm và gật đầu. “PKE,” cậu nói. “Bắt đầu được đưa vào sử dụng hồi thập niên chín mươi, ban đầu chỉ là phụ kiện đi kèm nhưng đến đầu thế kỷ thì cơ bản đã trở thành một thiết bị tiêu chuẩn. Bác có biết nó có nghĩa là gì không?”

Với tư cách thanh tra phụ trách vụ Thăm sát City Center (và là người thường xuyên thăm vấn Olivia Trelawney) đương nhiên là Hodges biết. “Passive keyless entry - cảm biến tự động đóng mở xe không cần chìa khóa.”

“Chính xác.” Jerome nhấn một trong hai nút trên chiếc chìa khóa. Ở lề đường, đèn phanh chiếc Toyota của Hodges vụt lóe sáng. “Bây giờ thì mở nhé.” Cậu nhấn nút còn lại. Đèn lại lóe lên. “Giờ thì lại khóa. Mà bác thì vẫn cầm chìa.” Cậu đặt nó vào lòng bàn tay Hodges. “Tất cả vẫn an toàn nguyên vẹn, đúng không?”

“Căn cứ vào cuộc thảo luận này thì có lẽ là không.”

“Cháu biết mấy tay ở trường đại học, họ có một câu lạc bộ máy tính. Cháu sẽ không cho bác biết tên họ đâu, vậy nên đừng có hỏi.”

“Bác còn không nghĩ đến việc đó ấy chứ.”

Họ không phải người xấu, nhưng họ biết tất cả những trò xấu xa ấy - hack, sao chép dữ liệu, ăn cắp thông tin, đại loại những trò như vậy. Họ bảo cháu rằng PKE về cơ bản là một dạng giấy phép để ăn trộm. Khi bác nhấn nút khóa hay mở xe, chìa khóa sẽ phát ra một tín hiệu sóng vô tuyến tần số thấp.

“Một loại mã. Nếu bác nghe được thì nó đại để giống tiếng bíp bíp hoặc títtít mà ta thường thấy khi bấm quay số nhanh một số fax. Bác hiểu chứ?”

“Ừ, đến đoạn này thì vẫn hiểu.”

Trong lối đỗ xe, mấy cô bé đang đồng thanh hát “Sally-in-the-alley” trong lúc Barbara Robinson nhảy ra ra vào vào vòng dây rất điệu nghệ, đôi

chân màu nâu chắc nịch của cô bé thoãn thoắt cùng hai đuôi tóc nảy tung tung.

“Mấy người bạn của cháu cho biết là rất dễ thu được đoạn mã đó, nếu bác có đúng thiết bị cần thiết. Ta có thể chế lại chìa khóa bấm mở garage hoặc điều khiển ti vi để làm việc đó, chỉ có điều là với một thứ như vậy thì sẽ phải đứng thật gần mới được. Tầm trong vòng mười tám mét. Nhưng bác cũng có thể làm một cái mạnh hơn. Các linh kiện phụ kiện đều có sẵn tại cửa hàng điện tử gần khu mình ở. Tổng chi phí, quăng một trăm đô. Tầm hoạt động lên tới chín mươi mét. Bác chờ cho nạn nhân ra khỏi chiếc xe mục tiêu. Khi bà ta nhấn nút khóa xe thì bác cũng nhấn nút của mình. Thiết bị của bác bắt được tín hiệu và lưu nó lại. Bà ta bước đi, và khi bà ta đã đi khuất hẳn, bác lại ấn nút lần nữa. Chiếc xe đã được mở khóa, và thế là bác vào thôi.”

Hodges nhìn chìa khóa của mình, rồi lại nhìn Jerome. “Cái này có tác dụng thật à?”

“Hoàn toàn thật. Bạn cháu bảo giờ thì khó khăn hơn rồi - các nhà sản xuất đã điều chỉnh lại hệ thống sao cho tín hiệu thay đổi mỗi lần bấm nút - nhưng không phải là bất khả thi. Bất kỳ hệ thống nào do đầu óc con người tạo ra thì cũng đều có thể bị hóa giải bằng đầu óc con người. Bác hiểu ý cháu chứ?”

Hodges gần như không nghe thấy cậu, chứ đừng nói gì đến chuyện hiểu ý. Ông đang nghe về tên Sát nhân Mercedes giai đoạn trước khi hắn trở thành Sát nhân Mercedes. Có thể hắn đã mua một thiết bị mà Jerome vừa mới nói đến, nhưng rất nhiều khả năng là hắn đã tự tạo ra nó. Và phải chăng chiếc Mercedes của bà Trelawney là chiếc xe đầu tiên hắn thử dùng thiết bị đó? Ít có khả năng đó lắm.

Mình phải kiểm tra những vụ trộm xe ở khu vực trung tâm, ông thầm nghĩ. Bắt đầu từ... cứ cho là 2007 và suốt một mạch đến đầu mùa xuân năm 2009.

Ông có một người bạn trong danh sách, Marlo Everett, người vẫn chịu ơn ông. Hodges tin chắc Marlo sẽ tiến hành một cuộc rà soát không chính thức hộ ông mà không cần gặng hỏi gì nhiều. Nếu cô ta tìm ra được một vài

báo cáo trong đó cảnh sát điều tra kết luận rằng “nguyên đơn có lẽ đã quên khóa xe”, là ông sẽ biết ngay.

Thực ra, trong thâm tâm ông đã biết rồi.

“Bác Hodges?” Jerome đang nhìn ông với vẻ hơi lo lắng.

“Cháu bảo sao cơ, Jerome?”

“Đạo bác còn đang điều tra vụ án ở City Center, bác có kiểm tra thiết bị PKE này với cảnh sát phụ trách mảng trộm cắp ô tô không? Ý cháu là họ phải biết về nó chứ. Đâu có mới mẻ gì. Mấy người bạn cháu bảo trò này thậm chí còn có tên riêng nữa cơ, đánh cắp mắt thần.”

“Tụi bác đã nói chuyện với người thợ chính của đại lý Mercedes, và anh ta nói hung thủ sử dụng một chiếc chìa khóa,” Hodges nói. Ngay với chính ông, câu trả lời nghe cũng thật yếu ớt và đầy bao biện. Tệ hơn: bắt tài. Điều mà người thợ chính đã làm - cũng như tất cả họ - là giả định rằng hung thủ đã dùng một chiếc chìa khóa. Chiếc chìa khóa bị một người phụ nữ đầu óc chập mạch không được ai ưa bỏ quên trong ô.

Jerome nhếch một nụ cười khẩy trông thật lạ lùng và không ăn nhập gì với vẻ mặt non choẹt của cậu. “Có những thứ mà mấy người làm đại lý ô tô không bao giờ dám động đến đâu, bác Hodges. Chính xác thì họ không nói dối, họ chỉ trục xuất nó khỏi tâm trí của mình thôi. Kiểu như túi khí bung ra có thể cứu mạng hành khách nhưng cũng có thể đẩy mảnh kính vào làm mù mắt người ta. Tỷ lệ lộn vòng cao của một số loại xe SUV. Hoặc việc đánh cắp một tín hiệu PKE là dễ dàng đến mức này. Nhưng bọn ăn trộm xe thì phải rất siêu rồi, đúng không nào? Ý cháu là, chúng phải cực siêu.”

Sự thật trần trụi là Hodges không biết. Lẽ ra thì ông phải biết nhưng rốt cuộc là không. Ông và Pete gần như suốt ngày đi hiện trường, làm việc cả hai ca và có lẽ mỗi đêm chỉ được ngủ năm tiếng. Giấy tờ chồng chất. Nếu như có báo cáo từ bộ phận điều tra các vụ ăn cắp xe hơi, thì chắc có lẽ nó cũng nằm trong cặp hồ sơ ở đâu đó. Ông không dám hỏi người cộng sự cũ của mình về nó, nhưng nhận ra rằng có lẽ ông phải sớm cho Pete biết mọi chuyện. Đây là nói nếu như ông không thể tự mình tìm ra.

Trong khi đó, Jerome cần biết tất cả. Bởi vì người mà Hodges đang chọc giận là một tên điên.

Barbara chạy lại, đầm đìa mồ hôi và thở không ra hơi.

“Anh Jay, em và Hilda với Tonya có thể xem Regular Show được không?”

“Đi đi”, Jerome nói.

Con bé choàng tay qua người cậu và áp má vào má anh trai. “Anh làm bánh rán cho bọn em được không, anh trai yêu quý?”

“Không.”

Con bé ngừng ôm và lùi ra ngay. “Anh thật là hư. Lại còn lười nữa.”

“Sao em không xuống cửa hàng Zoney mua ít Eggo ấy?”

“Không có tiền chứ còn sao.”

Jerome thọc tay vào túi và chìa cho con bé một tờ năm đô.

Cách này giúp cậu kiếm được một cái ôm nữa.

“Anh còn hư nữa không?”

“Không, anh rất ngoan! Người anh tốt nhất trên đời.”

“Em phải đi cùng mấy bạn nữa đấy,” Jerome nói.

“Và dắt cả Odell theo,” Hodges nói.

Barbara cười khúc khích. “Bọn cháu lúc nào cũng dắt Odell theo mà.”

Hodges nhìn các cô bé ào xuống vỉa hè trong những chiếc áo phông đồng bộ (vừa nói chuyện với tốc độ một dặm một phút vừa thay phiên nhau cầm dây dắt Odell), với cảm giác bứt rứt sâu sắc. Ông khó có thể bắt gia đình Robinson phải sống cảnh im im cửa đóng then cài, nhưng những cô bé kia trông thật bé bỏng quá.

“Jerome? Nếu có ai đó tìm cách gây chuyện với chúng, liệu Odel, có...?”

“Bảo vệ chúng không ấy à?” Giọng Jerome lúc này hoàn toàn nghiêm túc. “Bằng cả mạng sống của nó, bác H. ạ. Bằng cả mạng sống của nó. Bác đang nghĩ đến chuyện gì vậy?”

“Bác có thể tiếp tục tin tưởng vào sự kín kẽ của cháu chứ?”

“Vâng thưa ngài!”

“Được rồi, bác sẽ cho cháu biết nhiều chuyện đấy. Nhưng đổi lại, cháu phải hứa từ bây giờ sẽ gọi bác là Bill nhé.”

Jerome ngẫm nghĩ. “Chắc sẽ mất một thời gian mới quen, nhưng được ạ.”

Hodges cho cậu hầu hết mọi chuyện (không dả động đến việc đêm rồi mình ngủ ở đâu), thỉnh thoảng lại phải xem đến những ghi chép trong sổ. Đến khi ông kể xong, Barbara và mấy cô bạn đang từ GOMART quay trở về, vừa tung chuyền nhau một hộp Eggo vừa cười đùa. Chúng vào trong nhà và chén món quà giữa buổi sáng của mình trước màn hình ti vi.

Hodges và Jerome ngồi trên bậc hiên và nói về những con ma.





**Đ**ại lộ Edgemont trông như một vùng chiến sự, nằm vị trí phía Nam của khu Lowbriar, ít nhất thì về cơ bản nó là một vùng chiến sự da trắng, nơi sinh sống của hậu duệ dân miền núi các bang Kentucky và Tennessee di cư đến đây làm việc trong các nhà máy sau Chiến tranh Thế giới II. Giờ thì các nhà máy đã đóng cửa, và một phần lớn dân cư là con nghiện đã phải chuyển sang dùng heroin đường nâu rẻ tiền sau khi loại hàng Oxy trở nên quá đắt đỏ. Edgemont đầy rẫy quán bar, cửa hiệu cầm đồ, và điểm đổi tiền, tất cả đều đóng cửa im ỉm vào sáng thứ Bảy này. Hai cửa hàng duy nhất mở cửa là cửa hàng Zoney và chỗ Brady đến làm dịch vụ chăm sóc khách hàng, hiệu bánh Batool's Bakery.

Brady đỗ xe phía trước, để hẳn có thể nhìn thấy bất kỳ kẻ nào định đột nhập vào chiếc Beetle Cyber Patro của mình, rồi vác thùng đồ nghề đi vào trong khu vực có mùi dễ chịu. Cục mỡ bò sau quầy tính tiền đang cãi vã với một khách hàng vung vẩy thẻ Visa và chỉ tay vào tấm bìa cứng ghi dòng chữ **CHỈ NHẬN TIỀN MẶT ĐẾN KHI SỬA XONG MÁY TÍNH.**

Máy tính của gã Pakistan đang bị treo cứng màn hình một cách khó chịu. Vừa theo dõi chiếc Beetle của mình ba mươi giây một lần, Brady vừa thực hiện thủ thuật khắc phục treo màn hình bằng cách ấn đồng thời các phím alt, ctrl, và del. Tổ hợp này giúp bật trình quản lý tác vụ, và Brady nhận ngay ra rằng chương trình Explorer đang không phản hồi.

“Nghiêm trọng không?” gã Pakistan hỏi với vẻ lo lắng.

“Làm ơn hãy nói với tôi là nó không nghiêm trọng.”

Nếu là ngày khác thì hẳn Brady đã bôi trát vụ này cho ra trò, không phải để những kẻ như Batoool đòi thêm tiền - đừng mơ - mà là để thấy gã phải đổ thêm mấy giọt mồ hôi dầu. Hôm nay thì không. Đây chỉ là cái cớ để hẳn thoát khỏi văn phòng và đến khu trung tâm mua sắm, và hẳn muốn kết thúc vụ này càng nhanh càng tốt.

“Không, giải quyết xong cho ông luôn đây, ông Batoool,” hẳn nói. Hẳn nhấp chuột vào nút END TASK và khởi động lại máy tính. Một lát sau chương trình thanh toán hiện ra trở lại, đầy đủ với cả bốn biểu tượng thẻ tín dụng.

“Cậu đúng là thiên tài!” Batoool thốt lên. Trong một khoảnh khắc kinh hoàng, Brady đã sợ là thằng chó đẻ sực nức mùi nước hoa này sẽ ôm chầm lấy hẳn đến nơi.



**B**rady rời khỏi Hill Billy Heaven và lái xe theo hướng Bắc về phía sân bay. Có một cửa hàng Home Depot ở khu mua sắm Birch Hill Mall, hẳn gần như chắc chắn sẽ kiếm được thứ mình muốn ở đó, nhưng hẳn lại chọn khu Skyway Shopping Complex làm điểm đến. Hẳn đang làm một điều nguy hiểm, liều lĩnh, và không cần thiết. Hẳn sẽ không khiến chuyện trở nên tệ hại hơn bằng cách thực hiện nó ở nơi cách cửa hàng của DE có một hành lang. Đánh đi chín phương cũng phải chừa một phương lấy chồng chứ.

Brady giải quyết công việc ở Skyway's Garden World và ngay lập tức nhận ra hẳn đã lựa chọn đúng đắn. Cửa hàng rộng mênh mông, và vào cái lúc giữa ngày thứ Bảy cuối xuân này, nó lại còn đông nghẹt người đi mua sắm. Ở đây bán thuốc diệt sâu bọ, Brady bỏ thêm hai lọ GOPHER-GO vào chiếc xe đẩy vốn đã chất đầy hàng hóa nguy trang: phân bón, đất mùn, hạt giống, và một chiếc cào làm vườn cán ngắn. Hẳn biết rằng trực tiếp đi mua chất độc là việc thật là điên rồ khi mà số thuốc hẳn đã đặt mua sẽ được chuyển đến hộp thư an toàn trong vài ba ngày tới, nhưng hẳn không chờ được. Tuyệt đối không. Có lẽ hẳn sẽ chẳng thể đánh bả được con chó của gia đình nhỏ ấy trước ngày thứ Hai - và thậm chí có khi là thứ Ba hoặc thứ Tư - nhưng hẳn phải làm điều gì đó. Hẳn cần phải cảm thấy mình đang... Shakespeare viết thế nào ấy nhỉ? Vung gươm chống lại cả một biển trời rắc rối.

Hẳn đứng trong hàng cùng chiếc xe đẩy, tự nhủ rằng nếu cô ả thu ngân (một cục mỡ bò khác, thành phố đang chết ngạt lũ này) có ý kiến ý cọt gì

về mấy lọ GOPHER-GO, kể cả là một câu vô thưởng vô phạt như Thứ này hiệu nghiệm lắm, hẳn sẽ hủy vụ này ngay. Khả năng bị nhớ mặt và lần ra danh tính quá cao: À đúng rồi, hẳn chính là gã thanh niên căng thẳng với cái cào làm vườn và lọ bả độc Gopher.

Hắn nghĩ, lẽ ra mình phải đeo kính râm. Như thế cũng đâu có thu hút chú ý quá, cả nửa đám đàn ông ở đây đang đeo kính. Giờ thì quá muộn rồi. Hắn đã bỏ cặp RAY-BAN của mình ở Birch Hill, trong chiếc Subaru. Tất cả những gì hắn có thể làm là đứng trong hàng chờ tính tiền và tự bảo mình đừng có toát mồ hôi. Giống như bảo ai đó đừng nghĩ đến một con gấu trắng màu xanh.

Tôi để ý đến hắn vì thấy hắn vã mồ hôi, con bé tính tiền mỡ bò (họ hàng của Batool Thợ làm bánh, theo như Brady biết) sẽ khai với cảnh sát thế. Và còn vì hắn mua bả độc nữa chứ. Cái loại có chứa chất strychnine.

Trong một thoáng, suýt nữa hắn đã vùng chạy, nhưng lúc này phía sau hắn đã có nhiều người chẳng kém gì phía trước, và nếu hắn phá hàng, chẳng phải người ta sẽ để ý đến điều đó sao? Chẳng phải họ sẽ tự hỏi...

Một cái hầy từ phía sau. “Đến lượt anh rồi kìa, anh bạn.”

Không còn cách nào khác, Brady đẩy xe lên. Những lọ GOPHER-GO vàng chóa như đang hét tướng lên dưới đáy xe đẩy; đối với Brady dường như chúng là màu của sự điên loạn; và chính xác thì đúng là nên như thế. Có mặt ở đây đúng là điên thật.

Rồi một cảm giác thoải mái đến với hắn, cảm giác như một bàn tay mát lạnh vỗ về trên vầng trán đang sốt bừng bừng.

Đâm xe vào đám người ở City Center thậm chí còn điên rồ hơn ấy chứ... vậy mà mình đã thoát đấy thôi, còn gì nữa?

Đúng, và hắn thoát cả vụ này nữa. Cục mỡ bò dùng máy quét rà qua những món hàng của hắn mà thậm chí còn chẳng thèm liếc nhìn hắn một cái. Cô ả cũng chẳng hề ngẩng đầu lên khi hỏi hắn thanh toán bằng tiền mặt hay thẻ tín dụng.

Brady trả tiền mặt.

Hắn không điên đến mức ấy.

Quay trở lại chiếc VW (hắn đậu nó giữa hai chiếc xe tải, khiến cho màu xanh lá cây bóng loáng của nó hầu như không hề phô ra), hắn ngồi sau vô lăng, hít những hơi thật sâu cho đến khi nhịp tim ổn định trở lại. Hắn nghĩ đến lộ trình ngay phía trước, và ý nghĩ đó càng khiến hắn thêm trấn tĩnh.

Thứ nhất Odell. Con chó ngu xuẩn ấy sẽ phải chết thê thảm, và lão cớm về vườn sẽ nhận ra đó chính là lỗi của lão, cho dù nhà ROBINSON không biết điều đó đi nữa. (Từ góc độ khoa học thuần túy, Brady sẽ thích thú theo dõi xem lão thanh tra nghi hươu có chịu thừa nhận không. Hắn nghĩ Hodges sẽ không thừa nhận.) Thứ hai, chính thằng cha đó. Brady sẽ để cho lão vài ngày để thấm thía tội lỗi của mình, và biết đâu đấy? Rốt cuộc có khi lão lại tự tử cũng nên. Mặc dù có lẽ là không. Vậy thì Brady sẽ giết lão, phương thức chưa xác định. Và thứ ba...

Một hành động lầy lừng. Một hành động mà cả trăm năm sau vẫn còn được ghi nhớ. Câu hỏi là, cái hành động lầy lừng ấy có thể là gì đây?

Brady vặn chìa để nổ máy và chỉnh cái radio giẻ rách của chiếc Beetle đến kênh BAM-100, cuối tuần nào kênh radio này cũng dành thời gian cho bảng xếp hạng nhạc rock. Hắn kịp nghe đoạn cuối một bài của ban nhạc ZZ Top và đang định chuyển sang kênh KISS-92 thì tay hắn đông cứng lại. Thay vì chuyển kênh, hắn tăng âm lượng lên. Số phận đang đáp lại lời hắn. Tay dẫn chương trình cho Brady biết ban nhạc nam hấp dẫn nhất cả nước sẽ đến thành phố biểu diễn đúng một buổi duy nhất - đúng thế, 'Round Here sẽ biểu diễn tại MAC thứ Năm tới. "Buổi diễn hầu như đã bán hết vé, thưa các bạn trẻ, nhưng chương trình BAM-100 Good Guys vẫn đang giữ khoảng hơn chục vé, và chúng tôi sẽ phân phát từng đôi bắt đầu từ thứ Hai, vì vậy hãy đón nghe để gọi điện tới chương trình và..."

Brad tắt radio. Mắt hắn nhìn xa xăm, đăm chiêu, toan tính MAC là cách mà người dân thành phố gọi Tổ hợp Nghệ thuật và Văn hóa Trung Tây - Midwest Culture and Arts Complex. Công trình này chiếm trọn cả một khối phố và có khán phòng rộng mênh mông.

Hắn tự nhủ, Thế mới đúng là cách để rửa tay gác kiếm. Ôi lạy Chúa tôi, thế mới đúng là cách chứ.

Hẳn tự hỏi chính xác thì sức chứa của Quán phòng Mingo ở MAC là bao nhiêu nhỉ. Ba nghìn người chẳng? Có khi là bốn? Tối nay về hẳn sẽ lên mạng kiểm tra.



Hodges quơ tạm bữa trưa một hàng ăn gần đó (một suất salad thay cho chiếc bánh kẹp thịt ú ụ mà dạ dày ông đang réo ùng ục đòi ăn) và về nhà. Những màn vận động dễ chịu đêm qua đã tác động đến ông, và dù ông còn nợ Janey một cuộc gọi - họ có việc tại căn nhà ở Sugar Heights của bà Trelawney quá cố, hình như thế - ông quyết định rằng bước tiếp theo của cuộc điều tra sẽ là chợp mắt một chút. Ông kiểm tra máy trả lời tự động trong phòng khách, nhưng màn hình hiển thị TIN NHẮN ĐANG CHỜ cho thấy không có gì. Ông lướt qua Chiếc Ô Xanh của Debbie và không thấy có gì mới từ gã Mercedes. Ông nằm xuống và đặt chuông báo thức sau một tiếng nữa. Ý nghĩ cuối cùng của ông trước khi nhắm mắt là ông đã lại bỏ quên điện thoại di động trong hộc đựng đồ của chiếc Toyota.

Phải đi lấy mới được, ông nghĩ bụng. Mình đã cho cô ấy cả hai số, nhưng cô ấy là kiểu tân tiến chứ không phải cổ điển, và đó sẽ là số đầu tiên cô ấy gọi khi cần mình.

Và rồi ông ngủ mất.

Cái điện thoại trường phái cổ điển đánh thức ông dậy, và khi lăn người qua chộp lấy nó, ông nhận ra cái đồng hồ báo thức vốn chưa bao giờ làm ông thất vọng suốt những năm tháng làm cảnh sát có vẻ như cũng đã quyết định nghỉ hưu luôn. Ông đã ngủ gần ba tiếng.

“A lô?”

“Anh không bao giờ kiểm tra tin nhắn hay sao vậy, Bill?”

Ông đã thoáng nghĩ đến việc bảo cô rằng điện thoại di động của mình hết pin, nhưng nói dối không đời nào lại là cách bắt đầu một mối quan hệ,

kể cả là loại ngày nào biết ngày ấy.

Và đó không phải là điều quan trọng. Giọng cô nghèn nghẹn và khản đặc, như thể cô vừa hét. Hoặc khóc.

Ông ngồi dậy. “Có chuyện gì thế?”

“Mẹ em bị đột quỵ sáng nay. Em đang ở bệnh viện Warsaw County Memorial. Đó là bệnh viện gần Sunny Acres nhất.”

Ông vung chân xuống sàn nhà. “Lạy Chúa, Janey. Nặng đến mức nào vậy?”

“Nặng. Em đã gọi cho dì Charlotte ở Cincinnati và cậu Henry ở Tampa. Cả hai đều đang đến. Dì Charlotte chắc chắn sẽ kéo em họ Holly của em đi cùng.” Cô cười, nhưng chẳng có chút gì là vui vẻ. “Tất nhiên là họ sẽ đến - như câu người ta vẫn nói về việc đi theo tiếng gọi của đồng tiền.”

“Em có muốn anh đến không?”

“Tất nhiên, nhưng em không biết phải giải thích về anh thế nào. Em không thể giới thiệu bằng phẳng rằng anh là người đàn ông em đã lôi vào giường gần như ngay khi mới gặp, còn nếu như nói với họ là em đã thuê anh điều tra cái chết của Ollie, kiểu gì nó cũng sẽ xuất hiện trên Facebook của một thằng nhóc nhà cậu Henry trước nửa đêm cho xem. Về chuyện ngồi lê đôi mách thì cậu Henry còn tệ hơn cả dì Charlotte, và chẳng ai trong hai bọn họ có thể được xem như hình mẫu về sự kín đáo. Ít nhất thì Holly chỉ kỳ quặc thôi.” Cô hít một hơi thật sâu, sụt sịt. “Chúa ơi, lúc này em cần đến một khuôn mặt thân thương quá đi mất. Nhiều năm rồi em không gặp dì Charlotte và cậu Henry, hai người đều không đến đám tang Ollie, và chắc chắn là trước giờ họ cũng chẳng nhọc công tìm hiểu cuộc sống của em đâu.”

Hodges ngẫm nghĩ một lúc rồi nói, “Anh là một người bạn, thế thôi. Anh từng làm việc cho công ty an ninh Vigilant ở Sugar Heights. Em gặp anh khi em quay về liệt kê tài sản của chị mình và thực hiện di chúc cùng với luật sư. Bỏ ruột.”

“Chết tiệt.” Nàng hít một hơi sâu, sụt sịt. “Như thế được đấy.”



Sẽ được. Một khi đã bịa chuyện thì không ai có thể bịa chuyện với vẻ mặt tỉnh queo hơn một tay cớm. “Anh đang trên đường đây.”

“Nhưng... anh không có việc gì phải giải quyết ở thành phố à? Điều tra thì sao?”

“Chẳng có việc gì gấp đến mức không đợi được cả. Anh sẽ chỉ mất một tiếng là tới nơi. Với giao thông như thứ Bảy này, có khi còn không đến.”

“Cảm ơn anh, Bill. Với tất cả tấm lòng. Nếu em không có ở trong sảnh...”

“Anh sẽ tìm được em. Anh là một thanh tra được đào tạo cơ mà.” Ông nhét chân vào giày.

“Em nghĩ tốt nhất anh nên mang theo quần áo để thay. Em đã thuê ba phòng ở khách sạn Holiday Inn cuối phố. Em cũng sẽ thuê cho anh một phòng nữa. Có tiền lợi thế đấy. Còn chưa kể đến một chiếc thẻ Amex Platinum.”

“Janey, lái xe quay về thành phố cũng dễ ợt mà.”

“Vâng, nhưng nhờ mẹ em mất thì sao. Nếu chuyện đó xảy ra hôm nay hoặc tối nay, em sẽ thực sự cần một người bạn. Để... anh biết đấy, để...”

Nước mắt trào ra và cô không thể nói nốt câu. Hodges cũng không cần cô phải làm thế, vì ông biết ý cô là gì. Để lo liệu mọi thứ.

Mười phút sau ông đã ở trên đường, đi theo hướng Đông về phía Sunny Acres và bệnh viện Warsaw County Memorial.

Ông tưởng sẽ tìm thấy Janey trong phòng đợi cấp cứu, nhưng cô lại ở bên ngoài, ngồi trên thanh cản của một chiếc xe cứu thương đang đỗ. Cô chui vào chiếc Toyota khi ông cho xe đỗ lại bên cạnh, và chỉ cần liếc qua khuôn mặt thất thần và hai hốc mắt sưng húp là ông đã biết tất cả những gì cần biết.

Cô cố tỏ ra cứng cỏi cho đến khi ông đậu xong xe vào chỗ dành cho khách, rồi mới sụp đổ. Hodges ôm lấy cô. Cô cho ông biết Elizabeth Wharton đã qua đời lúc ba giờ mười lăm, theo giờ chuẩn miền Trung nước Mỹ.

Đúng lúc mình đang nhét chân vào giày, Hodges thăm nghĩ, và ôm cô chặt hơn.



Mùa giải Little League đang đến giai đoạn căng thẳng, và Brady dành cả buổi chiều thứ Bảy đầy nắng ở công viên MCGINNIS, nơi một loạt các trận đấu đang diễn ra trên cả ba sân. Chiều nay thật ấm áp và công việc cũng rất chóng vánh. Một đồng nghiệp đưa con gái tuổi dở dở ương ương đến xem tụi em của chúng giao chiến, và khi xếp hàng chờ mua kem, dường như điều duy nhất mà chúng nói đến (không thì ít ra cũng là điều duy nhất mà Brady nghe thấy chúng nói đến) là buổi biểu diễn sắp tới của ‘Round Here tại MAC’. Có vẻ như đứa nào cũng đi thì phải. Brady đã quyết định hẳn cũng sẽ đi nữa. Hẳn chỉ cần nghĩ ra cách để tuôn chiếc áo đặc biệt của mình vào - chiếc áo nhồi đầy những viên bi sắt và những thỏi thuốc nổ dẻo.

Màn diễn chốt của mình, hẳn thầm nghĩ. Dòng tít lớn cho muôn đời sau.

Ý nghĩ đó làm hẳn thêm phấn chấn. Việc bán sạch cả xe kem đầy cũng góp phần vào đó - ngay cả món JuCee Stix cũng chỉ đến bốn giờ là hết veo. Trở về công ty kem, hẳn trao lại chìa khóa cho Shirley Orton (hình như cô ả không bao giờ ra về thì phải) và hỏi liệu hẳn có thể đổi ca cho Rudy Stanhope, theo lịch là sẽ làm ca chiều Chủ nhật. Các ngày Chủ nhật - luôn phải giả sử là điều kiện thời tiết thuận lợi - là những ngày bận rộn, ba chiếc xe của Loeb’s không chỉ bán tại MCGINNIS mà là cả bốn công viên lớn khác của thành phố. Hẳn kèm theo đề nghị của mình một nụ cười lấy lòng giả lả mà Shirley vẫn luôn chết mê chết mệt.

“Tức là,” Shirley nói, “anh muốn được nghỉ hai buổi chiều liền nhau chứ gì.”

“Cô hiểu quá còn gì.” Hãn giải thích rằng mẹ hãn muốn đi thăm anh trai, thế có nghĩa là phải ngủ lại ít nhất một đêm, có khi còn hai. Tất nhiên bà ta chẳng có anh em nào, và khi nói về những chuyến đi, thì chuyến đi duy nhất mẹ hãn quan tâm lúc này là hành trình đầy thơ mộng tìm ghế sofa đến tử rượu rồi quay trở lại.

“Tôi tin là Rudy sẽ đồng ý thôi. Anh có muốn tự gọi cho cậu ta không?”

“Nếu lời đề nghị mà do cô đưa ra thì coi như xong rồi còn gì.”

Cô ả cười hình hích, làm những tảng thịt bự chảng rung rinh rất tởm. Cô ả gọi điện trong lúc Brady thay quần áo mặc thường ngày. Rudy sung sướng nhường ca Chủ nhật và nhận ca thứ Ba của Brady. Như vậy là hãn có hai buổi chiều rảnh rỗi để rình mò quanh Zoney’s GOMART, và hai là đủ rồi. Nếu con bé không xuất hiện cùng con chó vào một trong hai ngày đó, thì thứ Tư hãn sẽ xin nghỉ ốm. Nếu hãn buộc phải làm thế, nhưng hãn không nghĩ là sẽ lâu đến vậy.

Sau khi rời khỏi Loeb’s, Brady đi mua sắm vài món ở cửa hàng Kroger. Hãn nhặt nhanh nửa tá đồ hai mẹ con cần đến - nguồn lương thực như trứng, sữa, bơ, và bột ngũ cốc Cocoa Puff - rồi vòng qua quầy thịt và lấy nửa cân hamburger. Chín mươi phần trăm nạc. Không gì khác ngoài thứ ngon nhất cho bữa ăn cuối cùng của Odell.

Về đến nhà, hãn mở garage và đỡ những món đã mua ở Garden World, thận trọng để những lọ GOPHER-GO lên một cái giá cao. Mẹ hãn hiếm khi ra đến đây, nhưng không thể mạo hiểm được. Có một chiếc tủ lạnh mini đặt dưới bàn làm việc; Brady mua nó trong đám đồ cũ với giá bảy đô la, rẻ như ăn trộm. Đây là nơi hãn vẫn để đồ uống của mình. Hãn nhét gói hamburger vào phía sau đồng Coke và Mountain Dew rồi lẳng chổ đồ ăn còn lại vào trong. Cảnh hãn thấy trong bếp thật là dễ chịu: mẹ hãn đang rắc ớt bột paprika lên món salad cá ngừ trông ngon lành ra phết.

Bà ta bắt gặp cái nhìn của hãn và bật cười. “Mẹ muốn đèn cho món lasagna. Mẹ xin lỗi về chuyện đó, nhưng hôm ấy mẹ mệt vô cùng luôn.”

Có mà bà say rũ ra thì có, hần nghĩ bụng, nhưng ít nhất thì bà ta cũng còn chưa hoàn toàn buông thả.

Bà ta chu môi ra, mới tô son tươi tắn. “Hôn mẹ một cái nào, cưng.”

Cục cưng choàng tay quanh người mẹ hần và hôn bà ta một cái thật lâu. Son môi của bà ta có vị gì đó ngọt ngọt. Rồi bà ta phát nhẹ lên mông hần và bảo hần xuống hầm chơi máy tính cho đến khi bữa tối sẵn sàng.

Brady gửi cho lão cớm một tin nhắn cụt lùn - *Tao sẽ cho mày sống đỡ chết đỡ, đỡ khộm già*. Sau đó hần chơi Resident Evil đến khi mẹ hần gọi lên ăn tối. Món salad cá ngừ ngon tuyệt và hần chén liền hai lượt. Bà ta thực sự biết nấu ăn khi bà ta muốn, và hần không nói gì khi bà ta rót ly đầu tiên của buổi tối, một ly ngoại cỡ để bù cho hai ba ly nhỏ hơn mà bà ta đã từ chối chính mình chiều hôm đó. Đến chín giờ, bà ta đã lại đang ngáy vang trên ghế.

Brady tranh thủ cơ hội đó lên mạng và tìm hiểu tất cả về buổi diễn sắp tới của Round Here. Hần xem một video trên YOUTUBE trong đó lũ con gái bàn luận xem ai và người hấp dẫn nhất trong số năm anh chàng. Kết quả được đồng thuận là Cam, ca sĩ chính trong bài “Look Me in My Eyes”, một mẫu âm thanh lộn mửa mà Brady nhớ lảng máng là đã nghe trên radio năm ngoái. Hần tưởng tượng cảnh những bộ mặt cười cợt đó bị bị sắt xé nát, những chiếc quần jean Guess giống hệt nhau cháy bùng tả tơi.

Lúc sau, sau khi giúp bà mẹ vào giường và chắc chắn bà ta đã say bí tỉ, hần lấy chiếc hamburger, cho nó vào một cái bát, trộn vào hai chén GOPHER-GO. Nếu ngàn ấy mà còn chưa đủ giết Odell, hần sẽ lấy cái xe bán kem mà cán qua con chó khốn kiếp ấy cho xong.

Ý nghĩ ấy làm hần nhếch mép.

Hần cho chiếc hamburger tẩm độc vào túi Baggie và nhét nó trở lại vào tủ lạnh mini, cẩn thận giấu nó vào sau những lon soda. Hần cũng cẩn thận rửa cả hai tay và cái bát trộn bằng rất nhiều nước xà phòng nóng.

Đêm đó, Brady ngủ ngon lành. Không có cơn đau đầu nào và cũng chẳng có giấc mơ nào về người em trai đã chết của hần.



Hodges và Janey được cho mượn một căn phòng có điện thoại ở cuối hành lang sảnh bệnh viện, và tại đó họ chia nhau lo liệu công việc cho người chết.

Ông liên lạc với nhà tang lễ (Soames, cũng chính là nhà tang lễ đã lo liệu cho Olivia Trelawney) và bảo đảm bệnh viện đã chuẩn bị xong xuôi để trả lại thi hài khi xe đò đến. Janey, sử dụng iPad với một sự thành thạo tự nhiên mà Hodges phải ghen tị, tải về một mẫu cáo phó từ tờ báo thành phố. Cô nhanh chóng điền thông tin vào, vừa làm cô vừa thỉnh thoảng lẩm nhẩm nói khẽ; một lần Hodges nghe thấy cô lẩm nhẩm cụm từ miễn vòng hoa viếng. Khi cáo phó được gửi lại qua email, cô lấy quyển sổ địa chỉ trong túi xách của mẹ mình ra và bắt đầu gọi cho một vài người bạn còn lại của bà. Cô tỏ ra dịu dàng và bình tĩnh, nhưng cũng chóng vánh. Giọng cô chỉ lạc đi đúng một lần, khi nói chuyện với Althea Greene, người y tá của mẹ cô và cũng là người bạn gần gũi nhất với bà suốt gần mười năm trời.

Đến sáu giờ - cũng là lúc Brady Hartsfield về nhà và thấy mẹ hẳn đang hoàn thiện những công đoạn cuối với món salad cá ngừ - cơ bản mọi việc đã đâu vào đấy. Đến bảy giờ kém mười, một chiếc xe đò Cadillac màu trắng lăn bánh vào lối đi của bệnh viện và vòng ra sau. Những người trong xe biết phải đến chỗ nào; họ đã tới đây nhiều lần rồi.

Janey nhìn Hodges, mặt cô tái nhợt miệng run rẩy. “Em không dám chắc là mình có thể...”

“Anh sẽ lo chuyện đó.”

Quy trình xử lý thì vẫn vậy thôi, thật thế, ông đưa cho người liệm xác và trợ lý của ông ta một bản chứng từ có chữ ký, họ trao cho ông một tờ biên nhận. Ông nghĩ bụng, chẳng khác gì mua một chiếc xe hơi. Khi quay lại sảnh bệnh viện, ông nhìn thấy Janey đang ở bên ngoài, lại đang ngồi trên thanh cản của xe cứu thương. Ông ngồi xuống bên cạnh và cầm tay cô. Cô bóp chặt những ngón tay ông. Họ nhìn theo chiếc xe đò cho đến khi nó đi khỏi tầm mắt. Rồi ông dẫn cô trở về xe của mình và họ chạy xe qua hai khối phố đến Holiday Inn.

Henry Sirois, một người đàn ông to béo với cái bắt tay nhớp nháp, xuất hiện lúc tám giờ. Charlotte Gibney có mặt sau đó một tiếng, bà ta là một nhân viên khách sạn khệ nệ vắc hành lý đi phía trước và phàn nàn về dịch vụ kinh khủng trên chuyến bay. Và bọn trẻ con khóc lóc, bà ta nói - cháu không muốn biết đâu. Họ không muốn biết, ấy vậy mà bà ta vẫn kể.

Ông em béo tốt bao nhiêu thì bà ta gầy gò bấy nhiêu, và bà ta thăm dò Hodges với con mắt mờ đục đầy ngờ vực. Lò dò bên cạnh dì Charlotte là Holly, con gái bà ta, một bà cô không chồng cũng tầm tuổi Janey nhưng vẻ ngoài thì chẳng giống Janey chút nào cả. Holly Gibney không bao giờ nói to hơn mức lí nhí và dường như gặp vấn đề về giao tiếp bằng ánh mắt.

“Dì muốn thấy Betty,” dì Charlotte tuyên bố sau một cái ôm khô khan chóng vánh với cháu gái. Như thế bà ta tưởng đâu bà Wharton đang được quán ở sảnh khách sạn, đầu thì rải hoa ly còn hoa cắm chướng phủ dưới chân.

Janey giải thích rằng thi hài người chết đã được đưa đến Nhà tang lễ Soames trong thành phố, ở đó thi thể phàm trần của Elizabeth Wharton sẽ được hỏa táng vào chiều thứ Tư, sau lễ viếng vào thứ Ba và một buổi lễ gọn nhẹ không theo tôn giáo nào vào sáng thứ Tư.

“Hỏa táng là trò mọi rợ,” cậu Henry tuyên bố. Tất cả những gì hai người này nói hình như đều là những tuyên bố trịnh trọng.

“Đó là ý nguyện của mẹ cháu,” Janey nói khẽ khàng, lịch sự nhưng Hodges để ý thấy má cô ửng hồng.

Ông nghĩ không khéo rắc rối đến nơi, có thể là một đòi hỏi được thấy di nguyện bằng văn bản yêu cầu cụ thể được hỏa táng thay vì chôn, nhưng

rồi họ cũng giữ được hòa khí. Có lẽ họ đang nghĩ đến ngàn ấy triệu đô mà Janey được thừa kế từ chị gái mình - khoản tiền Janey tùy ý chia. Hoặc không. Thậm chí có khi cậu Henry và dì Charlotte còn cân nhắc đến cả việc họ đã chẳng thăm hỏi gì người chị gái già cả của mình trong suốt những năm cuối cùng khổ sở của bà. Các chuyến thăm nom mà bà Wharton nhận được trong những năm ấy là của Olivia, dì Charlotte không đề cập đến tên người phụ nữ này, mà chỉ gọi là “cái đứa có vấn đề ấy”. Và tất nhiên còn có Janey, vẫn chưa hồi phục sau cuộc hôn nhân và vụ ly hôn cay đắng, người đã có mặt ở đó vào phút cuối.

Năm người dùng bữa tối muộn ở phòng ăn vắng tanh của Holiday Inn. Từ những chiếc loa trên đầu, Herb Alpert ngân nga tiếng kèn. Dì Charlotte dùng món salad và phàn nàn về nước sốt, thứ mà bà ta đã yêu cầu cụ thể là phải để riêng bên cạnh. “Họ có cho vào một cái lọ nhỏ đi nữa thì hàng đóng chai ở siêu thị vẫn là hàng đóng chai ở siêu thị thôi,” bà ta tuyên bố.

Cô con gái lúng ba lúng búng của bà ta thì gọi món gì đó nghe như bánh xì dẹt đôi ta cứng tròn. Hóa ra là món bánh mì kẹp phô mai, nướng giòn. Cậu Henry chọn món mì fettuccini alfredo và mút sạch từng sợi với sự hiệu quả của một chiếc máy hút bụi hiệu Rinse N Vac công suất lớn, những giọt mồ hôi lấm tấm rịn ra trên trán lúc ông ta sắp về đến đích. Ông ta vét nốt chỗ nước sốt dính lại bằng một miếng bánh mì phết bơ.

Hodges đảm nhiệm hầu hết phần trò chuyện, ông kể lại những công việc từ ngày ông làm cho Vigilant. Công việc thì là bịa, nhưng câu chuyện hầu hết là thật, biến tấu từ những năm tháng ông còn làm cảnh sát. Ông kể cho họ nghe về tên trộm bị bắt quả tang đang tìm cách chui qua cửa sổ tầng hầm và bị tụt mất cả quần khi cố thoát ra (câu chuyện khiến Holly khẽ mỉm cười); cậu nhóc mười hai tuổi nấp sau cửa sổ phòng ngủ và dùng cây gậy bóng chày đập cho kẻ đột nhập chết giấc; người giúp việc ăn trộm mấy món đồ trang sức của chủ nhà cuối cùng lại làm rơi chúng ra khỏi đồ lót trong lúc phục vụ bữa tối. Có những câu chuyện u tối hơn, rất nhiều là khác, mà ông giữ lại cho riêng mình.

Trong lúc ăn tráng miệng (mà Hodges bỏ qua, cơn háu đói vô liêm sỉ của cậu Henry đóng vai trò như một tấm gương cảnh báo đầy sức thuyết



phục), Janey mời những người họ hàng mới đến nghỉ tại ngôi nhà ở Sugar Heights từ ngày mai, và ba người họ lững thững bước về những căn phòng đã thanh toán của mình. Charlotte và Henry có vẻ hăm hở trước viễn cảnh được tận mắt chứng kiến xem nửa kia sống thế nào. Còn về Holly... ai biết được?

Phòng của những người mới đến ở tầng một. Janey và Hodges ở tầng ba. Khi họ đến chỗ những cánh cửa phòng liền nhau, cô hỏi ông có ngủ với cô không.

“Không sex,” cô nói. “Cả đời em chưa bao giờ thấy ít hứng thú như thế này. Cơ bản là em chỉ không muốn ở một mình.”

Hodges thấy thế cũng tốt. Vả lại ông cũng không dám chắc mình làm ăn được gì không nữa. Cơ bụng và cơ đùi của ông vẫn còn nhức mỏi từ đêm qua... mà, ông tự nhắc mình, đêm qua về cơ bản là cô làm hết mọi việc. Khi họ đã ở dưới tấm chăn mỏng, cô nằm nép sát vào ông. Ông không dám tin vào cảm giác ấm áp và săn chắc của cơ thể cô. Vào sự hiện hữu của cô. Đúng thật là ông không thấy ham muốn gì trong lúc này, nhưng ông thấy may mà là bà cụ già đã thật tử tế mà qua đời sau đấy chứ không phải là trước khi ông được tận hưởng cảm giác kỳ diệu. Kể ra thì nghĩ vậy, cũng không được đàn hoàng lắm, nhưng biết làm sao được. Corinne, vợ cũ của ông, vẫn nói rằng đàn ông sinh ra là đã bậy bạ sẵn rồi.

Cô gối đầu lên vai ông. “Em rất vui vì anh đến.”

“Anh cũng thế.” Đó hoàn toàn là sự thật.

“Anh có nghĩ họ biết chúng ta đang cùng nhau không?”

Hodges ngẫm nghĩ. “Dì Charlotte biết, nhưng cho dù không thế này thì bà ấy cũng vẫn biết.”

“Và anh có thể dám chắc điều đó vì anh được đào tạo...”

“Chính xác. Đi ngủ nào, Janey.”

Cô nhắm mắt, nhưng khi ông thức giấc lúc tảng sáng, vì nhu cầu đi vệ sinh, cô đang ngồi bên cửa sổ, nhìn ra ngoài bãi đỗ xe và khóc. Ông, đặt ta lên vai cô. Cô ngược lên. “Em làm anh tỉnh giấc rồi. Em xin lỗi.”

“Không, đây là giờ xả nước lúc ba giờ sáng mọi khi của anh. Em vẫn ổn chứ?”

“Vâng. Ừ.” Cô mỉm cười, rồi lau nước mắt bằng bàn tay nắm lại như một đứa trẻ. “Chỉ là em căm ghét bản thân mình đã đẩy mẹ đến Sunny Acres.”

“Nhưng bà ấy muốn đến đó, em bảo vậy còn gì.”

“Vâng. Mẹ muốn thế. Nhưng dường như cũng chẳng làm thay đổi cảm giác của em chút nào.” Janey nhìn ông, ánh mắt rầu rĩ và lấp loáng nước. “Em còn căm ghét chính mình vì đã bỏ mặc Olivia làm hết phần vất vả trong khi em ở California.”

“Với tư cách là một thanh tra được đào tạo bài bản, anh suy luận rằng khi đó em đang cố tìm cách cứu vãn cuộc hôn nhân của mình.”

Cô trao cho ông một nụ cười nhợt nhạt. “Anh là một người tốt. Bill ạ. Đi vệ sinh đi nào.”

Khi ông quay ra, cô đã lại nằm cuộn tròn trên giường. Ông choàng tay quanh người cô và họ nằm úp thìa cho đến hết đêm.



Sáng sớm Chủ nhật, trước lúc đi tắm, Janey hướng dẫn ông cách sử dụng iPad. Hodges vào trang Chiếc ô Xanh của Debbie và thấy có một tin nhắn từ tên Sát nhân Mercedes. Nó ngắn đến cụt lùn: *Tao sẽ cho mày sống dở chết dở, đồ khom già.*

“Ừ, nhưng hãy cho tao biết mày thực sự cảm thấy như thế nào,” ông nói, và bắt ngớ với chính mình khi bật cười.

Janey ra khỏi phòng tắm quần người trong một chiếc khăn, hơi nước tỏa ra quanh người cô như một hiệu ứng đặc biệt của Hollywood. Cô hỏi ông cười vì chuyện gì. Hodges cho cô xem tin nhắn. Cô chẳng thấy nó buồn cười chút nào.

“Em hy vọng anh biết mình đang làm gì.”

Hodges cũng hy vọng thế. Có một điều mà ông biết chắc: khi về đến nhà, ông sẽ lấy khẩu Glock .40 mà ông vẫn mang theo người khi còn đương chức ra khỏi két trong phòng ngủ và bắt đầu mang nó bên mình. Happy Slapper giờ không đủ nữa.

Điện thoại bên cạnh cái giường đôi đổ chuông. Janey nghe máy, trao đổi gọn lỏn, gác máy. “Dì Charlotte gọi. Bà ấy đề xuất là Liên hiệp Ăn chơi tập trung ăn sáng sau hai mươi phút nữa. Em nghĩ bà ấy đang nóng lòng đến Sugar Heights và bắt đầu kiểm tra các món đồ bạc.”

“Được thôi.”

“Bà ấy cũng phàn nàn là cái giường cứng quá thể đáng và bà ấy phải uống thuốc dị ứng vì mấy cái gỗi mút.”

“Ừ hứ. Janey, máy tính của Olwia vẫn còn ở ngôi nhà Sugar Heights chứ?”

“Chắc chắn rồi. Trong căn phòng chị ấy dùng để làm việc.”

“Em có thể khóa phòng đó lại để họ không vào được không?”

Cô ngừng lại giữa lúc đang cài áo ngực, đông cứng lại với tư thế đó trong giây lát, cúi chỗ cô luồn ra sau, một nguyên mẫu của phái đẹp. “Quý tha ma bắt trò đó đi, em chỉ cần bảo họ đừng có vào là xong. Em sẽ không để cho bà ấy hăm dọa mình đâu. Mà anh thấy Holly thế nào? Anh có hiểu được bất kỳ điều gì cô ấy nói không?”

“Anh cứ tưởng cô ấy gọi một cái bánh xì hơi cho bữa tối cơ,” Hodges thú nhận.

Janey đổ vật xuống chiếc ghế mà lúc tỉnh giấc hồi đêm ông đã thấy cô ngồi khóc, chỉ có điều lúc này cô lại cười. “Anh yêu, anh thật là một thanh tra tồi. Mà theo nghĩa này thì lại là tốt.”

“Sau khi công việc tang lễ đã xong xuôi và họ đi khỏi...”

“Cùng lắm là thứ Năm,” cô nói. “Họ mà ở lâu hơn chắc em sẽ phải giết họ mất.”

“Và không bồi thẩm đoàn nào trên đời này sẽ buộc tội em. Sau khi họ đi, anh muốn đưa cậu bạn Jerome đến kiểm tra cái máy tính ấy. Lẽ ra anh nên đưa cậu ấy đến sớm hơn, nhưng...”

“Họ sẽ bu lấy cậu ấy mất. Cả em nữa.”

Hodges nghĩ đến đôi mắt soi mói sáng quắc của dì Charlotte, đồng tình.

“Chẳng phải những gì liên quan đến Chiếc Ô Xanh sẽ không còn nữa sao? Em tưởng nó sẽ mất sạch mỗi lần anh rời khỏi trang đó.”

“Điều anh quan tâm đến không phải là Chiếc ô Xanh của Debbie. Mà là những con ma chị gái em đã nghe thấy trong đêm.”



**T**rong khi bước ra thang máy, ông hỏi Janey một điều đã khiến ông day dứt suốt từ khi cô gọi chiều hôm trước. “Em có nghĩ những câu hỏi về Olivia đã gây ra cơn đột quỵ của mẹ em không?”

Cô nhún vai, tỏ vẻ không vui. “Chẳng có cách nào biết được. Bà đã nhiều tuổi lắm rồi - ít nhất cũng già hơn dì Charlotte bảy tuổi, em nghĩ thế - và những cơn đau kinh niên đã làm bà suy sụp rất nhiều.” Rồi, cô ngần ngừ: “Có lẽ cũng có tác động phần nào.”

Hodges lùa một bàn tay qua mái tóc chải vội vàng của mình, làm nó bù xù như cũ. “Ái chà, Chúa ơi.”

Chuông thang máy vang lên. Họ bước vào. Cô quay sang và nắm chặt cả hai tay ông. Giọng cô gấp gáp và khẩn thiết.

“Có điều này em phải nói với anh. Nếu phải làm lại thì em vẫn sẽ làm. Mẹ đã sống một cuộc đời dài. Trong khi đó, Ollie xứng đáng có thêm vài năm nữa. Chị ấy cũng chẳng phải cực kỳ hạnh phúc, nhưng chị ấy đang sống yên ổn cho đến khi tên khốn kiếp ra tay với chị ấy. Cái... cái giống chim cú cu ấy. Ăn cắp xe của chị ấy rồi dùng nó để giết tám người và làm bị thương bao nhiêu người, em cũng chẳng biết nữa, thế vẫn chưa đủ đối với hần, đúng không? Ồ, không. Hần còn phải ăn cắp cả tâm trí của chị ấy nữa.”

“Vậy nên chúng ta mới phải ra tay.”

“Chính xác.” Tay cô siết chặt lại trên tay ông. “Chuyện này là của chúng ta, Bill. Anh có hiểu điều đó không? Chuyện này là của chúng ta.”

Dù thế nào ông cũng sẽ chẳng bao giờ dừng lại, một khi ý ông đã quyết vậy rồi, nhưng sự dữ dội trong câu trả lời của cô nghe thật dễ chịu.

Cửa thang máy mở ra. Holly, dì Charlotte và cậu Henry đang chờ trong sảnh. Dì Charlotte chăm soi họ bằng ánh mắt cú vọ soi mói, có lẽ đang sục kiếm cái mà người cộng sự cũ của Hodges vẫn gọi là vẻ mặt vừa mới chén nhau xong. Bà ta hỏi họ làm gì mà lâu thế, và rồi không đợi câu trả lời, đã bảo họ rằng đồ buffet sáng nhìn có vẻ lèo tèo. Nếu họ mong có món trứng ốp lết mà gọi thì họ không gặp may rồi.

Hodges nghĩ bụng Janey Patterson sắp phải đối mặt với những ngày dài dằng dặc cho mà xem.



Giống như hôm trước, ngày Chủ nhật cũng rục rờ như mùa hè.

Giống như hôm trước, bốn giờ chiều là Brady đã bán hết hàng, còn ít nhất là hai tiếng mới đến giờ ăn tối và các công viên bắt đầu vắng người. Hẳn tính gọi về nhà xem mẹ hẳn thích ăn gì vào bữa tối, nhưng rồi lại quyết định mua đồ ở Long John Silver's mang về và khiến bà ta ngạc nhiên. Bà ta khoái món tôm hùm Langostino Lobster Bites.

Trở trêu thế nào cuối cùng Brady mới là người ngạc nhiên.

Hắn vào nhà từ lối garage, và câu chào của hắn - Mẹ ơi, con về nhà rồi! - chết lịm trên môi. Lần này bà ta đã nhớ tắt bếp lò nhưng mùi món thịt bà ta nướng để ăn trưa vẫn còn lơ lửng trong không khí. Từ phòng khách vọng ra một âm thanh thành thịch tắc nghẹn và tiếng ăng ặc lạ lùng.

Có một chiếc chảo đặt trên bếp. Hắn ghé lại nhìn vào và thấy những vụn bánh hamburger nướng cháy nhô lên như những ngọn núi lửa nhỏ trên một bề mặt dầu mỡ sền sệt. Trên quầy bếp là một chai Stoll còn một nửa và một lọ mayonnaise, đó là tất cả những gì bà ta vẫn dùng để phết ăn kèm món hamburger.

Những túi đồ ăn làm tẩm vết mỡ rơi tuột khỏi tay hắn.

Brady thậm chí còn không nhận ra.

Không, hẳn nghĩ. Không thể thế được.

Nhưng đúng là như thế. Hắn mở tung tủ lạnh nhà bếp và kia rồi, giá trên cùng, là cái túi Baggie đựng món thịt tẩm độc. Có điều bây giờ đã thiếu mất một nửa.

Hắn trôn trối nhìn nó với ánh mắt ngờ ngẩn, trong đầu nghĩ, Bà ấy chẳng bao giờ kiểm tra cái tủ lạnh mini trong garage. Không bao giờ. Đó là đồ của mình.

Tiếp theo là một ý nghĩ khác: Làm sao biết được là bà ấy có kiểm tra không khi mà y vắng mặt? Mà y chẳng biết thừa là bà ấy đã lúc lọi tất cả ngăn kéo và sục sạo cả dưới đệm của mà y còn gì.

Tiếng ăng ặc đó lại vọng ra. Brady chạy ào lên phòng khách, đá tung một cái túi đồ ăn Long John Silver's vào dưới bàn bếp và để mặc cửa tủ lạnh mở toang. Mẹ hắn đang ngồi cứng đờ người trên ghế. Bà ta mặc pajama bằng lụa xanh. Bề mặt áo có một mảng nôn ọe loang lổ những vết máu. Bụng bà ta phưỡn ra, là nút áo chật căng; đó là cái bụng của một người đàn bà có chửa bảy tháng. Tóc bà ta dựng đứng lên thành một mớ rối tinh điên khùng trên bộ mặt tái bợt như tờ giấy. Hai lỗ mũi ứa máu. Mắt bà ta lồi ra. Bà ta không nhìn thấy hắn, hoặc ban đầu hắn tưởng là vậy, nhưng rồi bà ta chìa cả hai tay ra.

“Mẹ, mẹ ơi!”

Ý tưởng đầu tiên của hắn là võ lưng bà ta, nhưng hắn thấy chiếc bánh hamburger đã ăn gần hết trên cái bàn cà phê bên cạnh những gì còn lại của thứ chắc chắn đã từng là một ly cocktail Screwdriver to bự, và biết rằng võ lưng sẽ chẳng ăn thua gì. Thứ đó không bị mắc trong cổ họng bà ta. Giá mà như thế thì tốt.

Âm thanh thành thịch mà hắn nghe thấy khi vào nhà lại vang lên khi chân bà ta bắt đầu giậm lên giậm xuống. Như thế bà ta đang đi đều tại chỗ. Lưng bà ta cong lại. Hai cánh tay bà ta hất thẳng lên trên. Giờ thì bà ta đang đồng thời vừa đi đều vừa ra hiệu rằng cú sút bóng ghi bàn rất tốt. Một bàn chân tung ra và đá vào cái bàn cà phê. Ly Screwdriver của bà ta đổ lộn.

“Mẹ!”

Bà ta giật ngửa người ra sau dựa vào đệm lưng, rồi lại giật chồm về trước.

Ánh mắt đau đớn của bà ta trừng trừng nhìn hắn. Bà ta ăng ặc bật ra tiếng gì đó nấc nghẹn nghe như có thể là tên hắn hoặc cũng có thể không phải.



Người ta làm gì với những bệnh nhân bị ngộ độc ấy nhỉ?

Trúng sống? Hay là COCA-COLA? Không, Coke là dành cho những người bị đau bụng thôi, còn bà ta đã đi xa khỏi ngưỡng đó rồi.

Phải thọc ngón tay xuống cổ họng bà ấy mới được, hănh nghĩ. Bắt bà ấy ọe ra.

Nhưng rồi hàm răng bà ta bắt đầu thực hiện cuộc điều binh của chính chúng và hănh rút lại bàn tay vừa thập thò đưa ra, thay vào đó, hănh lấy lòng bàn tay bụm miệng. Hănh nhận ra bà ta đã cắn gằn nhưng nát bươm môi dưới; máu trên áo của bà ta từ đó mà chảy xuống. Thật ra là một phần.

“Brayvie!” Bà ta thều thào trong hơi thở hỗn hển. Câu sau đứt quãng nhưng vẫn có thể hiểu được. “Gại... chí... mọt... mọt!”

Gọi 911.

Hănh bước lại chỗ để điện thoại và cầm nó lên trước khi nhận ra mình thực sự không thể làm việc đó. Hănh nghĩ đến những câu hỏi không thể trả lời sẽ ập đến. Hănh đặt nó xuống và lòng lộn lao tới chỗ bà ta.

“Tại sao mẹ lại mò ra đây làm gì hả, mẹ? Tại sao?”

“Brayvie! Chỉ-mọt-mọt!”

“Mẹ ăn nó lúc nào hả? Được bao lâu rồi?”

Thay vì trả lời, bà ta lại bắt đầu điều binh. Đầu bà ta giật ngửa lên và đôi mắt trợn lồi nhìn trần trần lên trần nhà một hai giây trước khi cái đầu lại giật chồm về phía trước. Lưng bà ta không chuyển động; cứ như thể đầu bà ta được gắn trên vòng bi vậy. Những tiếng ăng ặc quay trở lại - tiếng nước cổ thoát xuống đường ống bị mắc kẹt. Miệng bà ta há ra và bà ta nôn thốc nôn tháo. Chỗ nôn trút vào lòng bà ta thành một mảng ướt nhoét, và ôi Chúa ơi, quá nửa là máu.

Hănh nghĩ đến tất cả những lần hănh cầu cho bà ta chết.

Nhưng mình không bao giờ muốn mọi chuyện như thế này, hănh nghĩ. Không bao giờ.

Một ý tưởng lóe lên trong đầu hănh như một tia chớp lẻ loi sáng chói giữa đại dương bão tố. Hănh có thể tìm ra cách chữa cho bà ta ở trên mạng. Tất cả mọi thứ đều có trên mạng hết.

“Con sẽ giải quyết chuyện này,” hấn nói, “nhưng con phải xuống dưới hầm vài phút. Mẹ cứ... cố chịu nhé, mẹ. Cố gắng...” Suýt nữa thì hấn nói *Cố gắng thư giãn*.

Hấn chạy vào bếp, về phía cánh cửa dẫn đến phòng điều khiển. Dưới đó hấn sẽ tìm ra cách cứu bà ta. Mà dù không tìm được thì hấn cũng không phải chứng kiến bà ta chết.



Từ khóa để bật đèn là điều khiển, nhưng hấn đã nói cả ba lần, tăng hần vẫn chìm trong bóng tối. Brady nhận ra chương trình nhận dạng giọng nói không hoạt động vì giọng hấn nghe không giống hấn tí nào, và như thế có kỳ lạ không? Có cái mà mẹ gì kỳ lạ không hả?

Hấn đành bật bằng công tắc và đi xuống, trước tiên là đóng cửa lại - và chặn những âm thanh quỷ quái vọng ra từ phòng khách - sau lưng mình.

Hấn thậm chí còn không thử dùng giọng nói để khởi động động máy tính, mà chỉ bật máy Số Ba bằng nút bấm sau màn hình. Màn đếm ngược để khởi động chương trình Xóa sạch hiện lên và hấn dừng nó lại bằng cách nhập mật khẩu. Nhưng hấn không tìm kiếm thuốc giải; đã quá muộn để làm điều đó, và khi ngồi đây giữa chốn an toàn của mình, hấn tự cho phép bản thân ý thức rõ điều đó.

Hấn cũng biết chuyện này xảy ra thế nào. Hôm qua bà ta đang hoảng đầu ra đấy, giữ mình tỉnh táo đủ lâu để làm một bữa tối tử tế cho hai mẹ con, nên hôm nay bà ta mới tự thưởng.

Uống đến phê lòi, rồi tự nhủ rằng nên ăn chút gì đó cho đã rượu trước khi cục cưng của bà ta về nhà. Không tìm được gì thỏa mãn trong tủ lạnh hoặc tủ lạnh. Ồ còn cái tủ lạnh mini trong garage thì sao nhỉ? Nước ngọt thì bà ta không quan tâm, nhưng biết đâu lại có đồ ăn vặt. Chỉ có điều bà ta tìm được thứ thậm chí còn tuyệt vời hơn, một chiếc túi Baggie nhét đầy hamburger tươi ngon.

Nó làm Brady nghĩ đến một câu nói - bất kỳ chuyện gì có thể hỏng bét thì nhất định sẽ hỏng bét. Có phải Nguyên tắc Peter không ấy nhỉ? Hấn lên

mạng để tra cứu. Sau một hồi mò mẫm hẳn phát hiện ra rằng đó không phải là Nguyên tắc Peter mà là Định luật Murphy. Theo tên một người tên là Edward Murphy. Cái thằng cha chế tạo phụ tùng máy bay. Ai mà biết chứ?

Hẳn lướt qua vài trang khác - kỳ thực cũng khá nhiều - và chơi một vài ván xếp bài. Khi nghe thấy tiếng đập uỳnh uỳnh chát chúa trên nhà, hẳn quyết định nghe vài bài hát trong chiếc iPod. Thứ gì đó vui vẻ. Có lẽ là The Staple Singers.

Và khi bài “Respect Yourself” vang lên, hẳn vào trang Chiếc Ô Xanh của Debbie để xem có tin nhắn nào của lão cớm béo về vườn không.



**K**hi không thể chịu đựng thêm được nữa, Brady rón rén bước lên nhà. Trời đã chạng vạng tối. Mùi hamburger tẩm độc đã bay gần hết, nhưng mùi bãi nôn thì vẫn nồng nặc. Hắn vào phòng khách. Mẹ hắn đang nằm trên sàn nhà cạnh chiếc bàn cà phê lúc này đã lộn sấp. Mắt bà ta trợn trừng trừng lên trần nhà.

Môi bà ta nhe ra tạo thành một nụ cười nhăn nhó toang hoác.

Tay bà ta co quắp lại thành móng vuốt. Bà ta đã chết.

Brady nghĩ, Tại sao lúc đói mẹ lại đi ra garage hả? Ôi mẹ ơi là mẹ ơi, lạy Chúa cái gì đã nhập vào mẹ vậy?

Bất kỳ chuyện gì có thể hỏng bét thì nhất định sẽ hỏng bét, hắn nghĩ, và rồi, khi nhìn vào mớ hỗn độn bà ta đã gây ra, hắn tự hỏi không biết nhà có còn thuốc tẩy để giặt thảm không.

Đây là lỗi của Hodges. Tất cả đều xuất phát từ lão.

Hắn sẽ giải quyết ổn thỏa với lão thanh tra nghỉ hưu, và sớm thôi. Tuy nhiên ngay lúc này hắn có một vấn đề cấp bách hơn. Hắn ngồi xuống để suy tính về nó, ngồi trên chiếc ghế hắn vẫn dùng khi xem ti vi cùng bà ta. Hắn nhận ra rằng mẹ mình sẽ chẳng bao giờ xem chương trình truyền hình thực tế nào nữa cả. Thật buồn... nhưng kỳ thực cũng có mặt buồn cười của nó.

Hắn tưởng tượng cảnh Jeff Probst gửi hoa đến với tấm thiệp mang dòng chữ *Những người bạn từ chương trình Survivor kính viếng*, và thế là hắn không nhịn được cười.

Hắn phải làm gì với bà ta bây giờ? Hàng xóm sẽ không để ý đến sự vắng mặt của bà ta vì mẹ hắn chẳng bao giờ dính dáng đến họ cả, bà ta luôn gọi họ là lũ phiền nhiễu. Bà ta cũng chẳng có bạn bè gì, thậm chí cả bạn nhậu cũng không nốt, vì bà ta toàn uống ở nhà. Có một lần, trong một khoảnh khắc hiếm hoi tự nhìn nhận chính mình, bà ta nói với hắn rằng bà ta không tới quán rượu vì ở đó toàn bọn say xỉn giống hệt mình.

“Đó là lý do mẹ không ném thứ chết tiệt đó trước và dừng lại, phải không?” hắn hỏi cái xác. “Mẹ say bí tỉ rồi chứ còn sao nữa.”

Hắn ước giá mà nhà có tủ đông lạnh. Nếu có thì hắn đã nhét xác bà ta vào luôn rồi. Đã có lần hắn xem cảnh đó trong một bộ phim. Hắn không dám để bà ta trong garage; không hiểu sao việc đó có vẻ hơi lộ liễu. Hắn nghĩ mình có thể bọc bà ta vào một tấm thảm và mang xuống tầng hầm, chắc chắn sẽ nhét vừa bà ta bên dưới cầu thang, nhưng làm sao hắn có thể làm ăn được gì khi biết bà ta ở đó? Biết rằng, ngay cả khi cuộn trong một tấm thảm, mắt bà ta vẫn đang mở trừng trừng?

Hơn nữa, tầng hầm là chỗ của hắn. Phòng điều khiển của hắn.

Cuối cùng hắn nhận ra chỉ có một cách duy nhất. Hắn cắp bà ta dưới nách và lôi ra cầu thang. Khi ra đến nơi thì quần pajama của bà ta đã tụt xuống, để lộ ra thứ mà thỉnh thoảng bà ta vẫn gọi (đã từng, hắn tự nhủ) là cô bé của mình. Một lần, khi hắn ở trên giường với bà ta và bà ta đang giúp hắn giải tỏa một cơn đau đầu cực kỳ tồi tệ, hắn cố sờ vào nó và bà ta đã đập tay hắn ra. Rất đau. *Đừng bao giờ*, bà ta nói.

Brady kéo bà ta lên cầu thang, từng bậc một. Cái quần pajama tụt xuống tận mắt cá chân bà ta và dờn dờn lại đó.

Hắn nhớ lại cảnh bà ta đứng lên ngồi xuống trên ghế trong giây phút vật vã cuối cùng. Thật khủng khiếp. Nhưng, giống như chuyện Jeff Probst gửi vòng hoa viếng, nó cũng có góc độ buồn cười cho dù không phải là kiểu nói đùa mà ta có thể giải thích với người khác. Đó là một kiểu thiên.

Tới hành lang. Vào phòng ngủ của bà ta. Hắn đứng thẳng người lên, nhăn mặt vì cơn đau dưới lưng. Chúa ơi, bà ta nặng quá thể đáng. Như thể thần chết đã nhồi thêm ít thịt đặc bí hiểm gì đó vào trong thân xác bà ta vậy.

Không sao hết. Làm cho xong đi.

Hắn kéo quần bà ta lên, chỉnh trang cho bà ta tử tế - trong chùng mực khả dĩ nhất với một xác chết mặc bộ pajama đầy vết nôn mửa - và bế bà ta lên giường, một cơn đau mới lại nhói lên ở lưng khiến hắn phải rên thành tiếng. Lần này khi đứng thẳng, hắn thấy sống lưng mình đang kêu răng rắc. Hắn nghĩ đến việc cởi bộ đồ ngủ của bà ta ra và thay bằng thứ gì đó sạch sẽ - có lẽ là một cái áo phong cỡ XL mà thỉnh thoảng bà ta vẫn mặc đi ngủ - nhưng thế nghĩa là lại phải nâng vác và xoay xở với những gì bây giờ chỉ còn là những cân thịt cam lạng treo trên cái mắc áo xương. Nhờ may hắn bị sạm lưng thì sao?

Ít nhất hắn cũng có thể lột cái áo ra, đó là nơi tập trung hầu hết chỗ bẩn, nhưng thế hắn lại phải nhìn ngực của bà ta. Đó là chỗ bà ta cho hắn sờ vào, nhưng cũng chỉ thỉnh thoảng thôi. Cậu bé đẹp trai của mẹ, bà ta vẫn nói thế trong những lần đó.

Bà ta lùa những ngón tay qua tóc hắn hoặc xoa bóp cổ hắn, đó là nơi cơn đau đầu hình thành, rình rập và nhe nanh vuốt. Cục cưng đẹp trai của mẹ.

Cuối cùng hắn chỉ rút ga trải giường lên, phủ kín bà ta hoàn toàn. Nhất là đôi mắt mở trừng trừng ấy.

“Xin lỗi mẹ,” hắn nói, nhìn xuống khối hình thù màu trắng. “Không phải lỗi của mẹ.”

Không. Đó là lỗi của lão cớm béo về vườn. Brady đã mua GOPHER-GO để đầu độc con chó, đúng thế, nhưng chỉ là như một cách để tấn công Hodges và biến đầu óc lão thành một mớ bung bét. Giờ thì đầu óc Brady mới gọi là bung bét. Đây là chưa kể cái phòng khách. Hắn có rất nhiều thứ phải xử lý dưới đó, nhưng trước hết hắn còn phải làm một việc khác đã.



**H**ắn trấn tĩnh lại và lần này mệnh lệnh bằng giọng nói của hắn có tác dụng. Hắn không lãng phí thời gian, ngồi thẳng xuống trước máy Số Ba và vào trang Chiếc Ô Xanh của Debbie. Tin nhắn của hắn cho Hodges vừa ngắn vừa đi thẳng vào vấn đề.

*Tao sẽ giết mày.*

*Mày sẽ không kịp thấy tao ra tay đâu.*



# CHƯƠNG V

## GỌI HỒN

### 1



Ngày thứ Hai, hai ngày sau khi Elizabeth Wharton qua đời, Hodges lại một lần nữa ngồi ở quán DeMasio's. Lần gần đây nhất ông đến đây là để ăn trưa với cộng sự cũ. Lần này là bữa tối. Bạn đồng hành của ông là Jerome Robinson và Janelle Patterson.

Janey khen bộ vest của ông, vốn đã vừa hơn nhiều dù ông mới chỉ giảm được vài cân (và khẩu Glock ông đang mang bên hông hầu như không bị lộ ra). Jerome lại thích chiếc mũ mới, một chiếc mũ phớt màu nâu mà Janey bỗng nổi hứng mua cho Hodges đúng ngày hôm ấy, và tặng nó cho ông một cách trang trọng. Vì giờ đây ông là thám tử tư, cô nói, mà thám tử tư nào cũng nên có một chiếc mũ phớt để có thể kéo sụp xuống che một bên mày.

Jerome thử đội cái mũ và chỉnh cho nó nghiêng giống hệt thế. “Bác thấy thế nào? Trông cháu giống Bogie không?”

“Bác ghét phải làm cháu thất vọng,” Hodges nói, “nhưng Bogie là người da trắng cơ mà.”

“Trắng lóa ấy chứ,” Janey bổ sung.

“Cháu quên mất.” Jerome lẳng cái mũ lại cho Hodges, ông đặt nó xuống dưới ghế, tự nhắc mình đừng có quên khi ra về. Hoặc giảm phải.

Ông hài lòng khi thấy hai vị khách mời thích nhau ngay lập tức. Jerome - một cái đầu chín chắn gắn trên cơ thể trẻ trung, nhiều lúc Hodges vẫn nghĩ thế - đã làm điều đúng đắn ngay sau khi trò ngốc nghếch dạo đầu câu chuyện về cái mũ kết thúc, cậu nắm lấy một bàn tay của Janey bằng cả hai tay mình và chia buồn với mất mát của cô.

“Cả hai người,” cậu nói. “Cháu biết là cô đã mất cả chị gái nữa. Nếu cháu mà bị mất người thân như thế, chắc cháu sẽ là người đau khổ nhất trên đời. Barbara phiền nhiễu lắm, nhưng cháu yêu con bé đến chết đi được.”

Cô cảm ơn cậu bằng một nụ cười. Vì Jerome còn quá trẻ để được phép uống rượu vang, tất cả đều gọi trà đá. Janey hỏi cậu về kế hoạch học đại học, và khi Jerome đề cập đến khả năng vào Harvard, cô nhướng mắt lên và nói, “Một anh chàng Hah-vad. Ôi, lạ Chu-úa tui.”

“Ngày Hodges sẽ phải tìm cho mình một thằng bé cắt bỏ mới!” Jerome thốt lên, và Janey cười rũ rượi đến nỗi phải nhổ một miếng tôm vào khăn ăn. Cô đỏ mặt, nhưng Hodges thấy mừng vì tiếng cười ấy. Lớp trang điểm cẩn thận cũng không giấu đi được hoàn toàn đôi gò má nhợt nhạt và cả những quầng thâm dưới mắt cô.

Khi ông hỏi thăm cô xem dì Charlotte, cậu Henry và Holly Lúng búng đang tận hưởng ngôi nhà lớn ở Sugar Heights như thế nào, Janey ôm lấy hai bên đầu như thể đang bị một cơn đau đầu quái vật tấn công.

“Hôm nay dì Charlotte gọi điện sáu lần. Em không phóng đại đâu. Sáu lần. Lần đầu tiên để báo cho em biết là Holly tỉnh giấc giữa đêm, không biết mình đang ở đâu, và lên cơn hoảng loạn. Dì C. nói là bà ấy đã suýt gọi xe cấp cứu nhưng cuối cùng cậu Henry cũng làm cho Holly trấn tĩnh lại bằng cách nói chuyện với cô ấy về giải NASCAR. Cô ấy phát cuồng vì trò đua xe độ. Theo như em hiểu thì cô ấy không bao giờ bỏ lỡ trò đó trên ti vi. Jeff Gordon là thần tượng của cô ấy.” Janey nhún vai. “Không thể hiểu được.”

“Cô Holly này bao nhiêu tuổi rồi ạ?” Jerome hỏi.

“Tâm tuổi cô, nhưng cô ấy bị một dạng... thiếu năng về cảm xúc, theo như cô hiểu thì là vậy.”

Jerome lặng yên ngẫm nghĩ, rồi nói, “Có lẽ cô ấy nên nghĩ lại về Kyle Busch<sup>[43]</sup> .”

“Ai cơ?”

“Không có gì.”

Janey nói dì Charlotte còn gọi để trầm trở về hóa đơn tiền điện hằng tháng, chắc chắn là phải nhiều lắm; để tâm sự rằng hàng xóm có vẻ rất lãnh đạm; để tuyên bố rằng có nhiều tranh ảnh kinh khủng và tất cả những trò nghệ thuật hiện đại ấy không hợp với gu của bà; để chỉ ra (mặc dù nghe cũng giống như một lời tuyên bố khác) rằng nếu Olivia nghĩ những cái đèn kia làm bằng thủy tinh carnival thì gần như chắc chắn chị ấy đã bị ăn quả lừa to đùng rồi. Cuộc gọi cuối cùng, nhận ngay trước lúc Janey ra khỏi nhà, mới là phiền phức nhất. Cậu Henry muốn Janey biết, theo lời bà dì, rằng ông ta đã xem xét kỹ vấn đề và vẫn còn chưa quá muộn để thay đổi quan điểm của cô về vụ hỏa táng. Bà ta cho biết ý tưởng đó khiến em trai mình rất bận lòng - ông ta gọi đó là “tang lễ của dân Viking” - và Holly thậm chí còn nhất định không chịu nhắc đến nó, vì nó làm cô khiếp sợ.

“Lịch về hôm thứ Năm của họ đã chốt rồi,” Janey nói, “và em thì đang đếm từng phút một.” Cô siết chặt tay Hodges và nói, “Dù sao cũng có một chút tin tốt đây. Dì C. nói là Holly rất thích anh.”

Hodges mỉm cười. “Chắc hẳn là vì nhìn anh giống Jeff Gordon.”

Janey và Jerome gọi đồ tráng miệng. Hodges, đang cảm thấy mình có đạo đức nên không gọi gì. Sau đó, trong lúc uống cà phê, ông bắt tay vào việc. Ông mang theo hai cặp hồ sơ, và chìa cho mỗi người một cặp.

“Toàn bộ ghi chép của anh đấy. Anh đã sắp xếp chúng bài bản nhất trong khả năng. Anh muốn hai người có chúng trong trường hợp có chuyện gì xảy ra với anh.”

Janey tỏ vẻ lo lắng. “Hắn đã nói gì nữa với anh trên cái trang đó vậy?”

“Không có gì,” Hodges nói. Lời nói dối buột ra trơn tru và đầy thuyết phục. “Chỉ là phòng xa thế thôi.”

“Bác chắc chứ ạ?” Jerome hỏi.

“Tuyệt đối luôn. Không có gì rõ ràng trong những ghi chép này, nhưng như thế không có nghĩa là chúng ta chưa đạt được tiến triển gì. Anh ấy một hướng điều tra có thể - anh nhắc lại là có thể - đưa chúng ta đến chỗ hãn. Từ giờ đến lúc ấy, điều quan trọng là cả hai người lúc nào cũng phải luôn cảnh giác với những gì đang diễn ra xung quanh mình.”

“BOLO như có mô tơ găng mông,” Janey nói.

“Chính xác.” Ông quay sang Jerome. “Và cụ thể thì cháu sẽ cảnh giác với những thứ gì nào?”

Câu trả lời rất nhanh chóng và tự tin. “Những phương tiện vòng qua vòng lại, nhất là những chiếc có tài xế là nam tuổi còn trẻ, trong khoảng từ hai năm đến bốn mươi. Mặc dù theo cháu thì bốn mươi cũng già lắm rồi. Như bác còn là đồ cổ cơ, Bill ạ.”

“Không ai ưa đồ mỏ nhọn đâu,” Hodges nói. “Dần dần rồi kinh nghiệm sẽ dạy cháu, chàng trai ạ.”

Elaine, bà chủ quán, luôn đến hỏi xem mọi chuyện thế nào. Họ nói với bà rằng tất cả đều ổn cả và Hodges gọi thêm cà phê cho cả bọn.

“Có ngay,” bà nói. “Trông ông ổn hơn rất nhiều so với lần trước, ông Hodges ạ. Nếu tôi nói vậy không làm ông phật ý.”

Hodges không hề phật ý. Ông thực sự cảm thấy ổn hơn lần trước. Nhẹ nhõm hơn nhiều so với những gì việc giám ba bốn cân có thể mang lại.

Khi Elaine đã đi khỏi và người phục vụ đã rót thêm cà phê, Janey nhào người qua bàn dán chặt ánh mắt vào ông. “Hương nào? Cho bọn em biết đi.”

Ông nhận ra mình đang nghĩ đến Donald Davis, kẻ đã nhận tội không chỉ giết vợ hãn mà còn cả năm người phụ nữ khác tại các điểm dừng chân dọc những tuyến cao tốc của miền Trung Tây. Chẳng bao lâu nữa ngài Davis đẹp trai sẽ nằm trong nhà tù bang, và chắc chắn sẽ ở đó nốt phần đời còn lại.

Hodges đã thấy tất cả những điều đó từ trước.

Ông không ngây thơ đến mức tin rằng mọi vụ án giết người đều được giải quyết, nhưng hầu hết trường hợp, tội giết người sẽ tự lộ ra. Điều gì đó

(ví dụ như xác người vợ tại mỏ đá bỏ hoang nào đó chẳng hạn) phơi bày ra. Như thế là có một sức mạnh thô vụng nhưng mạnh mẽ và trùm khắp đang hiện hữu, luôn cố gắng chấn chỉnh những điều sai trái. Những viên thanh tra phụ trách một vụ giết người chỉ việc đọc báo cáo, thăm vấn nhân chứng, gọi điện, nghiên cứu các bằng chứng pháp y... rồi chờ đợi sức mạnh đó ra tay. Khi nó ra tay (nếu nó ra tay), một hướng điều tra sẽ mở ra. Nó thường dẫn thẳng đến hung thủ, loại người mà tên Sát nhân Mercedes vẫn thường nhắc đến trong những bức thư của hắn là *perk*.

Hodges hỏi hai người ăn tối cùng mình, “Giả sử Olivia Trelawney thực sự đã nghe thấy ma thì sao?”



**T**rong bãi đỗ xe, bên cạnh chiếc Jeep Wrangler đã qua sử dụng nhưng vẫn còn chạy tốt mà bố mẹ tặng làm quà sinh nhật mười bảy tuổi, Jerome nói với Janey rằng cậu rất vui khi được gặp cô rồi hôn lên má cô. Cô tỏ vẻ bất ngờ nhưng thích thú.

Jerome quay sang Hodges. “Bác sẵn sàng rồi chứ, Bill? Mai bác cần gì không?”

“Chỉ cần cháu để ý đến thứ chúng ta đã bàn tới, để có thể sẵn sàng khi chúng ta kiểm tra máy tính của Olivia.”

“Cháu đang làm đây rồi.”

“Tốt. Và đừng quên chuyển lời hỏi thăm của bác tới bố mẹ cháu đấy.”

Jerome cười toe toét. “Nói cho bác biết nhé, cháu sẽ chuyển lời hỏi thăm của bác tới bố cháu, còn mẹ cháu thì...” Trong Feelgood Delight lại có vai diễn khách mời ngắn ngủi. “*Cháu sẽ troánh mẹ quý bà đóa trong cả tuần tới.*”

Hodges nhướn mày. “Cháu lại làm mẹ giận à? Nghe chẳng giống cháu gì cả.”

“Không, mẹ cháu bực mình tí thôi. Và cháu thông cảm được.” Jerome cười thích thú.

“Cháu đang nói chuyện gì vậy?”

“Ôi, bác ơi. Có một buổi diễn ở MAC tối thứ Năm. Cái nhóm nhạc nam vớ vẩn tên là Round Here. Barb và Hilda bạn nó cùng hai đứa bạn nữa muốn đi xem đến phát cuồng, dù cái ban nhạc ấy sến không thể nào tả nổi.”

“Em gái cháu bà nhiêu tuổi rồi?” Janey hỏi.

“Chín ạ. Sắp tròn mười tuổi.”

“Con gái tuổi đấy thích sến là đúng rồi. Kinh nghiệm của một cô bé mười một tuổi trước kia từng mê một nhóm Bay City Rollers đấy.” Jerome tỏ vẻ ngạc nhiên, và cô bật cười. “Cháu mà biết họ là ai thì cô sẽ mất hết sự tôn trọng dành cho cháu đấy.”

“Dẫu sao thì chưa đứa nào từng được đi xem biểu diễn ca nhạc cả, đúng không? Ý cháu là ngoài những thứ như Barney hoặc Sesame Street on Ice hay tương tự. Thế là chúng lằng nhằng mè nheo - thậm chí mè nheo với cả cháu nữa - nên cuối cùng mẹ cháu cũng xuôi và quyết định rằng vì buổi diễn bắt đầu từ sớm, lũ con gái có thể đi xem dù ngày hôm đó chúng phải đi học, với điều kiện phải có một trong hai người đi kèm. Họ rút thăm, đúng theo nghĩa đen, và mẹ cháu thua.”

Jerome lắc đầu. Về mặt cậu thì nghiêm nghị nhưng ánh mắt thì lấp lánh. “Mẹ cháu phải ở MAC với ba bốn nghìn đứa con gái từ tám đến mười bốn tuổi gào thét. Cháu có cần phải giải thích thêm gì về lý do cháu đang phải lảng tránh mẹ không?”

“Cô cá là bà ấy sẽ có một khoảng thời gian tuyệt vời,” Janey nói. “Có khi bà ấy đã từng gào thét vì Marvin Gay hoặc Al Green cách đây chưa lâu đâu.” Jerome chui vào chiếc Wrangler của mình, vẫy tay chào họ lần cuối, rồi rẽ ra Lowbriar. Chỉ còn lại Hodges và Janey đứng cạnh chiếc xe của Hodges, trong một đêm gần như mùa hè. Vầng trăng hạ huyền treo lơ lửng phía trên cây cầu vượt ngăn cách khu vực giàu có hơn của thành phố khỏi khu Lowtown.

“Một anh chàng được đấy,” Janey nói. “Anh thật may mắn khi có cậu ấy.”

“Ừ,” Hodges nói. “Anh may thật.”

Cô lấy chiếc mũ phớt ra khỏi đầu ông và đội nó lên, kéo vành mũ hơi sụp nghiêng một chút nhưng đầy vẻ khiêu khích. “Tiếp theo đây là gì vậy, thám tử? Chỗ của anh nhé?”

“Có phải em đang muốn điều mà anh hy vọng là em muốn không?”

“Em không muốn ngủ một mình.” Cô kiễ lên những đầu ngón chân để trả mũ cho ông. “Nếu em phải dâng hiến cơ thể để bảo đảm điều đó

không xảy ra, em nghĩ chắc mình phải làm vậy thôi.”

Hodges bấm nút mở cửa xe và nói, “Không ai có thể nói rằng anh thất bại trong việc lợi dụng một quý cô đang gặp khó khăn.”

“Ngài không phải là một quý ông, thưa ngài,” cô nói, rồi thêm, “Ờn Chúa. Đi thôi nào.”





Lần này tuyệt vời hơn vì họ đã hiểu nhau một chút. Cảm giác hồi hộp được thay bằng niềm háo hức. Khi màn yêu đương đã kết thúc, cô chui người vào một chiếc áo sơ mi của ông (chiếc áo to đến nỗi ngực cô biến mất hoàn toàn và đuôi áo rủ xuống quá đầu gối) rồi đi khám phá ngôi nhà nhỏ của ông. Ông căng thẳng bám theo sau.

Cô đưa ra phán quyết sau khi họ đã quay về phòng ngủ. “Không tệ đối với một chàng độc thân. Không có bát đĩa bẩn trong chậu, không có tóc trong bồn tắm, không có phim con heo trên nóc ti vi. Em thậm chí còn thấy một hai loại rau xanh trong ngăn mát, như thế là anh còn được cộng thêm điểm.”

Cô đã nâng hai lon bia trong tủ lạnh và chạm lon của mình vào lon của ông.

“Anh không bao giờ nghĩ lại ở đây cùng một phụ nữ khác,” Hodges nói. “Có lẽ là chỉ trừ con gái anh ra. Bọn anh nói chuyện qua điện thoại và mail, nhưng cũng đã hai năm nay, Allie không ghé thăm nơi này rồi.”

“Con bé về phe vợ cũ của anh trong vụ ly hôn à?”

“Anh nghĩ thế.” Hodges chưa bao giờ nghĩ về điều đó theo góc độ này. “Nếu thế thì có lẽ là nó đúng.”

“Có lẽ anh quá nghiêm khắc với mình đấy.”

Hodges nhấp bia. Mùi vị thật ngon lành. Ông vừa nhấp thêm ngụm nữa thì một ý nghĩ chợt nảy ra.

“Dì Charlotte có số điện thoại này không, Janey?”

“Không đời nào. Đó không phải lý do em muốn tới đây thay vì về căn hộ, nhưng nếu em nói ý nghĩ đó chưa bao giờ xuất hiện trong đầu mình, thì em đang nói dối đấy.” Cô nhìn ông với ánh mắt nghiêm nghị. “Anh sẽ tới dự buổi lễ tưởng niệm hôm thứ Tư chứ? Hãy nói là có đi. Xin anh. Em cần một người bạn.”

“Tất nhiên rồi. Anh sẽ có mặt ở lễ viếng hôm thứ Ba nữa.”

Cô có vẻ ngỡ ngàng, nhưng ngỡ ngàng một cách hạnh phúc. “Như thế thì vượt quá cả kỳ vọng.”

Với Hodges thì không. Lúc này ông đang ở chế độ điều tra toàn phần, và tham dự tang lễ của một người có liên quan đến vụ sát nhân - cho dù là chỉ dính dáng bên lề đi nữa - là quy trình tiêu chuẩn của cảnh sát. Ông không thực sự tin gã Mercedes sẽ xuất hiện ở lễ viếng hay lễ tưởng niệm hôm thứ Tư, nhưng không phải là hoàn toàn không có khả năng này. Hodges chưa xem báo hôm nay, nhưng tay phóng viên nhanh nhạy nào đó chắc hẳn đã liên hệ bà Wharton với Olivia Trelawney, con gái của bà Wharton, người đã tự tử sau khi chiếc xe của mình bị sử dụng làm vũ khí giết người. Mỗi liên hệ ấy cũng khó có thể gọi là tin tức gì đáng kể, nhưng ai cũng có thể nói về những cuộc phiêu lưu của Lindsay Lohan với ma túy và rượu. Hodges nghĩ ít nhất cũng phải có một cột ngắn.

“Anh muốn tới đó,” ông nói. “Em định làm gì với tro cốt?”

“Người phụ trách nhà tang lễ gọi đó là hỏa cốt,” cô nói, và chun mũi giống như cô vẫn làm khi nhại lại câu ừ của ông. “Nghe có ghê không? Cứ như thứ gì đó hòa vào cà phê vậy. May mắn là em dám chắc rằng mình sẽ không phải giành giật thứ đó với dì Charlotte và cậu Henry.”

“Không, em sẽ không phải làm thế đâu. Có một buổi tiếp khách viếng phải không?”

Janey thở dài. “Dì C. khẳng khẳng phải có. Vì vậy, buổi lễ bắt đầu lúc mười giờ, tiếp sau là tiệc trưa tại Sugar Heights. Trong lúc chúng ta ăn bánh sandwich được chuẩn bị sẵn và kể những câu chuyện ưa thích của mình về Elizabeth Wharton, người ở nhà tang lễ sẽ lo chuyện hỏa táng. Em sẽ quyết định nên làm gì với tro cốt sau khi ba người bọn họ rời đi hôm thứ Năm. Họ thậm chí sẽ không phải nhìn thấy cái bình cốt.”

“Đó là ý tưởng hay.”

“Cảm ơn, nhưng em phát sợ vụ tiệc trưa. Không phải vì bà Greene và những người bạn già còn lại của mẹ, mà là họ. Nếu dì Charlotte mà lên cơn, kiểu gì Holly cũng hoảng loạn. Anh sẽ đến dự cả bữa tiệc trưa nữa chứ?”

“Nếu em cho anh luồn tay vào bên trong chiếc áo sơ mi em đang mặc, anh sẽ làm bất kỳ điều gì em muốn.”

“Trong trường hợp đó, để em cởi cúc giúp anh.”



Cách chỗ Kermit William Hodges và Janelle Patterson đang nằm bên nhau trong ngôi nhà ở đường Harper không xa lắm, Brady Hartsfield đang ngồi trong phòng điều khiển. Tối nay hắn ngồi ở bàn làm việc thay vì dây máy tính. Và không làm gì hết.

Gần đó, giữa mớ dụng cụ, những mẩu dây điện, và thiết bị máy tính, là tờ báo thứ Hai, vẫn cuộn tròn trong lớp bao nylon mỏng. Hắn đã mua tờ báo khi tan ca ở Discount Electronix, nhưng chỉ là theo thói quen. Hắn chẳng quan tâm gì đến tin tức. Hắn còn những việc khác phải nghĩ đến. Làm cách nào để hắn có thể tiếp cận lão cớm. Làm thế nào để hắn lọt vào buổi diễn của Round Here ở MAC trong khi mặc chiếc áo khoác đánh bom tự sát đã được làm rất cẩn thận. Đây là nếu hắn thực sự có ý định làm điều đó. Ngay lúc này, tất cả có vẻ như sẽ tốn rất nhiều công sức. Một luống dài cần xới. Một ngọn núi cao phải trèo qua. Một... một...

Nhưng hắn không thể nào nghĩ ra được những cách so sánh khác. Mà phải chăng cái đó gọi là phép ẩn dụ nhỉ?

Có lẽ, hắn ủ rũ nghĩ, lẽ ra mình nên chết phắt đi luôn lúc này cho xong. Giải thoát khỏi những ý nghĩ khủng khiếp này. Những hình ảnh từ địa ngục.

Hình ảnh về mẹ hắn chẳng hạn, cảnh tượng bà ta giãy giụa trên ghế sau khi ăn chỗ thịt tẩm độc lẽ ra phải dành cho con chó của gia đình Robinson. Mẹ hắn với đôi mắt lồi và chiếc áo pajama phủ đầy vết nôn mửa - bức ảnh đó trông sẽ như thế nào trong album ảnh cũ của gia đình nhỉ?

Hắn cần phải suy nghĩ, nhưng có một cơn siêu bão đang hoành hành trong đầu hắn, một cơn bão Katrina cấp độ năm khổng lồ và dữ dội, và tất cả mọi thứ đang quay cuồng.

Chiếc túi ngủ Hướng đạo sinh cũ của hắn trải ra trên sàn tầng hầm, bên trên một cái đệm hơi hắn lôi ra từ garage. Cái đệm bị rò một chút. Brady thầm nghĩ, cần phải thay nó nếu hắn có ý định tiếp tục ngủ dưới này trong quãng đời còn lại của mình, dù nó có ngăn thế nào đi chăng nữa. Mà hắn còn có thể ngủ ở đâu được nữa? Hắn không dám ngủ trên giường của mình tầng hai, mẹ hắn nằm chết trên giường bà ta ngay cuối hành lang, có khi còn bắt đầu thối rữa ra thấm cả vào chần rồi cũng nên. Hắn đã bật máy điều hòa phòng bà ta lên và đặt nó ở chế độ rất mát, nhưng hắn không ảo tưởng rằng như thế sẽ có tác dụng gì nhiều. Hoặc được bao lâu. Ngủ trên ghế sofa phòng khách cũng không phải là một lựa chọn. Hắn đã lau dọn nó sạch hết mức có thể và lật tung hết cả những tấm đệm lên, nhưng vẫn còn nguyên mùi nôn mửa của bà ta.

Không, nhất định phải là ở dưới này, ở chỗ đặc biệt của hắn. Phòng điều khiển của hắn. Tất nhiên tầng hầm cũng có lịch sử khó chịu của nó; đó là nơi em trai hắn chết. Có điều chết vẫn còn là nói giảm đi nhiều, và cũng là hơi muộn để dùng cách nói kiểu đó.

Brady nghĩ đến chuyện hắn đã dùng tên của Frankie khi viết cho Olivia Trelawney qua trang Chiếc Ô Xanh của Debbie. Như thế Frankie đã sống lại trong một khoảng thời gian. Chỉ có điều khi con mụ Trelawney kia chết, Frankie cũng chết theo mụ ta.

Chết lần nữa.

“Dù sao tao cũng chưa từng ưa mày,” hắn vừa nói vừa nhìn về phía chân cầu thang. Đó là một giọng nói nghe trẻ con một cách lạ lùng, cao vút và run rẩy, nhưng Brady không nhận ra. “Và tao phải làm thế.” Hắn ngừng lại. “Mẹ con tao phải làm thế.”

Hắn nghĩ đến mẹ hắn, và những ngày xưa ấy bà ta mới xinh đẹp biết bao.

Những ngày xưa ấy.



**D**eborah Ann Hartsfield là một trong những cô nàng hiếm hoi thuộc đội cổ vũ vẫn giữ được cơ thể đã từng nhảy nhót và uốn éo dọc các đường biên dưới những dàn đèn vào các buổi tối thứ Sáu ngay cả sau khi đã sinh nở cao ráo, thân hình bốc lửa, mái tóc óng ả. Trong những năm đầu của cuộc hôn nhân, bà ta chẳng bao giờ uống hơn một ly vang cho bữa tối. Sao lại phải uống đến bét nhè khi cuộc sống tươi đẹp như thế lúc tỉnh táo? Bà ta có chồng, bà ta có một ngôi nhà ở mạn North Side của thành phố - không hẳn là một cung điện, nhưng ngôi nhà đầu tiên nào chẳng thế - và bà ta còn có hai đứa con trai.

Tại thời điểm mẹ hẳn trở thành bà góa, Brady tám tuổi còn Frankie lên ba. Frankie là một đứa trẻ không có gì đặc biệt, còn hơi chậm nữa là khác. Trong khi đó, Brady vừa xinh xắn lại vừa nhanh trí. Thật là một cậu bé quyến rũ! Bà ta cứng hẳn ra mặt, và hẳn cũng thấy thế với bà ta. Hai mẹ con hẳn dành những buổi chiều thứ Bảy dài năm ôm nhau trong chăn trên ghế sofa, xem những bộ phim ngày xưa và uống sô cô la nóng trong khi Norm hí húi trong garage còn Frankie thì bò loanh quanh trên thảm, chơi với những khối xếp hình hoặc một chiếc xe cứu hỏa đồ chơi mà nó thích đến mức còn đặt tên cho: Sammy.

Norm Hartsfield là thợ đi dây của công ty điện Central States Power. Ông ta có lương cao nhờ việc treo cột điện, nhưng tâm trí lại hướng vào những điều lớn lao hơn thế. Có lẽ, vào cái ngày hôm ấy, ông ta đã để mắt đến những điều đó thay vì công việc của mình bên tuyến đường 51, hoặc có thể đơn giản là ông ta đã hơi mất thăng bằng và với sai hướng khi gắng trụ

vững lại. Bất kể lý do có là gì đi nữa, kết quả thật bi kịch. Đồng nghiệp của ông ta chỉ báo cáo rằng họ phát hiện ra chỗ bị chập và lúc công việc sửa chữa đã gần xong thì anh ta nghe thấy tiếng lách tách. Đó là hai mươi nghìn volt của dòng điện tạo ra từ than của công ty CSP truyền vào cơ thể Norm Hartsfield. Người đồng nghiệp chỉ kịp ngẩng đầu lên nhìn thấy Norm chới với đổ nhào khỏi cái thang lồng và rơi cắm đầu từ độ cao hơn 12 mét xuống có với bàn tay trái tan chảy và ống tay áo đồng phục bốc cháy.

Vốn nghiệp thế tín dụng, giống hầu hết các gia đình trung lưu Mỹ ở giai đoạn cuối thế kỷ trước, gia đình Hartsfield có chưa đầy hai nghìn đô tiền tiết kiệm. Ngần ấy quả là ít ỏi, nhưng lại có hợp đồng bảo hiểm béo bở, và CSP còn hùn vào thêm bảy mươi nghìn để đổi lấy chữ ký của Deborah Ann vào tờ giấy miễn trừ cho công ty toàn bộ trách nhiệm liên quan đến cái chết của Norman Hartsfield. Đối với Deborah Ann, đó dường như là cả một cái xô khổng lồ đựng đầy tiền. Bà ta trả nốt tiền vay mua nhà và mua một chiếc xe mới. Không bao giờ trong đầu bà ta xuất hiện ý nghĩ rằng có những cái xô chỉ mức đầy duy nhất một lần.

Trước lúc gặp Norm, bà ta là thợ làm tóc, và lại quay về nghề đó sau cái chết của ông ta. Sau khi góa chồng được khoảng sáu tháng gì đó, bà ta bắt đầu đi lại với một người đàn ông mà bà ta gặp ngân hàng một ngày nọ - chỉ là quản lý cấp thấp, bà ta nói với Brady, nhưng gã có cái bà ta gọi là tiền đồ. Bà ta đưa gã về nhà. Gã vò tóc Brady và gọi hấn là dũng sĩ. Gã vò tóc của Frankie và gọi nó là dũng sĩ nhỏ. Brady không ưa gã (gã có những chiếc răng to bự, như tên ma cà rồng trong phim kinh dị), nhưng hấn không bộc lộ ác cảm của mình. Hấn đã học được cách chưng ra vẻ mặt hạnh phúc và giấu kín cảm xúc thật của mình.

Một đêm, trước khi đưa Deborah Ann ra ngoài ăn tối, gã bạn trai bảo với Brady, Mẹ cháu là một người quyến rũ và cả cháu cũng vậy. Brady mỉm cười và nói cảm ơn chú rồi hy vọng gã bạn trai sẽ gặp tai nạn xe và chết đi. Với điều kiện mẹ hấn không đi cùng với gã. Gã bạn trai có hàm răng đáng sợ không có quyền chiếm chỗ của bố hấn.

Đó là việc của Brady.

Frankie bị nghẹn táo trong lúc ti vi đang chiếu The Blue Brothers. Người ta coi đây là một bộ phim vui nhộn. Brady chẳng thấy phim này có gì là buồn cười, nhưng mẹ hắn và Frankie thì cười nghiêng ngả. Mẹ hắn đang vui vẻ và diện ngất trời vì bà ta chuẩn bị đi chơi với bạn trai. Chỉ chút nữa thôi là người trông trẻ sẽ tới. Người trông trẻ là một kẻ tham ăn ngu ngốc lúc nào cũng chỉ chăm chăm lục lọi xem trong tủ lạnh có gì ngon để chén không ngay khi Deborah Ann đi khỏi, cắm đầu đến nỗi chổng cả cái mông béo ị lên.

Có hai bát đồ ăn vặt trên bàn cà phê; một bát bỏng ngô, bát kia là táo xắt lát rắc bột quế. Trên phim người ta đang hát trong nhà thờ và một trong hai gã anh em nhà Blues nhào lộn dọc theo lối đi giữa. Frankie đang ngồi trên sàn nhà và cười sảng sặc khi gã béo nhào lộn. Khi hít vào để lấy hơi cười tiếp, nó hút luôn cả một miếng táo rắc bột quế xuống cổ họng. Miếng táo khiến nó không cười được nữa. Thay vào đó, nó bắt đầu giãy giụa và ôm lấy cổ họng.

Mẹ Brady hét lên và choàng tay vỗ lấy nó. Bà ta ghì chặt nó, cố làm cho miếng táo bật ra. Nó không ra. Mặt Frankie đỏ bừng lên. Bà ta thọc tay vào miệng nó rồi xuống họng, cố gắng chạm đến miếng táo. Không làm được. Màu đỏ trên gương mặt Frankie bắt đầu biến mất dần.

“Ôi lạy Chúa lòng lành,” Deborah Ann kêu lên và chạy ra chỗ cái điện thoại. Vừa nhắc nó lên bà ta vừa quát Brady, “Đừng có ngồi ngậy ra như một thằng khốn kiếp thế! Vỗ vào lưng em nó đi!”

Brady không thích bị quát, và từ trước đến nay mẹ chưa bao giờ gọi hắn là đồ khốn kiếp cả, nhưng hắn vẫn vỗ lên lưng Frankie. Hắn vỗ mạnh. Miếng táo vẫn không bật ra. Giờ thì mặt Frankie đang chuyển sang màu xanh lè. Brady nảy ra một ý. Hắn nhắm hai mắt cá chân Frankie và nhắc lên khiến cho đầu Frankie dốc ngược xuống và tóc nó quét trên tấm thảm. Miếng táo vẫn không bật ra.

“Đừng có láo toét như thế nữa, Frankie,” Brady nói.

Frankie tiếp tục thờ - đại loại thế, dù sao thì nó cũng đang phát ra những âm thanh ăng ặc khò khè - gần như đến khi xe cấp cứu tới nơi. Rồi nó ngừng lại. Những người trên xe cấp cứu vào nhà. Họ mặc quần áo đen



với những vạt vàng trên áo khoác. Họ bắt Brady đi vào trong bếp, để Brady không nhìn thấy những gì họ làm, nhưng mẹ hấn hét lên và sau đó hấn thấy những giọt máu trên mặt thảm.

Mặc dù vậy vẫn chẳng có miếng táo nào.

Rồi mọi người đều đi theo xe cấp cứu, chỉ trừ Brady. Hấn ngồi trên ghế sofa ăn bỏng ngô và xem ti vi. Không phải phim The Blues Brothers, The Blues Brothers thật ngu ngốc, chỉ toàn mấy cái trò hát hò rồi chạy loanh quanh. Hấn tìm thấy một bộ phim về một thằng điên bắt cóc lũ trẻ con trên xe buýt trường học. Thật là hấp dẫn.

Khi người trông trẻ béo ú xuất hiện, Brady nói, “Frankie bị nghẹn một miếng táo. Có kem trong tủ lạnh đấy. Kem Vanilla Crunch. Cô thích ăn bao nhiêu cũng được.” Có khi, hấn nghĩ bụng, nếu ăn nhiều kem đến mức nào đó, cô ta sẽ bị đau tim và hấn có thể gọi 911.

Hoặc không thì cứ để đồ chó cái ngu ngốc ấy nằm đấy. Thế có lẽ còn tốt hơn. Hấn có thể xem cô ta chết.

Cuối cùng, Deborah Ann về nhà lúc mười một giờ. Mẹ trông trẻ béo đã bắt Brady đi ngủ, nhưng hấn không ngủ được, và khi hấn xuống nhà trong bộ đồ ngủ, bà mẹ ôm ghì lấy hấn vào lòng. Mẹ trông trẻ hỏi Frankie thế nào rồi. Lúc nào mẹ ta cũng ra vẻ quan tâm giả tạo. Brady biết là giả tạo là bởi vì hấn chẳng hề quan tâm, vậy thì tại sao con mẹ trông trẻ béo ị ấy lại phải quan tâm chứ?

“Nó sẽ ổn thôi,” Deborah Ann nói, với một nụ cười tươi rói. Và rồi, sau khi mẹ kia ra về, bà ta bắt đầu khóc như điên. Bà ta lấy rượu vang trong tủ lạnh ra, nhưng thay vì rót ra ly, bà ta nốc thẳng từ cái chai.

“Có thể em nó không ổn đâu,” bà ta vừa nói với Brady vừa chùi rượu vang trên cằm. “Nó đang hôn mê. Con biết như thế nghĩa là gì không?”

“Có ạ. Giống như trong một chương trình về bác sĩ.”

“Đúng rồi.” Bà ta quỳ một đầu gối xuống, để hai mẹ con đối mặt nhau. Khi bà ta ở sát bên cạnh, mùi nước hoa bà ta đã xúc lên người cho buổi hẹn không bao giờ xảy ra tạo cho hấn một cảm giác rạo rức trong bụng. Cảm giác thật buồn cười nhưng dễ chịu. Hấn nhìn mãi vào vệt màu xanh trên mi mắt bà ta. Trông nó thật kỳ quặc nhưng hay hay.

“Nó đã ngừng thở một lúc lâu trước khi nhân viên cấp cứu có thể tạo được lối dẫn cho không khí đi xuống. Bác sĩ ở bệnh viện nói kể cả thoát khỏi được tình trạng hôn mê, nó cũng có thể bị tổn thương não.”

Brady nghĩ Frankie đã tổn thương não từ trước rồi - nó ngu kinh khủng, lúc nào cũng ôm khư khư cái xe cứu hỏa ấy - nhưng hẳn không nói gì. Mẹ hẳn đang mặc một cái áo hẳn cả hai đầu núm ngực. Điều đó cũng tạo cho hẳn một cảm giác lạ lùng.

“Nếu mẹ nói với con điều này, con có hứa sẽ không bao giờ nói với bất kỳ ai không? Không nói với bất kỳ ai hết?”

Brady hứa. Hẳn rất giỏi giữ bí mật.

“Có lẽ sẽ tốt hơn nếu em con chết đi. Vì nếu nó tỉnh lại và bị tổn thương não, mẹ không biết chúng ta sẽ phải làm gì nữa.”

Rồi bà ta ghì hẳn vào lòng và tóc bà ta cọ vào bên mặt hẳn còn mùi nước hoa thì sực nức. Bà ta nói, “Ồn Chúa đó không phải là con, cục cưng ạ. Tạ ơn Chúa vì điều đó.”

Frankie tỉnh lại thật, và đương nhiên là nó bị tổn thương não. Nó chưa bao giờ khôn ngoan (“Giống bố nó,” Deborah Ann có lần nói), nhưng so với bây giờ thì cái hồi trước khi xảy ra vụ nghẹn táo ấy nó là một thiên tài. Nó biết tự đi vệ sinh rất muộn, phải mãi đến gần ba tuổi rưỡi, thế mà giờ nó lại quay về đóng bím. Vốn từ của nó giảm xuống còn có hơn chục từ. Thay vì bước đi, nó di chuyển quanh nhà bằng cách lết tập tễnh. Thỉnh thoảng nó lại thành linh đồ vật ra và ngủ mê mết, nhưng chỉ vào ban ngày thôi. Đêm đến, nó có xu hướng đi lang thang, và trước khi nó bắt đầu những chuyến săn đêm ấy, nó thường lột bỏ mấy cái bím Pamper. Đôi khi nó trèo vào giường với mẹ. Còn chủ yếu là nó vào giường với Brady, làm hẳn tỉnh giấc thấy cái giường ướt sũng còn Frankie thì đang chăm chăm nhìn hẳn với vẻ yêu thương ngơ ngẩn đáng sợ.

Frankie suốt ngày phải đi khám bác sĩ. Nó không bao giờ thở được tử tế. Nhẹ nhất thì cũng là tiếng khò khè ướt nhoét, còn nặng nhất, khi nó bị cảm lạnh như cơm bữa, thì nghe như tiếng sũa khăng khặc. Nó không còn ăn được đồ ăn rắn nữa; thức ăn của nó phải được xay nhuyễn bằng máy và

nó ăn trong một cái ghế cao. Không có chuyện uống nước từ cốc bình thường nữa rồi, vậy nên nó lại phải quay về dùng bình tập uống.

Gã bạn trai ngân hàng đã cao chạy xa bay, và mục trông trẻ béo cũng không trụ lâu. Mục nói rằng rất lấy làm tiếc, nhưng mục không thể xoay sở được với Frankie trong tình trạng này. Một thời gian, Deborah Ann thuê một người chăm sóc cả ngày tại nhà nhưng cái bà ấy cuối cùng lại kiếm được nhiều tiền hơn cả những gì Deborah Ann kiếm được ở cửa hàng làm đẹp, nên bà ta phải cho bà kia nghỉ và cũng bỏ việc luôn. Sau đó hai mẹ con sống bằng tiền dành dụm. Bà ta bắt đầu uống nhiều hơn, đổi từ rượu vang sang vodka, bà ta gọi nó là một hệ thống giải thoát hữu hiệu hơn. Brady thường ngồi trên ghế với bà ta, uống Pepsi. Hai mẹ con nhìn Frankie bò loanh quanh trên thảm, một tay cầm chiếc xe cứu hỏa, còn tay kia cầm cái bình tập uống màu xanh, cũng đổ đầy Pepsi.

“Nó đang teo dần như chỏm băng vậy,” Deborah Ann thường nói, và Brady không phải hỏi bà ta nó ở đây là cái gì. “Và khi nó hết, chúng ta sẽ ra đường.”

Bà ta đi gặp một tay luật sư (cũng chính ở khu mua sắm ngoài trời mà nhiều năm sau Brady sẽ búng vào cổ một thằng đàn đáng ghét) và trả một trăm đô cho một lần tư vấn. Bà ta đưa Brady đi cùng. Tay luật sư tên là Greensmith. Ông ta mặc một bộ vest rẻ tiền và liên tục liếc trộm ngực của Deborah Ann. “Tôi có thể cho cô biết chuyện gì đã xảy ra,” ông ta nói. “Tôi chứng kiến rồi. Miếng táo đó để lại vừa đủ khoảng trống trong khí quản thẳng bé để nó vẫn thở được. Thật quá tệ là cô lại thọc tay vào cổ nó, tất cả là thế đấy.”

“Tôi chỉ cố móc nó ra thôi!” Deborah Ann phẫn nộ nói.

“Tôi biết, người mẹ tốt nào cũng sẽ làm vậy, nhưng thay vì móc ra cô lại đẩy nó vào sâu hơn, và chặn hoàn toàn khí quản của nó. Nếu mà là một nhân viên cấp cứu làm vậy thì còn kiện được. Đáng giá ít nhất vài trăm nghìn. Có khi còn là triệu rưỡi. Tôi chứng kiến rồi. Nhưng lại là cô. Và cô đã nói cho họ biết là cô đã làm điều đó. Đúng không?” Deborah Ann thừa nhận.

“Họ có thông khí quản cho nó không?”

Deborah Ann trả lời là có.

“Được rồi, thế là kiện được rồi. Họ dẫn một đường khí vào, nhưng khi làm thế, họ lại đẩy miếng táo tệ hại xuống sâu hơn nữa.” Ông ta ngồi ngả ra sau, xòe ngón tay lên cái áo sơ mi đã hơi ngả vàng, và lại nhòm đầu ti Deborah Ann lần nữa, có lẽ chỉ là để bảo đảm rằng chúng chưa tuột ra khỏi áo ngực của bà ta và bỏ chạy. “Thế là tổn thương não thôi.”

“Vậy ông sẽ nhận vụ này cho?”

“Sẵn lòng thôi, nếu bà có thể trang trải cho năm năm dai dẳng ra tòa. Bởi vì bệnh viện và các bên cung cấp bảo hiểm sẽ đấu tranh với bà từng bước một. Tôi chứng kiến rồi.”

“Bao nhiêu?”

Greensmith đưa ra một con số, và Deborah Ann rời khỏi văn phòng, dắt tay Brady. Hai mẹ con ngồi trong chiếc Honda (khi ấy còn mới) của bà ta và bà ta khóc. Khi màn đó kết thúc, bà ta bảo hãm bật đài lên nghe trong lúc bà ta chạy đi có việc. Brady biết đấy là việc gì: một chai hệ thống giải phóng hữu hiệu.

Bà ta lặp lại cuộc gặp với Greensmith nhiều lần nữa trong các năm sau đó, lần nào cũng kết thúc với tuyên bố cay đắng: “Mẹ đã trả cả trăm đô la mà mẹ không có khả năng chi trả cho một gã luật sư mặc vest mua ở Men’s Warehouse, và điều duy nhất mẹ nhận ra là mình không có khả năng chi trả cho việc đấu với những công ty bảo hiểm lớn và nhận những gì của mình.”

Cái năm sau đó phải dài bằng cả năm năm thường. Có một con quái vật hút máu ở trong nhà, và tên nó là Frankie. Thịnh thoảng khi nó làm đổ thứ gì đó hoặc đánh thức Deborah Ann đang ngủ, bà ta lại tấn nó. Có lần bà ta hoàn toàn mất kiểm soát và đâm vào đầu nó, đẩy nó ngã dúi xuống sàn nhà với ánh mắt đờ đẫn, ngơ ngác. Bà ta đỡ nó dậy và ôm nó rồi khóc và xin lỗi nhưng một người phụ nữ cũng chỉ có thể chịu đựng được đến thế là cùng.

Bà ta làm thợ thế chân ở Hair Today bất kỳ lúc nào có thể. Vào những dịp đó, bà ta lại xin nghỉ học cho Brady để hãm trông thẳng em. Thịnh thoảng Brady lại bắt quả tang Frankie đang với lấy những thứ mà nó không được phép nghịch (hoặc những thứ thuộc về Brady, như trò chơi điện tử

cầm tay Atari Arcade của hắn), và những lúc ấy hắn lại đánh vào tay Frankie đến khi nó khóc toáng bên. Khi tiếng khóc bắt đầu ré lên, Brady lại tự nhủ rằng đó không phải lỗi của Frankie, nó bị tổn thương não vì cái miếng táo khốn kiếp, à không, cái miếng táo mà mẹ ấy, và thế là hắn lại bị dẫn vật vì cảm giác lẫn lộn giữa cắn rứt, tức giận và nuối tiếc. Hắn lại ôm Frankie vào lòng và dỗ dành nó rồi nói xin lỗi nó, nhưng một người đàn ông cũng chỉ có thể chịu đựng được đến thế là cùng. Và hắn là một người đàn ông, mẹ hắn bảo thế: người đàn ông trong nhà. Hắn trở nên thành thạo trong việc thay bím cho Frankie, nhưng khi có phen (không, đó là cú, không phải phen mà là cú), thỉnh thoảng hắn lại cấu chân Frankie và quát nó nằm im, quý tha ma bắt mày đi, nằm im nào. Ngay cả khi Frankie đang nằm im đi chẳng nữa. Nó nằm đó ôm ghì cái xe cứu hỏa Sammy trong ngực và ngược nhìn lên trần nhà với đôi mắt mở to ngu xuẩn do tổn thương não.

Cái năm đó đầy những chuyện thỉnh thoảng như thế.

Thỉnh thoảng hắn nựng Frankie và hôn nó.

Thỉnh thoảng hắn lại lắc nó và nói, đây là lỗi của mày, mẹ con ta sắp phải ra sống ngoài đường và đó là lỗi của mày.

Thỉnh thoảng, khi đưa Frankie đi ngủ sau khi làm việc cả ngày ở cửa hàng làm đẹp, Deborah Ann lại thấy những vết bầm trên tay chân thằng bé. Có lần trên cổ họng, chỗ có sẹo từ lần đám nhân viên cấp cứu mổ mở khí quản cho nó.

Bà ta chẳng bao giờ hỏi han gì về chúng.

Thỉnh thoảng Brady thấy yêu Frankie. Thỉnh thoảng hắn lại ghét nó. Thường thì hắn thấy cả hai cùng lúc, và điều đó khiến hắn đau đầu.

Thỉnh thoảng (hầu hết là khi bà ta say), Deborah lại rên rầm cho cái cơ sự đời mình. “Mẹ không được nhận hỗ trợ từ thành phố, từ bang, hoặc từ chính phủ liên bang chết tiệt, và tại sao ư? Tại vì chúng ta vẫn còn quá nhiều tiền bảo hiểm và bồi thường đó là lý do. Có ai quan tâm là tất cả đều đang đi ra và chẳng có thứ gì đi vào không hả? Không hề. Khi nào hết tiền và chúng ta sống trong khu dành cho người vô gia cư ở đại lộ Lowbriar, khi ấy mẹ mới đủ điều kiện nhận hỗ trợ, mà như thế thì sướng quá rồi còn gì.”

Thình thoảng Brady lại nhìn Frankie và nghĩ, mày là thứ của nợ. Mày là thứ của nợ, Frankie, mày là thứ của nợ khốn kiếp mà mẹ chết tiết.

Thình thoảng - thường xuyên - Brady thấy căm thù cả thế gian khốn kiếp mà mẹ chết tiết này. Nếu có một vị Chúa, như mấy ông cha cổ nói trên ti vi, sao ông ta không đưa Frankie thẳng lên thiên đường, để mẹ hẳn có thể quay lại làm việc toàn thời gian và họ sẽ không phi ra đường? Hoặc sống ở đại lộ Lowbriar, mẹ hẳn bảo chỗ đấy chẳng có gì ngoài bọn nhọ nghiện ma túy có súng? Nếu có một vị Chúa, tại sao Ông ta lại ra để Frankie mắc nghẹn cái miếng táo mà mẹ ấy ngay từ đầu? Và rồi còn để nó tỉnh lại trong tình trạng tổn thương não, như thế khác nào là đi từ tệt đến chỗ khốn kiếp mà mẹ chết tiết còn tệt hơn. Chẳng có Chúa nào hết. Người ta chỉ cần nhìn Frankie bò lồm ngồm trên sàn một tay cầm Sammy chết tiết, rồi đứng lên tập tễnh lết một lúc rồi bỏ cuộc và lại bò, là biết ngay rằng ý tưởng có Chúa thật là lỗ bịch đến khốn nạn.

Cuối cùng thì Frankie chết. Chuyện xảy ra rất nhanh. Phần nào, nó giống như là lao xe vào đám người ở City Center. Chẳng tính toán gì trước, chỉ là thực tế lớn vờn rằng hẳn phải làm điều gì đó. Người ta gần như có thể gọi đó là tai nạn cũng được. Hoặc số phận. Brady không tin vào Chúa, nhưng hẳn tin vào số phận, và thình thoảng người đàn ông trong nhà phải đóng vai trò cánh tay phải của số phận.

Mẹ hẳn đang làm món bánh kẹp cho bữa tối. Frankie đang chơi với Sammy. Cửa tầng hầm mở toang vì Deborah mới mua hai thùng giấy toilet rẻ tiền không nhãn mác ở Chapter 11 và họ để giấy dưới đó. Nhà vệ sinh hết giấy, nên bà ta bảo Brady xuống lấy. Cả hai tay hẳn đều bận khi hẳn quay lên, nên hẳn để cánh cửa tầng hầm mở nguyên. Hẳn tưởng mẹ hẳn sẽ đóng nó lại, nhưng khi hẳn đi xuống sau khi lắp giấy toilet vào hai nhà vệ sinh trên tầng, nó vẫn mở toang. Frankie đang trên sàn nhà đẩy Sammy chạy trên mặt sàn và tạo ra những âm thanh âm rìn rìn. Nó mặc chiếc quần màu đỏ phồng lên vì bím ba lớp. Nó đang tiến gần hơn bao giờ hết tới cánh cửa mở và cầu thang dốc, nhưng Deborah Ann vẫn không đả động gì đến việc đóng cửa lại. Bà ta cũng chẳng nhắc nhở gì Brady, lúc này đang dọn bàn ăn, là phải làm việc đó.

“Rin rin,” Frankie nói. “Rin rin.”

Nó đẩy cái xe cứu hỏa. Sammy chạy tới ngưỡng cửa tầng hầm, đâm sầm vào gờ chắn, và dừng lại ở đó.

Deborah ra khỏi bếp. Bà ta bước lại phía cửa tầng hầm. Brady tưởng bà ta sẽ cúi xuống và nhặt lại xe cứu hỏa cho Frankie, nhưng hóa ra không. Thay vào đó, bà ta đá nó. Một tiếng cạch khẽ vang khi chiếc xe lăn lông lốc xuống các bậc, một mạch xuống tận cuối cầu thang.

“Úi”, mẹ hăn nói. “Sammy rơi ùm xuống mất rùi.” Giọng bà ta lạnh tanh như không.

Brady bước lại. Chuyện này thú vị đây.

“Tại sao mẹ làm thế, hờ mẹ?”

Deborah Ann chống tay vào hông, cái xẻng nấu ăn thò ra từ một bên tay. Bà ta nói, “Vì mẹ phát ốm với việc phải nghe nó làm cái âm thanh đấy ròi.” Frankie ngoạc mồm ra và bắt đầu khóc ré lên.

“Thôi đi, Frankie,” Brady nói, nhưng Frankie không chịu. Nó bò ra đầu bậc thang và nhòm xuống bóng tối.

Deborah Ann nói, vẫn bằng cái giọng lạnh tanh ấy, “Bật điện lên, Brady. Cho nó thấy Sammy.”

Brady bật điện lên và nhòm sang thằng em đang khóc lóc.

“Ái chà,” hăn nói. “Nó kia rồi. Ở đúng chân cầu thang luôn. Nhìn thấy chưa, Frankie?”

Frankie bò xa thêm một chút, vừa bò vừa lải nhải khóc. Nó nhìn xuống. Brady ngược nhìn mẹ. Deborah Ann Hartsfield gật đầu một cái rất khẽ, gần như không thể nhận thấy. Brady không hề nghĩ ngợi. Hăn đập luôn vào cái đít bọc bím ba lớp của Frankie và thằng bé lăn xuống bằng một loạt những cú lộn cằm đầu lông lốc khiến Brady nghĩ đến gã Blues béo ị nhào lộn dọc lối đi trong nhà thờ. Ở cú lộn đầu tiên Frankie vẫn eo éo khóc, nhưng đến lần thứ hai, đầu nó tiếp xúc với một cạnh cầu thang và tiếng eo éo tắt lịm ngay lập tức, như thể Frankie là một chiếc radio và có người vừa tắt nó đi vậy. Chuyện thật kinh khủng, nhưng cũng có khía cạnh buồn cười. Nó lộn thêm vòng nữa, hai chân giơ thông sang hai bên thành hình chữ Y. Rồi nó nện thẳng đầu vào sàn tầng hầm.



“Ôi lạy Chúa tôi, Frankie ngã rồi!” Deborah Ann hét lên. Bà ta buông rơi cái bàn xẻng và chạy xuống cầu thang. Brady xuống theo bà ta.

Cổ của Frankie đã gãy, ngay cả Brady cũng có thể nhận ra điều đó, vì nó bị vặn ngược ra sau, nhưng nó vẫn sống. Nó đang khụt khịt hít vào. Máu mũi nó trào ra. Có cả máu trào ra từ bên thái dương. Hai mắt nó đảo qua đảo lại, nhưng chỉ vậy thôi. Tội nghiệp Frankie. Brady òa khóc. Mẹ hẳn cũng khóc.

“Chúng ta phải làm gì đây?” Brady hỏi. “Chúng ta phải làm gì đây, mẹ?”

“Lên nhà lấy cho mẹ một cái gối ở ghế sofa xuống đây.”

Hắn làm theo lời bà ta. Khi hắn quay xuống, chiếc xe cứu hỏa Sammy đang nằm trên ngực Frankie. “Mẹ cố làm cho nó ôm cái xe, nhưng nó không ôm được,” Deborah Ann nói.

“Vâng,” Brady nói. “Có lẽ nó bị liệt rồi. Khổ thân Frankie.”

Frankie nhìn lên, đầu tiên là nhìn mẹ nó rồi đến anh trai, “Brady,” nó nói.

“Sẽ không sao đâu, Frankie,” Brady nói, và chìa cái gối ra.

Deborah Ann cầm lấy nó và để lên mặt Frankie. Không mất bao lâu. Sau đó bà ta lại bảo Brady lên nhà cất cái gối vào chỗ cũ và lấy một cái khăn ướt. “Lên trên đấy thì tắt bếp đi,” bà ta nói. “Bánh kẹp cháy rồi. Mẹ nghĩ thấy đấy.”

Bà ta rửa mặt Frankie để lau sạch dấu máu. Brady thấy hành động đó thật ngọt ngào và đầy tình mẫu tử. Mấy năm sau hắn nhận ra rằng bà ta còn bảo đảm rằng không có vết chỉ hay sợi nào của chiếc gối sót lại trên mặt Frankie.

Khi Frankie đã sạch sẽ (mặc dù vẫn còn máu trong tóc), Brady và mẹ hắn ngồi trên bậc tầng hầm, nhìn nó. Deborah Ann quàng tay quanh vai Brady. “Mẹ phải gọi cho 911,” bà ta nói.

“Vâng.”

“Nó đẩy Sammy mạnh quá và Sammy rơi xuống cầu thang. Sau đó nó cố đuổi theo cái xe và mất thăng bằng. Mẹ đang làm bánh kẹp còn con thì



đang cho giấy toilet vào nhà vệ sinh trên tầng. Con không thấy gì. Khi con xuống dưới tầng hầm, em con đã chết rồi.”

“Vâng.”

“Nói lại cho mẹ nghe nào.”

Brady làm theo. Hắn là một học sinh toàn điểm A tại trường, và giỏi ghi nhớ nhiều thứ.

“Bất kể ai có hỏi con thế nào đi nữa, không bao giờ được nói gì hơn thế. Đừng thêm thắt gì hết, và đừng thay đổi gì.”

“Vâng, nhưng con có thể nói là mẹ đã khóc không ạ?”

Bà ta mỉm cười. Bà ta hôn lên trán và má hắn. Rồi bà ta hôn hắn vào môi hắn. “Ừ, cục cưng, con nói thế cũng được.”

“Bây giờ chúng ta sẽ không sao chứ?”

“Ừ.” Không có chút ngờ vực nào trong giọng bà ta. “Mẹ con mình sẽ ổn.”

Bà ta nói đúng. Chỉ có vài câu hỏi về vụ tai nạn và không có câu nào khó. Họ có một đám tang. Hay ra phết. Frankie mặc vest nằm trong một chiếc quan tài cỡ Frankie. Trông nó chẳng có vẻ gì là tổn thương nào cả, chỉ như đang ngủ say. Trước khi người ta đóng quan tài, Brady hôn lên má em trai hắn và đặt xe cứu hỏa Sammy vào bên cạnh nó. Vừa đủ chỗ.

Đêm ấy lần đầu tiên Brady bị một cơn đau đầu tồi tệ thực sự. Hắn bắt đầu nghĩ Frankie đang nằm dưới gầm giường, và điều đó khiến cơn đau đầu càng tệ hại hơn. Hắn vào phòng mẹ và trèo vào giường nằm cạnh bà ta. Hắn không nói với bà ta rằng hắn sợ Frankie đang ở dưới gầm giường mình, chỉ là đầu hắn đau đến nỗi tưởng như sắp nổ tung. Bà ta ôm rồi hôn hắn còn hắn thì quạp sát vào bà ta chặt-chặt-chặt. Quạp sát thế này cảm giác thật dễ chịu. Nó khiến cơn đau đầu dịu bớt. Hai mẹ con cùng ngủ thiếp đi và hôm sau chỉ còn có hai mẹ con và cuộc sống dễ chịu hơn. Deborah Ann quay trở lại công việc cũ, nhưng chẳng còn gã bạn trai nào nữa. Bà ta nói bây giờ Brady là người bạn trai duy nhất mà bà ta muốn. Họ không bao giờ nói chuyện về vụ tai nạn của Frankie, nhưng thỉnh thoảng Brady lại mơ về nó. Hắn không biết mẹ hắn có mơ thế không nữa, nhưng bà ta uống rất nhiều vodka, nhiều đến nỗi cuối cùng bà ta lại mất việc. Tuy nhiên chuyện

đó cũng không sao vì đến lúc đó hẳn đã đủ lớn để đi làm. Hẳn cũng chẳng hề nuối tiếc việc không học đại học.

Đại học dành cho những người không biết rằng mình thông minh.



**B**rady bứt mình ra khỏi những ký ức đó - màn hồi tưởng sâu tưởng như là thôi miên - và nhận ra trên đùi hằn đầy những mảnh nylon xé vụn. Thoạt đầu hẳn không biết chúng ở đâu ra. Rồi hẳn nhìn vào tờ báo nằm trên bàn làm việc và chợt hiểu rằng hẳn đã xé nát cái túi bọc tờ báo bằng đầu móng tay trong lúc nghĩ về Frankie.

Hắn trút đồng mảnh vụn vào thùng rác, rồi cầm tờ báo lên và hờ hững nhìn những dòng tít. Dầu vẫn đang tràn ở vịnh Mexico còn bọn điều hành của British Petroleum thì lái nhải rằng họ đang làm hết sức trong khả năng còn mọi người thì thật hà khắc với họ. Nidal Hasan, gã bác sĩ tâm thần khốn kiếp xả súng ở căn cứ Lục quân Fort Hood tại Texas, sẽ bị đưa ra tòa trong một hai ngày tới. (Lẽ ra ông nên có một chiếc Mercedes, cưng Nidal ạ, Brady nghĩ.) Paul McCartney, cựu thành viên nhóm Beatles mà mẹ Brady vẫn gọi là Mắt Chó Tây Ban Nha, sắp được trao huân chương tại Nhà Trắng. Brady thỉnh thoảng vẫn băn khoăn, tại sao những kẻ chỉ có tí tài năng mà nhận được nhiều thế? Đó chỉ là một bằng chứng nữa cho thấy thế giới này điên thật rồi.

Brady quyết định mang tờ báo lên bếp và đọc chuyên mục chính trị. Những bài báo đó và một viên melatonin may ra đủ để tiễn hẳn vào giấc ngủ. Lên nửa chừng cầu thang, hẳn lật tờ báo qua để xem có gì bên trong, và đứng sững lại. Có ảnh của hai người phụ nữ, kề bên nhau. Một là Olivia Trelawney. Người kia già hơn nhiều, nhưng nét giống nhau thì không lẫn vào đâu được. Nhất là cặp môi mỏng đanh đá ấy.

*MẸ CỦA BÀ OLIVIA TRELAWNEY QUA ĐỜI, dòng tít viết. Bên dưới: Phản đối “sự đối xử bất công” với con gái bà, khẳng định báo chí đã “hủy hoại cuộc đời con bé”.*

Tiếp theo đó là một tràng dài cả hai đoạn văn, kỳ thực chỉ là lời bao biện để lôi bi kịch của năm ngoái (Nếu các người muốn dùng từ đó, Brady nghĩ - một cách hơi hăn học) quay trở lại trang nhất của một tờ báo đang bị Internet từ từ bóp nghẹt đến chết. Người đọc được hướng dẫn xem bản cáo phó ở trang hai sáu, và Brady, lúc này ngồi bàn bếp, lật hai trang một đến đó. Đám mây đen u ám đã bao trùm lấy hăn từ khi mẹ hăn chết đến giờ bỗng tan đi trong chớp mắt. Tâm trí hăn đang trong guồng hoạt động khẩn trương, những ý nghĩ ủa đến ồ ạt, rẽ ra, rồi lại tụ vào giống như những mảnh ghép của trò chơi xếp hình. Hăn đã quen với quá trình này và biết rằng nó sẽ tiếp diễn đến khi chúng hoàn thành kết nối với nhau thật ăn khớp và một bức tranh rõ ràng hiện ra.

*ELIZABETH SIROLS WHARTON, 87 tuổi, vừa qua đời trong thanh thân ngày 29 tháng Năm năm 2010, tại bệnh viện Warsaw County Memorial. Bà sinh ngày 19 tháng Một năm 1923, với bố mẹ là ông Marcel và bà Catherine Sirois. Bà qua đời để lại người thân gồm em trai, ông Henry Sirois, em gái bà Charlotte Gibney, cháu gái, Holly Gibney, và con gái, Janelle Patterson. Chồng bà Elizabeth, ông Alvin Wharton, và người con gái yêu quý của họ là Olivia, đã qua đời từ trước. Lễ viếng riêng sẽ được tổ chức từ 10 giờ sáng đến 1 giờ chiều tại Nhà tang lễ Soames vào thứ Ba, ngày 1 tháng Sáu, sau đó là lễ tưởng niệm vào hồi 10 giờ sáng tại Nhà tang lễ Soames thứ Tư, ngày 2 tháng Sáu. Sau buổi lễ, một buổi đón tiếp dành cho bạn bè gần gũi và người thân trong gia đình sẽ được tổ chức tại số 729 Lilac Drive, ở khu Sugar Heights. Gia đình đề nghị không nhận hoa viếng, nhưng gợi ý đóng góp cho Chữ Thập đỏ Hoa Kỳ hoặc Đội quân Cứu thế, hai tổ chức từ thiện quen thuộc của bà Wharton.*

Brady đọc kỹ tất cả thông tin đó, với một số câu hỏi liên quan trong đầu. Liệu lão cóm về vườn có tới viếng không? Tới lễ tưởng niệm hôm thứ Tư? Tại buổi đón tiếp? Brady cá là cả ba. Lùng kiếm tên perk. Lùng kiếm hăn. Bởi vì đó là những gì bọn cóm vẫn làm.

Hắn nhớ tin nhắn cuối cùng hắn gửi cho lão thanh tra về hưu quý hóa. Lần này, hắn mỉm cười và nói to thành tiếng: “Mày sẽ không kịp thấy tao ra tay đâu.”

“Hãy bảo đảm là lão không kịp thấy,” Deborah Ann Hartsfield nói.

Hắn biết bà ta không thực sự ở đó, nhưng hắn gần như nhìn thấy bà ta đang ngồi đối diện hắn qua bàn, bà ta mặc váy bút chì màu đen và cái áo xanh hắn đặc biệt yêu thích, cái áo mỏng tang đến nỗi có thể thấp thoáng thấy đồ lót của bà ta xuyên qua đó.

“Bởi vì lão sẽ lùng kiếm con.”

“Con biết,” Brady nói. “Đừng lo.”

“Tất nhiên là mẹ lo chứ,” bà ta nói. “Mẹ phải lo. Con là cục cưng của mẹ cơ mà.”

Hắn quay xuống tầng hầm và chui vào túi ngủ. Cái đệm hơi rò khí xì xì. Việc cuối cùng hắn làm trước khi tắt điện bằng mệnh lệnh giọng nói là đặt báo thức lúc sáu rưỡi trên iPhone. Mai sẽ là một ngày bận rộn.

Trừ những bóng đèn màu đỏ nhỏ xíu trên dàn máy tính đang nằm ngủ của hắn, cả phòng điều khiển hoàn toàn chìm trong bóng tối. Từ bên dưới cầu thang, mẹ hắn lên tiếng.

“Mẹ đang chờ con đây, cục cưng, nhưng đừng để mẹ chờ lâu quá nhé.”

“Con sẽ sớm ở đó thôi, mẹ.” Vừa mỉm cười, Brady vừa nhắm mắt. Hai phút sau hắn đã ngáy vang.



Tận hơn tám giờ sáng hôm sau, Janey mới ra khỏi phòng ngủ. Cô mặc bộ vest và quần âu từ đêm hôm trước. Hodges, vẫn diện nguyên quần đùi, đang nghe điện thoại. Ông vẫy một ngón tay về phía cô, một cử chỉ mang cả hai nghĩa chào em và chờ anh một phút.

“Chẳng có gì to tát cả,” ông nói, “chuyện vặt ấy mà. Nếu cô có thể kiểm tra được thì tôi sẽ cảm kích vô cùng.” Ông lắng nghe. “Không, tôi không muốn quấy rầy Pete về chuyện đó, và cô cũng thế nhé. Cậu ta đã bận rộn với vụ Donald Davis lắm rồi.”

Ông lắng nghe thêm một lúc. Janey ngồi vắt vẻo trên tay vịn ghế sofa, chỉ tay vào đồng hồ, và ra dấu bằng miệng, Lễ viếng! Hodges gật đầu.

“Đúng rồi,” ông nói vào điện thoại. “Cứ tính từ khoảng giữa mùa hè năm 2007 đến mùa hè năm 2009. Ở mạn trung tâm quanh khu vực đại lộ Lake, chỗ có những khu căn hộ chung cư cao cấp mới xây ấy.” Ông nháy mắt với Janey. “Cảm ơn nhé, Marlo, cô dễ thương quá. Và tôi hứa tôi sẽ không biến thành một ông chú lảm điếu đâu, được chưa nào?” Lắng nghe, gật đầu. “Được rồi. Ừ. Tôi phải đi đây, nhưng cho tôi gửi lời hỏi thăm Phil và lũ trẻ. Chúng ta sẽ sớm gặp nhé. Ăn trưa. Tất nhiên là tôi mời. Được rồi. Tạm biệt.” Ông ngắt máy.

“Anh phải thay quần áo nhanh lên,” cô nói, rồi đưa em về căn hộ để trang điểm ào một chút trước khi chúng ta tới nhà tang lễ. Thay được đồ lót luôn thì tốt. Anh nhét người vào bộ vest nhanh đến mức nào hả?”

“Nhanh lắm. Và em cũng đâu có thực sự cần trang điểm chứ.”

Cô nhướn mắt lên. “Đi mà nói với dì Charlotte ấy. Bà ấy sẫm soi mấy cái vết chân chim ghê lắm. Giờ thì nhanh lên, mang cả dao cạo nhé. Anh cạo râu ở chỗ em cũng được.” Cô lại kiểm tra đồng hồ. “Năm năm rồi em mới ngủ muộn thế này đây.”

Ông về phòng ngủ để thay quần áo. Cô bắt được ông ở cửa, xoay ông về phía mình, đặt hai lòng bàn tay lên má ông, và hôn lên miệng. “Tình dục viên mãn là loại thuốc ngủ tuyệt vời nhất. Có lẽ em đã quên mất điều đó.”

Ông nhắc bỗng hẫng người cô lên trong một cái ôm. Ông không biết chuyện này sẽ kéo dài bao lâu, nhưng chừng nào nó còn tiếp tục, ông thực sự muốn tận hưởng từng giây phút.

“Và đội mũ nữa nhé,” cô vừa nói, vừa nhìn xuống mặt ông và mỉm cười.

“Em đã đúng khi mua nó. Cái mũ đó chính là anh.”



Họ quá hạnh phúc bên nhau và tập trung vào việc đến nhà tang lễ trước đám họ hàng đến từ địa ngục nên không để ý gì đến BOLO, nhưng ngay cả khi đang ở chế độ báo động đỏ thì gần như chắc chắn họ cũng chẳng thấy có gì đáng ngờ. Có đến hơn hai tá xe đỗ sẵn tại khu trung tâm thương mại nhỏ ngã tư giữa đường Harper và phố Hanover, và chiếc Subaru màu bùn của Brady Hartsfield lại là thứ ít nổi bật nhất trong số đó. Hắn đã lựa chọn vị trí rất cẩn thận để con phố của lão cớm về vườn nằm gọn trong gương chiếu hậu. Nếu Hodges đến dự lễ viếng của cụ già, lão sẽ đi từ trên đồi xuống và rẽ trái vào phố Hanover.

Và lão đây rồi, mới chỉ có hơn tám rưỡi - sớm hơn một chút so với dự kiến của Brady, vì lễ viếng phải mười giờ mới bắt đầu mà nhà tang lễ chỉ cách đó chừng hai mươi phút. Khi chiếc xe rẽ trái, Brady còn ngạc nhiên hơn nữa khi thấy lão cớm béo về vườn không chỉ có một mình. Hành khách của lão là một phụ nữ, mà dù chỉ kịp nhìn thoáng qua cũng đủ để hắn xác định đó là em gái của Olivia Trelawney. Cô ta đã hạ tấm che nắng xuống để có thể soi gương trong lúc chải tóc. Suy luận hiển nhiên là cô ta đã qua đêm ở ngôi nhà độc thân của lão cớm về vườn rồi.

Brady choáng váng như bị sét đánh. Lạy Chúa, tại sao cô ta lại làm thế nhỉ? Hodges vừa già, lại còn béo, lại còn xấu. Chẳng lẽ cô ta lại lên giường với lão thật à? Ý tưởng đó thật không thể nào tin nổi. Rồi hắn nghĩ đến cách mẹ hắn giải tỏa những cơn đau đầu tột cùng nhất của mình, và nhận ra - một cách miễn cưỡng - rằng một khi đã nói đến tình dục, thì chẳng có cặp đôi nào là không thể tin nổi. Nhưng ý nghĩ Hodges làm tình với em gái của



Olivia Trelawney thật lộn tiết (hoàn toàn không phải vì người ta có thể nói rằng chính Brady là kẻ đã đưa họ đến với nhau). Hodges lẽ ra phải đang ngồi trước ti vi và nghĩ về chuyện tự tử. Lão không có quyền hưởng thụ kem Vaseline kết hợp với bàn tay phải của mình, chứ đừng nói đến cả một em tóc vàng ngon lành.

Brady nghĩ, Có lẽ cô ta ngủ trên giường trong khi lão ngủ trên ghế sofa. Ý tưởng đó ít ra cũng tiệm cận với logic, và khiến hắn thấy dễ chịu hơn. Hắn cho rằng Hodges cũng có thể vui vẻ với một em gái tóc vàng ngon lành nếu lão thực sự muốn... nhưng lão sẽ phải trả tiền. Á điểm có khi sẽ tính thêm phụ phí trọng lượng cũng nên, hắn nghĩ bụng, và bật cười trong lúc khởi động xe.

Trước khi cho xe chạy, hắn mở hộc đựng đồ, lấy ra Thiết bị Hai, rồi đặt nó lên ghế lái phụ. Từ năm ngoái đến giờ, hắn chưa dùng đến nó, nhưng hôm nay thì hắn sẽ dùng. Dù có lẽ không phải ở nhà tang lễ, vì hắn không nghĩ họ sẽ tới thẳng đó luôn. Còn quá sớm. Brady nghĩ trước tiên hai người này sẽ ghé lại căn hộ ở đại lộ Lake, và hắn cũng chẳng cần phải đến đó trước họ, chỉ cần mặt ở đó khi họ quay ra. Hắn biết rõ hắn sẽ dùng đến nó như thế nào.

Sẽ giống như những lần trước.

Tại một đèn giao thông ở trung tâm, hắn gọi cho Tones Frobisher ở Discount Electronix và nói hôm nay hắn không đi làm. Có khi là cả tuần luôn. Hắn lấy đốt ngón tay bịt mũi để làm giọng nói nghe có vẻ nghèn nghẹt, hắn thông báo với Tones là mình bị cúm. Hắn nghĩ đến buổi diễn của Round Here ở MAC tối thứ Năm, và chiếc áo đánh bom tự sát, rồi hình dung ra cảnh nói thêm câu *Tuần tới tôi sẽ không bị cúm nữa, tôi chết thẳng cảng rồi*. Hắn ngắt máy, vút điện thoại xuống ghế bên cạnh Thiết bị Hai, và cười phá lên. Hắn thấy một phụ nữ ở làn bên cạnh, ăn mặc chỉnh tề để đi làm, đang tròn mắt nhìn hắn. Brady, lúc này đang cười sặc sụa đến nỗi nước mắt chảy tràn xuống má và nước mũi cũng trào cả ra, giơ ngón tay thối lên với cô ta.



“Vừa nãy anh nói chuyện với bạn anh phòng Hồ sơ à?” Janey hỏi.

“Ừ, Marlo Everett. Cô ấy luôn đi làm sớm. Pete Huntley, cộng sự cũ của anh, vẫn quả quyết rằng đó là bởi vì cô ấy không bao giờ ra về.”

“Anh bịa ra truyện cổ tích gì với chị ấy vậy, kể được không?”

“Thì là vài người hàng xóm của anh đã đề cập đến một gã cứ đi thử mở cửa xe ô tô xem có khóa không. Anh nói là hình như anh nhớ có một loạt những vụ ăn cắp xe ở khu trung tâm cách đây hai ba năm, vẫn chưa tìm ra thủ phạm.”

“Ừ hứ, vậy còn chuyện anh nói là sẽ không biến thành một ông chú, thế nghĩa là sao?”

“Ông chú là những cảnh sát về hưu nhưng vẫn không dứt được ra khỏi với công việc. Họ gọi đến cho Marlo để kiểm tra biển số của những chiếc xe họ thấy nghi ngờ vì lý do này khác. Hoặc có thể là họ tra vấn một gã nào đó trông có vẻ bất minh, hăm dọa gã đâu ra đấy rồi đòi kiểm tra giấy tờ. Sau đó họ gọi đến sở và yêu cầu Marlo nhập tên để ra lệnh truy nã hoặc lệnh bắt.”

“Chị ấy có khó chịu không?”

“Ồ, cô ấy chỉ kêu ca cho có thôi, chứ anh không nghĩ là cô ấy khó chịu gì. Cách đây vài năm, một bác già tên là Kenny Shays gọi đến mã sáu lăm - đó là mã về hành vi đáng nghi ngờ, một mã mới sau vụ khủng bố 11 tháng Chín. Gã mà ông ấy tóm được không phải là phần tử khủng bố, nhưng lại là một tên trốn nã vì đã giết cả gia đình hẳn tại bang Kansas từ năm 1987.”

“Ái chà. Ông ấy có được nhận huân chương không?”

“Không gì ngoài một bức thư khen, đó là tất cả những gì ông ấy muốn. Sau khoảng sáu tháng gì đó thì ông ấy qua đời.” Kenny Shays đã nhai nòng súng và bóp cò trước khi bệnh ung thư phổi kịp đánh gục mình.

Điện thoại di động của Hodges đổ chuông. Tiếng chuông dừng đục, vì một lần nữa ông đã vứt nó trong hộp đựng đồ. Janey lấy nó ra và chìa nó cho ông với một nụ cười hơi châm chọc.

“Chào Marlo, nhanh thật đấy. Cô tìm được gì rồi? Có gì không?” Ông lắng nghe, gật đầu với những gì mình nghe được, miệng nói ừ hừ và không hề bỏ lỡ một nhịp nào trong dòng giao thông đông đúc buổi sáng. Ông cảm ơn cô và ngắt máy, nhưng khi ông định đưa lại chiếc Nokia cho Janey, cô lắc đầu.

“Cho vào túi ấy. Biết đâu ai khác lại gọi. Em biết đó là một khái niệm lạ lùng, nhưng cố mà làm quen đi. Anh phát hiện được gì rồi vậy?”

“Từ tháng Chín năm 2007, đã có hơn chục vụ phá cửa xe ở khu trung tâm. Marlo nói thậm chí có khi còn nhiều hơn, vì những người không bị mất đồ gì có giá trị chướng ngại báo cáo xe mình bị trộm. Một số người thậm chí còn không nhận ra rằng nó đã xảy ra. Báo cáo gần đây nhất là vào tháng Ba năm 2009, chưa đầy ba tuần trước vụ Thảm sát ở City Center. Đó chính là thủ phạm của chúng ta, Janey. Anh chắc chắn. Chúng ta đang lần theo dấu vết của hắn, và điều đó có nghĩa là chúng ta đang đến gần hắn hơn.”

“Tốt.”

“Anh nghĩ chúng ta sắp tóm được hắn rồi. Nếu thế, luật sư của em - Schron - sẽ vào khu trung tâm thông báo với Pete Huntley. Anh sẽ làm phần còn lại. Chúng ta vẫn nhất trí về điểm đó, đúng không nào?”

“Vâng. Nhưng từ giờ đến lúc đó, hắn là của chúng ta. Chúng ta vẫn nhất trí về điểm đó, được chứ?”

“Chắc chắn rồi.”

Lúc này ông đang đi chậm chậm dọc đại lộ Lake, và có một chỗ đỗ ngay phía trước tòa nhà của bà Wharton quá cố. Số đã may thì làm gì cũng đỗ. Hodges vừa lùi xe vào, vừa tự hỏi không biết Olivia Trelawney đã dùng chính chỗ đỗ này bao nhiêu lần rồi.

Janey lo lắng nhìn đồng hồ trong lúc Hodges nhét tiền vào máy tính giờ.

“Yên tâm đi,” ông nói. “Chúng ta còn nhiều thời gian mà.”

Trong lúc cô bước về phía cửa, Hodges bấm nút KHÓA trên chùm chìa khóa. Ông không nghĩ gì về nó, tên Sát nhân Mercedes mới là điều ông đang nghĩ đến, nhưng thói quen vẫn là thói quen. Ông bỏ chìa khóa vào túi và rảo bước lên bắt kịp với Janey để có thể giữ cửa cho cô.

Ông nghĩ, Mình đang biến thành một kẻ nịnh đầm.

Rồi ông nghĩ, Thì đã sao?



Năm phút sau, một chiếc Subaru màu bùn từ từ lăn dọc xuống đại lộ Lake.

Nó đi chậm đến mức gần như dừng lại khi chạy ngang chỗ chiếc Toyota của Hodges, rồi Brady gạt đèn xi nhan rẽ trái và tấp vào garage đỗ xe bên kia phố.

Còn rất nhiều chỗ trống trên tầng một và tầng hai, nhưng tất cả đều bên trong nhà và chẳng có tác dụng gì với hắn. Hắn tìm thấy thứ mình cần trên tầng ba gần như vắng tanh: một chỗ trống ở mạn phía Đông của tòa nhà, nhìn thẳng ra đại lộ Lake. Hắn đỗ xe, bước tới gờ tường bê tông, và nhòm qua đường xuống chỗ chiếc Toyota của Hodges. Hắn ước tính khoảng cách tầm hơn năm chục mét. Một khi không có gì ở giữa cản trở tín hiệu, khoảng cách đó chẳng là gì đối với Thiết bị Hai.

Còn nhiều thời gian, Brady quay vào xe, bật iPad lên và tìm hiểu trang web của Tổ hợp Nghệ thuật và Văn hóa vùng Trung Tây. Khán phòng Mingo là hạng mục lớn nhất của tòa nhà này. Thế cũng đúng thôi, Brady nghĩ, vì đó có lẽ là phần duy nhất của MAC làm ra tiền. Dàn nhạc giao hưởng thành phố biểu diễn ở đó vào mùa đông, cùng với các cuộc biểu diễn ballet rồi giảng bài hay những thứ nghệ thuật ba lạng nhăng khác, nhưng từ tháng Sáu đến tháng Tám, Khán phòng Mingo hầu như chỉ dành riêng cho nhạc pop. Theo như trang web này, tiếp sau Round Here sẽ là chương trình Đại nhạc hội Mùa hè bao gồm Eagles, Sting, John Mellencamp, Alan Jackson, Paul Simon và Bruce Springsteen. Nghe có vẻ hấp dẫn, nhưng Brady nghĩ bụng những ai đã mua vé xem cả năm sẽ phải thất vọng. Sẽ chỉ

có một buổi diễn tại Mingo trong mùa hè này thôi, một buổi biểu diễn ngắn ngủi kết thúc bằng bài hát ngắn đậm chất punk có tên là “Chết đi, Lũ Mẹ Vô dụng”.

Trang web cho biết buổi diễn của Round Here đã hết vé.

Brady gọi cho Shirley Orton nhà máy kem. Một lần nữa lại bị mũi vào, hăn bảo tốt hơn hết là cô ta hãy bố trí cho Rudy Stanhope trực sẵn mấy ngày còn lại trong tuần. Hăn nói sẽ cố gắng đi làm vào thứ Năm hoặc thứ Sáu, nhưng tốt nhất cô ta đừng quá trông chờ vào điều đó; hăn bị cúm.

Như hăn lường trước, cái chữ cúm đó khiến Shirley hoảng hốt. “Đừng có đến gần chỗ này đến khi anh cho tôi xem chứng nhận của bác sĩ rằng anh không còn nguy cơ lây bệnh. Anh không thể bán kem cho bọn trẻ con được nếu bị cúm.”

“Tôi không biết,” Brady nói qua lỗ mũi bóp nghẹt. “Tôi xin lỗi, Shirley. Tôi nghĩ tôi bị lây từ mẹ. Tôi đã phải đưa bà ấy vào giường.” Câu đó chạm đúng vào dây thần kinh cười của hăn và môi hăn bắt đầu giật giật.

“Vâng, hãy tự chăm sóc mình cho...”

“Tôi phải đi đây,” hăn nói, và ngắt cuộc gọi ngay trước khi một tràng cười điên dại khác quét qua. Đúng, hăn đã phải đưa mẹ mình vào giường. Và đúng, là vì bị cúm. Không phải cúm lợn hay cúm gia cầm, mà là một chủng cúm mới tên là cúm Gopher. Brady tru lên và đập mạnh bảng điều khiển chiếc Subaru. Hăn đập mạnh đến nỗi đau cả tay, và điều đó càng khiến hăn cười rũ rượi hơn.

Cơn cười điên dại kéo dài đến khi bụng đau thắt và hăn cảm thấy như sắp nôn đến nơi. Đúng lúc cơn đau bắt đầu dịu đi thì hăn thấy cửa sảnh tòa nhà bên kia phố mở ra.

Brady chớp lấy Thiết bị Hai và bật công tắc ON. Đèn báo hiệu sẵn sàng lóe màu vàng. Hăn kéo dài ăng ten ra. Lúc này hăn không còn cười nữa, hăn ra khỏi xe, và lại len lén lần ra gờ chắn bê tông, thận trọng náu mình trong bóng râm của cây cột đỡ gần nhất. Hăn đặt ngón tay cái lên cần gạt và hướng Thiết bị Hai xuống dưới - nhưng không phải vào chiếc Toyota. Hăn nhắm vào Hodges, lão đang lục lọi trong túi quần. Cô ả tóc

vàng đứng cạnh lão, vẫn mặc bộ vest vừa nãy, nhưng với giày và xác tay khác.

Hodges lấy chìa khóa ra.

Brady đẩy cần gạt của Thiết bị Hai, và đèn chờ màu vàng chuyển sang màu xanh hoạt động. Đèn xe của Hodges lóe lên. Cùng lúc đó, đèn xanh trên Thiết bị Hai cũng vụt lóe một lần duy nhất. Nó đã bắt được mã PKE của chiếc Toyota và lưu lại cũng như khi nó bắt được mã PKE chiếc Mercedes của bà Trelawney.

Brady đã dùng Thiết bị Hai gần hai năm, hẳn ăn cắp mã PKE và mở cửa xe để lục lọi tìm đồ có giá trị và tiền mặt. Khoản thu nhập từ những vụ phiêu lưu này không đồng đều, nhưng cảm giác phấn khích thì không khi nào giảm bớt. Ý nghĩ đầu tiên của hắn khi tìm thấy chìa khóa dự phòng trong hộc đựng đồ chiếc Mercedes của bà Trelawney (nó nằm trong túi nhựa cùng với sách hướng dẫn sử dụng và giấy đăng ký của bà ta) là trộm chiếc xe và lái vi vu một vòng khắp thành phố. Hành hạ va đập nó một chút cho sướng. Có thể là rạch lốp bọc ghế. Nhưng bản năng nào đó đã mách bảo hắn để mọi thứ nguyên vẹn. Rằng chiếc Mercedes có thể đóng một vai trò lớn lao hơn. Và điều đó đã được chứng minh. Brady chui vào xe và cất Thiết bị Hai vào hộc đựng đồ. Hắn vô cùng hài lòng với công việc của mình sáng nay, nhưng buổi sáng còn chưa qua hết. Hodges và em gái của Olivia sẽ tới một buổi thăm viếng. Brady cũng có một vụ thăm viếng riêng của mình. Tầm này MAC đã mở cửa, và hắn muốn ngó qua một vòng. Xem xét bố trí an ninh ở đây ra làm sao. Kiểm tra xem máy quay lắp nhưng chỗ nào.

Brady thầm nghĩ, Mình sẽ tìm được cách vào trong. Mình đang đỏ mà.

Hơn nữa, hắn cần lên mạng và kiểm một vé cho buổi diễn tối thứ Năm. Bận bịu, bận bịu, bận bịu.

Hắn bắt đầu huýt sáo.



**H**odges và Janey Patterson bước vào sảnh An nghỉ Vĩnh hằng của Nhà tang lễ Soames lúc mười giờ kém mười lăm, và nhờ sự giục giã rất kiên quyết của cô, họ là những người đầu tiên có mặt. Nửa trên nắp quan tài để mở. Nửa dưới phủ một tấm lụa màu xanh. Elizabeth Wharton mặc váy trắng tô điểm bằng những bông hoa xanh rất hợp với tấm lụa phủ. Mắt bà nhắm nghiền. Hai má hồng hào.

Janey rảo chân bước dọc xuống lối đi giữa hai hàng ghế gấp, nhìn mẹ cô trong giây lát, rồi quay lại. Môi cô run rẩy.

“Cậu Henry có thể gọi hỏa táng là vô đạo nếu cậu ấy muốn, nhưng cái trò quan tài để mở thế này mới thực sự là vô đạo. Trông chẳng giống mẹ em chút nào, nhìn như một mẫu vật nhồi bông vậy.”

“Vậy thì tại sao...”

“Đó là một sự trao đổi để cậu Henry ngậm miệng về vụ hỏa táng. Cầu Chúa cứu vớt chúng con nếu Người nhìn xuống dưới lớp vải phủ và phát hiện ra lớp bìa ép của chiếc quan tài được sơn màu xám để trông như kim loại. Như thế thì sẽ... anh biết đấy...”

“Anh biết,” Hodges nói, và quàng một tay ôm cô.

Bạn bè của người quá cố lục tục đi vào, đi đầu là Althea Greene, y tá của bà Wharfon, và bà Harris, vốn là quản gia của bà. Đến khoảng mười giờ hai mươi gì đó (muộn một cách rất phong cách, Hodges nghĩ bụng), dì Charlotte đến nơi trên cánh tay của em trai. Cậu Henry dẫn bà ta xuống cuối lối đi, nhìn thi hài trong giờ lát, rồi lùi lại. Dì Charlotte nhìn trân trối vào khuôn mặt ngửa lên, rồi cúi xuống và hôn lên môi người chết. Bà ta nói



bằng âm lượng chỉ vừa đủ nghe, “Ôi chị ơi, ôi chị ơi.” Lần đầu tiên kể từ khi gặp bà ta, Hodges chợt thấy chút cảm giác gì đó khác với bà ta, ngoài sự khó chịu.

Có đi qua đi lại, có trò chuyện rầm rì, một vài tiếng cười bật ra. Janey đi một vòng chào hỏi, nói chuyện với tất cả mọi người (cũng chỉ tầm hơn chục người, đều thuộc loại mà con gái Hodges gọi là “già mốc meo”), làm tròn phận sự của mình. Cậu Henry đi cùng cô, và trong một lần cô loạng choạng - khi cô đang an ủi bà Greene - ông ta choàng một tay quanh vai cô. Hodges hài lòng chứng kiến cảnh đó. Máu mủ ruột rà, ông nghĩ bụng. Trong những thời điểm thế này, điều đó hầu như không thể lẫn vào đâu được.

Ông là người thừa ở đây, nên ông quyết định đi hít thở chút không khí. Ông đứng trên bậc thềm phía trước một lúc, rà soát những chiếc xe đỗ bên kia đường, tìm kiếm một gã đàn ông ngồi một mình trong xe. Ông không thấy ai, và chợt nhận ra mình cũng chưa thấy Holly Lúng búng đâu cả.

Ông lững thững đi vòng ra bãi đỗ xe của khách viếng và kia rồi, cô ngồi thu lu trên bậc thềm sau. Cô mặc cái váy màu nâu dài đến ngang ống chân nhìn chẳng ra làm sao. Cô buộc tóc thành những búi nhìn cũng chẳng ra làm sao ở hai bên đầu. Với Hodges thì trông Holly giống công chúa Leia sau một năm ăn theo chế độ của Karen Carpenter.

Holly thấy bóng của ông trên vỉa hè, giật nảy mình, và giấu thứ gì đó sau bàn tay. Ông lại gần, hóa ra đó là điếu thuốc lá mới hút một nửa. Cô trao cho ông cái nhìn nheo nheo, lo lắng. Hodges nghĩ đó là ánh mắt của một con chó đã bị chủ nó cầm tờ báo tấn quá nhiều lần vì tội tè bậy dưới gầm bàn bếp.

“Đừng nói với mẹ tôi nhé. Bà ấy tưởng tôi bỏ rồi.”

“Bí mật của cô sẽ được an toàn với tôi,” Hodges nói, thầm nghĩ Holly chắc chắn đã quá lớn để còn phải lo lắng về sự phản đối của bà mẹ đối với cái có lẽ là thói quen xấu duy nhất của cô. “Tôi ngồi chung với cô được chứ?”

“Chẳng phải ông nên ở trong đấy với Janey sao?” Nhưng ô vẫn ngồi nhích lại nhường chỗ.

“Ra ngoài hít thở chút thôi. Trừ Janey, tôi không quen ai trong số những người ấy.”

Cô ngó nhìn ông với vẻ tò mò lộ liễu của một đứa trẻ. “Ông với chị họ tôi cặp bồ à?”

Hodges bối rối, không phải vì câu hỏi mà là vì thực tế oái oăm khiến ông thấy chỉ muốn cười phá lán. Ông thầm ước giá mà mình cứ mặc kệ cô hút trộm thuốc cho xong. “À,” ông nói, “bọn tôi là bạn thân. Có lẽ chúng ta chỉ nên dừng ở đó thôi.”

Cô nhún vai và phả khói ra qua lỗ mũi. “Tôi thì thế nào cũng được. Tôi nghĩ phụ nữ nên có bồ nếu muốn. Bản thân tôi thì không. Đàn ông không khiến tôi hứng thú. Tôi không phải là người đồng tính. Đừng có nghĩ như thế. Tôi làm thơ.”

“Vậy sao? Thật á?”

“Ừ.” Và cô không hề dừng lại, như thể đang nói về cùng một chủ đề: “Mẹ tôi không ưa chị Janey.”

“Thật à?”

“Bà ấy không nghĩ rằng Janey nên nhận được tất cả tiền của Olivia. Bà ấy bảo như thế không công bằng. Có thể thế, nhưng tôi cũng chẳng quan tâm.”

Cô đang cắn môi, kiểu cắn môi ấy gợi lên trong Hodges một cảm giác ngờ ngợ quen thuộc đến bần chồn, và chỉ mất một giây để nhận ra lý do: Olivia Trelawney cũng làm vậy trong những lần cảnh sát thẩm vấn bà ta. Máu mủ ruột rà. Hầu như không lẫn vào đâu được.

“Cô chưa hề vào trong đó,” ông nói.

“Chưa, và tôi sẽ không vào đâu, và bà ấy không thể bắt tôi vào được. Tôi chưa bao giờ thấy người chết, và tôi sẽ không bắt đầu vào lúc này đâu. Nó sẽ khiến tôi gặp ác mộng mất.”

Holly dập thuốc trên thành bịch tam cấp, không phải dụi mà là cảm phập nó xuống, chọt lên chọt xuống đến khi tàn lửa tóe ra và đầu lọc gãy rời. Mặt cô tái như tờ giấy, cô bắt đầu run lẩy bẩy (đầu gối cô gần như gõ nhịp vào nhau theo đúng nghĩa đen), và nếu cô không ngừng nhai nghiền môi dưới thì chắc nó sẽ rá toạc ra mắt.

“Đây là phần ồi tệ nhất,” cô nói, và lần này thì không hề lúng búng. Thực ra, nếu giọng cô mà không ngừng ngân lên thì chẳng mấy chốc nó sẽ trở thành một tiếng hét. “Đây là phần tồi tệ nhất đây là phần tồi tệ nhất, đây là phần tồi tệ nhất!”

Ông quàng một cánh tay quanh bờ vai đang rung bần bật của Holly. Trong tích tắc, rung động ở vai đã lan ra khắp toàn thân. Ông đã chắc chắn là cô sẽ vùng bỏ chạy (có lẽ chỉ nấn ná đủ lâu để gọi ông là một kẻ biến thái và giáng cho ông cái tát vào mặt). Và rồi cơn run rẩy lắng xuống và cô thậm chí còn ngả đầu lên vai ông. Cô thở dốc.

“Cô nói đúng,” ông nói. Đây là phần tồi tệ nhất. “Hôm sau sẽ đỡ hơn.”

“Quan tài sẽ được đóng kín chứ?”

“Ừ.” Ông sẽ nói với Janey là kiểu gì cũng phải đóng vào, trừ phi cô muốn em họ mình lại phải ngồi ngoài này với cái xe đò.

Holly ngược gương mặt không trang điểm lên nhìn ông. Cô ta chẳng được một cái quái gì, Hodges nghĩ bụng, một tí tẹo trí khôn cũng không, một chút ma mãnh cũng không nốt. Sau này ông sẽ phải hối tiếc sự quy chụp ấy, nhưng hiện tại thì ông nhận ra mình lại đang tư lự nghĩ đến Olivia Trelawney. Đến cách báo chí đối xử với bà ta và cách cảnh sát đối xử với bà ta. Kể cả ông nữa.

“Ông hứa là nó sẽ được đóng kín chứ?”

“Ừ.”

“Hứa gấp đôi chứ?”

“Ngoắc tay luôn, nếu cô muốn.” Tiếp theo, ông vẫn nghĩ đến Olwia và thứ thuốc độc mà gã Mercedes đã nhồi vào đầu bà ta qua máy tính: “Cô vẫn đang dùng thuốc đấy chứ, Holly?”

Mắt cô tròn tròn. “Làm sao ông lại biết tôi dùng Lexapro? Bà ấy đã kể với ông à?”

“Chẳng ai bảo tôi cả. Chẳng cần ai bảo. Trước kia tôi là thanh tra cảnh sát mà.” Ông siết chặt cánh tay quàng quanh vai Holly thêm chút nữa và khẽ lắc người cô một cách thân tình. “Giờ thì trả lời câu hỏi của tôi đi.”

“Nó ở trong tôi xách đây. Hôm nay tôi chưa uống thuốc, vì...” Cô bật cười khúc khích. “Vì nó làm tôi buồn tè suốt.”

“Nếu tôi lấy một cốc nước, sẽ uống thuốc luôn chứ?”

“Vâng. Vì ông.” Vẫn là ánh mắt chòng chọc ấy, cái nhìn của một đứa bé đánh giá một người lớn. “Tôi thích ông. Ông là người tốt Janey thật may mắn. Cả đời tôi chẳng gặp may bao giờ. Tôi thậm chí còn chưa bao giờ có bạn trai.”

“Tôi sẽ lấy cho cô chút nước,” Hodges vừa nói vừa đứng lên. Đến góc tòa nhà, ông ngoảnh lại. Cô đang cố châm một miếng thuốc khác nhưng thật khó khăn vì cơn run rẩy đã quay lại. Cô giữ chiếc bật lửa Bic rẻ tiền bằng cả hai tay, như một xạ thủ trên trường tập bắn của cảnh sát.

Bên trong, Janey hỏi này giờ ông ở đâu. Ông nói cho cô biết và hỏi liệu có thể đóng nắp quan tài tại lễ truy điệu ngày hôm sau dưới không. “Anh nghĩ đó là cách duy nhất khiến cô ấy vào trong,” ông nói.

Janey nhìn bà dì, đang ở giữa một đám bà già, tất cả đều đang sôi nổi trò chuyện. “Con mụ ấy thậm chí còn chưa để ý thấy là Holly không có trong này,” cô nói. “Anh biết không, em vừa mới quyết định mà cả cái quan tài cũng sẽ không đây vào ngày mai. Em sẽ bảo người phụ trách tang lễ nhét nó ra phía sau, và nếu dì C. không thích thì mặc xác bà ấy. Anh nói với Holly thế nhé?”

Tay phụ trách tang lễ kín đáo lượn vòng đưa Hodges vào căn phòng bên cạnh, đồ ăn thức uống đã được, bày biện ở đó. Ông lấy một chai nước Dasani và mang nó ra bãi đỗ xe. Ông truyền đạt lại thông điệp của Janey và ngồi với Holly cho đến khi cô uống một viên thuốc con nhộng nhỏ màu trắng. Khi nó đã trôi xuống, cô mỉm cười với ông. “Tôi thực sự quý ông đấy.”

Và, sử dụng năng lực vĩ đại dưới đào tạo trong ngành cảnh sát, ấy là nói dối một cách thuyết phục, Hodges trù mẫn trả lời, “Tôi cũng quý cô, Holly.”



**T**ổ hợp Văn hóa và Nghệ thuật Trung Tây, hay còn gọi là MAC, dưới báo chí và Phòng Thương mại địa phương gọi là “Bảo tàng Louvre của vùng Trung Tây (người dân thành phố Trung Tây này gọi nó là “Louvah”). Công trình trải rộng trên khu đất vàng có diện tích 6 mẫu Anh ở trung tâm thành phố với điểm nhấn là một tòa nhà hình tròn mà Brady thấy giống như cái UFO xuất hiện ở cuối phim Close Encounters o the Third Kinh. Đó là Khán phòng Mingo.

Hắn đi lòng vòng ra phía sau khu vực bốc xếp, chỗ đó đang nhộn nhịp như một tổ kiến giữa ngày hè. Xe tải rầm rập tới lui, còn công nhân thì đang bốc dỡ đủ thứ, gồm cả - quái lạ nhưng là sự thật - những thứ trông như bộ phận của một chiếc đu quay. Có cả phong cảnh (hắn nghĩ người ta gọi chúng như thế) diễn tả bầu trời đêm đầy sao và bãi biển cát trắng với những cặp đôi bước đi tay trong tay bên mép nước. Đám công nhân, hắn để ý thấy, tất cả đều mang thẻ tên quanh cổ hoặc cài vào áo. Không ổn rồi.

Có một trạm an ninh gác lối vào khu bốc xếp, và điều đó cũng không ổn nốt, nhưng Brady vẫn lảng vảng lại gần, thầm nghĩ, Không liệu không có ăn. Có hai bảo vệ. Một ở bên trong, vừa gặm bánh vòng vừa giám sát nửa tá màn hình video. Người kia ra ngoài để chặn Brady lại. Anh ta đeo kính đen. Brady nhìn thấy hình ảnh của mình phản chiếu trong mắt kính, với một nụ cười to đùng quen thuộc kiểu ôi-trời-chuyện-này-hay-đây trên mặt hắn.

“Giúp gì được anh đây?”

“Tôi chỉ băn khoăn không biết là có chuyện gì,” Brady nói. Hắn chỉ tay. “Cái kia trông như là một chiếc vòng đu quay đúng vậy.”

“Có buổi diễn lớn ở đây vào tối thứ Năm,” người bảo vệ nói. “Ban nhạc quảng bá album mới của họ. Kisses on the Midway, tôi nghĩ đó là tên album đấy.”

“Chà chà, kỳ công hoành tráng quá nhỉ?” Brady trầm trồ.

Tay bảo vệ khịt mũi. “Hát hò càng dở, thì sân khấu càng phải hoành tráng. Anh biết không? Khi Tony Bennett diễn ở đây hồi tháng Chín vừa rồi, chỉ có ông ấy thôi. Thậm chí còn không có cả ban nhạc. Dàn nhạc Giao hưởng Thành phố đánh nhạc nền cho ông ấy. Thế mới là biểu diễn. Không có lũ trẻ rú rít. Âm nhạc thực sự. Vậy mới tuyệt vời chứ, phải không?”

“Tôi không nghĩ là tôi đưa lại đây xem một tí. Có thể chụp ảnh bằng điện thoại di động được chứ?”

“Không.” Tay bảo vệ quan sát hắn quá kỹ lưỡng. Brady không thích điều đó. “Thực ra, anh hoàn toàn không được có mặt ở đây. Vì vậy...”

“Được rồi, được rồi,” Brady nói, nụ cười ngoác rộng. Đến lúc phải đi rồi. Dù sao thì ở đây cũng chẳng có gì cho hắn; nếu lúc này còn có hai người trực, thì nhiều khả năng sẽ có cả nửa tá vào tối thứ Năm. “Cảm ơn vì đã dành thời gian nói chuyện với tôi.”

“Không có gì.”

Brady giơ hai ngón tay cái lên với anh ta. Tay bảo vệ ra hiệu đáp lại, nhưng vẫn đứng ở ngưỡng trạm gác, nhìn hắn đi khỏi.

Hắn lững thững bước dọc bên lề bãi đỗ xe rộng mênh mông gần như trống trơn nhưng chắc hẳn sẽ chật cứng vào đêm diễn của Round Here. Nụ cười của hắn đã biến mất. Hắn đang nghĩ đến bọn thiếu năng đầu quần khăn đã lao hai chiếc máy bay vào Trung tâm Thương mại Thế giới chín năm trước. Hắn nghĩ (chẳng có chút nào là châm biếm), Chúng làm mình vạ lây.

Năm phút đi bộ đưa hắn đến dãy cửa ra vào mà những người xem biểu diễn sẽ bước qua vào tối thứ Năm. Hắn phải trả năm đô la “phí quyền góp đề xuất” để được vào. Tiền sảnh là một mái vòm vang vọng đang đông nghịt người yêu nghệ thuật và các nhóm sinh viên. Thẳng phía trước là cửa hàng đồ lưu niệm. Bên tay trái là hành lang dẫn vào Quán phòng Mingo.

Nó rộng bằng cả một con đường cao tốc hai làn xe. Ở giữa là một cái cọc bằng crôm gắn tấm biển mang dòng chữ KHÔNG TÚI KHÔNG HỘP KHÔNG BA LÔ.

Không có máy phát hiện kim loại. Có thể là chúng chưa được lắp đặt. Nhưng Brady khá chắc chắn rằng chúng sẽ không được sử dụng. Sẽ có đến hơn bốn nghìn người xem ca nhạc chen lấn để vào trong, và âm thanh những chiếc máy phát hiện kim loại kêu tít tít loạn khắp nơi sẽ tạo thành một cơn ùn tắc giao thông ác mộng. Tuy vậy sẽ có những nhân viên an ninh hằm hờ, bọn họ sẽ đều cảm giác và quan cách giống hệt gã đầu đất đeo kính đen ngoài kim. Một người đàn ông mặc áo phao trong buổi tối tháng Sáu ấm áp sẽ thu hút sự chú ý của họ ngay lập tức. Mà thực ra, bất kỳ người đàn ông nào không dắt theo một đứa con gái tuổi ầm ương buộc tóc đuôi gà chắc chắn sẽ được chú ý đến.

Phiền ông dừng lại đây một lát được không?

Tất nhiên hẳn có thể cho nổ tung chiếc áo ngay tại chỗ lúc đó và vặn cổ khoảng trăm đứa nửa hoặc hơn, nhưng đó không phải là điều hẳn muốn. Điều hẳn muốn là về nhà lên mạng tìm kiếm, tìm ra tên bài hát nổi nhất của Round Here, và bật công tắc đúng giữa chừng bài hát, khi lũ oắt con đang gào rú hết công suất và cái đầu óc oắt con của chúng đang hóa rồ.

Nhưng những trở ngại thật khó nhằn.

Đứng trong tiền sảnh giữa đám già hưu trí tay cầm sách hướng dẫn và bọn học sinh lớp chín vắt mũi chưa sạch, Brady nghĩ bụng, Giá mà Frankie còn sống. Nếu nó còn sống, mình sẽ đưa nó đi xem. Chắc là nó ngu ngốc đủ để thách cái trò này. Thậm chí mình còn cho nó mang theo cả xe cứu hỏa Sammy. Ý nghĩ đó làm ngập lên trong hẳn một nỗi buồn sâu thẳm và hoàn toàn chân thực vẫn thường dội về trong hẳn mỗi khi nghĩ đến Frankie.

Có lẽ mình chỉ nên giết lão cớm béo về vườn thôi, và cả mình nữa, rồi coi thế là sự nghiệp về vang được rồi.

Vừa xoa hai thái dương, một cơn đau đầu của hẳn lại vừa bắt đầu kéo lên (và giờ thì chẳng có mẹ để xoa dịu nó nữa), Brady vừa lững thững đi qua sảnh vào Phòng Triển lãm Nghệ thuật Harlow Floyd, ở đó có tấm băng rôn lớn thông báo rằng THÁNG SÁU LÀ THÁNG MANET!

Hắn không biết chính xác Manet là ai, có lẽ lại là một lão họa sĩ cóc cụ khác giống van Gogh, nhưng một số bức tranh đẹp thật. Hắn không mấy quan tâm đến tranh tĩnh vật nhưng một số bức khác miêu tả võ sĩ đấu bò nằm chết. Brady ngắm nó đến gần năm phút, hai bàn tay chắp ra sau, phớt lờ những người chen lấn bên cạnh hoặc cố nhòm qua vai hắn để ngắm. Người võ sĩ đấu bò không bị nát bậy hay gì cả, nhưng máu tuôn ra từ bên những bộ phim bạo lực mà Brady từng xem, mà hắn đã xem là nhiều vô số kể. Nó khiến hắn bình tĩnh lại và nhẹ nhõm đầu óc và cuối cùng khi bước tiếp, hắn nghĩ, Nhất định có cách để làm việc này.

Trong lúc ngẫu hứng hắn tạt vào cửa hàng quà lưu niệm và mua một chồng rác rưởi của Round Here. Khi đi ra mười phút sau đó, hắn mang theo một chiếc túi in dòng chữ I HAD A MAC ATTACK, hắn lại liếc nhìn dọc hành lang dẫn tới Quán phòng Mingo. Chỉ hai đêm nữa thôi, cái hành lang đó sẽ trở thành lồng gia súc chất đầy lũ con gái phẫn khích điên cuồng, cười nói, xô đẩy, phần lớn là đi cùng với các bậc phụ huynh nhăn nhó khổ sở. Từ góc này hắn có thể thấy mạn phía xa bên tay phải của hành lang đã được ngăn khỏi khu vực còn lại bằng dây nhung. Ở đầu hành lang nhỏ tách biệt này là một tấm biển khác gắn trên một chân cọc crôm khác.

Brady đọc nó và nghĩ, ôi lạy Chúa tôi.

Ôi... lạy... Chúa tôi!





**T**rong căn hộ từng thuộc về Elizabeth Wharton, Janey đá tung đôi guốc cao gót ra khỏi chân và thả người xuống ghế sofa. “Ồn Chúa là cũng xong. Nó phải dài đến cả nghìn năm ấy nhỉ, hay là hai?”

“Hai,” Hodges nói. “Trông em như một người phụ nữ đang cần chớp mắt đấy.”

“Em đã ngủ đến tám giờ sáng mà,” cô phản đối, nhưng Hodges thấy nó có vẻ yếu ớt.

“Đó có lẽ vẫn là ý hay.”

“Cân nhắc đến thực tế là tối nay em sẽ ăn cùng họ hàng ở Sugar Heights, anh khuyên vậy cũng có lý đấy, thưa ngài thám tử. Nhưng tiện nói luôn là anh được thoát vụ ăn tối. Em nghĩ họ muốn nói về bộ phim ca nhạc yêu thích của tất cả mọi người, *Mớ tiền triệu của Janey*.”

“Anh chẳng ngạc nhiên đâu.”

“Em sẽ chia đều tài sản Ollie để lại với họ. Ngắt ngay khúc giữa luôn.”

Hodges dợm bật cười. Ông ngừng lại khi nhận ra cô hoàn toàn nghiêm túc.

Janey nhú mào. “Anh thấy có vấn đề gì à? Lẽ nào ba triệu rưỡi bèo bọt không đủ cho em sống đến già hay sao?”

“Anh nghĩ là đủ, nhưng... đó là của em cơ mà. Ollie di chúc lại cho em.”

“Vâng, và di chúc đó hoàn toàn hợp pháp, luật sư Schron cam đoan với em về điều đó, nhưng như thế vẫn không có nghĩa là Ollie ở trong trạng

thái tình táo sáng suốt khi chị ấy lập di chúc. Anh biết rồi đấy. Anh đã gặp chị ấy, nói chuyện với chị ấy còn gì.” Cô đang xoa bóp hai bàn chân qua lần tất. “Hơn nữa, nếu em chia cho họ một nửa, kiểu gì em cũng được xem họ xâu xé nhau. Hãy nghĩ đến giá trị giải trí chứ.”

“Em chắc là không muốn anh đi cùng em tối nay chứ?”

“Tối nay thì không nhưng mai thì chắc chắn. Em không thể làm việc đó một mình được.”

“Anh sẽ đón em lúc chín giờ mười lăm. Ấy là trừ phi em muốn nghỉ một đêm nữa ở chỗ anh.”

“Nghe hấp dẫn đấy, nhưng thôi. Tối nay hoàn toàn dành riêng cho cuộc vui gia đình. Còn một điều này trước khi anh ra về. Rất quan trọng.” Cô lục lọi trong ví và lấy ra một cây bút cùng với sổ ghi chép. Cô viết, rồi xé rời một trang và chìa nó cho ông. Hodges thấy hai dãy số.

Janey nói, “Dãy số thứ nhất mở cổng ngôi nhà ở Sugar Hill. Dãy số thứ hai tắt hệ thống chống trộm. Sáng thứ Năm, khi anh và bạn anh Jerome đang làm việc trên máy tính của Olivia, em sẽ đưa dì Charlotte, Holly và cậu Henry ra sân bay. Nếu hung thủ đã can thiệp vào máy tính của chị ấy theo như cách mà anh nghĩ... và chương trình vẫn còn ở đó... em không nghĩ là mình chịu đựng được.” Cô nhìn ông đầy vẻ khẩn nài. “Anh có hiểu điều đó không? Hãy nói là anh hiểu đi.”

“Anh hiểu rồi,” Hodges nói. Ông quỳ xuống bên cạnh cô như một người đàn ông sắp cầu hôn trong tiểu thuyết lãng mạn mà vợ cũ của ông vẫn thích. Phần áo trong ông cảm thấy thật vô lý. Còn chủ yếu là không. “Janey,” ông nói.

Cô nhìn ông, cố mỉm cười, nhưng không thành công cho lắm.

“Anh xin lỗi. Về tất cả mọi chuyện. Rất, rất xin lỗi.” Ông không chỉ đang nghĩ đến cô, hoặc người chị quá cố của cô, người vừa bị phiền nhiễu vừa gây phiền nhiễu cho người khác. Ông nghĩ đến những người thiệt mạng ở City Center, đặc biệt là người phụ nữ và đứa con cô ta.

Khi ông được thăng chức thanh tra, người hướng dẫn của ông tên là Frank Sledge. Khi đó Hodges đã coi ông ta là một ông già, nhưng hồi ấy Sledge còn trẻ hơn Hodges bây giờ mười lăm tuổi. Đừng có bao giờ để tôi

nghe thấy cậu gọi họ là nạn nhân, Sledge đã bảo ông. Cái đó chỉ dành cho lũ khốn kiếp và bã đậu. Hãy nhớ tên của họ. Hãy gọi họ bằng tên.

Mẹ con nhà Cray, ông nghĩ. Họ là mẹ con nhà Cray. Janice và Patricia.

Janey ôm ông. Hơi thở của cô cù nhẹ tai ông khi cô nói, làm ông sờn gai ốc và hơi rạo rức. “Khi chuyện này xong xuôi, em sẽ quay về California. Em không thể ở lại đây. Em thích anh vô cùng, Bill ạ, và nếu ở lại đây thì có lẽ em sẽ yêu anh mất, nhưng em sẽ không làm điều đó đâu. Em cần có một sự khởi đầu mới.”

“Anh biết.” Hodges đẩy Janey ra và nắm lấy vai cô để có thể nhìn thẳng vào mặt cô. Khuôn mặt thật xinh đẹp, nhưng hôm nay nhìn cô mới đúng tuổi của mình. “Không sao mà.”

Cô lại thọc tay vào ví, lần này là để lấy khăn giấy Kleenex. Sau khi lau khô mắt, cô nói, “Hôm nay anh đã có một cuộc chinh phục.”

“Cuộc...?” Rồi ông chợt hiểu. “Holl?”

“Cô ấy nghĩ anh thật tuyệt vời. Cô ấy bảo em thế.”

“Cô ấy làm anh nghĩ đến Olivia. Nói chuyện với cô ấy có cảm giác như một cơ hội thứ hai.”

“Để làm điều đúng đắn?”

“Ừ.”

Janey nhăn mũi trêu ông và cười. “Ừ.”



Chiều hôm đó, Brady đi mua sắm. Hắn lấy chiếc Honda của bà Deborah Ann Hartsfield quá cỡ, vì đó là một chiếc hatchback. Vậy mà có một món hàng phải khó khăn lắm mới nhét được vào phía sau. Hắn đã định ghé qua Speedy Postal trên đường về nhà và kiểm tra chỗ Gopher-Go hắn đặt mua bằng tên giả Ralph Jones, nhưng những thứ đó giờ đây cảm giác như là của cả nghìn năm trước, và thật sự thì, làm thế để làm gì? Phần cuộc đời đó của hắn đã kết thúc. Chẳng bao lâu nữa phần còn lại cũng vậy nốt, thế cho nhẹ người.

Hắn dựng món lớn nhất trong số hàng mua về vào tường garage. Sau đó hắn vào nhà, và sau một thoáng, hắn dừng lại ở nhà bếp để hít hít không khí (không có tí mùi phân hủy nào, ít nhất là chưa), rồi hắn xuống phòng điều khiển. Hắn nói câu thần chú khởi động dây máy tính, nhưng chỉ là theo thói quen. Hắn không có cảm giác thôi thúc phải vào trang Chiếc Ô Xanh của Debbie, vì hắn chẳng còn gì để nói với lão cớm béo về vườn. Phần cuộc đời đó của hắn cũng đã kết thúc. Hắn nhìn đồng hồ, thấy lúc này là ba giờ ba mươi phút chiều, và tính toán rằng lão cớm béo về vườn còn khoảng hai mươi tiếng đồng hồ nữa để sống. Nếu thực sự đúng là mày đang chén con ả đó, Thanh tra Hodges, Brady nghĩ, thì cố gắng mà chén nốt đi trong khi mày vẫn còn chén được.

Hắn mở ổ khóa trên cánh tủ và bước vào giữa đám mùi ngai ngái thoảng hơi dầu của thuốc nổ tự chế. Hắn chăm chú nhìn những hộp giày chứa đầy thuốc nổ và chọn chiếc hộp từng đựng đôi giày đi bộ Mephisto mà hắn đang đi dưới chân - quà Giáng sinh của mẹ hắn năm ngoái. Từ giá

bên cạnh, hắn với lấy cái hộp giày đựng điện thoại di động. Hắn cầm một chiếc điện thoại và hộp chất nổ dẻo ra cái bàn đặt giữa phòng rồi bắt tay vào việc, cho điện thoại vào trong hộp và nối nó với một kíp nổ đơn giản chạy bằng pin AA. Hắn bật điện thoại lên để chắc chắn là nó vẫn hoạt động, rồi lại tắt đi. Khả năng ai đó gọi nhầm vào số điện thoại rác này và cho nổ tung phòng điều khiển là rất nhỏ, nhưng sao phải liều làm gì chứ? Khả năng mẹ hắn tìm thấy chỗ thịt tẩm độc và nấu nó thành bữa trưa cũng nhỏ, vậy mà hãy nhìn xem cơ sự đã thành ra thế đấy.

Không, cục cựa này sẽ nằm im lìm cho đến mười giờ hai mươi sáng ngày mai. Đó là lúc Brady bước vào bãi đỗ xe phía sau Nhà tang lễ Soames. Nếu như có ai ở đó, Brady sẽ bảo là hắn cứ tưởng có thể đi cắt ngang qua bãi đỗ xe để sang phố bên kia, chỗ có bến xe buýt (mà quả thật đúng là như thế, hắn đã kiểm tra trên MapQuest). Nhưng hắn không nghĩ là sẽ có người. Tất cả sẽ bên trong dự lễ truy điệu, khóc lóc như mưa như gió.

Hắn sẽ sử dụng Thiết bị Hai để mở cửa xe của lão cớm về vườn và nhét hộp giày vào bên dưới ghế lái. Hắn sẽ lại khóa chiếc Toyota lại và quay về xe của mình. Để chờ đợi. Để theo dõi lão đi qua. Để cho lão đi đến giao lộ tiếp theo, đó Brady có thể chắc chắn rằng hắn, Brady, sẽ được an toàn tương đối khỏi mảnh văng. Sau đó...

“Bùm,” Brady nói. “Chúng sẽ cần một chiếc hộp giày khác để chôn hắn.”

Câu đó mới hài hước làm sao, và hắn vừa cười vừa quay lại tủ để lấy chiếc áo đánh bom tự sát. Hắn sẽ dành cả buổi chiều còn lại để tháo rời nó ra. Brady không cần đến chiếc áo nữa.

Hắn có một ý tưởng hay hơn.



**T**hứ Tư, ngày 2 tháng Sáu năm 2010, trời ảm áp và không mây. Theo lịch thì có thể vẫn đang là mùa xuân, và các trường học trong vùng thì có thể vẫn đang học, nhưng những điều đó không làm thay đổi thực tế rằng đây là một ngày hè hoàn hảo vùng trung tâm của nước Mỹ.

Bill Hodges đã đóng bộ đầy đủ nhưng sung sướng là vẫn chưa phải thắt cà vạt, ông đang trong phòng làm việc, xem lại danh sách những vụ trộm xe hơi mà Marlo Everett đã fax qua cho ông. Ông đã in ra một bản đồ thành phố, và khoanh một chấm tròn tại mỗi vị trí xảy ra vụ trộm. Ông hình dung ra cảnh mình sẽ phải điều tra từng chỗ đến mòn giày trong tương lai, có lẽ sẽ rất vất vả nếu máy tính của Olivia không đưa đến manh mối gì, nhưng cũng rất có thể một nạn nhân bị trộm xe nào đó sẽ đề cập đến việc nhìn thấy một chiếc xe quen thuộc. Bởi vì tên Sát nhân Mercedes kiểu gì cũng phải theo dõi chủ nhân của những chiếc xe hăn nhằm đến. Hodges tin chắc vào điều đó. Hăn phải bảo đảm rằng người chủ đã đi khỏi trước khi hăn sử dụng đồ nghề của mình để mở xe của họ.

Hăn đã theo dõi họ bằng cách hăn theo dõi mình, Hodges nghĩ.

Điều đó xới lên một ý nghĩ trong ông - một thoáng liên hệ vụt lóe sáng nhưng lại tắt lịm trước khi ông kịp nhận ra nó đang soi rọi điều gì. Không sao; nếu quả thật có điều gì đó thì nhất định nó sẽ quay trở lại. Còn trước mắt, ông tiếp tục kiểm tra các địa chỉ và khoanh các dấu đỏ. Ông có hai mươi phút trước khi phải tròng cà vạt vào cổ và đến chỗ Janey.

Brady Hartsfield đang ở trong phòng điều khiển. Hôm nay không có cơn đau đầu nào, và những ý nghĩ của hăn, mọi khi thường rối tung, thì lại

căng nét như vô số bức ảnh màn hình chờ máy tính cắt ra từ phim Wild Bunch. Hãn đã tháo những thỏi thuốc nổ dẻo ra khỏi chiếc áo khoác tự sát, cẩn thận gỡ chúng khỏi dây kíp. Một vài thỏi đã được nhồi vào tấm đệm ghế màu đỏ tươi có in dòng slogan sống sượng CHỜ ĐẦU MÔNG. Hãn đã nhét hai thỏi nữa, được nặn lại thành hình trụ gắn kèm dây kíp, vào họng của túi đựng nước tiểu Urinesta màu xanh lục. Xong xuôi việc đó, hãn thận trọng dán một tấm decal vào chiếc túi. Hãn đã mua decal và một chiếc áo phong lưu niêm ở cửa hàng quà tặng của MAC hôm qua. Miếng decal có chữ FAN SỐ 1 của Round Here. Hãn kiểm tra đồng hồ. Gần chín giờ. Lúc này lão cóm còn một tiếng rười nữa để sống. Có thể là ít hơn một chút.

Cộng sự cũ của Hodges là Pete Huntley đang ở trong một phòng thẩm vấn, không phải vì anh ta có ai đó để tra hỏi mà là vì nó tách biệt khỏi không khí bận rộn buổi sáng và dòng người vào ra tấp nập. Anh ta cần xem lại một số bản ghi chép. Anh ta sẽ chủ trì một cuộc họp báo lúc mười giờ, để nói về những tiết lộ đen tối mới nhất mà Donald Davis đã khai ra, và anh ta không muốn làm rối tung bất kỳ điều gì. Hung thủ vụ City Center - tên Sát nhân Mercedes - là điều xa vời nhất trong tâm trí anh ta.

Ở Lowtown, phía sau một cửa hiệu cầm đồ nào đó, súng ống đang được mua và bán bởi những người tin tưởng rằng họ không bị theo dõi.

Jerome Robinson đang ngồi trước máy tính, lắng nghe những clip âm thanh có sẵn trên một trang web tên là Sounds Good to Me. Cậu nghe một người phụ nữ cười như điên dại. Cậu nghe một người đàn ông đang huýt sáo bài “Danny Boy”. Cậu nghe một người đàn ông thở ăng ặc và một người phụ nữ rõ ràng như đang sắp lên đỉnh. Cuối cùng cậu tìm thấy đoạn clip mình muốn. Đầu đề thật đơn giản: TRẺ CON KHÓC.

“Ở tầng dưới, Barbara em gái của Jerome chạy ùa vào bếp, theo sát phía sau là Odell. Barbara mặc váy kim tuyến óng ánh, đi dép sục lộp cộp màu xanh, và mặc áo phong có hình một cậu thiếu niên bảnh bao. Bên dưới nụ cười lấp lánh và mái tóc chải chuốt cầu kỳ của cậu ta là dòng chữ huyền thoại I LUV CAM 4EVER! Cô bé hỏi mẹ là mặc bộ này đi xem ca nhạc nhìn có trẻ con quá không. Bà mẹ (có lẽ đang nhớ lại đồ đã mặc cho buổi đi xem ca nhạc đầu tiên của chính mình) mỉm cười và nói nó thật hoàn hảo.

Barbara xin phép được mang đôi khuyên tai hình biểu tượng hòa bình của mẹ. Ừ, tất nhiên rồi. Sơn môi thì sao? Ừm... thôi được. Chì kẻ mắt? Không, rất tiếc. Barbara bật cười kiểu tội-gì-không-hỏi-thử rồi ôm choàng lấy mẹ nịnh nọt. Con không thể nào đợi được đến tối mai,” cô bé nói.

Holly Gibney đang ở trong nhà tắm của ngôi nhà Sugar Heights, cầu ước có thể trốn được lễ truy điệu, và thừa hiểu rằng bà mẹ sẽ không đời nào để cô làm thế. Nếu cô có phản đối bằng lý do cảm thấy không được khỏe, câu đáp trả của mẹ cô sẽ là câu nói đã vang vọng suốt cả tuổi thơ của Holly: Người ta sẽ nghĩ gì. Và nếu Holly có phản đối rằng việc người khác nghe gì không quan trọng vì họ sẽ không bao giờ gặp lại ai trong những người đó (trừ Janey) trong cuộc đời mình ấy à? Mẹ cô sẽ nhìn như thể Holly đang nói một thứ tiếng xa lạ. Cô uống thuốc Lexapro, nhưng ruột gan cô cuộn lên trong lúc đánh răng và cô lại nôn ra hết. Charlotte gọi hỏi xem cô sắp xong chưa. Holly đáp lại là sắp xong rồi. Cô xả toilet và nghĩ, ít nhất thì bạn trai của Janey cũng đến đó. Bill. Ông ấy thật tốt bụng.

Janey Patterson đang cẩn thận mặc đồ trong căn hộ chung cư cao cấp của bà mẹ quá cố: tất đen, váy đen, áo khoác đen choàng bên ngoài chiếc áo blouse màu xanh thẫm như bóng đêm. Cô đang nghĩ đến việc mình đã nói với Bill rằng có lẽ cô sẽ yêu ông mất nếu ở lại đây. Đó là hành động chà đạp sự thật một cách trắng trợn, vì cô đã yêu ông mất rồi. Cô chắc chắn rằng bác sĩ tâm thần sẽ cười khẩy và nói đó là một dạng phức cảm con gái và bố. Nếu thế, Janey sẽ cười khẩy đáp trả và bảo những gì hãnh nói chỉ là một đồng rác rưởi kiểu Freud. Bố cô là một nhân viên kế toán hói đầu và hầu như chẳng bao giờ hiện diện ngay cả khi ông ta đang lù lù ở đó. Và một điều người ta có thể nói về Bill Hodges là ông thực sự hiện diện. Đó là điều cô thích ở ông. Cô cũng thích chiếc mũ cô mua cho ông. Cái mũ phớt kiểu Philip Marlowe. Cô xem đồng hồ và thấy đã chín giờ mười lăm. Chẳng mấy chốc nữa ông sẽ có mặt ở đây.

Ông mà đến muộn, cô sẽ giết ông.





Ông không đến muộn, và ông đội mũ. Janey bảo Hodges rằng trông ông thật tuyệt. Ông đáp lại rằng trông cô còn tuyệt hơn. Cô mỉm cười và hôn ông.

“Làm cho xong chuyện này nào,” ông nói.

Janey chun mũi và nói, “Ừ.”

Họ lái xe tới nhà tang lễ, họ lại một lần nữa là những người đến đầu tiên. Hodges đi cùng cô vào sảnh Yên nghỉ Vĩnh hằng. Cô nhìn quanh và gật đầu hài lòng. Tờ chương trình của buổi lễ đã được đặt trên ghế gấp. Quan tài đã không còn ở đó mà được thay bằng một chiếc bàn nhang nhạc kiểu bàn thờ với những giỏ hoa mùa xuân bên trên. Nhạc của Brahms, được vặn nhỏ đến mức hầu như chẳng nghe thấy gì, đang được phát qua hệ thống âm thanh của nhà tang lễ.

“Ồn không?” Hodges hỏi.

“Thế là được rồi.” Cô hít một hơi thật sâu và nhắc lại câu ông đã nói trước đó hai mươi phút. “Làm cho xong chuyện này nào.”

Về cơ bản vẫn là nguyên xi đám người như hôm qua.

Janey chào hỏi họ cửa. Trong lúc cô bắt tay rồi trao những cái ôm và nói những câu theo thông lệ, Hodges đứng bên cạnh, lia mắt quét dòng xe đi qua. Ông không thấy gì đáng chú ý, bao gồm cả một chiếc Subaru nào đó màu bùn lẫn bánh qua mà không hề giảm tốc độ.

Một chiếc Chevy đi thuê có dán decal của hãng âm thanh xe hơi Hertz bên kính chắn gió đi vòng ra sau chỗ bãi đỗ xe. Lát sau cậu Henry xuất hiện, cái bụng giám đốc núc ních đi trước dẫn đường. Dì Charlotte và Holly

đi sau ông ta, Charlotte túm chặt vào chỗ ngay trên cùi chỏ cô con gái bằng bàn tay xỏ găng trắng tinh. Trong mắt Hodges, dì C. trông như nữ giám thị đang dẫn giải phạm nhân - có lẽ là một con nghiện ma túy - vào nhà tù của hạt. Holly còn nhợt nhạt hơn cả hôm trước, nếu điều đó là có thể. Cô vẫn mặc nguyên cái bao tải màu nâu chẳng ra làm sao ấy, và đã cắn bọt hầu hết chỗ son trên môi.

Cô trao cho Hodges một cái mỉm cười run rẩy. Hodges chìa tay ra, và cô túm lấy nó bằng cái siết chặt khiếp đảm cho đến khi Charlotte lôi cô vào Sảnh của Người quá cố.

Một giáo sĩ trẻ, từ nhà thờ mà bà Wharton vẫn đến cho đến ngày bà quá yếu để có thể đi lễ vào các ngày Chủ nhật, chủ trì buổi lễ. Anh ta đọc cái đoạn dễ đoán từ Sách Châm ngôn Kinh Thánh, đoạn nói về người phụ nữ đức hạnh. Hodges sẵn lòng quả quyết rằng người quá cố có lẽ còn đáng quý hơn cả hồng ngọc, nhưng cũng thấy nghi ngờ không biết bà có bao giờ động đến len và lanh. Dù sao cũng vẫn rất thi vị, và đến khi giáo sĩ kết thúc thì nước mắt đã chứa chan rồi. Có thể vị này còn trẻ thật, nhưng anh ta cũng đủ khôn ngoan để không cố tô vẽ về một người anh ta hầu như không biết gì. Thay vào đó, anh ta mời những ai có “kỷ niệm quý báu” về bà Elizabeth quá cố hãy bước lên. Mấy người làm theo, bắt đầu là Althea Greene, bà y tá, rồi kết thúc cô con gái còn lại. Janey nói bình tĩnh, ngắn gọn và đơn giản.

“Tôi ước bà và tôi có nhiều thời gian hơn,” cô kết thúc.



**B**rady đỗ xe gần góc phố lúc mười giờ năm phút và cẩn thận cho tiền vào máy tính giờ đỗ xe đến khi cái cờ xanh với chữ TỐI ĐA trên đó bật lên. Xét cho cùng, chẳng phải tên giết người hàng loạt Con trai của Sam đã bị tóm chỉ vì một cái vé phạt giao thông đấy sao. Hắn lấy một cái túi xách bằng vải từ ghế sau. Trên một mặt có in dòng chữ KROGER và HÃY DỪNG LẠI TÔI! Trong túi là Thiết bị Hai, yên vị bên trên hộp giày Mephisto.

Hắn quay lại góc phố và sỏi bước qua Nhà tang lễ Soames, như một công dân bất kỳ nào đó qua lại buổi sáng. Mặt hắn tỉnh khô, nhưng tim hắn thì đang nện như một cái máy khoan hơi nước. Hắn không thấy ai bên ngoài nhà tang lễ, và các cánh cửa đều đóng, nhưng vẫn có khả năng là lão cớm không cùng những khách dự đám tang khác. Có thể lão đang ở một căn phòng phía sau, tìm kiếm những gương mặt khả nghi. Nói cách khác là tìm kiếm hắn. Brady biết điều đó.

Được ăn cả, ngã về không, cưng ạ, mẹ hắn thì thâm. Đúng thế. Và lại hắn cũng đánh giá rủi ro đó chỉ mức tối thiểu. Nếu Hodges đang chén ả tóc vàng khốn kiếp đó (hoặc hy vọng vậy), lão sẽ không rời khỏi cô ta đâu.

Brady ngoảnh mặt đi khi sang góc đường bên kia, lững thững bước trở lại, rồi dứt khoát rẽ vào lối đi xe của nhà tang lễ. Hắn nghe thấy tiếng nhạc văng vẳng, thứ nhạc cổ điển rác rưởi nào đó. Hắn nhận ra chiếc Toyota của Hodges đỗ sát vào hàng rào phía sau, mũi xe quay ra ngoài để phóng đi luôn cho nhanh sau khi nghi lễ đã xong xuôi. Cuộc xe cuối cùng của lão thanh tra về hưu, Brady nghĩ bụng. Ngán thôi, cưng ạ.

Hắn bước ra phía sau chiếc lớn hơn trong số hai chiếc xe đòn, và ngay sau khi nó che khuất hẳn khỏi tầm nhìn của bất kỳ ai đang nhìn ra cửa sổ đằng sau của nhà tang lễ, hắn lấy Thiết bị Hai ra khỏi túi mua hàng và kéo ăng ten lên. Tim hắn đập dữ dội hơn bao giờ hết. Có những lần - vài lần thôi - đồ nghề của hắn không hoạt động. Đèn xanh có lóe sáng, nhưng khóa xe thì vẫn không bật lên. Một trục trặc ngẫu nhiên nào đó trong phần mềm hoặc con chip.

Nếu nó không hoạt động, thì cứ thế tuồn cái hộp giày xuống dưới gầm xe, mẹ hắn khuyên.

Đương nhiên. Làm thế cũng tác dụng chẳng kém, hoặc gần bằng, nhưng như thế thì không sành điệu.

Hắn đẩy cái cần gạt. Đèn xanh lóe sáng. Đèn pha chiếc Toyota cũng thế. Thành công rồi!

Hắn bước tới chỗ xe của lão cớm về vườn như thế hắn hoàn toàn có quyền làm thế. Hắn mở cửa sau, lấy hộp đựng giày ra, bật điện thoại lên, và nhét hộp giày vào sau ghế người lái. Hắn đóng cửa lại rồi bước ra phố, cố ép mình phải bước thật chậm rãi bình thường.

Khi hắn đang đi vòng qua góc tòa nhà, Deborah Ann lại lên tiếng, Con không quên gì đấy chứ, cục cưng?

Hắn dừng lại. Ngẫm nghĩ. Rồi quay lại và chĩa đầu ăng ten của Thiết bị Hai vào chiếc xe của Hodges.

Ánh đèn lóe lên khi khóa xe đóng lại.



Sau màn hồi tưởng và một phút mặc niệm (“muốn làm gì thì làm”), vị giáo sĩ cầu Chúa phù hộ cho họ, chở che cho họ và mang đến cho họ sự bình yên. Áo quần loạt soạt; tờ chương trình được nhét vào túi xách và túi áo khoác. Holly có vẻ ổn cho đến khi cô đi được hết nửa lối đi, nhưng cũng chỉ đến đó là đầu gối cô nhũn ra. Hodges bước vọt tới với tốc độ đáng ngạc nhiên đối với một người to béo và đỡ dưới cánh tay Holly trước khi cô khụy xuống. Hai mắt cô trợn ngược lên, và trong khoảnh khắc cô đã gần như ngất xỉu ngã vật xuống. Rồi chúng trở về vị trí cũ và tỉnh lại. Cô nhận ra Hodges và mỉm cười yếu ớt.

“Holly, thôi ngay cái trò ấy đi!” mẹ cô nghiêm khắc nạt nộ, như thể con gái bà ta vừa buột ra một lời báng bổ cợt nhả và vô duyên chứ không phải vừa suýt ngất xỉu. Hodges nghĩ bụng hẳn là sướng lắm nếu cho dì C, một cái tát lật mặt đúng vào cái mồm bự phấn của bà ta. Có khi lại làm cho bà ta tỉnh ra, ông nghĩ.

“Con không sao mà mẹ,” Holly nói. Rồi, với Hodges, “Cảm ơn ông.”

Ông nói, “Sáng nay cô có ăn gì không vậy, Holly?”

“Nó ăn cháo yến mạch rồi,” dì Charlotte tuyên bố. “Với bơ và đường nâu. Tự tay tôi làm. Thịnh thoảng con cũng thích gây sự chú ý phải không, Holly?” Nói đoạn, bà ta quay sang Janey. “Cháu đừng có lẩn quẩn ở đây chứ. Henry thì vô tích sự với những chuyện thế này, mà ta thì không thể một mình tiếp đón ngần này người được.”

Janey nắm lấy cánh tay Hodges. “Cháu chẳng bao giờ kỳ vọng điều đó.”

Dì Charlotte trao cho cô một nụ cười méo xẹo. Janey đáp lại bằng nụ cười tinh quái, và Hodges quả quyết rằng việc cô quyết định cho đi một nửa khoản thừa kế cũng tinh quái không kém. Một khi chuyện đó xong xuôi, cô sẽ không bao giờ phải gặp lại người đàn bà khó chịu này nữa. Cô thậm chí sẽ không phải nhận điện thoại từ bà ta.

Khách viếng bước ra trong nắng. Trên lối đi phía trước, một cuộc bàn tán đại loại kiểu đúng-thật-là-một-buổi-lễ-chu-đáo đang diễn ra, và rồi mọi người bắt đầu đi vòng ra bãi đỗ xe phía sau. Cậu Henry và dì Charlotte kẹp Holly giữa trong lúc đi ra đó. Hodges và Janey theo sau. Đúng khi họ ra đằng sau nhà tang lễ, Holly chợt dứt ra khỏi hai người đang trông chừng mình và vòng lại chỗ Hodges với Janey.

“Cho tôi đi cùng hai người đi. Tôi muốn ngồi xe cùng hai người.”

Dì Charlotte, môi mím chặt mỏng đét như không còn gì, lù lù hiện ra sau cô con gái. “Tôi chịu đựng quá đủ mấy cái trò hoảng loạn với ngất xỉu của cô ngày hôm nay rồi nhé, quý cô.”

Holly không đếm xỉa gì đến bà ta. Cô túm chặt một bàn tay Hodges, tay cô lạnh toát, siết chặt. “Làm ơn. Làm ơn đi.”

“Tôi thì không vấn đề gì,” Hodges nói, “nếu Janey không ph...”

Dì Charlotte bắt đầu tấm tức. Âm thanh đó thật khó chịu, tiếng khóc khản đặc của một con quạ trong ruộng ngô. Hodges nhớ lại lúc bà ta cúi người xuống hôn cặp môi lạnh lẽo của bà Wharton, và một ý nghĩ khó chịu chợt vụt hiện ra trong ông. Ông đã đánh giá sai về Olivia; và có thể ông cũng đã đánh giá sai cả Charlotte Gibney. Xét cho cùng thì con người ta đâu chỉ đơn giản như vẻ bề ngoài.

“Holly, con thậm chí còn không biết người đàn ông này!”

Janey đặt một bàn tay ấm hơn nhiều lên cổ tay Hodges. “Sao anh không đi với dì Charlotte và cậu Henry nhỉ, Bill? Có nhiều chỗ mà. Anh có thể ngồi sau cùng Holly.” Cô hướng sự chú ý về em họ của mình. “Như thế có được không?”

“Vâng!” Holly vẫn ghì chặt lấy tay Hodges. “Thế thì tốt quá!”

Janey quay sang ông cậu. “Cậu thấy được không?”

“Tất nhiên.” Ông ta vui vẻ vỗ vai Holly. “Càng đông càng vui.”

“Đúng rồi, để ý đến nó nhiều vào,” dì Charlotte nói. “Nó thích thế mà. Phải không Holly?” Bà ta bỏ ra bãi đỗ xe mà không đợi câu trả lời, gót nện chan chát mã Morse đánh đi một thông điệp giận dữ.

Hodges nhìn Janey. “Còn xe anh thì sao?”

“Em sẽ lái nó. Đưa chìa khóa đây.” Và khi ông làm vậy, cô nói, “Em còn cần thêm một thứ nữa.”

“Ừ?”

Cô nâng chiếc mũ phớt khỏi đầu ông, đội lên, và kéo nó chếch xuống qua lông mày trái trông đầy vẻ ngang tàng. Cô nhăn mũi với ông và nói, “Ừ.”



**B**rady đỗ xe ở đầu phố trông sang nhà tang lễ, tim hắn đập mạnh hơn bao giờ hết. Hắn đang cầm điện thoại di động. Số của cái điện thoại rẻ tiền gắn với quả bom dưới ghế chiếc Toyota được viết trên cổ tay hắn.

Hắn theo dõi những người khách viếng đứng trên lối đi. Lão cớm béo về vườn không thể lẩn vào đâu được; trong bộ vest đen nhìn lão to như cả ngôi nhà. Hoặc một chiếc xe đòn. Trên đầu lão là chiếc mũ lồi một một cách lỗ bịch, kiểu mà ta vẫn thấy bọn cớm đội trong những bộ phim trinh thám đen trắng hồi 1950.

Mọi người lục tục đi vòng ra phía sau, và một lát sau, Hodges và ả tóc vàng đi về phía đó. Brady đoán ả tóc vàng sẽ ở cùng lão khi chiếc xe nổ tung. Như thế là hết trọn ổ - bà mẹ và cả hai đứa con gái. Nó có sự tinh tế của một phương trình mà trong đó tất cả các ẩn số đều đã được tìm ra.

Xe cộ bắt đầu túa ra, tất cả đều đi về phía hắn vì đó là lối kiểu gì cũng phải đi qua nếu muốn đến Sugar Heights. Mặt trời chói lòa trên những tấm kính trước, kể cũng bất tiện, nhưng không đời nào nhằm được chiếc Toyota của lão cớm béo khi nó xuất hiện ở đầu lối vào nhà tang lễ, thoáng dừng lại, rồi rẽ về phía hắn.

Brady thậm chí còn không liếc nhìn chiếc Chevy đi thuê của cậu Henry khi nó đi qua hắn. Toàn bộ tâm trí hắn lúc này tập trung vào chiếc xe chở lão cớm béo về vườn. Khi nó đi qua, hắn thoáng thất vọng. Ả tóc vàng hắn đã đi cùng họ hàng, vì trong chiếc Toyota không có ai ngoài tài xế. Brady chỉ thấy thấp thoáng, nhưng ngay cả với ánh mặt trời chói lóa, cái mũ ngu ngốc của lão cớm béo về vườn vẫn không thể lẩn vào đâu được.



Brady bấm số. “Tao đã bảo là mày không kịp thấy tao ra tay mà. Tao đã bảo rồi đúng không, đồ khốn kiếp?” Hấn bấm GỌI.



**Đ**úng lúc Janey với tay bật radio, một chiếc điện thoại di động bắt đầu đổ chuông. Âm thanh cuối cùng của cô trên thế gian - tất cả mọi người đều nên may mắn như thế - là một tiếng cười. Đồ ngốc, cô âu yếm nghĩ, anh lại bỏ quên điện thoại rồi. Cô với tay sang hộc đựng đồ. Có một hồi chuông thứ hai.

Không phải vọng ra từ hộc đựng đồ, mà là từ phía sa...

Không có tiếng gì, ít nhất là cô không nghe thấy gì, chỉ có cảm giác thoáng qua của một bàn tay rất khỏe đẩy ghế lái. Rồi trời đất chuyển thành màu trắng.



Có thể là Holly Gibney, hay còn gọi là Holly Lúng búng, có những vấn đề về tâm thần, nhưng cả những loại thuốc thần kinh mà cô uống hay những liều thuốc lá cô hút vụng trộm đều không khiến cô chậm đi về thể chất. Cậu Henry đạp lút phanh và cô vọt ra khỏi chiếc Chevy trong khi tiếng nổ vẫn còn chưa dứt.

Hodges ở ngày sau cô, chạy cuống cuồng. Có một cơn đau nhói trong ngực và ông nghĩ có lẽ mình đang lên cơn đau tim. Một phần trong ông thực sự hy vọng là thế, nhưng cơn đau biến mất. Khách bộ hành phản ứng như họ vẫn luôn làm mỗi khi có hành động bạo lực khoan thủng một lỗ của cái thế giới mà trước đó họ vẫn coi là chuyện đương nhiên. Vài người quỳ mọp xuống vỉa hè và che đầu. Những người khác đang chết sững tại chỗ, như tượng. Vài chiếc xe dừng lại; hầu hết lại tăng tốc và rời khỏi khu vực đó ngay lập tức. Một trong số đó là chiếc Subaru màu bùn.

Trong khi Hodges huỳnh huých chạy sát sau cô em họ đầu óc không ổn định của Janey, tin nhắn cuối cùng của tên Sát nhân Mercedes vang lên trong đầu ông như tiếng trống lể: *Tao sẽ giết mày. Mày sẽ không kịp thấy tao ra tay đâu. Tao sẽ giết mày. Mày sẽ không kịp thấy tao ra tay đâu. Tao sẽ giết mày. Mày sẽ không kịp thấy tao ra tay đâu...*

Ông vòng đến góc đường, loạng choạng trên gót trơn của đôi giày tây hiểm khi xỏ chân đến, và suýt chút nữa thì ông lao sầm vào Holly vừa mới dừng sững lại, đôi vai cô xuôi xuống và chiếc túi xách lưng lảng một bên tay. Cô đang trân trối nhìn những gì còn lại từ chiếc Toyota của Hodges. Thân xe đã bị thổi bay rời hẳn khu trục và đang bốc cháy dữ dội giữa một

đồng mảnh kính. Chiếc ghế sau nằm vật nghiêng sang một bên cách đó hơn bảy mét, lớp bọc ngoài tả tơi của nó đang cháy. Một người đàn ông loạng choạng như say rượu bên kia đường, ôm cái đầu đang chảy máu. Một người phụ nữ đang ngồi trên lề đường bên ngoài cửa hàng bán thiệp và quà tặng có cửa sổ trưng bày vỡ vụn, và trong một khoảnh khắc điên rồ ông nghĩ đó là Janey, nhưng người này mặc váy màu xanh và tóc bà ta màu xám và tất nhiên đó không phải là Janey, không thể nào là Janey được.

Ông nghĩ, đây là lỗi của mình. Nếu mình dùng khẩu súng của cha từ hai tuần trước, cô vẫn còn sống.

Vẫn còn đủ chất cốm bên trong ông để gạt ý nghĩ đó sang một bên (mặc dù nó không biến mất một cách dễ dàng). Một trạng thái tỉnh táo lạnh lùng đến choáng váng tràn vào thế chỗ. Đây không phải là lỗi của ông. Đó là lỗi của thằng chó đẻ đã đặt bom. Cũng chính là thằng chó đẻ đã lái một chiếc xe ăn trộm vào đám đông tìm việc ở City Center.

Hodges thấy độc nhất một chiếc guốc cao gót đen nằm trong vũng máu, ông thấy một cánh tay tiện rời trong ống tay áo đang âm ỉ cháy nằm trong rãnh nước như một thứ rác rưởi vứt đi của ai đó, và động cơ trong óc ông đã vào số. Chỉ chút nữa thôi là cậu Henry và dì Charlotte sẽ ở đây, và thế có nghĩa là không còn nhiều thời gian nữa.

Ông chụp lấy vai Holly và xoay người cô lại. Tóc cô đã bung khỏi cái búi kiểu công chúa Leia và đang rủ xuống má. Đôi mắt mở to của cô nhìn xuyên vào ông. Đầu óc ông - lạnh lùng hơn bao giờ hết - biết rằng với tình trạng này thì cô chẳng có tác dụng gì với ông cả. Đầu tiên, ông tát vào một bên má, rồi bên kia. Không mạnh, nhưng đủ để khiến mi mắt cô chớp chớp.

Mọi người gào thét. Còi xe rú inh ỏi, và thiết bị báo động của hai ba chiếc xe kêu ầm ĩ. Ông ngửi thấy mùi xăng, mùi cao su cháy, mùi nhựa tan chảy.

“Holly. Holly. Nghe tôi này.”

Cô đang nhìn, nhưng cô có nghe thấy gì không? Ông không biết, và không còn thời gian nữa.

“Tôi yêu cô ấy, nhưng cô không được nói với ai. Cô không được nói với ai là tôi yêu cô ấy. Có thể là sau này, nhưng bây giờ thì không. Cô hiểu

chứ?” Cô gật đầu.

“Tôi cần số di động của cô. Và có thể tôi cần cả cô nữa.” Đầu óc lạnh lùng của ông hy vọng là sẽ không cần, và rằng chiều nay ngôi nhà ở Sugar Heights sẽ không có ai, nhưng ông không cho là thế. Mẹ Holly và ông cậu sẽ phải rời đi, ít nhất là một thời gian, nhưng Charlotte sẽ không muốn con gái bà ta đi cùng họ.

Vì Holly có vấn đề thần kinh. Holly rất mong manh. Hodges tự hỏi cô đã lên cơn bao nhiêu lần rồi, và không biết đã tìm cách tự tử bao giờ chưa. Những ý nghĩ đó lớn vờn trong đầu ông như những vệt sao băng, thoáng ở đó, loáng sau đã vụt biến mất. Ông không có thời gian cho tình trạng thần kinh mong manh của Holly.

“Khi mẹ và cậu cô đến đồn cảnh sát, hãy bảo họ là cô không cần ai ở cùng mình. Hãy bảo họ là cô ở một mình cũng không sao. Cô làm được không?” Cô gật đầu, mặc dù hầu như chắc chắn là cô chẳng hiểu ông đang nói đến chuyện gì nữa.

“Có người sẽ gọi cho cô. Đó có thể là tôi, hoặc có thể là một cậu thanh niên tên là Jerome. Jerome. Cô nhớ được cái tên đó chứ?”

Cô gật đầu, rồi mở xắc tay và lấy ra một chiếc hộp kính.

Thế này không ăn thua rồi, Hodges nghĩ bụng. Đèn thì sáng mà không có ai ở nhà. Dù sao ông vẫn phải cố. Ông chộp lấy vai cô.

“Holly, tôi muốn bắt kẻ đã làm chuyện này. Tôi muốn bắt hắn phải trả giá. Cô sẽ giúp tôi chứ?”

Cô gật đầu. Chẳng có biểu cảm gì trên mặt.

“Vậy thì hãy nói đi. Hãy nói là cô sẽ giúp tôi.”

Cô không nói. Thay vào đó cô lấy từ trong hộp ra một cặp kính và đeo nó vào như thể không hề có một chiếc xe đang cháy trên phố và cánh tay của Janey trong rãnh nước. Như thể không có những người đang gào thét và luôn cả âm thanh còi hú đang ập tới. Như thể đây là một ngày trên bãi biển. Ông khẽ lay cô. “Tôi cần số điện thoại di động của cô.”

Cô gật đầu hưởng ứng nhưng không nói gì. Cô đóng xắc tay vào và quay phía chiếc xe đang cháy. Nỗi thất vọng sâu sắc nhất mà ông từng biết

tràn qua trong Hodges, khiến bụng ông cuộn lên và đánh tan tác những ý nghĩ mới cách đó chỉ ba bốn mươi giây vẫn còn hoàn toàn tỉnh táo.

Dì Charlotte lạch bạch chạy vòng qua góc đường, mái tóc hầu hết là đen nhưng bạc ở chân - bay xõa ra sau. Cậu Henry bám sau. Khuôn mặt phì phì của ông ta trắng bợt chỉ trừ những chỗ đỏ ửng như mặt hề trên gò má.

“Sharlie, dừng lại?” cậu Henry gào lên. “Em nghĩ em bị đau tim mất?”

Chị ông ta chẳng đếm xỉa gì. Bà ta túm lấy khuỷu tay Holly, giật cô quay người lại, và ôm chầm lấy cô một cách dữ dội, dúi cái mũi không nhỏ nhắn cho lắm của Holly vào giữa ngực mình. “ĐỪNG NHÌN!” Charlotte rống lên, ngó sững. “ĐỪNG NHÌN, CON YÊU, ĐỪNG NHÌN VÀO ĐÓ!”

“Tôi không thể nào thở được,” cậu Henry tuyên bố. “Ông ta ngồi xuống vệ đường và gục đầu xuống. Lạy Chúa, hy vọng là con không sắp chết.”

Thêm những tiếng còi hụ nữa gia nhập với tiếng còi đầu tiên. Mọi người bắt đầu rón rén bước lại để thấy rõ hơn đồng hồ nát đang bốc cháy trên phố. Một vài người lấy điện thoại ra chụp ảnh.

Hodges nghĩ, Đủ thuốc nổ để làm nổ tung một chiếc xe. Hẳn còn ngần nào nữa?

Dì Charlotte vẫn ghì cứng lấy Holly, lái nhái nài cô đừng có nhìn Holly không giãy giụa thoát ra, nhưng cô chìa một bàn tay ra phía sau. Có thứ gì đó trong ấy. Mặc dù ông biết có lẽ chỉ là mơ tưởng hảo huyền, Hodges vẫn hy vọng thứ đó dành cho mình. Ông cầm lấy thứ cô chìa ra. Chính là chiếc hộp mà cô đựng kính lúc trước. Tên và địa chỉ của cô được in nổi trên đó bằng chữ vàng.

Có cả một số điện thoại.



Hodges lấy chiếc Nokia ra khỏi áo vest, vừa mở máy ông vừa nhận ra rằng, nếu không có những câu mắng yêu của Janey thì có lẽ bây giờ nó cũng chỉ còn là mớ nhựa chảy và dây điện nghi ngút khói trong hộp đựng đồ chiếc Toyota bị nướng chín của ông.

Ông bấm số gọi nhanh cho Jerome, cầu nguyện là thằng nhóc sẽ bắt máy, và quả thế thật.

“Bác Hodges ạ? Bill? Cháu nghĩ là mọi người vừa nghe thấy một vụ nổ lơ...”

“Im lặng nào, Jerome. Chỉ nghe thôi.” Ông đang bước dọc theo vỉa hè lổn nhổn mảnh kính. Lúc này tiếng còi hụ đã gần hơn, chẳng mấy chốc họ sẽ ở đây, và tất cả những gì ông có để tiếp tục chỉ hoàn toàn là linh cảm. Trừ phi tiềm thức của ông đã bắt đầu tiến hành những liên kết. Điều đó đã từng xảy ra trước đây; ông đâu có mua tất cả những bằng tuyên dương công trạng ấy của sở cảnh sát trên trang Craigslist.

“Cháu đang nghe đây,” Jerome nói.

“Cháu không biết gì về vụ City Center. Cháu không biết gì về Olivia Trelawney hay Janey Patterson.” Tất nhiên là ba người họ đã ăn tối cùng nhau ở DeMasio’s, nhưng ông không nghĩ là trong một thời gian nữa cảnh sát sẽ đi xa đến thế, nếu quả họ có khi nào đến đó thật.

“Cháu biết gì đâu,” Jerome nói. Không có gì ngờ vực hay lưỡng lự trong giọng cậu. “Ai sẽ hỏi vậy? Cảnh sát à?”

“Có thể là sau này. Đầu tiên sẽ là bố mẹ cháu. Vì vụ nổ cháu vừa nghe thấy là xe của bác. Janey lái xe. Bọn bác đã đổi cho nhau vào phút chót. Cô

ấy... mất rồi.”

“Chúa ơi, bác Bill, bác phải nói với cảnh sát! Những cộng sự cũ của bác!”

Hodges nghĩ đến những gì cô nói, Hãn là của chúng ta. Chúng ta vẫn hoàn toàn nhất trí về điều đó, đúng không nào?

“Chưa đến lúc. Ngay bây giờ bác cần làm cho xong chuyện này, và bác cần cháu giúp. Tên khốn kiếp đó đã giết cô ấy, bác muốn tóm cổ hắn bằng được. Cháu sẽ giúp chứ?”

“Vâng.” Không phải là *Liệu cháu sẽ gặp rắc rối đến mức nào. Không phải là Chuyện này có thể làm hỏng việc cháu vào Harvard. Không phải là Đừng lôi cháu và chuyện này. Chỉ là Vâng. Chúa phù hộ Jerome Robinson.*

“Cháu vào trang Chiếc Ô Xanh của Debbie bằng tên bác và gửi một tin nhắn cho kẻ đã gây ra chuyện này. Cháu còn nhớ tên tài khoản của bác không?”

“Có ạ. Kermitfrog19. Để cháu lấy mảnh gia...”

“Không có thời gian đâu. Chỉ cần nhớ đại ý được rồi. Và chờ ít nhất một tiếng nữa hãy gửi. Hãn phải biết là bác không gửi tin nhắn đó trước vụ nổ. Hãn phải biết là bác vẫn còn sống.”

Jerome nói, “Bác đọc đi.”

Hodges đọc tin nhắn rồi ngắt máy mà không tạm biệt. Ông nhét điện thoại vào túi quần, cùng với hộp kính của Holly.

Một chiếc xe cứu hỏa vòng qua góc phố, theo sau là hai xe cảnh sát. Họ phóng qua Nhà tang lễ Soames, người liệm xác và vị giáo sĩ chủ trì tang lễ của Elizabeth Wharton đang đứng trên vỉa hè, nheo mắt về phía ánh mặt trời chói chang và chiếc xe đang cháy.

Hodges có rất nhiều việc phải trình bày, nhưng còn một việc quan trọng hơn phải làm trước tiên. Ông cởi áo vest ra, quỳ xuống và phủ lên cánh tay dưới rãnh nước. Ông thấy nước mắt đang ứa ra và ghìm chúng lại. Ông có thể khóc sau. Ngay lúc này, nước mắt không hợp với câu chuyện ông sẽ phải kể.



Cảnh sát, hai thanh niên lái xe một mình, đang ra khỏi xe. Hodges không biết họ. “Các anh sĩ quan,” ông nói.

“Chúng tôi phải yêu cầu ông rời khỏi khu vực, thưa ông,” một người nói, “nhưng nếu ông chứng kiến cái đó...” Anh ta chỉ vào những gì còn lại đang cháy của chiếc Toyota. “... thì tôi cần ông ở gần để có thể thẩm vấn ông.”

“Tôi không chỉ chứng kiến, lẽ ra tôi mới là người ở trong nó.” Hodges lấy ví và mở nó ra để cho cảnh sát thấy thẻ của mình với dòng chữ ĐÃ NGHỈ HƯU màu đỏ đóng ngang đè trên. “Cho đến mùa thu năm ngoái, cộng sự của tôi vẫn là Pete Huntley. Các anh nên gọi cho anh ấy càng sớm càng tốt.”

Viên cảnh sát còn lại nói, “Đó là xe của ông phải không, thưa ông?”

“Vâng.”

Viên cảnh sát đầu tiên nói, “Vậy khi đó ai là người lái?”



**B**rady về nhà ngay trước giữa trưa, khi mà toàn bộ vấn đề của hắn đã giải quyết xong. Lão Beeson bên kia đường đang đứng trên bãi cỏ nhà mình. “Cậu có nghe thấy không?”

“Nghe gì cơ?”

“Vụ nổ lớn ở đâu đó trong trung tâm. Lúc ấy khói bốc lên nhiều lắm, nhưng giờ thì hết rồi.”

“Lúc ấy cháu đang bật radio to quá,” Brady nói.

“Ta nghĩ là cái nhà máy sơn cũ ấy đã phát nổ, ta nghe thế đấy. Ta đã gõ cửa gọi mẹ cậu, nhưng chắc bà ấy đang ngủ.”

Ánh mắt lão ta hấp háy, thể hiện điều không nói ra: *Ngủ cho bay rượu.*

“Cháu đoán vậy,” Brady nói. Hắn không thích ý nghĩ rằng lão già nhiều sự tọc mạch này đã làm thế. Quan niệm của Brady Hartsfield về những người hàng xóm tuyệt vời là chẳng có hàng xóm nào hết. “Cháu phải đi đây, bác Beeson.”

“Bảo mẹ cậu là ta gửi lời hỏi thăm nhé.” Hắn mở cửa, bước vào, rồi khóa cửa lại sau lưng. Ngửi ngửi không khí. Không có gì. Hoặc... có lẽ không hẳn là không có gì. Có lẽ là một chút thoang thoảng tí ti mùi khó chịu, giống mùi bộ xương gà lọc thịt bị bỏ quá lâu trong thùng rác dưới bồn rửa.

Brady đi lên phòng bà ta. Hắn lật tấm vải phủ xuống, để lộ khuôn mặt trắng bệch và đôi mắt mở trừng trừng. Giờ thì hắn không bận tâm nhiều đến chúng nữa, và lão Beeson có tọc mạch thì đã làm sao? Brady chỉ cần giữ cho mọi việc yên ổn lấy vài ngày nữa, vậy nên kệ mẹ lão Beeson. Kệ

mẹ cả đôi mắt trợn trừng của bà ta nữa. Hấn đâu có giết bà ta; bà ta tự giết chính mình đấy chứ. Kiểu như lẽ ra lão cóm về vườn phải tự kết thúc mạng lão, còn nếu lão không làm thế thì sao? Giờ thì lão ngóm rồi, vậy nên kệ mẹ lão cóm béo về vườn. Lão thanh tra chắc chắn đã nghỉ hẳn. Yên nghỉ vĩnh hằng nhé, Thanh tra Hodges.

“Con đã làm được rồi mẹ ạ,” hấn nói. “Con thành công rồi. Nhờ có mẹ giúp chỉ là trong đầu con thôi, nhưng...” Chỉ là hấn không hoàn toàn chắc chắn điều đó. Có thể chính là bà ta đã nhắc hấn khóa lại xe của lão. Khi ấy hấn hoàn toàn chẳng nghĩ gì đến điều đó cả.

“Dù sao thì cũng cảm ơn mẹ,” hấn yếu ớt nói nốt. “Cảm ơn vì bất kỳ điều gì. Và con rất tiếc là mẹ đã chết.”

Đôi mắt trợn trừng nhìn hấn.

Hấn vươn tay về phía bà ta - tần ngần - và dùng những đầu ngón tay để vuốt mắt bà ta giống như người ta thỉnh thoảng vẫn làm trong phim. Nó có tác dụng trong vài giây, rồi lại trợn ngược lên như những mảnh rèm cửa sổ đã cũ rão và cái nhìn trừng trừng đó lại tiếp diễn. Cái nhìn trừng trừng kiểu con-giết-mẹ-rồi-cực-cứng.

Cảnh đó thật là nhục chí và Brady kéo lại tấm vải phủ trùm lên mặt bà ta. Hấn xuống dưới nhà và bật ti vi lên, nghĩ bụng ít nhất cũng có một đài địa phương tường thuật từ hiện trường, nhưng hóa ra chẳng có gì. Đúng là bực mình. Chẳng lẽ chúng không biết thế nào là một quả bom xe ngay cả khi nó nổ thẳng vào mặt chúng? Có vẻ là không. Có vẻ như chuyện Rachael Ray làm món bánh mì thịt yêu thích chết tiệt của cô ta còn quan trọng hơn.

Hấn tắt phụt cái hộp ngu xuân và hồi hả xuống phòng điều khiển, nơi hỗn loạn để khởi động máy tính và bóng tối để tắt chương trình tự hủy. Hấn nhảy kéo lê chân một đoạn ngắn, huơ nắm tay trên đầu và hát những gì hấn nhớ trong bài “Kính coong mù phù thủy chết rồi”, chỉ thay mù phù thủy bằng tên cóm. Hấn tưởng làm vậy sẽ khiến hấn dễ chịu hơn, nhưng không phải. Với cái mũi dài của lão Beeson và đôi mắt trợn trừng của mẹ hấn, cảm giác dễ chịu của hấn - cảm giác hấn lùng kiếm, cảm giác hấn xứng đáng được hưởng - đang tuột mất.

Chẳng sao. Sắp có một buổi diễn, và hẳn phải sẵn sàng cho nó. Hẳn ngồi xuống bàn làm việc. Những viên bi lúc trước nằm trong áo khoác tự sát giờ ở trong ba cái lọ mayonnaise. Bên cạnh chúng là cái hộp đựng những chiếc túi Glad dùng để trữ đồ ăn, loại bốn lít. Hẳn bắt đầu nhét đầy chúng (nhưng không phải là đầy tràn) bằng những viên bi thép. Công việc làm hẳn dịu xuống, và cảm giác dễ chịu bắt đầu quay lại. Và rồi, đúng lúc hẳn sắp sửa hoàn thành, một tiếng còi tàu thủy rúc lên.

Brady ngẩng lên, cau mày. Đó là chuông báo đặc biệt hẳn lập trình cho máy Số Ba. Nó bật lên khi hẳn có tin nhắn trên trang Chiếc Ô Xanh, nhưng đó là điều không thể. Người duy nhất hẳn đang liên lạc qua Chiếc Ô Xanh là Kermit William Hodges, còn gọi là lão cớm béo về vườn, hay là thanh tra nghỉ hưu vĩnh viễn.

Hẳn lùa chân đẩy chiếc ghế văn phòng của mình lại, dăm dăm nhìn vào máy Số Ba. Biểu tượng Chiếc Ô Xanh lúc này đang hiển thị số 1 trong vòng tròn màu đỏ. Hẳn nhấp chuột vào. Hẳn trân trối nhìn vào cái tin nhắn trên màn hình, mắt tròn tròn và miệng há hốc.

*Kermitfrog19 muốn trò chuyện với bạn!*

*Bạn có muốn trò chuyện với kermitfrog19 không?*

C - K

Brady chỉ muốn tin rằng tin nhắn này được gửi đi từ đêm qua hoặc sáng nay trước khi Hodges và ả tóc vàng rời khỏi nhà lão, nhưng hẳn không thể. Hẳn vừa mới nghe thấy nó được chuyển đến đây thôi.

Thu hết can đảm - vì chuyện này còn đáng sợ hơn nhiều so với việc nhìn vào đôi mắt người mẹ đã chết của hẳn - hẳn nhấp vào C và đọc:

*Trượt tao rồi.*

*Và hãy nhớ lấy điều này: tao cũng giống cái gương bên cửa máy. Máy biết đấy, KHOẢNG CÁCH CỦA VẬT TRONG THỰC TẾ GẦN HƠN HÌNH ẢNH TRONG GƯƠNG.*

*Tao biết mày đã vào được chiếc Mercedes bằng cách nào, và đó không phải là cái chìa valet. Nhưng mày đã tin vào chuyện đó, đúng không? Chắc chắn là thế rồi. Vì mày là đồ khốn kiếp.*

*Tao có danh sách tất cả những chiếc xe khác mà đã ăn trộm từ năm 2007 đến năm 2009.*

*Tao còn có cả những thông tin khác tao không muốn chia sẻ ngay lúc này, nhưng có thứ này tao SẼ chia sẻ: đó là PERP, chứ không phải PERK.*

*Tại sao tao lại nói với mày chuyện này? Vì tao sẽ không bắt mày và giao nộp mày cho cảnh sát nữa. Sao tao phải làm thế? Tao có còn là cảnh sát nữa đâu.*

*Tao sẽ giết mày.*

*Sớm gặp mày, đồ bám váy mẹ.*

Ngay cả trong cơn choáng váng và ngờ vực, chính dòng cuối cùng là chỗ mà mắt Brady lướt qua lướt lại.

Hắn bước tới chiếc tủ trên đôi chân cảm giác như những chiếc cà kheo. Sau khi vào trong và đóng cửa tủ lại, hắn gào thét và nện năm đấm lên những chiếc giá. Thay vì con chó của gia đình nhỏ ấy, hắn lại giết chính mẹ mình. Thế đã đủ tồi tệ rồi. Giờ hắn lại còn giết một người khác thay vì lão cớm, và thế còn tồi tệ hơn. Có lẽ là ả tóc vàng khốn kiếp đó. Ả tóc vàng khốn kiếp đi đội cái mũ của lão thanh tra Nghi hưu vì một lý do quái quỷ nào đó mà chỉ một ả tóc vàng hoe khác mới hiểu nổi.

Điều duy nhất hắn thấy chắc chắn là: ngôi nhà này không còn an toàn nữa. Hodges có thể đang nắn gân hắn về việc lão đang đến gần, nhưng cũng có thể là không. Lão biết về Thiết bị Hai. Lão biết về những vụ trộm xe. Lão nói là còn biết những chuyện khác nữa. Và... Sớm gặp mày, đồ bám váy mẹ.

Hắn phải biến khỏi đây. Thật sớm. Mặc dù vậy, hắn có việc phải làm trước đã.

Brady trở lên nhà và vào phòng ngủ của mẹ hắn, hầu như chẳng liếc đến hình thù nằm dưới tấm vải. Hắn vào phòng tắm của bà ta và lục lọi trong các ngăn kéo đồ tút tát của bà ta cho đến khi tìm thấy con dao cạo Lady Schick. Rồi hắn bắt tay vào việc.



Hodges lại có mặt trong Phòng Thăm vấn số 4 - IR4, căn phòng may mắn của ông - nhưng lần này ông phía bên kia của chiếc bàn, đối mặt với Pete Huntley và cộng sự mới của Pete, cô nàng là bắt mắt với mái tóc dài màu đỏ và đôi mắt màu xám như có lẽ sương phủ. Cuộc thăm vấn diễn ra thân tình, nhưng điều đó cũng không thay đổi thực tế cơ bản: xe của ông đã nổ tung và một người phụ nữ đã bị giết. Một thực tế khác là thăm vấn vẫn là thăm vấn.

“Nó có dính dáng gì đến tên Sát nhân Mercedes không?” Pete hỏi. “Anh nghĩ sao, Billy? Ý tôi là, như thế là khả dĩ nhất còn gì, anh thấy sao? Căn cứ vào việc nạn nhân là em gái của Olivia Trelawney?”

Thế đấy: nạn nhân. Người phụ nữ đã ngủ với ông, sau cái cột mốc trong đời mà ông đã ngỡ sẽ chẳng bao giờ ngủ với người đàn bà nào nữa. Người phụ nữ đã khiến ông cười và mang cho ông cảm giác yên bình, người phụ nữ chẳng kém gì Pete Huntley trước kia trong vai trò là cộng sự của ông trong cuộc điều tra cuối cùng này. Người phụ nữ chun mũi lại với ông và nhại tiếng ừ của ông. Cậu đừng có bao giờ để tôi nghe thấy cậu gọi họ là nạn nhân, Frank Sledge đã bảo ông, hồi những ngày xưa ấy... nhưng ngay lúc này ông phải chấp nhận điều đó.

“Tôi không hiểu sao lại liên quan được,” ông nói nhẹ nhàng. “Tôi biết nhìn thì có vẻ thế, nhưng thỉnh thoảng một điều xì gà cũng chỉ là một làn khói và trùng hợp chỉ đơn giản là trùng hợp thôi.”

“Làm thế nào mà anh...” Isabelle Jaynes mở lời, rồi lắc đầu “Đó là câu hỏi không chính xác. Tại sao anh lại gặp cô ấy? Hay là anh đang tự

điều tra vụ City Center?” Đón vai ông chú ở cấp độ cực hoành tráng mới là điều cô ta không nói ra, có lẽ vì còn ngại Pete. Xét cho cùng, dù sao thì họ cũng đang thăm vấn chính người đồng đội cùng vào sống ra chết ngày trước của Pete, người đàn ông hộ pháp này đang mặc quần âu nhàu nhĩ và áo sơ mi loang lổ vết máu, chiếc cà vạt ông trông vào sáng nay giờ đã bị kéo xuống lưng chừng bộ ngực khổng lồ.

“Tôi có thể uống chút nước trước khi bắt đầu được không? Tôi vẫn còn choáng váng. Cô ấy là một phụ nữ tử tế.”

Janey còn hơn thế cả tỷ lần, nhưng phần lạnh lùng trong đầu ông, thứ mà - trong lúc này - đang giam giữ phần sôi nóng ở yên trong lồng, nói với ông rằng đi như thế là đúng đường, hành trình dẫn dắt vào phần còn lại của câu chuyện giống như một ngã rẽ nhỏ dẫn vào con đường cao tốc bốn làn xe. Pete đứng lên và đi ra ngoài. Isabelle không nói gì cho đến khi anh ta quay lại, chỉ chăm chú nhìn Hodges với đôi mắt xám mờ sương.

Hodges uống ực một hơi hết nửa cốc giấy, rồi nói, “Được rồi. Nó bắt đầu từ bữa trưa của chúng ta ở DeMasio’s, Pete. Nhớ chứ?”

“Chắc chắn rồi.”

“Tôi đã hỏi cậu về những vụ án mà chúng ta đang điều tra tôi muốn nói đến những vụ lớn - lúc tôi nghỉ hưu, nhưng vụ mà tôi thực sự quan tâm là vụ Thăm sát City Center. Tôi nghĩ là cậu đã biết điều đó rồi.”

Pete không nói gì, nhưng khẽ mỉm cười.

“Cậu có nhớ tôi đã hỏi là cậu có bao giờ băn khoăn về bà Trelawney không? Cụ thể là liệu có phải bà ta đã nói thật về chuyện không có chìa khóa dự phòng?”

“Ừ hứ.”

“Điều tôi thực sự trăn trở là chúng ta đã đối xử công bằng với bà ấy chưa. Hay là chúng ta đã tự che mắt mình vì cái kiêu của bà ấy.”

“Anh nói cái kiêu của bà ấy là thế nào?”

“Một người khiến ta khó chịu. Vừa bứt rứt lại kênh kiệu và dễ chạm tự ái. Để có cái nhìn cho đúng, hãy thử đảo ngược một phút và nghĩ đến tất cả những kẻ đã tin Donald Davis khi hắn khẳng định rằng hắn vô tội. Tại sao? Bởi vì hắn không bứt rứt, kênh kiệu và dễ chạm tự ái. Hắn thực sự đã diễn

rất đạt vai người chồng đau khổ dẫn vật, và hẳn lại còn đẹp trai nữa chứ. Tôi đã nhìn thấy hẳn trên Kênh 6 một lần, và cặp đùi của cô dẫn chương trình tóc vàng hoe xinh đẹp ấy đã ép chặt vào nhau theo đúng nghĩa đen luôn.”

“Tởm quá,” Isabelle nói, nhưng cô ta nói câu đó với một nụ cười.

“Ừ, nhưng đúng thôi. Hẳn là một kẻ quyến rũ. Trong khi đó thì Olivia Trelawney lại không quyến rũ. Vậy nên tôi bắt đầu tự hỏi liệu có bao giờ chúng ta đánh giá một cách công bằng câu chuyện của bà ấy chưa.”

“Có mà,” Pete điềm nhiên nói.

“Có thể là có. Dù sao thì, nhìn tôi mà xem, tôi nghỉ hưu rồi, tha hồ nhiều thời gian. Quá nhiều thời gian. Và một hôm - ngay trước khi tôi rủ cậu đi ăn trưa, Pete - tôi tự nhủ, Giả sử là bà ta đã nói thật. Nếu vậy, chiếc chìa khóa thứ hai đã ở đâu? Và rồi - đó là ngay sau bữa trưa của chúng ta - tôi lên mạng Internet và bắt đầu tìm hiểu đôi chút. Và hai người có biết tôi đã tìm thấy gì không? Một trò công nghệ cao được gọi là ‘đánh cắp mắt thần’.”

“Cái đó là thế nào?” Isabelle hỏi.

“Ôi, trời,” Pete nói. “Anh thực sự nghĩ là một thiên tài máy tính nào đó đã đánh cắp tín hiệu chìa khóa của bà ta à? Và sau đó tình cờ lại tìm thấy chìa khóa dự phòng nhét trong hộp đựng đồ hoặc dưới ghế chăng? Cái chìa khóa dự phòng mà bà ta bỏ quên? Ít có khả năng trùng hợp như thế lắm, Bill. Nhất là khi ta bổ sung thực tế rằng hoàn toàn có thể đặt chân dung người phụ nữ đó bên cạnh mục Loại A<sup>[44]</sup> trong từ điển.”

Một cách bình tĩnh, như thể không phải mới ba tiếng đồng hồ trước chính ông đã dùng áo khoác của mình để che phủ cho cánh tay đứt rời của người phụ nữ mình yêu, Hodges tóm tắt những gì Jerome tìm ra về mảnh ăn trộm, giới thiệu về nó như thể nghiên cứu của chính mình. Ông kể cho họ rằng ông đã tới tòa chung cư ở đại lộ Lake để hỏi thăm mẹ của Olivia Trelawney (“tôi cũng không chắc là lúc đó bà ấy còn sống hay không”) và tìm thấy em gái của Olivia, Janelle, đang sống ở đó. Ông không dả động gì đến chuyện mình đến ngôi nhà ở Sugar Heights và cuộc nói chuyện với



Radney Peebles, tay bảo vệ làm việc cho công ty Vigilant, vì điều đó có thể dẫn đến những câu hỏi mà ông sẽ buộc phải trả lời. Cuối cùng thì họ sẽ lần ra, nhưng lúc này ông đã tiến gần đến tên Sát nhân Mercedes, ông biết là thế. Tất cả những gì ông cần là một chút thời gian.

Ông hy vọng thế.

“Cô Patterson cho tôi biết là mẹ cô ấy một nhà dưỡng lão cách đây khoảng ba mươi dặm - Suruly Acres. Cô ấy đề nghị tới đó cùng tôi và lo phần giới thiệu. Nhờ vậy tôi có thể hỏi được vài câu.”

“Tại sao cô ấy lại làm thế?” Isabelle hỏi.

“Vì cô ấy nghĩ có thể chúng ta đã dồn ép chị gái cô ấy, và điều đó khiến bà ta tự tử.”

“Vớ vẩn,” Pete nói.

“Tôi sẽ không tranh cãi với cậu về điều đó, nhưng cậu hiểu được suy nghĩ ấy, đúng không? Và cả hy vọng sẽ xóa bỏ cho chị cô ấy tội sao nhãng?”

Pete ra hiệu cho ông tiếp tục. Hodges làm theo, sau khi uống nốt cốc nước. Ông muốn ra khỏi đây. Đến lúc này có lẽ gã Mercedes đã đọc tin nhắn của Jerome rồi. Nếu thế, có thể hắn sẽ bỏ chạy. Hodges thấy vậy cũng tốt. Một kẻ đang chạy sẽ dễ bị phát hiện hơn là một kẻ đang ẩn náu.

“Tôi đã hỏi bà cụ và không thu được gì. Tất cả những gì tôi làm được là khiến bà ấy đau lòng. Không bao lâu sau, bà ấy bị đột quỵ và qua đời.” Ông thở dài. “Cô Patterson - Janelle - đã rất đau khổ.”

“Cô ấy có oán trách anh không?” Isabelle hỏi.

“Không. Vì chính cô ấy cũng ủng hộ ý tưởng đó. Sau đó, khi mẹ cô ấy qua đời, cô ấy không biết ai khác trong thành phố ngoài y tá của mẹ mình, bản thân bà này cũng già yếu lắm rồi. Tôi đã cho cô ấy số của tôi, và cô ấy gọi cho tôi. Cô ấy nói cần giúp đỡ, nhất là với một đám họ hàng đang bay đến mà cô ấy hầu như không biết gì về họ, và tôi đã sẵn lòng giúp. Janelle lo viết cáo phó. Tôi phụ trách sắp xếp mọi việc.”

“Tại sao cô ấy lại ở trong xe ông khi nó phát nổ?”

Hodges giải thích về cơn bùng nổ của Holly. Ông không đề cập đến việc Janey lấy chiếc mũ mới của ông đúng vào phút chót, không phải vì nó

sẽ làm lung lay câu chuyện mà vì điều đó thật quá đau đớn.

“Được rồi,” Isabelle nói. “Anh đã gặp em gái của Olivia Trelawney, và anh có cảm tình với cô ấy đủ để gọi cô ấy bằng tên riêng. Cô em gái sắp xếp cho anh một cuộc nói chuyện với bà mẹ. Bà mẹ bị đột quỵ và qua đời, có thể là vì hồi tưởng lại tất cả mọi chuyện khiến bà ấy quá kích động. Cô em gái bị bom nổ chết sau đám tang - trong xe của anh - và anh vẫn không thấy có gì liên quan đến tên Sát nhân Mercedes?”

Hodges xòe tay ra. “Làm sao tên đó biết được tôi đang dò hỏi? Tôi đâu có đăng quảng cáo trên báo.” Ông quay sang Pete. “Tôi không hề nói với bất kỳ ai về chuyện đó, kể cả với cậu.”

Pete rõ ràng vẫn còn đang dăm chiêu với ý nghĩ cảm xúc cá nhân của họ đối với bà Olivia Trelawney có thể đã phủ bóng lên cuộc điều tra, nhìn anh ta có vẻ tự lự. Hodges cũng không quá bận tâm, vì đó chính xác là những gì đã xảy ra. “Không, anh chỉ lừa hỏi tôi về vụ đó trong bữa trưa thôi.”

Hodges ngoác miệng cười nhả nhử với anh ta. Nó khiến bụng ông quặn thắt vào như trò gấp giấy origami. “Này,” ông nói, “thì bữa đó tôi mời còn gì nữa, không đúng à?”

“Còn ai khác có thể muốn đánh bom anh sang thế giới bên kia nữa?” Isabelle hỏi. “Anh có tên trong danh sách bé hư của ông già Noel à?”

“Nếu buộc phải đoán, tôi sẽ đặt tiền vào Gia đình Abbascia. Chúng ta đã trừ khử bao nhiêu tên chết giẫm bọn chúng vì vụ súng đạn hồi 2004 nhỉ, Pete?”

“Khoảng hơn tá gì đó, nhưng...”

“Ừ, và phanh phui thêm gấp đôi thế một năm sau đó. Chúng ta đã ghè vụn chúng, và Fabby Mũi to đã tuyên bố chúng sẽ xử cả hai chúng ta.”

“Billy, bọn Abbascia không thể xử được ai hết. Fabrizio chết rồi, em trai hắn thì đang ở trong bệnh viện tâm thần, hắn tưởng mình là Napoleon hoặc ai đó khác, những thằng còn lại thì đang trong tù.” Hodges chỉ giương mắt lên nhìn anh ta.

“Được rồi,” Pete nói, “cứ cho là ta không bao giờ bắt được hết lũ gián chuột ấy, nhưng như thế vẫn thật điên rồ. Với tất cả sự tôn trọng, nhưng anh

chỉ là một gã cớm về hưu thôi. Ốm tha già thôi.”

“Chính xác. Có nghĩa là chúng có thể sẵn lòng tôi mà không làm to chuyện trong khi cậu vẫn còn nguyên một cái phù hiệu vàng gắn vào ví.”

“Ý tưởng đó thật lố bịch,” Isabelle nói, và khoanh tay lại dưới ngực như muốn nói, Hãy dừng câu chuyện ở đây đi.

Hodges nhún vai. “Kẻ nào đó đã tìm cách khiến tôi nổ banh xác và tôi thì không thể tin được bằng cách nào đó tên Sát nhân Mercedes đã có linh cảm về việc tôi đang điều tra vụ Chìa khóa Mất tích. Mà cho dù hẳn có biết đi chẳng nữa, thì sao hẳn lại bám theo tôi chứ? Làm sao chuyện này lại dính đến hẳn được?”

“Hừm, hẳn bị điên,” Pete nói. “Lý do trước tiên là như thế được chưa nào?”

“Tất nhiên, nhưng tôi nhắc lại - làm sao mà hẳn biết được?”

“Không hiểu. Nghe này, Billy, anh có đang che giấu điều gì không vậy? Bất kỳ điều gì?”

“Không.”

“Tôi lại nghĩ là có đấy,” Isabelle nói. Cô ta nghiêng đầu. “Này, anh không ngủ với cô ấy đấy chứ hả?”

Hodges hướng ánh mắt về phía cô ta. “Cô nghĩ gì vậy, Izzy? Cứ nhìn tôi xem.”

Cô ta nhìn thẳng vào mắt ông trong giây lát, rồi lảng đi. Hodges không tin nổi là cô ta đã đến gần sát sạt như thế. Trực giác của phụ nữ, ông nghĩ, và sau đó, Có lẽ mình không giám thêm cân nào lại là hay, hoặc lại đi bôi mấy cái thứ rác rưởi chỉ dành riêng cho Đàn ông lên tóc.

“Nghe này Pete. Tôi muốn ra khỏi đây. Về nhà uống một lon bia và cố suy nghĩ về chuyện này.”

“Anh thề mà không che giấu điều gì chứ? Giờ là giữa anh và tôi thôi.” Hodges bỏ qua cơ hội cuối cùng này mà không một chút ấ ý náy. “Không gì hết.”

Pete dặn ông duy trì liên lạc; họ muốn ông đến vào ngày mai hoặc thứ Sáu để lấy lời khai chính thức.

“Không vấn đề gì. Mà Pete này? Trong thời gian tới, tôi sẽ kiểm tra xe kỹ càng một lượt trước khi lái, nếu tôi mà là cậu.”

Ra đến cửa, Pete quàng một cánh tay qua vai Hodges và ôm lấy ông. “Tôi lấy làm tiếc về chuyện này,” anh ta nói. “Về những gì đã xảy ra và về tất cả những câu hỏi.”

“Không sao mà. Các cậu chỉ làm việc của mình.”

Pete siết chặt vòng tay và thì thầm vào tai Hodges, “Anh vẫn đang giấu. Anh nghĩ dạo này tôi uống thuốc lú à?”

Trong khoảnh khắc, Hodges đã cân nhắc lại các lựa chọn. Và rồi ông nhớ đến câu nói của Janey, Hẳn là của chúng ta.

Ông cầm lấy hai cánh tay Pete, nhìn thẳng vào mặt anh ta, và nói, “Tôi cũng mù tịt về chuyện này như cậu thôi. Tin tôi đi.”



Hodges băng ngang qua khu quầy riêng của Phòng Thanh tra, đương đầu với những cái liếc mắt tò mò và những câu hỏi đầy ngụ ý bằng vẻ mặt lạnh lùng như đá chỉ giã ra đúng một lần. Cassie Sheen, người ông đã làm việc nhiều nhất mỗi khi Pete nghỉ phép, nói, “Nhìn ông kia. Vẫn còn sống và lại còn xấu xí hơn bao giờ hết.”

Ông mỉm cười. “Nếu đây không phải là Cassie Sheen, thì chắc là nữ hoàng Botox rồi.” Ông giơ tay lên giả vờ đỡ đòn khi cô ta nhắc cái chặn giấy trên bàn lên và vung vẩy nó. Tất cả có cảm giác như vừa giả tạo vừa chân thực. Giống như một vụ mảy ả đàn bà ấu đả trên chương trình ti vi buổi chiều.

Trong hành lang, có một dãy ghế gần những chiếc máy bán đồ ăn vặt và nước giải khát. Dì Charlotte và cậu Henry ngồi trên hai chiếc ghế ở đó. Holly không đi cùng họ, và Hodges sờ tay vào chiếc hộp kính trong túi quần theo bản năng. Ông hỏi thăm cậu Henry xem ông ta có thấy đỡ hơn không. Cậu Henry nói rằng có, và cảm ơn. Ông quay sang dì Charlotte và hỏi bà ta thế nào rồi.

“Tôi ổn. Tôi lo là lo cho Holly. Tôi nghĩ nó đang tự dẫn vật, vì nó là lý do... anh biết đấy.”

Hodges biết. Lý do Janey lái xe của ông. Tất nhiên là đăng nào thì Janey cũng sẽ ở đó, nhưng ông không tin điều đó có thể lại thay đổi cảm giác của Holly.

“Tôi mong là anh sẽ nói chuyện với nó. Không hiểu sao nó gắn bó với anh.” Mắt bà ta ánh lên vẻ khó chịu. “Giống như anh gắn bó với Janelle.

Chắc hẳn anh phải có cách gì đó.”

“Tôi sẽ làm thế,” Hodges nói, và ông sẽ làm, nhưng Jerome sẽ nói chuyện với Holly trước đã. Ấy là nếu như số điện thoại trên hộp kính có tác dụng. Theo như ông biết, đó là số của một đường dây điện thoại cố định ở... đâu ấy nhỉ? Cincinnati? Cleveland?”

“Tôi hy vọng chúng tôi không bị đề nghị nhận dạng con bé,” cậu Henry nói. Một tay ông ta cầm cốc cà phê bằng nhựa xốp. Ông ta hầu như chưa động gì đến nó, và Hodges không lấy làm ngạc nhiên. Cà phê của sở cảnh sát vẫn khét tiếng xưa nay. “Làm sao chúng tôi làm được? Con bé bị nổ tan tành.”

“Đừng có ngớ ngẩn như thế,” dì Charlotte nói. “Họ không muốn chúng ta làm thế đâu. Họ không thể.”

Hodges nói, “Nếu cô ấy từng được lấy dấu vân tay - hầu hết mọi người đều thế - thì họ sẽ làm theo cách đó. Có thể họ sẽ cho quý vị xem những bức ảnh chụp quần áo cô ấy, hoặc những đồ trang sức riêng tư.”

“Làm sao chúng tôi biết đồ trang sức của nó được?” dì Charlotte khóc lóc. Một viên cảnh sát đang mua nước ngọt quay sang nhìn bà ta. “Mà tôi thì hầu như không để ý là nó mặc gì nữa.”

Hodges thì lại đoán bà ta đã soi giá từng mũi chỉ, nhưng ông không nhận xét gì. “Có thể họ sẽ có vài câu hỏi khác.” Một số câu về ông. “Sẽ không mất nhiều thời gian đâu.”

Có thang máy, nhưng Hodges chọn đi cầu thang bộ. Đến chiều nghỉ của một nhịp cầu thang, ông dựa người vào tường, mắt nhắm nghiền, và thở một mạch cả nửa tá những hơi dài, hỗn hển. Giờ thì nước mắt đã chảy. Ông lấy ống tay áo lau chúng đi. Dì Charlotte đã bày tỏ nỗi lo lắng về Holly - một nỗi lo lắng mà Hodges cũng chia sẻ - nhưng không hề có chút thương đau nào về người cháu gái bị nổ tan thành từng mảnh của bà ta. Ông đoán mỗi quan tâm lớn nhất của dì Charlotte đối với Janey lúc này là điều gì sẽ xảy ra với khoản gia tài béo bở mà Janey thừa kế từ chị gái.

Mình hy vọng cô ấy để lại nó cho một bệnh viện chết tiệt nào đó dành cho chó, ông nghĩ bụng.

Hodges ngồi xuống với một hơi thở hắt ra phì phò. Sử dụng một bậc thang làm chiếc bàn dã chiến, ông mở cái hộp kính ra và, lấy trong ví của mình, một mảnh giấy ghi chép nhàu nhĩ với hai dãy số trên đó.



“A lô?” Giọng nói cất lên nhẹ nhàng, ngập ngừng. “A lô, ai đấy?”

“Cháu tên là Jerome Robinson, thưa cô. Cháu tin là bác Bill Hodges đã nói về việc cháu có thể gọi cho cô.”

Im lặng.

“Thưa cô?” Jerome đang ngồi bên máy tính, cầm chiếc điện thoại Android của cậu chặt đến mức cơ hồ vỡ cả vỏ máy. “Cô Gibney?”

“Tôi đây.” Đó gần như là một tiếng thở dài. “Ông ấy nói là muốn tóm kẻ đã giết chị họ tôi. Đã xảy ra một vụ nổ khủng khiếp.”

“Cháu biết,” Jerome nói. Dưới nhà, Barb bắt đầu bật cái đĩa Round Here mới của con bé đến lần thứ một nghìn. Kisses on the Midway, đó là tên album. Chưa đến mức làm cậu phát điên, nhưng mỗi lần bật là mỗi lần cảm giác điên khùng lại nhích đến gần hơn.

Trong khi đó, người phụ nữ ở đầu dây bên kia lại bắt đầu òa khóc.

“Cô ơi? Cô Gibney? Cháu rất tiếc về sự mất mát của cô.”

“Tôi hầu như chẳng biết gì về chị ấy cả, nhưng chị ấy là chị họ tôi, và chị ấy thật tử tế với tôi. Cả ông Hodges cũng thế. Cậu có biết ông ấy đã hỏi tôi gì không?”

“Không ạ.”

“Rằng tôi đã ăn sáng chưa. Chẳng phải thế là rất quan tâm còn gì?”

“Chắc chắn rồi,” Jerome nói. Cậu vẫn không thể tin nổi là người phụ nữ tươi tắn đầy sức sống vừa ăn tối với mình đã chết. Cậu nhớ ánh mắt cô lấp lánh như thế nào khi cười và cái cách cô là lại kiểu nói ừ của Hodges. Giờ thì cậu đang nói chuyện điện thoại với một phụ nữ chưa hề gặp mặt,



một người rất kỳ quặc, nghe giọng là biết. Nói chuyện với cô ta cảm giác như đang gỡ bom vậy. “Cô ạ, bác Bill bảo cháu đến đó.”

“Ông ấy có đến cùng cậu không?”

“Ngay lúc này thì không thể. Bác ấy phải làm những việc khác trước đã.”

Tiếp tục im lặng, và sau đó, Holly hỏi bằng một giọng khẽ khàng và rụt rè đến nỗi cậu phải khó khăn lắm mới nghe được, “Cậu có an toàn không? Vì tôi lo lắng về mọi người, cậu biết đấy. Tôi lo lắng rất nhiều.”

“Có, cô ạ cháu an toàn mà.”

“Tôi muốn giúp ông Hodges. Tôi muốn giúp ông ấy bắt kẻ đã gây ra chuyện đó. Chắc là hắn bị điên rồi, cậu có nghĩ thế không?”

“Vâng,” Jerome nói. Dưới nhà, một bài hát khác vang lên và hai cô bé - Barbara và Hilda bạn nó - ré lên những tiếng hú hét sung sướng gần đủ cao để làm vỡ kính. Cậu nghĩ đến ba bốn nghìn đứa con gái như Barb và Hilda tất cả đều đồng thanh gào rú đêm mai, và tạ ơn Chúa là mẹ mình mới là người đảm nhiệm sứ mệnh đó.

“Cậu có thể đến, nhưng tôi không biết cách cho cậu vào,” cô nói. “Cậu Henry của tôi đặt chuông báo trộm khi ông ấy ra ngoài, mà tôi thì không biết mã. Tôi nghĩ ông ấy cũng đóng cả cổng nữa.”

“Cháu đã giải quyết những chuyện đó rồi,” Jerome nói.

“Khi nào thì cậu đến?”

“Cháu có thể tới đó trong nửa tiếng nữa.”

“Nếu cậu nói chuyện với ông Hodges, cậu sẽ nói giúp tôi điều này với ông ấy nhé?”

“Chắc chắn rồi.”

“Bảo ông ấy là tôi cũng buồn.” Cô ngừng lại. “Và tôi uống thuốc Lexapro rồi.”



Cuối buổi chiều thứ Tư, Brady thuê phòng một nhà nghỉ rộng mênh mông thuộc hệ thống Motel 6 gần sân bay, sử dụng thẻ tín dụng mang tên Ralph Jones của hắn. Hắn có một vali và một ba lô nhỏ. Trong ba lô là bộ quần áo duy nhất để thay, đó là tất cả những gì hắn cần cho vài chục tiếng đồng hồ còn lại của cuộc đời mình. Trong vali là tấm đệm ASS PARKING, túi nước tiểu Urinesta, một bức ảnh lồng khung, mấy công tắc kích nổ tự chế (hắn dự kiến chỉ cần một cái, nhưng dự phòng thì biết bao nhiêu cho đủ), Thiết bị Hai, mấy cái túi đựng Glad nhét đầy bi, và đủ thuốc nổ tự chế để thổi bay lên trời cả cái nhà nghỉ và bãi đỗ xe kế bên. Hắn quay trở lại chiếc Subaru, lấy ra món đồ lớn hơn (với đôi chút khó khăn, thứ đó vừa khít trong cốp), mang vào phòng, và dựng nó vào tường.

Hắn nằm xuống giường. Đầu hắn có cảm giác thật lạ lẫm khi đặt lên gối. Trần trụi. Và không hiểu sao cũng thật rạo rức.

Hắn nghĩ, Mình đã vướng phải một chuỗi đen đui, nhưng mình đã vượt qua và mình vẫn đang đứng vững.

Hắn nhắm mắt lại. Chẳng mấy chốc hắn đã ngáy vang.



Jerome đỗ chiếc Wrangler, đầu xe gần chạm vào cánh cổng đóng ở số 729 Lilac Drive, bước ra, và nhấn nút gọi. Cậu có lý do để ở đây nếu ai đó của đội bảo vệ Sugar Heights chẳng may dừng lại và dò hỏi, nhưng nó sẽ chỉ có tác dụng nếu người phụ nữ bên trong xác nhận, và cậu cũng không chắc mình có thể trông cậy vào điều đó không nữa. Cuộc nói chuyện trước đó của cậu với cô cho thấy cô không được bình thường lắm về mặt tinh thần. Nhưng may thế nào, cậu không bị ngăn trở gì, và sau vài phút đứng đó và cố làm ra vẻ như mình thuộc về nơi này - đây là một trong những lúc mà cậu cảm thấy mình mới nhọ làm sao - thì Holly trả lời.

“Vâng. Ai đấy ạ?”

“Jerome, cô Gibney ạ. Bạn của bác Bill Hodges?”

Một khoảng im lặng dài đến nỗi cậu đã sắp sửa ấn nút lần nữa thì cô nói, “Cậu có mã cổng chứ?”

“Có ạ.”

“Được rồi. Và nếu cậu là bạn của ông Hodges, tôi nghĩ cậu có thể gọi tôi là Holly.”

Cậu ấn mã và cổng mở ra. Cậu lái xe vào trong và nhìn nó đóng lại phía sau mình. Đến lúc này, mọi việc vậ là suôn sẻ.

Holly đang ở cửa trước, tò mò nhìn cậu qua một cửa sổ bên như một tù nhân trong khu vực thăm nuôi an ninh ngặt nghèo. Cô mặc áo choàng ở nhà trùm lên bộ pajama, và tóc cô là một mớ rối bù. Một kịch bản ác mộng chóng vánh hiện lên trong tâm trí Jerome: Holly nhấn nút báo động ở bảng điều khiển hệ thống chống trộm (gần như sát bên cạnh chỗ cô đang đứng)

và khi bảo vệ ập tới, cô sẽ buộc tội cậu là kẻ đột nhập. Hoặc một kẻ có ý đồ hiếp dâm mê mẩn những nạn nhân mặc pajama vải flannel.

Cánh cửa đang khóa. Cậu chỉ vào nó. Thoạt đầu Holly vẫn cứ đứng đó như một con robot hết pin. Rồi cô vặn chốt. Một âm thanh tí tí chói tai bắt đầu vang lên khi Jerome mở cửa và cô bước lùi lại mấy bước, che miệng bằng cả hai bàn tay.

“Đừng để tôi dính vào rắc rối! Tôi không muốn vướng vào rắc rối!”

Holly còn căng thẳng gấp đôi cậu, và điều đó khiến Jerome nhẹ cả người. Cậu nhập mã vào hệ thống chống trộm và ấn TẮT CẢ ĐỀU AN TOÀN. Tiếng tí tí dừng lại.

Holly sụp xuống một chiếc ghế chạm trổ cầu kỳ nhìn như thể giá của nó chắc bằng tiền học cả năm tại một trường đại học tốt (mặc dù có thể không phải là Harvard, tóc cô rũ xuống quanh mặt thành những mớ bù xù. “Ôi, đây là ngày tồi tệ nhất đời tôi,” cô nói. “Tội nghiệp Janey. Tội nghiệp, tội nghiệp, tội nghiệp Janey.”

“Cháu rất tiếc.”

“Nhưng ít nhất đó không phải là lỗi của tôi.” Cô ngược lên nhìn cậu với vẻ thách thức mong manh và đáng thương. “Không ai có thể nói đó là lỗi của tôi. Tôi không làm gì hết.”

“Tất nhiên cô không làm gì mà,” Jerome nói.

Câu đó nghe có vẻ gượng gạo, nhưng cô khẽ mỉm cười, nên có lẽ là không sao. “Ông Hodges ổn không? Ông ấy là một người rất, rất, rất tử tế. Mặc dù mẹ tôi không ưa ông ấy.” Cô nhún vai. “Nhưng bà ấy có thích ai đâu cơ chứ?”

“Bác ấy ổn,” Jerome nói, mặc dù cậu cũng nghi ngờ điều đó.

“Cậu là người da đen,” cô vừa nói vừa tròn mắt nhìn cậu.

Jerome nhìn xuống hai bàn tay của mình. “Thì cháu đúng là đen còn gì?”

Cô bật cười khanh khách. “Cô xin lỗi. Thật thô lỗ quá. Cháu là người da đen cũng không sao.”

“Bây giờ đen mới là ‘mô đen’ đấy,” Jerome nói.

“Tất nhiên là thế rồi. Cực kỳ mô đen.” Cô đứng lên, bặm môi dưới, rồi thò bàn tay ra với ý chí quyết tâm rất dễ thấy. “Đưa tay đây nào, Jerome.”

Họ bắt tay. Tay cô ẩm ướt. Giống như bàn chân của một con thú nhỏ và nhút nhát.

“Chúng ta phải khẩn trương lên. Nếu mẹ cô và cậu Henry quay về bắt gặp cháu ở đây thì cô gặp rắc rối mất.”

Cô? Jerome nghĩ bụng. Thế còn thằng nhóc da đen thì sao?

“Người phụ nữ sống ở đây lúc trước cũng là chị họ cô, đúng không?”

“Ừ. Olivia Trelawney. Cô không gặp chị ấy từ hồi đại học. Chị ấy và mẹ cô chẳng bao giờ hòa thuận.” Cô nhìn cậu với vẻ mặt nghiêm trọng. “Cô phải bỏ đại học giữa chừng. Cô đã gặp một số vấn đề.”

Jerome cá là trước thế nào thì giờ vẫn vậy. Dù sao cũng có điều gì đó ở cô mà cậu thấy cảm tình. Chúa mới biết là gì. Chắc chắn không phải là cái kiểu cười giống như lấy móng tay gãi trên bảng đen ấy rồi.

“Cô biết máy tính của bà ấy ở chỗ nào không?”

“Có. Cô sẽ chỉ cho cháu. Cháu có thể làm nhanh được không?”

Được thế là tốt nhất, Jerome nghĩ.



Máy tính của bà Olivia Trelawney quá cố được cài mật khẩu bảo vệ, một biện pháp ngớ ngẩn, vì khi lật ngửa bàn phím lên, cậu tìm thấy chữ OTRELAW viết ở đó bằng bút dạ Sharpie.

Holly, đứng ngưỡng cửa căng thẳng bẻ lên bẻ xuống cái cổ áo choàng, lúng túng nói gì đó mà cậu không nghe rõ.

“Sao cơ?”

“Cô hỏi là cháu đang tìm gì vậy?”

“Cô sẽ biết nó là gì nếu cháu tìm thấy nó.” Cậu mở chương trình tìm kiếm và gõ TRẺ CON KHÓC vào ô tìm kiếm. Không có kết quả. Cậu thử TRẺ SƠ SINH KHÓC. Không có gì. Cậu thử PHỤ NỮ GÀO THÉT. Không có gì.

“Nó có thể bị ẩn đi.” Lần này cậu nghe thấy một cách rõ ràng vì giọng Holly kề sát bên tai cậu. Cậu hơi giật mình, nhưng Holly không để ý. Cô cúi người xuống chống tay lên đầu gối phủ áo choàng, chăm chú nhìn màn hình của Olivia. “Thử FILE ÂM THANH xem.”

Đó là một ý tưởng khá hay, nên cậu làm theo. Nhưng vẫn chẳng thấy gì.

“Được rồi,” cô nói, “hãy vào CẤU HÌNH HỆ THỐNG và kiểm tra phần ÂM THANH.”

“Cô Holly, nhiệm vụ của cái đó là kiểm soát tín hiệu đầu vào và đầu ra. Đại loại như vậy.”

“Biết rồi. Cứ thử đi xem nào.” Cô không cần môi nữa.

Jerome làm theo. Ở phần đầu ra, trình đơn liệt kê các mục LOA CÂY, TAI NGHE, và ĐĂNG NHẬP VÀO DRIVER ÂM THANH. Phần đầu vào, có MICROPHONE TÍCH HỢP, và ĐƯỜNG VÀO. Không phải thứ cậu trông đợi.

“Còn ý tưởng nào khác không?” cậu hỏi.

“Mở HIỆU ỨNG ÂM THANH. Góc trên bên trái ấy.”

Cậu quay sang cô. “Này, cô rành mấy cái thứ này quá nhỉ?”

“Cô học một khóa máy tính. Tại nhà. Qua Skype. Thú vị lắm. Tiếp tục nào, hãy xem ở HIỆU ỨNG ÂM THANH.”

Jerome làm theo, và hấp háy mắt trước những gì cậu thấy. Bên cạnh TIẾNG ẾCH, LY CỐC, TIẾNG VỌNG, BONG BÓNG VỠ và MÈO GÙ - những đối tượng tình nghi thông thường - còn có một mục có tên là MA QUÁI.

“Chưa thấy cái này bao giờ.”

“Cô cũng chưa thấy bao giờ.” Cô vẫn chưa nhìn thẳng vào mắt cậu, nhưng ngoài cái đó ra thì thái độ của cô đã thay đổi hẳn. Cô kéo ghế ngồi cạnh cậu, nhét mớ tóc lòa xòa ra sau tai. “Trong khi cô biết rõ các chương trình trên máy Mac từ trong ra ngoài.”

“Thế mới đúng là cô chứ,” Jerome nói, và giơ một bàn tay lên.

Vẫn nhìn vào màn hình, Holly đập tay với cậu. “Chơi đi, Sam.”

Cậu ngoác miệng cười. “Casablanca.”

“Ừ. Cô xem phim đó bảy mươi ba lần rồi. Cô có một cuốn Sách Phim. Cô ghi lại tất cả những gì mình xem. Mẹ cô bảo như thế là bị OCD<sup>[45]</sup> “Đời bị OCD mà,” Jerome nói.

Không cười, Holly đáp lại, “Thế mới là cháu chứ.”

Jerome chọn MA QUÁI và nhấn phím Enter. Từ hai chiếc loa cây ở hai bên máy tính của Olivia, một đứa bé bắt đầu réo khóc Holly vẫn ổn với phần đó; cô không chộp vào vai Jerome cho đến khi người phụ nữ thét lên, “Tại sao bà lại để hãh giết con tôi?”

“Chết tiệt!” Jerome thốt lên, và nắm chặt tay Holly. Cậu thậm chí còn chẳng kịp nghĩ gì về điều đó, và cô cũng không rút tay ra. Họ trừng trừng

nhìn cái máy tính như thể nó vừa mọc răng và cắn họ.

Có một khoảng lặng, và rồi đứa bé lại bắt đầu khóc. Người phụ nữ lại gào lên. Chương trình lặp lại lần thứ ba, rồi dừng hẳn.

Cuối cùng Holly cũng nhìn thẳng vào cậu, mắt cô mở to đến nỗi như thể chúng sắp rơi ra khỏi đầu cô đến nơi. “Cháu có biết trước là chuyện đó sẽ xảy ra không?”

“Lạy Chúa, không.” Có thể là chút gì đó, nếu không Bill đã không cử cậu tới đây, nhưng cái đó ấy à? “Cô có phát hiện được điều gì về chương trình đó không, Holly? Như là nó được cài đặt khi nào? Nếu không được, thì cũng không sa...”

“Đẩy qua đây.”

Jerome đã giải máy tính, nhưng Holly còn chơi bàn phím như một cây đàn piano Steinway. Sau một vài phút lúng lúng, cô nói, “Có vẻ như là nó được cài vào ngày 1 tháng Bảy năm ngoái. Có một đồng các thứ được cài ngày hôm đó.”

“Có thể nó đã được lập trình để bật lên vào những thời điểm nhất định, đúng không? Phát lại ba lần rồi dừng?”

Cô ném cho cậu một cái liếc mắt đầy vẻ sốt ruột. “Đương nhiên.”

“Nếu thế thì sao nó không còn chạy nữa? Ý cháu là người nhà cô đã ở đây rồi. Cô đã phải nghe thấy chứ.”

Cô nhấp chuột như điên và cho cậu xem một thứ khác. “Cô đã gặp thứ này trước đây. Nó là một chương trình nô lệ, ẩn trong Danh bạ Thư của chị ấy. Cô cá là Olivia không biết nó ở đây. Nó được gọi là Looking Glass (Gương soi). Ta không thể dùng nó để bật một máy lẻ khác lên - ít nhất thì cô cũng không nghĩ vậy - nhưng nếu máy tính đó mà bật, ta có thể điều khiển tất cả mọi thứ từ máy tính của mình. Mở file, đọc mail, xem lịch sử tìm kiếm... hoặc bỏ kích hoạt các chương trình.”

“Như sau khi bà ấy mất,” Jerome nói.

“Ôi.” Holly nhăn mặt.

“Tại sao kẻ đã cài chương trình này lại bỏ nó lại? Sao không xóa hẳn nó đi?”



“Cô không biết. Có thể chỉ là hấn quên mất. Cô suốt ngày quên hết chuyện này chuyện nọ. Mẹ cô bảo chắc cô sẽ quên luôn cả đầu mình nếu nó không được gắn vào cổ.”

“Vâng, mẹ cháu cũng nói thế. Nhưng hấn là ai chứ? Chúng ta đang nói đến ai đây?”

Cô ngẫm nghĩ về điều đó. Cả hai cùng nghĩ. Và sau có lẽ khoảng năm giây, họ đồng thanh lên tiếng.

“Nhân viên IT của bà ấy,” Jerome nói, đúng lúc Holly nói, “Tay chuyên gia máy tính của chị ấy.”

Jerome bắt đầu lục lọi ngăn kéo bàn máy tính của Olivia, tìm kiếm hóa đơn dịch vụ máy tính, một tờ hóa đơn đóng dấu ĐÃ THANH TOÁN, hoặc một danh thiếp công ty. Ít nhất phải có một trong những thứ đó chứ, nhưng không có gì hết. Cậu quỳ xuống và bò vào khoảng lùa chân dưới gầm bàn. Ở đó cũng chẳng thấy gì.

“Tìm trên tủ lạnh xem,” cậu nói. “Thỉnh thoảng người ta lại cho các thứ linh tinh lên đó, dưới những cục nam châm nhỏ.”

“Có rất nhiều nam châm,” Holly nói, “nhưng chẳng có gì trên tủ lạnh ngoại trừ cái danh thiếp của đại lý bất động sản và một cái khác của công ty bảo vệ Vigilant. Cô nghĩ chắc Janey đã lột tất cả những thứ khác xuống rồi. Có khi vứt đi hết rồi cũng nên.”

“Có cái kết nào không?”

“Có lẽ nhưng sao chị họ cô lại cho danh thiếp nhân viên của mình vào kết làm gì? Nó đâu có đáng tiền, hay giá trị gì đâu.”

“Đúng thế thật,” Jerome nói.

“Nếu nó mà đây, chắc nó chỉ cạnh máy tính thôi. Chị ấy sẽ không đời nào giấu nó đi. Ý cô là, chị ấy đã viết mật khẩu của mình ngay bên dưới cái bàn phím chết giẫm còn gì.”

“Khờ thật,” Jerome nói.

“Cực kỳ luôn.” Dường như Holly bỗng chợt nhận ra họ đang thân thiết với nhau đến mức nào. Cô đứng lên và quay trở ra cửa. Cô lại bắt đầu lật cổ chiếc áo choàng trong nhà của mình. “Giờ thì cháu sẽ làm gì?”

“Cháu nghĩ cháu nên gọi cho bác Bill.”

Cậu móc điện thoại di động ra, nhưng trước khi cậu kịp bấm nút, thì cô đã gọi tên cậu. Jerome ngược nhìn Holly, đang đứng trong ngưỡng cửa, nhìn lọt thỏm trong mớ quần áo nhà rộng thùng thình.

“Chắc phải có đến cỡ cả tỉ người làm IT trong cái thành phố này,” cô nói.

Đâu ra mà nhiều đến thế, nhưng cũng rất nhiều. Cậu biết điều đó và Hodges cũng biết, bởi vì chính Jerome là người nói với ông.



Hodges chăm chú lắng nghe tất cả những gì Jerome trình bày. Ông hài lòng với ứng lời khen Jerome dành cho Holly (và hy vọng Holly cũng sẽ hài lòng, nếu cô đang nghe), nhưng thất vọng ghê gớm, vì không có đầu mối nào dẫn tới gã Thợ Máy tính đã động tay chân vào máy của Olivia. Jerome nghĩ chắc là do Janey đã ném danh thiếp của hắn ta đi rồi. Hodges, với đầu óc được rèn luyện để nghi ngờ, thì cho rằng tên Sát nhân Mercedes có lẽ đã bảo đảm chắc chắn là Olivia không có tấm danh thiếp nào. Chỉ có điều như thế lại không hợp lý. Chẳng phải người ta sẽ hỏi lấy một cái hay sao, nếu hắn làm tốt? Và để nó ở chỗ tiện với tay? Đây là trừ phi...

Ông bảo Jerome đưa máy cho Holly.

“A lô?” Khẽ khàng đến nỗi ông phải căng tai lên mới nghe thấy cô.

“Holly, có danh bạ nào trên máy tính của Olivia không?”

“Chờ một chút.” Ông nghe thấy tiếng lách cách khe khẽ. Khi cô trở lại, giọng cô có vẻ bối rối. “Không.”

“Cô có thấy như thế thật lạ lùng không?”

“Có, kể cũng hơi hơi.”

“Có khi nào kẻ cài âm thanh ma quái đó đã xóa danh bạ của bà ấy rồi không?”

“Ồ, chắc chắn rồi. Chờ chút. Tôi đang uống thuốc Lexapro, ông Hodges ạ.”

“Thế thì tuyệt, Holly. Cô có thể cho tôi biết Olivia có thường xuyên sử dụng máy tính không được chứ?”

“Được mà.”

“Cho tôi nói chuyện với Jerome trong lúc cô kiểm tra.”

Jerome cầm máy và nói cậu rất tiếc là họ chưa tìm được gì hơn.

“Không, không, cháu làm tốt lắm. Lúc lục bàn của bà ấy, cháu không thấy quyển danh bạ bằng giấy nào à?”

“Thì thế, nhưng giờ làm gì còn mấy người mất công với kiểu danh bạ đó nữa - họ giữ tất cả đầu mối liên lạc của mình trên máy tính và điện thoại. Bác biết điều đó mà, đúng không?”

Hodges cho rằng lẽ ra ông nên biết điều đó, nhưng dạo này thế giới chuyển động quá nhanh đối với ông. Ông thậm chí còn không biết cài đặt cái đầu thu video kỹ thuật số của mình như thế nào.

“Bác cầm máy nhé, cô Holly lại muốn nói chuyện với bác.”

“Cháu và Holly kết thân nhanh phết đấy nhỉ?”

“Bọn cháu ổn mà. Cô ấy đây.”

“Olivia có tất cả các chương trình và trang web ưa thích,” Holly nói. “Chị ấy là khách thường xuyên của Hulu và Huffpo. Và lịch sử tìm kiếm của chị ấy... tôi thấy hình như là chị ấy dành nhiều thời gian lướt mạng hơn cả tôi, mà tôi thì ở trên mạng nhiều vô cùng.”

“Holly, tại sao một người thực sự sống dựa vào máy tính lại không có một tấm danh thiếp dịch vụ bên cạnh nhỉ?”

“Bởi vì tên đó đã lên vào nhà lấy nó đi sau khi chị ấy qua đời,” Holly trả lời mau mắn.

“Có thể, nhưng hãy nghĩ đến rủi ro - nhất là khi dịch vụ an ninh ở khu vực đó luôn dõi theo mọi thứ. Hẳn phải biết mã mở cổng, mã chuông báo trộm... và ngay cả khi đó hẳn cũng vẫn cần chìa khóa nhà...” Giọng ông lạt đi.

“Ông Hodges? Ông còn đó không?”

“Có. Mà từ giờ hãy gọi tôi là Bill.”

Nhưng cô không chịu. Có lẽ là cô không thể. “Ông Hodges, hẳn có phải là một tên trùm tội phạm không? Giống như trong phim James Bond?”

“Tôi nghĩ hẳn chỉ điên thôi.” Và bởi vì hẳn điên, nên chuyện rủi ro có khi chẳng quan trọng đối với hẳn. Cứ xem hẳn đã liều thế nào ở City Center, khi cày xe vào đám đông người là biết.

Nhưng nghe vẫn không hợp lý lắm.

“Cô cho tôi nói chuyện tiếp với Jerome nhé?”

Cô làm theo, và Hodges bảo cậu đã đến lúc ra về trước khi dì Charlotte và cậu Henry trở lại và bắt gặp cậu đang quẩn quýt bên máy tính với Holly.

“Bác sẽ làm gì, bác Bill?”

Ông nhìn ra ngoài phố, nơi chiều tà đã bắt đầu phủ sẫm những màu sắc của ngày. Đã gần bảy giờ. “Ngủ rồi tính tiếp,” ông nói.



**T**rước khi vào giường Hodges dành bốn tiếng trước màn hình tivi, xem những chương trình nhập vào mắt thì rất ổn nhưng tan biến trước khi vào đến não. Ông cố không nghĩ về điều gì, bởi vì đó là cách ta mở cánh cửa cho ý tưởng đúng đắn vào. Ý tưởng đúng đắn luôn đến như một kết quả của kết nối đúng đắn, và có một kết nối đang chờ thực hiện; ông cảm thấy điều đó. Có thể nhiều hơn một. Ông sẽ không để Janey vào trong suy nghĩ của mình. Sau này, được rồi, nhưng lúc này tất cả những gì cô có thể làm là cản trở cỗ máy của ông.

Máy tính của Olivia Trelawney là mấu chốt vấn đề. Nó bị cài vào những âm thanh ma quái, và đối tượng tình nghi khả dĩ nhất chính là gã nhân viên IT của bà ta. Vậy tại sao bà ta không có danh thiếp của hắn? Hắn có thể xóa danh bạ trên máy tính bà ta từ xa - và Hodges cá là hắn đã làm thế - nhưng có phải hắn đã đột nhập vào và ăn cắp một cái danh thiếp khốn kiếp sau khi bà ta chết?

Ông nhận một cú điện thoại từ một tay phóng viên báo. Sau đó là một gã ở Kênh 6. Sau cuộc gọi thứ ba của kẻ nào đó trong giới truyền thông, Hodges tắt điện thoại. Ông không biết ai đã để lộ số điện thoại di động của mình, nhưng ông hy vọng người đó được trả hậu hĩnh cho thông tin ấy.

Một điều khác cứ lớn vờn mãi trong óc ông, một điều chẳng liên quan đến bất kỳ điều gì cả: Bà ấy nghĩ chúng nhỡ như lẫn trong chúng ta.

Lướt mắt lại một lượt qua đồng giấy tờ ghi chép là ông chỉ ra được ngay ai đã nói câu đó với mình: ông Bowfinger, người chuyên viết thiệp chúc mừng. Hôm đó ông và Bowfinger đang ngồi trên ghế nhìn ra thảm cỏ,

và Hodges vẫn nhớ cảm giác biết ơn khi được dưới bóng râm. Đó là lúc ông đang tiến hành cuộc sục sạo, tìm kiếm bất kỳ ai có thể đã thấy một chiếc xe đáng nghi lượn lơ trên phố.

Bà ấy nghĩ chúng nhờn nhờ ngay giữa chúng ta.

Lúc đó Bowfinger đang nói về bà Melbourne ở bên kia đường Bà Melboume này thuộc về một tổ chức những người cuồng UFO tên là NICAP, ủy ban Điều tra Quốc gia về các Hiện tượng Hàng không.

Hodges quyết định rằng đó chỉ là một tiếng hồi vọng, như một đoạn nhạc pop cứ thế tự nhiên tua lại trong khối óc đang quá căng thẳng. Ông cởi quần áo và đi vào giường rồi Janey đến, Janey chun mũi với ông và nhại câu ừ, và lần đầu tiên kể từ thời thơ ấu, ông khóc thực sự cho đến khi thiếp đi.

Ông tỉnh giấc lúc quá nửa đêm về sáng của ngày thứ năm, dậy đi tiểu, quay trở lại giường, và đứng sững lại, mắt mở to. Điều mà ông vẫn tìm kiếm - mối liên kết - bỗng nhiên ở ngay kia, sờ sờ ra đấy.

Cần gì phải mất công giữ một tấm danh thiếp nếu ta không cần đến nó.

Giả sử là tên đó không phải là người làm độc lập, hẳn không điều hành một mối làm ăn nhỏ tại nhà, mà làm việc cho một công ty. Nếu là như thế, ta có thể gọi theo số công ty bất kỳ lúc nào cần đến hẳn, vì đó sẽ là một số rất dễ nhớ, kiểu như 5555-9999, hoặc bất kể số gì đi nữa liên quan đến từ MÁY TÍNH.

Nếu làm việc cho một công ty, hẳn sẽ thực hiện cung cấp dịch vụ tận nơi bằng xe của công ty.

Hodges quay trở lại giường, chắc hẳn là lần này giấc ngủ sẽ lần tránh ông, nhưng hóa ra không phải.

Ông nghĩ, Nếu hẳn có đủ thuốc nổ để làm nổ tung xe mình, chắc hẳn hẳn còn có nhiều hơn nữa.

Và rồi ông lại thiếp đi.

Ông mơ thấy Janey.

# CHƯƠNG VI

## KISSES ON THE MIDWAY

### 1



**H**odges dậy lúc sáu giờ sáng thứ Năm và nấu cho mình một bữa sáng thịnh soạn: hai quả trứng, bốn dải thịt lợn muối xông khói, bốn lát bánh mì. Ông không muốn ăn, nhưng cố ép mình phải ăn hết từng miếng một, tự động viên mình rằng đó là xăng cho cơ thể. Có thể hôm nay ông vẫn còn cơ hội ăn một bữa nữa, nhưng cũng có thể không. Cả lúc trong nhà tắm và khi đang trệu trạo nhai một cách gan lì cho xong bữa sáng (giờ chẳng còn ai nhắc nhở chuyện cân nặng của ông nữa), một ý nghĩ xuất hiện đi xuất hiện lại trong tâm trí ông, vẫn là cái ý nghĩ mà ông đã thiếp đi cùng đêm trước. Giống như một nỗi ám ảnh.

Chính xác thì là bao nhiêu thuốc nổ?

Câu hỏi này dẫn đến những cân nhắc khó chịu khác. Ví dụ như hãn - tên perk ấy - định dùng bao nhiêu. Và vào lúc nào.

Ông đi đến quyết định: hôm nay là ngày cuối cùng. Ông muốn tự mình lần ra tên Sát nhân Mercedes, và đối mặt với hãn. Giết hãn ư? Không, cái đó thì không (có lẽ là không), nhưng tấn cho hãn vãi cứt ra thì thật tuyệt vời. Vì Olivia. Vì Janey. Vì Janice và Patricia Cray. Vì tất cả những người mà tên Sát nhân Mercedes đã giết và hủy hoại ở City Center năm ngoái.



Những người đã tuyệt vọng đối với việc làm đến nỗi phải thức dậy lúc nửa đêm và đứng đợi những cánh cửa ấy mở ra giữa làn sương mù dày đặc. Những cuộc đời bị đánh mất. Những hy vọng bị đánh mất. Những linh hồn bị đánh mất.

Vậy nên đúng, ông muốn tên chó đẻ đó. Nhưng nếu hôm nay mà không tóm được hắn, ông sẽ bàn giao lại mọi thứ cho Pete Huntley và Izzy Jaynes rồi nhận mọi hậu quả... ông biết, việc này hoàn toàn có thể khiến ông ngồi tù một thời gian.

Chẳng sao cả. Lương tâm của ông đã gánh chịu khá khá rồi, nhưng ông nghĩ chắc nó vẫn chịu đựng thêm được chút nữa. Tuy nhiên, một vụ thám sát nữa thì không. Điều đó sẽ phá hủy nốt những gì ít ỏi còn lại trong ông.

Ông quyết định cho mình thời hạn đến tám giờ tối nay; đó là đường ranh trên cát. Trong khoảng mười ba tiếng đồng hồ đó ông có thể làm chẳng kém gì Pete và Izzy. Có khi còn hơn, vì ông không bị ràng buộc bởi quy trình và thủ tục. Hôm nay ông sẽ mang khẩu M&P 38 của cha mình. Và Happy Slapper cả cái đó nữa.

Cái Slapper chui tọt vào túi trước bên phải áo khoác của ông, khẩu ổ xoay bên dưới nách tay trái. Trong phòng làm việc, ông chộp lấy tập hồ sơ về tên Sát nhân Mercedes - giờ thì khá khá dày rồi - và mang nó trở ra bếp. Trong lúc đọc lại nó một lượt, ông lấy điều khiển từ xa bật ti vi trên quầy bếp và tìm chương trình Morning at Seven trên Kênh 6. Ông gần như nhẹ cả người khi thấy một chiếc cần câu vừa đổ nhào gần bờ hồ, suýt đánh đắm một chiếc sà lan chở hóa chất. Ông không muốn hồ nước ô nhiễm thêm chút nào nữa so với hiện trạng (giả sử là điều đó còn có thể), nhưng vụ tràn hóa chất đã đẩy câu chuyện đánh bom xe xuống hàng thứ hai. Đó là tin tốt. Tin xấu là ông đã lộ danh tính là một thanh tra, giờ đã nghỉ hưu, từng là điều tra chính nhóm chuyên án vụ Thảm sát City Center, và người phụ nữ bị chết trong vụ đánh bom xe được xác định là em gái của Olivia Trelawney. Còn có cả một bức ảnh chụp ông và Janey đứng bên ngoài Nhà tang lễ Soames, ai chụp thì có Chúa mới biết.

“Cảnh sát không khẳng định vụ nổ có liên hệ với vụ thảm sát năm ngoái ở City Center,” người đọc bản tin nói với vẻ nghiêm trọng, “nhưng đáng chú ý là hung thủ gây ra tội ác đó vẫn chưa bị bắt. Trong một tin tức hình sự khác, Donald Davis sẽ bị đưa ra xét xử...”

Hodges chẳng còn quan tâm mẹ gì đến Donald Davis. Ông tắt ti vi và quay trở lại với những ghi chép trên tập sổ của mình. Ông còn đang chăm chú đọc chúng thì điện thoại đổ chuông - không phải điện thoại di động (dù hôm nay ông mang nó theo mình), mà là cái treo trên tường. Là của Pete Huntley.

“Anh dậy sớm như chim sâu ấy nhỉ,” Pete nói.

“Thủ thuật điều tra giỏi đấy. Tôi giúp gì được cậu đây?”

“Hôm qua chúng tôi đã có một buổi thẩm vấn thú vị với Henry Sirois và Charlotte Gibney. Anh biết đấy, dì và cậu của Janelle Patterson?” Hodges chờ đợi.

“Bà dì mới thực sự là thú vị. Bà ấy nghĩ Izzy đã đúng, rằng anh và Patterson còn hơn mức người quen rất nhiều. Bà ấy cho rằng hai người là bạn rất thân thiết.”

“Hãy nói thẳng ý cậu ra đi, Pete.”

“Làm con quái vật hai lưng. Đặt đường ống nước. Cắt bánh. Giấu thói xúc xích. Nhảy điệu bebop ngang<sup>[46]</sup> ...”

“Tôi nghĩ là tôi hiểu rồi. Để tôi cho cậu biết điều này về bà dì Charlotte, được chứ? Nếu bà ta mà nhìn thấy một bức ảnh Justin Bieber nói chuyện với nữ hoàng Elizabeth, bà ta sẽ bảo anh là Bieber đang chén nữ hoàng cho mà xem. ‘Cứ nhìn mắt họ là biết,’ kiểu gì bà ta chẳng nói thế.”

“Vậy là hai người không có gì?”

“Không.”

“Tôi cứ tạm cho là thế đã - chủ yếu vì ân tình ngày trước - nhưng tôi vẫn muốn biết anh đang che giấu điều gì. Vì chuyện này có mùi lăm.”

“Hãy đọc môi tôi này: không... giấu... gì hết.”

Đầu bên kia im lặng. Pete đang chờ Hodges khó chịu và phá vỡ nó, trong giây lát, anh ta quên bém mắt rằng ai đã dạy mình trò đó.

Cuối cùng anh ta bỏ cuộc. Tôi nghĩ anh đang tự đào hố cho mình đấy, Billy. “Lời khuyên của tôi là hãy buông xẻng trước khi anh ở dưới sâu quá và không trèo ra được.”

“Cảm ơn, cộng sự. Thật là thích khi nhận được những bài học cuộc sống vào lúc bảy giờ mười lăm phút sáng.”

“Tôi muốn thăm vấn anh lần nữa vào chiều nay. Và lần này có thể tôi phải đọc cho anh nghe mấy lời đó.”

Ý anh ta muốn nói đến lời cảnh báo Miranda.

“Tôi rất vui lòng làm việc đó. Hãy gọi vào số di động của tôi.”

“Thật à? Từ khi về hưu, anh có bao giờ mang nó theo đâu.”

“Hôm nay thì có.” Quả thật là thế. Vì trong vòng mười hai đến mười bốn tiếng đồng hồ tới, ông hoàn toàn không nghỉ hưu.

Ông kết thúc cuộc trò chuyện và quay lại với những trang ghi chép, nhấp ướm đầu ngón trỏ mỗi lần lật trang. Ông khoanh tròn một cái tên: Radney Peeples. Nhân viên công ty bảo vệ Vigilant mà ông đã hỏi chuyện ở Sugar Heights. Chỉ cần Peeples thực hiện một nửa chức trách của mình, có thể anh ta đang nắm giữ chìa khóa dẫn đến tên Sát nhân Mercedes. Nhưng không có chuyện anh ta sẽ không nhớ Hodges, nhất là sau khi ông đã nắm giữ chân anh ta để bắt xuất trình ID công ty và rồi còn tra hỏi anh ta nữa. Và anh ta hẳn đã biết hôm nay Hodges đang là tin nóng. Có thời gian để nghe cách giải quyết vấn đề này; Hodges chưa muốn gọi cho Vigilant trước giờ làm việc thông thường. Bởi vì cuộc gọi đó cần phải giống như là một thủ tục thông thường.

Cuộc gọi tiếp theo ông nhận được - lần này trên di động - là của dì Charlotte. Hodges không ngạc nhiên khi bà ta gọi tới, nhưng không có nghĩa là ông thích thú gì.

“Tôi không biết phải làm gì nữa!” bà ta khóc lóc. “Ông phải giúp tôi, ông Hodges.”

“Không biết phải làm gì cơ?”

“Cái xác! Cái xác của Janey! Tôi thậm chí còn không biết nó đang ở đâu?”

Hodges nghe thấy một tiếng títt và kiểm tra số điện thoại đang gọi đến.

“Bà Gibney, tôi có một cuộc gọi khác và tôi phải nghe đã.”

“Tôi không hiểu tại sao ông lại không thể...”

“Janey có đi mất đâu được, vậy nên cứ giữ máy đấy. Tôi sẽ gọi lại cho bà.”

Ông ngắt máy giữa tiếng quàng quạc phản đối của bà ta và quay sang Jerome.

“Cháu nghĩ có lẽ hôm nay bác cần một tài xế,” Jerome nói. “Xét đến tình trạng của bác lúc này.”

Thoạt đầu Hodges không hiểu thằng nhóc đang nói về chuyện gì, rồi nhớ ra chiếc Toyota của ông đã chỉ còn là đồng sắt vụn cháy đen. Những gì còn lại của chiếc xe đang thuộc sự quản lý của Phòng Kỹ thuật Hình sự trực thuộc sở cảnh sát, ở đó ngày hôm nay những người mặc áo choàng trắng sẽ rà qua rà lại để xác định loại thuốc nổ nào đã làm nổ tung chiếc xe. Đêm qua ông đã bắt taxi về nhà. Ông sẽ cần đi nhờ xe. Và, ông nhận ra, có thể Jerome sẽ có ích theo một cách khác.

“Được thế thì tốt,” ông nói, “nhưng chuyện đi học thì sao?”

“Điểm trung bình các môn của cháu đang là 3,9<sup>[47]</sup>,” Jerome nhấn nài nói. “Cháu còn làm việc cho Citizens United và phụ trách một lớp tin học cho trẻ khuyết tật. Cháu bỏ một ngày cũng không sao. Và cháu đã nói chuyện này với bố mẹ rồi. Họ chỉ bảo cháu hỏi bác xem có còn người nào đang tìm cách cho bác nổ tung nữa không.”

“Thật ra cũng không thể chắc chắn được đâu.”

“Bác chờ chút.” Hodges loáng thoáng nghe tiếng Jerome nói với ra: “Bác ấy bảo là không có ai đâu.”

Bất chấp tất cả mọi chuyện, Hodges không khỏi mỉm cười.

“Cháu sẽ tới đó nhanh gấp đôi,” Jerome nói.

“Đừng có chạy quá tốc độ đấy. Chín giờ là được rồi. Hãy dùng thời gian từ giờ tới lúc đó để thực hành kỹ năng đóng kịch của cháu đi.”

“Thật á? Cháu sẽ diễn vai gì đây?”

“Trợ lý văn phòng luật,” Hodges nói. “Và cảm ơn cháu, Jerome.”

Ông ngắt máy, vào phòng làm việc, bật máy tính lên, và tìm một luật sư trong thành phố có họ là Schron. Đó là một cái tên khác thường và ông dễ dàng tìm thấy nó. Ông ghi lại tên hãng luật và tên của Schron, là George. Rồi ông quay trở ra bếp và gọi cho dì Charlotte.

“Hodges đây,” ông nói. “Quay lại với bà đây.”

“Tôi không đánh giá cao việc bị gác máy giữa chừng như thế, ông Hodges.”

“Cũng không cao bằng tôi đánh giá việc bà nói với cộng sự cũ của tôi rằng tôi lên giường với cháu gái bà.”

Ông nghe thấy một tiếng hỗn hển sừng sờ, tiếp theo là sự im lặng. Ông đã hy vọng là bà ta cúp máy. Khi thấy bà ta không làm thế, ông bèn nói những gì bà ta cần biết.

“Thi hài của Janey sẽ được giữ ở nhà xác hạt Huron. Hôm nay thì bà không thể nhận về được. Ngày mai có lẽ cũng không. Người ta sẽ mổ pháp y, kể ra thì thật vô lý nếu xét đến nguyên nhân cái chết, nhưng đó là thủ tục.”

“Ông không hiểu! Tôi đặt vé máy bay rồi?”

Hodges nhìn ra ngoài cửa sổ bếp và chậm rãi đếm đến năm.

“Ông Hodges? Ông còn đấy không?”

“Như tôi thấy thì bà có hai lựa chọn, bà Gibney. Một là ở lại đây và làm điều đúng đắn. Lựa chọn kia là cứ việc dùng cái vé bay về nhà, và để thành phố lo chuyện này.”

Dì Charlotte bắt đầu thút thít. “Tôi thấy cách ông nhìn con bé, và cách nó nhìn ông. Tất cả những gì tôi làm là trả lời câu hỏi của cô cảnh sát ấy.”

“Với tất cả thiện ý của mình, tôi không nghi ngờ điều đó.”

“Với gì cơ?”

Ông thở dài. “Thôi bỏ đi. Theo tôi thì bà và em trai nên trực tiếp đến nhà xác hạt. Đừng gọi điện trước, hãy để họ thấy mặt hai người. Hãy nói chuyện với bác sĩ Galworthy. Nếu Galworthy không ở đó, hãy nói chuyện với bác sĩ Patel. Nếu bà trực tiếp nhờ họ tiến hành công việc - và nếu bà tỏ ra biết điều - họ sẽ hết sức giúp đỡ bà. Hãy nói tên tôi ra. Tôi làm việc với cả hai người đó từ hồi thập niên chín mươi.”

“Chúng tôi sẽ lại phải để Holly ở nhà,” dì Charlotte nói.

“Con bé đang tự khóa mình trong phòng. Nó cứ lạch cạch máy tính và không chịu ra ngoài.”

“Hodges phát hiện ra ông đang tự giật tóc và bắt mình dừng lại. Con gái bà bao nhiêu tuổi rồi?”

Một khoảng ngập ngừng kéo dài. “Bốn mươi lăm.”

“Thế thì có lẽ bà hoàn toàn có thể đi mà không cần thuê người trông nom.” Ông cố kiềm chế câu tiếp theo, nhưng không thành công lắm. “Hãy nghĩ đến khoản tiền bà tiết kiệm được.”

“Tôi không mong ông hiểu hoàn cảnh của Holly, ông Hodges. Ngoài thần kinh không ổn định, con gái tôi còn rất nhạy cảm.”

Hodges nghĩ, Như thế chắc chắn càng khiến bà đặc biệt hà khắc đối với cô ấy. Lần này ông tìm lại được.

“Ông Hodges?”

“Đây.”

“Không biết ông có tình cờ biết Janelle có để lại di chúc không vậy?” Ông cúp máy.



**B**rady dành rất nhiều thời gian trong phòng tắm nhà nghỉ mà không bật đèn. Hắn thích hơi ấm như trong lòng mẹ và tiếng rào rào đều đều. Hắn cũng thích bóng tối, và đó là một điều tốt, vì chẳng bao lâu nữa hắn sẽ có tất cả bóng tối mà hắn muốn. Hắn cũng muốn tin là sẽ có một cuộc đoàn viên mẹ-và-con thật ngọt ngào - có khi còn là một kiểu mẹ-và-người-tình - nhưng thâm tâm hắn không tin. Hắn có thể giả vờ, nhưng... không.

Chỉ là bóng tối.

Hắn không lo về Chúa, hoặc chuyện bị nướng chín suốt thiên trường địa cửu vì những tội ác của mình. Chẳng có thiên đường hay địa ngục. Người nào có một nửa bộ não cũng biết là những thứ đó không tồn tại. Đấng Tối cao phải tàn tệ lắm mới tạo một thế giới nát bét như thế này chứ? Cứ cho là vì Chúa hận thù của bọn mục sư giảng đạo qua ti vi hay lũ khoác áo chùng thâm chuyên lạm dụng trẻ em kia có tồn tại thật đi nữa, thì làm sao cái lão chuyên giáng sấm sét ấy có thể trách tội được Brady vì những gì hắn đã làm? Brady Hartsfield có chộp lấy tay bố hắn và cuốn nó quanh đường dây điện đã giật chết ông ta không? Không. Brady có nhồi miếng táo đó vào cổ họng Frankie không? Không. Hắn đâu phải là người cứ lải nhải than vãn mãi về việc sắp hết sạch tiền và kết cục của họ sẽ là sống trong nhà của người vô gia cư? Không hề. Hắn đâu phải là người nấu có một tảng thịt hamburger tẩm độc rồi bảo, Ăn đi mẹ, ngon lắm?

Liệu hắn có thể bị trách tội vì đã giáng trả chính cái thế giới khiến hắn thành ra thế này đây?

Brady nghĩ là không.

Hắn nghĩ đến những tên khùng bố đã đánh sập Trung tâm Thương mại Thế giới (hắn thường xuyên nghĩ đến chúng). Máy thăng hề ấy thực sự tưởng là chúng sẽ được lên thiên đường, và ở đó chúng sẽ sống trong một kiểu khách sạn sang trọng vĩnh cửu có những em gái đồng trinh xinh đẹp phục vụ. Thật nực cười, và phần buồn cười nhất? Chính chúng mới là kẻ bị chơi khăm... chỉ có điều chúng không hề biết. Thứ chúng nhận được chỉ là một khung cảnh vụt thoáng qua của những ô cửa sổ đó và một quãng sáng cuối cùng. Sau đó thì chúng và hàng nghìn nạn nhân của chúng đều xong đời. Bụp. Hẹn gặp lại, cá sấu. Đi tong nhé, cả kẻ giết người lẫn người bị giết, đi tong vào cái tập rỗng hư vô bao trùm quanh một hành tinh màu xanh lẻ loi và tất cả lũ cư dân nặng xị đến vô tâm của nó. Mọi tôn giáo đều dối trá. Mọi tôn chỉ đạo đức đều chỉ là sự huyền hoặc. Cả những vì sao cũng là ảo ảnh. Sự thật là bóng tối, và điều quan trọng duy nhất là nói được tuyên bố của mình thành lời trước khi bước vào trong đó. Cắt vào da của thế giới và để lại một vết sẹo. Xét cho cùng, toàn bộ lịch sử là thế: mô sẹo.





**B**rady mặc quần áo và lái xe đến một hiệu thuốc mở 24/24 gần sân bay. Qua tấm gương trong phòng tắm, hắn đã nhận ra con dao cạo điện của mẹ hắn làm ăn chẳng đâu vào đâu; cái sọ của hắn cần được bảo dưỡng khá khấm hơn. Hắn mua dao cạo du lịch và kem cạo râu. Hắn nhặt thêm pin, vì có bao nhiêu cũng không đủ. Hắn cũng chọn lấy một cặp kính trắng trên giá xoay trưng đồ. Hắn chọn kiểu gọng sừng vì chúng khiến hắn trông ra vẻ sinh viên. Hoặc hắn có cảm giác thế.

Trên đường ra quầy thu ngân, hắn dừng lại trước tấm áp phích đứng bằng bìa mang hình có của bốn gã Round Here. Dòng quảng cáo viết **HÃY SẴN SÀNG CHO ĐÊM DIỄN LỚN NGÀY 3 THÁNG SÁU!** Chỉ có điều ai đó đã gạch đoạn **NGÀY 3 THÁNG SÁU** và viết chữ **ĐÊM NAY** bên dưới.

Mặc dù Brady thường mặc áo phông cỡ M - trước giờ hắn vẫn luôn mảnh dẻ - hắn nhặt một chiếc cỡ XL và bỏ sung nó vào mớ hàng còn lại. Không cần phải xếp hàng; sớm thế này hắn là khách hàng duy nhất.

“Đi xem ca nhạc tối nay à?” cô nàng tính tiền hỏi.

Brady trao cho cô ta nụ cười toe toét. “Chắc chắn rồi.”

Trên đường trở về nhà nghỉ, Brady bắt đầu nghĩ về chiếc xe. Lo lắng về chiếc xe của hắn. Cái tên giả Ralph Jones hoàn toàn ổn, nhưng chiếc Subaru thì lại được đăng ký bằng tên Brady Hartsfield. Nếu lão thanh tra nghỉ hưu phát hiện ra tên hắn và nói cho tụi cớm, đó có thể là một vấn đề. Cái nhà nghỉ thì an toàn rồi - người ta không còn yêu cầu phải cung cấp biển số xe, chỉ cần bằng lái - nhưng chiếc xe thì không.

Lão thanh tra nghỉ hưu chưa hề đến gần mình, Brady tự nhủ Lão chỉ đang cố hù dọa mình thôi.

Trừ một điều, có thể là không phải thế. Chính lão này đã phá được rất nhiều vụ án trước khi thành thanh tra nghỉ hưu, và những kỹ năng đó dường như vẫn còn nguyên vẹn.

Thay vì đi trực tiếp về Motel 6, Brady đánh lái vào sân bay, lấy vé, và để chiếc Subaru ở khu đỗ dài ngày. Hắn sẽ cần đến nó tối nay, nhưng hiện thời thì nó ở đó cũng tốt.

Hắn liếc nhìn đồng hồ. Chín giờ kém mười. Mười một tiếng đồng hồ nữa là đến giờ diễn, hắn nghĩ. Có thể là mười hai tiếng để tới bóng tối. Có lẽ không đến; có thể còn hơn. Nhưng hơn không nhiều.

Hắn đeo cặp kính mới vào và mang mớ đồ của mình đi bộ nửa dặm quay về nhà nghỉ, vừa đi vừa huýt sáo.



**K**hi Hodges ra mở cửa, thứ đầu tiên Jerome dán mắt vào là khẩu 38 trong bao đeo dưới vai. “Bác không định bắn ai bằng thứ đó đấy chứ?”

“Bác ngờ là thế. Cứ xem nó là vật lấy may thôi. Đây là súng của bố bác. Và bác có giấy phép mang súng trong người, nếu đó là điều khiến cháu bận tâm.”

“Điều cháu bận tâm,” Jerome nói, “là nó có nạp đạn hay không.”

“Tất nhiên là có. Cháu nghĩ bác sẽ làm gì nếu bác buộc phải dùng đến nó? Ném chắc?”

Jerome thở dài và vò mái tóc đen. “Nghiêm trọng rồi đây.”

“Muốn rút à? Nếu thế, cháu cứ về đi. Ngay lúc này. Bác thuê xe cũng được mà.”

“Không, cháu ổn. Cháu lo cho bác thôi. Dưới mắt bác bây giờ không phải là bọng mắt nữa, mà là va li rồi.”

“Bác không sao. Dù thế nào, ngày hôm nay là dành cho bác. Nếu từ giờ đến tối mà bác không lần ra được hãn, bác sẽ gặp cộng sự cũ và nói tất cả với anh ta.”

“Bác sẽ gặp rắc rối đến mức nào?”

“Không biết và cũng không quan tâm.”

“Cháu sẽ gặp rắc rối đến mức nào?”

“Không gì hết. Nếu bác không đảm bảo được điều đó thì giờ này cháu đang ngồi học môn số học ở trường rồi.”

Jerome trao cho ông một cái nhìn thương hại. “Số học là chuyện của bốn năm trước. Hãy cho cháu biết cháu có thể làm gì”.

Hodges làm như cậu bảo. Jerome sẵn lòng nhưng vẫn ngờ vực.

“Tháng trước - bác không được nói với bố mẹ cháu chuyện này đâu nhé - bọn cháu tìm cách chui vào *Punch anh Judy*, cái vũ trường mới ở trung tâm ấy?”

Gã đứng ở cửa thậm chí còn chẳng thèm nhìn cái chứng minh thư giả đẹp đẽ của cháu, mà cứ thế vẫy cháu ra khỏi hàng và bảo cháu đi tìm sữa mà uống.”

Hodges nói, “Bác không ngạc nhiên. Mặt cháu rành rành mười bảy tuổi, nhưng may cho bác, giọng cháu thì ít nhất là hai lăm.” Ông thầy cho Jerome một mảnh giấy có số điện thoại. “Gọi điện đi.”

Jerome nói với người lễ tân của công ty dịch vụ bảo vệ Vigilant trên điện thoại rằng lý là Martin Lounsbury, trợ lý luật tại công ty Canton, Silver, Makepeace và Jackson. Cậu nói hiện mình đang làm việc với George Schron, một đối tác nhỏ được phân công thắt chặt nốt mấy đầu mối còn lỏng lẻo dính dáng đến tài sản của bà Olivia Trelawney quá cố. Một trong những đầu mối lỏng lẻo đó có liên quan đến máy tính của bà Trelawney. Việc của cậu ngày hôm nay là xác định tay chuyên viên IT đã sửa máy, và dường như có khả năng là một nhân viên của Vigilant tại Sugar Heights có thể giúp cậu tìm ra người đó.

Hodges lấy ngón cái và ngón trỏ bắt thành một hình tròn ra hiệu là Jerome đang làm tốt, và chuyển cho cậu một mảnh giấy.

Jerome đọc nó và nói, “Một hàng xóm của bà Trelawney, bà Helen Wilcox, có nhắc đến một người tên là Rodney Peebles?” Cậu lắng nghe, rồi gật đầu. “*Radney*, tôi hiểu rồi. Thật là một cái tên thú vị. Có lẽ anh ấy có thể gọi cho tôi, nếu không quá phiền phức? Sếp tôi cũng hơi quân phiệt, và thực sự là đây tôi bị gí súng vào đầu.” Cậu lắng nghe. “Được ạ?Ồ, thế thì tuyệt quá. Cảm ơn rất nhiều.” Cậu cho người lễ tân số điện thoại di động và số cố định của Hodges, sau đó ngắt máy và lau mồ hôi tưởng tượng trên trán. “Xong rồi, mừng quá. Ôi chà!”

“Cháu làm tốt lắm,” Hodges trấn an cậu.

“Nhờ chẳng may cô ta gọi cho Canton, Silver và Whoozis để kiểm tra thì sao? Và phát hiện ra là họ chưa bao giờ nghe thấy cái tên Martin

Lounsbury?”

“Việc của cô ấy là chuyển tiếp thông điệp, chứ không phải điều tra chúng.”

“Thế nhờ Peeples đi kiểm tra thì sao?”

Hodges không cho là anh ta sẽ làm thế. Ông nghĩ cái tên Helen Wilcox sẽ ngăn anh ta lại. Khi nói chuyện với Peeples bên ngoài ngôi nhà ở Sugar Heights ngày hôm ấy, Hodges có cảm giác mạnh mẽ rằng quan hệ của Peeples với Helen Wilcox còn hơn cả mức độ trong sáng. Có thể là hơn một chút, có thể là rất nhiều. Ông cho rằng Peeples sẽ cho Martin Lounsbury những gì hắn muốn để hắn biến đi cho xong.

“Giờ chúng ta làm gì đây?” Jerome hỏi.

Họ làm điều Hodges đã làm trong ít nhất nửa sự nghiệp của mình. “Chờ đợi.”

“Không, không phải thế. Tôi chỉ cần tên của người đã sửa nó cho bà ấy. Phần việc còn lại tùy thuộc vào sếp tôi.” Jerome chăm chú nghe, lông mày nhíu lại. “Ông không thể à? Ồ, thật là đáng xấu...”

Nhưng Peeples lại đang nói tiếp. Mồ hôi trên trán Jerome không còn là thứ tưởng tượng nữa. Cậu với tay qua bàn, chụp lấy bút của Hodges, và bắt đầu viết nguệch ngoạc. Vừa viết, cậu vừa liên tục nhả một tràng những tiếng *ừ hừ* và được rồi và tôi hiểu. Cuối cùng thì:

“Chà, thật là tuyệt quá. Tuyệt vô cùng. Tôi tin chắc ông Schron có thể hài lòng với việc này. Ông đã giúp rất nhiều, ông Peeples. Nên tôi sẽ chỉ...” Cậu lắng nghe thêm một lúc. “Vâng, đó là một chuyện khủng khiếp. Tôi tin là ông Schron đang giải quyết với một số... ừm... một số khía cạnh của chuyện đó ngay lúc chúng ta nói chuyện đây, nhưng tôi thực sự không biết bất kỳ điều... ông biết à? Oao! Ông Peeples, ông thật là tuyệt. Vâng, tôi sẽ đề cập điều đó. Chắc chắn tôi sẽ làm. Cảm ơn, ông Peeples.”

Cậu ngắt máy và tì hai cườm tay vào hai thái dương, như thể để dẹp yên một cơn đau đầu.

“Chúa ơi, căng thẳng quá đi mất. Anh ta muốn nói về những gì xảy ra hôm qua. Và muốn cháu nói với người thân của cô Janey là công ty Vigilant sẵn sàng giúp đỡ bằng bất kỳ cách gì có thể.”

“Tuyệt lắm, bác chắc chắn anh ta sẽ nhận được bằng khen cho vào hồ sơ, nhưng...”

“Anh ta còn bảo anh ta đã nói chuyện với cái ông có chiếc xe bị nổ tung. Anh ta đã thấy ảnh của bác trên bản tin sáng nay.”

Hodges không ngạc nhiên và trong giây phút này, ông cũng chẳng quan tâm. “Cháu có hỏi được tên không? Hãy nói là cháu lấy được một cái tên.”

“Tên của gã IT thì không, nhưng cháu đã lấy được tên của công ty hẳn làm việc. Công ty ấy tên là Cyber Patrol. Peeples nói họ đi lại trong những chiếc VW Beetle màu xanh. Anh ta bảo lúc nào cũng thấy họ ở Sugar Heights, và không lẫn vào đâu được. Anh ta đã thấy một phụ nữ và một người đàn ông lái những chiếc xe đó, cả hai có lẽ khoảng ngoài hai mươi tuổi. Theo lời anh ta thì người phụ nữ ‘kiểu như dân đồng tính’.”

Hodges thậm chí chưa bao giờ cân nhắc ý tưởng rằng tên Sát nhân Mercedes có khi thực ra lại là Mụ Sát nhân Mercedes. Ông cho rằng về lý thuyết thì điều đó là hoàn toàn có thể, và sẽ là giải pháp ngon lành cho một cuốn tiểu thuyết của Agatha Christie, nhưng đây là đời thực. “Anh ta có bảo tên đó trông như thế nào không?” Jerome lắc đầu.

“Đi vào phòng làm việc của bác nào. Cháu có thể cầm lái cái máy tính và bác sẽ làm lái phụ.”

Chưa đến một phút sau, họ đã đang nhìn vào một dãy ba chiếc VW Beetle màu xanh với dòng chữ CYBER PATROL in hai bên. Đó không phải là một công ty độc lập, mà là một phần của chuỗi cửa hàng tên là Discount Electronix với một cửa hàng bán lẻ lớn trong thành phố. Nó được đặt trong Birch Hill Mall.

“Chúa ơi, cháu đã mua đồ ở đó,” Jerome nói. “Cháu đã mua hàng ở đó rất nhiều lần. Trò chơi video, thiết bị máy tính, cả đĩa DVD phim chương hạ giá.”

Bên dưới ảnh xe Beetle là dòng chữ HÃY GẶP NHỮNG CHUYÊN GIA. Hodges với qua vai Jerome và nhấp chuột vào đó, Ba bức ảnh hiện ra. Thứ nhất là một cô gái có gương mặt hẹp với mái tóc vàng xin. Thứ hai là một gã múp míp đeo kính kiểu John Lennon và vẻ mặt nghiêm trọng. Thứ

ba là một tay nói chung là đẹp trai với mái tóc nâu chải ngay ngắn và nụ cười cứng đờ gượng gạo. Những cái tên bên dưới là FREDDI LINKLATTER, ANTHONY FROBISHER và BRADY HARTSFIELD.

“Giờ thì sao?” Jerome nói.

“Giờ chúng ta đi một vòng. Trước hết bác phải lấy cái này đã.”

Hodges vào phòng ngủ và bấm mã số chiếc két nhỏ trong tủ. Bên trong, cùng với hai hợp đồng bảo hiểm và một vài giấy tờ tài chính khác, là một tập buộc dây nịt những thẻ nhựa tráng laminate giống chiếc thẻ ông đang mang trong ví. Cảnh sát thành phố được cấp thẻ chứng minh mới hai năm một lần, và mỗi lần nhận thẻ mới, ông lại cất thẻ cũ vào trong này. Sự khác biệt mấu chốt là không tấm nào trong mớ thẻ cũ có dòng ĐÃ NGHĨ HỮU màu đỏ đóng ngang bên trên. Ông rút tấm thẻ hết hạn vào tháng Mười hai năm 2008, bỏ thẻ chứng minh cuối cùng của mình ra khỏi ví, và thay nó bằng chiếc ông vừa lấy trong két ra. Tất nhiên trưng nó ra lại là một tội nữa - luật bang điều 190.25, tội mạo danh sĩ quan cảnh sát, tội hình sự loại E có thể phải chịu mức phạt 25.000 đô la, năm năm tù, hoặc cả hai - nhưng ông hơi đâu mà lo đến những thứ đó.

Ông nhét ví vào túi sau, đã định đóng két, rồi nghĩ lại. Trong đó còn một thứ nữa mà ông có thể muốn: một cái vỏ da nhỏ và dẹt trông như thứ mà một người đi lại thường xuyên có thể dùng để nhét hộ chiếu vào. Đó cũng là của bố ông.

Ông nhét nó vào túi cùng với cái Happy Slapper.



Sau khi thanh trừng những sợi tóc lờm chớm trên sọ và diện vào cặp kính trắng mới mua, Brady lững thững tới văn phòng của Motel 6 và thanh toán tiền một đêm nữa. Rồi hắn quay về phòng và mở chiếc xe lăn hắn mua hôm thứ Tư. Đắt thật là đắt, nhưng quan trọng quái gì. Tiền bạc không còn là vấn đề với hắn nữa.

Hắn để cái đệm lót CHỖ ĐẬU MÔNG nhét đầy thuốc nổ lên mặt ghế chiếc xe lăn, rồi rạch lớp lót của cái túi phía sau và nhét thêm vài gói thuốc nổ dẻo tự chế. Mỗi gói đã được gắn một kíp nổ chì azua (PB(N3)2). Hắn túm những dây nối lại với nhau bằng một chiếc kẹp kim loại. Các đầu dây đã được lột vỏ trơ lõi đồng, và chiều nay hắn sẽ tết chúng lại thành một dây tổng duy nhất.

Kíp nổ thực sự sẽ là Thiết bị Hai.

Lần lượt từng cái một, hắn gắn những túi Baggies nhồi đầy bi xuống mặt dưới xe lăn, dùng băng dính dán chằng chịt để giữ chúng cố định. Xong việc, hắn ngồi lên cuối giường, trầm ngâm ngắm nhìn thành quả của mình. Hắn thực sự không biết liệu hắn có cho được quả bom lăn này vào trong Khán phòng Mingo hay không nữa... nhưng đạo đó hắn cũng đâu biết liệu mình có thoát được khỏi City Center sau khi ra tay. Vụ đó đã suôn sẻ; có thể vụ này cũng thế. Xét cho cùng, lần này hắn không phải trốn thoát, và vậy là thành công một nửa rồi. Ngay cả khi bọn chúng có khôn ngoan và tìm cách tóm hắn, thì hành lang cũng sẽ đông chật người đi xem biểu diễn, và điểm hắn ghi được sẽ cao hơn tám mạng rất nhiều.



Kết thúc hoành tráng, Brady nghĩ. Kết thúc hoành tráng, và quý tha ma bắt mày đi, Thanh tra Hodges. Quý tha ma bắt con mẹ mày đi.

Hắn nằm xuống giường định tự sướng. Có lẽ hắn nên làm trong khi vẫn còn cái đẽ mà tự sướng. Nhưng ngay trước khi kịp mở khuy chiếc quần Levi's, hắn đã ngủ thiếp đi.

Trên chiếc bàn đầu giường bên cạnh hắn là một bức ảnh lồng khung. Frankie mỉm cười từ trong ảnh, ôm xe cứu hỏa Sammy trong lòng.



Lúc Hodges và Jerome đến Birch Hill Mall là gần mười một giờ sáng. Có rất nhiều chỗ đỗ, và Jerome tấp chiếc Wrangler của cậu vào một chỗ ngay trước Discount Electronix, tất cả các cửa sổ đều đang trưng những tấm biển KHUYẾN MẠI to đùng. Một cô nàng tuổi teen đang ngồi trên vệ đường ngay trước cửa hàng, chụm gối xòe căng chân, mãi mê cắm mặt vào chiếc iPad. Một miếng thuốc lá lập lòe giữa những ngón tay trên bàn tay trái cô ta. Chỉ đến khi họ lại gần Hodges mới nhận ra màu xám trên mái tóc của cô gái. Tim ông chùng xuống.

“Holly?” Jerome nói, đúng lúc Hodges cũng nói, “Cô đang làm cái quái gì ở đây thế này?”

“Tôi tin là ông sẽ lặn ra thôi,” cô nói, dụi miếng thuốc và đứng lên, “nhưng tôi đã bắt đầu lo lắng. Tôi đã định gọi nếu ông không đến đây trước mười một rưỡi. Tôi đang uống Lexapro đấy, ông Hodges.”

“Cô cũng bảo thế rồi, và tôi mừng khi nghe điều đó. Giờ hãy trả lời câu hỏi của tôi và cho tôi biết cô đang làm gì ở đây.”

Môi cô run rẩy, và mặc dù thoát đầu cô cũng cố giao tiếp mắt, hướng nhìn của cô lúc này đã cắm xuống đôi giày. Hodges không ngạc nhiên vì lúc đầu ông đã nhầm cô với một cô nàng tuổi teen, vì xét từ nhiều góc độ thì đúng là thế thật, cô phát triển một cách còi cọc vì những nỗi bất an và áp lực căng thẳng khi phải cố giữ thăng bằng trên sợi dây cảm xúc mà cô vẫn bước bên trên trong cả đời mình.

“Ông giận tôi à? Xin đừng giận tôi.”

“Có ai giận cô đâu,” Jerome nói. “Chỉ là ngạc nhiên thôi.”

Sốc thì đúng hơn, Hodges nghĩ.

“Cô đã dành cả buổi sáng nay trong phòng, lướt qua cộng đồng IT trong thành phố, nhưng như chúng ta đã nghĩ, có đến hàng trăm người. Mẹ cô và cậu Henry đã đi nói chuyện với cảnh sát. Cô nghĩ họ sẽ nói về Janey. Cô chắc sẽ có một đám tang nữa, nhưng cô ghét phải nghĩ về những thứ ở trong quan tài. Nó chỉ khiến cô khóc mãi, khóc mãi.”

Và thật vậy, những giọt nước mắt lớn đang lăn xuống má cô. Jerome quàng một tay quanh người cô. Cô trao cho cậu ánh mắt biết ơn bên lén.

“Cô khó mà suy nghĩ được gì mỗi khi có mẹ cô bên. Cứ như thể là bà ấy phát sóng gây nhiễu vào đầu cô vậy. Chắc cô nói vậy nghe giống bị điên lắm nhỉ.”

“Cháu không thấy thế,” Jerome nói. “Cháu cũng thấy hết như vậy với em gái. Nhất là khi nó bật mấy cái đĩa CD boy-band nhảm nhí của nó.”

“Khi họ đã đi khỏi và ngôi nhà trở nên vắng lặng, cô nảy ra một ý. Cô quay trở lại máy tính của Olivia và kiểm tra email của chị ấy.”

Jerome vỗ vào trán. “Chết tiệt! Cháu thậm chí còn không hề nghĩ đến việc kiểm tra email của bà ấy.”

“Đừng lo, chẳng có gì đâu. Chị ấy có ba tài khoản - Mac Mail, Gmail, và AO-Hell - nhưng cả ba thư mục đều trống trơn. Có thể chính chị ấy đã xóa chúng, nhưng cô không nghĩ vậy vì...”

“Vì trên màn hình chính và ổ cứng của bà ấy còn đủ các thứ,” Jerome nói.

“Đúng vậy. Chị ấy có phim The Bridge on the River Kwai trong tài khoản iTunes. Cô chưa xem phim đó bao giờ. Có lẽ cô sẽ xem thử nếu có dịp.”

Hodges liếc về phía Discount Electronix. Ánh mặt trời chói chang chiếu trên cửa sổ nên không thể biết được là có ai đang theo dõi họ không. Ông thấy đứng ngoài này thật trợ trợ, như một con bọ trên tảng đá. “Đi dạo một chút nào,” ông nói, và dẫn họ về phía Savoy Shoes, Barnes & Noble, và Whitey’s Happy Frogurt Shoppe.

Jerome nói, “Đi thôi, cô Holly, đi mà. Ở đây cô làm cháu phát điên mất.”

Câu đó khiến cô mỉm cười, làm cô trông già hơn. Đúng tuổi cô hơn. Và sau khi họ đã đi khỏi những cửa sổ trưng bày to đùng của Discount Electronix, Hodges thấy dễ chịu hơn. Điều hiển nhiên với ông là Jerome quý Holly và ông cũng thế (dù thâm tâm ít nhiều không muốn), nhưng kể cũng không có gì đáng tự hào khi nhận ra ông bị cuốn hút bởi một con bệnh thần kinh phụ thuộc vào Lexapro.

“Hắn đã quên gỡ chương trình MA QUÁI, nên tôi nghĩ có thể hắn cũng quên xóa thư rác của chị ấy nữa, và tôi đã đúng. Chị ấy phải có đến cả mấy tá mail của Discount Electronix. Một số trong đó là thông báo khuyến mại - giống như đợt khuyến mại họ đang triển khai lúc này, mặc dù tôi cá là những DVD duy nhất mà họ còn lại cũng chẳng hay gì, có lẽ chúng là đồ Hàn Quốc hay gì đó - và một số bức thư là coupon giảm giá hai mươi phần trăm. Chị ấy có cả coupon giảm giá ba mươi phần trăm. Coupon ba mươi phần trăm áp dụng cho lần tiếp theo chị ấy gọi dịch vụ sửa máy tại nhà của Cyber Patrol.” Cô nhún vai. “Và thế là tôi ở đây.”

Jerome chăm chú nhìn cô. “Tất cả chỉ cần có thể thôi à? Chỉ nhòm qua folder thư rác của bà ấy?”

“Đừng có bất ngờ thế chứ,” Hodges nói. “Tất cả những gì cần thiết để bắt Con trai của Sam chỉ là một cái vé phạt đậu xe.”

“Tôi đã đi lòng vòng phía sau trong lúc chờ hai người,” Holly nói. “Trang web của họ nói là chỉ có ba nhân viên IT trong bộ phận Cyber Patrol, và có cả ba chiếc Beetle xanh ở phía sau kia. Nên tôi đoán tên đó hôm nay cũng đi làm. Ông sẽ bắt hắn chứ, ông Hodges?” Cô lại đang căn môi. “Nhờ nếu hắn chống cự thì sao? Tôi không muốn ông bị thương.” Hodges đang vắt óc suy nghĩ. Ba kỹ thuật viên máy tính trong Cyber Patrol: Frobisher, Hartsfield, và Linklatter, người phụ nữ tóc vàng lòng không. Ông gần như chắc chắn đó sẽ là Frobisher hoặc Hartsfield, và dù là ai đi nữa thì hắn cũng không hề được chuẩn bị để thấy kermifrog19 bước qua cửa. Ngay cả nếu gã Mercedes không bỏ chạy, hắn cũng sẽ không thể giấu được vẻ sốc ban đầu khi nhận ra ông.

“Tôi sẽ vào trong. Hai người ở lại ngoài này.”

“Vào trong mà không có hỗ trợ sao?” Jerome nói. “Trời ạ, bác Bill, cháu không nghĩ như thế là khôn...”

“Bác sẽ không sao, bác có yếu tố bất ngờ làm lợi thế rồi, nhưng nếu sau mười phút nữa mà không thấy bác trở ra, hãy gọi 911. Hiểu chứ?”

“Vâng.”

Hodges trở tay vào Holly. “Cô ở bên cạnh Jerome nhé. Không có thêm cuộc điều tra đơn độc nào nữa.” Minh nên nói chuyện, ông nghĩ.

Cô ngoan ngoãn gật đầu, và Hodges đi khỏi trước khi họ kịp lôi ông vào bàn bạc thêm. Vừa bước về phía cửa của Discount Electronix, ông vừa cởi khuy áo khoác. Sức nặng khẩu súng của bố ông đè lên khung sườn thật dễ chịu.



**T**rong lúc họ nhìn Hodges bước vào cửa hàng điện tử, một câu hỏi đến với Jerome. “Holl, cô đến đây bằng cách nào? Taxi à?”

Cô lắc đầu và chỉ tay vào bãi đỗ xe. Ở đó, sau chiếc Wrangler của Jerome ba hàng, là một chiếc Sedan Mercedes màu xám. “Nó ở trong garage.” Cô nhận thấy Jerome bàng hoàng đến há hốc cả miệng ra và ngay lập tức chuyển sang giọng biện minh. “Cô biết lái xe mà, cháu biết đấy. Cô có bằng lái hợp lệ mà. Cô chưa bao giờ gặp tai nạn, và cô còn có cả Bảo hiểm Lái xe An toàn. Của Allstate. Cháu có biết là cái ông đóng mấy cái quảng cáo của Allstate trên ti vi từng là tổng thống trong phim truyền hình 24h không?”

“Đó chính là cái xe...”

Cô cau mày, không hiểu. “Có gì to tát đâu, Jerome? Nó ở trong garage còn chìa khóa thì ở trong một cái giỏ chỗ tiền sảnh. Nên có quái gì to tát đâu nào?”

Những vết lõm đã biến mất, cậu để ý. Đèn trước và kính chắn gió cũng đã được thay. Trông nó hoàn toàn như mới. Chẳng ai có thể biết được là nó từng được dùng để giết người.

“Jerome? Cháu có nghĩ là Olivia sẽ lấy làm phiền không?”

“Không,” cậu nói. “Có lẽ không.” Cậu đang hình dung ra hình ảnh tấm lưới tản nhiệt đỏ sùng máu. Những mảnh quần áo tả tơi phất phơ trên đó.

“Lúc đầu không tài nào khởi động được, ắc quy bị chết, nhưng chị ấy có bộ nạp ắc quy xách tay, và cô biết cách sử dụng vì bố cô cũng có một

chiếc, Jerome. Nếu ông Hodges không bắt bố gì, chúng ta đi bộ xuống chỗ bán sữa chua hoa quả được không?”

Cậu hầu như không nghe thấy Holly nói gì. Cậu vẫn đang chăm chăm nhìn chiếc Mercedes. Họ trả nó lại cho bà ấy, cậu nghĩ. Ừm, tất nhiên là họ trả chứ. Xét cho cùng thì nó là tài sản của bà ấy cơ mà. Bà ấy thậm chí còn cho sửa sang những chỗ hỏng. Nhưng cậu sẵn lòng đánh cược rằng nếu còn sống bà ấy cũng sẽ chẳng bao giờ lái nó nữa. Nếu quả thực có ma - những con ma thực sự - thì chúng sẽ ở đó. Có khi đang gào thét cũng nên.

“Jerome? Trái đất gọi Jerome.”

“Dạ.”

“Nếu mọi việc ổn thỏa, mình đi ăn sữa chua hoa quả nhé. Cô vừa ngồi ngoài nắng chờ hai bác cháu này giờ nên cô nóng kinh khủng. Cô sẽ đi. Thực ra là cô thích kem cơ, nhưng...”

Cậu không nghe rõ đoạn còn lại. Cậu đang nghĩ đến Kem.

Tiếng tách trong đầu cậu vang to đến nỗi cậu nhăn mặt thật, và ngay lập tức cậu biết tại sao mình lại thấy một gương mặt trong nhóm Cyber Patrol trông có vẻ quen quen. Sức lực rút sạch khỏi hai chân khiến cậu phải dựa vào một cái trụ đỡ lan can lối đi để không bị ngã.

“Ôi lạy Chúa tôi,” cậu nói.

“Có chuyện gì thế?” Cô vừa lay cậu, vừa cắn môi điên cuồng. “Có chuyện gì thế? Cháu bị ốm à, Jerome?”

Nhưng thoát đầu cậu vẫn chỉ nhắc lại được câu đó, “Ôi lạy Chúa tôi.”



Cô nàng tóc vàng xin ngẩng lên nhìn ông, rồi quay lại với màn hình máy tính. Cũng chẳng có dấu hiệu nào nhận ra ông từ phía cô ta cả. Cô ta không mặc áo đồng phục của Electronix; áo của cô ta mang dòng chữ KHI TÔI MUỐN BIẾT Ý KIẾN CỦA TÔI, TÔI SẼ CHO BẠN BIẾT. Ông nhận thấy cô ta đang chơi một phiên bản mới cập nhật của trò Pitfall!, một phiên bản dữ dằn hơn của trò chơi đã khiến cô con gái Alison của ông mê mết một phần tư thế kỷ trước. Tít mù nó lại vòng quanh, Hodges nghĩ. Tất nhiên là một ý niệm Thiền đạo rồi.

“Trừ phi ông hỏi về máy tính, còn không thì hãy nói chuyện với Tones,” cô ta nói. “Tôi chỉ làm về máy tính thôi.”

“Tones tức là Anthony Frobisher ấy à?”

“Vâng. Quý ông Sành điệu đeo cà vạt ấy.”

“Vâng còn cô là Freddi Linklatter. Của Cyber Patrol.”

“Vâng.” Cô ta tạm dừng trò Pitfall Harry giữa chừng một cú nhảy qua con rắn nằm cuộn đuôi để nhìn ông kỹ hơn. Thứ cô ta thấy là thẻ cảnh sát của Hodges, với ngón tay cái của ông được đặt một cách đầy chiến lược để che đi phần năm hết hạn.

“Ồi”, cô ta nói, và chìa tay ra, hai cổ tay gầy như que củi ép vào nhau. “Tôi là một cô gái hư, hư lắm và đáng bị còng tay. Hãy quất tôi, hãy đánh tôi, hãy bắt tôi viết séc khống đi.”

Hodges khẽ mỉm cười và cất tấm thẻ đi. “Brady Hartsfield là thành viên thứ ba trong cái băng vui nhộn của cô phải không? Tôi không thấy anh ta.”



“Nghỉ làm vì bị cúm. Cậu ta nói thế. Muốn biết tôi đoán thế nào không?”

“Tự nhiên.”

“Tôi nghĩ có lẽ cuối cùng cậu ta cũng phải đưa bà mẹ già yêu quý vào trại cai nghiện. Cậu ta nói bà ta nhậu nhẹt và lúc nào cậu ta cũng phải chăm sóc. Đó có lẽ là lý do tại sao cậu ta chưa bao giờ có gấu ôm cả. Ông biết thế nghĩa là gì chứ?”

“Ừ, tôi biết tạm tạm.”

Cô ta chăm chú ngắm soi ông với vẻ quan tâm đầy hơn hờ và chăm chọc. “Brady gặp rắc rối gì à? Tôi cũng chẳng ngạc nhiên. Cậu ta kể cũng hơi hăm hăm chập chập.”

“Tôi chỉ cần nói chuyện với cậu ta thôi.”

Anthony Frobisher - Tones - nhập bọn. “Tôi có thể giúp ông được không?”

“Cảnh sát đấy,” Freddi nói. Cô ngoác miệng nhăn nhó với Frobisher khoe ra hàm răng nhỏ rất cần được làm sạch. “Ông ấy phát hiện ra chỗ sản xuất ma túy đá phía sau rồi.”

“Thôi đi, Freddi.”

Cô ta làm một động tác kéo khóa mồm rất kịch, kết thúc bằng cách vặn một cái chìa khóa vô hình, nhưng cũng không quay lại với trò chơi của mình.

Trong túi Hodges, điện thoại di động của ông đổ chuông. Ông lấy ngón cái bấm tắt đi.

“Tôi là Thanh tra Bill Hodges, ông Frobisher. Tôi có vài câu hỏi cho Brady Hartsfield.”

“Cậu ấy đang xin nghỉ vì bị cúm. Cậu ta gây ra chuyện gì vậy?”

“Tones là một nhà thơ mà không hề biết,” Freddi Linklatter nhận xét. “Mặc dù chân anh ta để lộ ra hết, vì chúng là Longfel...”

“Im đi, Freddi. Lần cuối đấy.”

“Cho tôi địa chỉ của cậu ta được không?”

“Tất nhiên. Tôi sẽ lấy cho ông.”

“Tôi mở mồm một phút được không?” Freddi hỏi.

Hodges gật đầu. Cô ta gõ một phím trên máy tính. Pitfall Harry được thay bằng một bảng có tiêu đề NHÂN SỰ CỬA HÀNG.

“Úm ba la,” cô ta nói. “Số 49 phố Elm. Đó là bên...”

“North Side, đúng vậy,” Hodges nói. “Cảm ơn cả hai. Hai người đã giúp rất nhiều.”

Khi ông đi ra, Freddi Linklatter gọi với theo, “Chắc chắn là liên quan đến mẹ cậu ta, tôi cá với ông. Cậu ta và bà mẹ quái đản lắm.”



Hodges vừa mới bước chân ra giữa ánh nắng rực rỡ thì Jerome đã gần như lao sầm vào ông. Holly lượn lờ ngay phía sau. Cô đã ngừng cắn môi và chuyển sang gặm móng tay, nhìn chúng có vẻ bị bạo hành ghê gớm. “Cháu gọi cho bác,” Jerome nói.

“Sao bác không ghe máy?”

“Lúc đó bác đang hỏi chuyện. Làm gì mà nhìn cháu hoảng hốt thế?”

“Hartsfield có trong đó không?”

Hodges ngạc nhiên đến nỗi không kịp trả lời.

“Ôi, chính là hần,” Jerome nói. “Chắc chắn là hần rồi. Bác nói đúng về việc hần đã theo dõi bác, và cháu biết bằng cách nào. Giống như truyện của Hawthorne về cái chữ bị đánh cắp<sup>[48]</sup> ấy. Sờ sờ ngay trước mắt mà không nhận ra.”

Holly ngừng gặm móng tay đủ lâu để nói, “Poe mới viết truyện đó chứ. Người ta không dạy bọn trẻ các cậu cái gì à?”

Hodges nói, “Chậm lại nào, Jerome.”

Jerome hít một hơi thật sâu. “Hần làm hai công việc, bác Bill. Hai. Chắc chắn hần chỉ làm ở đây đến giữa buổi chiều gì đó thôi. Sau đó hần làm việc cho Loeb’s.”

“Loeb’s? Đó có phải là...”

“Vâng, công ty bán kem. Hần lái cái xe Mr. Tasty. Cái xe có những chiếc chuông ấy. Cháu đã từng mua của hần, cả em gái cháu nữa. Đứa trẻ nào cũng thế. Hần ở chỗ chúng ta rất nhiều Brady Hartsfield chính là gã bán kem.” Hodges nhận ra gần đây ông đã nghe thấy những tiếng chuông

leng keng vui nhộn ấy còn hơn cả mức nhiều. Trong mùa xuân trầm cảm của ông, khi ông nằm ì trên cái ghế La-Z-Boy, xem chương trình ti vi buổi chiều (và thỉnh thoảng lại mê mê với khẩu súng lúc này đang cạ vào sườn ông), dường như ngày nào ông cũng nghe thấy chúng. Nghe thấy và phớt lờ chúng, vì chỉ có lũ trẻ mới thực sự để tâm đến người bán kem. Trừ có một phần sâu thẳm nào đó trong tâm trí ông là không hoàn toàn phớt lờ chúng. Nó chính là phần nằm sâu vẫn luôn dội ngược về Bowfinger, và lời nhận xét châm biếm của ông ta về bà Melbourne.

Bà ấy nghĩ chúng nhờn nhợt lẫn trong chúng ta, Bowfinger đã nói thế, nhưng thứ bà Melbourne ngờ vực hôm Hodges bắt tay điều tra không phải là sinh vật ngoài hành tinh; mà là những chiếc SUV đen, và mấy cha chuyên gia nắn chỉnh xương, rồi những người trên phố Hanover bật nhạc to lúc đêm muộn.

Và cả tay bán kem Mr. Tastey nữa.

Gã đó nhìn gian lắm! Bà đã bảo thế.

Cảm giác như mùa xuân năm nay lúc nào hẵn cũng ở đây, bà đã bảo thế.

Một câu hỏi kinh khủng hiện ra trong đầu ông, giống như con rắn lúc nào cũng nằm rình chực chờ Pitfall Harry: nếu lúc ấy ông để tâm đến bà Melbourne thay vì xem thường bà như một bà già lẩm cẩm vô hại (giống như ông và Pete đã xem thường Olivia Trelawney), thì liệu Janey còn sống không? Ông không nghĩ là thế, nhưng sẽ chẳng bao giờ biết chắc được, và ông có ý nghĩ rằng câu hỏi đó sẽ ám ảnh rất nhiều đêm mất ngủ trong những tuần và tháng sắp tới.

Có khi là hàng năm.

Ông nhìn ra ngoài bãi đỗ xe... và ở đó ông thấy một bóng ma. Một bóng ma màu xám.

Ông ngoảnh lại với Jerome và Holly, lúc này đang đứng cạnh nhau, và thậm chí còn không cần phải cất lời hỏi.

“Vâng,” Jerome nói. “Cô Holly lái nó đến đây.”

“Giấy đăng kiểm và miếng decal dán trên biển số đều hơi quá hạn một chút,” Holly nói. “Xin đừng giận tôi, được chứ? Tôi phải tới đây. Tôi muốn

giúp, nhưng tôi biết nếu tôi mà gọi thì thế nào ông cũng nói không.”

“Tôi có giận đâu,” Hodges nói. Kỳ thực ông cũng chẳng hiểu mình thế nào nữa. Ông thấy như mình vừa bước vào một thế giới mơ hồ ở trong đó đồng hồ tất thảy đều quay ngược.

“Bây giờ chúng ta làm gì đây?” Jerome hỏi. “Gọi cảnh sát à?”

Nhưng Hodges vẫn chưa sẵn sàng buông xuôi. Gã thanh niên trong ảnh có thể có cả một vạc đầy những thứ điên rồ sôi sục đằng sau khuôn mặt non choẹt, nhưng Hodges đã gặp quá đủ lũ biến thái trong đời mình và biết rằng một khi bị tấn công bất ngờ, hầu hết bọn chúng đều đổ sụp như những cây nấm trứng. Chúng chỉ nguy hiểm đối với những người không có vũ khí và không đề phòng, như những người không xu dính túi đăng ký tìm việc buổi sáng tháng Tư năm 2009 ấy.

“Cháu với bác sẽ đi một cuộc đến chỗ của ông Hartsfield,” Hodges nói. “Và hãy đi bằng cái kia.” Ông chỉ vào chiếc Mercedes xám.

“Nhưng... nếu thấy bác cháu mình lái xe đến, chẳng phải hẳn sẽ nhận ra sao?”

Hodges mỉm cười, một nụ cười kiểu cá mập mà Jerome Robinson chưa thấy bao giờ. “Đương nhiên là bác hy vọng thế.” Ông chìa tay ra. “Đưa chìa khóa cho tôi được không, Holly?”

Cặp môi bị bạo hành của cô bặm chặt lại. “Vâng, nhưng tôi cũng sẽ đi.”

“Không đời nào,” Hodges nói. “Quá nguy hiểm.”

“Nếu là quá nguy hiểm với tôi, thì cũng là quá nguy hiểm cho hai người.” Cô không nhìn thẳng vào ông và mắt cô liên tục lảng tránh ông, nhưng giọng cô thì rất kiên quyết. “Ông có thể bắt tôi ở lại, nhưng nếu ông làm thế, tôi sẽ gọi cảnh sát và cho họ địa chỉ của Brady Hartsfield ngay khi ông vừa đi khỏi.”

“Cô làm gì có,” Hodges nói. Câu này nghe thật yếu ớt ngay cả với chính ông.

Holly không trả lời, như một hành động lịch thiệp. Cô thậm chí còn chẳng cần phải vào Discount Electronix và hỏi cô nàng tóc vàng bán bửa;

một khi họ đã có tên hẳn, có lẽ cô hoàn toàn có thể lần ra địa chỉ nhà Hartsfield từ chiếc iPad ma quỷ của mình.

Chết tiệt.

“Được rồi, cô đi cũng được. Nhưng tôi lái xe, và khi chúng ta đến nơi, cô và Jerome sẽ ở yên trong xe. Cô có vấn đề gì với điều đó không?”

“Không, ông Hodges.”

Lần này mắt cô hướng vào mặt ông và giữ yên ở đó ba giây trọn vẹn. Đó có thể là một bước tiến bộ. Với Holly thì, ông nghĩ, ai mà biết được.



**D**o những biện pháp cắt giảm ngân sách mạnh tay từ năm ngoái, hầu hết xe tuần tra của cảnh sát thành phố đều chỉ có một người. Trong trường hợp ở Lowtown thì không. Ở Lowtown, xe tuần tra nào cũng phải có đủ cặp, một cặp lý tưởng bao gồm ít nhất một người da màu, vì ở Lowtown thiếu số lại là đa số. Đúng xế trưa ngày 3 tháng Sáu, các sĩ quan cảnh sát Laverty và Rosario đang lòng vòng đại lộ Lowbriar cách chỗ cây cầu vượt nơi Bill Hodges có lần đã ngăn chặn mấy thằng du côn ra tay cướp bóc tầm nửa dặm. Laverty là dân da trắng. Rosario là dân Mỹ La Tinh. Vì xe của họ mang mã CPC 54, nên trong sở gọi họ là Toody và Muldoon, nhại theo những cảnh sát trong bộ phim sitcom từ đời tám hoánh có tên gọi là Car 54, Where Are You? Amarilis Rosario thỉnh thoảng lại làm trò cười cho những hiệp sĩ xanh đồng nghiệp của cô lúc điểm danh bằng câu, “Úi, úi Toody, tôi có ý này!” Câu đó nghe dễ thương vô cùng khi nói bằng cái giọng Dominica của cô, và lần nào cũng làm bật ra một tràng cười.

Tuy vậy, mỗi khi tuần tra, cô lại là Quý bà Lo toan Mọi Việc. Cả hai đều thế. Đã ở Lowtown là phải thế.

“Đám dật dẹo này làm tôi nhớ đến những chiếc Blue Angels trong màn trình diễn máy bay tôi từng xem một lần,” cô nói.

“Sao lại thế?”

“Chúng thấy ta đến, chúng tản ra như thể chúng đang ở trong đội hình vậy. Nhìn kìa, một đứa lại vừa đi khỏi.”

Khi họ tiến gần điểm giao cắt giữa Lowbriar và Strike, một thằng nhóc mặc áo khoác khởi động của đội Cleveland Cavaliers (rộng thùng thình và

hoàn toàn thừa thãi trong ngày hôm nay) đột nhiên len lén rút khỏi góc phố nơi nó vẫn nhún nhảy từ nãy giờ và rảo bước dọc phố Strike. Trông nó khoảng mười ba tuổi.

“Có thể nó vừa chợt nhớ ra hôm nay phải đi học,” Laverty nói.

Rosario cười phá lên. “Nói như thật ấy, cha nội.”

Lúc này họ đang tiến đến gần góc đường Lowbriar và đại lộ Martin Luther King. MLK là tuyến phố chính khác của khu ổ chuột, và lần này cả nửa tá bọn dật dẹo quyết định là chúng chợt có việc phải làm ở chỗ khác.

“Đội hình đang bay đi kìa, đúng thật,” Laverty nói. Anh ta bật cười, dù điều đó cũng chẳng buồn cười cho lắm. “Nghe này, cô muốn ăn ở đâu?”

“Để xem cái xe đẩy đó có trên phố Randolph không,” cô ta nói. “Tự nhiên tôi thấy thèm ăn taco.”

“Thì Señor Taco vậy,” anh ta nói, “nhưng xin miễn món đậu nhé được chứ? Chúng ta còn bốn tiếng đồng hồ nữa trong cái... hừm. Nhìn kìa, Rosia. Lạ thật.”

Phía trước, một người đàn ông đang ra khỏi một cửa hiệu mặt tiền, trên tay cầm một hộp hoa dài. Lạ là vì cửa hiệu đó không phải là hàng hoa; nó là Cầm đồ & Cho vay King Virtue. Lạ nữa là người đàn ông đó trông có vẻ là dân da trắng trong khi lúc này họ đang khu đen nhất của Lowtown. Anh ta đang tiến gần đến một chiếc xe thùng Econoline màu trắng cẩu bần đang đỗ đè lên lề đường sơn vàng: một lỗi hai mươi đô la. Mặc dù vậy Laverty và Rosario đang đói bụng, tâm trí họ lúc này còn hướng về những chiếc taco với món nước sốt cay xè nóng hôi ngon lành mà Señor Taco để trên quầy, và lẽ ra họ đã cho qua rồi. Nhiều khả năng là đã cho qua.

Nhưng.

Với David Berkowits, đó là một vé đỗ xe. Với Ted Bundy, đó là một chiếc đèn hậu bị vỡ. Hôm nay thì một hộp hoa với nếp gấp cầu thả là tất cả những gì cần thiết để thay đổi thế giới. Trong lúc gã kia loay hoay tìm chìa khóa chiếc xe thùng cũ kỹ của hắn (ngay cả Hoàng đế Ming của hành tinh Mongo cũng không dám để xe không khóa ở Lowtown), cái hộp chúc xuống dưới. Đầu hộp bung ra và thứ gì đó trượt rơi ra ngoài.



Gã kia bắt được và nhét nó trở lại bên trong trước khi nó kịp rơi xuống đường, nhưng Jason Lavery đã có hai năm ở Iraq và anh ta nhận ra ngay một khẩu phóng lựu RPG khi nhìn thấy nó. Anh ta bật đèn hụ và xích xe vòng ngay phía sau tên kia, gã ta nhìn quanh với vẻ mặt sững sờ. “Súng?” Anh ta quát sang cộng sự. “Lấy súng ra!”

Họ lao ra khỏi cửa xe, những khẩu Glock cầm lăm lăm bằng cả hai tay chĩa lên trời.

“Bỏ cái hộp xuống, thưa ngài!” Lavery quát. “Bỏ cái hộp xuống và để tay lên thành xe! Dựa người về phía trước. Ngay lập tức!”

Thoạt đầu gã kia - khoảng bốn mươi, da màu ô liu, vai xuôi - càng ôm chặt hơn cái hộp hoa vào ngực mình, như ôm một đứa bé. Nhưng khi Rosario hạ súng xuống và chĩa thẳng vào ngực hắn ta, hắn bèn thả nó xuống. Nó mở toác ra và để lộ thứ mà Lavery đã lờ mờ xác định là một khẩu súng phóng lựu chống tăng Hashim do Nga sản xuất.

“Chết tiệt,” Rosario nói, và sau đó: “Toody, Toody, tôi có ý...”

“Các sĩ quan, hạ vũ khí xuống.”

Lavery dán chặt mắt vào Gã Súng Phóng lựu, nhưng Rosario thì xoay người và nhìn thấy một người đàn ông da trắng tóc muối tiêu mặc áo khoác xanh. Ông ta đeo tai nghe và cũng có một khẩu Glock. Trước khi cô kịp hỏi gì ông ta, đường phố đã ngập tràn những người mặc áo khoác xanh, tất cả đều lao về phía hiệu Chăm đồ & Cho vay King Virtue. Một người vác thanh rằm nện Stinger, trên loại mà cảnh sát vẫn gọi yêu là cục cứng phá cửa. Cô nhìn thấy chữ ATF<sup>[49]</sup> lưng những chiếc áo khoác và ngay lập tức cô có cái cảm giác mình-giảm-phải-cắt-rồi không thể lẫn vào đâu được.

“Các sĩ quan, hạ vũ khí xuống. Đặc vụ James Kosinsky, ATF đây.”

Lavery nói, “Có lẽ các vị muốn chúng tôi còng tay hắn trước đã nhỉ? Cứ hỏi vậy cho chắc.”

Các đặc vụ ATF đang tràn vào cửa hiệu chăm đồ như người đi mua sắm dịp Giáng sinh tràn vào Walmart trong ngày Thứ Sáu Đen. Một đám đông đang thành hình bên kia phố, mặc dù còn quá choáng trước quy mô của lực

lượng tấn công nên chưa dám ném những lời xuyên xỏ. Hoặc những hòn đá, nói luôn cho vuông.

Kosinsky thở dài. “Thôi thì cứ làm đi,” ông ta nói. “Đảng nào cũng mất bò rồi.”

“Chúng tôi có biết là các ông đang định làm gì đâu,” Laverty nói. Trong khi đó, Gã Súng Phóng lựu đã bỏ tay ra khỏi chiếc xe van và cho ra sau, hai cổ tay ép vào nhau. Khá hiển nhiên rằng đây không phải là lần đầu tiên của hắn. “Hắn đang mở xe và tôi thấy cái đó thò ra ngoài đầu hộp. Tôi còn biết làm gì được nữa?”

“Làm điều anh đã làm, tất nhiên.” Từ bên trong hiệu cầm đồ vọng ra tiếng kính vỡ, quát tháo, và rồi tiếng nện uỳnh uỳnh của cái rầm phá cửa được sử dụng. “Tôi bảo này, đảng nào các vị cũng ở đây rồi, tại sao các vị không ném ông Caveli đây ra sau xe rồi vào trong này luôn. Xem chúng ta có gì nào.”

Trong lúc Laverty và Rosario áp giải tù nhân của mình ra xe tuần tra, Kosinsky để ý đến biển hiệu.

“VẬY ĐÂY,” ông ta nói. “Ai trong số hai vị là Toody và ai là Muldoon đây?”



**T**rong lúc lực lượng ATF, dưới sự chỉ huy của đặc vụ Kosinsky, bắt đầu lục soát khu vực kho hàng rộng mênh mông phía sau mặt tiền khiêm nhường của Cầm đồ & Cho vay King Virtue, một chiếc Mercedes xám đang tấp vào lề đường phía trước số 49 phố Elm. Hodges cầm lái. Hôm nay Holly đảm nhiệm vai trò tay súng yểm trợ - vì, cô khẳng định (ít nhất thì cũng có chút logic), chiếc xe là của cô hơn là của họ.

“Có người ở nhà,” cô nhận định. “Có một chiếc Honda Civic rất xập xệ ở trên lối đi.”

Hodges để ý thấy một người đàn ông nhiều tuổi đang lệt sệt từ ngôi nhà đối diện bên kia đường đi sang. “Bây giờ tôi sẽ nói chuyện với vị Công dân Lo lắng. Còn hai người sẽ ngậm miệng lại.”

Ông hạ cửa sổ xuống. “Giúp gì được cho ông đây, thưa ông?”

“Tôi nghĩ có lẽ tôi có thể giúp ông thì có,” ông già nói. Đôi mắt sáng quắc của ông lão hồi hải sam soi Hodges cùng những hành khách trên xe. Và cả chiếc xe, Hodges không hề ngạc nhiên. Đó là một chiếc xe quá long lanh. “Nếu đang tìm Brady thì các vị không gặp may rồi. Cái ở trên lối đi kia là xe của bà Hartsfield. Mấy tuần rồi không thấy nó động cựa gì. Thậm chí còn không chắc là nó còn chạy được không nữa. Có lẽ bà Hartsfield cũng đi cùng cậu ta rồi, vì cả ngày hôm nay tôi chưa thấy bà ta. Thường thì tôi vẫn thấy, khi bà ta lão đảo ra ngoài lấy thư báo.” Ông ta chỉ vào cái hộp thư bên cạnh cửa ngôi nhà số 49. “Bà ta thích những quyển catalog. Hầu hết đàn bà đều thế.” Ông ta chìa ra một bàn tay xương xẩu. “Hank Beeson.”

Hodges bắt nhanh bàn tay chìa thẻ chứng minh ra, cẩn thận để ngón tay cái che ngày hết hạn. “Rất vui được gặp ông, ông Beeson. Tôi là Thanh tra Bill Hodges. Ông có thể cho tôi biết ông Hartsfield lái xe loại gì không? Nhà sản xuất và đời xe?”

“Đó là một chiếc Subaru màu nâu. Không thể giúp về mẫu hoặc đời xe. Với tôi thì tất cả những cái xe sãy thóc ấy trông đều như nhau cả.”

“Ừ hứ. Còn bây giờ chúng tôi buộc phải yêu cầu ông quay trở về nhà mình, thưa ông. Có thể chúng tôi sẽ ghé qua hỏi ông một vài câu sau.”

“Brady đã gây ra chuyện gì phải không?”

“Chỉ là một cuộc kiểm tra thông thường thôi,” Hodges nói. “Đề nghị ông làm ơn quay trở về nhà mình.”

Thay vì làm như thế, lão Beeson còn cúi người thấp hơn để nhòm vào Jerome. “Chẳng phải nhìn cậu còn hơi trẻ để làm cảnh sát sao?”

“Tôi là cảnh sát tập sự,” Jerome nói. “Tốt nhất là hãy làm như Thanh tra Hodges yêu cầu, thưa ông.”

“Tôi đi đây, tôi đi đây.” Nhưng trước đó, ông ta còn trao cho bộ ba một cái nhìn soi mói nữa. “Từ bao giờ mà cảnh sát thành phố lại đi làm bằng xe Mercedes-Benz thế này?”

Hodges không có câu trả lời, nhưng Holly thì có. “Đây là một chiếc xe RICO. RICO là viết tắt của Racketeer Influenced and Corrupt Organizations - Các băng nhóm tội phạm có tổ chức. Chúng tôi thu giữ tài sản của chúng. Chúng tôi sử dụng nó thế nào tùy thích vì chúng tôi là cảnh sát.”

“À, vâng. Chắc chắn rồi. Có lý lắm.” Nhìn mặt lão Beeson vừa có vẻ hài lòng vừa có vẻ ngờ vực. Nhưng lão cũng quay về nhà, thoáng cái đã lại thấy lão hiện ra trước mắt họ, lần này là nhìn ra ngoài từ một cửa sổ phía trước.

“RICO là của mấy tay liên bang,” Hodges nhẹ nhàng nói.

Holly hơi nghiêng đầu về phía người đang quan sát họ, và có một nụ cười thoáng qua trên cặp môi chẳng mấy khi sử dụng của cô. “Chẳng lẽ ông nghĩ là lão ấy biết điều đó à?” Khi cả hai người đều không trả lời, cô làm ra vẻ nghiêm nghị. “Bây giờ chúng ta làm gì đây?”

“Nếu Hartsfield ở trong đó, tôi sẽ tiến hành một vụ bắt giữ công dân. Nếu hắn không ở nhà mà chỉ có mẹ hắn, tôi sẽ thẩm vấn bà ta. Hai người sẽ ở yên trong xe.”

“Cháu không biết đó có phải là ý hay không nữa,” Jerome nói, nhưng qua vẻ mặt của cậu - Hodges nhìn thấy qua gương chiếu hậu - cậu biết rằng lời phản đối này sẽ bị bác bỏ.

“Đó là ý tưởng duy nhất mà bác có,” Hodges nói.

Ông ra khỏi xe. Trước khi ông kịp đóng cửa, Holly đã nhào về phía ông và nói, “Không có ai ở nhà.” Ông không nói năng gì, nhưng cô gật đầu như thể ông vừa nói. “Ông không cảm thấy à?”

Thật ra là ông có.



Hodges bước theo lối đi, để mắt nhìn những tấm rèm rủ xuống trong cửa sổ lớn phía trước. Ông đảo mắt qua chiếc Honda và nhận thấy không có gì đáng lưu ý. Ông thử cánh cửa bên phía lái phụ. Nó để mở. Không khí bên trong phả ra hơi nóng và bí, phảng phất mùi rượu. Ông đóng cửa xe lại, bước lên bậc thềm và nhấn chuông cửa. Ông nghe tiếng chuông kính coong bên trong nhà. Không ai ra mở cửa. Ông thử lần nữa, rồi gõ cửa. Ông lấy nắm đấm nện thành thịch, thâm tâm hiểu rõ rằng lão Beeson bên kia đường đang theo dõi tất cả những hành động này. Không có ai ra.

Ông đi vòng ra garage và nhòm qua một cửa sổ phía trên cánh cửa cuốn. Dăm ba dụng cụ, một cái tủ lạnh mini, không thấy gì nhiều nhận hơn.

Ông lấy điện thoại di động ra và gọi Jerome. Khu này của phố Elm rất tĩnh lặng, và ông có thể nghe thấy - loáng thoáng - tiếng nhạc chuông của AC/DC khi cuộc gọi được kết nối. Ông thấy Jerome nghe máy.

“Bảo Holly mở iPad và kiểm tra hồ sơ thuế của thành phố xem tên chủ nhà số 49 phố Elm. Cô ấy có làm được không?” Ông nghe thấy Jerome đề nghị Holly.

“Cô ấy nói để xem cô ấy có thể làm được gì.”

“Tốt lắm. Bác sẽ đi vòng ra phía sau. Giữ máy sẵn sàng nhé. Cứ khoảng ba mươi giây bác sẽ báo cáo một lần. Nếu quá một phút mà không nghe thấy gì từ bác, hãy gọi 911.”

“Bác chắc chắn là mình muốn làm chuyện này chứ, Bill?”

“Ừ. Hãy chắc chắn để Holly biết là cho dù có tìm được tên thì cũng chẳng quan trọng lắm. Bác không muốn cô ấy bị kích động quá.”

“Cô ấy bình tĩnh mà,” Jerome nói. “Chưa gì đã gõ nhoay nhoáy rồi. Nhớ giữ liên lạc nhé.”

“Yên tâm đi.”

Ông bước giữa garage và ngôi nhà. Sân sau nhỏ nhắn nhưng gọn gàng. Có một bồn hoa hình tròn ở giữa. Hodges tự hỏi ai là người trồng chúng, bà mẹ hay thằng con. Ông bước ba bậc thang gỗ lên hiên sau. Có một cánh cửa lưới nhôm và một cánh cửa khác bên trong. Cửa lưới để mở. Cửa trong thì không.

“Jerome? Bác đây. Yên ổn cả.”

Ông nhòm qua cửa kính và thấy một gian bếp. Nó được sắp xếp ngăn nắp. Có vài chiếc đĩa và ly trong giá để ráo nước gần bồn rửa. Một chiếc khăn lau đĩa được gấp gọn gàng treo miếng lót nào cho Gấu Bố, khớp với chân dung mà ông đã vạch ra trên tập ghi chép màu vàng. Ông gõ, rồi đấm cửa. Không ai ra.

“Jerome? Bác đây. Ổn cả.”

Ông đặt điện thoại xuống thềm hiên sau và lấy ra chiếc túi da dẹt, hài lòng là ông đã nghĩ ra nó. Bên trong là đồ nghề cạy khóa của bố ông - ba thanh vạm bạc với những chiếc móc kích thước khác nhau gắn ở đầu. Ông chọn thanh nhỏ. Lựa chọn đúng đắn; nó luồn vào trong một cách dễ dàng. Ông vặn quanh, đầu tiên là xoay thanh vạm theo chiều này, rồi chiều kia, dò dẫm tìm hiểu cơ chế. Vừa lúc ông sắp sửa tạm dừng tay để cập nhật với Jerome thì thanh vạm bập đúng chỗ. ông vặn, nhanh và dứt khoát, đúng như bố ông đã dạy, và một tiếng tách vang lên khi chốt khóa bật mở ra bên phía cửa trong bếp. Trong khi đó, điện thoại của ông đang vang loạn tên ông. Ông cầm máy lên.

“Jerome? ổn cả.”

“Bác làm cháu lo quá,” Jerome nói. “Bác đang làm gì vậy?”

“Phá cửa và vào trong.”



Hodges bước vào trong bếp nhà Hartsfield. Cái mùi đó đập vào ông ngay tức khắc. Phảng phất thôi, nhưng đúng là có. Tay trái cầm điện thoại còn tay phải cầm khẩu 38 của bố mình, đầu tiên Hodges theo dấu mùi vào phòng khách - trống không, dù cái điều khiển ti vi và mấy quyển catalog vương vãi trên bàn cà phê khiến ông nghĩ rằng cái ghế sofa là chiếc ố ở dưới nhà của bà Hartsfield - và sau đó ông đi lên cầu thang. Ông càng đi thì càng thấy mùi nặng hơn. Chưa đến nổi nồng nặc, nhưng cũng là theo chiều hướng đó.

Có một đoạn hành lang ngắn trên tầng, một cửa bên phải và hai cửa bên trái. Trước hết ông mở phòng bên phải. Đó là phòng cho khách mà lâu lắm rồi chẳng có khách nào ở. Nó vô trùng như một căn phòng mổ.

Ông lại cập nhật với Jerome trước khi mở cánh cửa đầu tiên bên tay trái. Đây là nơi cái mùi đó tỏa ra. Ông hít một hơi thật sâu rồi bước vọt vào trong, cúi lom khom cho đến khi ông tự trấn an rằng không có ai sau cánh cửa. Ông mở tủ - cánh cửa là loại gập quanh bản lề ở giữa - và đẩy đồng quần áo ra sau. Không có ai.

“Jerome? Bác đây.”

“Có ai ở đó không?”

Ừm... cũng có. Tấm vải phủ của chiếc giường đôi đã được kéo trùm lên một hình thù không lẫn và đâu được.

“Chờ chút.”

Ông nhìn dưới gầm giường và không thấy có gì ngoài một đôi dép, một đôi giày thể thao màu hồng, độc một chiếc tất ngắn màu trắng, và mấy



cục bông bụi. Ông kéo tấm vải phủ xuống và mẹ của Brady Hartsfield nằm đó. Da bà ta trắng bệch như sáp, thấp thoáng một sắc xanh lợt lạt. Miệng bà ta há hốc. Mắt bà ta, mờ đục và trũng trũng, đã bắt chặt vào hai hốc. Ông nhấc một cánh tay lên, lay nhẹ, để nó rơi xuống. Giai đoạn cứng đờ đã đến và đi.

“Nghe này, Jerome. Bác vừa tìm thấy bà Hartsfield. Bà ta chết rồi.”

“Ôi lạy Chúa.” Cái giọng mọi khi vẫn người lớn của Jerome lạc đi ở từ cuối.

“VẬY bác đang...”

“Chờ chút.”

“Bác lại nói thế rồi.”

Hodges đặt điện thoại xuống chiếc bàn cạnh giường và kéo tấm vải phủ xuống tận chân bà Hartsfield. Bà ta mặc pajama lụa màu xanh. Chiếc áo loang lỗ đầy những thứ nhìn như là bãi nôn và một chút máu, nhưng không thấy có lỗ đạn hoặc vết thương do bị đâm. Mặt bà ta sưng phù, nhưng không có dấu vết xung huyết hoặc bầm giập trên cổ. Hiện tượng sưng chỉ là hành trình phân hủy từ từ của thần chết. Ông kéo áo bà ta lên đủ để nhìn thấy bụng. Giống mặt bà ta, nó cũng hơi phồng, nhưng ông đánh cược đó chỉ là chướng hơi. Ông ghé sát miệng bà ta, nhìn vào trong, và thấy những gì đã lường trước: đờm nhầy vón cục trên lưỡi và những khe trống giữa lợi và má bà ta. Ông suy đoán là bà ta uống say bí tỉ, nôn thốc nôn tháo bữa ăn cuối cùng của mình, rồi ra đi như một ngôi sao nhạc rock. Chỗ máu có thể từ cổ họng của bà ta. Hoặc một khối u dạ dày kịch phát.

Ông cầm điện thoại lên và nói, “Có thể hẳn đã đầu độc bà ta, nhưng khả năng bà ta tự gây ra cho mình thì nhiều hơn.”

“Rượu à?”

“Có thể. Không giải phẫu tử thi thì không thể xác định.”

“Bác muốn bọn cháu làm gì?”

“Ngồi yên.”

“Chúng ta vẫn không gọi cảnh sát sao?”

“Chưa.”

“Holly muốn nói chuyện với bác.”

Một thoáng lặng như tờ, rồi tiếng cô vang lên trên máy, trong như tiếng chuông. Giọng cô nghe thật bình tĩnh. Kỳ thực còn bình tĩnh hơn cả Jerome.

“Tên bà ta là Deborah Hartsfield. Deborah kết thúc là chữ H ấy.”

“Làm tốt lắm. Đưa điện thoại cho Jerome.”

Một giây sau Jerome lên tiếng, “Cháu hy vọng bác biết mình đang làm gì.” Bác đâu biết, ông vừa nghĩ vừa kiểm tra phòng tắm. Bác mất trí rồi và cách duy nhất để lấy lại nó là buông chuyện này đi. Cháu biết vậy còn gì.

Nhưng ông nghĩ đến cảnh Janey tặng cho ông chiếc mũ mới - cái mũ phớt thám tử tư sành điệu của ông - và biết là ông không thể. Không đời nào.

Phòng tắm sạch trơn... hoặc gần như thế. Có vài sợi tóc trong bồn rửa. Hodges nhìn thấy nhưng không để tâm. Ông đang nghĩ đến sự khác biệt cơ bản giữa cái chết do tai nạn và giết người. Giết người thì thật tệ, vì trong hầu hết các trường hợp giết một thành viên gia đình gần gũi là cách một kẻ bệnh hoạn nguy hiểm bắt đầu hành trình cuối của hắn. Nếu là tai nạn hoặc tự tử, có thể vẫn còn thời gian. Brady có thể đang ẩn náu ở đâu đó, tìm cách quyết định phải làm gì tiếp theo.

Thật quá gần với những gì mình đang làm, Hodges nghĩ bụng.

Phòng cuối cùng trên tầng là của Brady. Giường không được dọn. Mặt bàn chất bừa bộn sách, hầu hết là sách khoa học viễn tưởng. Có một tấm poster phim Terminator trên tường, Schwarzeegger đeo kính đen và vung vẩy một khẩu súng voi khủng vác về từ tương lai.

Tôi sẽ quay lại, Hodges vừa nghĩ vừa nhìn tấm poster.

“Jerome? Bác đây.”

“Cái lão bên kia đường vẫn đang theo dõi bọn cháu. Cô Holly nghĩ là bọn cháu nên vào trong.”

“Chưa được.”

“Khi nào?”

“Khi bác chắc chắn chỗ này an toàn đã.”

Brady có phòng tắm riêng. Nó cũng ngăn nắp như tủ quân trang của một binh sĩ Mỹ trong ngày kiểm tra. Hodges đảo mắt lướt nhanh qua căn

phòng, rồi trở xuống dưới nhà. Có một góc tường thụt vào chỗ phòng khách, vừa đủ chỗ cho một chiếc bàn nhỏ. Trên đó là một chiếc laptop. Một chiếc xắc tay treo ở sau ghế bằng quai đeo. Trên tường là một bức ảnh lớn lồng khung chụp người phụ nữ trên nhà và một phiên bản thời thiếu niên của Brady Hartsfield. Hai mẹ con đang đứng trên bãi biển ở đâu đó quàng tay ôm nhau và áp chặt má vào nhau. Cả hai cùng nở một nụ cười triệu đô giống hệt nhau. Trông giống kiểu tình nhân hơn là mẹ và con trai.

Hodges thích thú ngắm nhìn tên Sát nhân Mercedes trong những ngày non tơ của hắn. Không có gì trên khuôn mặt cho thấy thiên hướng sát nhân, nhưng tất nhiên là có bao giờ như thế đâu. Nét giống nhau giữa hai mẹ con rất mờ nhạt, chủ yếu là hình dáng mũi và màu tóc. Bà ta là một phụ nữ xinh xắn, thực sự chỉ thiếu một chút nữa có thể nói là đẹp, nhưng Hodges sẵn lòng đoán rằng bố của Brady không có những nét đẹp tương tự. thằng bé trong bức ảnh nhìn có vẻ... bình thường. Một thằng nhóc ta sẽ bỏ qua trên phố mà không thèm liếc đến cái thứ hai.

Có lẽ hắn lại thích như thế, Hodges nghĩ, Người Vô hình.

Ông quay trở lại bếp và lần này thì phát hiện một cánh cửa cạnh bếp lò. Ông mở nó ra và nhìn cái cầu thang dốc đứng dẫn thẳng vào bóng tối. Nhận ra mình tạo thành một cái bóng hắt hoàn hảo cho bất kỳ kẻ nào có thể ở dưới kia, Hodges vừa dịch sang một bên vừa lần tìm công tắc điện. Ông tìm thấy nó và lại bước vào ngưỡng cửa với khẩu súng giương lên. Ông thấy một cái bàn làm việc. Phía sau nó, một cái giá ngang tầm thắt lưng chạy hết chiều dài của căn phòng. Trên giá là một dây máy tính. Nó làm ông nghĩ đến Trung tâm Điều khiển Sứ mệnh ở Mũi Canaveral.

“Jerome? Bác đây.”

Không chờ nghe câu trả lời, ông đi xuống, khẩu súng trong tay này và điện thoại trong tay kia, hoàn toàn hiểu rõ điều này là hành động làm tha hóa kinh dị đến nhường nào toàn bộ quy trình đã được thiết lập của cảnh sát. Nếu chẳng may Brady đang ở dưới cầu thang với khẩu súng của hắn, sẵn sàng bắn rụng chân Hodges khỏi mắt cá? Hoặc giả sử hắn đã đặt bẫy? Hắn có thể làm được; đến lúc này thì Hodges biết điều đó quá rõ.

Ông không vấp phải dây bẫy nào, và tầng hầm thì trống trơn. Có một tủ để đồ, cánh cửa để mở, nhưng bên trong thì không có đồ gì. Ông chỉ thấy những chiếc giá trống trơn. Trong một góc là một chõng hộp giày. Có vẻ như chúng cũng trống trơn nốt.

Thông điệp, Hodges nghĩ, là hoặc Brady đã giết mẹ hắn hoặc về nhà và phát hiện bà ta đã chết. Dù thế nào thì sau đó hắn cũng đã lặn mất. Nếu đúng là hắn có thuốc nổ thì chúng đã ở trên những ngăn giá này (có lẽ là trong những cái hộp giày) và hắn đã mang chúng đi.

Hodges đi lên nhà. Đã đến lúc đưa những cộng sự mới của ông vào. Ông không muốn kéo họ vào sâu hơn những gì họ đã dẫn vào nhưng dưới hầm có mấy cái máy tính. Ông chẳng biết quái gì về máy tính cả. “Đi vòng ra phía sau,” ông nói. “Cửa bếp mở đấy.”



Holly bước vào, hít hít, và nói, “Úi trời. Đó là Deborah Hartsfield đây à?”

“Ừ. Cố đừng nghĩ đến nó. Đi xuống hầm nào, mọi người. Tôi muốn hai người xem qua cái này.”

Dưới tầng hầm, Jerome lướt một bàn tay qua cái bàn làm việc. “Dù tên này có là gì đi nữa, thì hẳn cũng vẫn là Ngài Ngăn nắp Chết thôi.”

“Ông sẽ gọi cảnh sát chứ, ông Hodges?” Holly lại đang cắn môi. “Có thể ông sắp làm thế và tôi không thể ngăn ông được, nhưng mẹ tôi sẽ giận tôi lắm cho mà xem. Với lại, có vẻ thật chẳng công bằng, vì chúng ta mới là những người lòng ra hẳn là ai.”

“Tôi vẫn chưa quyết định sẽ làm gì nữa,” Hodges nói, mặc dù cô nói đúng, thật có vẻ chẳng công bằng chút nào. “Nhưng tôi muốn biết có gì trong những chiếc máy tính này. Điều đó có thể giúp tôi quyết định dứt khoát.”

“Hẳn sẽ không giống Olivia đâu,” Holly nói. “Hẳn sẽ có một mặt khâu ra trò.”

Jerome lựa chọn ngẫu nhiên một máy tính (tình cờ đúng vào máy Số Sáu của Brady; trên máy này không có gì nhiều) và nhấn cái nút chìm phía sau màn hình. Đó là máy Mac, nhưng không có tín hiệu âm thanh nào. Brady ghét cái âm thanh rộ rã ấy, và đã tắt bỏ nó trên tất cả máy tính của hẳn.

Số Sáu vụt lóe màu xám, và cái hình tròn khởi động bắt đầu xoay hết vòng này sang vòng khác. Sau khoảng năm giây gì đó màu xám chuyển

thành màu xanh. Thường thì đây sẽ là màn hình mật khẩu, thậm chí cả Hodges cũng biết điều ấy, nhưng thay vào đó là một số 20 lớn hiện ra trên màn hình. Rồi 19, 18 và 17.

Ông và Jerome tròn mắt ngờ ngàng nhìn nó.

“Không, không!” Holly gần như thét lên. Tắt nó đi!

Khi thấy không ai nhúc nhích ngay lập tức, cô lao vọt tới và lại ấn vào cái nút nguồn phía sau màn hình, giữ nguyên nó cho đến khi màn hình tối đen. Sau đó cô buột ra một hơi thở phào và còn mỉm cười nữa.

“Úi trời! Xém chút thì toi rồi!”

“Cô đang nghĩ gì vậy?” Hodges hỏi. “Không nhẽ chúng được cài để phát nổ hay sao chứ?”

“Có thể chúng chỉ khóa lại thôi,” Holly nói, “nhưng tôi dám cá nó là một chương trình tự hủy. Nếu đồng hồ đếm ngược về đến số không, chương trình đó sẽ xóa sạch dữ liệu. Toàn bộ dữ liệu. Có thể là chỉ trong cái máy đang bật thôi, nhưng sẽ là tất cả các máy nếu chúng được kết nối. Mà khả năng đó cao đấy.”

“Vậy ta chặn nó lại bằng cách nào?” Jerome hỏi. “Lệnh bàn phím à?”

“Có thể. Có thể là kích hoạt giọng nói.”

“Cái gì giọng cơ?”, Hodges hỏi.

“Lệnh kích bằng giọng nói,” Jerome bảo ông. “Brady nói Milk Duds hoặc đồ lót và chương trình đếm ngược dừng lại.”

Holly cười rúc rích qua những ngón tay, rồi thè thọt đẩy Jerome một cái vào vai. “Cháu thật ngớ ngẩn,” cô nói.



Họ ngồi bàn bếp và để mở cửa sau cho không khí trong lành vào. Hodges chống cùi chỏ lên một tấm lót đĩa và tì trán vào lòng bàn tay. Jerome và Holly giữ yên lặng, để ông suy nghĩ. Cuối cùng ông ngẩng đầu lên.

“Tôi sẽ gọi điện báo cho họ. Tôi không muốn thế, nhưng nếu chỉ là Hartsfield và tôi thôi thì có lẽ tôi sẽ không gọi. Nhưng tôi còn phải nghĩ cho hai người...”

“Đừng làm thế vì lo cho cháu,” Jerome nói. “Nếu bác thấy có cách để tiếp tục, cháu sẽ trụ với bác.”

Tất nhiên cháu sẽ làm thế rồi, Hodges nghĩ. Có lẽ cháu tưởng mình biết đang liều lĩnh những gì, nhưng cháu không biết đâu. Khi ta mới mười bảy tuổi, tương lai mới chỉ là lý thuyết thôi.

Còn về Holly... lúc trước hẳn ông đã nói rằng cô là một tấm màn chiếu phim bằng người, tất cả mọi ý nghĩ thể hiện mồn một trên khuôn mặt, nhưng ngay lúc này thì nhìn cô thật bí hiểm.

“Cảm ơn cháu, Jerome, chỉ có điều...” Chỉ có điều chuyện này thật khó khăn. Thật khó để buông tay, và đây sẽ là lần thứ hai ông phải từ bỏ tên Sát nhân Mercedes.

Nhưng.

“Không chỉ chúng ta thôi đâu, hiểu không? Có thể hẳn còn nhiều thuốc nổ nữa, và nếu hẳn dùng nó với một đám đông...” Ông nhìn thẳng vào Holly. “... giống như hẳn dùng chiếc Mercedes của chị họ Olivia của cô với một đám đông, tất cả sẽ là do tôi. Tôi sẽ không mạo hiểm điều đó.”

Thận trọng cất tiếng, chậm rãi nhả từng từ một như thể bù đắp cho có lẽ là cả một đời ấp úng, Holly nói, “Không ai có thể bắt được hãn trừ ông.”

“Cảm ơn, nhưng không,” ông nhẹ nhàng nói. “Cảnh sát có nhiều nguồn lực. Họ sẽ bắt đầu bằng cách phát lệnh lùng chiếc xe của hãn, với cả biển số nữa. Tôi không làm thế được.”

Nghe thì có vẻ ổn nhưng ông không tin là ổn. Những khi không làm chuyện liều lĩnh điên rồ như lần ở City Center, Brady là một kẻ khôn ngoan. Hãn là hãn đã nhét cái xe vào đâu đó - có thể là bãi đỗ xe ở trung tâm, hoặc một bãi đỗ xe ở sân bay, có thể là một trong những bãi đỗ xe vô tận ở các khu mua sắm. Xe của hãn đâu phải là một chiếc Mercedes-Benz; nó là một chiếc Subaru màu nhà quê ít ai để mắt, và người ta sẽ không tìm được nó trong hôm nay hoặc ngày mai. Có khi sang tuần sau họ vẫn còn đang tìm nó cũng nên. Và nếu như họ có tìm được nó đi nữa, Brady cũng chẳng lảng vảng cạnh đó làm gì.

“Không ai ngoài ông,” cô khẳng khẳng. “Và chỉ khi có chúng tôi giúp ông.”

“Holly...”

“Làm sao ông có thể từ bỏ được?” Cô thốt lên. Cô co bàn tay lại thành một nắm đấm và tự nện cho mình một quả vào giữa trán, để lại một vết đỏ. “Làm sao ông có thể? Janey thích ông cơ mà! Chị ấy còn gần như là bạn gái của ông còn gì? Giờ chị ấy chết rồi! Giống người phụ nữ trên tầng kia! Cả hai người họ, chết rồi!”

Cô lại định đánh mình lần nữa và Jerome túm lấy tay cô. “Đừng,” cậu nói. “Xin cô đừng tự hành hạ mình. Nó làm cháu thấy tồi tệ kinh khủng.”

Holly òa khóc. Jerome vụng về ôm lấy cô. Cậu là người da đen còn cô là người da trắng, cậu mới mười bảy còn cô đã ngoài bốn mươi, nhưng trong mắt Hodges thì Jerome như một người cha đang dỗ dành cô con gái sau khi cô bé đi học về và nói chẳng có ai mời mình đến Vũ hội Mùa xuân.

Hodges nhìn ra ngoài khoảnh sân sau nhỏ nhắn nhưng được chăm chút chu đáo của nhà Hartsfield. Ông cũng thấy thật tồi tệ, và không chỉ là bởi vì Janey, dù bản thân chuyện đó cũng khủng khiếp lắm rồi. Ông thấy tồi tệ vì những người ở City Center. Ông cảm thấy tồi tệ vì chị của Janey, người mà



họ nhất định không chịu tin, bà ta đã bị chỉ trích trên báo chí, và rồi còn bị đẩy đến nước phải tự tử vì kẻ sống trong ngôi nhà này. Thậm chí ông còn thấy tội tệ về việc ông đã không nghe lời bà Melbourne. Ông biết Pete Huntley sẽ không trách cứ ông, và điều đó càng khiến chuyện tội tệ hơn. Tại sao? Vì Pete không giỏi công việc này bằng ông, Hodges ngay cả bây giờ. Pete sẽ không bao giờ bằng được, thậm chí cả trong thời điểm xuất sắc nhất của anh ta cũng không. Một tay giỏi vừa đủ, một người làm việc chăm chỉ, nhưng...

Nhưng.

Nhưng nhưng nhưng.

Tất cả chẳng thay đổi gì. Ông cần phải báo cho họ, cho dù điều đó có cảm giác như là chết đi. Khi ta gạt tất cả những thứ khác qua một bên, sẽ chỉ còn lại đúng một điều: Kermit William Hodges đang đắm vào ngô cụt. Brady Hartsfield đã cao chạy xa bay. Có thể có chút đầu mối trong những chiếc máy tính - điều gì đó để lần ra chỗ của hắn lúc này, ý đồ của hắn có thể là gì, hoặc cả hai - nhưng Hodges không thể truy cập vào được chúng. Ông cũng chẳng thể nào vin cớ gì mà tiếp tục che giấu tên và nhân dạng của kẻ đã gây ra vụ Thảm sát City Center. Có thể Holly nói đúng, có thể Brady Hartsfield sẽ thoát và gây ra tội ác mới, nhưng kermitfrog19 chẳng còn lựa chọn nào khác. Điều duy nhất mà ông có thể làm là bảo vệ Jerome và Holly nếu có thể. Tại thời điểm này, thậm chí có khi ông còn không làm được điều đó. Rốt cuộc thì lão già nhiều chuyện bên kia đường đã thấy cả bọn rồi còn gì.

Ông bước ra khỏi hàng hiên và mở chiếc Nokia của mình, hôm nay ông đã dùng nó nhiều hơn toàn bộ quãng thời gian từ khi về hưu.

Ông nghĩ bụng, Nhục đến thế là cùng, và bấm quay số nhanh cho Pete Huntley.



**P**ete bắt máy ở hồi chuông thứ hai. “Cộng sự!” anh ta hí hửng thốt lên. Có âm thanh chuyện trò ồn ào trong máy, và ý nghĩ đầu tiên của Hodges là Pete trong một quán bar đâu đó, đang ngất ngưỡng và sắp sửa say bết nhè đến nơi.

“Pete, tôi cần nói chuyện với cậu về...”

“Được rồi, được rồi, anh muốn tôi ăn bao nhiêu thịt quạ tôi cũng chịu, chỉ có điều là không phải lúc này. Ai đã gọi cho anh vậy? Izzy à?”

“Huntley!” ai đó hét lên. “Năm phút nữa sếp sẽ đến đây! Cùng báo chí! Tay PIO khôn kiếp đâu rồi?”

PIO, phát ngôn viên. Pete không ở quán bar và không say rượu, Hodges nghĩ. Anh ta chỉ đang sướng đến phát rồ.

“Không có ai gọi cho tôi cả, Pete. Có chuyện gì vậy?”

“Anh không biết à?” Pete cười. “Chính là vụ phá án vũ khí lớn nhất lịch sử thành phố này. Có khi là lớn nhất lịch sử nước Mỹ luôn. Hàng trăm khẩu súng máy M2 và HK91, súng phóng tên lửa, những khẩu đại bác laser chết tiệt, hàng thùng súng chống tăng Lahti L-35 còn mới nguyên, súng trường Nga AN-9 vẫn còn đủ dầu mỡ... ở đây có đủ hàng trang bị cho cả hai tá đồn quân Đông Âu. Còn đạn nữa chứ Chúa ơi! Chúng chất cao đến hai tầng! Chẳng may mà cái cửa hiệu cầm đồ chết tiệt ấy mà cháy thì toàn bộ khu Lowtown đã nổ tung rồi!”

Còi hú. Ông nghe thấy tiếng còi hú. Thêm những tiếng quát. Có người đang quát tháo ai đó khác dựng mấy cái ghế ngựa kia lên.

“Hiệu cầm đồ nào?”

“Cầm đồ & Cho vay King Virtue, phía Nam đại lộ Martin Luther King. Anh biết chỗ đó chứ?”

“Ừ...”

“Và đoán được ai là chủ không?” Nhưng Pete đang phấn khích đến nỗi không để ông có cơ hội đoán nữa. “Alonzo Moretti! Hiểu chưa nào?”

Hodges không hiểu.

“Moretti là cháu gọi Fabrizio Abbascia bằng ông, Bill! Fabby Mũi to! Đã hình dung ra chưa nào?”

Thoạt đầu vẫn chưa, vì khi Pete và Isabelle thăm vấn ông, Hodges chỉ là giật tạm cái tên Abbascia ra khỏi hồ sơ các vụ án cũ lưu trong đầu về những kẻ có thể hận thù ông... và phải có đến cả hàng trăm tên như vậy sau bao năm tháng. “Pete, chủ King Virtue là người da đen cơ mà. Tất cả cửa hàng khu đó đều thế cả.”

“Đếch có đâu. Tên Bertonne Lawrence trưng ra trên biển, nhưng cửa hàng đó cho thuê rồi, Lawrence chỉ là bình phong thôi, và hẳn đang khai tuốt tuần tuốt. Anh biết phần tuyệt vời nhất là gì không? Chúng ta có một phần công trong việc phá án, vì hai cảnh sát của đội tuần tra đã hành động sớm một tuần gì đó trước khi ATF định cất vó bọn này. Tất cả thanh tra trong sở đều đang có mặt dưới này. Sếp lớn đang trên đường, và ông ấy đi cùng một đoàn báo chí còn hùng hậu hơn cả màn Diễu hành lễ Tạ ơn của hãng Macy nhé. Đừng hòng đám liên bang đó riêng cả vụ này! Đừng hòng!” Lần này tiếng cười của anh ta nghe đúng thật như một gã điên.

Tất cả thanh tra của sở, Hodges nghĩ. Vậy thì còn lại gì cho tên Sát nhân Mercedes? Giẻ rách chứ còn gì nữa.

“Bill, tôi phải đi đây. Vụ này... ông bạn ơi, vụ này thật là quá đỉnh.”

“Chắc chắn rồi, nhưng trước hết hãy cho tôi biết nó thì liên quan gì đến tôi.”

“Thì những gì anh đã nói đấy. Vụ đánh bom xe là hành động báo thù. Moretti thanh toán món nợ máu của ông hẳn. Ngoài chỗ súng trường, súng máy, lựu đạn, súng ngắn và vũ khí đủ loại khác, có ít nhất cả bốn tá thùng Hendricks Chemicals Detasheet. Anh biết thứ đó là gì không?”

“Thuốc nổ cao su.” Giờ thì hình dung ra rồi.

“Đúng rồi. Người ta kích nổ nó bằng kíp chì azua, và chúng tôi đã biết rằng đó là loại được dùng để kích nổ khối thuốc trong xe anh. Chúng tôi chưa có kết quả phân tích hóa học thuốc nổ, nhưng khi nào có, thì cũng sẽ là Datasheet thôi. Anh có thể tin chắc vào điều đó. Anh thật là lão già chó đẻ số đỏ đấy, Bill.”

“Thì đúng thế mà,” Hodges nói. “Đỏ thật.”

Ông có thể hình dung ra khung cảnh bên ngoài King Virtue: cảnh sát và đặc vụ ATF ở khắp nơi (có lẽ đang cãi cọ về thẩm quyền rồi cũng nên), và liên tục bổ sung thêm. Đường Lowbriar bị phong tỏa, có lẽ cả đại lý MLK nữa. Những đám đông hiếu kỳ tụ tập. Cảnh sát trưởng và các nhân vật chớp bu là khác trên đường đến. Thị trưởng sẽ không lỡ dịp làm một bài phát biểu. Chưa kể ngàn ấy phóng viên, ê kíp truyền hình, và xe phát sóng trực tiếp. Pete đang ngây ngất vì phấn khích, có lẽ nào Hodges lại đi sa vào kể lể một câu chuyện dài dòng phức tạp về vụ Thảm sát City Center, và một chat-room máy tính có tên gọi là Chiếc Ô Xanh của Debbie, một bà mẹ có lẽ đã tự uống say đến chết, và một tên thợ sửa máy tính đang bỏ trốn?

“Không, ông quyết định, mình sẽ không làm thế.”

Điều ông làm là chúc Pete may mắn và nhấn phím KẾT THÚC.



**K**hi ông quay trở vào trong bếp, Holly không còn ở đó, nhưng ông có thể nghe thấy tiếng cô. Có vẻ như Holly Lúng búng đã biến thành Holly Rao giảng. Hiển nhiên là giọng cô sở hữu cái chất du dương lạ-chúa-toàn-năng đó, ít nhất cũng là trong lúc này.

“Con đang ở cùng ông Hodges và Jerome bạn ông ấy,” cô đang nói. “Họ là bạn con, mẹ. Bọn con đã ăn một bữa trưa ngon lành. Bây giờ bọn con đang đi ngắm cảnh, và tối nay bọn con sẽ ăn một bữa tối ngon tuyệt. Bọn con đang nói về Janey. Con có thể làm thế nếu con muốn.”

Ngay cả trong khi rối bời về tình cảnh hiện thời của họ và buồn không nguôi về Janey, Hodges vẫn phẫn chấn khi nghe tiếng Holly đương đầu với dì Charlotte. Ông không dám chắc đây là lần đầu tiên, nhưng thề có Chúa, có lẽ là thế thật.

“Ai gọi cho ai vậy?” ông vừa hỏi Jerome, vừa hất đầu về phía tiếng cô.

“Holly gọi, nhưng đó là ý của cháu. Cô ấy tắt điện thoại để bà mẹ không gọi được cho cô ấy. Cô ấy nhất định không chịu cho đến khi cháu bảo mẹ cô ấy có thể sẽ báo cho cảnh sát.”

“Vậy nếu con làm thì sao,” lúc này Holly đang nói. “Nó là xe của Olivia và đâu phải là con đánh cắp nó. Tối nay con sẽ quay về mà, mẹ. Từ giờ đến lúc đó, hãy để con được yên!”

Cô quay trở vào bếp với vẻ mặt đỏ bừng, ngạo nghễ, trẻ hơn nhiều tuổi, và thật xinh xắn.

“Cô đỉnh quá, Holly,” Jerome nói, và giơ tay lên cho một cú đập ăn mừng.

Cô phớt lờ cử chỉ đó. Mắt cô - vẫn còn chớp chớp - dán chặt vào Hodges. “Nếu ông gọi cảnh sát và tôi vướng vào rắc rối, tôi không quan tâm. Nhưng trừ phi ông đã làm thế rồi, còn không thì không nên. Họ không thể tìm được hã. Chúng ta thì có. Tôi biết chúng ta có thể.”

Hodges nhận ra rằng nếu việc bắt tên Sát nhân Mercedes có ý nghĩa quan trọng với ai đó trên đời này còn hơn cả ông, thì người đó là Holly Gibney. Có lẽ đây lần đầu tiên trong đời mình cô đang làm một việc quan trọng. Và cô làm nó với những người yêu quý và tôn trọng cô.

“Tôi sẽ cố thêm một thời gian nữa. Chủ yếu vì chiều nay cảnh sát đang bận việc khác. Buồn cười - hoặc có lẽ điều trớ trêu - là ở chỗ họ nghĩ chuyện đó liên quan đến tôi.”

“Bác đang nói về chuyện gì vậy?” Jerome hỏi.

Hodges liếc nhìn đồng hồ và thấy đã là hai giờ hai mươi. Họ đã ở đây đủ lâu rồi. “Hãy quay lại chỗ tôi. Tôi có thể nói với hai người trên đường, và sau đó chúng ta có thể bắt tay vào vụ này thêm một lần nữa. Nếu không đạt được kết quả gì, tôi sẽ phải gọi lại cho cộng sự của mình. Tôi không mạo hiểm với nguy cơ xảy ra một màn trình diễn kinh hoàng nữa đâu.”

Mặc dù nguy cơ đã ở sẵn đó rồi, và ông có thể thấy qua nét mặt của họ rằng Jerome và Holly cũng biết rõ điều đó giống mình.

“Tôi đã vào cái phòng làm việc nhỏ cạnh phòng khách để gọi cho mẹ tôi,” Holly nói. “Bà Hartsfield có một cái laptop. Nếu chúng ta quay về nhà ông, tôi muốn mang nó theo.”

“Tại sao?”

“Tôi có thể tìm ra được cách thâm nhập vào máy tính của hã. Có thể bà ta đã viết ra những lệnh bàn phím hoặc mật khẩu kích hoạt bằng giọng nói.”

“Holly, điều đó có vẻ không khả thi lắm. Những kẻ tâm thần như Brady sẽ rất kỳ công trong việc che giấu con người thật của chúng với bất kỳ ai.”

“Tôi biết,” Holly nói. “Tất nhiên tôi biết chứ. Vì tôi cũng bị tâm thần mà, và tôi cố che giấu điều đó.”

“Này, Hol, thôi nào.” Jerome cố cầm lấy tay cô. Cô nhất định không chịu. Thay vào đó cô lấy thuốc lá trong túi ra.

“Tôi bị và tôi biết điều đó. Mẹ tôi cũng biết, và bà ấy luôn để mắt đến tôi. Bà ấy rình rập tôi. Vì bà ấy muốn bảo vệ tôi. Bà Hartsfield cũng sẽ làm vậy thôi. Xét cho cùng thì hẳn là con tôi với bà ấy cơ mà.”

“Nếu cô ở Linklatter ở Discount Electronix mà nói đúng,” Hodges nói, “thì hẳn là bà Hartsfield hầu như lúc nào cũng say bí tỉ.”

Holly trả lời, “Bà ấy có thể là một kẻ nát rượu được việc. Ông có ý tưởng nào hay hơn không?”

Hodges chịu thua. “Được rồi, lấy cái laptop đi. Cũng có chết gì ai đâu nào.”

“Chưa được,” cô nói. “Năm phút nữa. Tôi muốn hút một điếu thuốc. Tôi ra ngoài hiên.”

Cô đi ra. Cô ngồi xuống. Cô châm thuốc.

Qua cánh cửa lưới, Hodges gọi với ra, “Từ bao giờ cô trở nên quyết đoán thế, Holly?”

Cô không quay người lại để trả lời, “Tôi đoán là từ khi tôi thấy những mảnh xác chị họ mình cháy trên đường.”



**B**a giờ kém mười lăm chiều hôm đó, Brady rời căn phòng Motel 6 của hắn ra ngoài hít thở không khí cho thoáng và thấy một cửa hàng Chicken Coop ở bên kia đường. Hắn đi sang và gọi bữa ăn cuối cùng của đời mình: một phần Clucker Delight thêm nước sốt và salad bắp cải. Khu vực nhà hàng gần như vắng tanh, và hắn mang khay ra một bàn cạnh cửa sổ để có thể ngồi trong ánh nắng. Chẳng mấy mà sẽ chẳng còn chút năng nào dành cho hắn nữa, nên hắn muốn tha hồ thưởng thức một chút trong lúc còn có thể.

Hắn ăn chậm rãi, nhớ lại tất cả những lần hắn mua đồ ăn của Chicken Coop mang về nhà, và lần nào mẹ hắn cũng yêu cầu một phần Clucker với gấp đôi salad bắp cải. Hắn vừa mới gọi đúng bữa ăn của bà ta mà thậm chí còn không ngờ đến. Nó khiến hắn ứa nước mắt, và hắn lấy khăn giấy ăn lau chúng đi. Khổ thân mẹ!

Ánh nắng cũng tốt, nhưng lợi ích của nó thật phù du. Brady nghĩ về những lợi ích lâu bền hơn mà bóng tối mang đến. Không còn phải nghe những màn rên rầm đồng tính nữ quyền của Freddi Linklatter. Không còn phải nghe Tones Frobisher giải thích tại sao gã không thể ra ngoài làm dịch vụ chăm sóc khách hàng bởi vì TRÁCH NHIỆM CỦA GÃ ĐỐI VỚI CỬA HÀNG, trong khi thực tế là vì gã còn chẳng biết sập ổ cứng là gì dù nó có đập vào mặt gã. Không còn cảm thấy hai quả thận biến thành đá khi hắn lái lòng vòng trong xe tải Mr. Tastey giữa tháng Tám với máy làm lạnh bật mức cao. Không còn phải nện rầm rầm vào bảng điều khiển chiếc Subaru mỗi khi radio tậm tịt. Không còn phải nghĩ đến những cái quần chíp thêu



ren của mẹ hăn và cặp đùi dài, thật dài. Không còn cuồng nộ vì bị phốt lờ và xem thường. Không còn những cơn đau đầu. Và không còn những đêm mất ngủ, vì sau ngày hôm nay sẽ chỉ còn toàn là ngủ, lúc nào cũng ngủ.

Mà không có giấc mơ nào.

Khi đã xong bữa (hăn ăn sạch từng miếng một), Brady dọn bàn, lấy một cái khăn giấy khác lau sạch vết nước sốt rớt ra, và đổ rác. Cô nàng quỳ hỏi hăn xem mọi thứ có ổn không. Brady vừa trả lời là có vừa bắn khoản không biết liệu bao nhiêu thịt gà và nước sốt cùng với bánh quy và salad bắp cải sẽ có cơ hội được tiêu hóa trước khi vụ nổ xé toang dạ dày hăn ra và làm bắn tung tóe những gì còn lại ra khắp nơi.

Chúng sẽ nhớ mình, hăn nghĩ trong lúc đứng ở rìa đường, chờ dòng xe thưa bớt để quay trở lại nhà nghỉ. Điểm cao nhất từ xưa đến nay. Mình sẽ đi vào lịch sử. Giờ thì hăn thấy mừng vì đã không giết được lão cớm béo về vườn. Hodges nên sống để chứng kiến những gì sẽ xảy ra đêm nay. Lão sẽ phải ghi nhớ. Lão sẽ phải sống chung với nó.

Quay vào phòng, hăn nhìn cỗ xe lăn và cái túi đi tiểu nhồi đầy thuốc nổ nằm trên tấm đệm CHỖ ĐẬU MÔNG cũng nhồi đầy thuốc nổ. Hăn muốn đến MAC sớm (nhưng không quá sớm; hăn hoàn toàn không muốn khiến mình lạc lõng thêm nữa ngoài việc hăn là đàn ông và đã hơn mười ba tuổi), nhưng vẫn còn chút thời gian. Hăn đã mang theo laptop của mình, cũng chẳng vì lý do gì đặc biệt mà chỉ theo thói quen, và giờ thì hăn mừng vì điều đó. Hăn mở nó ra, kết nối với Wifi của nhà nghỉ, và vào trang Chiếc Ô Xanh của Debbie. Vào đó hăn để lại một tin nhắn cuối cùng - một kiểu hợp đồng bảo hiểm.

Lo xong chuyện đó, hăn đi bộ ra bãi đỗ xe sân bay và lấy lại chiếc Subaru.



Hodges và hai thanh tra tập sự của mình về đến đường Harper lúc suýt soát ba rưỡi. Holly đảo mắt liếc nhanh một vòng, rồi cắp cái laptop của bà Hartsfield quá cổ vào trong bếp và bật nó lên. Jerome và Hodges đứng cạnh, cả hai đều hy vọng sẽ không có màn hình nhập mật khẩu nào... nhưng vẫn có.

“Thử tên bà ta xem,” Jerome nói.

Holly làm theo. Màn hình của chiếc máy Mac rung lên: không.

“Được rồi, thử Debbie vậy,” Jerome nói. “Cả đuôi ie và đuôi là i nữa.

Holly gạt một sợi tóc màu nâu lông chuột ra khỏi mắt để cậu có thể nhìn thấy sự bức tức của cô một cách rõ ràng. “Kiểm việc gì đó mà làm đi, Jerome, được chứ? Cô không muốn cháu nhìn qua vai cô. Cô ghét thế lắm.” Cô chuyển sự chú ý của mình sang Hodges. “Tôi hút thuốc ở đây được không? Hy vọng là được. Nó giúp tôi suy nghĩ. Thuốc lá giúp tôi suy nghĩ.”

Hodges lấy cho cô một cái đĩa nhỏ. “Đèn hút thuốc bật rồi đấy. Jerome và tôi sẽ ở trong phòng làm việc. Tìm thấy gì thì cứ hú nhé.”

Khả năng đó thấp lắm, ông nghĩ bụng. Thực ra là bất kỳ khả năng nào luôn.

Holly không để ý. Cô còn mãi châm thuốc. Cô đã bỏ cái giọng mục sư rao giảng lại phía sau và trở về với điệu bộ lúng búng. “Hy vọng bà ta để lại một gợi ý. Mình có hy vọng-gợi ý. Hy vọng-gợi ý là thứ Holly có.” Ôi trời, Hodges nghĩ bụng.

Trong phòng làm việc, ông hỏi Jerome là cậu có hiểu cô đang nói đến gợi ý kiểu gì không.

“Sau ba lần thử, một số máy tính sẽ cho ta một gợi ý mật khẩu. Để đánh thức trí nhớ trong trường hợp ta quên mất. Nhưng chỉ trong trường hợp người ta đã cài đặt chế độ đó.”

Từ trong bếp vọng ra một tiếng hét đầy tức tối và không hề lúng túng tí nào: “Chó chết! Hai chó chết! Ba chó chết!” Hodges và Jerome nhìn nhau.

“Chắc không rồi,” Jerome nói.



Hodges bật máy tính của ông lên và nói với Jerome điều ông muốn: một danh sách tất cả những sự kiện tụ tập đông người nơi công cộng trong vòng bảy ngày tới.

“Cháu làm được,” Jerome nói, “nhưng có lẽ trước hết bác muốn kiểm tra cái này đã.”

“Gì vậy?”

“Một tin nhắn. Ở trang dưới Chiếc Ô Xanh.”

“Nhấp vào xem.” Hai tay Hodges đang siết chặt thành những nắm đấm, nhưng khi ông đọc thông điệp cuối cùng của merckill, chúng từ từ mở ra. Tin nhắn có nội dung ngắn ngủi, và mặc dù chẳng giúp được gì ngay lúc này, nó chứa đựng một tia hy vọng.

*Vĩnh biệt, ĐỒ KHỐN KIẾP.*

*TB: Tận hưởng Cuối Tuần của mày đi, tao thì đương nhiên rồi.*

Jerome nói, “Cháu nghĩ bác vừa nhận được thư chia tay tình cũ rồi.”

Hodges cũng nghĩ vậy, nhưng ông không quan tâm. Ông đang chú ý đến dòng tái bút. Ông biết có thể nó chỉ là chiêu trò đánh lạc hướng, nhưng nếu không phải thế thì nghĩa là họ sẽ có thêm chút thời gian.

Trong bếp bay ra một làn khói thuốc lá mỏng và lại một tiếng hét tức tối chó chết.

“Bác Bill này? Cháu vừa nghĩ đến một điều tồi tệ.”

“Chuyện gì vậy?”

“Buổi biểu diễn tối nay. Cái nhóm nhạc nam ấy, Round Here. Ở Mingo. Em gái và mẹ cháu sẽ đến đó.”

Hodges cân nhắc thông tin đó. Khán phòng Mingo có bốn nghìn chỗ ngồi, tám mươi phần trăm khách tham dự đêm nay là nữ - các bà mẹ và những cô con gái tuổi ầm ương. Sẽ có cả đàn ông tham gia, nhưng hầu hết là đi kèm con gái và bạn của con gái mình. Brady Hartsfield là một gã dễ coi khoảng ba mươi và nếu hấn thử một mình đến buổi hòa nhạc đó, nhìn hấn sẽ lạc lõng như một ngón tay sừng. Ở nước Mỹ thế kỷ hai mươi mốt, bất kỳ gã đàn ông nào đi một mình ở một sự kiện chủ yếu nhằm đến những cô bé sẽ thu hút sự chú ý và ngờ vực.

Lại còn: *Tận hưởng Cuối Tuần của mày đi, tao thì đương nhiên rồi.*

“Bác có nghĩ cháu nên gọi điện bảo mẹ cháu giữ bọn trẻ ở nhà không?” Nhìn mặt Jerome thật khổ sở trước viễn cảnh đó. “Barb có lẽ sẽ không thèm nói chuyện với cháu nữa. Chưa kể con bé Hilda bạn nó và mấy đứa nữa...”

Từ trong bếp: “Ôi, cái đồ chết tiệt này! Có thôi không thì bảo!”

Hodges chưa kịp trả lời thì Jerome đã nói, “Mặt khác thì rõ ràng là nghe có vẻ như hấn đã có kế hoạch nào đó cho cuối tuần, và hôm nay mới là thứ Năm. Hay đó chính là điều mà hấn muốn chúng ta tưởng thế?”

Hodges thì thiên về hướng câu khiêu khích đó là thật. “Cháu tìm lại cho bác cái ảnh Cyber Parol của Hartsfield được không? Cái bức ảnh hiện ra khi ta nhấp chuột vào dòng HÃY GẶP CÁC CHUYÊN GIA ấy.”

Trong lúc Jerome làm việc đó, Hodges gọi cho Marlo Everett ở Phòng Hồ sơ Cảnh sát.

“A lô, Marlo à, lại là Bill Hodges đây. Tôi... ừ, dưới Lowtown đang náo loạn lắm, tôi nghe thấy chuyện đó từ Pete. Nửa lực lượng đang ở dưới đó, đúng không?... ừ hứ... ừm, tôi sẽ không giữ cô lâu đâu. Cô có biết là Larry Windom còn phụ trách an ninh ở MAC không ấy nhỉ? Ừ, đúng rồi, tay thiên lôi ấy. Chắc chắn rồi, tôi sẽ giữ máy.”

Vừa cầm máy, ông vừa kể cho Jerome là Larry Windom về hưu sớm vì MAC đề nghị với anh ta công việc có mức lương gấp đôi mức lương thanh tra của anh ta. Ông không nói đó không phải là lý do duy nhất Windom giã từ cuộc chơi sau hai mươi năm. Và rồi Marlo quay lại. Đúng, Larry vẫn làm ở MAC. Cô thậm chí còn có cả sổ của bộ phận an ninh.

Trước khi ông kịp chào tạm biệt, cô hỏi ông xem có vấn đề gì không. “Vì tối nay có một buổi hòa nhạc lớn ở đó.

Cháu gái tôi cũng đi xem. Con bé phát cuồng vì mấy cái thẳng đở hơi ấy.”

“Không sao đâu, Marls. Chỉ là mấy công chuyện cũ thôi.”

“Bảo Larry là hôm nay chúng tôi có thể dùng đến anh ta rồi,” Marlo nói. “Phòng sinh hoạt chung của sở vắng tanh luôn. Không thấy bóng dáng một thanh tra nào.”

“Tôi sẽ làm thế.”

Hodges gọi cho bộ phận an ninh của MAC, tự giới thiệu mình là Thanh tra Bill Hodges, và yêu cầu gặp Windom. Trong khi chờ đợi ông dăm dăm nhìn vào Brady Hartsfield. Jerome đã phóng to bức ảnh lấp đầy cả màn hình. Hodges bị thu hút bởi đôi mắt. Trong phiên bản nhỏ hơn, và khi ở cùng hàng với hai đồng nghiệp khác, đôi mắt đó có vẻ cũng dễ chịu bình thường. Tuy nhiên, khi bức ảnh choán đầy màn hình, điều đó đã thay đổi. Cái miệng đang mỉm cười; đôi mắt thì không. Đôi mắt lạnh tanh và hờ hững. Gần như chết.

Vớ vẩn, Hodges tự nhủ (tự rửa). Đây là trường hợp kinh điển của việc nhìn thấy những thứ không hề tồn tại dựa trên những kiến thức mới thu lượm được - kiểu như một nhân chứng vụ cướp ngân hàng tuyên bố *Lúc đó tôi đã nghĩ nhìn hẳn thật đáng ngờ ngay cả trước khi hẳn hút khẩu súng đó ra.*

Nghe thì đúng lắm, nghe thì chuyên nghiệp đấy, nhưng Hodges không tin điều đó. Ông nghĩ đôi mắt đang nhìn ra từ trong màn hình là đôi mắt của một con cóc nấu mình dưới một là hòn đá. Hoặc dưới một chiếc ô màu xanh tươi tắn.

Rồi Windom hiện ra trên đường dây. Anh ta có cái giọng oang oang khiến ta muốn giữ điện thoại cách xa tai cả năm phân khi nói chuyện, và anh ta vẫn là gã chuyên xô cả tràng như trước. Anh ta muốn biết tất cả về vụ phá án bụi chiều hôm đó. Hodges bảo anh ta rằng đó là một siêu vụ án, chắc hẳn rồi, nhưng ngoài cái đó ra thì ông chẳng biết gì cả. Ông nhắc Larry là ông nghỉ hưu rồi.

Nhưng.

“Trong tình hình này,” ông nói, “kiểu như Pete Huntley đã ám chỉ cho tôi gọi cậu. Hy vọng cậu không phiền.”

“Lạy Chúa, không. Tôi muốn ngồi uống với anh một chén, là Billy. Nói về những ngày xưa mà giờ đây hai chúng ta đều đã ra khỏi nó. Ông biết đấy, bởi tàn mồi rác.”

“Chắc sẽ vui lắm.” Có mà địa ngục thì đúng hơn.

“Tôi có thể giúp được gì đây?”

“Tôi nay chỗ các cậu có một buổi biểu diễn, Pete bảo thế. Một nhóm nhạc hot boy nào đó. Kiểu mà lũ con gái nhỏ vẫn thích ấy.”

“Chặc chặc chặc, lúc nào chẳng thế. Chưa gì chúng đã chen chúc xếp hàng rồi đây. Lại còn hòa giọng chứ. Cứ một đứa hét tên của một trong những thằng nhóc ấy, là tất cả lại gào ầm lên. Mới từ ở ngoài bãi đỗ xe đi vào là chúng đã gào rú ầm lên rồi. Hệt như cái hội chứng cuồng Beatles ngày xưa, chỉ có điều căn cứ vào những gì tôi nghe thì cái bọn này không sánh được với Beatles. Các anh có đe dọa đánh bom hay à? Hãy bảo với tôi là không đi. Lũ oắt này sẽ xé xác tôi mất và mấy bà mẹ sẽ chén sạch những gì còn lại.”

“Những gì tôi có là tin mật báo rằng tối nay có thể các anh sẽ có một tên quấy rối trẻ em phải xử lý đấy. Đây là một kẻ rất, rất xấu, Larry.”

“Tên tuổi và nhận dạng?” Nhanh chóng và dứt khoát, không lảng tránh. Một người rời bỏ lực lượng vì anh dùng đến năm dặm hơi quá nhanh. Những vấn đề về giận dữ, nói theo ngôn ngữ bác sĩ tâm thần của sở. Ông thiên lồi, theo ngôn ngữ của đồng nghiệp.

“Tên hấn là Brady Hartsfield. Tôi sẽ gửi ảnh của hấn qua mail cho cậu.” Hodges liếc nhìn Jerome, cậu gật đầu và vẽ một vòng tròn bằng ngón cái và ngón trỏ. “Hấn xấp xỉ ba mươi. Nếu cậu thấy hấn, trước hết hãy gọi cho tôi, rồi tóm hấn. Hành động thận trọng nhé. Nếu thằng khốn ấy cố tìm cách chống cự, hãy khống chế hấn.”

“Rất sẵn lòng, Billy, tôi sẽ quán triệt lại cho người của mình. Có khả năng nào hấn sẽ đi cùng một... tôi không biết... một cái đuôi chẳng? Một em gái tuổi teen hoặc thậm chí ai đó trẻ hơn thì sao?”

“Ít có khả năng nhưng không phải là không thể. Nếu cậu phát hiện ra hãn trong đám đông, Lar, cậu phải chớp lấy hãn bất ngờ vào. Có khả năng hãn có vũ khí đấy.”

“Có bao nhiêu khả năng là hãn sẽ đến?” Giọng anh ta nghe hăm dọa và hy vọng thực sự, diễn hình kiểu Larry Windom.

“Không nhiều lắm.” Hodges tuyệt đối tin tưởng vào điều đó, và không chỉ bởi vì lời ám chỉ về dịp cuối tuần mà Hartsfield đã bùng ra. Hãn phải biết là giữa đám khán giả của một đêm hoàn toàn dành cho gái trẻ, hãn sẽ chẳng có cách nào để không bị chú ý. “Dù thế nào đi nữa, chắc cậu cũng hiểu là tại sao sở không thể cử cảnh sát đến, đúng không? Trong khi ở Lowtown đang xảy ra chuyện như thế?”

“Không cần họ đâu,” Windom nói. “Tối nay tôi có ba mươi lăm người, hầu hết là cảnh sát về hưu cả. Chúng tôi biết mình làm gì.”

“Tôi biết vậy mà,” Hodges nói. “Nhớ nhé, gọi cho tôi trước. Cảnh về hưu bọn mình không mấy khi được hành động, vậy nên chúng ta phải bảo vệ những gì mình kiếm được chứ.”

Windom cười. “Tôi nghe anh vụ này. Email ảnh cho tôi.” Anh ta đọc địa chỉ mail cho Hodges ghi lại và chuyển cho Jerome. Nếu chúng tôi thấy hãn, chúng tôi tóm hãn. Sau đó thì là vụ phá án của ông... chú Bill.

“Quý tha ma bắt cậu đi, cho Larry,” Hodges nói. Ông tắt máy, quay sang Jerome.

“Ảnh đã được gửi cho ông ấy rồi,” Jerome nói.

“Tốt lắm.” Sau đó, Hodges nói ra câu rồi sẽ ám ảnh ông suốt cả phần đời còn lại. “Nếu Hartsfield mà thông minh như bác nghĩ, hãn sẽ không lảng vảng đến gần Mingo tối nay đâu. Bác nghĩ mẹ và em gái cháu yên tâm đi được. Nếu hãn cố lên vào buổi hòa nhạc, người của Larry sẽ tóm hãn trước khi hãn kịp vào đến cửa.”

Jerome mỉm cười. “Tuyệt vời.”

“Xem cháu tìm được gì nữa. Hãy tập trung vào thứ Bảy và Chủ nhật, nhưng đừng bỏ qua tuần tới. Cũng đừng bỏ qua ngày mai, bởi vì...”

“Vì cuối tuần tính từ thứ Sáu mà. Có ngay đây.”



Jerome bận rộn vào việc. Hodges bước ra bếp để kiểm tra xem Holly đang làm ăn thế nào. Ông đứng sững lại trước những gì mình nhìn thấy. Cạnh chiếc laptop mượn về là một cái ví màu đỏ. Giấy chứng minh của Deborah Hartsfield, thẻ tín dụng, và hóa đơn năm vung vãi trên bàn. Holly, đã sang điều thuốc thứ ba, đang giơ một cái thẻ MasterCard lên và nghiên cứu nó qua làn khói xanh. Cô nhìn ông với ánh mắt vừa hốt hoảng vừa thách thức.

“Tôi chỉ đang cố mò ra cái mật khẩu chết giẫm của bà ta! Lúc ấy xách tay của bà ta đang treo lủng lẳng sau lưng ghế, còn cái ví thì ở ngay phía trên, nên tôi đã cho nó vào túi. Thình thoảng người ta vẫn cất mật khẩu trong ví của mình. Nhất là phụ nữ. Tôi không cần tiền của bà ta, ông Hodges. Tôi có tiền của tôi mà. Tôi có tiền tiêu vặt.”

Tiền tiêu vặt, Hodges nghĩ. Ôi, Holly.

Mắt cô đang ầng ậc nước và cô lại đang cắn môi. “Tôi sẽ không đòi nào ăn cắp.”

“Được rồi,” ông nói. Ông định vỗ vỗ lên tay cô rồi lại quyết định rằng lúc này đó có thể là một ý tưởng tồi. “Tôi hiểu mà.”

Và lạ Chúa, có cháy nhà chết người đẽch gì đâu chứ? So với tất cả những chuyện kinh khủng ông đã trải qua kể từ khi lá thư khốn kiếp ấy được thả qua khe cửa nhà mình, thì thó cái ví của một phụ nữ đã chết chỉ là chuyện vặt. Khi toàn bộ chuyện này đã phơi bày - chắc chắn là thế rồi - Hodges sẽ nói là chính ông đã lấy nó.

Trong khi đó, Holly vẫn chưa chịu thôi.

“Tôi có thẻ tín dụng riêng, và tôi có tiền mà. Tôi thậm chí còn có cả một tài khoản thanh toán. Tôi mua trò chơi và ứng dụng cho cái iPad. Tôi mua quần áo. Với cả khuyên tai, tôi thích khuyên tai lắm. Tôi có năm mươi sáu đôi. Và tôi tự mua thuốc lá, mặc dù bây giờ thuốc lá đắt lắm rồi. Có thể ông sẽ thấy quan tâm khi biết là ở thành phố New York, một bao thuốc lá bây giờ có giá mười một đô la. Tôi cố gắng để không trở thành gánh nặng vì mình không đi làm được và bà ấy bảo tôi không phải thế nhưng tôi biết tôi là...”

“Holly, thôi nào. Cô cứ để dành những thứ đó cho bác sĩ của mình, nếu cô có một bác sĩ.”

“Tất nhiên là tôi có chứ.” Cô nở một nụ cười tối sầm với cái màn hình nhập mật khẩu buồng bình của bà Hartsfield. “Tôi bị thần kinh, ông không thấy à?” Hodges quyết định phớt lờ câu đó.

“Tôi đang tìm một mảnh giấy có ghi mật khẩu,” cô nói, “nhưng không thấy. Nên tôi đã thử số An sinh Xã hội của bà ta, đầu tiên là xuôi rồi ngược. Cũng làm như vậy với các thẻ tín dụng, tôi thậm chí còn thử cả mã an ninh của thẻ tín dụng nữa.”

“Còn ý tưởng nào nữa không?”

“Dảm ba. Hãy để tôi yên.” Ông đang rời khỏi gian bếp thì cô gọi, “Tôi xin lỗi về khói thuốc, nhưng nó thực sự giúp tôi suy nghĩ.”



Vì Holly đang nghiên rắng nghiên lợi trong bếp còn Jerome cũng làm việc tương tự trong phòng làm việc, nên Hodges thả người vào chiếc ghế LA-Z-Boy trong phòng khách, nhìn đăm đăm vào chiếc ti vi không bật. Đó là một chỗ thật tệ, có khi là tệ nhất. Phần logic trong tâm trí ông hiểu rằng tất cả những gì đã xảy ra là lỗi của Brady Hartsfield, nhưng khi ngồi trong chiếc ghế LA-Z-Boy, là nơi mà ông đã trải qua vô số buổi chiều ủ ê, ngập ngụa ti vi, cảm thấy thật vô dụng và lạc lõng khỏi cái bản thể mà ông vẫn ý y là mình luôn sở hữu trong đoạn đời còn làm việc của mình, thì logic cũng đánh mất sức mạnh của nó. Thứ len lỏi trườn vào thế chỗ nó là một ý nghĩ khủng khiếp: ông, Kermit William Hodges, đã phạm vào cái tội điều tra chẳng ra đầu ra đuôi, thông qua đó đã tiếp tay và khuyến khích tên Sát nhân Mercedes. Hãn và ông là những ngôi sao của chương trình truyền hình thực tế tên là Bill và Brady Thịt mảy Quý bà. Vì khi Hodges nhìn lại, có vẻ như quá nhiều nạn nhân là phụ nữ: Janey, Olivia Trelawney, Janice Cray và con gái Patricia... cộng với Deborah Hartsfield, bà ta có thể đã bị đầu độc chứ không phải tự đầu độc chính mình. Và, ông nghĩ, đây là mình còn chưa tính cả Holly, khả năng cao là cô sẽ bước ra khỏi chuyện này với trạng thái bệnh thần kinh trầm trọng hơn cả lúc bước vào, vì nếu cô không tìm ra được cái mật khẩu ấy... hoặc nếu cô có tìm ra được và chẳng có gì trong máy tính của bà mẹ giúp chúng ta tìm ra thằng con. Mà thực tình, khả năng lớn chừng nào chứ?

Ngồi đây trong cái ghế - thâm tâm biết là mình nên đứng lên mà không sao nhúc nhích được - Hodges nghĩ hồ sơ hủy hoại phụ nữ của ông

thậm chí còn trải dài ngược về xa hơn thế. Chuyện vợ cũ của ông giờ là vợ cũ cũng có lý do của nó. Những năm tháng uống đến gần như nghiện rượu là một phần của lý do ấy, nhưng đối với Corinne (chính bản thân bà hồi ấy cũng thích đôi ba ly và có lẽ kể cả bây giờ vẫn vậy) thì đấy không phải phần chính. Nguyên nhân chính là sự lạnh nhạt lúc đầu đã len lõi luồn vào những khe rạn nứt của cuộc hôn nhân và cuối cùng đã khiến nó đông cứng thành đá. Là việc ông khép mình lại với bà, tự nhủ rằng như thế là tốt cho bà ấy, vì hầu hết những việc ông làm đều độc địa và tâm tối. Là việc ông tỏ rõ bằng hơn chục cách - lớn có, bé có - rằng trong cuộc đua giữa bà và công việc, Corinne Hodges luôn về nhì. Còn con gái ông... ừm. Trời ạ. Allie không bao giờ quên gửi thiệp sinh nhật và Giáng sinh cho ông (dù những tấm thiệp ngày Valentine đã chấm dứt từ mười năm trước), và con bé hầu như chẳng bao giờ bỏ qua cuộc điện thoại nghĩa vụ tối thứ Bảy, nhưng đã mấy năm nay con bé không về thăm ông. Bản thân điều đó đủ nói lên tất cả những gì cần nói về việc ông đã phá hỏng mối quan hệ đó như thế nào.

Tâm trí ông tha thần nhớ đến chuyện con bé xinh đẹp biết bao khi nó còn nhỏ, những vết tàn nhang và mái tóc đỏ ấy - chòm cà rốt nhỏ bé của ông. Con bé thường lao bổ dọc cả hành lang ra với ông khi ông về đến nhà và nhảy tót lên chẳng biết sợ hãi, vì nó biết ông sẽ buông hết bất kỳ thứ gì đang cầm để đỡ lấy mình. Janey nói cô từng phát cuồng về Bay City Rollers, thì Allie cũng có những thần tượng, những nam ca sĩ ẻo uột thời thổi kẹo cao su. Con bé mua đĩa của họ bằng tiền tiêu vặt, những cái đĩa hát nhỏ với cái lỗ to tướng ở giữa. Có ai trên đó nhỉ? Ông chẳng thể nào nhớ nổi, chỉ nhớ là một bài hát trong số ấy cứ lải nhải mãi về những chuyến động và những bước đi Bananarama hay Thompson Twins nhỉ? Ông không biết, nhưng ông biết là ông chưa bao giờ đưa con đến một buổi biểu diễn, mặc dù Corinne có thể đã đưa cô bé đi xem Cyndi Lauper.

Suy nghĩ về Allie và tình yêu đối với nhạc pop của con bé gợi lên một ý nghĩ mới, ý nghĩ khiến ông bật ngồi thẳng dậy, mắt mở to, tay túm chặt lấy tay vịn bọc đệm của cái ghế LA-Z-Boy.

Liệu ông có cho Allie đến buổi biểu diễn tối nay không?

Câu trả lời là tuyệt đối không. Không đời nào.

Hodges xem đồng hồ và thấy đã gần bốn giờ rồi. Ông đứng lên, định bụng vào phòng làm việc và bảo Jerome gọi nhân mẹ cậu giữ lũ con gái tránh xa MAC bất kể chúng có rên rỉ nỉ non như thế nào đi nữa. Ông đã gọi cho Larry Windom và tiến hành các biện pháp đề phòng, nhưng quý tha ma bắt cái đề phòng đó đi. Ông sẽ không đời nào đi đặt mạng sống của Allie vào tay Thiên lôi cả. Không bao giờ.

Ông chưa kịp đi được hai bước về phía phòng làm việc thì Jerome đã gọi vọng ra, “Bác Bill! Cô Holly! Lại đây! Cháu nghĩ cháu đã tìm được thứ gì đó!”



Họ đứng sau lưng Jerome, Hodges nhìn qua vai trái của cậu còn Holly thì bên vai phải. Trên màn hình máy tính của Hodges là một thông cáo báo chí.

*SYNERGY CORP., CITIBANK VÀ 3 CHUỖI NHÀ HÀNG TỔ CHỨC NGÀY HỘI HƯỚNG NGHIỆP MÙA HÈ LỚN NHẤT VÙNG TRUNG TÂY TẠI EMBASSY SUITES. HÃY ĐĂNG KÝ NGAY LẬP TỨC.*

*Những người theo đuổi sự nghiệp kinh doanh và các cựu chiến binh được khuyến khích tham gia Ngày Hội Hướng nghiệp của năm vào thứ Bảy, ngày 5 tháng Sáu, 2010. Sự kiện chặn đứng suy thoái này sẽ được tổ chức tại Embassy Suites, số 1 Synergy Square tại khu trung tâm. Việc đăng ký trước được khuyến khích nhưng không nhất thiết. Các bạn sẽ được khám phá hàng trăm việc làm tại website của Citibank, tại các cửa hàng McDonald's, Burger King và Chicken Coop tại nơi bạn sống, hoặc tại [www.synergy.com](http://www.synergy.com). Hiện có các công việc trong lĩnh vực chăm sóc khách hàng, bán lẻ, an ninh, cấp nước, điện, kế toán, phân tích tài chính, marketing từ xa, thu ngân. Các bạn sẽ tìm thấy những chuyên gia hướng nghiệp được đào tạo và đầy hữu ích cùng những nội dung thiết thực tại tất cả các phòng hội thảo. Mở cửa từ 8 giờ sáng. Hãy mang theo hồ sơ của bạn và ăn mặc để thành công. Hãy nhớ là đăng ký trước sẽ đẩy nhanh quá trình và cải thiện cơ hội bạn có được công việc tìm kiếm bấy lâu nay.*

*CHÚNG TA SẼ CÙNG NHAU ĐẨY LÙI CUỘC SUY THOÁI NÀY!*

“Mọi người nghĩ sao?” Jerome hỏi.

“Bác nghĩ cháu tóm đúng tổ tò vò rồi.” Một con sóng nhẹ nhõm không lồ quét qua Hodges. Không phải buổi diễn ca nhạc tối nay, hoặc một câu lạc bộ nhảy nhót đông đúc ở trung tâm, hoặc trận bóng chày trong khuôn khổ giải cấp thấp giữa Groundhogs và Mudhens vào đêm mai. Mà chính là sự kiện tại Embassy Suites. Chắc chắn là thế rồi, quá hoàn hảo tròn trịa chứ không thể là sự kiện nào khác. Bệnh điên của Brady Hartsfield có mô thức; với hần, alpha phải bằng omega. Hartsfield quyết tâm kết thúc sự nghiệp kẻ giết người hàng loạt của hần bằng cách giống như hần đã bắt đầu, đó là giết hại những người thất nghiệp của thành phố.

Hodges quay sang xem Holly thấy thế nào, nhưng Holly đã rời khỏi phòng. Cô quay trở lại bếp, ngồi trước máy tính của Deborah Hartsfield và nhìn chăm chăm màn hình nhập mật khẩu. Vai cô xuôi xuống. Trong cái đĩa cạnh cô, điều thuốc lá đã cháy đến tận đầu lọc, để lại cả một mẩu tàn thuốc nguyên vẹn.

Lần này ông đánh liều chạm vào cô. “Không sao đâu, Holly. Mật khẩu giờ không quan trọng nữa vì chúng ta xác định được vị trí rồi. Tôi sẽ liên lạc với cộng sự cũ trong một vài tiếng nữa, sau khi vụ ở Lowtown có cơ hội lắng xuống một chút, và nói cho anh ta mọi chuyện. Họ sẽ ban bố lệnh truy lùng Hartsfield và xe của hần. Nếu không tóm được hần trước sáng thứ Bảy, họ sẽ tóm hần khi hần tiếp cận hội chợ việc làm.”

“Chúng ta có thể làm gì tối nay không?”

“Tôi đang suy nghĩ về việc đó.” Có một điều, mặc dù nó vu vơ đến nỗi đúng ra phải gọi là không.

Holly nói, “Nhờ ông nhằm về vụ ngày hội hưởng nghiệp thì sao? Nhờ hần có ý đồ cho nổ tung một rạp chiếu phim tối nay?”

Jerome đi vào. “Hôm nay là thứ Năm mà, cô Hol, và vẫn còn quá sớm cho những bộ phim bom tấn mùa hè. Hầu hết các rạp sẽ không có nổi đến hơn chục người xem đâu.”

“Nếu vậy thì là buổi diễn ca nhạc,” cô nói. “Có thể hần không biết chỉ toàn là lũ con gái.”

“Hần sẽ biết,” Hodges nói. “Chẳn là một sinh vật bừa phứa, nhưng điều đó không có nghĩa là hần ngu ngốc. Ít nhất hần cũng sẽ lên kế hoạch

trước vài ba việc.”

“Cho tôi thêm một chút thời gian để thử phá mật khẩu của bà ta được không? Làm ơn?”

Hodges liếc đồng hồ. Bốn giờ mười. “Chắc chắn rồi. Đến bốn rưỡi, thế được chưa?”

Mắt cô lóe lên, mặt cả, “Năm giờ kém mười lăm nhé?” Hodges lắc đầu.

Holly thở dài. “Tôi cũng hết cả thuốc lá rồi.”

“Thứ này sẽ giết cô đấy,” Jerome nói.

Cô nhìn cậu bằng ánh mắt thờ nhiên như không. “Chính xác? Đó là một phần làm nên sự hấp dẫn của chúng.”





Hodges và Jerome lái xe xuống trung tâm mua sắm nhỏ ở giao lộ giữa đường Harper và đường Hanover để mua cho Holly một bao thuốc lá và cho cô chút riêng tư mà rõ ràng cô đang cần.

Quay lại chiếc Mercedes xám, Jerome chuyển bao thuốc Winston qua lại từ tay này sang tay kia và nói, “Cái xe này làm cháu sờn cả gai ốc.”

“Bác cũng thế,” Hodges thừa nhận. “Nhưng có vẻ như nó chẳng làm phiền gì

Holly nhỉ? Trong khi cô ấy nhạy cảm như thế.”

“Bác nghĩ là cô ấy sẽ ổn chứ? Ý cháu là sau chuyện này.”

Một tuần trước, thậm chí có thể chỉ là hai ngày, hẳn Hodges đã nói điều gì đó vu vơ và đúng đắn về mặt chính trị, nhưng từ đó đến giờ ông và Jerome đã trải qua rất nhiều chuyện. “Thoạt đầu thì ổn,” ông nói. “Sau đó... thì không.”

Jerome thở dài như người ta vẫn làm khi quan điểm tâm tối của họ đã được xác nhận. “Chết tiệt.”

“Ừ.”

“Vậy sao giờ?”

“Giờ chúng ta về nhà, đưa cho Holly mớ đỉnh quan tài của cô ấy để cô ấy hút một điếu đã. Sau đó chúng ta gói ghém mớ đồ cô ấy thuồng từ nhà Hartsfield về. Bác lái xe đưa hai người quay lại Birch Hill Mall. Cháu đưa Holly về Sugar Heights bằng chiếc Wrangler, rồi sau đó cháu cũng về nhà.”

“Và cứ để mẹ cháu đưa Barb cùng lũ bạn nó đến xem buổi biểu diễn đó.”

Hodges ở phò ra một hơi. “Nếu nó khiến cháu thấy thoải mái hơn, hãy bảo mẹ cháu hủy vụ đó đi.”

“Nếu cháu làm thế thì mọi chuyện sẽ lộ hết.” Vẫn tung qua tung lại bao thuốc lá. “Tất cả những gì chúng ta đã làm hôm nay.”

Jerome là một cậu bé thông minh và Hodges không cần xác nhận lại điều đó. Hoặc nhắc cậu rằng cuối cùng thì tất cả thế nào mà chẳng lộ ra hết.

“Bác sẽ làm gì, bác Bill?”

“Quay lại khu North Side. Đổ chiếc Mercedes cách nhà Hartsfield một hai khối nhà, cho chắc ăn. Bác sẽ cất trả laptop và cái ví của bà Hartsfield, rồi rình phục bên ngoài ngôi nhà.”

“Trong trường hợp hấn quay về.”

Jerome tỏ vẻ ngờ vực. “Cái hăm ấy nhìn như thể hấn đã thu dọn sạch sẽ rồi. Khả năng đó là lớn chừng nào chứ?”

“Gần như là không, nhưng đó là tất cả những gì bác có. Cho đến khi bác bàn giao vụ này cho Pete.”

“Chẳng phải bác đã muốn tự tay tóm cổ hấn cơ mà?”

“Ừ,” Hodges nói và thở dài. “Đúng thế.”



**K**hi họ quay lại, đầu Holly đang gục xuống bàn và giấu trong hai cánh tay.

Những món đồ bị dỡ tung ra khỏi ví của Deborah Hartsfield tạo thành một vành đai tiểu hành tinh xung quanh cô. Chiếc laptop vẫn đang mở và vẫn hiện nguyên cái màn hình nhập mật khẩu ngoan cố. Theo như cái đồng hồ trên tường, bây giờ là năm giờ kém hai mươi.

Hodges sợ là cô sẽ phản đối kế hoạch của ông về việc đưa cô về nhà, nhưng Holly chỉ ngời thẳng lên, mở bao thuốc lá mới, và chậm rãi rút ra một điếu. Cô không khóc, nhưng nhìn cô có vẻ mệt mỏi và ỉu xìu.

“Cô đã cố hết sức mà,” Jerome nói.

“Cô luôn cố hết sức, Jerome. Và như thế chưa bao giờ là đủ cả.”

Hodges cầm cái ví màu đỏ lê và bắt đầu cất trả thẻ tín dụng vào các khe nhét. Có lẽ chúng không theo đúng thứ tự mà bà Hartsfield đã để lúc đầu, nhưng ai mà để ý chứ? Bà ta thì không rồi.

Có những tấm ảnh trong một chuỗi ruột mèo trong suốt, và ông hồ hững lướt qua chúng. Đây là bà Hartsfield đứng tay trong tay với một gã vai rộng, lực lưỡng, mặc quần áo công nhân màu xanh - chắc là ông Hartsfield vắng mặt. Đây là bà Hartsfield đứng với một phụ nữ đang cười nói ở nơi nhìn như một salon thẩm mỹ. Đây là một thằng bé mũm mĩm đang ôm chiếc xe cứu hỏa - Brady lúc ba hoặc bốn tuổi, có lẽ thế. Còn một tấm nữa, một bản sao cỡ nhét ví của tấm ảnh trong phòng làm việc nhỏ của bà Hartsfield: Brady và mẹ hấn đứng áp má vào nhau.

Jerome gõ gõ vào nó và nói, “Bác biết bức ảnh này làm cháu hơi liên tưởng đến chuyện gì không? Demi Moore và gã hình như tên là Ashton Kutcher thì phải.”

“Demi Moore tóc đen cơ mà,” Holly thản nhiên nói. “Trừ trong phim G.I. Jane, trong phim ấy cô ấy hầu như chẳng có tí tóc nào, vì cô ấy đang huấn luyện để trở thành lính đặc nhiệm SEAL. Tôi xem phim ấy ba lần rồi, một lần ở rạp, một lần trên băng video, và một lần trên iTunes. Phim hay lắm. Bà Hartsfield tóc vàng.” Cô ngẫm nghĩ, rồi nói thêm, “Từng có.”

Hodges lấy tấm ảnh ra khỏi vỏ để nhìn cho rõ hơn, rồi lật nó lại. Mặt sau có dòng chữ *Mẹ và cục cưng, Bãi biển Sand Point, tháng 8 năm 2007* được viết nắn nót. Ông gõ gõ bức ảnh vào cạnh bàn tay một hai lần, đã định nhét nó trở vào, rồi lại đẩy nó qua cho Holly, úp mặt bức ảnh xuống.

“Thử cái đó đi.”

Cô cau mày nhìn ông. “Thử cái gì?”

“Cục cưng.”

Holly nhập nó vào, nhấn ENTER... và bật lên một tiếng reo sung sướng chẳng hề giống Holly mọi khi chút nào. Vì họ đã mở được. Chính xác luôn. Không có gì đáng chú ý trên màn hình chính - một danh bạ, một folder có tên là NHỮNG CÔNG THỨC ƯA THÍCH và một folder khác có tên EMAIL LƯU; một folder các hóa đơn trên mạng (có vẻ như bà ta đã thanh toán hầu hết các hóa đơn của mình theo cách đó); và một album ảnh (hầu hết là ảnh Brady nhiều lứa tuổi). Có rất nhiều chương trình truyền hình trong iTunes của bà ta, nhưng chỉ có đúng một album nhạc: Alvin and the Chipmunks Celebrate Christmas.

“Lạy Chúa,” Jerome nói. “Cháu không muốn nói là bà ấy đáng chết, nhưng...”

Holly ném cho cậu một cái nhìn nghiêm khắc. “Không hài hước đâu, Jerome.

Đừng có động chạm đến điều đó.”

Cậu giơ hai tay lên. “Xin lỗi, xin lỗi.”

Hodges rà nhanh qua những bức mail lưu và không thấy gì đáng quan tâm. Có vẻ như hầu hết là từ những người bạn cũ thời trung học của bà

Hartsfield, họ gọi bà ta là Debs.

“Ở đây chẳng có gì về Brady cả,” ông nói, “và liếc nhìn đồng hồ. Chúng ta nên đi thôi.”

“Không nhanh thế chứ,” Holly nói, và mở thanh tìm kiếm. Cô gõ BRADY. Có một số kết quả (phần nhiều trong file công thức, một số được lưu trong mục Món ưa thích của Brady), nhưng không có gì đáng quan tâm.

“Thử CỤC CỨNG xem,” Jerome gợi ý.

Cô làm theo và thấy một kết quả - một tài liệu được chôn sâu trong ổ cứng. Holly nhấp vào nó. Đây là cỡ quần áo của Brady, còn có cả một danh sách tất cả những món quà Giáng sinh và sinh nhật mà bà ta đã mua cho hắn trong mười năm qua, hắn là để bà ta không mua trùng lại. Bà ta ghi lại cả số An sinh Xã hội của hắn. Có một scan giấy đăng ký xe, thẻ bảo hiểm xe, và giấy khai sinh của hắn nữa. Bà ta đã liệt kê những đồng nghiệp của hắn cả Discount Electronix và nhà máy kem Loeb's. Bên cạnh cái tên Shirley Orton là một dòng chú thích mà chắc hẳn Brady sẽ cười như điên: Không biết cô ta có phải là bạn gái nó không nhỉ?

“Con mẹ này bị làm sao thế nhỉ?” Jerome hỏi. “Hắn là một người đàn ông trưởng thành rồi cơ mà, vì Chúa.”

Holly mỉm cười tăm tối. “Thì cô đã nói đấy thôi. Bà ta biết hắn không bình thường.”

Ở bên dưới file CỤC CỨNG, có một folder có tên là TẦNG HẦM.

“Chính là nó đấy,” Holly nói. “Nhất định phải là nó. Mở ra, mở ra, mở ra đi.”

Jerome nhấp vào TẦNG HẦM. Văn bản bên trong chỉ dài trên dưới chục chữ.

*Điều khiển = Bóng điện Hỗn độn?? Bóng tối??*

*Tại sao với mình lại không có tác dụng nhỉ???*

Họ nhìn đăm đăm vào màn hình một lúc mà không ai nói gì. Cuối cùng Hodges lên tiếng, “Chẳng hiểu gì cả. Jerome?” Jerome lắc đầu.

Holly, dường như bị thôi miên bởi thông điệp từ người đàn bà đã chết, cất tiếng nói một từ duy nhất, khẽ khàng đến nỗi hầu như không nghe thấy gì: “Có thể...” Cô ngần ngừ, bặm môi, và nhắc lại. “Có thể.”



**B**rady đến Tổ hợp Nghệ thuật và Văn hóa Trung Tây lúc gần sáu giờ tối.

Mặc dù theo lịch thì phải hơn một tiếng nữa buổi biểu diễn mới bắt đầu, bãi đỗ xe rộng mênh mông đã kín ba phần tư. Những hàng dài đã hình thành bên ngoài các cánh cửa dẫn vào sảnh chính, và mỗi lúc chúng lại càng dài thêm. Lũ con gái đang gào rú đến hết công suất. Có lẽ điều đó nghĩa là chúng đang sung sướng, nhưng với Brady thì nghe giọng chúng giống như lũ ma trong một tòa dinh thự hoang phá. Không thể nào nhìn vào đám đông mỗi lúc một lớn thêm mà không nhớ đến buổi sáng tháng Tư tại City Center ấy. Brady nghĩ, Mình mà có một chiếc Humvee thay vì cái đồ xe Nhật bãi rác này, mình có thể tông thẳng vào chúng với tốc độ bốn mươi dặm một giờ, giết đến năm mươi mạng hoặc hơn, rồi ấn nút và cho nổ tung bọn còn lại vào tầng bình lưu.

Nhưng hẳn không có chiếc Humvee nào, và thoát đầu hẳn thậm chí còn không chắc phải làm gì tiếp theo - hẳn không thể để bị nhìn thấy trong lúc thực hiện những khâu chuẩn bị cuối cùng. Và rồi, ở phía cuối bãi đỗ xe, hẳn thấy một cái rơ móc thùng. Cái xe kéo đã đi khỏi và cái thùng thì được kê trên kích nâng. Ở bên cạnh là một chiếc vòng đu quay và tấm biển ghi NHÓM HẬU CẦN Round Here. Đó là một trong những chiếc xe tải mà hẳn đã thấy khu vực dừng hàng trong quá trình vào và lái vòng ra phía sau để chất đồ lên, nhưng lúc này có vẻ như nó bị bỏ không.

Hẳn đồ xe vào mặt trong của cái thùng xe, vốn dài ít nhất cũng hơn mười lăm mét và che chắn hoàn toàn chiếc Subaru khỏi bãi đỗ xe đông đúc.

Hắn lấy cặp kính giả trong hộp đựng đồ ra và mang chúng vào. Hắn ra khỏi xe và đi nhanh một vòng xung quanh để chắc chắn rằng cái thùng xe đúng bị bỏ không như vẻ ngoài. Khi đã hài lòng về điểm đó, hắn trở lại chiếc Subaru và lôi cái xe lăn từ phía sau ra. Không dễ dàng tí nào. Dùng chiếc Honda thì đã đỡ hơn, nhưng hắn không tin tưởng cái động cơ không được bảo dưỡng của nó. Hắn đặt tấm đệm CHỖ ĐẬU MÔNG lên mặt ghế xe lăn, và nối sợi dây điện thò ra từ giữa chữ A trong từ ĐẬU với những sợi dây lòng thòng ở các túi bên chứa thêm các gói thuốc nổ dẻo. Một sợi dây khác, nối với một gói thuốc nổ ở túi sau, lủng lẳng vươn ra từ cái lỗ hắn đã khoét ở sau ghế.

Mồ hôi đầm đìa, Brandy bắt đầu phần chụm nối cuối cùng, hắn tết những lõi đồng và bọc các điểm nối trần bằng những đoạn băng dính được cắt sẵn mà hắn dính ở mặt trước của chiếc áo phông Round Here thùng thình hắn mua sáng hôm ấy ở cửa hàng thuốc. Chiếc áo in hình đúng cái logo vòng đu quay giống như trên xe tải. Bên trên đó là dòng chữ KISSES ON THE MIDWAY. Bên dưới đề I LUV CAM, BOYD, STEVE, AND PETE!

Sau mười phút hì hục (chốc chốc lại phải tạm ngừng để ngó nghiêng quanh mép thùng xe cho chắc chắn là hắn vẫn chỉ có một mình ở mạn này của bãi đỗ), một tấm mạng nhện dệt bằng những sợi dây điện nối với nhau nằm trên mặt ghế xe lăn. Không thể nối luôn cả với cái túi đựng nước tiểu Urinesta gian ngăn, nhưng không sao cả; Brady không hề nghi ngờ việc những gói thuốc nổ khác sẽ mời cho nó nổ luôn.

Chỉ có điều, dù ra sao thì ra, hắn cũng sẽ chẳng thể biết chắc được.

Hắn trở lại chiếc Subaru một lần nữa và lấy ra bức ảnh mà Hodges đã nhìn thấy, được in Phóng cỡ 20 x 25 và lồng khung kính: Frankie đang ôm xe cứu hỏa Sammy và chúm chím cái nụ cười ngơ ngẩn không nội dung của nó. Brady hôn mặt kính và nói, “Anh yêu em, Frankie. Em có yêu anh không?” Hắn vờ như là Frankie trả lời có.

“Em có muốn giúp anh không?”

Hắn vờ như là Frankie trả lời có.

Brady quay lại chỗ cái xe lăn và ngồi xuống tắm đệm CHỖ ĐẬU MÔNG. Lúc này sợi dây điện duy nhất lộ ra là dây tổng, đang lủng lẳng qua phía trước mặt ghế của chiếc xe lăn giữa hai cái đùi giạng ra của hắn. Hắn nối nó với Thiết bị Hai và hít một hơi thật sâu trước khi bật công tắc nguồn. Nếu dòng điện từ những cục pin AA mà bị hở ra... dù chỉ một tí ti thôi...

Nhưng không. Đèn vàng báo sẵn sàng bật sáng, và tất cả chỉ có thế. Đâu đó, không xa xôi gì nhưng ở một thế giới khác, lũ con gái đang gào rú sung sướng. Chỉ lát nữa thôi là nhiều đứa sẽ tan xác; số nhiều hơn thế sẽ mất chân mất tay và gào rú thật sự cho xem. À ừ, thì ít nhất chúng cũng nghe được tí nhạc nhoẹt của ban nhạc chúng yêu thích trước vụ nổ lớn.

Hoặc có thể là không. Hắn ý thức rõ vụ này được lên kế hoạch sơ sài và tạm bợ như thế nào; gã viết kịch bản ngu ngốc bất tài nhất Hollywood cũng còn làm tốt hơn. Brady nhớ tấm biển ở hành lang dẫn vào khán phòng: CẤM MANG TÚI, HỘP VÀ BA LÔ. Hắn không có thứ gì như vậy, nhưng tất cả những gì cần thiết để phá hỏng chuyện này chỉ là một gã bảo vệ tinh mắt nào đó nhìn thấy đầu dây điện duy nhất lộ ra. Ngay cả nếu điều đó không xảy ra, thì một cái liếc nhanh qua những ngăn túi đựng đồ của chiếc xe lăn cũng làm lộ ra sự thật rằng nó là một quả bom di động. Brady đã nhét một lá cờ đuôi nheo của nhóm Round Here vào một ngăn túi, nhưng ngoài cái đó ra thì không có nỗ lực che chắn nào khác.

Điều đó không khiến hắn chùn tay. Hắn không biết thế nghĩa là hắn tự tin hay phó mặc cho định mệnh, và cũng không nghĩ điều đó là quan trọng. Xét cho cùng thì về cơ bản, tự tin hay phó mặc cho định mệnh chẳng phải cũng là một hay sao? Hắn đã trốn thoát sau khi lao xe vào đám người ở City Center, và hầu như cũng chẳng có kế hoạch nào cho hành động đó - chỉ là một cái mặt nạ, một túi tóc lưới và chút thuốc tẩy xóa dấu vết ADN. Trong thâm tâm, hắn đã không hề kỳ vọng là sẽ thoát, và trong trường hợp này thì kỳ vọng của hắn là con số không.

Trong một thế giới bất-cần-đời, hắn sắp sửa trở thành kẻ bất-cần-đời tột đỉnh.



Hắn nhét Thiết bị Hai vào bên dưới chiếc áo phong ngoại cỡ. Nhìn hơi cộm lên một chút, và hắn có thể thấy vệt đèn vàng báo sẵn sàng le lói qua làn vải cotton mỏng, nhưng cả chỗ phồng lên và ánh đèn le lói biến mất khi hắn đặt khung ảnh của Frankie lên lòng mình. Hắn về cơ bản đã sẵn sàng lên đường. Cặp kính giả của hắn tuột xuống sống mũi nhớp nháp mồ hôi. Brady đẩy chúng lên. Hơi rướn cổ lên một chút, hắn có thể nhìn thấy chính mình trong gương chiếu hậu bên phía lái phụ của chiếc Subaru. Đầu hói và đeo kính, trông hắn hoàn toàn khác với con người trước đây. Đơn cử như việc nhìn hắn thật bệnh hoạn tái nhợt và đầm đìa mồ hôi với những quầng tối bên dưới mắt.

Brady lùa bàn tay qua đỉnh đầu, cảm nhận lớp da nhăn thín nơi không cọng tóc nào còn có cơ hội mọc ra. Rồi hắn lúi chiếc xe lăn ra khỏi chỗ đỗ xe và bắt đầu từ từ đẩy mình băng qua khoảng mở rộng của bãi đỗ để đi về phía đám đông đang lớn dần.



Hodges mắc kẹt trong dòng giao thông giao điểm và mãi đến hơn sáu giờ tối mới quay trở lại được khu North Side. Jerome và Holly vẫn đi cùng ông; cả hai đều muốn theo đuổi vụ này đến cùng, bất chấp hậu quả, và vì có vẻ như họ hiểu những hậu quả đó có thể là gì. Hodges đã quyết định ông không thể từ chối họ. Ông cũng chẳng có nhiều lựa chọn; Holly nhất định không tiết lộ điều cô biết. Hoặc nghĩ là mình biết.

Hank Beeson đang ở bên ngoài ngôi nhà của lão và băng qua phố trước khi Hodges kịp dừng hẳn chiếc Mercedes của Olivia Trelawney trên lối đi nhà Hartsfield. Hodges thở dài và hạ cửa sổ phía người lái xuống.

“Đương nhiên là tôi muốn biết đang có chuyện gì,” lão Beeson nói. “Có dính dáng gì đến màn nhốn nháo ở Lowtown không vậy?”

“Ông Beeson,” Hodges nói, “tôi đánh giá cao sự lo lắng của ông, nhưng ông cần phải quay trở về nhà mình và...”

“Không, chờ đã,” Holly nói. Cô đang nhòai người qua khoảng giữa chiếc Mercedes để có thể nhìn thẳng vào mặt Beeson. “Hãy cho tôi biết nghe ông Hartsfield nói như thế nào. Tôi cần biết giọng ông ta nghe như thế nào.”

Beeson tỏ vẻ ngạc nhiên. “Tôi nghĩ là cũng như bất kỳ ai thôi. Tại sao chứ?”

“Có trầm không? Ông biết chứ, giọng nam trầm ấy?”

“Ý cô là như một gã nghệ sĩ opera béo ấy à?” Beeson cười. “Quý tha ma bắt, không có đâu. Hỏi cái kiểu gì vậy?”

“Cũng không cao và the thé chứ?”

Quay sang Hodges, Beeson nói, “Cộng sự của ông bị điên?”

Hơi một chút thôi, Hodges nghĩ. “Hãy trả lời câu hỏi đi, thưa ông.”

“Không trầm, không cao và the thé. Bình thường! Có chuyện gì vậy hả?”

“Không âm sắc địa phương chứ?” Holly vẫn dai dẳng. “Giống như... ừm... giọng miền Nam? Hoặc vùng New England? Hay có lẽ là Brooklyn?”

“Không, tôi đã bảo rồi. Giọng anh ta nghe như bất kỳ ai.”

Holly ngồi trở lại ghế, có vẻ đã hài lòng.

Hodges nói, “Vào nhà đi, ông Beeson. Làm ơn.”

Beeson khịt mũi nhưng vẫn lùi lại. Lão dừng lại chân bậc thềm để ném một cái trứng mắt qua vai. Đó là thứ mà Hodges đã thấy nhiều lần, cái lờm *Tao trả lương cho mày đấy, đồ khốn*. Rồi lão vào trong nhà, đóng rầm cửa lại sau lưng như để bảo đảm họ hiểu được thông điệp. Chỉ lát sau lão đã lại hiện ra ở cửa sổ hai tay khoanh lại trước ngực.

“Nếu chẳng may lão gọi đến đồn cảnh sát để hỏi chúng ta đang làm gì ở đây thì sao?” Jerome hỏi từ băng ghế sau.

Hodges mỉm cười. Nụ cười lạnh tanh nhưng hoàn toàn thật. “Tối nay thì... chúc lão ta may mắn. Xin cứ việc.”

Khi đang dẫn họ đi hàng một dọc theo lối đi hẹp giữa ngôi nhà và garage, ông kiểm tra đồng hồ. Sáu giờ mười lăm. Ông nghĩ bụng, thời gian trôi vèo vèo khi người ta đang vui.

Họ vào bếp. Hodges mở cửa tầng hầm và với tay tìm công tắc điện.

“Không,” Holly nói. “Để thế đi.”

Ông nhìn cô dò hỏi, nhưng Holly đã quay sang Jerome.

“Cháu phải làm việc đó thôi. Ông Hodges thì già quá còn cô lại là phụ nữ.”

Thoạt đầu Jerome không hiểu, rồi cậu hiểu ra. “Điều khiển tương đương với bóng điện?”

Cô gật đầu. Mặt cô đầy vẻ tập trung và căng thẳng. “Nó sẽ có tác dụng nếu giọng cháu chỉ cần hơi giống giọng hân.”

Jerome bước vào ngưỡng cửa, hồi hộp hắng giọng, và nói, “Điều khiển.” Tầng hầm vẫn tối om.

Hodges nói, “Cháu có giọng trầm tự nhiên. Không phải giọng nam trầm, nhưng cũng vẫn trầm. Đó là lý do trên điện thoại nghe giọng cháu già hơn tuổi thật. Hãy xem liệu cháu có thể cất giọng cao hơn một chút không.”

Jerome nhắc lại từ đó, và các bóng điện trong tầng hầm bật sáng. Holly Gibney, người phụ nữ có cuộc đời không hoàn toàn giống như một bộ phim sitcom, bật cười và vỗ tay.



Tanya Robinson đến MAC lúc sáu giờ hai mươi phút, và trong lúc hòa vào dòng xe cộ đổ về đây, bà ước giá mà mình nghe theo lời nỉ non của mấy cô bé và rời nhà sớm hơn một tiếng. Bãi đỗ xe đã kín ba phần tư. Những người đàn ông mặc áo khoác da cam đang điều khiển dòng giao thông. Một người vẫy cho bà sang trái. Bà rẽ theo hướng đó, thận trọng lái xe chậm rãi vì bà đã mượn chiếc Tahoe của Ginny Carver cho tối nay, và bà không hề mong muốn là vướng vào một vụ va quệt. Trên hàng ghế sau lưng, lũ con gái - Hilda Carver, Betsy DeWitt, Dinah Scott, Và Barbara của bà - đang nhảy tưng tưng đúng theo nghĩa là đen vì phấn khích. Chúng đã nhét hết đĩa CD Round Here vào giàn đĩa của chiếc Tahoe (chúng có đủ cả sáu đĩa luôn). Thật ồn ào và căng thẳng, vậy mà Tanya ngạc nhiên nhận ra mình đang thấy khá là thích thú.

“Cẩn thận tránh cái ông tàn tật kia, bác Robinson,” Betsy vừa nói vừa chỉ.

Người tàn tật đó gầy gò, nhợt nhạt, lại còn trọc lóc, trông cứ như đang bơi bên trong cái áo phông rộng thùng thình. Anh ta ôm trong lòng cái gì nhìn như một bức ảnh lồng khung, và bà cũng nhìn thấy một cái túi đựng nước tiểu. Một lá cờ đuôi nheo Round Here ử rử thò ra khỏi một cái túi bên hông xe lăn. Con người tội nghiệp, Tanya nghĩ.

“Có lẽ chúng ta nên giúp ông ấy,” Barbara nói. “Ông ấy đi chậm kinh khủng.”

“Chúa phù hộ cho trái tim nhân hậu của con,” Tanya nói. “Để mẹ đỗ xe đã, và nếu ông ấy chưa đến được tòa nhà khi chúng ta đi bộ trở lại,

chúng ta sẽ làm như thế.”

Bà lượn chiếc Tahoe đi mượn vào một ô trống, tắt máy xe và thở phào nhẹ nhõm.

“Các bồ ơi, nhìn người ta xếp hàng kìa,” Dinah nói. “Phải có đến tí tí người ở đây.”

“Đâu ra mà nhiều đến thế,” Tanya nói, “nhưng quả là nhiều thật. Tuy nhiên họ sẽ sớm mở cửa thôi. Và chúng ta đã có chỗ ngồi rất tốt, nên đừng có lo lắng về chuyện đó.”

“Mẹ vẫn giữ vé đấy chứ, phải không mẹ?”

Tanya trịnh trọng kiểm tra xác tay. “Cất chúng ở đây này, con yêu.”

“Và bọn con có thể mua đồ lưu niệm chứ ạ?”

“Mỗi đứa một thứ thôi, và không đắt hơn mười đô la.”

“Cháu có tiền riêng mà, bác Robinson,” Betsy nói khi họ ra khỏi chiếc Tahoe. Đám con gái hơi hồi hộp trước cảnh tượng đám đông mỗi lúc một lớn dần bên ngoài MAC. Chúng ríu vào nhau, bốn cái bóng của chúng trộn thành một vũng tối duy nhất trong ánh nắng cuối ngày gay gắt.

“Bác chắc chắn là cháu có, Bets ạ, nhưng cái này là bác tặng,” Tanya nói. “Giờ thì nghe này, các cô bé. Bác muốn các cháu đưa tiền và điện thoại để bác cầm cho an toàn. Thịnh thoảng vẫn có bọn móc túi những sự kiện công cộng lớn như thế này. Bác sẽ hoàn trả mọi thứ khi chúng ta an toàn ở ghế của mình, nhưng không được nhắn tin hoặc gọi điện khi buổi biểu diễn bắt đầu - chúng ta có thống nhất thế không nhỉ?”

“Trước tiên mỗi đứa có thể chụp một bức ảnh được không ạ, bác Robinson?” Hilda hỏi.

“Được, mỗi đứa một bức thôi.”

“Hai!” Barbara xin xỏ.

“Được rồi, hai. Nhưng nhanh lên đấy.”

Mỗi đứa chụp hai bức ảnh, hứa hẹn gửi mail cho nhau, để ai cũng có một bộ ảnh hoàn chỉnh. Tanya cũng tự chụp đôi tấm, bốn cô bé túm vào và quàng tay qua vai nhau. Bà nghĩ nhìn chúng thật đáng yêu.

“Được rồi, các quý cô, giao nộp tiền và điện thoại ra đây.”

Các cô bé nộp tổng cộng khoảng ba mươi đô la và những điện thoại màu mè của chúng. Tanya cho tất cả vào xách tay của mình và khóa chiếc xe thùng của Ginny Carver bằng cái nút trên chum chìa khóa. Bà nghe thấy tiếng kịch để chịu của những chốt khóa bắt vào nhau - một âm thanh đồng nghĩa với sự an toàn và an ninh.

“Giờ thì nghe này, mấy đứa điên các cô. Chúng ta sẽ nắm tay nhau cho tới khi vào đến ghế ngồi, được chứ? Cho tôi nghe câu ‘được ạ’ của các cô nào.”

“Được ạ!” Các cô bé hét lên, và túm lấy tay nhau. Chúng đều diện quần Jean skinny và đôi giày thể thao đẹp nhất của mình. Tất cả đều mặc áo phông Round Here, lọn tóc đuôi ngựa của Hilda thì buộc bằng một dải lụa trắng với dòng chữ I LUV CAM màu đỏ.

“Và chúng ta sẽ thật vui vẻ, đúng không? Vui nhất từ trước đến nay, đúng không? Cho tôi nghe câu ‘đúng ạ’ của các cô nào.”

“ĐÚNG AAAA Ạ!”

Hài lòng, Tanya dẫn chúng về phía MAC. Đó là một cuộc đi bộ dài băng qua lớp đá dăm nện nóng giãy, nhưng không ai tỏ vẻ bận tâm. Tanya tìm kiếm người đàn ông đầu hói ngồi xe lăn và phát hiện ra ông ta đang tiến về phía cuối hàng dành cho người khuyết tật. Hàng đó ngắn hơn nhiều, nhưng nó vẫn khiến bà buồn khi nhìn thấy những con người không lành lặn ấy. Rồi những chiếc xe lăn bắt đầu chuyển động. Người ta đang cho những người khuyết tật vào trước, và bà nghĩ đó là một ý hay. Hãy để tất cả hoặc ít nhất hầu hết những người đó ổn định chỗ ngồi trong khu của họ trước khi màn giảm giá bắt đầu.

Khi bầu đoàn của Tanya đến cuối hàng ngắn nhất dành cho những người lành lặn (vẫn là rất dài), bà theo dõi người đàn ông trợ đầu tự đẩy mình lên bờ dốc dành cho người khuyết tật và nghĩ bụng sẽ dễ dàng hơn cho ông ta biết bao nếu ông ta có một chiếc xe lăn điện. Bà thắc mắc về bức ảnh trong lòng ông ta. Một người thân yêu quý đã qua đời chăng? Đó dường như là khả năng lớn nhất.

Con người tội nghiệp, bà lại nghĩ, và gửi một lời cầu nguyện ngắn lên cho Chúa, cảm ơn Người vì hai đứa con của bà đều bình yên.

“Mẹ?” Barbara nói.

“Ừ, con yêu?”

“Vui nhất từ trước đến nay, đúng không?”

Tanya Robinson siết chặt tay con gái. “Chắc chắn rồi.”

Một cô bé bắt đầu hát “Kisses on the Midway” bằng chất giọng ngọt ngào, trong trẻo. “The sun, baby, the sun shines when you look at me... The moon, baby, the moon glows when you’re next to me...”

Những cô bé khác họa theo. “Your love, your touch, just a little is never enough... I want to love you my way...”

Chẳng mấy chốc bài hát đã cất cao trong không khí buổi tối ấm áp với cả nghìn giọng hòa vào. Tanya sung sướng được hát theo, sau những màn marathon CD vọng ra từ phòng Barbara suốt hai tuần qua, bà cũng thuộc hết cả lời.

Không kìm được, bà cúi xuống và hôn lên đỉnh đầu con gái mình.

Vui nhất từ trước đến nay, bà nghĩ.





Hodges và các bác sĩ Watson tập sự của ông đứng trong phòng điều khiển dưới tầng hầm của Brady, nhìn hàng máy tính câm lặng.

“Đầu tiên là hỗn độn,” Jerome nói. “Sau đó là bóng tối. Đúng không?” Hodges nghĩ, Nghe cứ như là thứ gì đó trích từ Sách Mặc khải ra vậy.

“Cô nghĩ thế,” Holly nói. “Ít nhất đó là thứ tự mà bà ta ghi lại.” Quay sang Hodges, cô nói, “Bà ta đã lắng nghe, thấy không? Tôi cá là bà ta đã lắng nghe nhiều hơn những gì hẳn biết là bà ta nghe được.” Cô quay lại với Jerome. “Một điều này. Quan trọng lắm. Đừng phí thời gian nếu cháu đã dùng hỗn độn để bật chúng lên.”

“Đúng rồi. Chương trình tự hủy. Chỉ có điều chẳng may cháu bị hồi hộp và giọng cháu bổng cao vút lên the thé như chuột Mickey thì sao?”

Cô đã toan trả lời, rồi lại nhìn thẳng vào mắt cậu. “Vô duyên quá thế.” Dù vậy cô vẫn mỉm cười. “Đi nào, Jerome. Hãy trở thành Brady Hartsfield.”

Cậu chỉ phải nói hỗn độn đúng một lần. Những chiếc máy tính vụt bật lên, và những con số bắt đầu giảm dần.

“Bóng tối!”

Những con số vẫn tiếp tục đếm ngược.

“Đừng có hét,” Holly nói. “Thật là.”

16... 15... 14.

“Bóng tối.”

“Bác nghĩ giọng cháu lại quá trầm rồi,” Hodges nói, cố làm ra giọng không căng thẳng như cảm xúc thật của ông lúc này.

12... 11...

Jerome lấy tay quệt ngang miệng. “B-bóng tối.”

“Nhịu rồi,” Holly nhận xét. Có lẽ không ích lợi lắm.

“Bóng tối.”

5...

Đồng hồ đếm ngược biến mất. Jerome bật ra một hơi thở phào nhẹ nhõm. Những con số được thay thế bằng một loạt ảnh màu chụp những người đàn ông mặc quần áo miền Tây ngày xưa, đang bắn và bị bắn. Một người đã bị đông cứng lại đúng lúc ông ta và con ngựa lao qua một cửa sổ ô kính.

“Cái kiểu chương trình bảo vệ màn hình gì thế này?” Jerome hỏi.

Hodges chỉ vào máy số Năm của Brady. “Đó là William Holden, vậy nên bác đoán chắc chúng là cảnh cắt ra từ một bộ phim.”

“The Wild Bunch,” Holly nói. “Sam Peckinpah đạo diễn. Tôi mới xem có một lần. Nó làm tôi gặp ác mộng.”

Cảnh cắt ra từ một bộ phim, Hodges vừa nghĩ, vừa nhìn những bộ mặt nhăn nhúm và súng nổ. Cũng là những cảnh trong đầu của Brady Hartsfield. “Giờ thì sao nào?”

Jerome nói, “Holly, cô bắt đầu với máy đầu tiên. Cháu sẽ bắt đầu với cái cuối cùng. Chúng ta sẽ gặp nhau ở giữa.”

“Nghe giống một kế hoạch đấy,” Holly nói. “Ông Hodges, tôi có thể hút thuốc trong này được không?”

“Việc quái gì mà không được chứ?” ông nói, và bước lại phía cầu thang tầng hầm để ngồi nhìn họ làm việc. Vừa ngồi, ông vừa lơ đãng xoa vào cái khoảng hõm bên dưới xương đòn trái. Cơ đau khó chịu đó lại tái diễn. Hẳn là ông đã bị căng một sợi cơ lúc chạy xuống phố sau khi chiếc xe của mình nổ tung.



Điều hòa nhiệt độ trong sảnh của MAC phá vào Brady như một cái tát, làm cổ và hai cánh tay nhớp nháp mồ hôi của hắn nổi gai ốc. Khu vực chính của lối đi trống trơn, vì họ chưa cho phép những khán giả bình thường vào trong, nhưng mạn bên tay phải, chỗ có dải thừng nhung và một tấm biển đề dòng chữ LỐI VÀO CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT, xếp dài những chiếc xe lăn đang chậm chậm di chuyển về phía trạm kiểm tra và khán phòng phía sau đó.

Brady không thích mọi chuyện diễn tiến theo hướng này.

Hắn đã định ninh là mọi người sẽ ùn ùn đổ vào cùng một lúc, giống như trong trận đấu của đội Cleveland Indians mà hắn đi xem năm mười tám tuổi, và mấy gã nhân viên an ninh đành bị áp đảo, chỉ kịp lướt nhanh qua từng người rồi cho họ qua. Việc buổi biểu diễn cho bọn què cụt tắc ngơ vào trước là điều mà lẽ ra hắn phải nhận ra từ trước, vậy mà lại không.

Có ít nhất cũng hơn chục người cả nam lẫn nữ mặc đồng phục xanh với những mảng phù hiệu màu nâu trên vai in dòng chữ AN NINH MAC, và lúc này thì họ chẳng có gì để làm ngoài việc kiểm tra những người khuyết tật đang chậm chậm lăn qua chỗ mình. Càng lúc càng thấy lạnh, Brady để ý dù không kiểm tra túi đựng đồ trên tất cả các xe lăn, họ vẫn thực sự kiểm tra vài xe trong số đó - cứ ba hoặc bốn thì lại kiểm tra một, và có khi cả hai cái liên tiếp. Khi những kẻ tàn tật kia qua cửa an ninh, những người dẫn chỗ mặc áo phong Round Here đi tới hướng dẫn họ vào khu dành cho người khuyết tật của khán phòng.

Hắn vẫn biết rằng hắn có thể bị chặn ở cửa kiểm tra an ninh, nhưng đã định ninh là hắn có thể mang theo rất nhiều mạng sống người hâm mộ nhỏ tuổi của Round Here nếu điều đó xảy ra. Lại một suy đoán tệ hại nữa. Mảnh kính vỡ có thể giết một vài đứa ở gần cửa nhất, nhưng xác của chúng cũng sẽ có tác dụng như những ụ chắn.

Khốn kiếp, hắn nghĩ. Dù sao - mình cũng đã thiệt được tám mạng ở City Center. Chắc chắn mình phải làm tốt hơn thế.

Hắn đẩy xe tiến lên, bức ảnh của Frankie trong lòng. Viên khung ảnh đè lên công tắc. Vào khoảnh khắc mà một trong những gã nhân viên an ninh kia cúi xuống nhòm vào những cái túi hai bên hông xe lăn, Brady sẽ ấn một bàn tay xuống bức ảnh, đèn vàng sẽ chuyển sang xanh, và dòng điện sẽ chạy xuống kíp chì azua gắn trong chỗ thuốc nổ tự chế.

Chỉ có khoảng hơn chục chiếc xe lăn phía trước. Không khí mát lạnh phủ xuống da thịt nóng bừng của hắn. Hắn nghĩ đến City Center, và cảnh chiếc xe hầm hố của con mụ Trelawney xóc và nảy lên khi nó nghiêng qua xác người sau khi hắn đã húc họ ngã lăn ra. Cứ như thể đang lên đỉnh vậy. Hắn nhớ mùi cao su ngai ngái bên trong chiếc mặt nạ và cảnh hắn rú lên sung sướng và đắc thắng. Rú đến khi giọng hắn khản đặc đến nỗi khó khăn lắm mới nói thành tiếng và phải bảo với mẹ hắn và Tones Frobisher ở DE là hắn đã bị viêm thanh quản.

Lúc này chỉ còn vền vện mười chiếc xe lăn ở giữa hắn và cửa kiểm tra. Một nhân viên bảo vệ - có lẽ là tên đầu sỏ, vì gã là người lớn tuổi nhất và là người duy nhất đội mũ - lấy một chiếc ba lô của cô gái trẻ còn trẻ hơn cả Brady. Gã giải thích gì đó với cô gái, và đưa cho cô ta thẻ nhận đồ.

Bọn chúng sẽ bắt được mình, Brady lạnh lùng nghĩ. Sắp rồi, vì vậy hãy sẵn sàng chết đi.

Hắn đã sẵn sàng. Đã sẵn sàng từ lâu rồi.

Tám chiếc xe lăn giữa hắn và cửa kiểm tra. Bảy. Sáu. Giống như trình đếm ngược trên máy tính của hắn.

Sau đó tiếng hát bắt đầu từ bên ngoài, đầu tiên còn lẻ tẻ.

“The sun, baby, the sun shines when you look at me... The moon, baby...”

Khi đến đoạn điệp khúc, tiếng hát lan ra hết như một dàn đồng ca nhà thờ lũ con gái đang hát đến hết cả hơi.

I WANT TO LOVE YOU MY WAY... WE'LL DRIVE THE BEACHSIDE HIGHWAY..."

Đúng lúc đó, những cánh cửa bật mở. Mấy đứa con gái reo ầm lên; hầu hết số còn lại tiếp tục hát, mà còn to hơn bao giờ hết.

"IT'S GONNA BE A NEW DAY... I'LL GIVE YOU KISSES ON THE MIDWAY!"

Bọn con gái mặc áo Round Here và lần đầu tiên trang điểm ùn ùn đổ vào, bố mẹ chúng (hầu hết là các bà mẹ) vất vả đuổi theo và bám sát lấy lũ ranh con nhà mình. Sợi dây nhung giữa khu vực chính của lối đi và khu vực dành cho người khuyết tật bị hất đổ nhào và giẫm đạp dưới chân. Một con bé to béo khoảng mười hai hay mười ba tuổi có cặp mông to bằng cả bang Iowa bị xô ngã vào chiếc xe lăn ngay phía trước Brady, và con bé ngồi trong đó, con bé có khuôn mặt xinh xắn tươi cười nhưng đôi chân và hai chiếc gậy, suýt nữa bị hất lộn nhào.

"Ê, để ý nào!" mẹ con bé ngồi xe lăn quát lên, nhưng con oắt con béo mặc quần jean cỡ rộng gấp đôi đã chạy biến đi, một tay vung chiếc cờ đuôi nheo Round Here còn tay kia cầm vé. Ai đó đập vào ghế của Brady, bức ảnh xộc xệch trong lòng hẫng, và trong một giây ớn lạnh hẫng đã nghĩ tất cả sắp sửa sẽ bắn tung lên trong một quầng sáng và một cơn mưa bi sắt. Khi điều đó không xảy ra, hẫng nhắc bức ảnh lên đủ để nhòm xuống dưới, và thấy đèn vẫn đang nháy màu vàng.

Suýt nữa thì, Brady nghĩ, và nhếch mép cười.

Trong sảnh là một cảnh hỗn độn sung sướng, và tất cả đám nhân viên an ninh đang kiểm tra khán giả khuyết tật đều di chuyển để xem có thể làm gì với dòng người toàn lũ choai choai và chíp hôi đang hò hát điên cuồng mới đổ vào, chỉ để lại một người duy nhất. Nhân viên an ninh còn lại ở khu vực dành cho người khuyết tật là một phụ nữ trẻ, và cô ta đang vẫy những chiếc xe lăn đi qua mà hầu như không thèm liếc đến. Khi Brady lại gần cô ta, hẫng để ý thấy gã chỉ huy, Honcho Đội Mũ, đang đứng gần như đối diện trực tiếp ở phía kia của hành lang. Cao đến cả mét chín, gã rất dễ quan sát,

vì gã đứng lừng lững qua đầu bọn con gái, và mắt gã không ngừng quét. Trên tay gã cầm một mảnh giấy mà chốc chốc gã lại cúi xuống nhìn.

“Cho tôi xem vé của hai người nào,” nữ nhân viên an ninh nói với con bé ngồi xe lăn xinh xắn và mẹ nó. “Cửa bên phải.”

Brady thấy một điều thú vị. Gã nhân viên an ninh cao lớn đội mũ tím lấy một tay khoảng tầm hai mươi tuổi gì đó trông có vẻ như đi một mình và lôi anh ta ra khỏi đám người.

“Tiếp!” nhân viên an ninh gọi hẳn. “Đừng làm nghẽn hàng!”

Brady đẩy xe tiến lên, sẵn sàng đẩy bức ảnh của Frankie vào công tắc trên Thiết bị Hai nếu cô ta thể hiện dù chỉ là một chút quan tâm thoáng qua đến những chiếc túi trên xe lăn của hẳn. Hành lang lúc này đã chật cứng lũ con gái đang xô đẩy, hát hò, và điểm số hẳn ghi được sẽ cao hơn ba mươi nhiều. Nếu phải giải quyết ngay ngoài hành lang này thì cũng tốt thôi.

Nhân viên an ninh chỉ vào bức ảnh. “Ai vậy, ông bạn?”

“Con trai tôi,” Brady nói với một nụ cười giả lả. “Cháu qua đời trong một vụ tai nạn năm ngoái. Cũng chính vụ đó khiến tôi...” Hẳn trở vào chiếc xe lăn. “Nó hâm mộ Round Here, nhưng nó chưa bao giờ được nghe album mới của họ. Giờ thì nó sẽ được nghe.”

Cô ta đang cúi kính, nhưng chưa đến mức không còn biết cảm thông; mắt cô ta dịu lại. “Tôi rất tiếc về sự mất mát của ông.”

“Cảm ơn, thưa cô,” Brady vừa nói vừa thầm nghĩ, Đờ con đĩ ngu ngốc.

“Đi thẳng qua đi, thưa ông, rồi rẽ phải. Ông sẽ thấy hai lối đi dành cho người khuyết tật giữa khán phòng. Vị trí quan sát rất tuyệt vời. Nếu ông cần giúp đỡ khi đi xuống dốc - khá dốc đấy - hãy tìm một nhân viên dẫn chỗ đeo băng tay màu vàng.”

“Tôi sẽ không sao đâu,” Brady vừa nói, vừa mỉm cười với cô ta. “Cục cưng này có phanh ngon lắm.”

“Tốt cho ông. Xem vui vẻ nhé.”

“Cảm ơn, thưa cô. Nhất định tôi sẽ thế rồi. Cả Frankie nữa.”

Brady nhích về phía lối vào chính. Ở cửa kiểm soát phía sau, Larry Windom - vốn vẫn được đám cảnh sát đồng nghiệp gọi là Thiên lôi - thả cậu thanh niên trẻ đã ngẫu hứng tranh thủ sử dụng cái vé của cô em gái bị

bệnh bạch cầu đơn nhân. Trông cậu ta chẳng có gì là giống với tên biến thái trong bức ảnh mà Bill Hodges đã gửi cho anh ta.

Khán phòng có kiểu bố trí ghế ngồi giống sân vận động, điều đó làm Brady thích thú. Hình bát loe này sẽ tập trung sức công phá của vụ nổ. Hẳn có thể tưởng tượng cảnh những gói bi sắt được dán dưới ghế bắn tóe ra. Nếu may mắn, hẳn nghĩ, hẳn sẽ thật luôn được cả ban nhạc cùng với nửa chỗ khán giả.

Tiếng nhạc vang ra từ những chiếc loa trên đầu, nhưng lũ con gái đang lấp đầy các ghế và làm nghẽn lối đi đã át tiếng nhạc bằng chất giọng trẻ con hăm hở của chúng. Ánh đèn rọi lia qua lia lại trên đầu đám đông. Đĩa Frisbee bay loang loáng. Hai quả bóng bãi biển to đùng nảy qua nảy lại. Điều duy nhất khiến Brady ngạc nhiên là không thấy bóng dáng cái đu quay và tất cả những thứ hồ lớn đó trên sân khấu. Tại sao bọn chúng phải chắt tất cả vào trong này, nếu không định dùng đến chúng?

Một người dẫn chỗ đeo băng tay vàng vừa mới xong việc xếp chỗ cho cô bé xinh xắn có đôi chân que, bước tới hỗ trợ Brady, nhưng Brady xua anh ta đi. Anh ta ngoác miệng cười và vỗ nhẹ lên vai hẳn đi đi lách qua để giúp người khác. Brady lăn xe tới chỗ đầu tiên trong hai ô dành riêng cho người khuyết tật. Hẳn dừng xe bên cạnh cô bé xinh xắn với đôi chân que.

Cô bé quay sang hẳn mỉm cười. “Đúng là vui thật nhỉ?”

Brady vừa mỉm cười đáp lại, vừa nghĩ, Mà chưa biết sẽ còn vui đến đâu nữa đâu, đồ con đĩ que.



Tanya Robinson đang nhìn lên sân khấu và nghĩ đến buổi hòa nhạc đầu tiên mà bà đi xem - đó là ban nhạc The Temps - và cách mà Bobby Wilson đã hôn bà ngay giữa bài “My Girl”. Thật lãng mạn.

Bà bị kéo ra khỏi những suy nghĩ đó bởi cô con gái đang lắc tay mẹ. “Mẹ, nhìn kia, chính là cái chú đó. Ở đằng kia cùng với những người ngồi xe lăn khác.” Barbara chỉ về bên trái và phía dưới một hai hàng. Ghế ngồi đã được tháo bỏ để lấy chỗ cho hai hàng xe lăn.

“Mẹ thấy chú ấy rồi, Barb, nhưng nhìn chăm chăm thế là không lịch sự đâu.”

“Con hy vọng chú ấy thấy vui vẻ, mẹ có vui không?”

Tanya mỉm cười với con gái. “Chắc chắn là có rồi, con yêu.”

“Bọn con lấy điện thoại lại được chưa ạ? Bọn con cần chúng cho phần mở màn.”

Tanya Robinson định ninh là chúng lấy để chụp ảnh... vì đã lâu lắm rồi kể từ lần bà đi xem một buổi biểu diễn nhạc rock. Bà mở xác và phân phát những chiếc điện thoại màu mè. Thật là bất ngờ, các cô bé chỉ cầm điện thoại vậy thôi. Trong lúc này, chúng quá bận rộn ngó nghiêng khắp xung quanh nên chẳng thời gian đâu để gọi điện hay nhắn tin. Tanya đặt nhanh một nụ hôn lên chòm đầu Barb và rời ngồi ngả ra sau, đắm chìm trong quá khứ, nghĩ về nụ hôn của Bobby Wilson. Không hẳn là nụ hôn đầu tiên, mà là nụ hôn ngọt ngào đầu tiên.

Bà hy vọng rằng khi thời điểm đến, Barb cũng sẽ may mắn như vậy.





“Ôi lạy Chúa Jesus lòng lành lóng lánh của con,” Holly nói, và đập lòng bàn tay vào trán. Cô đã xong với số Một của Brady - chẳng có gì nhiều nhận - và chuyển sang số Hai.

Jerome ngẩng lên từ số Năm, hình như máy này được dành riêng cho các trò chơi điện tử, hầu hết là loại kiểu *Grand Theft Auto* và *Call of Duty*. “Sao cơ?”

“Chỉ là thỉnh thoảng cô lại gặp phải ai đó thậm chí còn loạn óc hơn cả mình,” cô nói. “Điều đó làm cô phấn chấn hẳn lên. Điều đó thật kinh khủng, cô biết là thế, nhưng không sao dừng được.”

Hodges lăm băm đứng lên khỏi bậc thang và bước lại nhìn. Màn hình đầy những bức ảnh nhỏ. Có vẻ như là những bức ảnh mát mẻ vô hại, không khác mấy so với loại mà ông và đám bạn từng chết mê chết mệt trong Adam và Spicy Leg Art hồi cuối thập niên 1950. Holly phóng to ba bức và sắp xếp vào thành một hàng. Đây là Deborah Hartsfield mặc áo choàng mỏng tang. Và Deborah Hartsfield mặc đồ ngủ kiểu váy búp bê. Và Deborah Hartsfield trong bộ đồ lót màu hồng.

“Lạy Chúa, đó là mẹ hẳn,” Jerome nói. Trên gương mặt cậu là hình ảnh mẫu mực của cảm xúc ghê tởm, ngỡ ngàng và kinh ngạc. “Mà nhìn như thế là bà ta còn tào đàng nữa.”

Cả Hodges cũng thấy như thế.

“Chuẩn,” Holly nói. “Đúng kiểu bác sĩ Freud. Sao ông cứ xoa vai mãi thế, ông Hodges?”

“Bị căng cơ,” Hodges nói. Nhưng ông đang bắt đầu bắn khoãn về điều đó.

Jerome liếc nhìn màn hình số Ba, bắt đầu kiểm tra lại những bức ảnh của mẹ Brady Hartsfield lần nữa, rồi lướt thêm lần nữa. “Oao,” cậu nói. “Xem cái này này, bác Bill.”

Ở góc dưới bên trái của màn hình số Ba và biểu tượng Chiếc Ô Xanh.

“Mở nó ra,” Hodges nói.

Cậu làm theo, nhưng nó trống không. Chẳng có gì chưa được gửi đi và như họ đã biết, tất cả những nội dung trao đổi trên Chiếc Ô Xanh của Debbie đi thẳng lên thiên đường của các dữ liệu.

Jerome ngồi xuống số Ba. “Đây chắc chắn là cái hộp thần chú của hã, Hols. Gần như chắc chắn là nó.”

Cô nhập bọn với cậu. “Cô nghĩ những cái khác chủ yếu là để khoe hàng thôi - hã có thể giả vờ như đang ở trên khoang điều khiển của tàu Enterprise hoặc thứ gì đó.”

Hodges chỉ vào thư mục có tiêu đề 2009. “Hãy xem cái đó nào.”

Một cái nhấp chuột làm lộ ra một thư mục con có tiêu đề CITY CENTER. Jerome mở nó ra và họ chăm chú nhìn vào một danh sách dài những bài báo về chuyện đã xảy ra tại đó hồi tháng Tư năm 2009.

“Tổng tập báo chí của thăng khốn kiếp ấy,” Hodges nói.

“Kiểm tra mọi thứ trên máy này,” Holly bảo Jerome. “Bắt đầu với ổ cứng.”

Jerome mở chương trình duyệt ổ cứng ra. “Ôi trời, nhìn cái của nợ này xem.” Cậu chỉ vào một thư mục có tiêu đề CHẤT NỔ.

“Mở ra!” Holly vừa nói vừa lay vai cậu. “Mở ra, mở ra, mở ra!”

Jerome làm theo, và khai ra một thư mục con đầy ắp khác. Ngăn kéo trong ngăn kéo, Hodges nghĩ. Một chiếc máy tính kỳ thực cũng chẳng khác gì một chiếc tủ ngăn kéo kiểu Victoria, toàn những ngăn bí mật.

Holly nói, “Này mọi người, xem cái này đi.” Cô chỉ tay. “Hã tải về cả bộ Cẩm nang người vô chính phủ qua BitTorrent. Như thế là phi pháp!”

“Thế cơ ạ,” Jerome nói, và cô đấm vào tay cậu.

Cơn đau vai của Hodges trở nên tệ hơn. Ông trở lại bậc thang và nặng nhọc ngồi xuống. Jerome và Holly, đang chú ý đầu vào số Ba, không để ý là ông đã đi khỏi. Ông đặt hai tay lên đùi (Cặp đùi thừa cân của mình, ông nghĩ, cặp đùi thừa cân tồi tệ của mình) và bắt đầu hít những hơi dài và chậm rãi. Điều duy nhất có thể khiến đêm nay tồi tệ hơn chính là bị lên cơn đau tim trong một ngôi nhà mà ông đã xâm nhập trái phép cùng một người vị thành niên và một phụ nữ ít nhất cũng cách xa cả dặm so với tiêu chí đầu óc ổn định. Một ngôi nhà có người tình trong mộng của một kẻ giết người điên khủng bệnh hoạn đang nằm chết trên tầng.

Lạy Chúa, đừng có cơn đau tim nào hết. Xin Người.

Ông hít thêm những hơi dài. Ông cố tìm một tiếng ợ và cơn đau bắt đầu dịu đi.

Đầu cúi thấp xuống, ông nhận ra mình đang nhìn vào giữa những bậc thang. Có thứ gì đó lấp lánh dưới ánh sáng của đèn huỳnh quang trên đầu. Hodges quỳ gối và lồm cồm bò xuống dưới để xem nó là gì. Hóa ra là một viên bi bằng thép không gỉ, to hơn cả những viên bi trong cái Happy Slapper, nó nặng trĩch trong tay ông. Ông nhìn hình ảnh phản chiếu méo mó của mặt mình trên bề mặt cong của viên bi, và một ý nghĩ bắt đầu lớn dần. Chỉ có điều nó không hẳn là lớn lên; nó trôi dạt, giống như thân xác lênh phênh của thứ gì đó bị nhấn chìm.

Xa hơn bên dưới cầu thang là một cái túi rác màu xanh. Hodges lom khom bò tới chỗ nó, trong khi một tay vẫn nắm chặt viên bi, ông cảm thấy những sợi tơ nhện lơ lửng dưới gầm cầu thang cọ vào mái tóc đang lùi dần và cái trán mỗi ngày một mở rộng của mình. Jerome và Holly đang hào hứng bàn bạc, nhưng ông không để ý.

Ông chộp lấy cái túi rác bằng bàn tay còn lại và bắt đầu lùi ra khỏi gầm cầu thang. Một giọt mồ hôi chảy vào mắt trái của ông, cay xè, và ông chớp mắt cho nó tan ra. Ông lại ngồi xuống bậc thang.

“Mở mail của hã ra,” Holly nói.

“Chúa ơi, cô hách dịch thật đấy,” Jerome nói.

“Mở ra, mở ra, mở ra!”

Chuẩn luôn, Hodges nghĩ, và mở cái túi rác ra. Có những mẫu vụn dây điện bên trong, và một thứ nhìn như bảng mạch bị vứt đi. Chúng nằm trên một món đồ màu kaki trông như là áo sơ mi. Ông phui những mẫu dây điện sang bên, lôi món đồ ra, giơ lên. Không phải áo sơ mi mà là áo khoác gi lê cho người leo núi, loại có rất nhiều túi. Lớp lót trong đã bị rách khoảng sáu bảy chỗ. Ông thọc tay vào một lỗ rách, sờ xung quanh, và lôi ra thêm ai viên bi nữa. Nó không phải là áo khoác leo núi, ít nhất cũng không còn là thế nữa. Nó đã được chế lại.

Giờ nó là một chiếc áo đánh bom tự sát.

Hoặc từng là. Brady đã tháo bỏ nó vì lý do nào đó. Vì kế hoạch của hắn đã chuyển sang sự kiện Ngày Hưởng nghiệp hôm thứ Bảy? Chắc hắn là thế rồi. Chỗ thuốc nổ có lẽ vẫn ở trong xe của hắn, trừ phi hắn đã ăn cắp một chiếc khác rồi. Hắn...

“Không!” Jerome thốt lên. Rồi cậu hét lên. “Không! Không, không, ÔI LẠY CHÚA KHÔNG!”

“Lạy Chúa đừng để là nó,” Holly thút thít. “Đừng để là nó.”

Hodges thả cái áo xuống và vội vã chạy tới chỗ máy tính để xem họ đang nhìn vào thứ gì. Đó là một mail từ một trang web tên là FanTastic, cảm ơn ông Brady Hartsfield vì đơn hàng.

*Ông có thể tải xuống ngay lập tức tấm vé in ra được của mình. Không được phép mang túi hay ba lô tại buổi diễn. Cảm ơn vì đã đặt mua từ FanTastic, chỉ cần một cú nhấp chuột là có đủ tất cả chỗ ngồi tốt nhất cho những chương trình biểu diễn lớn nhất.*

Bên dưới đó: ROUND HERE KHÁN PHÒNG MINGO TỔ HỢP NGHỆ THUẬT VÀ VĂN HÓA TRUNG TÂY 7 GIỜ TỐI NGÀY 3 THÁNG SÁU NĂM 2010.

Hodges nhắm mắt lại. Rốt cuộc chính là buổi biểu diễn chết tiệt đó. Bọn ta đã phạm phải một sai lầm dễ hiểu... nhưng không thể tha thứ. Lạy Chúa, đừng để cho hắn vào được bên trong. Lạy Chúa, hãy để người của Thiên lôi bắt hắn tại cửa.

Nhưng ngay cả điều đó cũng có thể là một cơn ác mộng, vì Larry Windom đang chắc chắn rằng anh ta đang tìm một tên quấy rối trẻ em, chứ

không phải một kẻ đánh bom điên khùng. Nếu anh ta phát hiện ra Brady và tìm cách tóm cổ hắn bằng cái kiểu hành động mạnh tay thô thiển mọi khi...

“Bây giờ là bảy giờ kém mười lăm,” Holly nói, chỉ tay vào đồng hồ trên số Ba của Brady. “Có thể hắn vẫn chờ trong hàng, nhưng cũng có thể hắn đã vào trong rồi.”

Hodges biết là cô nói đúng. Với ngàn ấy bọn trẻ, việc sắp chỗ sẽ phải bắt đầu trước sáu rưỡi.

“Jerome,” ông nói.

Cậu thanh niên không trả lời. Cậu còn đang chăm chăm nhìn tờ biên nhận vé trên màn hình, và khi Hodges đặt tay lên vai Jerome, cảm giác giống như đang chạm tay vào đá.

Jerome quay người lại một cách chậm chạp. Hai mắt cậu mở to. “Chúng ta đã thật ngu ngốc,” cậu thì thầm.

“Gọi cho mẹ cháu đi,” giọng của Hodges vẫn bình tĩnh, mà cũng chẳng phải cố gắng nhiều, vì ông đang sốc kinh khủng. Ông chỉ nhìn thấy viên bi sắt. Và cái áo khoác bị rách. “Làm ngay đi. Bảo bà ấy túm lấy Barbara và những đứa khác bà ấy dẫn theo rồi nhanh chân rời khỏi đó.”

Jerome rút điện thoại ra khỏi móc đeo trên thắt lưng và bấm số gọi nhanh cho mẹ. Holly dán mắt vào cậu, cánh tay cô khoanh chặt trước ngực, môi cô bặm chặt vào nhau tạo thành vế mặt nhăn nhó.

Jerome chờ đợi, buột ra một tiếng rủa, rồi nói, “Mẹ phải rời khỏi đó ngay, mẹ. Hãy đưa bọn trẻ đi ngay. Đừng gọi lại cho con và hỏi gì hết, cứ đi thôi. Đừng chạy. Nhưng hãy ra khỏi đó!”

Cậu kết thúc cuộc gọi và nói ra điều họ đã biết. “Thư thoại. Điện thoại đồ chuông nhiều lần, nghĩa là mẹ cháu không hiểu nổi.”

“Còn em gái cháu thì sao?” Hodges nói. “Chắc nó phải có điện thoại chứ.”

Jerome lại ấn nút gọi nhanh lần nữa trước khi ông kịp nói dứt câu. Cậu căng tai nghe trong khoảng thời gian mà Hodges cảm giác như là một thế kỷ, dù ông biết nó có thể chỉ là mười hay mười lăm giây gì đó. Rồi cậu nói, “Barb! Thế quái nào mà em không nghe máy hả? Em và mẹ cùng mấy đứa khác phải rời khỏi chỗ đó ngay!” Cậu tắt cuộc gọi. “Cháu không hiểu nổi.

Con bé lúc nào cũng mang theo điện thoại mà, cái đó khác gì được ghép vào tay nó đâu, và ít nhất nó cũng phải thấy điện thoại ru...”

Holly nói, “Ôi, cút đái thật.” Nhưng từng đó vẫn chưa đủ đối với cô. “Ôi, mẹ kiếp!”

Họ quay sang nhìn cô.

“Cái chỗ ấy lớn bằng đâu? Nó có thể chứa bao nhiêu người?”

Hodges cố gắng nhớ lại những gì ông biết về Khách phòng Mingo. “Bốn nghìn chỗ ngồi. Tôi không biết họ có cho phép khách đứng không, tôi không nhớ phần về quy định cứu hỏa.”

“Và trong buổi biểu diễn này, hầu như tất cả khán giả là con gái,” cô nói. “Những cô bé với điện thoại di động gắn vào tay đúng theo nghĩa đen. Hầu hết chúng đều đang nấu cháo trong lúc chờ buổi diễn bắt đầu. Hoặc nhắn tin.” Mắt cô mở to chán nản. “Bị nghẽn mạng rồi. Quá tải. Cháu phải tiếp tục cố thôi, Jerome. Cháu phải tiếp tục cố đến khi nào kết nối được.”

Cậu ngơ ngẩn gật đầu, nhưng cậu đang nhìn Hodges. “Bác nên gọi cho bạn bác. Cái ông bộ phận an ninh.”

“Ừ, nhưng không phải từ đây. Mà là ở trong xe.” Hodges lại nhìn đồng hồ. Bảy giờ kém mười. “Chúng ta sẽ đến MAC.”

Holly ép hai nắm tay lên hai bên mặt mình. “Đúng rồi,” cô nói, và Hodges chợt nhớ lại những gì cô đã nói trước đó: Họ không thể tìm ra hắc đầu. Chúng ta mới tìm được.

Trái ngược với mong muốn được đối mặt với Hartsfield của ông - được chộp tay quanh cổ hắc và nhìn cặp mắt của thằng khốn kiếp ấy lồi ra trong lúc hơi thở của hắc nghẹn lại - Hodges vẫn hy vọng rằng cô đã sai về chuyện đó. Bởi vì nếu chuyện này phụ thuộc vào họ, thì có thể là đã quá muộn.



Lần này là Jerome ngồi sau tay lái và Hodges ngồi sau. Chiếc Mercedes của Olivia Trelawney chậm chậm tăng tốc, nhưng một khi động cơ mười hai xi lanh đã vào guồng, nó vọt đi như một quả tên lửa... và khi cuộc sống của mẹ và em gái mình đang bị đe dọa, Jerome lái xe đúng như một quả tên lửa, đánh võng từ làn này sang làn khác bất chấp những hồi còi phản đối của những xe khác. Hodges đoán họ có thể có mặt ở MAC sau hai mươi phút. Đây là nếu thẳng bé không tông vào đâu.

“Gọi cho tay an ninh đi!” Holly nói từ ghế lái phụ. “Gọi anh ta, gọi anh ta, gọi anh tay.”

Vừa lấy chiếc Nokia ra khỏi túi áo khoác, Hodges vừa hướng dẫn Jerome đi theo đường tránh thành phố.

“Đừng có ngồi sau chỉ đạo cháu,” Jerome nói. “Hãy cứ gọi đi. Và khẩn trương lên.”

Nhưng khi ông cố truy cập vào bộ nhớ điện thoại, thì cái Nokia chết giẫm lại phọt ra một tiếng kêu yếu ớt rồi chết lịm. Lần cuối cùng ông sạc pin cho nó là khi nào nhỉ? Hodges không nhớ nổi. Ông cũng không nhớ số của bộ phận an ninh. Lẽ ra ông phải ghi nó ra sổ, thay vì dựa dẫm vào cái điện thoại.

Quý tha ma bắt công nghệ đi, ông nghĩ... nhưng kỳ thực thì là lỗi của ai chứ?

“Holly. Bấm số 555-1900 rồi đưa điện thoại của cô cho tôi. Điện thoại của tôi hết pin rồi.” 1900 là số của sở. Ông có thể lấy lại số của Windom từ Marlo lần nữa.

“Được rồi, mã vùng ở đây là bao nhiêu nhỉ? Điện thoại của tôi đang...”

Cô ngừng bật vì Jerome ngoặt qua một chiếc xe thùng và lái thẳng vào một chiếc SUV ở làn khác, nháy đèn pha và gào tướng, “Tránh đường!” Chiếc SUV rẽ tránh và Jerome lao chiếc Mercedes vọt qua sát sạt chỉ cách một làn sơn.

“... ở mã vùng Cincinnati,” Holly nói nốt câu. Giọng cô lạnh băng như một chiếc kem Popsicle.

Hodges, vừa nghĩ bụng ông có thể uống vài viên thuốc của cô, vừa nhắc lại mã vùng. Cô bấm số và chìa điện thoại cho ông qua băng ghế.

“Sở cảnh sát đây, tôi có thể chuyển cuộc gọi của ông đến bộ phận nào đây?”

“Tôi cần nói chuyện với Marlo Everett ở Phòng Hồ sơ, ngay lập tức.”

“Tôi xin lỗi, thưa ngài, nhưng tôi thấy bà Everett ra về cách đây nửa tiếng rồi.”

“Cô có số di động của cô ấy không?”

“Thưa ngài, tôi không được phép cung cấp thông tin đó...”

Ông không hề mong muốn tham gia vào một cuộc tranh cãi tốn thời gian mà chắc chắn chẳng mang lại kết quả gì, và bấm kết thúc cuộc gọi đúng lúc Jerome ngoặt xe vào đường tránh thành phố, với tốc độ 60 dặm/giờ. “Sao lại trùng trùng thế bác Bill? Tại sao bác lại không...”

“Câm mồm và lái xe đi, Jerome,” Holly nói. “Ông Hodges đang làm những gì tốt nhất có thể.”

Sự thật là, cô ấy không muốn liên lạc với ai, Hodges nghĩ. Vì đúng ra phải là bọn ta và chỉ bọn ta thôi. Một ý nghĩ điên rồ nảy ra trong đầu ông, rằng Holly đang dùng đến quyền năng tinh thần kỳ lạ nào đó để bảo đảm rằng chuyện này thuộc về họ và chỉ họ mà thôi. Và có lẽ thế thật. Căn cứ vào cách Jerome lái xe, họ sẽ ở MAC trước khi Hodges có thể liên lạc với bất kỳ ai có thẩm quyền.

Một phần lạnh lùng trong tâm trí ông đang nghĩ rằng như thế có lẽ là tốt nhất. Vì cho dù Hodges có liên lạc được với ai đi nữa, Larry Windom vẫn là người phụ trách tại Mingo, và Hodges không tin anh ta. Thiên lôi



vẫn luôn là một tay đấm đá một mẫu người bặm bố, và Hodges nghi ngờ việc anh ta đã thay đổi.

Dù vậy, ông vẫn phải thử.

Ông trả lại điện thoại lại cho Holly và nói, “Tôi không nghĩ ra cách xử lý chuyện khốn kiếp này. Hãy gọi cho Tổng đài Hỗ trợ và...”

“Thử gọi lại cho em gái cháu đã,” Jerome nói, và đọc nhanh số điện thoại.

Holly bấm số của Barbara, ngón tay cái của cô chuyển động nhanh đến nỗi nhìn chỉ thấy nhoay nhoáy. Nghe máy. “Thư thoại.”

Jerome rửa và lái xe nhanh hơn. Hodges chỉ có thể hy vọng là có một thiên thần đang ngự trên vai cậu.

“Barbara!”, Holly rống lên. Lúc này cô không còn ấp úng gì nữa. “Cháu và bất kể ai đi cùng cháu hãy cuốn xéo ra khỏi chỗ đó ngay lập tức! Càng sớm càng tốt! Không chậm trễ!” Cô tắt máy. “Giờ thì sao đây? Ông vừa nói Tổng đài Hỗ trợ à?”

“Ừ. Hãy hỏi lấy số của Phòng An ninh MAC, quay số và đưa điện thoại cho tôi. Jerome, đi theo Lối ra 4A.”

“3B mới đến MAC mà.”

“Đấy là nếu cháu vào cửa trước. Chúng ta sẽ vào từ phía sau.”

“Bác Bill, nếu mẹ và em gái cháu bị làm sao...”

“Sẽ không đâu. Đi đường 4A.” Cuộc nói chuyện Holly với Tổng đài Hỗ trợ đã kéo dài quá lâu. “Holly, làm gì mà lâu thế?”

“Không có đường điện thoại trực tiếp đến Phòng An ninh.” Cô bấm một số mới, nghe, rồi chuyển máy cho ông. “Ông phải gọi qua số tổng đài chung thôi.”

Ông áp chiếc iphone của Holly vào tai chặt đến đau điếng. Điện thoại đổ chuông. Và đổ chuông. Rồi đổ chuông thêm một hồi nữa.

Khi họ đi qua Lối ra 2A và 2B, Hodges đã có thể nhìn thấy MAC. Nó được thắp sáng như một cái hộp nhạc, bãi đỗ là cả một biển toàn xe hơi. Cuối cùng cuộc gọi của ông cũng được trả lời nhưng trước khi ông kịp nói một lời nào, một cô nàng robot bắt đầu giảng bài cho ông nghe. Nó làm

việc đó một cách chậm rãi và cẩn thận, như thể đang nói với một người coi tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai, và chưa nắm vững ngôn ngữ này.

“Xin chào, và cảm ơn bạn đã gọi cho Tổ hợp Nghệ thuật và Văn hóa Trung Tây, nơi chúng tôi làm cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn và tất cả mọi thứ đều có thể.”

Hodges lắng nghe, chiếc điện thoại của Holly miết chặt vào tai mình trong khi mồ hôi chảy xuống má và cổ ông. Bây giờ là bảy giờ sáu phút. Tên khốn kiếp đó sẽ không ra tay trước khi buổi biểu diễn bắt đầu, ông tự nhủ (thực ra là ông đang cầu nguyện), và các buổi diễn nhạc rock bao giờ cũng bắt đầu muộn.

“Hãy nhớ,” cô nàng robot ngọt ngào nói, chúng tôi trông cậy vào sự ủng hộ của bạn, và vé xem cả mùa cho Dàn nhạc Giao hưởng Thành phố và xem các vở kịch của Playhouse Series mùa thu này hiện đang có bán. Bạn sẽ không chỉ tiết kiệm được năm mươi phần trăm...

“Chuyện gì đang xảy ra vậy?” Jerome quát lên khi họ đi qua 3A và 3B. Tấm biển tiếp theo ghi LỐI RA RA 4A ĐẠI LỘ SPICER 1/2 DẶM. Jerome đã lắng cho Holly điện thoại của mình và cô đang cố liên lạc, đầu tiên là với Tanya, rồi lại đến Barbara, mà không có kết quả gì.

“Bác đang nghe một đoạn quảng cáo khốn nạn được ghi âm sẵn,” Hodges nói. Ông lại xoa khoảng hõm trên vai. Cơn đau giống như một chiếc răng sâu. “Rẽ trái ở cuối đường dốc. Bác nghĩ cháu sẽ cần rẽ phải ở trên một khối phố nữa. Có thể là hai. Dù sao thì cũng ở cạnh quán McDonald’s.” Dù chiếc Mercedes lúc này đang chạy với tốc độ tám mươi dặm một giờ, âm thanh của động cơ vẫn chưa lớn hơn một tiếng ậm ừ ngái ngủ.

“Nếu chúng ta nghe thấy một tiếng nổ, cháu sẽ phát điên mất,” Jerome nói ra sự thật hiển nhiên.

“Cứ lái xe đi,” Holly nói. Một điều Winston chưa chậm day qua day lại giữa hai hàm răng cô. “Nếu cháu không tông vào đâu chúng ta sẽ ổn thôi.” Cô quay lại với số điện thoại của Tanya. “Chúng ta sẽ tóm được hần. Chúng ta sẽ tóm được hần tóm hần tóm hần.”

Jerome vụt liếc sang nhìn cô. “Holly, cô điên rồi.”

“Cứ lái đi,” cô nhắc lại.

“Bạn cũng có thể dùng thẻ MAC của mình để được giảm giá 10% tại các nhà hàng sang trọng được lựa chọn và các cơ sở bán lẻ trong khu vực,” cô nàng robot tiếp tục cung cấp thông tin cho Hodges.

Rồi, rốt cuộc cô ta cũng bắt tay vào công việc chính.

Hiện tại ở văn phòng không có ai để nhận cuộc gọi của bạn. Nếu bạn biết số lẻ của bộ phận bạn muốn liên lạc, bạn có thể bấm nó bất kỳ lúc nào. Nếu không, xin vui lòng lắng nghe, vì các số máy lẻ của chúng tôi đã thay đổi. Để gọi cho Văn phòng Kịch Avery Johns, bấm số 10. Để gọi Phòng vé Belinda Dean, bấm số 11. Để gọi Dàn nhạc Giao hưởng Thành phố...”

Ôi lạy Chúa, Hodges nghĩ, đó là cả một cuốn catalog Sears chết tiệt. Và lại còn theo thứ tự bảng chữ cái.

Chiếc Mercedes chúi mũi xuống và ngoặt ngang khi Jerome rẽ vào Lối ra 4A và lao thẳng xuống đường dốc ngoằn ngoèo. Đang là đèn đỏ ở cuối đường. “Holly. Đường phía bên cô thế nào?”

Cô kiểm tra trong khi điện thoại vẫn áp bên tai. “Sẽ ổn thôi nếu cháu đi nhanh. Còn nếu cháu muốn tất cả chúng ta đều chết, cứ nhấn nha vào.”

Jerome đạp lút cần ga. Chiếc Mercedes của bà Olivia lao vút cắt ngang qua bốn làn đường xe loạng choạng lắc lư như sắp lật, lớp xe rít ken két. Có một tiếng rầm chát chúa khi họ nện qua giải phân cách bằng bê tông. Tiếng còi xe rú âm ỉ loạn xạ. Vụt qua khóe mắt, Hodges thấy một chiếc xe tải trèo cả lên lề đường để tránh họ.

“Để gọi Bộ phận Đạo cụ và Thiết kế Bối cảnh, bấm số...”

Hodges dấm rình lên nóc của chiếc Mercedes. Chuyện gì xảy ra với **NHÂN CON MẸ NÓ LOẠI VẬY?**

Đúng lúc cái Mái vòm Vàng của cửa hàng McDonald’s hiện ra phía trước bên tay phải, cô nàng robot nói với Hodges rằng ông có thể gọi cho Phòng An ninh của MAC bằng cách bấm số 23.

Ông làm theo. Điện thoại đổ chuông bốn lần, rồi được nhắc lên. Thứ ông nghe thấy khiến ông băn khoăn liệu mình có đang mất trí không.

“Xin chào, và cảm ơn bạn đã gọi cho Tổ hợp Nghệ thuật và Văn hóa Trung Tây,” cô nàng robot nồng nhiệt nói. “Nơi chúng tôi làm cuộc sống

trở nên tốt đẹp hơn và tất cả mọi thứ đều có thể’.”



“Tại sao chưa bắt đầu hả, bác Robinson?” Dina Scott hỏi. “Đã bảy giờ mười rồi.”

Tanya định kể cho chúng nghe về buổi hòa nhạc của Steve Wonder mà bà đã đi xem hồi trung học, theo lịch thì buổi diễn đó bắt đầu lúc tám giờ mà cuối cùng đến chín rưỡi mới mở màn, nhưng rồi quyết định rằng câu chuyện đó có thể gây phản tác dụng.

Hilda cau mày nhìn điện thoại của mình. “Tớ không thể nào gọi được cho Gail,” con bé phàn nàn. “Tất cả các mạng dờ hơi đều b...”

Ánh đèn bắt đầu nhòe dần trước khi con bé kịp nói hết câu. Cảnh tượng này kích thích những tiếng reo hò cuồng nhiệt và những tràng vỗ tay hưởng ứng.

“Ôi lạy Chúa, mẹ ơi, con phấn khích quá!” Barbara thì thào, và Tanya xúc động khi thấy những giọt nước trào lên trong mắt con gái. Một anh chàng mặc áo phông BAM-100 Good Guy khệnh khạng đi ra. Một ánh đèn rọi dẫn anh ta ra sân khấu trung tâm.

“Này, các bạn!” anh ta gào lên. “Các bạn thế nào rồi?”

Một làn sóng những âm thanh âm ì bảo đảm với anh ta rằng đám đông ngồi chật kín kia đều đang ổn cả. Tanya thấy hai hàng Người Xe lăn cũng đang hò reo hoan hỉ. Chỉ trừ người đàn ông trợ đầu. Anh ta chỉ ngồi yên ở đó. Có lẽ anh ta không muốn đánh rơi bức ảnh của mình, Tanya nghĩ.

“Các bạn sẵn sàng cho một chút Boyd, Steve, và Pete chưa nào?” tay DJ cất tiếng hỏi.

Lại thêm những tiếng reo hò và hú hét.

“Và các bạn đã sẵn sàng cho một chút CAM KNOWLES chưa nào?”

Các cô bé (hầu hết đám này rồi sẽ hoàn toàn chờ người trước sự xuất hiện của thần tượng bằng xương bằng thịt) rú lên như điên. Chúng đã sẵn sàng rồi, đúng thế. Chúa ơi, chúng sẵn sàng lắm rồi. Chết ngay cũng được.

“Chỉ vài phút nữa thôi các bạn sẽ được thưởng thức một chương trình làm các bạn phải phê lòi mắt, nhưng ngay bây giờ, thưa quý vị - và đặc biệt là các bạn gái - hãy cố vũ hết mình cho... ROUND... HEEEEERRE!!!”

Khán giả nhảy dựng lên, và khi ánh đèn trên sân khấu vụt tắt hoàn toàn, Tanya mới hiểu tại sao lũ con gái nhất định phải có điện thoại của chúng. Ở thời của bà, mọi người đều giơ lên các que diêm hoặc bật lửa Bic. Còn bọn trẻ thời này giơ điện thoại di động của chúng lên, ánh sáng kết hợp của những màn hình nhỏ đó hắt ra một thứ quang sáng nhợt nhạt khắp khán phòng hình đáy bát.

Làm thế nào mà chúng lại biết cách làm mấy cái trò này nhỉ? Bà thắc mắc. Ai đã chỉ cho chúng chứ? Mà nói đi phải nói lại ai đã chỉ cho bọn mình nhỉ? Bà không thể nào nhớ nổi.

Đèn sân khấu bật lên thành màu đỏ rực như bếp lò. Đúng lúc đó, một cuộc gọi cuối cùng cũng luồn lách qua được mạng viễn thông tắc nghẽn và điện thoại của Barbara Robinson rung lên trong tay cô bé. Cô bé phớt lờ nó. Trả lời điện thoại là điều cuối cùng trên thế gian mà cô bé muốn làm ngay lúc này (lần đầu tiên trong cuộc đời trẻ trung của cô), mà cho dù có nhận cuộc gọi thì cô bé cũng không thể nghe được người ở đầu dây bên kia - có lẽ là ông anh trai. Tiếng ầm ào trong Khán phòng Mingo thật là điếc tai... và Barb yêu nó. Cô bé vẫy qua vẫy lại chiếc điện thoại đang rung của mình trên đầu thành những vòng lớn chậm chậm. Tất cả mọi người đều làm như vậy, kể cả mẹ cô.

Ca sĩ chính của ban nhạc Round Here, mặc chiếc quần jean bó sát nhất mà Tanya Robinson từng thấy, sải bước ra sân khấu Cam Knowles hát ngược ra sau một cơn sóng thủy triều những sợi tóc vàng và cất lên bài hát “You Don’t Have to Be Lonely Again”.

Hầu hết khán giả vẫn đang đứng trong suốt quãng thời gian này, giơ cao điện thoại. Buổi biểu diễn đã bắt đầu.



Chiếc Mercedes rẽ khỏi đại lộ Spicer và đi vào đường nhánh với những tấm biển GIAO NHẬN MAC và CHỈ DÀNH CHO NHÂN VIÊN. Trên đó một phần tư dặm là một cánh cổng cuốn. Nó đã đóng. Jerome tấp xe lại cạnh cây cột có gắn điện thoại nội bộ. Tấm biển ở đây ghi GỌI ĐỂ VÀO.

Hodges nói, “Nói với họ cháu là cảnh sát.”

Jerome hạ cửa số xuống và nhấn nút. Không có động tĩnh gì. Cậu nhấn lần nữa và lần này giữ nguyên tay. Hodges có một ý nghĩ kinh hoàng rằng: Khi cuộc gọi của Jerome cuối cùng cũng được trả lời, nó sẽ lại là cô nàng robot, mời mọc vài chục lựa chọn mới.

Nhưng lần này hóa ra là người thật, cho dù không thân thiện gì. “Cửa sau đóng rồi.”

Cảnh sát đây, Jerome nói. “Mở cổng ra.”

“Các anh muốn gì?”

“Tôi vừa mới bảo anh xong còn gì. Mở cái cửa khốn kiếp này ra tình huống khẩn cấp.”

Cánh cổng bắt đầu nặng nề mở ra, nhưng thay vì cho xe lăn bánh về phía trước, Jerome lại ấn nút. “Anh là nhân viên an ninh à?”

“Quản lý chung,” giọng nói khô khốc đó vang lên lần nữa. “Nếu muốn gặp nhân viên an ninh, các anh phải gọi cho Phòng An ninh chứ.”

“Không có ai ở đó đâu,” Hodges nói với Jerome. “Họ ở trong khán phòng hết rồi, toàn bộ cả đám luôn. Cứ đi đi.”

Jerome làm theo, dù cánh cổng chưa hoàn toàn mở ra. Cậu quệt xước phần thân mới tân trang của chiếc Mercedes. “Có thể họ bắt được hắn rồi,” cậu nói.

“Họ đã có nhận dạng của hắn, vì vậy có thể họ đã bắt được hắn.”

“Họ không bắt được,” Hodges nói. “Hắn đang ở trong đấy.”

“Làm sao bác biết?”

“Nghe này.”

Họ chưa nghe thấy tiếng nhạc, nhưng trong khi cửa kính bên phía người lái vẫn đang hạ xuống, họ nghe được tiếng âm bass đập thình thịch.

“Chương trình đang diễn ra rồi. Nếu người của Windom mà đã tóm cổ được một kẻ mang thuốc nổ, chắc chắn họ đã dừng buổi diễn ngay lập tức và lúc này họ đã phải đang sơ tán tòa nhà rồi.”

“Bằng cách nào mà hắn có thể vào trong được?” Jerome hỏi, và nện vào vô lăng. “Bằng cách nào?” Hodges có thể nghe thấy nỗi kinh hoàng trong giọng cậu. Tất cả là do ông. Mọi chuyện là do ông.

“Bác không biết. Họ đã có ảnh của hắn.”

Phía trước là một đường bê tông rộng và dốc dẫn xuống khu vực bốc dỡ hàng. Nửa tá nhân viên hậu cần đang ngồi trên thùng loa đài và hút thuốc, trước mắt thì họ đã xong việc. Có một cánh cửa để mở dẫn đến phía sau khán phòng, và qua đó Hodges có thể nghe thấy tiếng nhạc đang tụ lại quanh nhịp bass. Còn có một âm thanh khác nữa: hàng nghìn cô bé đang gào thét sung sướng, tất cả đều ngồi trên tâm điểm nổ.

Việc Hartsfield đã lọt vào bằng cách nào không còn quan trọng nữa trừ phi nó giúp tìm ra hắn, và lạ Chúa, làm sao họ có thể thực hiện được điều đó trong một khán phòng tối om đầy ắp hàng nghìn người?

Trong lúc Jerome đỗ xe ở cuối đường dốc, Holly nói, “De Niro tự cắt cho mình kiểu đầu Mohawk. Có thể là cách đó.”

“Cô đang nói về chuyện gì vậy?” Hodges vừa hỏi vừa hì hục lôi mình ra khỏi băng ghế sau. Một người đàn ông mặc quần kaki Carhartt vừa bước lại chỗ cửa mở để đón họ.

“Trong phim Taxi Driver, Robert De Niro đóng vai một gã điên tên là Travis Bickle,” Holly giải thích trong lúc ba người hối hả đi về phía người



quản lý. “Khi anh ta quyết định ám sát tay chính trị gia, anh ta đã tự cạo trọc đầu mình để có thể tiếp cận mà không bị nhận ra. Nghĩa là chỉ trừ có phần ở giữa, được gọi là kiểu tóc Mohawk. Có thể Brady Hartsfield không làm như thế, vì nó khiến hắn trông quá kỳ quặc.”

Hodges nhớ chỗ tóc vương lại trong bồn rửa phòng tắm. Nó không phải là màu sáng (và có lẽ được nhuộm) trên tóc của người đàn bà đã chết. Holly có thể hơi chập cheng, nhưng ông nghĩ cô đã đúng về chuyện này; Hartsfield đã cạo trọc đầu. Nhưng Hodges không hiểu sao chỉ mỗi việc đó lại có thể đủ để hắn lọt vào, bởi vì...

Người quản lý chung bước ra gặp họ. “Có chuyện gì vậy?”

Hodges lấy tấm thẻ cảnh sát và giơ vạt nó lên thật nhanh, ngón tay cái lại được sắp đặt đầy chiến lược. “Thanh tra Bill Hodges. Anh tên là gì nhỉ, thưa anh?”

“Jamie Gallison.” Mắt anh ta vụt liếc qua Jerome và Holly.

“Tôi là cộng sự của ông ấy,” Holly nói.

“Tôi là học viên tập sự của ông ấy,” Jerome nói.

Đám nhân viên hậu cần đang theo dõi. Một số người đã vội vàng dụi mắt những điều thuốc có thể chứa thứ gì đó mạnh hơn sợi thuốc lá một chút. Qua cánh cửa mở, Hodges có thể thấy những bóng điện công nghiệp đang rọi sáng khu vực nhà kho chất đầy các đạo cụ và đồ bài trí cho phong cảnh.

“Anh Gallison, chúng ta có một vấn đề nghiêm trọng,” Hodges nói. “Tôi cần gọi Larry Windom xuống dưới này, ngay lập tức.”

“Đừng làm thế, Bill.” Ngay cả trong tâm trạng căng thẳng càng lúc càng thêm căng thẳng, ông vẫn nhận ra đó là lần đầu tiên Holly gọi ông bằng tên riêng.

Ông phớt lờ cô. “Anh Gallison, tôi cần anh gọi cho anh ta bằng di động.” Gallison lắc đầu. “Nhân viên an ninh không mang theo điện thoại di động khi làm nhiệm vụ, vì mỗi lần chúng tôi có chương trình lớn như thế này - ý tôi là những chương trình cho bọn nhóc, khác với thứ dành cho người lớn - mạng di động lại nghẽn. Các nhân viên an ninh mang...”

Holly đang giật giật tay Hodges. “Đừng làm thế. Ông sẽ đánh động hắn và hắn sẽ cho nó nổ. Tôi biết hắn sẽ làm thế.”

“Có thể cô ấy nói đúng,” Jerome nói, và rồi (có lẽ nhớ ra cương vị tập sự của mình) nói thêm, “Thưa sếp.”

Gallison nhìn họ với vẻ hoảng hốt. “Đánh động ai cơ? Cho nổ cái gì?”

Hodges vẫn không rời mắt khỏi tay quản lý. “Họ mang theo cái gì? Bộ đàm? Radio?”

“Radio, vâng. Họ có...” Anh ta giật dái tai của mình. “Ông biết đấy, những thứ giống như máy trợ thính. Giống thứ mà FBI và bên mật vụ vẫn đeo. Có chuyện gì đang xảy ra ở đây vậy? Hãy nói với tôi là không phải bom đi.” Và, không hề thích điều mình thấy trên khuôn mặt tái nhợt và đầm đìa mồ hôi của Hodges, anh ta thốt lên, “Lạy Chúa, là nó à?”

Hodges bước qua anh ta để vào khu vực nhà kho sáng trưng. Phía sau đồng ngổn ngang như một nhà kho áp mái toàn cảnh dựng, phong nền và giá nhạc, có một gian xưởng mộc và phòng phục trang. Tiếng nhạc chất chúa hơn bao giờ hết, và ông bắt đầu thấy khó thở. Cơn đau len lỏi dưới cánh tay trái của ông, và ngực ông nặng trĩu, nhưng đầu óc ông thì tỉnh táo.

Brady hoặc đã cạo trọc đầu hoặc đã cắt tóc ngắn và nhuộm những gì còn lại. Có thể hẳn đã dùng thêm cả đồ trang điểm để làm sẫm da, hoặc mang kính màu áp tròng, hoặc đeo kính. Nhưng cho dù là áp dụng tất cả những trò đó, hẳn vẫn sẽ là một gã đàn ông đi một mình giữa một buổi biểu diễn toàn các cô gái trẻ. Sau những thông tin mà ông đã cung cấp cho Windom, kiểu gì Hartsfield cũng vẫn thu hút sự chú ý và nghi ngờ. Và còn chỗ thuốc nổ nữa. Holly và Jerome biết về chuyện đó nhưng Hodges còn biết nhiều hơn thế. Còn có cả bi sắt, có lẽ là cả đồng luôn. Ngay cả khi hẳn không bị thụt cổ ở cửa, làm cách nào mà Hartsfield có thể tuồn được tất cả những thứ đó vào bên trong? Chẳng lẽ an ninh ở đây lại thực sự tệ đến thế?

Gallison chộp lấy tay trái của ông, và khi anh ta lắc nó, Hodges cảm thấy cơn đau chạy một mạch lên tận hai thái dương. “Để đích thân tôi đi. Tóm lấy tay nhân viên an ninh đầu tiên tôi gặp và bảo anh ta gọi qua radio báo cho Windom xuống đây và nói chuyện với ông.”

“Không,” Hodges nói. “Anh sẽ không làm như thế, anh Gallison ạ.”

Holly Gibney là người duy nhất trong bọn họ hiểu rõ vấn đề Tên Sát nhân Mercedes đang bên trong. Hắn có một quả bom, và chỉ nhờ vào ơn phước của Chúa nên giờ này hắn còn chưa kích nổ nó. Đã quá muộn cho cảnh sát và quá muộn cho lực lượng an ninh của MAC. Cũng đã quá muộn cho hắn.

Nhưng.

Hodges ngồi xuống một kiện hàng rỗng. “Jerome, Holly. Lại đây với tôi.”

Họ làm theo. Jerome mắt trắng dã, cậu không thể kiềm chế được nỗi kinh hoàng. Mặt Holly tái nhợt nhưng vẻ bề ngoài vẫn bình tĩnh.

“Cạo trọc đầu là chưa đủ. Hắn còn phải khiến cho mình trông thật vô hại. Tôi biết hắn đã làm thế nào, và nếu tôi đúng, tôi biết vị trí của hắn.”

“Ở đâu?” Jerome nói. “Hãy nói với bọn cháu. Bọn cháu sẽ tóm hắn. Bọn cháu sẽ tóm hắn.”

“Không dễ đâu. Lúc này hắn đang cực kỳ cảnh giác, hắn sẽ luôn kiểm tra xung quanh mình. Và hắn biết cháu, Jerome. Cháu đã mua kem ở cái xe Mr. Tastey khốn kiếp đó. Cháu đã nói với bác điều đó.”

“Bác Bill, hắn đã bán kem cho cả mấy nghìn người cơ mà.”

“Chắc chắn rồi, nhưng bao nhiêu người da đen ở West Side nào?”

Jerome lặng thinh, và lúc này cậu mới là người đang cắn môi.

“Quả bom lớn từng nào?” Gallison hỏi. “Có lẽ tôi nên kéo chuông báo cháy?”

“Chỉ khi ông muốn có một đồng người chết,” Hodges nói.

Càng lúc việc nói chuyện càng trở nên khó nhọc hơn. “Ngay khoảnh khắc cảm thấy nguy hiểm, hắn sẽ cho nổ tung tất cả những gì hắn có. Ông có muốn thế không?”

Gallison không trả lời, và Hodges quay lại với hai trợ thủ bất đắc dĩ mà Chúa - hoặc một số phận âm ương nào đó - đã ấn định cho bên cạnh ông đêm nay.

“Chúng ta không thể mạo hiểm với cháu được, Jerome, và chắc chắn chúng ta càng không thể mạo hiểm với bác. Hắn đã theo dõi bác thậm chí từ trước cả khi bác biết là hắn còn sống.”

“Cháu sẽ tiếp cận từ phía sau,” Jerome nói. “Che mắt hắt. Trong bóng tối, khi không có gì ngoài ánh điện trên sân khấu, hắt sẽ không đời nào nhìn thấy cháu.”

“Nếu hắt đang ở chỗ mà bác nghĩ, thì cơ hội để cháu làm thế cùng lắm sẽ chỉ là năm mươi năm mươi. Như thế thì chưa đủ.”

Hodges quay sang người phụ nữ với mái tóc đang ngả màu muối tiêu và bộ mặt của một cô gái tuổi teen thần kinh. “Phải là cô rồi, Holly. Lúc này hắt đang để ngón tay trên cò rồi, và cô là người duy nhất có thể tiếp cận gần hắt mà không bị nhận ra.”

Cô lấy một tay bụm lên cái miệng bị hành hạ của mình, nhưng thế chưa đủ và cô bỏ sung nốt tay còn lại. Mắt cô mở to nhòe ướt. Chúa cứu vớt chúng con, Hodges nghĩ. Đó không phải là lần đầu tiên ông có ý nghĩ đó về Holly Gibney. “Chỉ khi ông đi với tôi,” cô nói qua hai bàn tay. “Có lẽ thế...”

“Tôi không thể,” Hodges nói. “Tôi đang lên cơn đau tim.”

“Ôi, tuyệt chưa kìa,” Gallison rên rỉ.

“Ông Gallison, có khu vực dành cho người khuyết tật không? Chắc chắn phải có, đúng không?”

“Chắc chắn rồi. Ở ngay giữa khán phòng luôn.”

Hắt không chỉ lọt vào trong cùng chỗ thuốc nổ, Hodges nghĩ, hắt còn chọn được vị trí hoàn hảo để gây ra thương vong lớn nhất.

Ông nói, “Nghe này, hai người. Đừng bắt tôi nói điều này hai lần.”



Nhờ màn giới thiệu của tay dẫn chương trình, Brady đã thả lỏng được chút ít. Những thứ rác rưởi phụ cảnh mà hắn nhìn thấy người ta bốc dỡ xuống trong chuyến thám thính hoặc là ở dưới sân khấu hoặc treo lơ lửng bên trên. Bốn năm bài đầu tiên mới chỉ là màn khởi động. Chẳng mấy chốc bối cảnh sẽ hiện hình từ hai bên đẩy vào hoặc thả từ trên xuống, vì công việc chính của ban nhạc, lý do chúng ở đây, là để bán cái món của nợ âm thanh mới nhất của chúng. Khi lũ nhóc - nhiều đứa đang đi xem buổi biểu diễn ca nhạc đầu tiên trong đời mình - nhìn thấy những ánh đèn lấp lánh chói lòa cùng cái vòng đu quay và hậu cảnh chủ đề bãi biển, những cái đầu nhãi ranh của chúng hắn sẽ phát rồ. Chính lúc đó, đúng lúc đó, là lúc hắn nhấn công tắc trên Thiết bị Hai, và vụt biến vào bóng tối trên một quả bong bóng vàng chứa tất cả những niềm sung sướng ấy.

Ca sĩ chính, cái gã toàn thấy tóc tai, đang kết thúc một bản ballad ngọt lịm trong tư thế quỳ gối. Gã nhấn nhá mãi nốt nhạc cuối đầu rủ xuống, vênh cái phao câu đĩ đượi của gã lên. Gã là một ca sĩ tệ hại, và có lẽ còn đang trong cơn phê giật của một cỡ ma túy quá liều, nhưng khi gã ngừng đầu và rống lên, “Các bạn đang thấy thế nào?” thì khán giả lại hoàn toàn phát rồ một cách rất dễ đoán.

Brady nhìn quanh, như hắn vẫn làm này giờ, vài giây một lần - luôn kiểm tra xung quanh mình, đúng như Hodges nói - và mắt hắn dán vào một con nhóc da đen đang ngồi phía trên cách hắn hai hàng ghế về bên phải.

Mình có biết nó không nhỉ?

“Anh đang tìm ai vậy?” con bé xinh xắn với đôi chân que hét lên hỏi trong lúc trên sân khấu giới thiệu bài hát tiếp theo. Hấn chỉ nghe thấy loáng thoáng tiếng nó. Con nhóc đang toe toét cười với hấn, và Brady nghĩ bụng thật là lỗ bịch khi một đứa con gái đã thay chân bằng gậy rồi mà vẫn còn nhăn nhó cười được. Thế gian này đã giày vò con nhỏ tanh bành tơi tả, xóc đến tận óc, chọc đến tận sọ, và điều đó làm sao đáng được nhận một cái cười mỉm, chứ nói gì đến cả một điệu cười toe toét rách mang tai như thế kia? Hấn nghĩ bụng, Con này chắc đang ngáo đá rồi.

“Bạn tôi!” Brady hét lên đáp lại.

Nghĩ bụng, Cứ làm như mình có bạn vậy.

Cứ làm như.



Gallison dẫn Holly và Jerome đi tới... ừm, tới đâu đó. Hodges ngồi trên cái thùng loa, đầu gục xuống và chống hai tay lên đùi. Một nhân viên hậu cần ngập ngừng lại gần và ngỏ ý gọi xe cấp cứu cho ông. Hodges cảm ơn anh ta nhưng từ chối. Ông không tin là Brady có thể nghe thấy tiếng hú còi âm ỉ của xe cứu thương đang tiến đến (hay bất kỳ thứ gì khác) trong cái mớ âm thanh hỗn độn mà Round Here đang tạo ra, nhưng ông sẽ không chấp nhận mạo hiểm. Mạo hiểm chính là nguyên nhân đưa họ đến nông nổi này, khiến tất cả mọi người trong Khách phòng Mingo, gồm cả mẹ và em gái của Jerome, gặp nguy hiểm. Ông chẳng thà chết còn hơn mạo hiểm lần nữa, và thoáng hy vọng ông sẽ chết trước khi phải giải thích cái mớ bung bét thối tha này.

Chỉ có điều... Janey. Khi ông nghĩ đến Janey, cô vừa cười vừa chỉnh cái mũ phớt mượn của ông nghiêng đúng một góc nông nhênh kiểu cách nhất, ông biết rằng nếu phải làm lại từ đầu, nhiều khả năng ông vẫn sẽ làm như thế.

Hừm... cơ bản là thế. Nếu được làm lại, có lẽ ông đã ít nhiều để ý hơn đến những gì bà Melboume nói.

Bà ấy nghĩ chúng nhớn nhơ lẫn trong chúng ta! Bowfinger đã nói thế, và cả bọn họ đã cười nhạo về chuyện đó, theo kiểu đàn ông với nhau, nhưng chẳng phải chính họ mới đáng bị cười sao? Bởi vì bà Melboume đã đúng. Brady Hartsfield thực sự là một kẻ ngoài hành tinh, và hẳn nhớn nhơ giữa họ suốt gần ấy thời gian, sửa máy tính và bán kem.

Holly và Jerome đã đi khỏi, Jerome mang theo khẩu 38 từng thuộc về bố của Hodges. Hodges có những hoài nghi tăm tối về việc cử thẳng bé vào một khán phòng đông nghẹt người với một khẩu súng đã nạp đạn. Trong hoàn cảnh bình thường thì cậu là một thằng nhóc cực kỳ lạnh tính, nhưng nhiều khả năng cậu ta khó mà lạnh được khi mẹ và em gái đang gặp nguy hiểm. Mặc dù vậy Holly cần phải được bảo vệ. Hãy nhớ cháu chỉ làm nhiệm vụ yểm trợ thôi, Hodges đã bảo cậu trước khi Gallison dẫn họ đi, nhưng Jerome không tỏ vẻ gì là đồng tình. Ông còn không chắc liệu Jerome thậm chí có nghe thấy mình nói gì không nữa.

Dù sao đi nữa Hodges cũng đã làm tất cả những gì có thể. Điều duy nhất còn lại là ngồi đây, chống chọi với cơn đau, cố giữ cho đều hơi thở và chờ đợi một cơn bùng phát mà ông cầu nguyện sẽ không xảy ra.





**H**olly Gibney đã phải nhập viện tâm thần hai lần trong đời, một lần hồi thiếu niên và một lần khi ngoài hai mươi. Người bác sĩ tâm thần mà cô gặp sau này (trong giai đoạn được gọi là trưởng thành) gọi những kỳ nghỉ bắt buộc ấy là những lần đoạn tuyệt với thực tại, nghe chẳng hay hóm gì nhưng cũng còn tốt hơn bị gọi là phát bệnh<sup>[50]</sup> tâm thần, thứ mà rất nhiều người có đi mà không có về. Bản thân Holly thì có một tên gọi đơn giản hơn. Chúng là những đợt điên toàn tập của cô, để phân biệt với trạng thái điên từ một chút đến vừa vừa mà cô vẫn trải qua trong cuộc sống hằng ngày.

Đợt điên toàn tập năm hơn hai mươi tuổi là tác phẩm của sếp cô tại một hãng bất động sản có tên là công ty Nhà và Bất động sản Frank Mitchell ở Cincinnati. Sếp của cô là Frank Mitchell, Jr., một gã ăn diện lòe loẹt với bộ mặt của một con cá hồi thông minh. Hắn khẳng khẳng rằng kết quả công việc của cô ở dưới mức yêu cầu, rằng đồng nghiệp của cô căm ghét cô, và cách duy nhất để bảo đảm cô vẫn được ở lại công ty là có hắn tiếp tục nâng đỡ cho cô. Hắn sẽ làm điều đó nếu cô ngủ với hắn. Holly không muốn ngủ với Frank Mitchell, Jr., và cô cũng không muốn mất việc. Nếu mất việc thì cô sẽ mất căn hộ, và sẽ phải quay về sống với ông bố nhu nhược và bà mẹ độc đoán. Cuối cùng cô giải quyết mâu thuẫn bằng cách một hôm đến công ty sớm và phá tanh bành phòng làm việc của Frank Mitchell, Jr. Cô được tìm thấy ở ngăn của mình, co quắp trong góc. Những đầu ngón tay của cô rớm máu. Cô đã nhai chúng như một con thú cố tìm cách thoát khỏi bẫy.

Nguyên nhân đợt điên toàn tập lần đầu của cô là Mike Sturdevant. Hẳn chính là kẻ đã nghĩ ra cái biệt hiệu dai dẳng Jibba-Jibba.

Vào thời ấy, khi đang học lớp chín, Holly chẳng muốn điều gì khác ngoài việc tung tăng từ chỗ này sang chỗ khác với những cuốn sách ghi chặt vào bộ ngực mới nhú còn tóc thì phủ lòa xòa trên khuôn mặt lấm tẩm trứng cá. Nhưng từ khi đó cô đã có những vấn đề còn trầm trọng hơn cả trứng cá. Vấn đề căng thẳng. Vấn đề trầm cảm. Vấn đề mất ngủ.

Tệ nhất là stimming.

Stimming là cách gọi tắt của tật tự kích thích, nghe qua thì tưởng giống thủ dâm nhưng không phải. Nó là một dạng hành động cưỡng chế, thường đi kèm với những đoạn hội thoại tự biên rời rạc. Tự cắn móng tay và nhai môi là những dạng stimming nhẹ. Những người bị nặng nhất thường vẩy tay, tự tát vào ngực và má mình, hoặc khuỳnh hai cánh tay như thể đang nâng những quả tạ vô hình.

Bắt đầu từ đâu khoảng tám tuổi, Holly bắt đầu quàng tay quanh vai và run bần bật, tự lăm lăm với mình và tạo những vết mặt nhăn nhó. Trò này sẽ kéo dài năm hoặc mười giây, và sau đó cô lại tiếp tục bất kỳ việc gì cô đang làm dở - đọc sách, khâu vá, ném bóng rổ trên lối đi cùng bố. Cô hầu như không ý thức được là mình đang làm điều đó trừ phi mẹ cô nhìn thấy và bảo cô ngừng run bần bật và nhăn nhó, không mọi người lại tưởng cô đang lên cơn động kinh.

Mike Sturdevant là một dạng nam giới thiếu năng hành vi luôn coi thời trung học như là thời hoàng kim vĩ đại đã mất trong đời. Lúc đó hẳn là học sinh lớp mười hai, và - rất giống như Cam Knowles - một thằng con trai có cái mẽ đẹp như Chúa trời: vai rộng, hông hẹp, chân dài, và mái tóc vàng như một vầng hào quang. Hẳn ở trong đội bóng bầu dục (tất nhiên rồi) và hẹn hò cô nàng đội trưởng cổ vũ (tất nhiên rồi). Hẳn ở một tầng hoàn toàn khác trong hệ thống đẳng cấp của trường trung học so với Holly Gibney, và trong hoàn cảnh bình thường thì cô đã chẳng bao giờ thu hút được sự chú ý của hẳn. Ấy vậy mà hẳn lại chú ý đến cô, vì một hôm, đúng lúc đang trên đường đến căng tin, cô lại lên một cơn stimming.

Mike Sturdevant và mấy thằng bạn chơi bóng bầu dục tình cờ đi ngang qua. Chúng dừng lại để nhìn cô chăm chăm - một đứa con gái đang tự ôm chặt lấy mình, run bần bật trong khi cái miệng trễ tụt xuống và mắt là hai cái khe ti hí. Một tràng những âm thanh khe khẽ, rời rạc - có lẽ là các từ, có lẽ không phải - phát ra từ hàm răng nghiêng chặt của con bé.

“Mày đang làm nhảm cái gì vậy?” Mike hỏi cô.

Holly buông lỏng vòng tay siết trên vai mình, ngạc nhiên chờ người nhìn hẵn. Cô không biết hẵn đang nói gì; cô chỉ biết là hẵn đang chăm chăm nhìn mình. Tất cả đám bạn hẵn đang chăm chăm nhìn cô. Và cười nhảu nhở.

Cô há hốc miệng hỏi hẵn, “Gì cơ?”

“Lảm nhảm!” Mike gào lên. “Jibba-jibba-lảm-nhảm!”

Những tên khác hùa theo trong khi cô cúi gằm đầu xuống chạy về phía căng tin, đâm sầm vào người khác trên đường đi. Từ đó trở đi, Holly Gibney được học sinh tại trường Trung học Walnut Hills biết đến với tên gọi Jibba-Jibba, và cứ thế cho đến sau kỳ nghỉ Giáng sinh. Đó là khi mẹ cô tìm thấy cô nằm co quắp không quần áo trong bồn tắm, nói rằng sẽ không bao giờ đến Walnut Hills nữa. Nếu mẹ cô mà cố ép, cô nói, cô sẽ tự tử.

Úm ba la! Điên toàn tập!

Khi cô khá hơn (đôi chút), cô đến học một trường khác nơi mà mọi chuyện đỡ căng thẳng hơn (đôi chút). Cô không bao giờ gặp lại Mike Sturdevant nữa, nhưng cô vẫn có những giấc mơ mà trong đó cô đang chạy dọc một hành lang vô tận ở trường trung học - nhiều khi chỉ mặc độc có đồ lót - trong khi mọi người cười nhạo cô, chỉ trỏ cô và gọi cô là Jibba-Jibba.

Holly đang nghĩ đến những ngày trung học yêu dấu đó trong lúc cô và Jerome đi theo người quản lý qua mê cung những căn phòng bên dưới Khán phòng Mingo. Trông Brady Hartsfield sẽ giống như thế, cô quá quyết, giống Mike Sturdevant, chỉ có điều là trọc lốc. Cô hy vọng Mike cũng thế, cho dù bây giờ hẵn có đang sống ở đâu đi nữa. Hối... béo... tiền tiêu đường... khổ sở với một mụ vợ cay nghiệt và lũ con vô ơn. Jibba-Jibba, cô nghĩ.

Đáng đời mày, cô nghĩ.

Gallison dẫn họ qua xưởng mộc và phòng phục trang, qua một dãy phòng thay đồ, rồi dọc một hành lang đủ rộng để vận chuyển tranh nền và những bộ hậu cảnh hoàn chỉnh. Hành lang kết thúc bằng thang máy chở hàng với những cánh cửa để mở. Tiếng nhạc vui nhộn dội xuống qua hố thang máy. Bài hát đang được trình bày nói về tình yêu và nhảy nhót. Holly chẳng thấy có gì dính dáng đến mình.

“Hai người sẽ không dùng thang máy đâu,” Gallison nói, “nó đi ra sau sân khấu và từ đó hai người không thể tới được chỗ khán giả mà không đi thẳng qua ban nhạc. Nghe này, đúng là ông kia đang bị lên cơn đau tim à? Hai người có đúng là cảnh sát không vậy? Trông hai người không giống cảnh sát.” Anh ta liếc nhìn Jerome. “Cậu trẻ quá.” Rồi sang Holly, vẻ mặt anh ta thậm chí còn ngờ vực hơn. “Còn cô thì...”

“Quá chập cheng?” Holly nói thay.

“Tôi không định nói thế.” Có lẽ là không, nhưng anh ta nghĩ thế. Holly biết; một cô bé từng có thời bị đặt cho biệt danh Jibba-Jibba luôn biết.

“Tôi sẽ gọi cảnh sát,” Gallison nói. “Cảnh sát thật ấy. Và nếu chuyện này mà là một trò đùa...”

“Hãy làm điều gì ông cần làm,” Jerome vừa nói, vừa nghĩ, Tại sao lại không? Cứ để anh ta gọi cả Vệ binh Quốc gia nếu anh ta muốn. Chuyện này sắp xong rồi, cách này hay cách khác, trong một vài phút nữa. Jerome biết điều đó, và cậu có thể thấy là Holly cũng vậy. Khẩu súng ông Hodges đưa đang ở trong túi cậu. Cảm giác nó thật nặng và ấm lạ lùng. Ngoại trừ khẩu súng hơi cậu từng có khi lên chín mười tuổi gì đó (một món quà sinh nhật được tặng cho cậu bất chấp sự ngại ngần của mẹ), cậu chưa bao giờ mang theo súng trong đời mình, và khẩu này có cảm giác thật sống động.

Holly chỉ về phía trái thang máy. “Cánh cửa đó thì sao?” Và khi Gallison không trả lời ngay lập tức: “Hãy giúp chúng tôi. Làm ơn. Có thể chúng tôi không phải cảnh sát thật, có thể ông đã đứng về điều đó, nhưng thực sự là có một kẻ rất nguy hiểm trong đám khán giả đêm nay.”

Cô hít một hơi thật sâu và nói những lời cô cũng gần như không thể tin nổi, mặc dù cô biết chúng là thật, “Thưa ông, chúng tôi là tất cả những gì ông có.”

Garrison ngẫm nghĩ, rồi nói, “Cầu thang sẽ dẫn hai người đến Khán phòng Trái. Đó là một cầu thang dài. Ở trên cùng, có hai cánh cửa. Cửa bên trái dẫn ra ngoài. Cửa bên phải mở ra khán phòng, đường dẫn xuống bên cạnh sân khấu. Gần sát sạt, tiếng nhạc chắc sẽ làm rung màng nhĩ hai người cho mà xem.”

Mân mê báng khẩu súng trong túi, Jerome hỏi, “Và chính xác thì khu dành cho người khuyết tật ở chỗ nào?”



**B**rady có biết con bé. Hẳn biết.

Thoạt đầu hẳn không sao nhớ nổi, nó giống như một từ ngắc ngứ trên đầu lưỡi. Rồi, khi ban nhạc bắt đầu bài hát gì đó về ái ân trên sàn nhảy, nó vụt đến với hẳn. Ngôi nhà trên đường Teaberry, ngôi nhà mà thằng nhóc cứng của Hodges sống với gia đình nó, một cái ổ bọn nhỏ có tên của dân da trắng. Ấy là trừ có con chó. Tên nó là O'dell, một cái tên nhỏ đứt đuôi, và Brady đã định giết nó... chỉ có điều là cuối cùng thay vào đó lại thành ra hẳn giết mẹ mình.

Brady nhớ cái ngày thằng nhỏ con chạy ra chỗ cái xe Mr. Tastey, mắt cá chân nó còn nguyên màu xanh sau khi cắt dọn thảm cỏ của lão cớm béo về vườn. Còn em gái nó thì hét, Cho cháu một kem sô cô la! Làm ơnnnn!

Tên con em gái là Barbara, và kia chính là nó, sờ sờ bằng xương bằng thịt và xấu thôi rồi. Nó đang ngồi phía trên hai hàng về bên phải cùng lũ bạn và một mụ đàn bà chắc hẳn là mẹ nó. Jerome không cùng bọn chúng, và Brady sung sướng man dại. Cứ để Jerome sống, thế cũng tốt.

Nhưng không có con em gái.

Hay mẹ nó.

Hãy để nó thấy điều đó cảm giác như thế nào.

Vẫn chăm chú nhìn Barbara Robinson, ngón tay hẳn trườn bên dưới bức ảnh Frankie và tìm đến công tắc Thiết bị Hai. Hẳn vuốt ve nó qua làn vải mỏng của chiếc áo phông giống như cách mà hẳn được phép - trong một vài dịp may mắn ít ỏi thôi vuốt ve đầu ngực mẹ hẳn. Trên sân khấu, ca sĩ chính của Round Here thực hiện một cú xoạc chân chắc chắn chỉ là nhằm

miết những hòn bi của hần (luôn phải giả định là hần cũng có bi) trong cái quần jean bó chặt, rồi đứng bật dậy và tiến ra sát mép sân khấu. Lũ con gái gầm rú. Lũ con gái vươn tay ra như thể để chạm vào hần, bàn tay chúng vẩy vẩy, những móng tay của chúng - sơn đủ các loại màu sắc cầu vồng sặc sỡ - lấp lánh trong ánh đèn sàn.

“Này, các bạn có thích một công viên giải trí không?” Cam rống lên.

Chúng hét lên rằng chúng thích.

“Các bạn có thích một lễ hội hóa trang không?”

Chúng hét lên rằng chúng yêu một lễ hội hóa trang.

“Các bạn đã bao giờ được hôn trên bãi giữa<sup>[51]</sup> chưa?”

Những tiếng hét lúc này đã trở nên cuồng loạn đến đỉnh điểm. Khán giả lại đứng cả lên, ánh đèn rọi loang loáng lại một lần nữa lướt qua đám đông. Brady không thấy ban nhạc, nhưng cũng chẳng quan trọng gì. Hần đã biết những gì sắp diễn ra, vì hần đã ở đó lúc họ dỡ hàng.

Hạ giọng xuống thành một tiếng thì thầm gần gũi được kích âm, Cam Knowles nói, “Vâng, đêm nay các bạn sẽ được đón nhận nụ hôn đó.”

Nhạc lễ hội hóa trang cất lên - chiếc keyboard điện tử Korg được cài đặt để chơi một giai điệu giả tiếng đàn calliope. Sân khấu đột nhiên được tắm trong một cơn lốc ánh sáng: màu cam, lam, đỏ, lục, vàng. Tiếng ngõ ngàng ồ lên khi phong cảnh bãi giữa bắt đầu hạ xuống. Cả chiếc đu quay ngang và đu quay dọc đều đã xoay tròn.

“ĐÂY LÀ CA KHÚC CHỦ ĐỀ TRONG ALBUM MỚI CỦA CHÚNG TÔI, VÀ CHÚNG TÔI THỰC SỰ HY VỌNG CÁC BẠN SẼ THÍCH NÓ!” Cam gào lên, và những nhạc cụ khác hòa vào xung quanh tiếng nhạc điện tử.

“The desert cries in all directions,” Cam Knowles ngân giọng. “Like eternity you’re my infection.” Brady thấy giọng gã nghe như Lim Morrison sau ca phẫu thuật mổ thùy trán. Rồi gã rống lên đầy phấn khích, “Điều gì sẽ chữa lành cho tôi đây, các bạn?”

Khán giả biết, và gầm ra câu trả lời khi ban nhạc bập vào tổng lực.

“BABY, BABY, YOU’VE GOT THE LOVE THAT I NEED... YOU AND I, WE GOT IT BAD... LIKE NOTHIN’ THAT I EVER HAD...”

Brady mỉm cười. Đó là nụ cười thanh thản hạnh phúc của một con người đau khổ cuối cùng cũng tìm thấy sự yên bình. Hẳn liếc xuống quầng sáng màu vàng của đèn báo, tự hỏi liệu hẳn có sống được đủ lâu để thấy nó chuyển màu xanh hay không. Rồi hẳn ngoảnh nhìn lại con nhỏ con đang đứng, vỗ tay và lắc lư cái đuôi của nó.

Nhìn tao này, hẳn nghĩ. Nhìn tao này, Barbara. Tao muốn tao là hình ảnh cuối cùng mà nhìn thấy.





**B**arbara rời mắt khỏi những điều kỳ diệu trên sân khấu vừa đủ lâu để xem liệu người đàn ông trọc đầu trên xe lăn có đang sung sướng như nó không. Vì những lý do mà cô bé không thể nào hiểu nổi, ông ta đã trở thành người đàn ông trên xe lăn của nó. Có phải vì ông ta khiến nó nhớ đến một ai đó nhỉ? Chắc chắn là không thể rồi, phải không? Người khuyết tật duy nhất mà con bé biết là Dustin Stevens ở trường, mà cậu ta mới chỉ lớp hai. Dù sao thì vẫn có gì đó quen quen ở người đàn ông tàn tật trọc đầu này.

Cả buổi tối nay đến lúc này hết như một giấc mơ, và những gì con bé nhìn thấy lúc này cũng dường như trong mơ.

Thoạt đầu con bé tưởng người đàn ông trên xe lăn đang vẫy tay với nó, nhưng hóa ra không phải. Ông ta mỉm cười... và ông ta đang giơ ngón tay thối ra với nó. Thoạt đầu con bé không thể nào tin nổi, nhưng đúng là như thế, chính xác luôn.

Có một người phụ nữ tiến gần ông ta, bước hai nhịp một lên bậc thang, nhanh đến nỗi gần như là cô ta đang chạy. Và sau lưng cô ta, gần như bám sát gót... có lẽ tất cả chuyện này thực sự là một giấc mơ, vì nó giống như... “Jerome?” Barbara giật tay áo Tanya để hướng sự chú ý của bà khỏi sân khấu. “Mẹ ơi, kia có phải...”

Rồi mọi chuyện xảy ra.



Ý nghĩ ban đầu của Holly là rút cuộc Jerome có thể đi trước, bởi vì người đàn ông hói đầu, đeo kính trên xe lăn thậm chí còn không hề - ít nhất là ngay lúc này - nhìn lên sân khấu. Hắn đang ngoảnh đầu sang nhìn chăm chăm ai đó ở khu giữa, và như cô thấy thì đâu như thằng chó đẻ khốn nạn ấy còn đang giở cái trò bắn thiu đó ra với người kia. Nhưng đã quá muộn để đổi chỗ cho Jerome, dù cậu mới là người có súng. Gã đàn ông đang để tay bên dưới bức ảnh lồng khung đặt trong lòng và cô bàng hoàng sợ rằng điều đó có nghĩa hắn đã sẵn sàng ra tay. Nếu thế thì chỉ còn vài giây mà thôi.

Ít nhất hắn đang ở trên lối đi, cô nghĩ.

Cô không có kế hoạch gì, phạm vi lên kế hoạch của Holly thường không vượt quá việc chuẩn bị đồ ăn vặt gì để đi kèm với bộ phận buổi tối, nhưng ít nhất một lần này tâm trí khốn khổ của cô lại rất minh mẫn, và khi cô áp sát kẻ mà họ đang lùng kiếm, những lời bật ra khỏi miệng cô có vẻ như hoàn toàn chính xác. Chính xác đến thần thánh. Cô phải cúi xuống và hét lên để được nghe thấy giữa tràng nhạc nện giục giã, âm ầm của ban nhạc và tiếng gào rú rồ dại của đám khán giả con gái.

“Mike? Mike Sturdevant, phải mà đấy không?”

Brady giật bản mình quay người lại, rời mắt khỏi Barbara Robinson, và trong lúc đó, Holly vung thẳng cánh chiếc tất buộc túm mà Bill Hodges đã đưa cho cô - cái Happy Slapper của ông - với sức mạnh ngàn ngạt adrenaline. Nó bay thành một đường cong ngăn chặn chặn và kết nối với cái đầu trục của Brady ở ngay phía trên thái dương. Cô không nghe thấy

tiếng động nó tạo ra giữa mớ âm thanh hỗn độn của ban nhạc và người hâm mộ, nhưng cô nhìn thấy một mảng sọc bằng kích thước một tách trà nhỏ thụt vào. Hai tay hấn bắn tung lên, bàn tay giấu bên dưới hất bức ảnh của Frankie xuống sàn, làm mặt kính vỡ vụn. Mắt hấn như thể đang nhìn thẳng vào cô, chỉ có điều lúc này chúng đang trợn ngược lên trong hốc mắt nên chỉ còn nhìn thấy nửa bên dưới của con người lộ ra.

Bên cạnh Brady, cô bé với đôi chân que đang tròn mắt nhìn Holly, choáng váng. Cả Barbara Robinson cũng vậy. Không ai khác để ý cả. Họ đang đứng bật dậy, vỗ tay và lắc lư hát theo.

“I WANT TO LOVE YOU MY WAY... WE’LL DRIVE THE BEACHSIDE HIGHWAY...”

Miệng Brady đang đớp đớp mở ra khép lại như một con cá vừa bị giật ở dưới sông lên.

“IT’S GONNA BE A NEW DAY... I’LL GIVE YOU KISSES ON THE MIDWAY!”

Jerome đặt một tay lên vai Holly và hét lên để được nghe thấy. “Cô Holly! Hấn có gì dưới áo vậy?”

Cô nghe thấy cậu - cậu ở gần đến nỗi cô cảm thấy hơi thở của cậu phả vào má cô từng lời một - nhưng nó giống như sóng radio vọng về lúc đêm muộn, của một tay DJ hay mục sư rao giảng Phúc âm nào đó ở đâu kia đất nước.

“Đây là một món quà nhỏ của Jibba-Jibba, Mike ạ,” cô nói, và nện hấn nhát nữa vào đúng chỗ đấy, chỉ là thậm chí còn mạnh hơn, đẩy cái mảnh vỡ vào sọc hấn sâu hơn nữa. Lớp da ửng rách toạc và máu tứa ra, đầu tiên là từng giọt rồi thành dòng, chảy tràn xuống cổ để nhuộm phần trên chiếc áo Round Here của hấn thành một màu tím thẫm. Lần này đầu Brady ngoẹo hấn sang vai phải và hấn bắt đầu co giật và đập đập chân. Cô nghĩ, Giống một con chó đang mơ đuổi theo lũ thỏ.

Trước khi Holly kịp nện cho hấn phát nữa - và cô thực sự thực sự muốn - Jerome đã túm lấy cô và xoay người cô lại. “Hấn ngất rồi, cô Holly! Hấn ngất rồi! Cô đang làm gì vậy?”

“Trị liệu,” cô nói, và rồi tất cả sức mạnh trôi tuột khỏi chân cô. Cô ngồi thụp xuống lối đi. Những ngón tay cô buông lỏng khỏi đầu buộc tím của cái Happy Slapper, và thả rơi nó xuống cạnh một bên giày.

Trên sân khấu, ban nhạc vẫn chơi.



Một bàn tay đang giật giật cánh tay cậu.

“Jerome? Jerome!”

Cậu quay mặt khỏi Holly và hình hài bèo nhèo của Brady Hartsfield để nhìn em gái, đôi mắt nó mở to hoảng hốt. Mẹ cậu ở ngay sau lưng con bé. Trong trạng thái ngơ ngẩn lúc này, Jerome hoàn toàn không ngạc nhiên chút nào, nhưng đồng thời cậu cũng biết mỗi nguy hiểm chưa qua.

“Các người đã làm gì vậy?” một cô gái đang gào lên. “Các người đã làm gì anh ta vậy?”

Jerome ngoảnh mặt lại và thấy cô gái ngồi trên chiếc xe lăn phía trong đang vớ tay sang chỗ Hartsfield. Jerome hét lên, Holly đứng bật dậy, loạng choạng, và suýt nữa thì ngã nhào lên người Brady. Nếu thế, chắc hẳn đó sẽ là cú ngã cuối cùng của đời cô, nhưng cô xoay sở giữ được thăng bằng và chộp lấy hai tay cô gái ngồi xe lăn. Chúng gần như chẳng có tí sức lực nào, và cô chợt thấy thương hại. Cô cúi sát xuống và hét lên, “Đừng chạm vào hắn! Hắn có một quả bom, và tôi nghĩ nó vẫn còn nóng đấy!”

Cô gái ngồi xe lăn lùi ra xa. Có thể là cô ta hiểu; có thể là cô ta chỉ sợ Holly vì trông cô ngay lúc này còn hoang dại hơn.

Brady co giật và giẫy giụa mạnh dần lên. Holly không thích điều đó, vì cô có thể thấy thứ gì đó, một ánh sáng nhợt nhạt màu vàng, dưới áo của hắn. Vàng là màu của rắc rối.

“Jerome?” Tanya nói. “Con đang làm gì ở đây vậy?”

Một người dẫn chỗ đang tiến lại. “Tránh khỏi lối đi!” người dẫn chỗ quát át cả tiếng nhạc. “Các vị phải tránh khỏi lối đi ngay!”

Jerome chộp lấy vai mẹ cậu. Cậu kéo bà vào mình cho đến khi trán của họ chạm vào nhau. “Mẹ phải ra khỏi đây, mẹ ạ. Hãy dắt lũ trẻ và đi ra. Ngay bây giờ. Làm sao để cả người dẫn chỗ đi cùng. Hãy bảo cô ấy là con gái mẹ bị ốm. Làm ơn đừng hỏi gì hết.”

Bà nhìn vào mắt cậu và không hỏi han gì.

“Mẹ?” Barbara bắt đầu. “Chuyện gì...”

Phần còn lại lạc đi trong tiếng chát chúa của ban nhạc và màn phụ họa inh ỏi của khán giả. Tanya dắt tay Barbara và lại gần người dẫn chỗ. Đồng thời bà ra hiệu cho Hilda, Dinah, và Betsy đi cùng mình.

Jerome ngoảnh lại phía Holly. Cô đang cúi xuống người Brady, hẳn vẫn đang co giật trong lúc những cơn bại liệt não đang hoành hành trong đầu hẳn. Chân hẳn đập đập, cứ như thể trong lúc mê man bất tỉnh hẳn đang thực sự cảm nhận được giai điệu rộn rã của Round Here. Hai tay hẳn huơ huơ một cách vô thức ra xung quanh, và khi một bàn tay lại gần quầng ánh sáng nhợt nhạt màu vàng dưới cái áo phông, Jerome gạt phắt nó ra như một cầu thủ bóng chày gạt bỏ một cú ném sát người hiểm hóc.

“Tôi muốn ra khỏi đây,” cô bé ngồi xe lăn rên rỉ. “Tôi sợ.”

Jerome có thể hiểu điều đó - cậu cũng muốn ra khỏi đây, và cậu sợ chết khiếp - nhưng lúc này cô sẽ phải ở yên tại chỗ. Brady đã chặn cô ở phía trong, và họ không dám di chuyển hẳn. Chưa thể.

Holly hành động trước Jerome, như cô vẫn thường làm.

“Cháu sẽ phải ngồi yên đây một lát đã, cưng ạ,” cô nói với cô bé ngồi xe lăn. “Cứ bình tĩnh và thưởng thức buổi diễn.” Cô đang nghĩ chuyện này sẽ đơn giản hơn bao nhiêu nếu cô giết hẳn thay vì chỉ nện cho bộ não bệnh hoạn của hẳn bắn văng sang Peru. Cô tự hỏi liệu Jerome có bắn Hartsfield không nếu cô yêu cầu cậu làm thế. Có lẽ là không. Quá tệ. Xung quanh ồn ào thế này thì nhiều khả năng hẳn vẫn thoát được.

“Cô bị điên à?” cô bé ngồi xe lăn thắc mắc hỏi.

“Mọi người suốt ngày hỏi cô câu đó,” Holly nói, và - một cách cực kỳ thận trọng - cô bắt đầu lột cái áo phông của Brady lên. “Giữ tay hẳn,” cô bảo Jerome.

“Nếu chẳng may cháu không làm được thì sao?”

“Nếu thế thì giết bég thẳng khốn kiếp đi.”

Đám khán giả cuồng nhiệt đang đứng cả lên, nhún nhảy và vỗ tay. Những quả bóng bãi biển lại đang bay lên. Jerome liếc nhanh một cái về phía sau và thấy mẹ cậu đang dắt bọn con gái đi theo lối đi dẫn đến cửa ra ngoài, người dẫn chỗ đi cùng họ. Vậy là một không nghiêng về phía ta rồi, ít nhất là vậy, cậu nghĩ, rồi quay lại với công việc trước mắt. Cậu túm lấy hai bàn tay đang khua khoảng của Brady và ghì chúng lại với nhau.

Những cổ tay nhóp nháp mồ hôi. Giống như đang giữ hai con cá đang hăng hái quẫy.

“Cháu không biết cô đang làm gì, nhưng nhanh lên!” cậu quát lên với Holly.

Ánh sáng màu vàng hắt ra từ một thiết bị bằng nhựa nhìn giống như cái điều khiển ti vi. Thay cho những phím kênh đánh số có một cái công tắc màu trắng, loại ta vẫn dùng để bật đèn phòng khách. Nó đang đứng thẳng lên. Có một sợi dây điện dẫn ra từ thiết bị này. Nó chạy thẳng xuống dưới móng của hắn. Brady bật ra một tiếng rên phì phì và đột nhiên thấy một mùi hăng nồng bốc lên. Bàn quang của hắn đã bực. Holly nhìn vào cái túi đựng nước tiểu trong lòng hắn, nhưng có vẻ như nó không được nối với bất kỳ thứ gì. Cô chộp lấy nó và chìa cho cô gái ngồi xe lăn. “Giữ cái này.”

“Eo ơi, đó là nước đá!” cô gái nói, và rồi: “Không phải là nước đá. Có cái gì đó bên trong. Nhìn như đất sét.”

“Đặt nó xuống.” Jerome phải quát lên mới át đi được tiếng nhạc. “Để nó xuống sàn. Nhẹ nhàng thôi.” Rồi, với Holly: “Khẩn trương lên xem nào!”

Holly đang sẫm soi cái đèn màu vàng. Và cái núm nhỏ màu trắng của cái công tắc. Cô có thể gạt nó lên hoặc xuống và không dám làm theo cách nào cả, vì cô không biết đường nào là tắt và đường nào là bùm.

Cô nhắc Thiết bị Hai ra khỏi bụng Brady. Chẳng khác gì nhắc một con rắn tẩm đầy chất độc, và cô phải lấy hết can đảm. “Giữ tay hắn đi, Jerome, cứ giữ nguyên tay hắn thế.”

“Hắn trơn tuột,” Jerome làu bàu.

Điều đó thì chúng ta biết rồi, Holly nghĩ. Một thằng chó đẻ trơn tuột. Một thằng mả mẹ trơn tuột.

Cô lật thiết bị đó lại, thận trọng không để run tay và cố không nghĩ đến bốn nghìn người thậm chí còn không hề biết rằng mạng sống của họ giờ đây phụ thuộc vào Holly Gibney chập mạch tội nghiệp. Cô nhìn vào cái nắp pin. Rồi, nín thở, cô trượt nó xuống và để cho nó rơi xuống sàn.

Bên trong là hai cục pin AA. Holly nhét móng tay vào rìa một cục và thăm nghĩ, Lạy Chúa, nếu Người đang ở đó, xin hãy làm cho cách này có tác dụng. Thoạt đầu cô không sao làm cho ngón tay mình nhúc nhích được. Rồi một tay của Brady tuột ra khỏi bàn tay Jerome và đập tẹt vào bên đầu của cô.

Holly giật nẩy mình và cục pin cô đang loay hoay này giờ tung ra khỏi ngăn chứa. Cô chờ đợi thế giới nổ tung, và khi điều đó không xảy ra, cô lật cái điều khiển lại. Đèn vàng đã tắt. Holly òa khóc. Cô túm lấy sợi dây dẫn tổng và giật tung nó ra khỏi Thiết bị Hai.

“Giờ cháu buông hẳn ra được r...” cô mở miệng, nhưng Jerome đã làm trước. Cậu đang ôm ghì lấy cô chặt đến nỗi cô hầu như không thở nổi. Holly chẳng bận tâm. Cô ôm ghì lại cậu.

Khán giả đang cổ vũ điên cuồng.

“Họ tưởng họ đang cổ vũ cho bài hát, nhưng thực ra họ đang cổ vũ cho chúng ta,” cô gắng thì thầm vào tai Jerome. “Chẳng qua họ chưa biết đây thôi. Giờ thì buông cô ra nào, Jerome. Cháu ôm cô chặt quá. Thả cô ra trước khi cô ngất mất.”





Hodges vẫn đang ngồi trên cái thùng loa ở khu vực nhà kho, và không chỉ có một mình. Có một con voi đang ngồi trên ngực ông. Điều gì đó đang xảy ra. Hoặc là thế giới đang rời xa ông hoặc ông đang rời xa thế giới. Ông nghĩ là cái sau. Như thể ông đang ở trong một cái máy quay phim và chiếc máy thì đang đi giạt lùi như kiểu đặt trên một đường ray quay phim chuyên dụng. Thế giới vẫn long lanh rực rỡ như mọi khi, nhưng nhỏ dần, và có một vòng tròn bóng tối mỗi lúc một lớn dần xung quanh nó.

Ông chống chọi bằng tất cả sức mạnh ý chí của mình, chờ đợi một vụ nổ hoặc không có vụ nổ nào hết.

Một nhân viên hậu cần cúi xuống nhìn ông và hỏi xem ông có ổn không. “Môi ông tím ngắt đi rồi này,” người đó cho ông biết. Hodges vẫy tay xua anh ta đi. Ông còn phải lắng nghe.

Tiếng nhạc rồi tiếng cổ vũ và những tiếng gào rú sung sướng. Không có gì khác. Ít nhất là chưa.

Cố lên, ông tự nhủ. Cố lên nào.

“Gì cơ?” tay nhân viên hậu cần hỏi, và lại cúi xuống. “Cái gì cơ?”

“Tôi phải cố lên,” Hodges thì thầm, nhưng lúc này ông hầu như không còn thở được nữa. Thế giới đã thu nhỏ lại bằng kích thước một đồng xu bạc lấp lánh chói lọi. Rồi thậm chí cả cái đó cũng nhòa đi, không phải vì ông bất tỉnh mà vì có ai đó đang bước về phía ông. Đó là Janey, đang sai bước chậm rãi và uyển chuyển. Cô đội chiếc mũ phớt của ông kéo sụp xuống che một bên mắt nhìn thật quyến rũ. Hodges nhớ lại những gì cô đã nói lúc ông

hỏi cô tại sao ông lại may mắn đến thế khi lên giường với cô: Em chẳng có gì hối tiếc cả... Chúng ta cứ biết vậy thôi được chưa?

Ừ, ông nghĩ. Ừ. Ông nhắm mắt lại, và đồ vật ra khỏi cái thùng loa giống như quả trứng Humpty rơi từ trên tường xuống.

Người nhân viên hậu cần túm lấy ông nhưng chỉ có thể làm nhẹ bởi cú ngã, chứ không chặn được nó. Những người khác bu lại.

“Ai biết sơ cứu hồi sức tim phổi CPR không?” người đã túm Hodges hỏi.

Một tay tóc đuôi ngựa dài ngả màu muối tiêu bước lên. Anh ta mặc áo phông Judas Coyne bạc màu, và mắt đỏ ngầu. “Tôi biết, nhưng trời ạ, tôi phê quá thể.”

“Cứ thử xem.”

Tay tóc đuôi ngựa quỳ xuống. “Tôi nghĩ cha này sắp đi đến nơi rồi,” anh ta nói, nhưng vẫn bắt tay vào việc.

Trên tầng, Round Here bắt đầu một bài hát mới, trong tiếng gào rú và la hét của đám người hâm mộ. Những cô bé này sẽ còn nhớ mãi đêm nay trong suốt cả cuộc đời chúng. Tiếng nhạc. Bầu không khí sôi động. Những quả bóng bãi biển bay trên đầu đám đông đung đưa, nhún nhảy. Chúng sẽ đọc trên báo về vụ nổ đã không xảy ra, nhưng đối với những người trẻ tuổi, những bi kịch không xảy ra thì chỉ là những giấc mơ.

Những kỷ niệm: đó mới là hiện thực.



Hodges tỉnh dậy trong phòng bệnh, ngạc nhiên nhận ra mình còn sống nhưng không hề ngạc nhiên khi thấy cộng sự cũ đang ngồi bên giường. Ý nghĩ đầu tiên của ông là Pete - mắt thâm quầng, râu ria không cạo, cổ áo dựng đứng gần chọc cả vào họng - trông còn tệ hơn cả cảm giác của Hodges lúc này. Ý nghĩ thứ hai của ông là về Jerome và Holly.

“Họ có chặn được nó không?”, ông khào khào. Cổ họng ông khô khốc. Ông cố ngồi dậy. Máy móc xung quanh ông bắt đầu tíu tíu âm lên mặng mỏ. Ông lại nằm xuống, nhưng mắt ông không hề rời khỏi mặt Pete Huntley. “Được không?”

“Họ đã làm được,” Pete nói. “Người phụ nữ nói tên cô ta là Holly Gibney, nhưng tôi nghĩ cô ấy thực ra là Sheena, Nữ chúa Rừng xanh. Còn tên đó, tên hung thủ...”

“Là perk,” Hodges nói. “Hắn tự nghĩ mình là perk.”

“Ngay lúc này thì hẳn chẳng tự nghĩ mình là cái gì hết, và bác sĩ nói có lẽ những ngày có thể suy nghĩ của hắn đã mãi mãi chấm dứt rồi. Gibney đã nện hắn thừa sống thiếu chết. Hắn đang hôn mê sâu. Chức năng não ở mức tối thiểu. Khi nào tự đứng lên đi lại được, anh có thể thăm hắn, nếu anh muốn. Hắn ở dưới cách đây ba tầng.”

“Tôi đang ở đâu? Bệnh viện County à?”

“Kiner. Phòng chăm sóc đặc biệt.”

“Jerome và Holly đang ở đâu?”

“Trong trung tâm. Trả lời một lô một lốc những câu hỏi. Trong khi đó bà mẹ của Sheena đang lờng lộn xung quanh và đe dọa giết người hàng loạt

nếu chúng tôi không dừng quấy rối con gái bà ấy.”

Một y tá bước vào và bảo Pete là anh ta sẽ phải đi ra. Cô ta nói gì đó về các chỉ số của ông Hodges và lệnh của bác sĩ. Hodges giơ một tay lên về phía cô ta, mặc dù đó là phải cố gắng lắm.

“Jerome còn vị thành niên và Holly thì có... chút vấn đề. Tất cả là do tôi, Pete.”

“Ồ, chúng tôi biết điều đó mà,” Pete nói. “Quả đúng thế luôn. Chuyện này bổ sung cả một nét nghĩa mới cho cái gọi là hành động vượt rào. Vì Chúa, anh đã nghĩ anh đang làm gì vậy, Billy?”

“Điều tốt nhất tôi có thể làm,” ông nói, và nhắm mắt lại.

Ông mơ màng. Ông nghĩ đến tất cả những giọng trẻ măng ấy, chúng hát theo ban nhạc. Chúng đã về nhà. Chúng yên ổn cả ông giữ nguyên ý nghĩ ấy cho đến khi giấc ngủ chiếm lấy mình.

#### *QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG VĂN PHÒNG THỊ TRƯỞNG.*

*XÉT VIỆC, Holly Rachel Gibney và Jerome Peter Robinson đã phát hiện một âm mưu thực hiện hành động Khủng bố tại Khán phòng Mingo liền kề với Tổ hợp Nghệ thuật và Văn hóa Trung Tây; và XÉT VIỆC, khi nhận ra rằng việc thông báo cho Bộ phận An ninh MAC có thể khiến phần tử Khủng bố nói trên kích hoạt thiết bị nổ có khả năng sát thương lớn, thiết bị nổ này đi kèm với một số mảnh kim loại, họ đã khẩn trương đến Khán phòng Mingo; và XÉT VIỆC, họ đã tự mình đương đầu với phần tử Khủng bố nói trên, bất chấp nguy hiểm lớn cho bản thân; và XÉT VIỆC, họ đã khống chế được phần tử Khủng bố nói trên và ngăn chặn được sự mất mát lớn về tính mạng và thương vong; và XÉT VIỆC, họ đã thực hiện cho Thành phố này một cống hiến anh hùng và vĩ đại.*

*TRÊN CƠ SỞ ĐÓ, tôi, Richard M. Tewky, Thị trưởng, sau đây xin tặng thưởng cho Holly Rachel Gibney và Jerome Peter Robinson Huân chương Phụng sự, phần thưởng cao quý nhất của thành phố, và tuyên bố rằng tất cả các lĩnh vực Dịch vụ của Thành phố sẽ được cung cấp cho họ hoàn toàn miễn phí trong vòng mười (10) năm; và TRÊN CƠ SỞ ĐÓ, với sự ghi nhận rằng có những hành động vượt ngoài mọi hình thức đền đáp, chúng ta cảm ơn họ bằng tất cả trái tim mình.*

*Để chứng thực quyết định này, Tôi xin ký tên và Đóng Dấu của Thành phố.*

*(Đã ký và đóng dấu)*

*Richard M. Tewky, Thị trưởng*

## CHƯƠNG VII

# CHIẾC MERCEDES MÀU XANH

### 1



Vào một ngày nắng ấm cuối tháng Mười năm 2010, một chiếc sedan hiệu Mercedes lăn bánh vào bãi đỗ xe gần như vắng tanh tại công viên McGinnis, nơi mà cách đây không lâu lắm Brady Hartsfield còn bán kem cho các cầu thủ bóng chày nhí của giải Little League. Chiếc xe tấp lại bên cạnh một chiếc Prius nhỏ xinh xắn. Chiếc Mercedes, từng có thời màu xám, hiện giờ đã được sơn thành màu xanh lam nhạt, và màn đại tu thân vỏ lần thứ hai đã loại bỏ vết xước dài bên phía người lái, dính phải khi Jerome lái vào khu vực đỗ hàng phía sau Quán phòng Mingo trước khi cánh cổng kịp mở ra hết.

Hôm nay là Holly ngồi sau tay lái. Trông cô trẻ hơn mười tuổi. Mái tóc dài của cô - lúc trước bù xù và muối tiêu - bây giờ đã đen mượt, kết quả của lần làm khách tại một thẩm mỹ viện hạng A, Tanya Robinson đã giới thiệu cho cô. Cô vẫy tay với người chủ chiếc Prius, lúc này đang ngồi tại một cái bàn trong khu vực picnic không xa sân bóng. Jerome ra khỏi chiếc Mercedes, mở cốp xe, và xách ra một chiếc giỏ picnic. “Lạy Chúa, cô Holly,” cậu nói. “Cô có những gì ở đây thế này? Bữa tối lễ Tạ ơn à?” .

“Cô muốn đảm bảo là có thật nhiều cho mọi người.”

“Cô biết bác ấy đang theo chế độ ăn kiêng nghiêm ngặt, đúng không nào?”

“Cháu có ăn kiêng đâu,” cô nói. “Cháu là thanh niên đang lớn cơ mà. Vớ lại, có một chai champagne đấy, đừng có mà làm rơi.”

Holly lấy ra một hộp kẹo cai thuốc Nicorette trong túi và thả một viên vào miệng.

“Vụ đó sao rồi?” Jerome hỏi trong lúc họ bước dọc triền cỏ.

“Cô sắp cai được rồi,” cô nói. “Thôi miên có tác dụng hơn là ăn kẹo.”

“Thế nhờ gã đó bảo cô rằng cô là một con gà và bắt cô chạy cục ta cục tác vòng quanh văn phòng của ông ta thì sao?”

“Thứ nhất, chuyên gia trị liệu của cô là nữ. Thứ hai, bà ấy sẽ không làm thế.”

“Làm sao mà cô biết được?” Jerome hỏi. “Cô sẽ, kiểu như, bị thôi miên rồi cơ mà.”

“Cháu là đồ ngốc, Jerome. Chỉ có đồ ngốc mới muốn bắt xe buýt xuống đây với ngần này đồ ăn.”

“Nhờ quyết định khen thưởng đó, chúng ta được đi xe miễn phí. Cháu thích miễn phí.”

Hodges, vẫn diện bộ vest ông mặc lên người sáng hôm đó (mặc dù lúc này chiếc cà vạt đã nằm trong túi), đi ra đón họ, di chuyển một cách chậm rãi. Ông không thể cảm nhận được chiếc máy tạo nhịp tim đang tích tắc trong ngực mình - người ta bảo với ông là giờ những chiếc máy như thế bé vô cùng - nhưng ông linh cảm là nó ở đó, đang làm công việc của mình. Thịnh thoảng ông hình dung về nó, và trong con mắt của tâm trí ông thì lúc nào trông nó cũng giống như một phiên bản thu nhỏ thiết bị của Hartsfield. Chỉ có điều cái của ông có nhiệm vụ ngăn chặn một vụ nổ thay vì gây ra một vụ nổ.

“Mấy nhóc,” ông nói. Holly chẳng phải là nhóc gì nữa, nhưng cô trẻ hơn ông đến gần hai thập kỷ, và với Hodges thì điều đó biến cô thành một đứa nhóc. Ông với tay lấy chiếc giỏ picnic nhưng Jerome giữ nó ra xa khỏi người ông.

“Không không,” cậu nói. “Cháu sẽ xách nó. Tim bác kìa.”

“Tim bác ổn rồi,” Hodges nói, và theo như kết quả kiểm tra mới nhất của ông thì đúng là thế thật, nhưng ông không tin tưởng lắm vào điều đó. Quan điểm của ông là bất kỳ ai từng bị nghẽn động mạch vành cũng sẽ cảm thấy như vậy.

“Và trông bác khỏe lắm,” Jerome nói.

“Vâng,” Holly đồng tình. “Ổn Chúa là ông đã mua quần áo mới. Lần gần đây tôi gặp, nhìn ông như con bù nhìn rơm vậy. Ông giảm được bao nhiêu cân rồi?”

“Gần hai chục cân,” Hodges nói, và cái ý nghĩ ngay sau đó, ước gì Janey nhìn thấy mình bây giờ, làm trái tim điện tử của ông đau nhói.

“Chương trình Theo dõi Cân nặng vậy là đủ rồi nhé,” Jerome nói. “Cô Holly mang cả rượu champagne. Cháu muốn biết liệu chúng ta có lý do gì để uống không. Chuyện sáng nay thế nào rồi ạ?”

“Công tố viên quận sẽ không truy tố gì hết. Tất cả các cáo buộc đều bị bãi bỏ. Billy Hodges hoàn toàn được tự do.”

Holly gieo mình vào vòng tay ông và tặng ông một cái ôm. Hodges cũng ôm cô đáp lại và hôn lên má cô. Với mái tóc ngắn và khuôn mặt khoe ra hoàn toàn - lần đầu tiên kể từ hồi còn bé, mặc dù cô không biết điều đó - ông có thể nhận ra nét giống nhau giữa cô và Janey. Điều đó khiến ông vừa đau đớn vừa hạnh phúc.

Jerome xúc động quá nên triệu hồi ngay Tyrone Feelgood Delight. “Ngày Hodges, cuối cùng ngày tự do rồi! Cuối cùng cũng tự do! Lạy Chúa Toàn năng vĩ đại, cuối cùng ngày cũng tự do!”

“Thôi ngay cái kiểu nói đấy đi, Jerome,” Holly nói. “Ấu trĩ quá.” Cô lấy chai champagne trong giỏ picnic ra, cùng với ba chiếc ly nhựa.

“Tay công tố viên quận áp tải tôi vào phòng của Thẩm phán Daniel Silver, ông này thì đã nghe tôi làm chứng vô số lần hồi tôi còn là cảnh sát,” Hodges nói. “Ông ta xạc cho tôi một trận đến mười phút và bảo tôi rằng chính cách hành xử liều lĩnh của tôi đã đặt bốn nghìn mạng sống vào nguy hiểm.”

Jerome bức xúc. “Thật là quá đáng! Bác chính là lý do những người đó còn sống!”



“Không,” Hodges nhẹ nhàng nói. “Cháu và cô Holly mới là lý do của điều đó.”

“Nếu Hartsfield mà không liên lạc với bác ngay từ đầu, thì cảnh sát sẽ chẳng bao giờ biết hắn là ai. Và những người kia đã chết rồi.”

Điều đó có thể đúng hoặc không, nhưng trong suy nghĩ của riêng mình, Hodges bằng lòng với cái cách mà mọi chuyện đã diễn ra khán phòng Mingo. Điều ông không thể nào chấp nhận - và sẽ không bao giờ chấp nhận được - là Janey. Silver đã buộc tội ông đóng “một vai trò then chốt” trong cái chết của cô, và ông nghĩ có lẽ là như thế thật. Nhưng ông không nghi ngờ gì về việc Hartsfield sẽ tiếp tục ra tay giết nhiều người hơn nữa, nếu không phải tại buổi diễn ca nhạc hoặc Ngày hội Hương nghiệp tại Embassy Suites, thì cũng là ở nơi nào đó khác. Hắn đã quen mùi giết chóc. Vì vậy đây là một đẳng thức khó khăn: mạng sống của Janey đổi lấy mạng sống của tất cả những nạn nhân giả định kia. Và nếu nó mà là buổi hòa nhạc đó trong cái hiện thực thay thế (nhưng rất có thể) kia, hai trong số các nạn nhân sẽ là mẹ và em gái của Jerome.

“Vậy ông nói lại thế nào?” Holly hỏi. “Ông nói lại với ông ta thế nào?”

“Không gì hết. Một khi đã bị lôi ra kho cũi rồi thì điều tốt nhất có thể làm là lĩnh cho xong đòn và ngậm mồm lại.”

“Đó là lý do tại sao ông không được nhận huân chương cùng với chúng tôi, đúng không?” cô hỏi. Và cũng là lý do tại sao ông không có tên trong quyết định khen thưởng. Lũ đầu đất kia đã trừng phạt ông.

“Tôi hình dung được,” Hodges nói, dù nếu những kẻ quyền lực đó tưởng rằng như thế là trừng phạt thì họ đã nhầm to. Điều ông không mong muốn nhất trên thế gian này là một tấm huân chương treo lủng lẳng trên ngực và được trao tặng một chiếc chìa khóa thành phố. Ông đã làm cảnh sát bốn mươi năm trời. Đó là chìa khóa thành phố của ông.

“Thật là xấu hổ,” Jerome nói. “Bác sẽ không bao giờ được đi xe buýt miễn phí nhé.”

“Tình hình ở đại lộ Lake sao rồi, Holly? Ổn định chưa?”

“Tốt hơn rồi,” Holly nói. Cô đang lay chiếc nút bần ra khỏi chai champagne với tất cả sự tinh tế của một chuyên gia phẫu thuật. “Tôi lại ngủ được một mạch cả đêm. Và cũng gặp tiến sĩ Leibowitz hai lần mỗi tuần. Bà ấy đang giúp tôi rất nhiều.”

“Vậy còn với mẹ cô thì sao?” Chuyện này, ông biết, là một chủ đề đụng chạm nhưng ông cảm thấy ông vẫn phải chạm vào, chỉ một lần này thôi. “Bà ấy vẫn gọi cho cô năm lần một ngày, xin cô quay trở về Cincinnati chứ?”

“Bà ấy giảm xuống hai lần một ngày rồi,” Holly nói. “Sáng ra là gọi, tối đến cũng gọi. Kể ra bà ấy cũng cô đơn. Và tôi nghĩ là bà ấy lo cho bản thân mình hơn là lo lắng cho tôi. Già rồi thì cũng khó thay đổi được cuộc sống.”

Cứ làm như tôi không biết chắc, Hodges nghĩ bụng. “Đó là một nhận xét sâu sắc rất quan trọng đấy, Holly.”

“Tiến sĩ Leibowitz nói rất khó để phá bỏ những thói quen. Thật khó để tôi bỏ thuốc lá, và khó cho mẹ tôi phải quen với việc sống một mình. Và để bà ấy nhận ra tôi không nhất thiết cứ phải là cô bé mười bốn tuổi nằm co quắp trong bồn tắm suốt cả phần đời còn lại.”

Họ im lặng một hồi lâu: Một con quạ đậu xuống chiếm giữ vị trí ném bóng bằng đế cao su trên sân Little League 3 và rít lên đặc trưng.

Di chúc của Janelle Patterson đã làm cho việc Holly tách ra khỏi mẹ mình trở nên khả thi. Phần lớn tài sản của cô - vốn thuộc về Janey nhờ vào một người khác trong danh sách nạn nhân của Brady Hartsfield - thuộc về cậu Henry Sirois và dì Charlotte Gibney, nhưng Janey cũng để lại nửa triệu đô la cho Holly. Số tiền được cho vào quỹ ủy nhiệm thuộc sự quản lý của ông George Schron, luật sư mà Janey đã thừa kế từ Olivia. Hodges hoàn toàn không biết Janey làm việc đó từ khi nào. Và tại sao cô lại làm thế. Ông không tin vào các điềm báo, nhưng...

Nhưng.

Charlotte rất kiên quyết phản đối việc Holly chuyển về đây lấy cô là con gái bà ta chưa sẵn sàng để tự sống một mình. Xét việc Holly đã sắp sửa năm mươi đến nơi, điều đó đồng nghĩa với việc nói rằng cô sẽ chẳng bao

giờ sẵn sàng cả. Holly thì tin rằng cô đã sẵn sàng, và với sự giúp đỡ của Hodges, cô đã thuyết phục được Schron rằng mình sẽ ổn.

Việc cô là một nữ anh hùng được phỏng vấn trên tất cả các kênh truyền hình chính đương nhiên là đã có ích khi thuyết phục Schron. Nhưng với mẹ cô thì không; ở một vài góc độ thì chính cái vị thế nữ anh hùng của Holly lại làm bà ta khổ sở nhất. Charlotte sẽ không bao giờ hoàn toàn chấp nhận được ý nghĩ rằng chính đứa con gái mong manh của mình lại đóng một vai trò then chốt (thậm chí chính là vai trò then chốt) trong việc ngăn chặn một trận thảm sát người vô tội.

Theo di chúc của Janey, căn hộ chung cư cao cấp với khung cảnh ra hồ đẹp lung linh giờ đây thuộc sở hữu chung của dì Charlotte và cậu Henry. Khi Holly hỏi liệu cô có thể sống ở đó được không, ít nhất cũng là để bắt đầu, Charlotte đã khẳng khái phản đối ngay lập tức. Em trai bà ta cũng không thể nào thuyết phục được chị mình. Chính Holly đã làm được điều đó khi tuyên bố rằng cô có ý định ở lại thành phố, và nếu mẹ cô không chịu nhượng bộ trong chuyện căn hộ, cô sẽ đi tìm một căn ở Lowtown.

“Ở ngay khu vực tệ nhất của Lowtown nữa cơ,” cô nói. “Nơi con sẽ mua tất cả mọi thứ bằng tiền mặt. Mà con sẽ huênh hoang khoe ra khắp nơi.”

Thế là thành công.

Thời gian của Holly trong thành phố - giai đoạn kéo dài đầu tiên mà cô từng xa mẹ mình - không hề dễ dàng chút nào, nhưng bác sĩ tâm lý đã giúp đỡ cô rất nhiều, và Hodges thường xuyên tới thăm cô. Quan trọng hơn nữa, Jerome đến thăm thường xuyên, và Holly còn là một vị khách thường xuyên hơn tại gia đình Robinson ở đường Teaberry. Hodges tin rằng đó mới là nơi quá trình chữa bệnh thực sự đang diễn ra, chứ không phải trên ghế sofa của tiến sĩ Leibowitz. Barbara cũng đã quen gọi cô là dì Holly.

“Thế còn bác thì sao, bác Bill?” Jerome hỏi. “Có kế hoạch nào không?”

“À,” ông nói, và mỉm cười. “Bác được mời làm cho Vigilant Guard Service, thế được không?”

Holly đan chặt hai bàn tay vào nhau và nhảy từng từng trên băng ghế như một đứa trẻ. “Ông sẽ nhận công việc đó chứ?”

“Không thể,” Hodges nói.

“Quả tim à?” Jerome hỏi.

“Không. Làm cái đó phải có bảo lãnh, và Thẩm phán Silver đã chia sẻ với bác sáng nay rằng cơ hội bác được bảo lãnh và cơ hội người Do Thái với người Palestine đoàn kết với nhau để xây dựng trạm vũ trụ liên tôn giáo đầu tiên cơ bản là ngang nhau. Giấc mơ xin giấy phép hành nghề điều tra viên tư nhân của bác cũng coi như đi tong. Tuy vậy, một đại lý bảo lãnh người phạm tội mà bác biết từ nhiều năm nay đã đề nghị bác một công việc bán thời gian, đó là lưng kiếm tội phạm bỏ trốn, và công việc này thì bác không cần được bảo lãnh. Bác có thể làm việc chủ yếu tại nhà, trên máy tính.”

“Tôi có thể giúp ông,” Holly nói. “Đấy là về máy tính. Tôi không muốn phải thực sự săn lùng bất kỳ ai. Một lần là đủ rồi.”

“Thế còn Hartsfield thì sao?” Jerome hỏi. “Có gì mới không, hay vẫn vậy?”

“Vẫn vậy thôi,” Hodges nói.

“Tôi không quan tâm,” Holly nói. Cô lên giọng thách thức, nhưng lần đầu tiên kể từ khi đến công viên MaGinnis, cô lại đang cắn môi. “Tôi sẽ làm lại lần nữa.” Cô siết chặt hai nắm tay. “Lần nữa lần nữa lần nữa...”

Hodges cầm lấy một nắm tay và vỗ về cho nó mở ra. Jerome cũng làm giống thế với tay kia.

“Tất nhiên là cô sẽ làm rồi,” Hodges nói. “Đó là lý do thị trường tặng huân chương cho cô mà.”

“Đấy là còn chưa kể đi xe buýt và thăm bảo tàng miễn phí nhé” Jerome bổ sung.

Cô bình tĩnh lại, từng chút một. “Tại sao cô phải đi xe buýt chứ Jerome? Cô có đầy tiền trong quỹ ủy thác, và cô còn có chiếc Mercedes của chị họ Olivia. Nó là một chiếc xe tuyệt vời. Và mới chạy chưa được bao nhiêu!”

“Không có con ma nào chứ?” Hodges hỏi. Ông không nói đùa về điều này; ông thực sự thấy tò mò.

Cả hồi lâu cô không trả lời, mà chỉ ngược lên nhìn chiếc sedan Đức lừng lững đậu cạnh chiếc xe Nhật Bản nhập khẩu xinh xắn của Hodges. Ít nhất cô cũng không còn cần môi nữa.

“Hồi đầu thì có,” cô nói, “và lúc đó tôi đã nghĩ có thể tôi sẽ bán nó đi. Thay vào đó tôi đã sơn lại nó. Đó là ý tưởng của tôi không phải của tiến sĩ Leibowitz.” Cô nhìn họ với vẻ tự hào. “Tôi thậm chí còn không hỏi bà ấy.”

“Còn bây giờ?” Jerome vẫn đang nắm tay cô. Cậu đã dần dần yêu quý cô, dù nhiều lúc cô thật khó tính. Cả hai bác cháu đã dần yêu quý cô.

“Màu xanh là màu của sự lãng quên,” cô nói. “Có lần tôi đã đọc điều đó trong một bài thơ.” Cô ngập ngừng. “Bill, tại sao ông lại khóc vậy? Ông đang nghĩ đến chị Janey à?”

Ừ. Không. Cả hai.

“Tôi khóc vì chúng ta đang ở đây,” ông nói. “Trong một ngày thu đẹp trời cảm giác như mùa hè vậy.”

“Tiến sĩ Leibowitz bảo rằng khóc cũng tốt,” Holly nói với vẻ hiểu biết. “Bà ấy bảo nước mắt sẽ cuốn trôi cảm xúc.”

“Có thể bà ấy đúng về điều đó.” Hodges đang nghĩ đến kiểu cách mà Janey đội chiếc mũ của ông. Cách cô kéo sụp nó xuống một góc rất đúng điệu. “Giờ thì chúng ta có uống chỗ champagne kia hay không đây?”

Jerome giữ cái chai trong khi Holly rót. Họ nâng ly của mình lên. “Mừng chúng ta,” Hodges nói.

Họ đồng thanh chúc. Và uống.



**M**ột đêm mưa ướt sũng vào tháng Mười một năm 2011, một y tá hồi hả chạy dọc hành lang của Viện Chấn thương Sọ não Khu vực Lakes, một nhánh của John M. Kiner Memorial, bệnh viện chính của thành phố. Có nửa tá những ca tử thiện tại cơ sở chấn thương sọ não này, trong có một bệnh nhân khét tiếng... mặc dù sự khét tiếng của hắn đã bắt đầu nhạt nhòa dần theo dòng thời gian.

Người y tá sợ là chuyên gia thần kinh chính của viện đã về mất, nhưng ông ta vẫn còn ở phòng bác sĩ, đang xem lại các hồ sơ bệnh án.

“Có thể ông muốn qua xem, bác sĩ Babineau,” cô ta nói. “Đó là Hartsfield. Anh ta tỉnh rồi.”

Câu này chỉ làm ông ta ngẩng lên, nhưng điều người y tá nói sau đó khiến ông ta đứng bật dậy.

“Anh ta đã nói với tôi...”

“Sau mười bảy tháng à? Thật phi thường. Cô chắc chứ?”

Cô y tá đẩy vẻ phẫn khích. “Vâng, thưa bác sĩ, hoàn toàn chắc chắn ạ.”

“Anh ta nói gì?”

“Anh ta nói anh ta bị đau đầu. Và anh ta đang đòi mẹ của mình.”

*Ngày 14 tháng Chín năm 2013.*

**HẾT**

• Chú Thích •

[1] Tên một điệu nhảy ở Nam Mỹ, các vũ công xếp thành một hàng dài uốn lượn.



[2] Vụ thảm sát xảy ra vào 20 tháng tư năm 1999 tại trường trung học Columbine, thuộc bang Colorado. Hai học sinh đã dùng súng giết chết 1 giáo viên, 12 học sinh và gây thương tích cho 24 người khác, trước khi tự sát.

[3] Rose là “hoa hồng”. Theo kinh Cựu Ước, vợ của vua Solomon tự ví mình là một “bông hồng xứ Sharon. Nhưng trong thực tế, chưa có cách hiểu thống nhất về loài hoa này. Quan điểm chung là trong ngữ cảnh được đề cập trong kinh thánh “Rose” có thể là để chỉ một loại hoa đẹp nói chung, không nhất thiết là “hoa hồng”.

[4] Ngày Quốc khánh của Mỹ.

[5] Nguyên văn là “stamp-stamp”. Kiểu hình xăm thường ở dưới thắt lưng hoặc những vị trí nhạy cảm trên cơ thể nữ giới. Những người có hình xăm này thường bị cho là không đứng đắn, lẳng lơ “Tramp-stamp” nghĩa đen là “dấu đi”.

[6] Nguyên văn là “bum-fighting.”

[7] Nguyên văn là “crab-farm”, nghĩa đen là “trại rận mu”, từ lóng để chỉ các khu vực bẩn thỉu, dễ lây các bệnh truyền nhiễm qua đường quan tình dục không an toàn.

[8] Kid trong tiếng Anh vừa có nghĩa là “con”, vừa có nghĩa là “trêu, đùa, lừa gạt.”

[9] Ý nói đến xê ri phim hoạt hình Possible Possum hồi 1960-1970.



[10] IR: viết tắt của Interview Room: phòng thẩm vấn.

[11] Nguyên văn là “pitcher show”, đúng ra phải là “picture show” nghĩa là phim nói chung, hoặc có thể là phim hoạt hình. Ở đây Hodges nhầm lẫn cách viết của picture - bức ảnh -với pitcher vừa có nghĩa là “bình nước” vừa có nghĩa là “cầu thủ ném bóng”.

[12] Max Factor là thương hiệu của một dòng mỹ phẩm.

[13] Trích từ ý của câu “cleanliness is next to godliness” - “sạch sẽ cũng gần như kính Chúa”, tinh thần của chương 15 trong Sách Leviticus Ký của Kinh Thánh.

[14] Livvy là tên gọi thân mật của Olivia.

[15] Alcoholics Anonymous: Người nghiện ẩn danh, tên một chương trình cai nghiện rượu.

[16] Kiểu một nhóm người mua bảo hiểm chung để được hưởng các ưu đãi mà các hãng bảo hiểm dành cho những khách hàng lớn.

[17] Tiếng Pháp: thừa chỉ huy.



[18] Euell Theophilus Gibbons (1911-1975): nhà tự nhiên học người Mỹ.

[19] Yelberton Abraham Tittle: một cự cầu thủ bóng bầu dục Mỹ nổi tiếng.

[20] Từ nhạy cảm chỉ ngực phụ nữ.

[21] Tên một công ty ở Mỹ chuyên về các sản phẩm và dịch vụ giảm cân.

[22] Tên một nhân vật truyền hình của Mỹ với phong cách châm biếm, chỉ trích.

[23] Nguyên văn là “Angel, angel, down we go”: tên một bộ phim của Mỹ sản xuất năm 1959.

[24] Nguyên văn là un, phát âm từ “one” theo kiểu người Mỹ gốc Phi.

[25] John Wayne (1907-1979): tên thật là Marion Mitchell Morrison, diễn viên Mỹ nổi tiếng với những vai diễn cảnh sát.



[26] L'il Wayne: Tên thật là Dwayne Michael Carter, Jr., một ca sĩ nhạc rap người Mỹ gốc phi.

[27] Nghĩa là “giật giật, ngứa ngáy không yên.”

[28] Nguyên văn là “massa”, cách người nô lệ da màu tại Mỹ trước kia đọc chệch từ “master” - nghĩa là “ông chủ”. Jerome thường trêu đùa bằng cách nhại kiểu phát âm đặc trưng của người Mỹ gốc Phi, không thể diễn tả khi dịch sang tiếng Việt.

[29] Nguyên văn là “high yaller” cách phát âm của người Mỹ gốc Phi với từ “high yellow”, để chỉ những người Mỹ gốc Phi có da sáng màu hơn những người khác.

[30] Chỉ nhóm tám trường đại học hàng đầu ở khu vực Đông Bắc Mỹ.

[31] Tên gọi khác giống như chú Sam, chỉ chính phủ Liên bang Hoa Kỳ.

[32] Ebonics: tiếng Anh đặc trưng của cộng đồng người Mỹ gốc Phi.

[33] Từ “mister” viết tắt là “Mr”. Trong tiếng Anh vừa nghĩa là “ông, ngài” để xưng hô trang trọng với người khác, vừa là cách học sinh gọi thầy giáo.



[34] Elm nghĩa là “cây đu”, một loại cây thân gỗ lớn, phổ biến ở Bắc Mỹ, Châu Âu và những vùng khí hậu ôn đới.

[35] Tên chung chỉ các loại đồ uống hoặc thức ăn lỏng có thành phần gồm hai món trộn đều với nhau, có thể là sữa, đồ uống có cồn hoặc đồ uống có ga.

[36] Bộ định tuyến của mạng máy tính là “router”, còn bàn xoa của thợ nề là “grouter”.

[37] Frông hấp lưu là một loại frông khí quyển, gắn liền với phần đỉnh ấm ở phần có cao độ thấp và trung của tầng đối lưu, có thể gây ra các chuyển động lên trên ở quy mô lớn của không khí và sự hình thành của một dải mây và mưa kéo dài. Không hiếm khi một frông hấp lưu xuất hiện do sự khép lại - quá trình đẩy không khí nóng lên phía trên vào trong xoáy tự do frông lạnh đuổi kịp frông nóng ở phía trước nó và trộn lẫn với nó (quá trình hấp lưu của xoáy tự).

[38] Đều có nghĩa là “ngày tận thế, ngày phán xét” theo Kinh Thánh.

[39] “Private” và “detective” trong nguyên bản, hai từ này ghép lại sẽ thành “private detective” tức thám tử tư. Ở đây có sự chơi chữ, không dịch được.

[40] Nhân vật thám tử trong loạt truyện trinh thám của Raymond Chandler.

[41] Một thương hiệu đồ ăn dành cho thú nuôi, nhất là chó, mèo.



[42] Loại chìa khóa dự phòng có thể khởi động được xe, nhưng không mở được cốp sau hoặc ngăn đựng đồ, dùng để đưa cho nhân viên các khách sạn, bến bãi đỗ xe hộ khách.

[43] Kyle Thomas Busch - tay đua xe giải NASCAR người Mỹ.

[44] Âm chỉ phương pháp phân loại nhân cách dựa trên giả thuyết rằng có hai mẫu tính cách phổ biến nhất của con người: nhân cách Loại A là kiểu người có tính ganh đua, tham vọng, hay gây gổ nóng tính, sốt ruột. Loại B thì ngược lại.

[45] Obsessive Compulsive Disorder - Rối loạn ám ảnh Cường chế.

[46] Những cách nói lóng, ám chỉ hành động gần gũi, quan hệ tình dục.

[47] Theo cách tính điểm của các trường trung học tại Mỹ, điểm trung bình tối đa là 4. Mức 3,9 tức là có trên 90% số môn được chấm điểm A điểm cao nhất.

[48] Nguyên văn là “The Purloined Letter” - tạm dịch là “Bức thư bị đánh cắp” của Allan Edgar Poe. Jerome nhầm với “The Scarlet Letter” - “Chữ A màu đỏ” của Nathaniel Hawthorne. Trong tiếng Anh, “letter” vừa có nghĩa là “bức thư” vừa có nghĩa là “chữ cái”.

[49] Lực lượng chống khủng bố.



[50] Nguyên văn là “break” vừa có nghĩa là “đoạn tuyệt, kỳ nghỉ, dứt khỏi”, vừa có nghĩa là “phát bệnh, suy sụp”.

[51] Nguyên văn là “midway”, nghĩa là khu vực thường ở giữa nơi tổ chức các hội chợ, triển lãm, lễ hội hóa trang... dành cho việc tổ chức những hoạt động giải trí, biểu diễn.

# Table of Contents

## GIỚI THIỆU

### Chương I

### Chương II

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

### Chương III

1

2

3

4

5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20

Chương IV

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15

16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30

Chương V

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16

17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31

Chương VI

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16

17

18

19

20

21

22

23

24

25

26

27

28

29

30

31

32

33

34

35

36

37

38

39

40

41

42

43

Chương VII

1

2